C.MÁC, PH.ĂNGGHEN, V.I.LÊNIN

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
NGUYỄN THỊ KIM THOA
BÙI BỘI THU

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Đọc sách mẫu: ĐÀO DUY NGHĨA
NGUYỄN THỊ KIM THOA
VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4139-2020/CXBIPH/20-337/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 5371-QĐ/NXBCTQG, ngày 15/10/2020.
Nộp lưu chiểu: tháng 10 năm 2020.
Mã số ISBN: 978-604-57-6115-1.

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT

C.MÁC, PH.ĂNGGHEN, V.I.LÊNIN

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

Chỉ đạo sưu tầm, biên soạn

PGS.TS. PHẠM VĂN LINH

Sưu tầm, biên soạn

TS. LÊ MINH NGHĨA
PGS.TS. NGÔ TUẤN NGHĨA
TS. ĐỖ QUANG DŨNG
ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
NGUYỄN THỊ KIM THOA

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là hòn đá tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất chính là nội dung hết sức quan trọng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, là quy luật kinh tế cơ bản và phổ biến của xã hội loài người.

Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất đã được C.Mác và Ph.Ăngghen phát hiện và trình bày trong nhiều tác phẩm của các ông nghiên cứu về các hình thái kinh tế - xã hội của loài người trong lịch sử, về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa cộng sản... Quy luật này tiếp tục được V.I.Lênin nghiên cứu, phát triển về mặt lý luận cũng như qua thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xôviết trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Để giúp các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và bạn đọc quan tâm đến kinh tế chính trị Mác - Lênin nói chung, mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất nói riêng được tiếp cận trực tiếp với các luận điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin về nội dung trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất***.

Cuốn sách được hình thành trên cơ sở nội dung sưu tầm, tuyển chọn các luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thuộc Đề tài KX.02.13; được trích dẫn từ các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, trong các bộ sách *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập* (50 tập) và *V.I.Lênin Toàn tập* (55 tập).

Việc tập trung giới thiệu các luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong cuốn sách này sẽ giúp bạn đọc dễ dàng tra cứu, nghiên cứu, tìm hiểu trực tiếp về học thuyết, tư tưởng của các ông. Nhưng do nội dung này được trình bày trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời kỳ khác nhau trong quá trình nghiên cứu, hoạt động thực tiễn của các ông nên việc sưu tầm, giới thiệu khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Nhà xuất bản rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

Tháng 10 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PHẦN THỨ NHẤT

Trích nội dung về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong các tác phẩm của **C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN**

TẬP 2

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Ngoài ra, sự lãng phí sức lao động sinh ra trong xã hội hiện nay do ảnh hưởng trực tiếp của cạnh tranh đang làm cho số rất lớn người bị thất nghiệp, họ *rất muốn* làm việc nhưng *không thể* tìm được việc làm. Vì xã hội hoàn toàn không xây dựng trên cơ sở tính đến việc sử dụng chân chính sức lao động, vì mỗi người phải tự kiếm sống nên hoàn toàn tự nhiên là trong việc phân phối những công việc thực sự có ích hoặc dường như có ích thì một phần lớn công nhân không có việc làm. Tình trạng đó càng nghiêm trọng do chỗ cuộc đấu tranh có tính chất cạnh tranh buộc mỗi người phải dốc sức mình với mức cao nhất, lợi dụng tất cả khả năng của mình để làm các việc thay thế nhân công đắt bằng nhân công rẻ hơn, cái việc mà sự phát triển hàng ngày của văn minh ngày càng tạo ra cho nó nhiều phương tiện hơn; hoặc nói cách khác, mỗi người buộc phải cố gắng cướp mẩu bánh mì của người khác, hoặc dùng mọi cách gạt bỏ công ăn việc làm của người khác. Do đó trong bất kỳ xã hội văn minh nào đều có một số lượng lớn người thất nghiệp rất muốn làm việc nhưng không kiếm ra việc làm và con số đó lớn hơn là người ta thường tưởng. [...] Thưa quý vị, số người thất nghiệp như vậy không còn cách nào khác đã buộc lòng phải bán mình dưới nhiều hình thức thì rất đông, các cơ quan từ thiện của chúng ta có thể nói cho các bạn rõ về điều đó. Và chớ nên quên rằng xã hội vẫn nuôi sống những người ấy bằng mọi cách, dù họ là đồ vô ích. Nếu như xã hội phải gánh lấy phí tổn nuôi sống họ thì xã hội phải quan tâm sao cho những người thất nghiệp ấy kiếm ăn được *chính đáng.* Nhưng xã hội hiện đại đang bị tệ cạnh tranh thống trị *không thể* nào làm được việc đó.

Thưa quý vị, nếu quý vị suy nghĩ về tất cả những điều đó, - và tôi còn có thể nêu lên nhiều ví dụ khác về việc xã hội hiện đại đã lãng phí sức lao động của mình như thế nào, - nếu quý vị suy nghĩ về điều đó thì quý vị sẽ thấy rằng xã hội loài người có lực lượng sản xuất hết sức phong phú, chỉ cần tổ chức hợp lý, phân phối thỏa đáng là đem lại lợi ích lớn nhất cho tất cả mọi người. Dựa vào tất cả những điều đó, quý vị có thể xét thấy tính chất hoàn toàn vô căn cứ của mối lo cho rằng sau khi đã phân chia hoạt động xã hội một cách công bằng, mỗi người phải mang một gánh nặng lao động như vậy thì không thể làm được việc gì khác nữa. Trái lại, có thể giả định rằng trong tổ chức đó, thời gian lao động thông thường của mỗi người so với hiện nay sẽ rút đi một nửa do chỗ sử dụng được nhân lực mà hiện nay hoàn toàn chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa thích đáng.

Nhưng những ưu điểm mà tổ chức cộng sản chủ nghĩa sẽ mang lại do kết quả *của việc sử dụng sức lao động hiện nay bị lãng phí,* chưa phải là *điều quan trọng nhất.* Sự tiết kiệm lớn nhất về sức lao động là ở chỗ *liên hợp các lực lượng riêng lẻ* thành lực lượng tập thể của xã hội và dựa trên cơ sở của sự tập trung ấy mà sắp xếp lại những lực lượng cho tới nay vẫn đối lập nhau. Ở chỗ này, tôi tán thành một số chủ trương của nhà xã hội chủ nghĩa Anh *Rô-bớt Ô-oen,* vì những chủ trương ấy là thực tế nhất và hoàn thiện nhất. Ô-oen đề nghị thay thế các thành phố và làng mạc hiện nay với những ngôi nhà rời rạc, làm trở ngại lẫn nhau, bằng những tòa nhà lớn, mỗi tòa nhà đó chiếm diện tích dài rộng mỗi bề khoảng 1650 phút với một vườn rộng; mỗi tòa có thể chứa từ hai đến ba nghìn người với đầy đủ tiện nghi. Việc xây dựng loại nhà có thể cho người ở hưởng những tiện nghi hiện đại tốt nhất như vậy có lẽ rẻ hơn và dễ hơn nhiều so với xây dựng những ngôi nhà riêng lẻ, phần lớn là không đủ tiện nghi, cho một số người cũng đông như thế, trong chế độ hiện nay, - điều đó thật rõ ràng. Ở hầu hết các tòa nhà lớn hiện nay, nhiều phòng thường bị bỏ không quanh năm hoặc mỗi năm chỉ được dùng đến một đôi lần, có thể bỏ đi mà không hề gây trở ngại; cũng với cách làm như vậy thì số diện tích dùng làm nhà kho, nhà hầm, v.v., cũng dôi ra rất nhiều. - Nhưng

nếu đi sâu vào công việc nội trợ thì tính hơn hẳn của nền kinh tế công cộng càng biểu hiện hết sức rõ ràng. Trong nền kinh tế phân tán hiện nay, biết bao nhiêu là lao động và vật tư bị lãng phí, như việc sưởi ấm chẳng hạn! Ở mỗi phòng đều phải có lò sưởi, mỗi lò sưởi đều phải nhóm lửa, chụm lửa, và trông nom, phải đưa chất đốt đến tất cả các phòng, còn tro thì cũng phải quét dọn; nếu như thay thế những lò sưởi riêng lẻ ấy bằng một thiết bị sưởi trung tâm lớn, chẳng hạn như những ống dẫn hơi nước với một lò chung như hiện nay đang được thực hiện ở những công trình công cộng lớn, ở các nhà máy, nhà thờ, v.v., thì đơn giản và thuận tiện biết bao. Hơn nữa, thắp sáng bằng hơi đốt hiện nay còn đắt vì ngay những ống dẫn nhỏ nhất cũng phải đặt ngầm dưới đất và do diện tích cần ánh sáng trong thành phố chúng ta rất rộng nên ống dẫn phải đặt ở những nơi rất xa; nếu sắp xếp như trên kia, mọi thứ đều tập trung vào một diện tích là 1650 x 1650 phút mà số lượng đèn hơi đốt không giảm đi thì kết quả sẽ là chi phí về ánh sáng đó dù sao chăng nữa cũng không đắt hơn ở một thành phố loại vừa. Sau nữa, chúng ta hãy lấy việc chuẩn bị nấu ăn mà xem - trong nền kinh tế phân tán hiện nay, biết bao nhiêu chỗ, bao nhiêu sản phẩm và bao nhiêu sức lao động bị lãng phí khi mỗi gia đình phải tự chuẩn bị một số lượng nhỏ thức ăn cần thiết cho mình, phải có dụng cụ nhà bếp riêng của mình, phải thuê người nấu bếp, phải mua cái ăn ở chợ, ở hàng thịt và hàng bánh mì! Có thể mạnh bạo giả thiết rằng với nhà ăn công cộng và cơ quan phục vụ công cộng thì dễ dàng giải phóng được hai phần ba số người làm việc ấy và một phần ba còn lại cũng có thể hoàn thành công việc của mình tốt hơn, chuyên tâm hơn là hiện nay. Và sau hết là việc thu dọn nhà cửa! Nếu công việc này cũng được tổ chức và phân phối đúng đắn, mà trong những điều kiện ấy thì hoàn toàn có thể làm được, quét tước và thu dọn ở một tòa nhà như thế so với ở hai hoặc ba trăm ngôi nhà riêng lẻ mà theo sự sắp xếp hiện nay cũng chứa một số người tương đương, chẳng phải là vô cùng dễ dàng hơn hay sao?".

Ph. Ăngghen: Các bài phát biểu tại En-bơ-phen-đơ, tr.726-729.

TẬP 3

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Phương thức mà con người sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho mình, phụ thuộc trước hết vào tính chất của chính những tư liệu sinh hoạt mà con người thấy có sẵn và phải tái sản xuất ra. Không nên nghiên cứu phương thức sản xuất ấy đơn thuần theo khía cạnh nó là sự tái sản xuất ra sự tồn tại thể xác của các cá nhân. Mà hơn thế, nó là một phương thức hoạt động nhất định của những cá nhân ấy, một hình thức nhất định của hoạt động sống của họ, một *phương thức sinh sống* nhất định của họ. Hoạt động sống của họ như thế nào thì họ là như thế ấy. Do đó họ là như thế nào, điều đó ăn khớp với sản xuất của họ, với *cái* mà họ sản xuất ra cũng như với *cách* họ sản xuất. Do đó, những cá nhân là như thế nào, điều đó phụ thuộc vào những điều kiện vật chất của sự sản xuất của họ.

Sự sản xuất ấy bắt đầu xuất hiện lần đầu tiên cùng với *sự tăng thêm của dân số.* Bản thân sự sản xuất ấy lại có tiền đề là *sự giao tiếp (Verkehr)* giữa những cá nhân với nhau. Hình thức của sự giao tiếp ấy, đến lượt nó, lại do sự sản xuất quy định.

Những quan hệ qua lại giữa các dân tộc khác nhau đều phụ thuộc vào trình độ phát triển của mỗi dân tộc đó về mặt lực lượng sản xuất, sự phân công lao động và sự giao tiếp nội bộ. Nguyên lý đó được mọi người thừa nhận. Song không phải chỉ riêng quan hệ của dân tộc này với các dân tộc khác, mà cả toàn bộ kết cấu trong của bản thân dân tộc đã cùng phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất và của sự giao tiếp bên trong và bên ngoài của dân tộc ấy. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của một dân tộc biểu lộ

ra rõ nhất ở trình độ phát triển của sự phân công lao động. Bất cứ sức sản xuất mới nào, trong chừng mực không phải chỉ là sự mở đầu đơn thuần về số lượng những lực lượng sản xuất mà người ta đã biết cho đến lúc đó (ví dụ như sự khai phá đất đai mới), cũng đều mang lại kết quả là sự phát triển nữa của phân công lao động.

Sự phân công lao động trong nội bộ một dân tộc trước hết dẫn đến sự tách rời giữa lao động công nghiệp và thương nghiệp với lao động nông nghiệp, và do đó dẫn đến sự tách rời giữa *thành thị* và *nông thôn,* và sự đối lập giữa lợi ích của thành thị và nông thôn. Sự phát triển thêm nữa của sự phân công lao động dẫn tới sự tách rời giữa lao động thương nghiệp với lao động công nghiệp. Đồng thời, do sự phân công lao động trong nội bộ những ngành khác nhau ấy mà các loại phân công chi tiết khác nhau giữa các cá nhân hợp tác với nhau trong một loại lao động nhất định cũng phát triển. Mối quan hệ lẫn nhau giữa những sự phân công chi tiết khác nhau này được quy định bởi phương thức sử dụng lao động nông nghiệp, lao động công nghiệp và lao động thương nghiệp (chế độ gia trưởng, chế độ nô lệ, đẳng cấp, giai cấp). Khi sự giao tiếp phát triển hơn nữa thì những mối quan hệ như thế cũng xuất hiện cả trong mối liên hệ qua lại giữa các dân tộc khác nhau.

Những giai đoạn phát triển khác nhau của sự phân công lao động cũng đồng thời là những hình thức khác nhau của sở hữu, nghĩa là mỗi giai đoạn của phân công lao động cũng quy định những quan hệ giữa cá nhân với nhau, tùy theo quan hệ của họ với tư liệu lao động, công cụ lao động và sản phẩm lao động.

Hình thức sở hữu đầu tiên là sở hữu bộ lạc. Nó phù hợp với giai đoạn chưa phát triển của sản xuất, khi người ta sống bằng săn bắn và đánh cá, bằng chăn nuôi, hay nhiều lắm là bằng trồng trọt. Trong trường hợp sau thì phải có một số lớn đất đai chưa khai khẩn. Trong giai đoạn ấy, sự phân công lao động còn rất ít phát triển và hạn chế ở chỗ mở rộng hơn nữa sự phân công lao động hình thành một cách tự nhiên trong gia đình. Do đó, cơ cấu xã hội chỉ giới hạn ở sự mở rộng của gia đình: tù trưởng của bộ lạc với ở

bên dưới họ, là những thành viên của bộ lạc và cuối cùng là những nô lệ. Chế độ nô lệ tiềm tàng trong gia đình chỉ phát triển dần dần cùng với sự tăng thêm của dân số và của nhu cầu và cùng với việc mở rộng sự giao tiếp đối ngoại, dưới hình thức chiến tranh cũng như dưới hình thức trao đổi.

Hình thức sở hữu thứ hai là sở hữu công xã và sở hữu nhà nước thời cổ; sở hữu này ra đời chủ yếu từ sự tập hợp - bằng hiệp ước hay bằng chinh phục - nhiều bộ lạc thành một *thành thị*, và dưới chế độ sở hữu này chế độ nô lệ vẫn tiếp tục được duy trì. Cùng với sở hữu công xã thì sở hữu tư nhân về động sản và sau này cả về bất động sản cũng đã phát triển nhưng dưới một hình thức sở hữu ngoại lệ và phụ thuộc vào sở hữu công xã. Chỉ có đứng trong cộng đồng của mình, những công dân mới có quyền lực đối với những nô lệ đang lao động và vì vậy họ cũng đã bị trói buộc vào hình thức sở hữu công xã. Hình thức đó là tư hữu công xã của những công dân tích cực, tức là những người, đứng trước nô lệ, buộc phải duy trì hình thức tự nhiên ấy của sự liên hợp. Vì vậy, toàn bộ cơ cấu xã hội xây dựng trên nền tảng tư hữu công xã ấy - và cùng với nó, quyền lực của nhân dân, - phải tan rã theo mức phát triển của tư hữu bất động sản. Sự phân công lao động đã phát triển hơn. Chúng ta đã thấy có sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, và về sau - sự đối lập giữa những quốc gia đại biểu cho lợi ích của thành thị - và những quốc gia đại biểu cho lợi ích của nông thôn; và ngay bên trong các thành thị, chúng ta thấy có sự đối lập giữa công nghiệp và thương nghiệp hàng hải. Những quan hệ giai cấp giữa công dân và nô lệ đã phát triển hoàn toàn.

Toàn bộ quan niệm đó về lịch sử hình như là mâu thuẫn với việc đi chinh phục. Cho tới nay, người ta vẫn coi bạo lực, chiến tranh, cướp bóc, giết người và ăn cắp, v.v., là động lực của lịch sử. Ở đây, chúng tôi chỉ có thể nói đến những điểm chủ yếu và vì vậy, chúng tôi chọn ra một ví dụ nổi bật nhất - sự phá hủy một nền văn minh lâu đời bởi dân man rợ và sự hình thành từ đó ra một cơ cấu xã hội hoàn toàn mới (La Mã và dân man rợ, chủ nghĩa phong kiến

và nước Gô-lơ, Đế chế La Mã phương Đông và người Thổ Nhĩ Kỳ). Như chúng ta đã nói ở trên, bản thân chiến tranh của dân man rợ xâm lược còn là hình thức bình thường của sự giao tiếp mà người ta sử dụng càng rộng rãi tùy theo sự tăng thêm dân số càng tạo ra nhu cầu về tư liệu sản xuất mới, vì phương thức sản xuất cổ truyền thô sơ là phương thức duy nhất có thể có của dân đó. Ngược lại, ở I-ta-li-a, sự tập trung tài sản ruộng đất (không phải chỉ do việc mua bán và nợ nần mà còn do sự thừa kế tạo nên vì lối sống đồi trụy và tình trạng hiếm có cưới xin lúc bấy giờ đã làm cho những dòng họ lâu đời tàn lụi dần đi và tài sản của họ rơi vào tay một số ít người), hơn nữa những ruộng đất canh tác bị biến thành bãi chăn nuôi (điều này không phải chỉ do những nguyên nhân kinh tế thông thường hiện vẫn phát huy tác dụng gây nên mà còn do việc nhập khẩu thóc lúa cướp được hay thu được với tư cách là đồ cống nạp và cả việc thiếu người tiêu thụ thóc lúa I-ta-li-a - do tình trạng đó đẻ ra - gây nên) đã khiến cho số dân tự do hầu như biến mất; ngay nô lệ cũng không ngừng chết dần chết mòn và phải được thường xuyên thay thế bằng nô lệ mới. Chế độ chiếm hữu nô lệ vẫn là cơ sở của toàn bộ nền sản xuất. Những bình dân, ở giữa dân tự do và nô lệ, không bao giờ vươn được lên quá mức độ người vô sản áo rách. Vả lại, La Mã chưa bao giờ vượt qua được giai đoạn là thành thị, nó bị cột chặt vào các địa phương bằng những mối liên hệ hầu như thuần túy chỉ là những mối liên hệ chính trị mà dĩ nhiên là những sự kiện chính trị có thể phá vỡ.

Cùng với sự phát triển của sở hữu tư nhân, ở đây lần đầu tiên người ta thấy xuất hiện những quan hệ mà chúng ta sẽ lại thấy trong chế độ tư hữu hiện đại, nhưng với quy mô lớn hơn. Một mặt là sự tích tụ của sở hữu tư nhân, được bắt đầu rất sớm ở La Mã (bằng chứng là luật ruộng đất của Li-xi-ni-út) và phát triển rất nhanh từ khi có những cuộc nội chiến và nhất là dưới thời Đế chế; mặt khác, gắn liền với tình hình trên, là sự biến đổi của những tiểu nông bình dân thành một giai cấp vô sản mà do địa vị trung gian của nó giữa những công dân có của và những nô lệ, nó không phát triển độc lập được.

Hình thức thứ ba là sở hữu phong kiến hay sở hữu đẳng cấp. Nếu điểm xuất phát của thời cổ là *thành thị* và lãnh thổ nhỏ của nó thì điểm xuất phát của thời trung cổ lại là *nông thôn.* Dân cư hiện có thưa thớt và rải rác trên một diện tích rộng, và những người chinh phục mới tới cũng chẳng làm tăng thêm được dân số là bao, đã quyết định sự thay đổi đó của điểm xuất phát. Vì vậy, trái với Hy Lạp và La Mã, sự phát triển phong kiến bắt đầu trên một địa vực rộng hơn nhiều, một địa vực được chuẩn bị bởi những cuộc chinh phục của La Mã và bởi sự mở rộng nông nghiệp mà những cuộc chinh phục ấy đã tạo ra lúc ban đầu. Những thế kỷ cuối cùng của Đế quốc La Mã suy tàn và chính cuộc chinh phục của những người man rợ đối với đế quốc này đã phá hủy một khối lớn những lực lượng sản xuất: nông nghiệp suy sụp, công nghiệp suy đồi vì thiếu nơi tiêu thụ, thương nghiệp đình đốn hay bị bạo lực làm gián đoạn, dân cư ở nông thôn cũng như ở thành thị đều giảm sút. Dưới ảnh hưởng của chế độ quân sự của người Giéc-manh thì hoàn cảnh vốn có đó và cách thức tổ chức chinh phục do hoàn cảnh đó đẻ ra, đã phát triển chế độ sở hữu phong kiến. Cũng như sở hữu bộ lạc và sở hữu công xã, sở hữu phong kiến cũng dựa vào một cộng đồng nhất định, nhưng những kẻ đối lập với cộng đồng này với tư cách là giai cấp trực tiếp sản xuất, không phải là những nô lệ như trong thế giới cổ đại, mà là những người tiểu nông bị nô dịch. Cùng với sự phát triển đầy đủ của chế độ phong kiến, sự đối lập với thành thị cũng xuất hiện. Cơ cấu đẳng cấp của chế độ chiếm hữu ruộng đất và các đội hộ vệ võ trang gắn liền với cơ cấu đẳng cấp đó, đã đem lại cho quý tộc quyền lực đối với nông nô. Cơ cấu phong kiến đó, cũng như chế độ sở hữu công xã thời cổ, vẫn là sự kết hợp nhằm chống lại giai cấp sản xuất bị thống trị; chỉ có hình thức kết hợp và quan hệ với những người sản xuất trực tiếp là khác nhau vì những điều kiện sản xuất cũng khác nhau.

Phù hợp với cơ cấu phong kiến ấy của chế độ chiếm hữu ruộng đất thì ở *thành thị* có sở hữu phường hội, tức là tổ chức phong kiến của thủ công nghiệp. Ở đây, sở hữu thì chủ yếu là lao động của mỗi

cá nhân riêng rẽ. Sự cần thiết phải liên hiệp lại để chống giai cấp quý tộc ăn cướp đã liên hiệp lại, nhu cầu có thị trường chung trong thời kỳ mà nhà công nghiệp đồng thời là nhà buôn, sự cạnh tranh ngày một tăng của nông nô chạy trốn lũ lượt vào thành thị đang phồn thịnh, cơ cấu phong kiến của cả nước, - tất cả những cái đó đã sản sinh ra *phường hội;* những tư bản nhỏ do một số thợ thủ công riêng lẻ dần dần dành dụm được và số lượng không thay đổi của họ trong dân cư ngày càng đông lên, đã phát triển chế độ thợ bạn và thợ học nghề khiến cho ở thành thị nảy sinh ra một thang bậc đẳng cấp giống như thang bậc đẳng cấp trong cư dân nông thôn".

Hệ tư tưởng Đức, tr.30-35.

"Sự sản xuất ra những ý niệm, những quan niệm và ý thức thì lúc đầu là trực tiếp gắn liền mật thiết với hoạt động vật chất và với sự giao tiếp vật chất của con người - ngôn ngữ của cuộc sống hiện thực. Ở đây, những quan niệm, tư duy, sự giao tiếp tinh thần của con người xuất hiện ra còn là sản phẩm trực tiếp của các quan hệ vật chất của họ. Đối với sự sản xuất tinh thần, đúng như nó biểu hiện trong ngôn ngữ của chính trị, của luật pháp, của tôn giáo, của siêu hình học, v.v., trong một dân tộc thì cũng thế. Chính con người là kẻ sản xuất ra những quan niệm, ý niệm, v.v. của mình, song đây là những con người hiện thực, đang hành động, đúng như họ bị quy định bởi một sự phát triển nhất định của những lực lượng sản xuất của họ và bởi sự giao tiếp phù hợp với sự phát triển ấy, kể cả những hình thức rộng rãi nhất của những sự giao tiếp đó. Ý thức [das Bewuβtsein] không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức [das bewuβt Sein], và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người. Nếu như trong toàn bộ hệ tư tưởng, con người và những quan hệ của họ bị đảo ngược như trong một camera obscura[1*] thì hiện tượng đó cũng sinh ra từ quá trình đời sống lịch sử của con người, hoàn toàn đúng y như

1* - buồng tối của máy ảnh

hình ảnh đảo ngược của những vật trên võng mạc là sinh ra từ quá trình đời sống thể chất trực tiếp của con người".

Hệ tư tưởng Đức, tr.37.

"Như vậy là sự sản xuất ra đời sống - ra đời sống của bản thân mình bằng lao động, cũng như ra đời sống của người khác bằng việc sinh con đẻ cái - biểu hiện ngay ra là một quan hệ song trùng: một mặt là quan hệ tự nhiên, mặt khác là quan hệ xã hội, quan hệ xã hội với ý nghĩa đó là sự hợp tác của nhiều cá nhân, không kể là trong những điều kiện nào, theo cách nào và nhằm mục đích gì. Do đó chúng ta thấy rằng một phương thức sản xuất nhất định hay một giai đoạn công nghiệp nhất định là luôn luôn gắn liền với một phương thức hợp tác nhất định hay một giai đoạn xã hội nhất định; rằng bản thân phương thức hợp tác ấy là một "sức sản xuất"; và cũng do đó mà thấy rằng tổng thể những lực lượng sản xuất mà con người đã đạt được, quyết định trạng thái xã hội; và vì vậy người ta luôn luôn phải nghiên cứu và viết "lịch sử loài người" gắn liền với lịch sử của công nghiệp và của trao đổi. Nhưng cũng rõ ràng là ở Đức, người ta không thể viết được một lịch sử như vậy, vì để làm việc đó thì người Đức không những thiếu năng lực hiểu biết và thiếu tài liệu mà còn thiếu cả "sự xác thực của cảm giác"; còn như ở bên kia sông Ranh người ta không thể rút được kinh nghiệm nào hết về những điều ấy, vì ở đó, lịch sử không còn diễn ra nữa. Như vậy là ngay từ đầu, đã có mối liên hệ vật chất giữa người với người, mối liên hệ này bị quy định bởi những nhu cầu và phương thức sản xuất và cũng lâu đời như bản thân loài người, - một mối liên hệ không ngừng mang những hình thức mới, và do đó, là "lịch sử", mà hoàn toàn không cần có bất cứ một điều nhảm nhí nào về chính trị hoặc về tôn giáo gắn bó thêm con người lại với nhau".

Hệ tư tưởng Đức, tr.42-43.

"Sau này, ý thức quần cư hay ý thức bộ lạc đó phát triển và được hoàn thiện nhờ sự tăng thêm năng suất, sự tăng thêm nhu

cầu và nhờ sự tăng thêm dân số, cơ sở của sự tăng thêm năng suất và sự tăng thêm nhu cầu. Cùng với những cái đó, phân công lao động cũng phát triển, lúc đầu chỉ là phân công lao động trong hành vi theo giới tính và về sau là phân công lao động tự hình thành hoặc "hình thành một cách tự nhiên" do những thiên tính bẩm sinh (như thể lực chẳng hạn), do những nhu cầu, do những sự ngẫu nhiên, v.v. và v.v.. Phân công lao động chỉ trở thành sự phân công lao động thực sự từ khi xuất hiện sự phân chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần. Bắt đầu từ lúc đó, ý thức *có thể* thực sự tưởng tượng rằng nó là một cái gì khác chứ không phải là ý thức về thực tiễn hiện có, rằng nó có thể *thực sự* đại biểu cho cái gì đó mà không đại biểu cho một cái gì hiện thực cả; bắt đầu từ lúc đó, ý thức có khả năng tự giải thoát khỏi thế giới và chuyển sang xây dựng lý luận "thuần túy", thần học, triết học, đạo đức, v.v. Nhưng ngay cả khi lý luận đó, thần học đó, triết học đó, đạo đức đó, v.v., mâu thuẫn với những quan hệ hiện có thì điều đó cũng chỉ có thể xảy ra do chỗ những quan hệ xã hội hiện có đã mâu thuẫn với những lực lượng sản xuất hiện có. Vả lại, trong phạm vi các quan hệ của một dân tộc nhất định điều đó cũng có thể xảy ra, vì mâu thuẫn không biểu hiện ra ở trong phạm vi dân tộc đó, mà biểu hiện ra giữa ý thức dân tộc ấy với thực tiễn của những dân tộc khác, nghĩa là giữa ý thức dân tộc và ý thức phổ biến của dân tộc này hay của dân tộc khác (như điều đó hiện nay đang diễn ra ở Đức)".

Hệ tư tưởng Đức, tr.44-45.

"Chính do mâu thuẫn đó giữa lợi ích riêng và lợi ích chung mà lợi ích chung với danh nghĩa là *nhà nước,* mang một hình thức độc lập, tách rời khỏi những lợi ích thực tế của cá nhân và của tập thể, đồng thời cũng mang hình thức của một cộng đồng hư ảo. Song điều đó luôn luôn diễn ra trên cơ sở hiện thực của những mối liên hệ tồn tại trong mỗi tập đoàn gia đình hay tập đoàn bộ lạc - như những mối liên hệ về dòng máu, ngôn ngữ, phân công lao động trên quy mô lớn hơn và những lợi ích khác, - và đặc biệt, như

chúng tôi sẽ trình bày sau này, trên cơ sở những lợi ích của các giai cấp; những giai cấp này, - tách ra là do kết quả của phân công lao động - đang tự tách ra trong mỗi tập đoàn người như vậy và trong các giai cấp đó, một giai cấp thống trị tất cả các giai cấp khác. Do đó chúng ta thấy rằng mọi cuộc đấu tranh trong nội bộ nhà nước, đấu tranh giữa phái dân chủ, phái quý tộc và phái quân chủ, đấu tranh cho quyền bầu cử, v.v. và v.v., chẳng qua chỉ là những hình thức hư ảo của những cuộc đấu tranh thực sự giữa các giai cấp khác nhau (các nhà lý luận Đức không có một mảy may khái niệm nào về điều đó, mặc dầu nó đã được chỉ ra cho họ một cách khá rõ trong "Deutsch - Französische Jahrbücher" và trong "Gia đình thần thánh"). Cũng do đó mà giai cấp nào muốn nắm quyền thống trị - ngay cả khi quyền thống trị của nó đòi hỏi phải thủ tiêu toàn bộ hình thức xã hội cũ và sự thống trị nói chung, như trong trường hợp của giai cấp vô sản, - thì giai cấp ấy trước hết phải chiếm lấy chính quyền để đến lượt mình, có thể biểu hiện lợi ích của bản thân mình như là lợi ích phổ biến, điều mà giai cấp ấy buộc phải thực hiện trong bước đầu. Chính là vì các cá nhân *chỉ* theo đuổi lợi ích riêng của mình, - lợi ích mà họ coi là không nhất trí với lợi ích chung của họ, vì nói tóm lại cái phổ biến chỉ là một hình thức hư ảo của cái cộng đồng, - cho nên họ coi lợi ích chung đó là một cái gì "xa lạ", "không phụ thuộc" vào họ, nói một cách khác, nó lại là một thứ lợi ích "phổ biến" riêng biệt và đặc biệt, hoặc là bản thân các cá nhân buộc phải vận động trong giới hạn của tình trạng chia cắt ấy, như trong chế độ dân chủ. Mặt khác, cuộc đấu tranh *thực tiễn* của những lợi ích riêng biệt ấy - những lợi ích luôn luôn *thực sự* chống lại những lợi ích chung và những lợi ích chung hư ảo, - khiến cho cần thiết phải có can thiệp thực tiễn và sự kiềm chế những lợi ích riêng biệt bởi lợi ích "phổ biến" hư ảo, dưới hình thức nhà nước. Đối với các cá nhân ấy, lực lượng xã hội, - tức là lực lượng sản xuất được nhân lên gấp bội và ra đời nhờ sự hợp tác của những cá nhân khác nhau do phân công lao động quy định, - biểu hiện không phải như một lực lượng kết hợp của bản thân họ, vì bản thân sự hợp tác

đó xuất hiện không phải là một cách tự nguyện mà là một cách tự nhiên; mà biểu hiện như là một lực lượng xa lạ, ở bên ngoài họ, lực lượng mà họ cũng chẳng biết từ đâu đến và sẽ đi đâu, lực lượng mà do đó họ đã không thể chế ngự được, và trái lại, lực lượng ấy hiện đang trải qua một chuỗi những giai đoạn và trình độ phát triển chẳng những độc lập đối với ý chí và hành động của loài người mà trái lại còn điều khiển ý chí ấy và hành động ấy.

"Sự tha hóa" ấy - dùng từ đó để cho các nhà triết học dễ hiểu sự trình bày của chúng tôi, - dĩ nhiên là chỉ có thể bị xóa bỏ khi có hai tiền đề *thực tiễn.* Để trở thành một lực lượng "không thể chịu đựng được", nghĩa là một lực lượng mà người ta phải làm cách mạng để chống lại thì điều cần thiết là sự tha hóa đó phải biến đa số trong nhân loại thành những người hoàn toàn "không có sở hữu", đồng thời mâu thuẫn với cái thế giới đầy dẫy của cải và học thức đang tồn tại thực sự, - cả hai điều kiện này đều giả định trước là phải có sự tăng lên to lớn của sức sản xuất. Mặt khác, sự phát triển ấy của những lực lượng sản xuất (cùng với sự phát triển này, sự tồn tại *có tính chất lịch sử thế giới,* chứ không phải có tính chất địa phương nhỏ hẹp, của con người đã thực hiện một cách kinh nghiệm chủ nghĩa) là tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết, vì không có nó thì tất cả sẽ chỉ là *sự nghèo nàn* sẽ trở thành phổ biến; mà với *sự thiếu thốn tột độ* thì ắt sẽ bắt đầu trở lại một cuộc đấu tranh để dành những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi rơi vào cũng sự ti tiện trước đây. Hơn nữa, sự phát triển ấy là tiền đề tất yếu vì sự giao tiếp *phổ biến* của loài người chỉ có thể được xác lập bởi sự phát triển phổ biến ấy của lực lượng sản xuất, do đó một mặt sự tồn tại hiện tượng quần chúng "không có sở hữu" bộc lộ đồng thời trong mọi dân tộc (cạnh tranh phổ biến), - mỗi dân tộc phải phụ thuộc vào những cuộc đảo lộn xảy ra trong các dân tộc khác, - và sau cùng, những cá nhân có tính địa phương được thay bằng những cá nhân có tính *lịch sử - thế giới,* có tính phổ biến một cách kinh nghiệm. Không như vậy thì 1) chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể tồn tại như một hiện tượng có tính chất địa phương, 2) bản thân những lực lượng giao tiếp không thể phát triển như những

lực lượng phổ biến và do đó là những lực lượng không ai chịu đựng được; chúng sẽ vẫn chỉ là những "trường hợp" có tính chất địa phương và được bao phủ bởi sự mê tín mà thôi, và 3) mọi việc mở rộng sự giao tiếp sẽ xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản địa phương. Chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể có được một cách kinh nghiệm như là hành động "tức khắc" và đồng thời của những dân tộc chiếm địa vị thống trị, điều này lại giả định là phải có sự phát triển phổ biến của lực lượng sản xuất và của sự giao tiếp có tính chất thế giới gắn liền với chủ nghĩa cộng sản. Nếu không thế thì làm thế nào mà sở hữu, chẳng hạn, nói chung lại có được một lịch sử, lại mang những hình thức khác nhau? Làm thế nào mà sở hữu ruộng đất chẳng hạn lại có thể tùy theo những điều kiện khác nhau hiện có, mà ở Pháp thì chuyển từ chỗ phân tán đến chỗ tập trung vào trong tay một số ít người, và ở Anh thì chuyển từ chỗ tập trung trong tay một số người đến chỗ phân tán, như tình hình đang thực sự diễn ra hiện nay? Hoặc giả làm thế nào mà thương nghiệp chẳng qua chỉ là sự trao đổi sản phẩm giữa những cá nhân và những nước khác nhau, lại thống trị được toàn thế giới nhờ quan hệ cung cầu - cái quan hệ, theo lời một nhà kinh tế học Anh, đang bay lượn trên trái đất giống như thần số mệnh cổ đại, và phân phát bằng một bàn tay vô hình, hạnh phúc và đau khổ cho loài người, dựng lên và xóa bỏ những vương quốc, làm nảy sinh và tiêu diệt những dân tộc, - trong khi đó, cùng với việc xóa bỏ cơ sở, tức là sở hữu tư nhân, và việc thiết lập sự điều tiết cộng sản chủ nghĩa đối với sản xuất khiến cho con người đứng trước sản phẩm của bản thân mình không còn cảm thấy như đứng trước một vật xa lạ, thì thế lực của quan hệ cung cầu cũng biến mất, và con người lại chế ngự được trao đổi, sản xuất, phương thức quan hệ lẫn nhau của chính họ?

Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực,* nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại đẻ ra. Ngoài ra, có một khối những người sống *chỉ* bằng lao động của mình, -

tức là một khối sức lao động bị cắt rời khỏi tư bản hay khỏi mọi khả năng thỏa mãn, dù là thỏa mãn một cách hạn chế, nhu cầu của mình và do đó có đặc trưng là không phải chỉ tạm thời mất công ăn việc làm, là cái bảo đảm nguồn sinh sống và nói chung tình cảnh của họ hết sức bấp bênh; tất cả những điều đó - do cạnh tranh - giả định phải có *thị trường thế giới.* Như vậy là giai cấp vô sản chỉ có thể tồn tại *trên quy mô của lịch sử thế giới,* cũng như chủ nghĩa cộng sản, tức là hoạt động của giai cấp vô sản, hoàn toàn chỉ có thể tồn tại được với tư cách là một tồn tại "có tính lịch sử thế giới". Sự tồn tại có tính lịch sử thế giới của các cá nhân có nghĩa là sự tồn tại của những cá nhân trực tiếp gắn liền với lịch sử toàn thế giới.

Hình thức giao tiếp - cái mà trong tất cả các giai đoạn lịch sử từ trước đến nay đều được quyết định bởi lực lượng sản xuất và đến lượt nó lại quyết định lực lượng sản xuất, - là xã hội công nhân mà tiền đề và cơ sở, như trước đây đã chỉ ra, là gia đình đơn giản và gia đình phức hợp, cái mà người ta gọi là bộ lạc; định nghĩa chi tiết hơn về xã hội công dân thì chúng tôi đã trình bày ở trên kia. Như vậy, rõ ràng là xã hội công dân đó là trung tâm thực sự, vũ đài thực sự của toàn bộ lịch sử, và quan niệm cũ về lịch sử, cái quan niệm coi thường những quan hệ hiện thực và bó hẹp trong việc xem xét những sự biến lớn và vang dội, là một quan niệm vô lý biết bao".

Hệ tư tưởng Đức, tr.47-52.

"Như vậy, quan niệm đó về lịch sử là: phải xuất phát từ chính ngay sự sản xuất vật chất ra đời sống trực tiếp để xem xét quá trình hiện thực của sản xuất và hiểu hình thức giao tiếp gắn liền với phương thức sản xuất ấy và do phương thức sản xuất ấy sản sinh ra - tức là xã hội công dân ở những giai đoạn khác nhau của nó - là cơ sở của toàn bộ lịch sử; rồi sau đó phải miêu tả hoạt động của xã hội công dân trong lĩnh vực sinh hoạt nhà nước, cũng như xuất phát từ xã hội công dân mà giải thích toàn bộ những sản phẩm lý luận khác nhau và mọi hình thái ý thức, tôn giáo, triết học, đạo đức, v.v., và theo dõi quá trình phát sinh của chúng trên

cơ sở đó; nhờ vậy mà tất nhiên là có thể miêu tả được toàn bộ quá trình (và do đó cũng có thể miêu tả được cả sự tác động qua lại giữa những mặt khác nhau của quá trình đó). Khác với quan niệm duy tâm về lịch sử, quan niệm đó về lịch sử không đi tìm một phạm trù nào đó trong mỗi thời đại, mà nó luôn luôn đứng trên miếng đất hiện thực của lịch sử; nó không căn cứ vào tư tưởng để giải thích thực tiễn, nó giải thích sự hình thành của tư tưởng căn cứ vào thực tiễn vật chất, và do đó, nó đi tới kết luận rằng không thể đập tan được mọi hình thái và sản phẩm của ý thức bằng sự phê phán tinh thần, bằng việc quy chúng thành "Tự ý thức", hay biến chúng thành những "u hồn", "bóng ma", "tính kỳ quặc", v.v., mà chỉ bằng việc lật đổ một cách thực tiễn những quan hệ xã hội hiện thực đã sản sinh ra tất cả những điều nhảm nhí duy tâm đó; rằng không phải sự phê phán mà cách mạng mới là động lực của lịch sử, của tôn giáo, của triết học và của mọi lý luận khác. Quan niệm đó chỉ ra rằng lịch sử không kết thúc bằng việc tự quy thành "Tự ý thức", coi đó là "Tinh thần của tinh thần", rằng mỗi giai đoạn của lịch sử đều gặp một kết quả vật chất nhất định, một tổng số nhất định những lực lượng sản xuất, một quan hệ - được tạo ra trong quá trình lịch sử - của những cá nhân với tự nhiên và với những người khác, quan hệ mà mỗi thế hệ nhận được của những tiền bối của mình, một khối lớn những lực lượng sản xuất, những tư bản và những điều kiện, tức là những thứ một mặt bị thế hệ mới làm biến đổi đi, song mặt khác lại quy định cho thế hệ mới những điều kiện sinh hoạt của chính thế hệ mới và làm cho thế hệ mới có một sự phát triển nhất định, một tính chất riêng biệt. Như vậy, quan niệm đó chỉ ra rằng con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy. Tổng số những lực lượng sản xuất, những tư bản và những hình thức xã hội của sự giao tiếp mà mỗi cá nhân và mỗi thế hệ thấy hiện có, là cơ sở hiện thực của cái mà các nhà triết học hình dung là "thực thể", là "bản chất con người", của cái mà họ đã tôn sùng hoặc đả kích, một cơ sở hiện thực mà tác động và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của con người không hề bị ngăn trở bởi việc các nhà

triết học ấy với tư cách là "Tự ý thức" và "Kẻ duy nhất" nổi dậy chống lại nó. Chính những điều kiện sinh hoạt mà những thế hệ khác nhau thấy có sẵn, cũng quyết định là những chấn động cách mạng đang tái diễn theo chu kỳ trong quá trình lịch sử, có đủ mạnh hay không để lật đổ cơ sở của toàn bộ chế độ hiện có; và nếu không có những yếu tố vật chất ấy của một cuộc cách mạng toàn diện - những yếu tố bao gồm một mặt là những lực lượng sản xuất hiện có và mặt khác là sự hình thành một khối đông đảo quần chúng cách mạng đang nổi dậy không những chống lại những điều kiện riêng biệt của xã hội cũ mà còn chống lại bản thân "sự sản xuất ra đời sống" trước đây, chống lại "toàn bộ hoạt động" làm cơ sở cho xã hội cũ đó, - thì lịch sử của chủ nghĩa cộng sản đã chứng tỏ, *ý niệm* về cuộc cách mạng này dù có được phát biểu hàng trăm lần đi nữa, cũng hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì đối với sự phát triển thực tế cả".

Hệ tư tưởng Đức, tr.54-55.

"Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những hế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả những thế hệ trước để lại; do đó, mỗi thế hệ một mặt tiếp tục cái hoạt động được truyền lại, trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi; những sự kiện đó, người ta đã xuyên tạc chúng bằng tư biện khiến cho dường như lịch sử sau là mục đích của lịch sử trước; dường như chẳng hạn mục đích cơ bản của sự phát hiện ra châu Mỹ là giúp cho Cách mạng Pháp bùng nổ. Qua đó, lịch sử có những mục đích riêng của nó và biến thành một "nhân vật bên cạnh những nhân vật khác" (ví dụ như: "Tự ý thức", "Phê phán", "Kẻ duy nhất", v.v.); còn cái mà người ta chỉ bằng những danh từ "sứ mệnh", "mục đích", "mầm mống", "tư tưởng" của lịch sử trước, chẳng qua chỉ là sự trừu tượng rút ra từ lịch sử sau, sự trừu tượng rút ra từ ảnh hưởng tích cực của lịch sử trước đối với lịch sử tiếp theo.

Những lĩnh vực riêng biệt tác động lẫn nhau càng mở rộng ra trong quá trình phát triển đó, sự biệt lập ban đầu giữa các dân tộc riêng biệt càng bị phá hủy bởi phương thức sản xuất đã được cải tiến, bởi sự giao tiếp và bởi sự phân công lao động do đó mà hình thành ra một cách tự nhiên giữa các dân tộc khác nhau thì lịch sử càng biến thành lịch sử thế giới; thành thử nếu, chẳng hạn, người ta sáng chế ra ở Anh một chiếc máy cướp mất cơm ăn của vô số người lao động ở Ấn Độ và Trung Quốc và đảo lộn toàn bộ hình thức tồn tại của những quốc gia này thì sáng chế đó sẽ trở thành một sự kiện của lịch sử thế giới; cũng như vậy, đường và cà-phê hồi giữa thế kỷ XIX đã trở thành quan trọng đối với lịch sử thế giới, vì sự khan hiếm những sản phẩm ấy, do việc Na-pô-lê-ông phong tỏa lục địa gây ra, đã thúc đẩy người Đức nổi dậy chống lại Na-pô-lê-ông, và như vậy là đã trở thành cơ sở thực sự của những cuộc chiến tranh giải phóng vẻ vang năm 1813. Từ đó ta thấy rằng sự biến đổi lịch sử thành lịch sử toàn thế giới không phải là hành vi trừu tượng nào đó của "tự ý thức", của tinh thần thế giới hay của một con ma siêu hình nào đó, mà là một hành động hoàn toàn vật chất, có thể kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm, một hành động mà mỗi cá nhân - đúng như cá nhân đó đang tồn tại trong đời sống thực tế, đang ăn, uống và mặc quần áo, - đều là một bằng chứng".

Hệ tư tưởng Đức, tr.65-66.

"Những lực lượng sản xuất, nhất là những phát minh, đã đạt được ở một địa phương có mất đi hay không đối với sự phát triển sau này, điều đó chỉ phụ thuộc vào sự mở rộng của giao tiếp thôi. Chừng nào sự giao tiếp còn hạn chế trong phạm vi những địa phương lân cận trực tiếp thì người ta phải làm lại mỗi phát minh trong từng địa phương, và chỉ cần gặp những sự ngẫu nhiên thuần túy, như sự xâm nhập của các dân dã man hoặc ngay cả những cuộc chiến tranh thông thường, cũng đủ để cho một nước nào đó có những lực lượng sản xuất và những nhu cầu đã phát triển, buộc phải bắt đầu lại tất cả từ đầu. Trong buổi đầu của lịch sử, người ta phải hàng ngày làm lại từng phát minh một trong riêng từng địa

phương một. Ví dụ của những người Phê-ni-xi chỉ rõ rằng những lực lượng sản xuất phát triển, ngay cả trong tình hình của một nền thương nghiệp tương đối rộng, cũng ít được bảo đảm khỏi bị hoàn toàn hủy hoại vì phần lớn những phát minh của họ đã bị mất đi trong một thời gian dài, do chỗ dân tộc họ bị loại khỏi hoạt động thương nghiệp và bị A-lếch-xan-đrơ chinh phục khiến cho dân tộc họ bị suy sụp. Ở thời trung cổ, nền hội họa trên thủy tinh chẳng hạn cũng có chung một số phận như vậy. Chỉ khi nào sự giao tiếp trở thành một sự giao tiếp thế giới có công nghiệp lớn làm cơ sở và chỉ khi nào mọi dân tộc đều bị lôi cuốn vào cuộc đấu tranh cạnh tranh thì việc bảo tồn những lực lượng sản xuất đã tạo ra mới được bảo đảm.

Kết quả trực tiếp nhất của phân công lao động giữa các thành thị khác nhau là sự ra đời của công trường thủ công, tức là những ngành sản xuất đã vượt khỏi khuôn khổ chế độ phường hội. Tiền đề lịch sử của sự phồn vinh ban đầu của công trường thủ công - ở I-ta-li-a và sau đó ở Phlan-đrơ - là sự giao tiếp với các nước ngoài. Ở những nước khác, ví dụ như ở Anh và ở Pháp, thì công trường thủ công lúc đầu còn bó hẹp vào thị trường trong nước. Ngoài những tiền đề nói trên thì công trường thủ công muốn được xác lập, còn cần đến một sự tập trung đã lớn hơn của dân cư, - nhất là ở nông thôn, - và của tư bản đã bắt đầu được tích lũy trong tay một số ít người, một phần trong các phường hội, bất chấp những luật lệ của phường hội, một phần trong tay các thương nhân".

Hệ tư tưởng Đức, tr.78-79.

"Sự tập trung của thương nghiệp và của công trường thủ công vào một nước, nước Anh, tăng lên không ngừng từ thế kỷ XVII, đã dần dần tạo ra cho nước đó một thị trường thế giới tương xứng, và do đó cũng tạo ra một nhu cầu về sản phẩm công trường thủ công của Anh mà những lực lượng sản xuất công nghiệp trước kia không thỏa mãn được nữa. Nhu cầu vượt quá những lực lượng sản xuất ấy chính là động lực đưa đến thời kỳ phát triển thứ ba, kể từ thời trung cổ, của sở hữu tư nhân, bằng cách tạo ra công nghiệp lớn - việc sử dụng những lực lượng tự nhiên vào mục đích công

nghiệp, việc sản xuất bằng máy móc và phân công lao động rộng rãi nhất. Những điều kiện khác của giai đoạn mới đó - như tự do cạnh tranh ở trong nước, việc hoàn thiện cơ học lý thuyết (môn cơ học mà Niu-tơn hoàn thành, là khoa học phổ cập nhất ở Pháp và Anh hồi thế kỷ thứ XVIII nói chung), v.v. - đã có ở Anh rồi. (Còn tự do cạnh tranh trong nước thì ở đâu cũng phải thông qua cách mạng mới giành được - năm 1640 và 1688 ở Anh, năm 1789 ở Pháp). Chẳng bao lâu, cạnh tranh buộc những nước muốn giữ vai trò lịch sử của mình phải dùng đến những biện pháp thuế quan mới để bảo vệ công trường thủ công của mình (vì những thuế quan cũ không còn đủ để chống lại công nghiệp lớn nữa) và sau đó buộc phải thực hiện công nghiệp lớn dưới sự bảo hộ của thuế quan bảo hộ. Mặc dù đã có những biện pháp bảo hộ đó, công nghiệp lớn vẫn làm cho cạnh tranh trở thành phổ biến (cạnh tranh chính là tự do mậu dịch thực tế, trong đó những thuế quan bảo hộ chỉ là thủ đoạn nhất thời, là vũ khí phòng ngự *trong phạm vi* của tự do mậu dịch), công nghiệp lớn tạo ra những phương tiện giao thông và thị trường thế giới hiện đại, đặt thương nghiệp dưới sự thống trị của mình, biến mọi tư bản thành tư bản công nghiệp và do đó sản sinh ra sự lưu thông nhanh chóng (hệ thống tiền tệ phát triển) và sự tập trung của tư bản. Bằng biện pháp cạnh tranh phổ biến, công nghiệp lớn buộc tất cả các cá nhân phải sử dụng toàn bộ tinh lực của mình một cách cực kỳ khẩn trương. Hễ có thể làm được thì nó ra sức thủ tiêu hệ tư tưởng, tôn giáo, đạo đức, v.v., còn khi không thể làm được việc đó thì nó biến những thứ đó thành những điều dối trá trắng trợn. Chính nó đã lần đầu tiên tạo ra lịch sử thế giới, khi nó làm cho mỗi nước văn minh và mỗi cá nhân trong nước đó muốn thỏa mãn nhu cầu của mình thì phải phụ thuộc vào toàn thế giới và khi nó thủ tiêu tính biệt lập trước kia hình thành một cách tự nhiên của các nước riêng lẻ. Nó bắt khoa học tự nhiên phải phục tùng tư bản và làm cho phân công lao động mất hết những vết tích cuối cùng của tính chất tự nhiên của nó. Nói chung, nó xóa bỏ tính chất tự nhiên trong chừng mực nó có thể làm được điều đó trong phạm vi lao động và đã biến tất cả những quan hệ tự nhiên thành

những quan hệ tiền bạc. Thay cho những thành thị hình thành một cách tự nhiên trước kia, nó tạo ra những thành thị công nghiệp lớn, hiện đại phát triển nhanh như chớp. Xâm nhập tới đâu là ở đó, nó tiêu diệt thủ công nghiệp và nói chung tất cả các giai đoạn trước kia của công nghiệp. Nó hoàn thành chiến thắng của thành thị thương nghiệp đối với nông thôn. [Tiền đề đầu tiên của nó] là hệ thống tự động. [Sự phát triển của nó] đã tạo ra một khối lớn những lực lượng sản xuất mà [sở hữu] tư nhân đã cản trở, cũng như trước kia chế độ phường hội đã cản trở công trường thủ công và kinh doanh tiểu nông đã cản trở thủ công nghiệp đang phát triển. Dưới sự thống trị của sở hữu tư nhân, những lực lượng sản xuất ấy chỉ phát triển phiến diện; đối với đa số, chúng đã trở thành những lực lượng phá hoại, và số lớn những lực lượng sản xuất ấy đã hoàn toàn không được sử dụng trong chế độ tư hữu. Nói chung, công nghiệp lớn tạo ra ở khắp nơi những quan hệ như nhau giữa các giai cấp xã hội và do đó xóa bỏ tính chất riêng biệt của những dân tộc khác nhau. Và sau hết, trong khi giai cấp tư sản của mỗi dân tộc còn duy trì những lợi ích dân tộc riêng biệt thì công nghiệp lớn lại tạo ra một giai cấp cùng có những lợi ích như nhau trong tất cả các dân tộc, một giai cấp không còn tính riêng biệt dân tộc nữa, một giai cấp thực sự đoạn tuyệt với toàn bộ thế giới cũ và đồng thời đối lập với thế giới cũ. Công nghiệp lớn làm cho người công nhân không những không chịu đựng nổi mối quan hệ của họ với nhà tư bản, mà còn không chịu đựng nổi cả bản thân lao động nữa.

Đương nhiên là công nghiệp lớn không phát triển đồng đều ở tất cả mọi địa phương của một nước. Nhưng điều đó không ngăn cản phong trào có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, vì những người vô sản do công nghiệp lớn sản sinh ra thì đứng đầu phong trào đó và lôi cuốn tất cả khối đông đảo quần chúng theo mình, và vì những công nhân không được thu hút vào trong công nghiệp lớn lại bị nền công nghiệp lớn ấy đẩy vào một tình trạng sinh hoạt tồi tệ hơn những công nhân trong bản thân công nghiệp lớn ấy. Cũng như vậy, những nước có công nghiệp lớn phát triển tác động đến

những nước plus ou moins[1*] không có công nghiệp trong chừng mực những nước này bị nền mậu dịch quốc tế lôi cuốn vào cuộc đấu tranh cạnh tranh phổ biến[1)])!

Những hình thức khác nhau đó cũng là những hình thức tổ chức lao động, và do đó cũng là những hình thức sở hữu. Mỗi thời kỳ đều có một sự kết hợp những lực lượng sản xuất hiện có, trong chừng mực nhu cầu làm cho sự kết hợp ấy trở thành tất yếu".

Hệ tư tưởng Đức, tr.86-89.

"Từ điểm thứ nhất, chúng ta có được tiền đề là sự phân công lao động đã phát triển và một nền thương nghiệp rộng lớn; từ điểm thứ hai, chúng ta có tính địa phương. Trong trường hợp thứ nhất, các cá nhân phải được tập hợp lại với nhau; trong trường hợp thứ hai, bản thân họ xuất hiện với tư cách là công cụ sản xuất bên cạnh những công cụ sản xuất đã có. Thế là ở đây, xuất hiện sự khác nhau giữa những công cụ sản xuất tự nhiên và những công cụ sản xuất do nền văn minh tạo ra. Ruộng (nước, v.v.) có thể coi là công cụ sản xuất tự nhiên. Trong trường hợp thứ nhất, nghĩa là với những công cụ sản xuất tự nhiên thì các cá nhân bị phụ thuộc vào

---

1* - ít nhiều

1) Cạnh tranh làm cho các cá nhân biệt lập với nhau, không phải chỉ những người tư sản, mà đặc biệt là những người vô sản cũng biệt lập với nhau, mặc dù nó tập hợp họ lại. Vì vậy, phải trải qua một thời gian dài, các cá nhân mới có thể liên hợp lại với nhau, đấy là chưa nói rằng muốn có sự liên hợp ấy - nếu sự liên hợp này không phải chỉ là sự liên hợp địa phương, - thì nền công nghiệp lớn trước hết phải tạo ra những phương tiện cần thiết, tức là những thành thị công nghiệp lớn và những phương tiện giao thông rẻ tiền và nhanh chóng và vì vậy, chỉ sau những cuộc đấu tranh lâu dài, mới có thể chiến thắng được mọi lực lượng có tổ chức đối lập với những cá nhân biệt lập sống trong những điều kiện hàng ngày tái tạo ra sự biệt lập ấy. Đòi hỏi điều ngược lại cũng có nghĩa là đòi hỏi sự cạnh tranh không được tồn tại trong thời kỳ lịch sử nhất định đó, hay đòi hỏi các cá nhân phải loại trừ khỏi đầu óc mình những quan hệ mà do tình trạng biệt lập của họ, họ hoàn toàn không thể kiểm soát được.

tự nhiên; trong trường hợp thứ hai, họ bị phụ thuộc vào một sản phẩm của lao động. Vì vậy, trong trường hợp thứ nhất, sở hữu (sở hữu ruộng đất) cũng xuất hiện ra là sự thống trị trực tiếp và tự nhiên; còn trong trường hợp thứ hai, sở hữu xuất hiện ra là sự thống trị của lao động, đặc biệt là của lao động tích lũy, của tư bản. Trường hợp thứ nhất giả định trước rằng các cá nhân được liên hiệp lại với nhau bằng một mối liên hệ nào đó - hoặc là gia đình, bộ lạc, hay thậm chí đất đai, v.v.; trường hợp thứ hai giả định trước rằng họ không phụ thuộc lẫn nhau và chỉ gắn bó với nhau bằng sự trao đổi thôi. Trong trường hợp thứ nhất, sự trao đổi thì chủ yếu là trao đổi giữa người với tự nhiên, một sự trao đổi trong đó lao động của con người được đổi lấy sản phẩm của tự nhiên; trong trường hợp thứ hai thì chủ yếu là trao đổi giữa người với người. Trong trường hợp thứ nhất, con người chỉ cần có một trí tuệ trung bình là đủ, hoạt động chân tay và hoạt động trí óc còn hoàn toàn chưa tách rời nhau; trong trường hợp thứ hai, sự phân công giữa lao động trí óc và lao động chân tay phải được hoàn thành trong thực tiễn rồi. Trong trường hợp thứ nhất, sự thống trị của người có sở hữu đối với những người không có sở hữu có thể dựa vào những quan hệ con người, vào một dạng nào đó của thể cộng đồng [Gemeinwesen], trong trường hợp thứ hai, sự thống trị ấy đã phải mang hình thức vật chất, thể hiện dưới dạng một cái thứ ba, - tiền. Trong trường hợp thứ nhất, công nghiệp nhỏ tồn tại nhưng phụ thuộc vào việc sử dụng những công cụ sản xuất tự nhiên, vì vậy ở đây không có sự phân phối lao động giữa những cá nhân khác nhau; trong trường hợp thứ hai, công nghiệp dựa vào phân công lao động và chỉ nhờ sự phân công lao động đó mới tồn tại được.

Cho tới bây giờ, chúng ta vẫn xuất phát từ công cụ sản xuất, và ở đây đã thể hiện rõ tính tất yếu của sở hữu tư nhân ở những giai đoạn phát triển công nghiệp nhất định. Trong industrie extractive[1*], sở hữu tư nhân còn hoàn toàn ăn khớp với lao động;

1* - công nghiệp khai khoáng

trong công nghiệp nhỏ và trong toàn bộ nông nghiệp, cho tới nay, sở hữu là hậu quả tất yếu của những công cụ sản xuất hiện có; trong công nghiệp lớn thì mâu thuẫn giữa công cụ sản xuất và sở hữu tư nhân chỉ là sản vật của nền công nghiệp lớn, và nền công nghiệp lớn này phải đạt đến một trình độ phát triển cao mới có thể tạo ra mâu thuẫn đó. Như vậy là chỉ với công nghiệp lớn, mới có khả năng xóa bỏ được sở hữu tư nhân.

Trong công nghiệp lớn và trong cạnh tranh, tất cả các điều kiện tồn tại, tất cả những tính quy định, tất cả những tính phiến diện của các cá nhân đều hòa vào trong hai hình thức đơn giản nhất; sở hữu tư nhân và lao động. Tiền tệ làm cho mọi hình thức giao tiếp và bản thân sự giao tiếp trở thành cái ngẫu nhiên đối với các cá nhân. Như vậy là, tiền tệ đã bao hàm điều sau đây: mọi sự giao tiếp trước đây chỉ là những sự giao tiếp của các cá nhân trong những điều kiện nhất định, chứ không phải là những sự giao tiếp giữa các cá nhân với tư cách là những cá nhân. Những điều kiện ấy rút lại chỉ còn có hai: lao động tích lũy hay sở hữu tư nhân, và lao động hiện thực. Nếu một trong hai điều kiện ấy không còn nữa thì sự giao tiếp cũng ngừng lại. Bản thân những nhà kinh tế học hiện đại - như Xi-xmôn-đi, Séc-buy-li-ê, v.v. - cũng đem association des individus[1*] đối lập với association des capitaux[2*]. Mặt khác, bản thân các cá nhân cũng hoàn toàn bị sự phân công lao động chi phối, và do đó họ ở vào hoàn cảnh hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau. Sở hữu tư nhân, trong chừng mực mà trong khuôn khổ của lao động nó đối lập với lao động, thì phát triển lên do sự cần thiết phải tích lũy. Lúc đầu, đại bộ phận của nó vẫn tiếp tục duy trì hình thức cộng đồng [Gemeinwesen], nhưng trong sự phát triển về sau, nó ngày càng xích gần lại hình thức hiện đại của sở hữu tư nhân. Ngay từ đầu, sự phân công lao động đã bao hàm sự phân chia *điều kiện* lao động, công cụ lao động và

1* - sự liên hợp của các cá nhân

2* - sự liên hợp của những tư bản

vật liệu, và do đó cũng bao hàm cả sự chia nhỏ tư bản tích lũy giữa những người sở hữu khác nhau, và do đó bao hàm cả sự chia cắt giữa tư bản và lao động, cũng như những hình thức khác nhau của bản thân chế độ sở hữu nữa. Sự phân công lao động càng phát triển và tích lũy ngày càng tăng thì sự chia cắt ấy càng trở nên rõ rệt. Bản thân lao động chỉ có thể tồn tại với điều kiện có sự chia cắt đó.

Như vậy là ở đây biểu lộ hai sự kiện. Một là, những lực lượng sản xuất xuất hiện như một cái gì đó hoàn toàn độc lập và tách rời các cá nhân như một thế giới riêng, ở bên cạnh các cá nhân; sở dĩ như vậy là vì các cá nhân, mà lực lượng sản xuất là lực lượng của họ, tồn tại với tư cách là những cá nhân phân tán và đối lập với nhau, trong khi đó thì mặt khác, những lực lượng ấy chỉ là lực lượng hiện thực trong sự giao tiếp và sự liên hệ giữa các cá nhân ấy. Như vậy, một mặt chúng ta có một tổng thể những lực lượng sản xuất, nó mang một hình thức tựa như một hình thức vật chất và đối với bản thân các cá nhân, nó đã không còn là lực lượng của các cá nhân nữa mà là lực lượng của sở hữu tư nhân và do đó chỉ là lực lượng của các cá nhân chừng nào những cá nhân này là những kẻ tư hữu. Trong bất cứ thời kỳ nào trước kia, không bao giờ những lực lượng sản xuất lại mang hình thức ấy, một hình thức không có liên quan gì với sự giao tiếp giữa các cá nhân với tư cách là các cá nhân, vì sự giao tiếp ấy còn là sự giao tiếp hạn chế. Mặt khác, đối lập với những lực lượng sản xuất ấy, ta thấy có đa số các cá nhân mà những lực lượng ấy đã bị tách khỏi, do đó những cá nhân ấy bị tước mất mọi nội dung hiện thực của đời sống của họ, và trở thành những cá nhân trừu tượng, nhưng cũng chính do đó, họ mới có khả năng liên hệ với nhau *với tư cách là những cá nhân.*

Mối liên hệ duy nhất còn gắn liền họ với lực lượng sản xuất và với sự tồn tại của bản thân họ - tức là lao động - đã mất mọi vẻ bề ngoài là sự tự mình hoạt động và chỉ duy trì đời sống của họ bằng cách làm cho nó tàn lụi đi. Trong khi ở những thời kỳ trước kia, sự tự mình hoạt động và sự sản xuất ra đời sống vật chất bị tách rời

nhau chỉ vì chúng rơi vào những người khác nhau và vì sự sản xuất ra đời sống vật chất còn được coi là một phương thức thứ yếu của sự tự mình hoạt động do tính hạn chế của bản thân các cá nhân mà ra, thì hiện nay sự tự mình hoạt động và sự sản xuất ra đời sống vật chất đã tách rời nhau đến mức nói chung, đời sống vật chất xuất hiện với tính cách là mục đích, còn sự sản xuất ra đời sống vật chất ấy, tức là lao động, (hiện nay lao động là hình thức duy nhất có thể có, nhưng như chúng ta thấy, là hình thức phủ định của sự tự mình hoạt động) xuất hiện với tính cách là phương tiện.

Như vậy, tình hình hiện nay đã đi đến chỗ là các cá nhân phải chiếm hữu tổng thể những lực lượng sản xuất hiện có, không những chỉ để thực hiện sự tự mình hoạt động, mà nói chung là để bảo đảm sự tồn tại của mình. Sự chiếm hữu đó trước hết được quy định bởi đối tượng cần chiếm hữu, ở đây là những lực lượng sản xuất đã phát triển thành một tổng thể xác định và chỉ tồn tại trong khuôn khổ của sự giao tiếp phổ biến. Dưới góc độ này, sự chiếm hữu đó đã nhất thiết phải có tính chất phổ biến, phù hợp với những lực lượng sản xuất và với sự giao tiếp. Bản thân sự chiếm hữu những lực lượng đó chẳng phải là cái gì khác hơn là sự phát triển những năng lực cá nhân cho phù hợp với những công cụ sản xuất vật chất. Chỉ riêng vì lẽ đó thôi, sự chiếm hữu một tổng thể nhất định những công cụ sản xuất cũng đã là sự phát triển một tổng thể nhất định những năng lực trong bản thân các cá nhân. Ngoài ra, sự chiếm hữu đó còn được quy định bởi những cá nhân chiếm hữu. Chỉ có những người vô sản thời nay, hoàn toàn bị tước mất mọi sự tự mình hoạt động, mới có khả năng đạt tới sự tự mình hoạt động đầy đủ, không hạn chế, đó là sự chiếm hữu tổng thể những lực lượng sản xuất và do đó, phát triển tổng thể các năng lực. Tất cả những sự chiếm hữu cách mạng trước kia đều bị hạn chế. Những cá nhân, mà sự tự mình hoạt động bị hạn chế bởi một công cụ sản xuất hạn chế và một sự giao tiếp hạn chế, đã chiếm hữu công cụ sản xuất hạn chế ấy và do đó chỉ đạt đến một sự hạn

chế mới. Công cụ sản xuất của họ trở thành sở hữu của họ, nhưng bản thân họ vẫn lệ thuộc vào sự phân công lao động và vào công cụ sản xuất của chính họ. Trong tất cả những sự chiếm hữu đã qua, một khối lớn các cá nhân vẫn lệ thuộc vào một công cụ sản xuất duy nhất; trong sự chiếm hữu của những người vô sản, một khối lượng lớn các công cụ sản xuất phải nhất thiết lệ thuộc vào từng cá nhân, còn sở hữu thì phải lệ thuộc vào tất cả mọi cá nhân. Sự giao tiếp phổ biến hiện đại không thể bị lệ thuộc vào từng cá nhân bằng bất cứ cách nào, mà chỉ bằng cách lệ thuộc vào mọi cá nhân.

Ngoài ra, sự chiếm hữu còn được quy định bởi phương thức thực hiện sự chiếm hữu. Sự chiếm hữu chỉ có thể được thực hiện bằng sự liên hợp, - do tính chất của bản thân giai cấp vô sản, sự liên hợp này chỉ có thể là một sự liên hợp phổ biến, - và bằng một cuộc cách mạng, cuộc cách mạng này một mặt lật đổ thế lực của phương thức sản xuất và của sự giao tiếp trước đó và cả của cơ cấu xã hội cũ và mặt khác, phát triển tính phổ biến của giai cấp vô sản và nghị lực mà giai cấp vô sản cần có để thực hiện sự chiếm hữu ấy, hơn nữa cuộc cách mạng này sẽ làm cho giai cấp vô sản trút bỏ được mọi cái rơi rớt lại từ địa vị xã hội cũ của mình.

Chỉ tới giai đoạn đó thì sự tự mình hoạt động mới ăn khớp với đời sống vật chất, điều đó tương ứng với sự phát triển của các cá nhân thành những cá nhân hoàn chỉnh và với sự xóa bỏ mọi tính tự phát. Và hệt như vậy sự chuyển hóa của lao động thành sự tự mình hoạt động thì tương ứng với sự chuyển hóa của sự giao tiếp bắt buộc trước kia thành sự giao tiếp của các cá nhân với tư cách là những cá nhân. Những cá nhân liên hợp mà chiếm hữu toàn bộ tổng thể những lực lượng sản xuất thì chế độ tư hữu cũng bị thủ tiêu. Nếu như trong lịch sử từ trước tới nay, mỗi điều kiện riêng biệt bao giờ cũng là ngẫu nhiên, thì bây giờ chính sự biệt lập của bản thân các cá nhân, tức là con đường kiếm kế sinh nhai riêng biệt của mỗi người, lại trở thành ngẫu nhiên.

Những cá nhân không còn lệ thuộc vào sự phân công lao động nữa được các nhà triết học coi là điều lý tưởng và đặt tên là "Con

người", và toàn bộ quá trình phát triển mà chúng ta đã miêu tả được họ coi là quá trình phát triển của "Con người", đến mức là trong mỗi giai đoạn lịch sử đã qua, họ đem "Con người" thay cho những cá nhân đã tồn tại và đã coi "Con người" là động lực của lịch sử. Như vậy, toàn bộ quá trình được họ coi là quá trình tự tha hóa của "Con người"; sở dĩ như vậy là vì về cơ bản, họ đã luôn luôn đem cá nhân trung bình của giai đoạn sau thay cho những cá nhân của giai đoạn trước và đem ý thức của thời sau gắn cho các cá nhân của thời trước. Nhờ sự đảo ngược ấy, một sự đảo ngược ngay từ đầu đã gạt bỏ những điều kiện hiện thực, mà người ta đã có thể biến toàn bộ lịch sử thành một quá trình phát triển của ý thức.

*

* *

Sau cùng, quan niệm lịch sử mà chúng ta vừa trình bày còn cho chúng ta kết luận như sau: 1) Trong quá trình phát triển của những lực lượng sản xuất có một giai đoạn mà trong đó xuất hiện những lực lượng sản xuất và những phương tiện giao tiếp chỉ có thể gây tác hại trong khuôn khổ những quan hệ hiện có, và đã không còn là những lực lượng sản xuất nữa mà lại là những lực lượng phá hoại (máy móc và tiền). Gắn liền với sự kiện này, xuất hiện một giai cấp buộc phải chịu đựng tất cả gánh nặng của xã hội mà không được hưởng những phúc lợi của xã hội, một giai cấp bị gạt ra ngoài xã hội nên không khỏi đối lập một cách kiên quyết nhất với tất cả các giai cấp khác, một giai cấp do đa số thành viên của xã hội họp thành và là giai cấp sản sinh ra ý thức về tính tất yếu của một cuộc cách mạng triệt để, ý thức cộng sản chủ nghĩa, ý thức mà dĩ nhiên là sự quan sát tình cảnh của giai cấp đó có thể làm nảy sinh ra trong các giai cấp khác; 2) những điều kiện trong đó những lực lượng sản xuất nhất định có thể được sử dụng, là những điều kiện thống trị của một giai cấp nhất định trong xã hội, giai cấp mà quyền lực xã hội của nó - quyền lực do sở hữu của nó mang lại, - thường có sự biểu hiện duy tâm - *thực tiễn* dưới hình thức nhà nước riêng của mỗi thời kỳ, và vì vậy, mọi cuộc đấu tranh cách mạng đều nhằm chống giai cấp đã thống trị cho đến lúc bấy

giờ; 3) trong hết thảy các cuộc cách mạng trước đây, tính chất hoạt động bao giờ cũng vẫn nguyên như cũ, - và bao giờ vấn đề cũng vẫn chỉ là phân phối hoạt động ấy một cách khác, chỉ là một sự phân phối lao động mới cho những người khác; trái lại, cách mạng cộng sản chủ nghĩa là nhằm chống lại *tính chất* hoạt động trước đây, nó xóa bỏ *lao động* và thủ tiêu sự thống trị của mọi giai cấp cùng với bản thân các giai cấp, vì nó được thực hiện bởi một giai cấp không còn được coi là một giai cấp trong xã hội nữa, không được thừa nhận là giai cấp và đã biểu hiện sự tan rã của mọi giai cấp, của mọi dân tộc, v.v., trong khuôn khổ xã hội ngày nay; và 4) để cho ý thức cộng sản chủ nghĩa đó nảy sinh ra được trong đông đảo quần chúng, cũng như để đạt được chính ngay mục đích ấy thì cần phải có một sự biến đổi của đông đảo quần chúng, sự biến đổi này chỉ có thể thực hiện được trong một phong trào thực tiễn, trong *cách mạng*; do đó, cách mạng là tất yếu không những vì không thể lật đổ giai cấp *thống trị* bằng một phương thức nào khác mà còn vì chỉ có trong cách mạng giai cấp *đi lật đổ* giai cấp khác mới có thể quét sạch mọi sự thối nát của chế độ cũ đang bám chặt theo mình và trở thành có năng lực xây dựng cơ sở mới cho xã hội".

Hệ tư tưởng Đức, tr.93-101.

"Chủ nghĩa cộng sản khác với tất cả các phong trào trước kia ở chỗ nó đảo lộn cơ sở của mọi quan hệ sản xuất và giao tiếp trước kia, và lần đầu tiên nó coi một cách có ý thức tất cả những tiền đề xuất hiện một cách tự phát là những sáng tạo của những thế hệ trước đó và nó tước bỏ tính chất tự nhiên của những tiền đề ấy và đặt chúng dưới quyền lực của các cá nhân đã liên hợp lại. Vì vậy, việc thiết lập chủ nghĩa cộng sản, về thực chất, là có tính chất kinh tế: nó là sự sáng tạo vật chất ra những điều kiện cho sự liên hợp ấy; nó biến những điều kiện hiện có thành những điều kiện của sự liên hợp. Tình trạng mà chủ nghĩa cộng sản tạo ra, chính là cái cơ sở hiện thực loại trừ tất cả những cái gì tồn tại độc lập đối với các cá nhân trong chừng mực tình trạng hiện có chỉ là một sản phẩm của sự giao tiếp trước đó giữa các cá nhân với nhau. Như vậy là

trong thực tiễn, những người cộng sản coi những điều kiện do nền sản xuất và sự giao tiếp trước họ tạo ra là những nhân tố không hữu cơ, nhưng đồng thời họ hoàn toàn không tưởng tượng rằng chủ tâm và sứ mệnh của những thế hệ đã qua là ở chỗ cung cấp vật liệu cho họ, và không cho rằng những điều kiện ấy là không hữu cơ đối với những cá nhân đã tạo ra chúng. Sự khác biệt giữa cá nhân với tư cách là con người với cá nhân ngẫu nhiên không phải là một sự khác biệt thuần tuý lô-gích, mà là một sự kiện lịch sử. Sự khác biệt ấy có ý nghĩa khác nhau trong những thời kỳ khác nhau, chẳng hạn như hồi thế kỷ XVIII, đẳng cấp, và plus ou moins[1*] cả gia đình nữa, là một cái ngẫu nhiên đối với cá nhân. Đó là một sự khác biệt, không phải do chúng ta đề ra cho mỗi thời đại, mà là do bản thân mỗi thời đại tự đề ra giữa những yếu tố khác nhau mà nó thấy có sẵn, và nó đề ra như vậy không phải theo một quan niệm, mà do sức ép của những xung đột vật chất của đời sống. Trong số tất cả những cái xuất hiện như là ngẫu nhiên đối với thời đại sau, ngược lại với thời đại trước, ngay cả trong những yếu tố mà thời đại sau kế thừa của thời đại trước, - có cả hình thức giao tiếp phù hợp với một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Quan hệ giữa những lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp là quan hệ giữa hình thức giao tiếp với hành động hay hoạt động của các cá nhân. (Hình thức cơ bản của hoạt động ấy đương nhiên là hình thức vật chất, cái hình thức vật chất mà mọi hoạt động khác: tinh thần, chính trị, tôn giáo, v.v., đều phụ thuộc vào đó. Đương nhiên là trong mọi trường hợp, các hình thức khác nhau của đời sống vật chất đều phụ thuộc vào những nhu cầu đã phát triển và bản thân việc sản xuất ra những nhu cầu ấy, cũng như việc thỏa mãn chúng, lại là một quá trình lịch sử không từng thấy có ở con cừu hay con chó (lập luận chủ yếu của Stiếc-nơ *adversus* hominem[2*] mà ông ta nêu lên một cách dai dẳng) mặc dầu cả cừu lẫn chó, dưới hình thức hiện nay của chúng, đều là những sản

1* - ít nhiều

2* - *chống lại* con người

phẩm của một quá trình lịch sử, malgré eux[1*]). Chừng nào mà mâu thuẫn kể trên còn chưa xuất hiện thì những điều kiện trong đó các cá nhân giao tiếp với nhau đều là những điều kiện thuộc về cá tính của họ, đều không phải là một cái gì ở bên ngoài họ; đó là những điều kiện mà chỉ có trong đó những cá nhân nhất định và tồn tại trong những mối quan hệ nhất định, mới có thể sản xuất ra đời sống vật chất của mình và mọi thứ liên quan với đời sống ấy; thành thử đó là những điều kiện của sự tự mình hoạt động của những cá nhân ấy, và do sự tự mình hoạt động ấy của họ tạo ra. Như vậy là chừng nào mà mâu thuẫn kể trên còn chưa xuất hiện thì những điều kiện nhất định trong đó con người tiến hành sản xuất, là phù hợp với tính hạn chế thực tế của họ, với sự tồn tại phiến diện của họ, sự tồn tại mà tính chất phiến diện chỉ bộc lộ ra khi mâu thuẫn xuất hiện và do đó, chỉ tồn tại đối với những thế hệ sau. Lúc bấy giờ, điều kiện xuất hiện với tư cách là một trở ngại ngẫu nhiên, và cái quan điểm cho rằng nó là một trở ngại, cũng được gán cho thời kỳ trước.

Những điều kiện khác nhau ấy lúc đầu là những điều kiện của sự tự mình hoạt động, và sau đó, là trở ngại đối với sự tự mình hoạt động, thì làm thành, trong toàn bộ sự tiến triển lịch sử, một chuỗi chặt chẽ những hình thức giao tiếp mà mối liên hệ là ở chỗ người ta thay thế hình thức giao tiếp cũ đã trở thành một trở ngại bằng một hình thức mới phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển hơn, và do đó phù hợp với phương thức hoạt động tiên tiến hơn của các cá nhân; hình thức mới này à son tour[2*] lại trở thành trở ngại và lại được thay thế bằng một hình thức khác. Vì ở mỗi giai đoạn của sự phát triển lịch sử, những điều kiện ấy là phù hợp với sự phát triển đồng thời của những lực lượng sản xuất, nên lịch sử của những điều kiện ấy cũng là lịch sử của những lực lượng sản xuất đang phát triển và được mỗi thế hệ mới

1* - trái với ý muốn của chúng

2* - đến lượt nó

nắm lấy, và do đó cũng là lịch sử phát triển của những lực lượng của bản thân các cá nhân".

Hệ tư tưởng Đức, tr.101-104.

"Không có gì thông thường hơn là quan niệm cho rằng trong lịch sử từ trước tới nay, dường như vấn đề chỉ là những *sự chiếm đoạt.* Những người man rợ *chiếm đoạt* Đế quốc La Mã và người ta thường giải thích bước quá độ của thế giới thời cổ sang chế độ phong kiến bằng sự chiếm đoạt ấy. Nhưng trong sự chiếm đoạt ấy của người man rợ thì vấn đề là xem vào thời gian đó dân tộc bị chinh phục có phát triển những lực lượng sản xuất công nghiệp như trường hợp của các dân tộc hiện đại không hay là những lực lượng sản xuất của họ chủ yếu lại chỉ dựa độc vào sự liên hợp của họ và hình thức cộng đồng [Gemeinwesen] hiện có thôi. Ngoài ra, sự chiếm đoạt còn do đối tượng bị chiếm đoạt quyết định nữa. Hoàn toàn không thể chiếm đoạt tài sản của một người chủ ngân hàng gồm những chứng khoán, nếu kẻ chiếm đoạt không tuân theo những điều kiện sản xuất và giao tiếp tồn tại trong nước bị chiếm đoạt. Đối với toàn bộ tư bản công nghiệp của bất cứ nước công nghiệp hiện đại nào thì cũng như vậy. Và sau cùng, bất cứ ở đâu, sự chiếm đoạt cũng phải nhanh chóng chấm dứt, và khi đã không còn gì để chiếm đoạt nữa thì tất nhiên người ta phải bắt tay vào sản xuất. Vì chẳng bao lâu sau, nhất thiết phải tiến hành sản xuất, nên hình thức của chế độ xã hội của những kẻ chinh phục đã ở lại nơi mình chinh phục được, phải phù hợp với trình độ phát triển của những lực lượng sản xuất mà họ bắt gặp, hoặc nếu như lúc đầu không có ngay sự phù hợp ấy thì hình thức của chế độ xã hội ấy phải biến đổi cho phù hợp với những lực lượng sản xuất hiện có. Điều đó giải thích một sự việc mà người ta nhận thấy ở khắp mọi nơi trong thời gian sau các cuộc di cư là: trên thực tế, tớ lại là chủ, và kẻ đi chinh phục lại nhanh chóng tiếp thu ngôn ngữ, văn hóa, và phong tục của dân tộc bị chinh phục. Chế độ phong kiến hoàn toàn không phải là được mang từ nước Đức đến dưới dạng đã

có sẵn; nó bắt nguồn từ tổ chức quân sự của những người man rợ ngay trong thời kỳ đi chinh phục, và chỉ sau khi chinh phục, tổ chức ấy mới phát triển thành chế độ phong kiến thực sự, nhờ tác động của những lực lượng sản xuất có sẵn trong các nước bị chinh phục. Sự thất bại trong những mưu toan định đặt ra những hình thức khác dựa theo những tàn tích của La Mã thời cổ (Sác-lơ-ma-nhơ Đại đế, v.v.) chứng tỏ rằng hình thức ấy bị những lực lượng sản xuất quy định tới mức nào.

Như vậy là theo quan điểm của chúng tôi, tất cả mọi xung đột trong lịch sử đều bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa những lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp. Ngoài ra, hoàn toàn không cần thiết là mâu thuẫn đã phải đẩy đến cực độ ở trong một nước, mới gây ra những cuộc xung đột trong nước ấy. Sự cạnh tranh với những nước phát triển hơn về mặt công nghiệp, cạnh tranh do sự mở rộng của sự giao tiếp quốc tế gây ra, cũng đủ để gây ra một mâu thuẫn loại đó, ngay cả ở những nước kém phát triển hơn về mặt công nghiệp (chẳng hạn như sự cạnh tranh của công nghiệp Anh đã làm bộc lộ giai cấp vô sản tiềm tàng ở Đức).

Như chúng ta đã thấy, mâu thuẫn ấy giữa những lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử từ trước cho đến nay, song vẫn không làm hại đến cơ sở của nó, thì lần nào cũng đều phải nổ ra thành một cuộc cách mạng, đồng thời lại mang những hình thức phụ khác nhau như: tổng thể những xung đột, những sự xung đột giữa các giai cấp khác nhau, những mâu thuẫn về ý thức, đấu tranh tư tưởng, v.v., đấu tranh chính trị, v.v.. Đứng trên quan điểm thiển cận, ta có thể nắm lấy một trong những hình thức phụ đó và coi đó là cơ sở của những cuộc cách mạng ấy; việc đó càng dễ dàng khi bản thân những cá nhân tiến hành cách mạng lại tùy theo trình độ văn hóa của mình và tùy theo trình độ phát triển của lịch sử mà tự tạo ra cho mình đủ loại ảo tưởng về hoạt động riêng của mình".

Hệ tư tưởng Đức, tr.106-108.

"Tiền tệ là sản phẩm tất nhiên của những quan hệ sản xuất và quan hệ giao tiếp nhất định, và vẫn là "sự thật" chừng nào những quan hệ ấy còn tồn tại...".

Hệ tư tưởng Đức, tr.280.

"Nói tóm lại, địa tô, lợi nhuận, v.v., những hình thức tồn tại hiện thực ấy của sở hữu tư nhân là *những quan hệ xã hội* thích ứng với một giai đoạn nhất định của sản xuất và những quan hệ ấy là những quan hệ *"cá nhân"* chừng nào chúng chưa biến thành những xiềng xích trói buộc những lực lượng sản xuất hiện có".

Hệ tư tưởng Đức, tr.322.

"Hình thức giao tiếp của xã hội hiện nay, và do đó những điều kiện của giai cấp thống trị, càng phát triển mặt đối lập của chúng đối với những lực lượng sản xuất đang đi lên, sự rạn nứt do đó mà có trong bản thân giai cấp thống trị cũng như sự rạn nứt giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị nó thống trị càng lớn bao nhiêu, thì cái ý thức mà lúc đầu phù hợp với hình thức giao tiếp ấy tất nhiên càng trở nên không chính xác bấy nhiêu, nghĩa là ý thức đó không còn là ý thức phù hợp với hình thức giao tiếp ấy nữa; những quan niệm truyền thống trước kia của hình thức giao tiếp ấy - trong đó lợi ích cá nhân hiện thực, v.v., v.v., biểu hiện dưới hình thức lợi ích phổ biến, - càng bị hạ thấp xuống ngang hàng với những lời lẽ duy tâm trống rỗng, với ảo tưởng có ý thức, với sự giả dối có dụng ý. Nhưng tính chất giả dối của chúng càng bị đời sống vạch trần, chúng càng mất nhiều ý nghĩa đối với bản thân ý thức thì chúng tự bảo vệ càng kiên quyết bấy nhiêu, ngôn ngữ của cái xã hội mẫu mực đó càng trở thành giả dối hơn, đạo đức hơn, thần thánh hơn".

Hệ tư tưởng Đức, tr.419-420.

"Đời sống vật chất của những cá nhân hoàn toàn không tùy thuộc đơn thuần vào "ý chí" của họ, phương thức sản xuất và hình thức giao tiếp của họ - phương thức sản xuất và hình thức giao

tiếp quyết định lẫn nhau, - là cơ sở thực tế của nhà nước và vẫn còn là như vậy trong tất cả các giai đoạn mà sự phân công lao động và sở hữu tư nhân còn cần thiết, hoàn toàn không tùy thuộc vào *ý chí* của những cá nhân. Những quan hệ hiện thực đó hoàn toàn không phải do chính quyền nhà nước tạo ra mà ngược lại, chính những quan hệ đó là lực lượng tạo ra chính quyền nhà nước. Không kể cái sự thật là những cá nhân thống trị trong điều kiện có những quan hệ đó, phải tổ chức lực lượng của mình dưới hình thức *nhà nước,* họ phải mang lại cho ý chí của mình, - cái ý chí do các quan hệ nhất định đó quyết định, - một biểu hiện chung dưới hình thức ý chí của nhà nước, dưới hình thức luật, một biểu hiện mà nội dung luôn luôn bị những quan hệ của giai cấp đó quyết định, như nền tư pháp và luật hình đã chứng minh một cách hết sức rõ ràng. [...] Sự thống trị cá nhân của họ phải đồng thời được tổ chức thành sự thống trị chung. Sức mạnh cá nhân của họ dựa trên những điều kiện sinh hoạt được phát triển như là những điều kiện sinh hoạt chung cho nhiều cá nhân và với tư cách là những cá nhân thống trị, họ phải duy trì chúng chống lại những cá nhân khác, và hơn nữa duy trì dưới hình thức những điều kiện có hiệu lực đối với mọi người. Biểu hiện của ý chí ấy, cái ý chí do lợi ích chung của họ quyết định, là luật. Chính sự tự khẳng định mình của những cá nhân độc lập đối với nhau và sự khẳng định ý chí riêng của họ - trên cơ sở quan hệ của họ với nhau đó, sự khẳng định ấy phải là vị kỷ, - khiến cho sự tự hi sinh trong luật và trong pháp luật trở thành cần thiết; tự hi sinh là trong trường hợp cá biệt, tự khẳng định lợi ích của họ là trong trường hợp chung (vì vậy không phải họ mà chỉ "người vị kỷ nhất trí với bản thân" mới coi đó là sự tự hi sinh). Đối với các giai cấp bị trị thì cũng vậy, luật và nhà nước có tồn tại hay không, điều đó cũng không phụ thuộc vào ý chí của họ. Như chẳng hạn, chừng nào lực lượng sản xuất còn chưa phát triển đủ để làm cho sự cạnh tranh trở thành thừa và do đó, đẻ ra sự cạnh tranh bằng cách này hay cách khác thì chừng đó các giai cấp bị thống trị mà có "ý muốn" xóa bỏ sự cạnh tranh và cùng với sự

cạnh tranh xóa bỏ nhà nước và luật thì cũng chỉ là mong muốn một việc không thể làm được. Vả lại, ý chí đó, trước khi những mối quan hệ phát triển đến mức có thể làm nảy sinh ra nó được, thì vẫn chỉ nằm trong trí tưởng tượng của những nhà tư tưởng mà thôi. Sau khi những mối quan hệ phát triển đến mức làm nảy sinh ra ý chí đó thì nhà tư tưởng có thể tưởng tượng rằng ý chí đó là một điều thuần túy tùy tiện và vì vậy có thể nảy sinh trong mọi thời đại và mọi hoàn cảnh".

Hệ tư tưởng Đức, tr.474-475.

"... sở hữu tư nhân là hình thức giao tiếp cần thiết ở một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất; rằng hình thức giao tiếp đó không thể bị xóa bỏ, và là điều kiện cần thiết cho sự sản xuất ra đời sống vật chất trực tiếp, chừng nào chưa tạo ra được những lực lượng sản xuất, mà đối với chúng sở hữu tư nhân trở thành xiềng xích hoặc trở ngại".

Hệ tư tưởng Đức, tr.514.

"... những cuộc cách mạng đã qua, xảy ra trong những điều kiện phân công lao động, phải dẫn đến những thiết chế chính trị mới; từ đó cũng có thể rút ra rằng cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa xóa bỏ sự phân công lao động, rút cục sẽ xóa bỏ những thiết chế chính trị; và cuối cùng từ đó cũng có thể rút ra rằng cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ không phải là phù hợp với "những thiết chế xã hội do óc sáng tạo của những thiên tài xã hội tạo nên", mà là phù hợp với lực lượng sản xuất".

Hệ tư tưởng Đức, tr.553.

"Trên thực tế, tình hình đương nhiên đã diễn ra như sau: người ta mỗi lần đều giành được tự do chừng nào việc đó không phải do lý tưởng về con người mà do lực lượng sản xuất hiện hành quyết định và cho phép. Tuy nhiên, tất cả những việc giành tự do đã diễn ra cho đến nay đều dựa trên cơ sở lực lượng sản xuất có hạn: sự sản xuất không đủ cho toàn xã hội do lực lượng sản xuất

ấy chi phối đã làm cho sự phát triển chỉ có thể diễn ra được dưới hình thức như sau: một số người này dựa vào một số người khác mà thỏa mãn những nhu cầu của mình mà do đó họ - thiểu số - được độc quyền phát triển, còn những người khác - đa số - vì phải thường xuyên tiến hành đấu tranh để thỏa mãn những nhu cầu bức thiết nhất, nên tạm thời (tức là cho đến khi sản sinh ra lực lượng sản xuất cách mạng mới) bị tước mất mọi khả năng phát triển. Do đó cho đến nay xã hội luôn luôn phát triển trong khuôn khổ đối lập: thời cổ đại là sự đối lập giữa người tự do và người nô lệ, thời trung cổ là sự đối lập giữa quý tộc và nông nô, thời cận đại là sự đối lập giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Điều đó một mặt nói lên phương thức "phi nhân" không bình thường mà giai cấp bị áp bức dùng để thỏa mãn những nhu cầu của mình; mặt khác nói lên phạm vi nhỏ hẹp mà trong đó sự giao tiếp và cùng với nó toàn bộ giai cấp thống trị phát triển; vì vậy, tính hạn chế ấy của sự phát triển chẳng những là ở chỗ một giai cấp bị loại ra khỏi sự phát triển, mà còn ở chỗ là giai cấp đã loại giai cấp nói trên ra khỏi sự phát triển, cũng bị hạn chế về mặt trí lực; "cái phi nhân" cũng trở thành số phận của giai cấp thống trị. - Cái gọi là "phi nhân" ấy cũng là sản phẩm của những quan hệ hiện đại như là cái "người"; đó là mặt phủ định của những quan hệ hiện đại, đó là sự chống đối không dựa trên lực lượng sản xuất cách mạng mới nào cả, là sự chống đối chĩa vào những quan hệ thống trị dựa trên lực lượng sản xuất hiện có và chĩa vào cái phương thức thỏa mãn nhu cầu thích ứng với những quan hệ ấy. Từ ngữ khẳng định "người" thích ứng với những quan hệ nhất định *thống trị* trong một giai đoạn phát triển nào đó của sản xuất và thích ứng với phương thức thỏa mãn nhu cầu do những quan hệ ấy quyết định, - cũng tựa như từ ngữ phủ định "phi nhân" thích hợp với những ý đồ hòng phủ định bên trong phương thức sản xuất hiện hành những quan hệ thống trị ấy và phương thức thỏa mãn nhu cầu thống trị trong điều kiện có những quan hệ ấy, những ý đồ do chính cái giai đoạn sản xuất ấy không ngừng sản sinh ra hằng ngày".

Hệ tư tưởng Đức, tr.632-634.

"Trong mọi hoàn cảnh, các cá nhân bao giờ cũng "xuất phát *từ bản thân*", nhưng vì rằng họ không phải là *duy nhất* theo nghĩa là họ không cần liên hệ gì với nhau cả, bởi vì *nhu cầu* của họ, tức là bản tính của họ và phương thức thỏa mãn nhu cầu, làm cho họ liên hệ với nhau (quan hệ nam nữ, trao đổi, phân công lao động), - cho nên họ *phải* đặt quan hệ với nhau. Nhưng vì họ đặt quan hệ với nhau không phải với tính cách là những cái Tôi thuần túy, mà với tính cách là những cá nhân ở trong một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất của họ và của nhu cầu của họ và vì sự giao tiếp ấy lại quyết định sản xuất và nhu cầu, cho nên chính mối quan hệ cá nhân riêng tư của các cá nhân với nhau, mối quan hệ lẫn nhau giữa họ với tính cách là những cá nhân đã tạo nên - và hằng ngày lại tạo nên - những quan hệ hiện hành. Họ giao tiếp với nhau với tính cách là những người mà họ đã là, họ xuất phát "từ bản thân" như họ đã là, bất kể "nhân sinh quan" của họ ra sao. "Nhân sinh quan" ấy - dù cho nó bị các nhà triết học xuyên tạc đi nữa, - tất nhiên chỉ do cuộc sống hiện thực của họ quyết định. Hiển nhiên từ đó rút ra rằng sự phát triển của một cá nhân được quyết định bởi sự phát triển của tất cả những cá nhân khác mà cá nhân ấy đang trực tiếp hoặc gián tiếp giao tiếp, rằng các thế hệ của những cá nhân quan hệ với nhau, bị ràng buộc với nhau, rằng sự tồn tại về hình thể của thế hệ sau do những thế hệ trước của họ quyết định, những thế hệ sau ấy thừa kế lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp do những thế hệ trước tích lũy, điều đó quyết định những mối quan hệ qua lại của chính thế hệ ấy. Tóm lại, chúng ta thấy rằng sự phát triển đang diễn ra và lịch sử của một cá nhân riêng lẻ tuyệt nhiên không thể tách rời với lịch sử của những cá nhân trước kia hoặc cùng thời với mình, mà là do lịch sử ấy quyết định.

Việc quan hệ cá nhân chuyển biến thành mặt đối lập của nó, tức là thành quan hệ thuần túy khách thể, việc cá nhân tự mình phân biệt cá tính và tính ngẫu nhiên, như chúng tôi đã chỉ rõ, là một quá trình lịch sử và mang những hình thức khác nhau, ngày càng gay gắt và phổ biến ở các giai đoạn phát triển khác nhau.

Trong thời đại hiện nay, sự thống trị của những quan hệ khách thể đối với cá nhân, sự khống chế của tính ngẫu nhiên đối với cá tính đã mang một hình thức gay gắt nhất, phổ biến nhất, do vậy đã đặt ra trước những cá nhân đang tồn tại một nhiệm vụ hoàn toàn rõ ràng. Sự thống trị đó đã đặt ra trước họ nhiệm vụ sau đây: xác lập sự thống trị của cá nhân đối với tính ngẫu nhiên và những quan hệ để thay thế cho sự thống trị của những quan hệ và của tính ngẫu nhiên đối với cá nhân. Không phải như Xăng-sô tưởng tượng, nó không đề ra yêu cầu "cái Tôi phải phát triển bản thân" - điều mà xưa nay bất cứ cá nhân nào không có sự chỉ giáo của Xăng-sô cũng vẫn làm như thế, - trái lại, nó yêu cầu một cách gắt gao phải giải thoát khỏi một phương thức phát triển hoàn toàn xác định. Nhiệm vụ do những quan hệ ngày nay đề ra ấy trùng với nhiệm vụ tổ chức xã hội theo những nguyên lý cộng sản chủ nghĩa.

Trên kia, chúng ta đã chỉ rõ rằng việc xóa bỏ cái chế độ mà trong đó các quan hệ được tách biệt ra và đối diện với cá nhân, cá tính phải phục tùng tính ngẫu nhiên, quan hệ riêng tư của cá nhân phải phục tùng những quan hệ giai cấp chung, v.v. - việc xóa bỏ cái chế độ ấy quy cho cùng cũng do việc xóa bỏ sự phân công lao động quyết định. Chúng ta cũng đã chỉ ra rằng, chỉ khi nào sự giao tiếp và lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ phổ biến mà chế độ tư hữu và sự phân công lao động trở thành xiềng xích đối với chúng thì khi đó mới có điều kiện xóa bỏ phân công lao động. Chúng ta cũng đã chỉ ra rằng chế độ tư hữu chỉ có thể bị xóa bỏ trong điều kiện cá nhân được phát triển toàn diện, bởi vì những hình thức giao tiếp và lực lượng sản xuất hiện có là toàn diện, và chỉ những cá nhân được phát triển toàn diện mới có thể chiếm hữu được chúng, nghĩa là mới có thể biến chúng thành hoạt động sống tự do của mình. Chúng ta đã chỉ ra rằng hiện nay cá nhân *phải* xóa bỏ chế độ tư hữu, bởi vì lực lượng sản xuất và các hình thức giao tiếp đã phát triển tới mức là dưới sự thống trị của chế độ tư hữu, chúng đã trở thành lực lượng phá hoại, và bởi vì sự đối lập giữa các giai cấp đã đạt tới cực điểm. Cuối cùng, chúng ta đã chỉ ra rằng việc xóa bỏ chế độ tư hữu và sự phân công lao động cũng đồng

thời là sự liên hợp những cá nhân trên cơ sở do lực lượng sản xuất hiện đại và những quan hệ thế giới tạo nên.

Trong khuôn khổ của xã hội cộng sản chủ nghĩa, cái xã hội duy nhất mà trong đó sự phát triển độc đáo và tự do của các cá nhân không còn là lời nói suông, - sự phát triển ấy chính là do mối liên hệ giữa những cá nhân quyết định, mối liên hệ được biểu hiện một phần trong những tiền đề kinh tế, một phần trong sự cố kết tất yếu của sự phát triển tự do của tất cả mọi người, và cuối cùng trong tính chất phổ biến của hoạt động của các cá nhân trên cơ sở lực lượng sản xuất hiện có. Bởi vậy, ở đây chủ ý nói cá nhân trong một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định, chứ hoàn toàn không nói bất cứ cá nhân ngẫu nhiên nào, đó là chưa kể đến cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không thể tránh khỏi, cuộc cách mạng này tự nó là điều kiện chung cho sự phát triển, tự do của cá nhân. Cố nhiên, ý thức của cá nhân về mối quan hệ qua lại của họ cũng sẽ hoàn toàn khác và do đó sẽ không phải là "nguyên tắc tình thương" hoặc dévouement[1*], cũng không phải là chủ nghĩa vị kỷ".

Hệ tư tưởng Đức, tr.642-644.

1* - sự hy sinh

TẬP 4

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Ngay buổi đầu của nền văn minh, sản xuất đã bắt đầu xây dựng trên sự đối kháng giữa các đẳng cấp, các tầng lớp, các giai cấp, cuối cùng, trên sự đối kháng giữa lao động tích lũy và lao động trực tiếp. Không có đối kháng thì không có tiến bộ. Đó là quy luật mà nền văn minh đã tuân theo cho đến ngày nay. Cho đến ngày nay lực lượng sản xuất đã phát triển nhờ có chế độ đối kháng giai cấp ấy".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.136-137.

"Trên nguyên tắc, không có trao đổi sản phẩm, mà chỉ có trao đổi những lao động góp phần vào sản xuất. Phương thức trao đổi sản phẩm phải tùy thuộc vào phương thức trao đổi lực lượng sản xuất. Nói chung, hình thức của trao đổi sản phẩm thích ứng với hình thức của sản xuất. Hãy thay đổi cái sau, thì hình thức trao đổi cũng sẽ thay đổi theo. Cho nên chúng ta thấy rằng trong lịch sử của xã hội, phương thức trao đổi sản phẩm do phương thức sản xuất sản phẩm điều tiết. Sự trao đổi cá nhân cũng phù hợp với một phương thức sản xuất nhất định, mà bản thân phương thức sản xuất này lại tương ứng với đối kháng giai cấp. Vì vậy, nếu không có đối kháng giai cấp thì cũng không thể có trao đổi cá nhân".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.153.

"Cố nhiên khi đặt một câu hỏi như thế, người ta giả định rằng người Anh có thể sản xuất ra những của cải ấy mà không có những điều kiện lịch sử trong đó những của cải ấy được sản xuất ra, như là: tích lũy tư bản do các tư nhân thực hiện, phân công lao động

hiện đại, công xưởng tự động, cạnh tranh vô chính phủ, chế độ lao động làm thuê, tóm lại, tất cả những cái gì dựa trên đối kháng giai cấp. Thế mà, đó lại chính là những điều kiện cần thiết đối với sự phát triển lực lượng sản xuất và làm tăng phần dư thừa do lao động đem lại. Vậy để có được sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất và phần dư thừa do lao động đem lại ấy, phải có những giai cấp được phất to và những giai cấp khác bị tiêu vong vì khốn cùng".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.176.

"Ông Pru-đông - nhà kinh tế học đã hiểu rất rõ rằng người ta làm ra da, vải, các thứ lụa, trong phạm vi những quan hệ sản xuất nhất định. Nhưng điều mà ông ta đã không hiểu, đó là những quan hệ xã hội nhất định ấy cũng do người ta sản sinh ra, giống như vải, lanh, v.v., vậy. Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có được những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình, và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp.

Chính những người thiết lập nên những quan hệ xã hội phù hợp với năng lực sản xuất vật chất của họ, cũng là những người sản sinh ra những nguyên lý, những ý niệm, những phạm trù phù hợp với những quan hệ xã hội của họ.

Cho nên những ý niệm ấy, những phạm trù ấy cũng ít có tính chất vĩnh cửu, như những quan hệ mà chúng biểu thị vậy. Chúng là những *sản phẩm mang tính chất lịch sử và nhất thời.*

Có một sự vận động tăng lên không ngừng trong những lực lượng sản xuất, một sự vận động phá hoại không ngừng trong những quan hệ xã hội, một sự vận động hình thành không ngừng trong những ý niệm; chỉ có sự trừu tượng hóa của vận động là không vận động mà thôi - đó là "cái chết bất tử"".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.187-188.

"Khi nói rằng những quan hệ hiện tại - những quan hệ sản xuất tư sản - đều là những quan hệ tự nhiên, các nhà kinh tế học muốn nói rằng đó là những quan hệ trong đó của cải được sáng tạo ra và những lực lượng sản xuất phát triển phù hợp với những quy luật của tự nhiên. Do đó, bản thân những quan hệ ấy là những quy luật tự nhiên, độc lập với ảnh hưởng của thời gian. Đó là những quy luật vĩnh cửu luôn luôn chi phối xã hội. Như vậy, từ trước đến nay đã có lịch sử rồi, còn bây giờ thì lại không còn có lịch sử nữa. Đã có lịch sử, vì đã có những thiết chế phong kiến và trong những thiết chế phong kiến ấy, người ta thấy có những quan hệ sản xuất khác hẳn những quan hệ của xã hội tư sản, tức là khác hẳn những quan hệ mà những nhà kinh tế học muốn làm cho người ta coi là những quan hệ tự nhiên và do đó, là vĩnh cửu".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.200.

"Khi giai cấp tư sản đã đạt được thắng lợi thì không còn vấn đề mặt tốt, cũng như mặt xấu của chế độ phong kiến nữa. Những lực lượng sản xuất do giai cấp tư sản phát triển dưới chế độ phong kiến, đều rơi vào tay giai cấp ấy. Tất cả những hình thức kinh tế ấy, chế độ chính trị, đều là biểu hiện chính thức của xã hội công dân cũ, đều bị đập tan.

Cho nên, muốn nhận xét đúng đắn nền sản xuất phong kiến, thì phải coi nó là một phương thức sản xuất dựa trên sự đối kháng. Phải vạch rõ sự giàu có đã sinh ra ở bên trong sự đối kháng ấy như thế nào; những lực lượng sản xuất đã phát triển như thế nào đồng thời với sự phát triển của sự đối kháng giữa các giai cấp; làm thế nào mà một trong các giai cấp, đại biểu cho mặt xấu, mặt tiêu cực của xã hội lại cứ lớn lên không ngừng cho đến khi những điều kiện vật chất của sự giải phóng của giai cấp đó đạt đến trình độ chín muồi. Phải chăng như vậy là đã nói khá đủ rằng: phương thức sản xuất, những quan hệ trong đó các lực lượng sản xuất phát triển, đều không phải là những quy luật vĩnh cửu, mà chúng thích ứng với một trình độ phát triển nhất định của con người và của những

lực lượng sản xuất của con người, và bất kỳ sự thay đổi nào trong lực lượng sản xuất của con người đều tất phải dẫn đến một sự thay đổi trong những quan hệ sản xuất của con người? Vì điều kiện quan trọng trước tiên là để khỏi bị tước mất những thành quả của văn minh, những lực lượng sản xuất đã đạt được, thì phải đập tan những hình thức cổ truyền trong đó những lực lượng sản xuất ấy đã được sản sinh ra. Từ lúc đó trở đi, giai cấp trước kia là cách mạng nay lại trở thành bảo thủ.

Giai cấp tư sản bắt đầu sự phát triển lịch sử của mình với một giai cấp vô sản, mà bản thân giai cấp vô sản này là một tàn dư của giai cấp vô sản của thời phong kiến. Trong quá trình phát triển lịch sử của nó, giai cấp tư sản tất phải phát triển tính chất đối kháng của nó, một tính chất ít nhiều bị che đậy trong buổi đầu của nó và chỉ tồn tại ở trạng thái tiềm tàng. Giai cấp tư sản càng phát triển thì cũng phát triển lên trong lòng nó một giai cấp vô sản mới, một giai cấp vô sản hiện đại: một cuộc đấu tranh phát triển lên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, một cuộc đấu tranh, trước khi được hai bên cảm thấy, chú ý, coi trọng, hiểu được, thừa nhận và công khai tuyên bố, thì lúc đầu chỉ biểu hiện ra bằng những sự xung đột cục bộ và tạm thời, bằng những hành động phá hoại mà thôi. Mặt khác, nếu tất cả những thành viên của giai cấp tư sản hiện đại có cùng một lợi ích như nhau vì họ họp thành một giai cấp đối lập với một giai cấp khác, thì họ cũng có những lợi ích đối lập, đối kháng, vì họ cũng đối lập với nhau. Sự đối lập ấy về quyền lợi là kết quả của những điều kiện kinh tế của đời sống tư sản của họ. Vậy, càng ngày người ta càng thấy rõ hơn rằng những quan hệ sản xuất trong đó giai cấp tư sản vận động không có một tính chất nhất trí, một tính chất đơn, mà là một tính chất kép, rằng trong cùng những quan hệ ấy, sự giàu có được sản sinh ra thì sự khốn cùng cũng được sản sinh ra; trong cùng những quan hệ ấy, có sự phát triển của các lực lượng sản xuất thì cũng có một lực lượng sản sinh ra áp bức; rằng những quan hệ ấy chỉ sản sinh ra *sự giàu có tư sản*, nghĩa là sự giàu có của giai cấp tư sản, bằng cách không

ngừng thủ tiêu sự giàu có của những thành viên cấu thành của giai cấp ấy và bằng cách sản sinh ra một giai cấp vô sản không ngừng lớn lên.

Tính chất đối kháng đó càng bộc lộ ra, thì những nhà kinh tế học, những người đại diện khoa học của nền sản xuất tư sản càng mâu thuẫn với học thuyết của chính họ; và trong hàng ngũ họ những trường phái khác nhau hình thành.

Chúng ta có những nhà kinh tế học *định mệnh chủ nghĩa*, là những người, trong học thuyết của họ, họ cũng thờ ơ với cái mà họ gọi là những mặt kém của nền sản xuất tư sản, chẳng khác nào bản thân những nhà tư sản, trong thực tiễn, cũng thờ ơ với những đau khổ của những người vô sản đã giúp họ kiếm được của cải như vậy. Trong trường phái định mệnh chủ nghĩa ấy, có phái cổ điển và phái lãng mạn. Những người cổ điển, như A-đam Xmít và Ri-các-đô, đại biểu cho một giai cấp tư sản còn đang đấu tranh với những tàn dư của xã hội phong kiến, chỉ chú trọng tới việc gột sạch những dấu vết phong kiến trong các quan hệ kinh tế, tăng thêm những lực lượng sản xuất và mang lại cho công nghiệp và thương nghiệp một cao trào mới. Theo quan điểm của họ, giai cấp vô sản, tham gia vào cuộc đấu tranh ấy, bị thu hút vào hoạt động sôi động ấy, thì chỉ có những đau khổ tạm thời, ngẫu nhiên mà thôi, và bản thân nó cũng coi những đau khổ ấy là như thế. Những nhà kinh tế học, như A-đam Xmít và Ri-các-đô, là những nhà sử học của thời đại ấy, họ không có sứ mệnh nào khác ngoài việc chứng minh xem trong những quan hệ của nền sản xuất tư sản, của cải được tạo ra như thế nào, diễn đạt những quan hệ ấy bằng những phạm trù, quy luật và chứng minh rằng những quy luật ấy, những phạm trù ấy, đối với việc sản xuất ra của cải, là cao hơn những quy luật và những phạm trù của xã hội phong kiến đến chừng nào. Theo họ, sự khốn cùng chỉ là sự đau đớn đi kèm theo bất cứ việc sinh đẻ nào, trong tự nhiên là như thế, trong công nghiệp cũng là như thế.

Những người lãng mạn là thuộc về thời đại chúng ta, thời đại trong đó giai cấp tư sản đối lập trực tiếp với giai cấp vô sản, trong

đó sự khốn cùng được sản sinh ra một cách cũng rất dồi dào như sự giàu có vậy. Bấy giờ những nhà kinh tế học giữ thái độ của những người định mệnh chủ nghĩa chán chường, họ đứng cao trên vị trí của họ, ngạo mạn nhìn một cách khinh bỉ xuống những người mà họ coi như những cái máy đang làm ra của cải. Họ sao chép lại tất cả những lập luận có sẵn của những tiền bối của họ, và nếu tính thờ ơ, ở những người tiền bối ấy, là sự ngây thơ, thì ở họ đã trở thành tính làm duyên làm dáng.

Sau đó là *trường phái nhân đạo*, họ chú tâm đến mặt xấu của những quan hệ sản xuất hiện đại. Để lương tâm được thanh thản, trường phái này tìm cách ít nhiều hòa hoãn những sự trái ngược hiện tồn; họ thành thực phàn nàn về sự khổ cực của giai cấp vô sản, sự cạnh tranh điên cuồng giữa những nhà tư sản với nhau; họ khuyên công nhân nên sống thanh đạm, lao động giỏi và đẻ ít con; họ khuyên những nhà tư sản nên có suy nghĩ trong sản xuất. Toàn bộ học thuyết của trường phái này là dựa trên những sự phân biệt vô tận giữa lý luận và thực tiễn, giữa những nguyên lý và những kết quả, giữa quan niệm và sự ứng dụng, giữa nội dung và hình thức, giữa bản chất và thực tại, giữa pháp quyền và sự việc, giữa mặt tốt và mặt xấu.

Trường phái *bác ái* là trường phái nhân đạo được hoàn thiện thêm. Nó phủ định tính tất yếu của sự đối kháng; nó muốn biến tất cả mọi người thành những nhà tư sản; nó muốn thực hành lý luận, với tư cách là một lý luận khác với thực tiễn và không bao hàm sự đối kháng. Dĩ nhiên, trong lý luận, người ta dễ dàng bỏ qua những mâu thuẫn mà người ta luôn luôn gặp trong thực tế. Như vậy, học thuyết ấy có thể trở thành thực tế được lý tưởng hóa. Vậy là những người bác ái muốn duy trì những phạm trù biểu thị những quan hệ tư sản, không có sự đối kháng cấu thành bản chất của những phạm trù ấy và gắn liền với chúng. Họ tưởng là họ nghiêm túc chống lại thực tiễn tư sản, kỳ thực bản thân họ lại tư sản hơn ai hết.

Giống như *những nhà kinh tế học* là những đại biểu khoa học của giai cấp tư sản, *những người xã hội chủ nghĩa* và *những người cộng sản* cũng là những nhà lý luận của giai cấp vô sản. Chừng nào mà giai cấp vô sản chưa được phát triển đầy đủ để tự cấu thành giai cấp và do đó, chừng nào ngay cả cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản còn chưa mang một tính chất chính trị, và chừng nào những lực lượng sản xuất còn chưa phát triển đầy đủ trong lòng bản thân giai cấp tư sản để hé ra cho người ta thấy được những điều kiện vật chất cần thiết cho sự giải phóng của giai cấp vô sản và sự thành lập một xã hội mới - thì chừng đó những nhà lý luận ấy chỉ là những nhà không tưởng, họ cố nghĩ ra những học thuyết và ra sức đi tìm một khoa học có tác dụng tái tạo để phục vụ cho những nhu cầu của các giai cấp bị áp bức. Nhưng lịch sử càng tiến tới và cùng với lịch sử, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cũng biểu hiện ra rõ rệt hơn thì họ không cần phải đi tìm khoa học ở trong trí óc của họ nữa, mà họ chỉ cần chú ý đến sự việc diễn ra trước mắt họ và diễn đạt những sự việc ấy ra mà thôi. Chừng nào mà họ còn đi tìm khoa học và chỉ làm ra những học thuyết, chừng nào mà họ còn ở giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, thì họ vẫn thấy sự khốn cùng chỉ là sự khốn cùng, mà không thấy trong sự khốn cùng có mặt cách mạng, mặt lật đổ, nó sẽ đánh đổ xã hội cũ. Ngay từ lúc đó, khoa học do vận động lịch sử sản sinh ra và tham dự vào vận động lịch sử ấy một cách hoàn toàn tự giác, không còn tính chất lý thuyết suông nữa, khoa học đã trở thành khoa học cách mạng".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.201-205.

"Trong mỗi thời đại lịch sử, quyền sở hữu đã phát triển một cách khác nhau và trong một loạt những quan hệ xã hội hoàn toàn khác nhau. Cho nên định nghĩa quyền sở hữu tư sản không phải là gì khác mà là trình bày tất cả những quan hệ xã hội của sản xuất tư sản".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.234.

"Một giai cấp bị áp bức là điều kiện sống còn của mọi xã hội dựa trên sự đối kháng giai cấp. Vậy là sự giải phóng giai cấp bị áp bức tất phải bao hàm việc sáng lập ra một xã hội mới. Muốn cho giai cấp bị áp bức có thể tự giải phóng được thì những lực lượng sản xuất đã có và những quan hệ xã hội hiện hành không thể nào cùng tồn tại bên cạnh nhau được nữa. Trong tất cả những công cụ sản xuất, thì lực lượng sản xuất hùng mạnh nhất là bản thân giai cấp cách mạng. Sự tổ chức của những phần tử cách mạng thành giai cấp giả định sự tồn tại của tất cả những lực lượng sản xuất có thể nảy sinh ra trong lòng xã hội cũ.

Phải chăng như vậy có nghĩa là sau khi xã hội cũ sụp đổ, sẽ có một sự thống trị của giai cấp mới, biểu hiện tập trung ở một chính quyền mới? Không phải.

Điều kiện để giải phóng giai cấp công nhân, đó là sự xóa bỏ mọi giai cấp; cũng giống như trước kia, điều kiện giải phóng của đẳng cấp thứ ba, tầng lớp tư sản, là sự xóa bỏ tất cả các đẳng cấp và tất cả các tầng lớp[1].

Trong quá trình phát triển của nó, giai cấp công nhân sẽ thay thế xã hội tư sản cũ bằng một tổ chức liên hiệp, tổ chức liên hiệp này sẽ loại bỏ các giai cấp và sự đối kháng giai cấp, và sẽ không còn có chính quyền theo đúng nghĩa của chữ ấy nữa, vì chính quyền chính là biểu hiện tập trung chính thức của sự đối kháng giai cấp trong xã hội tư sản.

Trong khi chờ đợi, sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là một cuộc đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp, một cuộc đấu tranh, khi đạt đến trình độ cao nhất của nó, trở thành

---

1) Đây là nói đến những đẳng cấp theo ý nghĩa lịch sử, những đẳng cấp của một quốc gia phong kiến, những đẳng cấp với những đặc quyền nhất định và có giới hạn. Cuộc cách mạng tư sản đã thủ tiêu các đẳng cấp cùng với những đặc quyền của chúng. Xã hội tư sản chỉ biết có *các giai cấp* thôi. Vì vậy, kẻ nào gọi giai cấp vô sản là "đẳng cấp thứ tư" thì kẻ đó mâu thuẫn hoàn toàn với lịch sử. - *Ph.Ă. (Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1885).*

một cuộc cách mạng toàn diện. Vả lại, liệu có nên lấy làm lạ khi một xã hội, dựa trên *sự đối lập* của các giai cấp, đi đến *mâu thuẫn* tàn bạo, đến một cuộc tấn công giáp lá cà, coi đó là kết cục cuối cùng?

Đừng nói rằng vận động xã hội loại trừ vận động chính trị. Không bao giờ có một cuộc vận động chính trị nào mà không đồng thời là vận động xã hội.

Chỉ có ở trong một chế độ không còn giai cấp và đối kháng giai cấp nữa thì *những sự tiến hóa xã hội* mới không còn là *những cuộc cách mạng chính trị* nữa".

C.Mác: Sự khốn cùng của triết học, tr.257-258.

"Ông Hai-nơ-txen nhầm to. Chủ nghĩa cộng sản không phải là một học thuyết mà là một *cuộc vận động*. Nó xuất phát không phải từ những nguyên tắc, mà từ *những sự thật*. Những người cộng sản không lấy thứ triết học này nọ, mà lấy toàn bộ quá trình lịch sử trước đây và đặc biệt là những kết quả thực tế trước mắt tại các nước văn minh làm tiền đề của họ. Chủ nghĩa cộng sản nảy sinh ra từ nền đại công nghiệp và những hậu quả của đại công nghiệp: từ sự xuất hiện thị trường thế giới và cuộc cạnh tranh không thể kìm hãm được do sự xuất hiện của thị trường thế giới gây ra; từ những cuộc khủng hoảng thương nghiệp ngày càng có tính chất phá hoại và tính phổ biến và giờ đây đã hoàn toàn trở thành những cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới; từ sự hình thành ra giai cấp vô sản và sự tích tụ của tư bản; và từ cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản do đó mà nảy sinh ra. Chủ nghĩa cộng sản, ở mức độ nó là lý luận, là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh đó và sự khái quát lý luận về những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản.

[...] Do đại công nghiệp, do sự phát triển của sản xuất cơ giới, của phương tiện giao thông vận tải, của thương nghiệp thế giới có những quy mô khổng lồ tới mức các nhà tư bản cá biệt càng ngày càng không thể kinh doanh được; do những cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới ngày càng dữ dội, cung cấp cho chúng ta bằng

chứng hùng hồn nhất về vấn đề này; do chỗ *lực lượng* sản xuất và các *phương tiện* trao đổi của *phương thức* sản xuất và trao đổi hiện đại càng ngày càng lớn vượt ra ngoài khuôn khổ trao đổi cá nhân và sở hữu tư nhân; tóm lại, do đã sắp tới lúc mà việc xã hội phải quản lý công nghiệp, nông nghiệp trao đổi trở thành một tất yếu vật chất đối với chính bản thân công nghiệp, nông nghiệp và trao đổi, do tất cả những cái đó mà sở hữu tư nhân sẽ bị thủ tiêu.

Khi ông Hai-nơ-txen tách rời như vậy việc thủ tiêu chế độ tư hữu, - điều này tất nhiên là tiền đề của việc giải phóng giai cấp vô sản, - với những tiền đề của bản thân việc thủ tiêu đó, khi ông xem xét nó bên ngoài mọi mối liên hệ với thế giới hiện thực như một điều bịa đặt ngu ngốc giản đơn xa rời thực tế thì nó trở thành câu văn sáo thuần túy mà ông chỉ có thể dùng để nói lên điều nhảm nhí tầm thường.

[...] Chừng nào nền đại công nghiệp còn chưa đạt tới một trình độ phát triển khiến nó có thể hoàn toàn thoát khỏi những gông xiềng của chế độ tư hữu thì chừng đó, nó vẫn chưa cho phép phân phối sản phẩm của nó theo một cách nào khác, ngoài cái cách hiện hành, thì chừng đó nhà tư bản vẫn cứ sẽ bỏ túi món lợi nhuận của y, còn người công nhân ngày càng nhận rõ trong thực tiễn rằng tiền công tối thiểu là gì".

Ph.Ăngghen: Những người cộng sản và Các Hai-nơ-txen, tr.399-401.

"*Câu hỏi thứ 1:* Chủ nghĩa cộng sản là gì?

Trả lời: Chủ nghĩa cộng sản là học thuyết về những điều kiện giải phóng giai cấp vô sản.

Câu hỏi thứ 2: Giai cấp vô sản là gì?

Trả lời: Giai cấp vô sản là một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình, chứ không phải sống bằng lợi nhuận của bất cứ số tư bản nào, đó là một giai cấp mà hạnh phúc và đau khổ, sống và chết, toàn bộ sự sống còn của họ đều phụ thuộc vào số cầu về lao động, tức là vào tình hình chuyển biến tốt hay xấu của công việc làm ăn, vào những sự biến động

của cuộc cạnh tranh không gì ngăn cản nổi. Nói tóm lại, giai cấp vô sản hay giai cấp những người vô sản là giai cấp lao động trong thế kỷ XIX.

Câu hỏi thứ 3: Phải chăng như vậy có nghĩa là: không phải lúc nào cũng có những người vô sản?

Trả lời: Đúng thế, không phải lúc nào cũng có những người vô sản. Các giai cấp nghèo đói và lao động thì lúc nào cũng có và thường thường thì các giai cấp lao động sống trong cảnh nghèo đói. Nhưng những người nghèo đói, những công nhân sống trong những điều kiện vừa kể trên, tức là những người vô sản, thì không phải lúc nào cũng có, cũng như không phải lúc nào cạnh tranh cũng là hoàn toàn tự do và không hạn chế.

Câu hỏi thứ 4: Giai cấp vô sản đã ra đời như thế nào?

Trả lời: Giai cấp vô sản là do cuộc cách mạng công nghiệp sản sinh ra; cuộc cách mạng này xảy ra ở Anh vào nửa sau của thế kỷ trước, và sau đó tái diễn ở tất cả các nước văn minh trên thế giới. Sở dĩ có cuộc cách mạng đó, là do có sự phát minh ra máy hơi nước, các thứ máy kéo sợi, máy dệt và hàng loạt những thiết bị máy móc khác. Những máy móc đó - rất đắt và vì vậy chỉ có những nhà tư bản lớn mới có thể dùng được- làm thay đổi toàn bộ phương thức sản xuất tồn tại từ trước tới nay và loại những người công nhân cũ, vì hàng hóa do máy móc sản xuất ra thì rẻ hơn và tốt hơn so với hàng hóa do công nhân sản xuất bằng xa kéo sợi và khung cửi dệt vải không hoàn thiện của mình. Bằng cách đó, những máy móc đó đã trao toàn bộ công nghiệp vào tay các nhà tư bản lớn và hoàn toàn làm giảm giá trị số tài sản nhỏ bé không đáng kể thuộc về công nhân (công cụ, khung cửi, v.v.), thành thử chẳng bao lâu, các nhà tư bản đã nắm hết thảy mọi cái vào tay mình, còn công nhân thì không còn gì nữa. Từ đó, trong ngành sản xuất vải, bắt đầu thực hiện chế độ công xưởng. - Một khi đã có đà để áp dụng máy móc và chế độ công xưởng thì chế độ đó liền lan tràn nhanh chóng trong tất cả các ngành công nghiệp khác, nhất là trong ngành in vải, in sách, sản xuất đồ gốm và sản xuất những sản phẩm bằng

kim loại. Lao động ngày càng được phân công rộng rãi giữa công nhân với nhau, thành thử người công nhân trước đây một mình làm trọn cả một công việc thì nay chỉ làm một bộ phận công việc. Sự phân công lao động đó làm cho người ta có thể sản xuất nhanh chóng hơn, do đó cũng rẻ hơn. Nó làm cho hoạt động của mỗi người công nhân chỉ còn là một động tác rất đơn giản, thường xuyên lặp đi lặp lại, có tính chất máy móc nào đó, một động tác có thể tiến hành bằng máy mà vẫn mang lại kết quả giống như trước và thậm chí còn tốt hơn trước rất nhiều. Bằng cách ấy, tất cả các ngành công nghiệp đó đã lần lượt chịu sự khống chế của hơi nước, của máy móc và của chế độ công xưởng, hoàn toàn giống như tình hình đã xảy ra trong ngành kéo sợi và dệt vải. Nhưng do đó, tất cả các ngành công nghiệp ấy đã hoàn toàn chuyển vào tay các nhà tư bản lớn, còn công nhân thì ở đây, cũng lại mất hết mọi tàn dư cuối cùng của sự độc lập của họ. Dần dần chế độ công xưởng đã mở rộng được sự thống trị của nó không những vào trong công trường thủ công (theo đúng nghĩa công trường thủ công) mà cũng đã ngày càng mở rộng được sự thống trị của nó vào cả trong thủ công nghiệp nữa, vì trong lĩnh vực này, các nhà tư bản lớn ngày càng chèn lấn được những người thợ cả hạng nhỏ, xây dựng nên những xưởng to lớn ở đó có thể tiết kiệm được nhiều thứ chi phí và tiến hành phân công lao động tỉ mỉ. Kết quả là hiện nay, chúng ta thấy là trong các nước văn minh, việc sản xuất bằng công xưởng đã được xác lập trong hầu hết tất cả các ngành lao động, và trong hầu hết tất cả các ngành đó, thủ công nghiệp và công trường thủ công đều bị đại công nghiệp chèn lấn. - Vì vậy tầng lớp trung gian trước đây, nhất là những người thợ cả thủ công hạng nhỏ, ngày càng phá sản; địa vị trước đây của người sản xuất đã hoàn toàn thay đổi và hai giai cấp mới được tạo ra dần dần cuốn hút tất cả các giai cấp khác vào hàng ngũ của mình. Hai giai cấp đó là:

I. Giai cấp những nhà tư bản lớn. Hiện nay, trong tất cả các nước văn minh, hầu như họ là những người độc chiếm mọi tư liệu sinh hoạt và cả nguyên liệu, công cụ (máy móc, công xưởng, v.v.)

cần thiết để sản xuất ra những tư liệu đó. Đó là giai cấp những người tư sản hay giai cấp tư sản.

II. Giai cấp những người hoàn toàn không có của. Do tình hình như trên nên họ buộc phải bán lao động của mình cho nhà tư sản để đổi lấy những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho cuộc sống của mình. Giai cấp đó gọi là giai cấp những người vô sản hay giai cấp vô sản.

Câu hỏi thứ 5: Những người vô sản bán lao động cho nhà tư sản trong những điều kiện như thế nào?

Trả lời: Lao động cũng là một thứ hàng hóa giống như mọi thứ hàng hóa khác, giá cả của nó cũng tuân theo những quy luật quyết định giá cả của mọi thứ hàng hóa khác. Dưới sự thống trị của đại công nghiệp hay của cạnh tranh tự do - dưới đây chúng ta sẽ thấy đại công nghiệp và cạnh tranh tự do chỉ là một - giá cả của hàng hóa tính trung bình thì bao giờ cũng ngang với chi phí sản xuất ra hàng hóa đó. Do đó, giá cả của lao động cũng ngang với chi phí sản xuất ra lao động, mà chi phí sản xuất ra lao động thì gồm có số lượng tư liệu sinh hoạt cần thiết để người công nhân có thể duy trì năng lực lao động của mình và để cho giai cấp công nhân khỏi bị diệt vong. Người công nhân khi trao đổi lao động của mình, không thể nhận được nhiều hơn số cần thiết cho mục đích đó; do đó giá cả lao động hay tiền lương sẽ hết sức thấp, nó là một mức tối thiểu cần thiết để duy trì đời sống. Nhưng vì tình hình có khi tốt khi xấu nên công nhân có khi lĩnh được nhiều và có khi lĩnh được ít, hoàn toàn giống như người chủ xưởng bán hàng hóa khi thì thu được nhiều khi thì thu được ít. Nếu tính trung bình tất cả những lúc tốt lúc xấu lại thì người chủ xưởng tuy vậy, khi bán hàng, vẫn thu được một số tiền không nhiều hơn cũng không ít hơn chi phí sản xuất; người công nhân cũng thế, tính trung bình thì cũng thu được một số tiền không nhiều hơn cũng không ít hơn mức tối thiểu nói trên. Đại công nghiệp càng chiếm địa vị thống trị trong tất cả các ngành lao động thì quy luật kinh tế đó của tiền lương càng được thực hiện một cách chặt chẽ.

Câu hỏi thứ 6: Trước khi có cách mạng công nghiệp, đã từng có những giai cấp lao động nào?

Trả lời: Tùy theo các giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội mà các giai cấp lao động sống trong những điều kiện khác và có địa vị khác, so với các giai cấp có của chiếm địa vị thống trị. Trong thời cổ, những người lao động là *nô lệ* của người chủ, giống như ngày nay họ còn là nô lệ ở nhiều nước lạc hậu và thậm chí cả ở miền Nam nước Mỹ nữa. Trong thời trung cổ, họ là *nông nô* của bọn chúa đất quý tộc, giống như hiện nay họ còn là nông nô ở Hung-ga-ri, Ba Lan và Nga. Ngoài ra, vào thời trung cổ và cho đến cách mạng công nghiệp, trong các thành thị còn có những người thợ thủ công làm việc cho những người thợ cả tiểu thị dân; nhưng cùng với sự phát triển của công trường thủ công thì dần dần xuất hiện những công nhân công trường thủ công do các nhà tư bản lớn hơn thuê mướn.

Câu hỏi thứ 7: Người vô sản khác người nô lệ ở chỗ nào?

Trả lời: Người nô lệ bị bán đi chỉ một lần thôi, còn người vô sản thì tự bán mình từng ngày, từng giờ. Mỗi người nô lệ là tài sản của người chủ *nhất định*, và do lợi ích của người chủ đó, nên sinh hoạt của người nô lệ được bảo đảm, dù sinh hoạt đó có cùng cực đến thế nào chăng nữa. Còn người vô sản thì có thể nói họ là tài sản của toàn bộ *giai cấp* tư sản. Lao động của họ chỉ có thể bán được, khi nào có người cần đến, nên sinh hoạt của họ không được bảo đảm. Chỉ có sinh hoạt của toàn bộ *giai cấp* vô sản là được bảo đảm thôi. Người nô lệ đứng ngoài cạnh tranh, còn người vô sản thì sống trong điều kiện của cạnh tranh và chịu ảnh hưởng của tất cả những sự biến động của cạnh tranh. Người nô lệ bị coi là một thứ đồ vật, chứ không phải là thành viên của xã hội công dân. Người vô sản được thừa nhận là một cá nhân, một thành viên của xã hội công dân. Do đó, tuy người nô lệ có thể có sinh hoạt dễ chịu hơn người vô sản, nhưng người vô sản thuộc về một xã hội có trình độ phát triển cao hơn, và bản thân họ cũng ở trình độ cao hơn người nô lệ. Người nô lệ muốn tự giải phóng thì trong số tất cả các quan hệ tư hữu, chỉ cần tiêu diệt một quan hệ nô lệ thôi và chỉ khi đó họ

mới trở thành người vô sản; còn người vô sản chỉ có thể tự giải phóng được, sau khi đã tiêu diệt chế độ tư hữu nói chung.

Câu hỏi thứ 8: Người vô sản khác người nông nô ở chỗ nào?

Trả lời: Người nông nô có và được sử dụng công cụ sản xuất, một mảnh ruộng nhỏ và muốn thế họ phải nộp một phần thu nhập của mình hay phải làm một số công việc. Còn người vô sản thì làm việc bằng những công cụ sản xuất của người khác, để làm lợi cho người khác đó, và nhận được một phần thu nhập. Người nông nô phải đem nộp, còn người vô sản thì lại được lĩnh về. Sinh hoạt của người nông nô được bảo đảm, sinh hoạt của người vô sản không được bảo đảm. Người nông nô đứng ngoài cạnh tranh, còn người vô sản thì sống trong những điều kiện của cạnh tranh. Người nông nô tự giải phóng hoặc là bằng cách bỏ chạy ra thành thị và trở thành người thợ thủ công ở đó, hoặc là nộp tiền cho địa chủ để khỏi phải làm lao dịch hay khỏi phải nộp sản phẩm, và do đó trở thành người lĩnh canh tự do, hoặc là bằng cách đánh đuổi bọn chúa phong kiến và chính mình trở thành người tư hữu. Nói tóm lại, họ tự giải phóng bằng cách gia nhập như thế nào đó vào hàng ngũ giai cấp hữu sản, và đi vào cạnh tranh. Còn người vô sản thì tự giải phóng bằng cách tiêu diệt cạnh tranh, chế độ tư hữu và mọi sự khác nhau về giai cấp.

Câu hỏi thứ 9: Người vô sản khác người thợ thủ công ở chỗ nào?[1*]

Câu hỏi thứ 10: Người vô sản khác công nhân công trường thủ công ở chỗ nào?

Trả lời: Công nhân công trường thủ công thế kỷ XVI - XVIII, ở hầu khắp mọi nơi, đều còn có công cụ sản xuất như: khung cửi dệt vải, xa kéo sợi cho gia đình mình, và một mảnh đất nhỏ mà người đó trồng trọt trong những lúc rỗi việc. Người vô sản thì không có gì hết. Công nhân công trường thủ công hầu như luôn luôn sinh sống ở nông thôn và có ít nhiều quan hệ có tính chất gia trưởng với địa chủ hay người giao việc. Người vô sản phần nhiều sống ở các thành

1* Trong bản thảo, Ăng-ghen chừa một đoạn trống dành cho câu trả lời câu hỏi thứ 9.

thị lớn và liên hệ với người giao việc bởi những quan hệ thuần túy tiền tệ. Đại công nghiệp kéo người công nhân công trường thủ công ra khỏi những điều kiện gia trưởng của họ; họ mất hết mọi tài sản cuối cùng của họ và chỉ khi đó họ mới trở thành người vô sản.

Câu hỏi thứ 11: Cách mạng công nghiệp và sự phân chia xã hội thành tư sản và vô sản đã mang lại những hậu quả trước mắt gì?

Trả lời: Thứ nhất, vì lao động bằng máy móc ngày càng giảm được giá hàng công nghiệp, nên ở trong tất cả các nước trên thế giới, hệ thống công trường thủ công trước kia hay hệ thống công nghiệp xây dựng trên cơ sở lao động thủ công đều bị phá hoại hoàn toàn. Do đó, tất cả những nước nửa dã man - những nước mà đến tận nay vẫn còn ít nhiều đứng ngoài lề sự phát triển của lịch sử, những nước mà công nghiệp vẫn còn dựa trên cơ sở công trường thủ công - đều buộc phải tách khỏi tình trạng biệt lập của mình. Những nước ấy bắt đầu mua của người Anh những hàng hóa rẻ hơn và làm cho công nhân công trường thủ công của mình phải phá sản. Như vậy là những nước mà trong hàng chục thế kỷ không hề tiến bộ, như Ấn Độ chẳng hạn, thì nay cũng trải qua một cuộc cách mạng hoàn toàn, và thậm chí cả Trung Quốc ngày nay cũng đang đi đến cách mạng. Đã có tình hình là một chiếc máy mới, ngày hôm nay được phát minh ra ở Anh, một năm sau sẽ cướp mất bát cơm của hàng triệu công nhân ở Trung Quốc. Như vậy là nền đại công nghiệp đã gắn liền tất cả các dân tộc trên trái đất lại với nhau, đã thống nhất tất cả các thị trường địa phương nhỏ bé thành một thị trường toàn thế giới, đã chuẩn bị cơ sở, ở khắp nơi, cho văn minh và tiến bộ, đã làm cho tất cả những cái gì xảy ra trong các nước văn minh đều có ảnh hưởng đến tất cả các nước khác; thành thử, nếu như hiện nay, ở Anh hay ở Pháp công nhân tự giải phóng được thì việc đó sẽ gây nên cách mạng ở trong tất cả các nước khác, những cuộc cách mạng này sớm hay muộn cũng sẽ giải phóng cho công nhân ở các nước đó.

Thứ hai, ở tất cả những nơi mà đại công nghiệp đã thay thế cho công trường thủ công thì cách mạng công nghiệp làm tăng thêm rất nhiều của cải và thế lực của giai cấp tư sản, làm cho nó

trở thành giai cấp thứ nhất trong nước. Kết quả là ở tất cả những nơi đã xảy ra quá trình đó, giai cấp tư sản đều nắm được chính quyền trong tay và gạt bỏ được những tầng lớp trước đó vẫn giữ quyền thống trị: tầng lớp quý tộc, thị dân phường hội và giới quân chủ chuyên chế, đại biểu cho hai tầng lớp đó. Giai cấp tư sản đã thủ tiêu được quyền lực của tầng lớp quý tộc, quý phái, sau khi đã bãi bỏ quyền kế thừa của con cả hay quyền chiếm hữu ruộng đất bất di bất dịch, sau khi đã thủ tiêu mọi đặc quyền của quý tộc. Nó đã phá tan thế lực của thị dân phường hội, sau khi đã thủ tiêu mọi phường hội và mọi đặc quyền của thợ thủ công. Để thay thế những cái đó, nó đề ra tự do cạnh tranh, tức là một trạng thái xã hội trong đó mỗi người đều có quyền kinh doanh bất cứ một ngành công nghiệp nào, hơn nữa không có cái gì có thể ngăn cản được họ kinh doanh, trừ phi họ không có tư bản cần cho việc đó. Như vậy, tiến hành cạnh tranh tự do thì cũng giống như công khai tuyên bố rằng từ nay trở đi, mọi người trong xã hội sẽ chỉ không bình đẳng với nhau chừng nào mà tư bản của họ không ngang bằng nhau, rằng tư bản đã trở thành một lực lượng quyết định và do đó mà các nhà tư bản, tư sản, trở thành giai cấp thứ nhất trong xã hội. Nhưng cạnh tranh tự do là tất yếu đối với thời kỳ phát triển ban đầu của đại công nghiệp, vì cạnh tranh tự do là một trạng thái xã hội duy nhất trong đó đại công nghiệp có thể phát triển. - Tiêu diệt thế lực xã hội của tầng lớp quý tộc và tầng lớp thị dân phường hội bằng cách đó, giai cấp tư sản cũng đã tiêu diệt luôn cả chính quyền của hai tầng lớp đó. Sau khi trở thành giai cấp thứ nhất trong xã hội, giai cấp tư sản tự tuyên bố mình là giai cấp thứ nhất cả trong lĩnh vực chính trị. Nó làm việc đó bằng cách, thi hành chế độ đại nghị là chế độ xây dựng trên cơ sở sự bình đẳng tư sản trước pháp luật, trên cơ sở thừa nhận bằng pháp luật sự cạnh tranh tự do. Chế độ đó được áp dụng ở các nước châu Âu dưới hình thức quân chủ lập hiến. Trong chế độ quân chủ lập hiến, ai có một số tư bản nhất định, tức là chỉ có các nhà tư sản, mới được hưởng quyền bầu cử. Những cử tri tư sản đó bầu ra đại

biểu, rồi những đại biểu tư sản đó - có quyền không phải nộp thuế - bầu ra chính phủ tư sản.

Thứ ba, ở khắp nơi, cách mạng công nghiệp đều thúc đẩy giai cấp vô sản phát triển theo cùng một tốc độ phát triển của giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản càng giàu bao nhiêu thì giai cấp vô sản càng trở nên đông đúc bấy nhiêu. Vì chỉ tư bản mới có thể đem lại việc làm cho những người vô sản, và vì tư bản chỉ có thể tăng thêm khi sử dụng lao động, cho nên tư bản lớn lên bao nhiêu thì giai cấp vô sản cũng lớn lên bấy nhiêu. Đồng thời cách mạng công nghiệp tập trung tư sản và vô sản vào các thành thị lớn, ở đó sự phát triển công nghiệp là có lợi hơn cả, và sự tập trung đông đảo quần chúng vào *một* chỗ như vậy làm cho vô sản nhận thức được sức mạnh của mình. Sau đó, cách mạng công nghiệp mà phát triển bao nhiêu, những máy mới thay thế được lao động thủ công được tiếp tục phát minh ra bao nhiêu thì đại công nghiệp ngày càng gây áp lực đối với tiền lương bấy nhiêu và, như chúng tôi đã nói, càng giảm tiền lương xuống đến mức tối thiểu, khiến cho tình cảnh của giai cấp vô sản ngày càng trở nên không sao chịu nổi. Tóm lại, một mặt do sự bất mãn của giai cấp vô sản ngày càng tăng, mặt khác do sức mạnh của giai cấp vô sản ngày càng lớn cho nên cách mạng công nghiệp chuẩn bị điều kiện cho cuộc cách mạng xã hội mà giai cấp vô sản sẽ tiến hành.

Câu hỏi thứ 12: Cách mạng công nghiệp còn mang lại những hậu quả gì thêm nữa?

Trả lời: Đại công nghiệp đã tạo nên những phương tiện như máy hơi nước và các máy móc khác cho phép trong một thời gian ngắn có thể tăng thêm sản xuất công nghiệp một cách vô hạn mà chi phí lại không nhiều. Nhờ dễ dàng mở rộng sản xuất như vậy, nên chẳng bao lâu cạnh tranh tự do - hậu quả tất nhiên của nền đại công nghiệp đó - có tính chất đặc biệt gay gắt; đông đảo các nhà tư bản đổ xô vào công nghiệp, và chẳng bao lâu người ta sản xuất ra nhiều hơn là tiêu dùng. Kết quả là những hàng hóa đã sản xuất ra, không thể bán được, và xảy ra cái gọi là khủng hoảng thương nghiệp. Công xưởng phải đóng cửa, chủ xưởng bị phá sản

và công nhân không có cơm ăn. Khắp nơi, diễn ra cảnh nghèo đói khủng khiếp. Qua một thời gian nhất định, những sản phẩm thừa được bán hết, công xưởng lại bắt đầu làm việc, tiền lương được tăng lên, và tình hình dần dần đi đến chỗ tốt hơn bao giờ hết. Nhưng được ít lâu, vì chẳng mấy nỗi lại sản xuất ra quá nhiều hàng hóa, nên lại xảy ra một cuộc khủng hoảng mới hoàn toàn giống như trước. Như vậy là bắt đầu từ thế kỷ này, công nghiệp luôn luôn trải qua những sự biến động, lúc thì phồn vinh, lúc thì khủng hoảng, và hầu như cứ cách năm - bảy năm một, lại đều đặn xảy ra một cuộc khủng hoảng như vậy; hơn nữa, cứ mỗi lần bùng nổ, là khủng hoảng lại gây ra những tai họa hết sức to lớn trong công nhân, lại thức tỉnh tinh thần cách mạng ở khắp nơi và gây một mối nguy rất lớn cho toàn bộ chế độ đương thời.

Câu hỏi thứ 13: Từ những cuộc khủng hoảng thương nghiệp tái diễn đều đặn đó, có thể rút ra những kết luận gì?

Trả lời: Thứ nhất, mặc dù đại công nghiệp đã tự mình tạo ra cạnh tranh tự do trong giai đoạn phát triển ban đầu của nó, nhưng hiện nay nó đã vượt quá cạnh tranh tự do; cạnh tranh và nói chung việc những cá nhân riêng lẻ tiến hành sản xuất công nghiệp đã trở thành xiềng xích trói buộc đại công nghiệp, những xiềng xích mà đại công nghiệp phải phá tan và sẽ phá tan được; đại công nghiệp, khi còn được tiến hành trên những cơ sở hiện nay, thì không thể tồn tại mà lại không đưa tới tình trạng rối loạn chung cứ bảy năm lại tái diễn, và mỗi một lần rối loạn như thế, lại đe dọa toàn bộ nền văn minh và không những ném những người vô sản vào cảnh nghèo xác xơ mà còn làm cho nhiều nhà tư sản bị phá sản; do đó, hoặc phải từ bỏ đại công nghiệp - đó là điều tuyệt đối không thể được -, hoặc phải thừa nhận rằng đại công nghiệp làm cho việc xây dựng một tổ chức xã hội hoàn toàn mới trở thành một việc tuyệt đối cần thiết, một tổ chức xã hội mới trong đó việc lãnh đạo sản xuất công nghiệp không phải do từng chủ xưởng riêng lẻ cạnh tranh với nhau thực hiện nữa, mà là do toàn thể xã hội thực hiện theo một kế hoạch vững chắc và phù hợp với nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội.

Thứ hai, đại công nghiệp và khả năng mở rộng sản xuất một cách vô hạn do nó tạo ra, sẽ cho phép xây dựng một chế độ xã hội, trong đó tất cả mọi vật phẩm cần cho đời sống sẽ được sản xuất ra nhiều đến nỗi mỗi thành viên trong xã hội đều có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi lực lượng và năng lực của mình. Cho nên, cái tính chất của đại công nghiệp, trong xã hội hiện thời, là đẻ ra mọi sự nghèo đói và mọi cuộc khủng hoảng thương nghiệp, thì đến một chế độ xã hội khác, chính tính chất ấy lại trở thành tính chất thủ tiêu sự nghèo khổ đó và những sự biến động đem lại tai họa đó.

Như vậy là ta có thể chứng minh một cách hoàn toàn rõ ràng rằng:

1) hiện nay, tất cả mọi tai họa đó đều chỉ do cái chế độ xã hội không còn phù hợp với điều kiện của thời đại nữa, gây ra;

2) người ta đã có phương tiện để thủ tiêu triệt để những tai họa đó bằng cách xây dựng nên một chế độ xã hội mới.

Câu hỏi thứ 14: Chế độ xã hội mới đó phải như thế nào?

Trả lời: Trước hết, việc quản lý công nghiệp và tất cả các ngành sản xuất nói chung sẽ không còn nằm trong tay của cá nhân riêng lẻ cạnh tranh với nhau nữa. Trái lại, tất cả các ngành sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý, tức là sẽ được tiến hành vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung và với sự tham gia của tất cả mọi thành viên trong xã hội. Như vậy, chế độ xã hội mới đó sẽ tiêu diệt cạnh tranh và thay cạnh tranh bằng hợp tác. Vì việc từng cá nhân riêng lẻ kinh doanh công nghiệp đem lại hậu quả tất yếu là chế độ tư hữu, và vì cạnh tranh không phải là một cái gì khác mà là một phương thức kinh doanh công nghiệp khi công nghiệp do những người tư hữu riêng lẻ quản lý, cho nên chế độ tư hữu không thể tách rời việc cá nhân kinh doanh công nghiệp và tách rời cạnh tranh được. Do đó, chế độ tư hữu cũng phải được thủ tiêu và phải được thay bằng việc sử dụng chung tất cả mọi công cụ sản xuất và việc phân phối sản phẩm theo sự thỏa thuận chung, tức là bằng cái mà người ta gọi là sự cộng đồng về tài sản. Thủ tiêu chế độ tư hữu là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất về việc cải tạo toàn

bộ chế độ xã hội; việc cải tạo này là kết quả tất yếu của sự phát triển của công nghiệp. Cho nên, những người cộng sản hoàn toàn đúng khi đề ra việc thủ tiêu chế độ tư hữu thành yêu cầu chủ yếu của mình.

Câu hỏi thứ 15: Phải chăng như vậy có nghĩa là trước đây, không thể thủ tiêu được chế độ tư hữu?

Trả lời: Đúng, trước đây không thể thủ tiêu được chế độ tư hữu. Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới, không còn phù hợp với các quan hệ sở hữu cũ nữa. Bản thân chế độ tư hữu cũng đã ra đời như vậy. Vấn đề là ở chỗ không phải khi nào cũng có chế độ tư hữu; vào cuối thời trung cổ, khi phương thức sản xuất mới - không chứa nổi trong khuôn khổ của chế độ sở hữu phong kiến và phường hội lúc bấy giờ - xuất hiện dưới hình thức công trường thủ công thì công trường thủ công đã vượt quá quan hệ sở hữu cũ, tạo ra cho nó một hình thức sở hữu mới, - chế độ tư hữu. Đối với công trường thủ công và đối với giai đoạn phát triển ban đầu của đại công nghiệp, không thể có hình thức sở hữu nào khác ngoài quyền tư hữu, không thể có chế độ xã hội nào khác ngoài chế độ xã hội xây dựng trên cơ sở tư hữu. Chừng nào chưa thể sản xuất với một quy mô có thể không những đủ cung cấp cho mọi người mà còn có thừa sản phẩm để tăng thêm tư bản xã hội và tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất hơn nữa, thì chừng đó, luôn luôn còn phải có một giai cấp thống trị chi phối lực lượng sản xuất của xã hội, và một giai cấp khác nghèo đói, bị áp bức. Đó là những giai cấp nào, điều này là tùy ở trình độ phát triển của sản xuất. Trong thời trung cổ, thời kỳ phụ thuộc vào nông nghiệp, chúng ta thấy có địa chủ và nông nô; trong các thành thị cuối thời trung cổ, có thợ cả phường hội, thợ phụ và thợ công nhật; trong thế kỷ XVII, có người chủ công trường thủ công và công nhân công trường thủ công; trong thế kỷ XIX, có chủ xưởng lớn và vô sản. Hoàn toàn rõ ràng là cho đến nay, lực lượng sản xuất vẫn chưa phát triển đến mức khiến cho có thể sản xuất đủ sản phẩm cho mọi người, và khiến cho chế độ tư hữu trở

thành xiềng xích ngăn cản sự phát triển của các lực lượng sản xuất đó. Nhưng hiện nay, nhờ sự phát triển của đại công nghiệp, nên *thứ nhất,* tư bản và lực lượng sản xuất đã được tạo ra với quy mô chưa từng có, và người ta đã có phương tiện để, trong một thời gian ngắn, phát triển các lực lượng sản xuất đó một cách vô hạn. *Thứ hai,* các lực lượng sản xuất đó tập trung trong tay một số ít nhà tư sản, còn đông đảo quần chúng nhân dân thì ngày càng trở thành vô sản; hơn nữa, của cải của tư sản càng tăng thì tình cảnh của quần chúng nhân dân càng trở nên nghèo đói và không sao chịu nổi. *Thứ ba,* những lực lượng sản xuất mạnh mẽ dễ tăng thêm đó đã vượt quá chế độ tư hữu và nhà tư sản đến mức là nó luôn luôn gây ra những sự chấn động hết sức mạnh mẽ trong chế độ xã hội. Cho nên, chỉ có ngày nay, việc thủ tiêu chế độ tư hữu mới trở thành không những là điều có thể thực hiện được, mà thậm chí còn là điều hoàn toàn cần thiết.

Câu hỏi thứ 16: Có thể thủ tiêu chế độ tư hữu bằng biện pháp hòa bình được không?

Trả lời: Có thể mong muốn là sẽ làm được như vậy, và dĩ nhiên những người cộng sản sẽ là những người sau cùng trong số những người phản đối việc đó. Người cộng sản biết rất rõ rằng mọi hoạt động âm mưu đều không những vô ích mà thậm chí còn có hại nữa. Họ biết rất rõ rằng không thể làm cách mạng một cách theo ý định từ trước và tùy tiện, rằng ở đâu và bao giờ, cách mạng cũng là kết quả tất yếu của những hoàn cảnh hoàn toàn không phụ thuộc vào ý muốn và sự lãnh đạo của các đảng phái riêng lẻ và của cả một giai cấp. Nhưng đồng thời họ thấy rằng sự phát triển của giai cấp vô sản trong hầu khắp tất cả các nước văn minh đều bị đàn áp bằng bạo lực, và đàn áp như vậy, tức là kẻ thù của những người cộng sản đã gắng hết sức làm việc cho cách mạng. Nếu tất cả những điều đó cuối cùng sẽ thúc đẩy giai cấp vô sản bị áp bức đứng lên làm cách mạng thì những người cộng sản chúng tôi lúc đó sẽ bảo vệ sự nghiệp của giai cấp vô sản bằng hành động, không kém gì bây giờ chúng tôi đang bảo vệ sự nghiệp đó bằng lời nói.

Câu hỏi thứ 17: Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không?

Trả lời: Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu.

Câu hỏi thứ 18: Cuộc cách mạng đó sẽ diễn biến như thế nào?

Trả lời: Trước hết, nó tạo ra *một chế độ dân chủ* và nhờ đó mà trực tiếp hay gián tiếp tạo ra quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản. Trực tiếp như ở Anh là nơi mà hiện nay vô sản đã chiếm đa số trong nhân dân; gián tiếp như ở Pháp và Đức là nơi mà đa số nhân dân không những gồm có vô sản mà còn gồm cả tiểu nông và tiểu tư sản thành thị là những người chỉ mới ở trong giai đoạn đang chuyển thành giai cấp vô sản, và trong việc thực hiện mọi quyền lợi chính trị của mình, đang ngày càng phụ thuộc vào giai cấp vô sản, do đó chẳng bao lâu, sẽ phải đồng ý với các yêu sách của giai cấp vô sản. Muốn thế, có lẽ cần phải có một cuộc đấu tranh mới nữa, song cuộc đấu tranh mới đó nhất định sẽ kết thúc bằng thắng lợi của giai cấp vô sản.

Đối với giai cấp vô sản, chế độ dân chủ sẽ trở nên hoàn toàn vô ích nếu nó không được dùng ngay lập tức làm phương tiện để thi hành những biện pháp rộng rãi trực tiếp đánh vào chế độ tư hữu và bảo đảm sự tồn tại của giai cấp vô sản. Những biện pháp chủ yếu nhất, tất yếu xuất phát từ những điều kiện hiện nay, là như sau:

1) Hạn chế quyền tư hữu: áp dụng thuế lũy tiến, đánh thuế cao vào tài sản kế thừa, xóa bỏ quyền kế thừa tài sản của những người họ hàng thân thuộc (anh em, cháu chắt, v.v.), cưỡng bức cho vay, v.v..

2) Dần dần tước đoạt bọn chiếm hữu ruộng đất, bọn chủ xưởng, bọn chủ đường sắt và bọn chủ tàu thủy, một phần bằng sự cạnh

tranh của công nghiệp nhà nước, một phần trực tiếp bằng cách chuộc lại bằng tiền giấy.

3) Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ chạy trốn ra nước ngoài và những kẻ nổi loạn chống lại đa số nhân dân.

4) Tổ chức lao động hay giao công việc cho những người vô sản ở trong các nông trường quốc gia, nhà máy và công xưởng của quốc gia. Làm như vậy sẽ thủ tiêu được sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau, và bọn chủ xưởng, nếu chúng còn tồn tại, sẽ buộc phải trả công cao như nhà nước.

5) Tất cả mọi người trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động như nhau cho đến khi tiêu diệt hoàn toàn chế độ tư hữu. Tổ chức những đội quân công nghiệp, nhất là đối với nông nghiệp.

6) Tập trung hệ thống tín dụng và việc buôn bán bằng tiền vào trong tay nhà nước bằng một ngân hàng quốc gia với vốn của nhà nước. Đóng cửa tất cả các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng của tư nhân.

7) Tùy theo sự tăng thêm vốn và tăng thêm số lượng công nhân của quốc gia, mà tăng thêm số lượng nhà máy, công xưởng, đường sắt, tàu bè của quốc gia, trồng trọt hết những ruộng đất còn bỏ hóa, cải tiến việc trồng trọt những ruộng đất đã trồng trọt.

8) Đối với tất cả các trẻ em, khi không cần đến sự chăm sóc của người mẹ nữa thì đưa các em vào giáo dục trong các cơ quan nhà nước và bằng sự đài thọ của nhà nước. Kết hợp việc giáo dục với lao động trong công xưởng.

9) Xây dựng những cung lớn trong những khu đất của nhà nước để làm chỗ ở chung cho các công xã công dân làm công nghiệp, nông nghiệp, kết hợp các mặt tốt của lối sống thành thị và lối sống nông thôn nhưng tránh tình trạng một chiều và thiếu sót của hai lối sống đó.

10) Phá bỏ tất cả những nhà ở và khu nhà ở không hợp vệ sinh và có chất lượng xây dựng kém ở thành thị.

11) Con trong và ngoài giá thú đều có quyền kế thừa tài sản như nhau.

12) Tập trung toàn bộ công việc vận tải vào trong tay nhà nước.

Cố nhiên không thể thi hành tất cả các biện pháp đó ngay trong một đợt, nhưng biện pháp này sẽ dẫn đến biện pháp khác. Chỉ cần tiến hành một cuộc tấn công triệt để đầu tiên vào chế độ tư hữu, là giai cấp vô sản sẽ ngày càng phải đi xa hơn nữa, ngày càng tập trung trong tay nhà nước toàn bộ tư bản, toàn bộ nông nghiệp, toàn bộ công nghiệp, toàn bộ vận tải và toàn bộ sự trao đổi. Tất cả các biện pháp kể trên sẽ dẫn đến chỗ đó. Mức độ thực hiện các biện pháp đó cũng như mức độ tập trung do các biện pháp đó đưa lại sẽ tăng lên đúng như mức độ các lực lượng sản xuất trong nước sẽ tăng lên nhờ lao động của giai cấp vô sản. Cuối cùng, khi toàn bộ tư bản, toàn bộ sản xuất, toàn bộ việc trao đổi đã tập trung vào trong tay nhà nước thì chế độ tư hữu sẽ tự nó tiêu vong, tiền tệ sẽ trở thành thừa, sản xuất sẽ tăng lên với mức độ như thế và con người sẽ thay đổi đến mức tất cả những hình thức cuối cùng của quan hệ xã hội cũ có thể biến mất đi.

Câu hỏi thứ 19: Cuộc cách mạng đó có thể xảy ra trong riêng một nước nào đó không?

Trả lời: Không. Đại công nghiệp do đã tạo nên thị trường thế giới nên đã nối liền tất cả các dân tộc trên trái đất lại với nhau, nhất là các dân tộc văn minh, khiến cho mỗi một dân tộc đều phụ thuộc vào tình hình xảy ra ở dân tộc khác. Sau nữa, đại công nghiệp đã san bằng sự phát triển xã hội ở trong tất cả các nước văn minh, khiến cho ở khắp nơi, giai cấp tư sản và giai cấp vô sản đã trở thành hai giai cấp có tác dụng quyết định trong xã hội và cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp đó đã trở thành cuộc đấu tranh chủ yếu của thời đại chúng ta. Vì vậy, cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những sẽ có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức. Trong mỗi một nước đó, cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ phát triển nhanh hay chậm, là tùy ở chỗ nước nào trong những nước đó có công nghiệp phát triển hơn, tích lũy được nhiều của cải hơn và có nhiều lực lượng sản xuất hơn. Cho nên ở Đức,

cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ thực hiện chậm hơn và khó khăn hơn, còn ở Anh thì nhanh hơn và dễ dàng hơn. Cách mạng cộng sản chủ nghĩa cũng có ảnh hưởng rất lớn đến các nước khác trên thế giới, nó sẽ làm thay đổi hoàn toàn và thúc đẩy cực kỳ nhanh chóng tiến trình phát triển trước kia của các nước đó. Nó là một cuộc cách mạng có tính chất toàn thế giới và vì vậy nó sẽ có một vũ đài toàn thế giới.

Câu hỏi thứ 20: Xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu thì sẽ đưa lại những kết quả gì?

Trả lời: Sẽ đưa lại những kết quả như sau: xã hội sẽ tước khỏi tay bọn tư bản tư nhân việc sử dụng tất cả mọi lực lượng sản xuất và mọi phương tiện giao dịch cũng như việc trao đổi và phân phối sản phẩm; xã hội sẽ quản lý tất cả những việc đó căn cứ theo kế hoạch đặt ra, căn cứ vào các nguồn lực lượng hiện có và vào nhu cầu của toàn xã hội; do đó mà tất cả những hậu quả tai hại gắn liền với chế độ quản lý đại công nghiệp hiện nay sẽ bị thủ tiêu trước hết. Khủng hoảng sẽ chấm dứt; nền sản xuất mở rộng gây nên sản xuất thừa, trong chế độ xã hội hiện nay, và là nguyên nhân to lớn của nạn nghèo đói thì khi đó sẽ tỏ ra hoàn toàn không đủ nữa và cần phải có quy mô rộng lớn hơn rất nhiều. Số sản xuất thừa, hiện nay vượt quá những nhu cầu cấp thiết nhất của xã hội, sau này sẽ không còn gây ra cảnh nghèo đói, mà sẽ đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội, sẽ làm nảy sinh những nhu cầu mới, đồng thời sẽ tạo nên những phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu mới đó. Nó sẽ là điều kiện và động cơ kích thích sự tiến bộ hơn nữa và nó sẽ thực hiện được sự tiến bộ đó mà không làm cho toàn bộ chế độ xã hội bị rối loạn từng thời kỳ một như trước kia nữa. Đại công nghiệp, thoát khỏi xiềng xích của chế độ tư hữu thì sẽ phát triển với những quy mô khiến cho đại công nghiệp hiện nay đem so sánh với đại công nghiệp ấy thì thật là nhỏ bé không đáng kể, giống như công trường thủ công so với đại công nghiệp của thời đại chúng ta vậy. Sự phát triển đó của công nghiệp sẽ làm cho xã hội có đủ sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội. Nông nghiệp cũng

vậy, - trong nông nghiệp, do xiềng xích của chế độ tư hữu, do tình trạng phân tán của ruộng đất, nên rất khó áp dụng những sự cải tiến và những thành tựu của khoa học hiện có, - rồi đây cũng sẽ bước vào giai đoạn hoàn toàn mới, giai đoạn phồn vinh và sẽ cung cấp hoàn toàn đầy đủ sản phẩm cho xã hội. Như vậy là xã hội sẽ sản xuất ra đầy đủ sản phẩm để tổ chức việc phân phối nhằm thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội. Do đó, tình trạng xã hội phân chia thành các giai cấp khác nhau, đối địch với nhau, sẽ trở nên thừa. Nhưng tình trạng đó không những trở nên thừa, mà thậm chí còn không thể tương dung được với chế độ xã hội mới nữa. Các giai cấp sở dĩ tồn tại là do có phân công lao động, nhưng hình thức phân công lao động hiện nay sẽ hoàn toàn mất hẳn, vì muốn nâng sản xuất công nghiệp và nông nghiệp lên đến mức độ cao nói trên, mà chỉ có phương tiện cơ giới và hóa học phụ trợ thì không đủ. Còn cần phải phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó nữa. Giống như trong thế kỷ trước, người nông dân và người công nhân công trường thủ công, sau khi được thu hút vào đại công nghiệp, đã thay đổi toàn bộ lối sống của họ và bản thân họ đã trở thành những con người hoàn toàn khác hẳn; hiện nay cũng vậy, việc tiến hành sản xuất tập thể bằng lực lượng của toàn xã hội và sự phát triển mới của nền sản xuất do việc đó mang lại, sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới và sẽ tạo nên những con người mới đó. Những con người như hiện nay thì không thể tiến hành nền sản xuất mang tính chất xã hội được, vì mỗi một người đều bị phụ thuộc vào một ngành sản xuất nào đấy, bị cột chặt vào ngành sản xuất đó, bị ngành đó bóc lột, chỉ phát huy được một mặt của năng lực còn các mặt khác thì không phát huy được, vì chỉ biết có một ngành hay một bộ phận của ngành nào đấy trong toàn bộ nền sản xuất. Ngay nền công nghiệp hiện nay cũng ngày càng tỏ ra không thể sử dụng những con người như thế. Vậy thì nền công nghiệp do toàn xã hội thực hiện một cách tập thể và có kế hoạch lại càng cần có những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất. Do đó, sự phân công lao động, hiện nay đã bị máy móc

phá hoại, hiện nay đang biến người này thành nông dân, người kia thành thợ đóng giày, người thứ ba thành công nhân công xưởng, người thứ tư thành tên đầu cơ ở thị trường chứng khoán, thì sau này sẽ hoàn toàn không còn nữa. Công tác giáo dục sẽ làm cho những người trẻ tuổi có khả năng nắm vững nhanh chóng toàn bộ hệ thống sản xuất trong thực tiễn, làm cho họ có thể lần lượt chuyển từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất nọ tùy theo nhu cầu của xã hội hoặc tùy theo sở thích của bản thân họ. Do đó, công tác giáo dục sẽ làm cho họ thoát khỏi tình trạng một chiều mà sự phân công lao động hiện nay đang buộc mỗi một người phải theo. Như vậy là một xã hội tổ chức theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa, sẽ làm cho những thành viên trong xã hội đó có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình. Đồng thời các giai cấp khác nhau, nhất định cũng sẽ không còn nữa. Do đó, một mặt, xã hội tổ chức theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa sẽ không thể tương dung được với sự tiếp tục tồn tại của các giai cấp; mặt khác, bản thân sự xây dựng xã hội đó sẽ tạo nên phương tiện để thủ tiêu những sự khác nhau về giai cấp.

Vì vậy, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn cũng sẽ không còn. Cũng những con người ấy sẽ làm cả lao động nông nghiệp lẫn lao động công nghiệp, chứ không cần phải giao hai công việc đó cho hai giai cấp khác nhau. Đó là điều kiện tất yếu của sự liên hợp cộng sản chủ nghĩa, sự liên hợp ấy là do những nguyên nhân hoàn toàn vật chất đưa đến. Tình trạng phân tán của dân cư làm nghề nông ở nông thôn, bên cạnh sự tập trung của dân cư làm công nghiệp ở các thành thị lớn, chỉ thích hợp với trình độ phát triển còn thấp của nông nghiệp và công nghiệp, tình trạng đó cản trở mọi sự phát triển hơn nữa; điều này hiện nay người ta đã cảm thấy rất rõ.

Sự liên hợp chung tất cả mọi thành viên trong xã hội nhằm mục đích cùng nhau khai thác lực lượng sản xuất một cách có kế hoạch; sự phát triển của sản xuất tới mức có thể thỏa mãn nhu cầu của mọi người; sự xóa bỏ tình trạng nhu cầu của số người này được thỏa mãn bằng cách hy sinh nhu cầu của số người khác; sự tiêu diệt hoàn toàn các giai cấp và những sự đối lập giữa các giai cấp

đó; sự phát triển toàn diện năng lực của tất cả mọi thành viên trong xã hội bằng cách xóa bỏ lối phân công cũ, tiến hành giáo dục về sản xuất, thay đổi các hình thức hoạt động, làm cho mọi người đều được hưởng những của cải do tất cả mọi người sản xuất ra và cuối cùng bằng cách hòa hợp thành thị với nông thôn - đó là những kết quả chủ yếu nhất của việc thủ tiêu chế độ tư hữu.

Câu hỏi thứ 21: Chế độ xã hội cộng sản sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến gia đình?

Trả lời: Quan hệ nam nữ sẽ trở thành một công việc hoàn toàn tư nhân, chỉ thuộc về những người hữu quan và xã hội không cần phải can thiệp vào. Điều đó có thể có được nhờ việc thủ tiêu chế độ tư hữu và nhờ công tác giáo dục của xã hội đối với thanh niên, kết quả là sẽ tiêu diệt được hai cơ sở của hôn nhân hiện tại gắn liền với chế độ tư hữu: vợ phụ thuộc vào chồng, con phụ thuộc vào cha mẹ. Đây cũng là một sự trả lời lại tiếng kêu la om sòm của những tên tiểu tư sản lên mặt đạo đức nói đến sự cộng thê của chủ nghĩa cộng sản. Cộng thê là một hiện tượng hoàn toàn thuộc về xã hội tư sản và hiện nay đang biểu hiện rất đầy đủ dưới hình thức mại dâm. Nhưng mại dâm là xây dựng trên chế độ tư hữu và sẽ mất đi cùng với chế độ tư hữu. Do đó, tổ chức cộng sản chủ nghĩa không những không đưa lại sự cộng thê mà trái lại còn tiêu diệt sự cộng thê.

Câu hỏi thứ 22: Tổ chức cộng sản sẽ có thái độ như thế nào đối với các dân tộc hiện đương tồn tại?

- Giữ lại.

Câu hỏi thứ 23: Nó sẽ có thái độ như thế nào đối với các tôn giáo hiện đương tồn tại?

- Giữ lại.

Câu hỏi thứ 24: Người cộng sản khác người xã hội chủ nghĩa ở chỗ nào?

Trả lời: Những người gọi là người xã hội chủ nghĩa, chia ra làm 3 loại.

Loại thứ nhất gồm những người ủng hộ xã hội phong kiến và gia trưởng là xã hội đã bị tiêu diệt và càng ngày càng bị tiêu diệt bởi đại công nghiệp, bởi thương nghiệp thế giới và bởi xã hội tư sản do đại công nghiệp và thương nghiệp thế giới tạo nên. Căn cứ vào những tai họa của xã hội hiện tại, loại người này đi đến kết luận rằng: cần phải khôi phục lại xã hội phong kiến và gia trưởng, vì xã hội đó không có những tai họa như vậy. Tất cả những lời đề nghị của họ, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, đều nhằm mục đích đó. Người cộng sản bao giờ cũng kiên quyết đấu tranh với loại người xã hội chủ nghĩa *phản động* này, mặc dù loại này giả thông cảm với cảnh nghèo đói của giai cấp vô sản và khóc sướt mướt trước tình cảnh ấy. Bởi vì những người xã hội chủ nghĩa đó:

1) mong muốn những cái hoàn toàn không thể có được;

2) mưu đồ khôi phục lại nền thống trị của quý tộc, của thợ cả phường hội và của chủ công trường thủ công cùng một loạt bọn quân chủ chuyên chế hay phong kiến, bọn quan lại, bọn lính tráng và cha cố; họ muốn khôi phục lại một xã hội đã đành là sẽ không có những tệ xấu của xã hội hiện đại, nhưng ít nhất cũng sẽ mang đến những tai họa khác giống như vậy; hơn nữa sẽ không mở ra được những triển vọng nào khiến cho thông qua một tổ chức cộng sản chủ nghĩa mà giải phóng được công nhân bị áp bức;

3) luôn luôn để lộ tâm địa thật của họ ra, khi giai cấp vô sản trở thành một giai cấp cách mạng và cộng sản. Trong những lúc này, họ lập tức hợp nhất với giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản.

Loại thứ hai gồm những người ủng hộ xã hội hiện nay; những tai họa do xã hội đó đẻ ra, buộc họ phải lo sợ cho sự tồn tại của xã hội đó. Do đó, họ muốn bảo vệ xã hội hiện tại, nhưng lại muốn xóa bỏ những tai họa do xã hội hiện tại gây ra. Muốn thế, một số người đề ra những biện pháp từ thiện giản đơn; một số khác thì đề ra những kế hoạch cải cách đồ sộ, viện cớ cải tổ lại xã hội, những kế hoạch này nhằm mục đích bảo vệ những cơ sở của xã hội hiện nay và do đó bảo vệ bản thân xã hội hiện nay. Người cộng sản cũng phải đấu tranh không mệt mỏi chống *những người xã hội chủ*

nghĩa tư sản đó, vì hoạt động của bọn họ là có lợi cho kẻ thù của người cộng sản và vì bọn họ bảo vệ một chế độ xã hội mà người cộng sản muốn phá bỏ.

Cuối cùng, loại thứ ba gồm có những người xã hội chủ nghĩa dân chủ. Đi theo cùng con đường với những người cộng sản, họ muốn thực hiện một phần những biện pháp nêu ra trong câu hỏi...[1*], nhưng không coi đó là những biện pháp quá độ dẫn đến chủ nghĩa cộng sản, mà coi đó là những biện pháp đầy đủ để xóa bỏ cảnh nghèo nàn và những tai họa của xã hội hiện nay. *Những người xã hội chủ nghĩa dân chủ* đó thì hoặc là những người vô sản chưa am hiểu đầy đủ những điều kiện giải phóng giai cấp mình, hoặc là những đại biểu của giai cấp tiểu tư sản, tức là của một giai cấp mà trên nhiều mặt, có quyền lợi giống như vô sản trong việc giành chế độ dân chủ và trong việc thực hiện những biện pháp xã hội chủ nghĩa xuất phát từ chế độ dân chủ đó. Cho nên, người cộng sản, trong lúc hoạt động, sẽ liên hiệp với những người xã hội chủ nghĩa dân chủ và nói chung trong thời gian đó, phải cố sức duy trì một chính sách chung với họ, chỉ cần là họ không phục vụ giai cấp tư sản thống trị và không tấn công những người cộng sản. Cố nhiên việc hoạt động chung không gạt bỏ việc tranh luận về những ý kiến bất đồng giữa họ với người cộng sản.

Câu hỏi thứ 25: Người cộng sản sẽ có thái độ như thế nào đối với các chính đảng khác trong thời đại chúng ta?

Trả lời: Thái độ sẽ khác nhau ở trong các nước khác nhau. - Ở Anh, Pháp và Bỉ là nơi mà giai cấp tư sản thống trị thì tạm thời người cộng sản còn có những quyền lợi chung với các đảng phái dân chủ. Hơn nữa, những người dân chủ càng đi gần đến mục đích của người cộng sản trong những biện pháp xã hội chủ nghĩa mà hiện nay những người dân chủ ở khắp nơi đều bênh vực, tức là họ càng bênh vực quyền lợi của giai cấp vô sản một cách rõ ràng và dứt khoát, càng dựa vào giai cấp vô sản thì quyền lợi chung nói trên

1* Trong bản thảo bỏ trống, đây có ý nói đến câu hỏi thứ 18.

càng lớn. Ví dụ như ở Anh, những người tham gia phong trào Hiến chương mà là công nhân thì nhất định sẽ gần người cộng sản hơn những người tiểu tư sản dân chủ hay những người gọi là cấp tiến.

Ở *Mỹ* là nơi đã có hiến pháp dân chủ, người cộng sản sẽ cần phải ủng hộ đảng muốn quay bản hiến pháp đó chống lại giai cấp tư sản và muốn dùng bản hiến pháp đó để mưu lợi ích cho giai cấp vô sản, tức là ủng hộ đảng của những người ủng hộ cuộc cải cách ruộng đất trong nước.

Ở *Thụy Sĩ*, những người cấp tiến, mặc dù họ còn là một đảng mà thành phần rất phức tạp, nhưng họ là những người duy nhất mà người cộng sản có thể liên hiệp được; trong hàng ngũ những người cấp tiến đó thì những người cấp tiến bang Va-át-tơ và Giơ-ne-vơ lại là những người tiến bộ nhất.

Cuối cùng, ở *Đức* cuộc đấu tranh quyết liệt giữa giai cấp tư sản và chế độ quân chủ chuyên chế còn chưa diễn ra. Nhưng vì người cộng sản không thể hy vọng rằng họ sẽ phải tiến hành một cuộc chiến đấu quyết định với giai cấp tư sản trước khi giai cấp tư sản giành được quyền thống trị, nên vì lợi ích của mình, người cộng sản có thể giúp đỡ cho giai cấp tư sản mau giành được quyền thống trị, để sau đó đến lượt mình sẽ lật đổ nó càng nhanh càng hay. Như vậy là trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản tự do với các chính phủ, người cộng sản bao giờ cũng phải đứng về phía giai cấp tư sản tự do, nhưng phải coi chừng sự tự dối mình của giai cấp tư sản, không nên tin vào những lời thuyết phục đầy sức quyến rũ của giai cấp tư sản về những kết quả tốt đẹp mà thắng lợi của giai cấp tư sản sẽ mang lại cho giai cấp vô sản. Thắng lợi của giai cấp tư sản chỉ mang lại cho người cộng sản những điều lợi duy nhất sau đây: 1) một vài sự nhượng bộ nào đấy làm cho người cộng sản dễ dàng bảo vệ, thảo luận và truyền bá những nguyên tắc của mình và do đó sẽ làm cho giai cấp vô sản dễ tập hợp thành một giai cấp có tổ chức, đoàn kết chặt chẽ, sẵn sàng xông ra chiến đấu và 2) sự tin tưởng rằng một khi các chính phủ chuyên chế sụp đổ thì tức là sẽ đến lượt đấu tranh giữa tư sản và vô sản. Kể từ ngày đó,

chính sách của đảng cộng sản ở những nơi này cũng sẽ giống như ở những nước mà giai cấp tư sản đã chiếm được địa vị thống trị".

Ph.Ăngghen: Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản, tr.456-480.

"Trong kinh tế chính trị học, về nguyên tắc thì không bao giờ được căn cứ vào bản số liệu chỉ có liên quan tới một năm để rút ra những quy luật chung. Bao giờ cũng cần lấy những con số trung bình trong sáu hay bảy năm, tức là trong một khoảng thời gian mà nền công nghiệp hiện đại trải qua các giai đoạn khác nhau - hưng thịnh, sản xuất thừa, đình đốn, khủng hoảng, - như thế là hoàn thành một chu kỳ tất yếu của nó.

Lẽ đương nhiên, trong trường hợp có sự sụt giá của tất cả các mặt hàng, - mà sự sụt giá này là hậu quả tất yếu của mậu dịch tự do, - thì với mỗi đồng phrăng tôi có thể mua sắm được nhiều vật dụng hơn nhiều so với trước đây. Mà đồng phrăng của người công nhân cũng có giá trị như bất kỳ đồng phrăng nào khác. Vậy là mậu dịch tự do rất có lợi cho công nhân. Nhưng cả thảy chỉ có độc một điều bất tiện nho nhỏ có liên quan tới vấn đề này, đó là: trước khi trao đổi đồng phrăng của mình để lấy các hàng hóa khác, người công nhân phải thực hiện sự trao đổi lao động của anh ta để lấy tư bản. Nếu như khi thực hiện sự trao đổi ấy mà anh ta vẫn tiếp tục được lĩnh như trước kia đồng phrăng nói trên cho cùng một số lượng lao động đó, trong khi giá cả tất cả các hàng hóa khác đều giảm đi thì anh ta bao giờ cũng sẽ được lợi trong một sự giao dịch như vậy. Cái khó hoàn toàn không phải ở chỗ chứng minh rằng khi giá cả của tất cả các mặt hàng giảm xuống thì với cùng một số tiền ấy có thể mua sắm được một lượng hàng lớn hơn.

Các nhà kinh tế học bao giờ cũng quan sát giá cả của lao động vào lúc lao động được đem trao đổi lấy những hàng hóa khác. Nhưng họ hoàn toàn không để ý gì tới cái khâu thực hiện sự trao đổi lao động lấy tư bản.

Khi cần ít chi phí hơn để làm cho chiếc máy sản xuất ra hàng hóa hoạt động thì những vật phẩm cần thiết để bảo dưỡng chiếc

máy ấy - chiếc máy mang tên gọi là công nhân - cũng rẻ đi y như vậy. Nếu như tất cả mọi thứ hàng hóa đều trở nên rẻ hơn thì ngay cả giá cả của lao động - nó cũng là hàng hóa - cũng giảm xuống y như vậy và, như ta sẽ thấy ở dưới đây, thứ hàng hóa - lao động này bị sụt giá nhiều hơn nữa so với mọi thứ hàng hóa khác. Khi ấy người công nhân mà từ nay về sau vẫn còn tin vào những luận cứ của các nhà kinh tế học, sẽ thấy rằng đồng phrăng trong túi anh ta đã vợi mất, rằng đồng phrăng còn lại không quá năm xu.

Các nhà kinh tế học sẽ phản đối chúng tôi về điều đó: thôi được, chúng tôi đồng ý là sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau chắc sẽ không giảm bớt khi mậu dịch tự do ngự trị, nó sẽ rất nhanh chóng đưa tiền công về mức phù hợp với giá hàng hóa hạ hơn. Nhưng mặt khác, sự hạ giá hàng hóa sẽ dẫn đến tiêu dùng nhiều hơn; tiêu dùng nhiều hơn đòi hỏi sản xuất tăng lên, sản xuất tăng lên sẽ kéo sự tăng nhu cầu về nhân công; kết quả của sự tăng nhu cầu về nhân công là tiền công tăng lên.

Tất cả những luận cứ ấy tựu trung lại là: mậu dịch tự do làm cho lực lượng sản xuất tăng lên. Nếu như công nghiệp phát triển, nếu như của cải, lực lượng sản xuất, tóm lại là tư bản sản xuất làm cho nhu cầu đối với lao động tăng lên thì giá cả của lao động, và do đó cả tiền công, cũng tăng lên. Tư bản tăng lên là điều có lợi nhất cho công nhân. Cần phải đồng ý ở điểm này. Nếu như tư bản nằm im thì công nghiệp sẽ không nằm im mà sẽ bắt đầu suy thoái, và trong trường hợp đó người công nhân sẽ là nạn nhân đầu tiên của sự suy thoái công nghiệp. Công nhân sẽ chết trước nhà tư bản. Vậy thì, còn trong trường hợp tư bản tăng lên, tức là, như đã nói trên kia, trong trường hợp có lợi nhất đối với người công nhân, số phận anh ta sẽ ra sao? Anh ta cũng sẽ chết như vậy thôi. Tư bản sản xuất tăng lên cũng có nghĩa là tích lũy và tích tụ tư bản. Hậu quả của tập trung tư bản là phân công lao động nhiều hơn nữa và sử dụng máy móc rộng rãi hơn nữa. Sự phân công lao động cao hơn sẽ làm cho sự khéo léo nghề nghiệp của người công nhân mất hết ý nghĩa, khi nó đặt vào chỗ sự khéo léo ấy một công việc mà người

nào cũng có thể làm được, và như vậy là tăng thêm sự cạnh tranh trong công nhân.

Cuộc cạnh tranh này càng trở nên mãnh liệt hơn do chỗ phân công lao động cho phép một công nhân có thể hoàn thành được công việc của ba người. Việc sử dụng máy móc cũng dẫn tới kết quả như vậy, mà lại trên một quy mô to lớn hơn nhiều. Tư bản sản xuất tăng lên bắt buộc các nhà tư bản công nghiệp phải không ngừng tăng cường tư liệu sản xuất, và qua đó làm phá sản các chủ xí nghiệp nhỏ, đẩy họ vào đội ngũ vô sản. Tiếp đến, bởi vì tư bản mà càng tích lũy thì mức lợi tức càng giảm đi, cho nên những người thực lợi nhỏ không thể tiếp tục sống bằng lợi tức của họ được nữa, đành lòng phải vào làm trong các xí nghiệp để tiếp tục làm tăng thêm số lượng những người vô sản.

Sau hết, tư bản sản xuất càng tăng lên thì càng cần sản xuất cho cái thị trường mà nó không biết rõ nhu cầu, sản xuất ngày càng vượt xa tiêu dùng, cung ngày càng có xu hướng vượt số cầu, và do tất cả những cái đó mà các cuộc khủng hoảng xảy ra ngày một thường xuyên hơn và ngày một trầm trọng hơn. Nhưng đứng về phía nó mà nói, mỗi cuộc khủng hoảng lại đẩy nhanh quá trình tập trung tư bản và làm cho hàng ngũ giai cấp vô sản đông thêm.

Như vậy là khi tư bản sản xuất tăng lên thì cạnh tranh trong công nhân cũng tiến triển với mức độ lớn hơn nhiều. Tiền công lao động hạ xuống đối với tất cả mọi người, còn đối với một số người thì tính chất nặng nhọc của lao động cũng tăng thêm".

C.Mác: Diễn văn về mậu dịch tự do đọc tại cuộc họp công khai của Hội dân chủ Bruy-xen ngày 9 tháng Giêng 1848, tr.578-581.

"Quy luật thứ nhất trong số các quy luật ấy nói rằng sự cạnh tranh làm giảm giá mọi thứ hàng hóa xuống đến mức chi phí tối thiểu để sản xuất ra nó. Như vậy, mức tiền công tối thiểu là giá cả tự nhiên của lao động. Thế mức tiền công tối thiểu là gì? Đó chính là mức tối thiểu cần thiết để sản xuất ra những vật phẩm cần thiết để nuôi sống người công nhân, để anh ta có thể nuôi sống bản thân

một cách chật vật và sẽ có thể duy trì nòi giống của mình ở một chừng mực nào đấy.

Từ đó không nên kết luận là người công nhân không thể lĩnh nhiều hơn số tiền công tối thiểu ấy, và bất luận thế nào cũng không nên nghĩ rằng anh ta bao giờ cũng chỉ được lĩnh con số tối thiểu ấy.

Không, do tác động của quy luật này mà giai cấp công nhân thỉnh thoảng cũng có những thời kỳ may mắn hơn. Đôi khi nó còn được lĩnh vượt con số tối thiểu ấy nữa, nhưng số dôi ra này chẳng qua chỉ là phần thêm vào để bù lại số nó không được lĩnh đủ so với mức tối thiểu trong những thời kỳ công nghiệp đình đốn. Điều đó có nghĩa là trong một khoảng thời gian nhất định bao giờ cũng lặp đi lặp lại một cách chu kỳ của vòng tuần hoàn mà công nghiệp hoàn thành, lần lượt trải qua các giai đoạn là phồn vinh, sản xuất thừa, đình đốn và khủng hoảng, thì kết quả là giai cấp công nhân - nếu như tính gộp tất cả những gì nó được lĩnh vượt mức cần thiết và những gì nó không được lĩnh đủ, - kiếm được không hơn không kém mức tối thiểu ấy; nói cách khác, giai cấp công nhân được duy trì nhìn chung như một giai cấp, mặc dù có tất cả những tai họa và cảnh nghèo khó nó phải chịu đựng, mặc dù có những xác chết nó bỏ lại trên bãi chiến trường công nghiệp. Nhưng điều ấy có thể có ý nghĩa gì? Nó nói lên rằng giai cấp công nhân vẫn tiếp tục tồn tại, và thậm chí còn hơn thế nữa, số lượng của nó vẫn tăng lên.

Tuy nhiên, như thế chưa phải là hết đâu. Do sự tiến bộ của công nghiệp mà xuất hiện những tư liệu sinh hoạt rẻ hơn. Chẳng hạn, rượu trắng thay thế bia, vải bông thay thế len và vải gai, khoai tây thay thế bánh mì.

Như vậy, do không ngừng tìm ra những phương pháp mới nuôi dưỡng công nhân bằng các loại thực phẩm rẻ tiền hơn và xấu hơn nên mức tiền công tối thiểu cũng không ngừng hạ thấp. Và nếu như lúc đầu tiền công ấy bắt con người phải lao động để sống thì cuối cùng nó bắt con người phải sống cuộc đời như một cái máy. Toàn bộ giá trị của sự tồn tại của người công nhân quy lại chỉ còn là cái giá

trị của anh ta với tính cách như một lực lượng sản xuất giản đơn; nhà tư bản cũng đối xử với anh ta một cách tương xứng như vậy.

Mậu dịch tự do, cái tiền đề xuất phát ấy của các nhà kinh tế học, mà càng được thực hiện và càng trở thành một sự kiện thực tế thì quy luật hàng hóa - lao động ấy, quy luật tiền công tối thiểu càng thể hiện nhiều hơn. Như vậy là chỉ còn lại một trong hai thứ: hoặc phủ nhận toàn bộ khoa kinh tế chính trị mà cơ sở của nó là định đề về mậu dịch tự do, hoặc đồng ý là khi có mậu dịch tự do thì công nhân phải chịu đựng toàn bộ tính chất khắc nghiệt của các quy luật kinh tế.

Ta hãy tổng kết lại: trong những điều kiện xã hội hiện đại thì mậu dịch tự do là gì? Đó là tự do của tư bản. Nếu như các vị có xóa bỏ được một vài trở ngại dân tộc vẫn còn tiếp tục cản trở tư bản tiến bước, thì các vị cũng chỉ trao cho nó quyền hoàn toàn tự do hành động mà thôi. Cho dù những điều kiện trong đó diễn ra sự trao đổi một thứ hàng hóa này lấy thứ hàng hóa khác có thuận lợi đến đâu đi nữa thì chừng nào hãy còn duy trì những quan hệ giữa lao động làm thuê và tư bản thì bao giờ cũng sẽ có giai cấp những kẻ bóc lột và giai cấp những người bị bóc lột. Thực khó mà hiểu nổi thái độ quá tự tin của những người ủng hộ mậu dịch tự do tưởng tượng rằng việc sử dụng tư bản một cách có lợi hơn sẽ thủ tiêu được mâu thuẫn đối kháng giữa các nhà tư bản công nghiệp và công nhân làm thuê. Chính là ngược lại, điều đó chỉ có thể làm cho tính chất đối lập giữa hai giai cấp ấy phơi bày rõ rệt hơn nữa mà thôi".

C.Mác: Diễn văn về mậu dịch tự do đọc tại cuộc họp công khai của Hội dân chủ Bruy-xen ngày 9 tháng Giêng 1848, tr.584-586.

"Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội. Trái lại, đối với tất cả các giai cấp công nghiệp trước kia thì việc duy trì nguyên vẹn phương thức sản xuất cũ là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của họ. Sự đảo lộn liên tiếp của sản xuất, sự

rung chuyển không ngừng trong tất cả những quan hệ xã hội, sự luôn luôn hoài nghi và sự vận động làm cho thời đại tư sản khác với tất cả các thời đại trước. Tất cả những quan hệ xã hội cứng đờ và hoen rỉ, với cả tràng những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa đi kèm những quan hệ ấy, đều đang tiêu tan; những quan hệ xã hội thay thế những quan hệ đó chưa kịp cứng lại thì đã già cỗi ngay. Tất cả những gì mang tính đẳng cấp và trì trệ đều tiêu tan như mây khói; tất cả những gì là thiêng liêng đều bị ô uế, và rốt cuộc, mọi người đều buộc phải nhìn những điều kiện sinh hoạt của họ và những quan hệ giữa họ với nhau bằng con mắt tỉnh táo.

Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi.

Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới. Mặc cho bọn phản động đau buồn, nó đã làm cho công nghiệp mất cơ sở dân tộc. Những ngành công nghiệp dân tộc cũ đã bị tiêu diệt và đang ngày càng bị tiêu diệt. Những ngành công nghiệp dân tộc bị thay thế bởi những ngành công nghiệp mới, tức là những ngành công nghiệp mà việc du nhập chúng trở thành một vấn đề sống còn đối với tất cả các dân tộc văn minh, những ngành công nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu đưa từ những miền xa xôi nhất trên trái đất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở tất cả các nơi trên trái đất nữa. Thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của

một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới.

Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó.

Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây.

Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị. Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau, thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc *thống nhất*, có một chính phủ *thống nhất*, một luật pháp *thống nhất,* một lợi ích dân tộc *thống nhất* mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan *thống nhất.*

Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ

hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự chinh phục những lực lượng thiên nhiên, sự sản xuất bằng máy móc, việc áp dụng hóa học vào công nghiệp và nông nghiệp, việc dùng tầu chạy bằng hơi nước, đường sắt, máy điện báo, việc khai phá từng lục địa nguyên vẹn, việc khai thông các dòng sông cho tầu bè đi lại được, hàng khối dân cư tựa hồ như từ dưới đất trồi lên, - có thế kỷ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn nằm tiềm tàng trong lòng lao động xã hội!

Vậy là chúng ta đã thấy rằng: những tư liệu sản xuất và trao đổi, làm cơ sở cho giai cấp tư sản hình thành, đã được tạo ra từ trong lòng xã hội phong kiến. Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó thì những quan hệ mà trong đó xã hội phong kiến tiến hành sản xuất và trao đổi, tổ chức nông nghiệp và công nghiệp theo lối phong kiến, - nói tóm lại, những quan hệ sở hữu phong kiến không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó đã cản trở sản xuất, chứ không làm cho sản xuất tiến triển lên. Tất cả những cái đó đều biến thành xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy, và quả nhiên những xiềng xích ấy đã bị đập tan.

Thay vào đó là sự cạnh tranh tự do, với một chế độ xã hội và chính trị thích ứng, với sự thống trị kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản.

Ngày nay, trước mắt chúng ta, đang diễn ra một quá trình tương tự. Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ như thế, thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên. Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản. Để chứng minh điều đó, chỉ cần nêu ra các cuộc khủng hoảng thương nghiệp diễn

đi diễn lại một cách chu kỳ và ngày càng đe dọa sự tồn tại của toàn bộ xã hội tư sản. Mỗi cuộc khủng hoảng đều phá hoại không những một số lớn sản phẩm đã được tạo ra, mà cả một phần lớn chính ngay những lực lượng sản xuất đã có nữa. Một nạn dịch - nếu ở một thời kỳ nào khác thì nạn dịch này hình như là một điều phi lý - đương gieo tai họa cho xã hội, đó là nạn dịch sản xuất thừa. Xã hội đột nhiên bị đẩy lùi về một trạng thái dã man nhất thời; dường như một nạn đói, một cuộc chiến tranh hủy diệt đã tàn phá sạch mọi tư liệu sinh hoạt của xã hội; công nghiệp và thương nghiệp như bị tiêu diệt. Vì sao thế? Vì xã hội có quá thừa văn minh, có quá nhiều tư liệu sinh hoạt, quá nhiều công nghiệp, quá nhiều thương nghiệp. Những lực lượng sản xuất mà xã hội sẵn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản. Những quan hệ tư sản đã trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa. - Giai cấp tư sản khắc phục những cuộc khủng hoảng ấy như thế nào? Một mặt, bằng cách cưỡng bức phải hủy bỏ một số lớn lực lượng sản xuất; mặt khác, bằng cách chiếm những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn nữa những thị trường cũ. Như thế thì đi đến đâu? Đi đến chỗ chuẩn bị cho những cuộc khủng hoảng toàn diện hơn và ghê gớm hơn và giảm bớt những phương cách ngăn ngừa những cuộc khủng hoảng ấy.

Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản.

Nhưng giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản.*

Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại - tức là giai cấp chỉ có thể sống với

điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản - cũng phát triển theo. Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ như nhau.

Do sự phát triển của việc dùng máy móc và sự phân công, nên lao động của người vô sản mất hết tính chất độc lập, do đó họ mất hết hứng thú. Người công nhân trở thành một vật phụ thuộc giản đơn của máy móc, người ta chỉ đòi hỏi người công nhân làm được một công việc đơn giản nhất, đơn điệu nhất, dễ học nhất mà thôi. Do đó, chi phí cho một công nhân hầu như chỉ còn là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống và nòi giống của anh ta mà thôi. Nhưng giá cả của lao động, cũng như giá cả mọi hàng hóa, lại bằng chi phí sản xuất ra nó. Cho nên lao động càng trở nên thiếu hấp dẫn thì tiền công càng hạ. Hơn nữa, việc sử dụng máy móc và sự phân công mà tăng lên thì lượng lao động cũng tăng lên theo, hoặc là do tăng thêm giờ làm, hoặc là do tăng thêm lượng lao động phải làm trong một thời gian nhất định, do cho máy chạy nhanh thêm, v.v..

Công nghiệp hiện đại đã biến xưởng thợ nhỏ của người thợ cả gia trưởng thành công xưởng lớn của nhà tư bản công nghiệp. Những khối đông đảo công nhân, chen chúc nhau trong công xưởng, được tổ chức theo lối quân sự. Là những người lính trơn của công nghiệp, họ bị đặt dưới quyền giám sát của cả một hệ thống cấp bậc sĩ quan và hạ sĩ quan. Họ không những là nô lệ của giai cấp tư sản, của nhà nước tư sản, mà hàng ngày, hàng giờ, còn là nô lệ của máy móc, của người đốc công và trước hết là của chính nhà tư sản chủ công xưởng. Chế độ chuyên chế ấy càng công khai tuyên bố lợi nhuận là mục đích duy nhất của nó thì nó lại càng trở thành ti tiện, bỉ ổi, đáng căm ghét.

Lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em.

Những sự phân biệt về lứa tuổi và giới tính không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động mà chi phí thì thay đổi tùy theo lứa tuổi và giới tính.

Lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những sự phân biệt về lứa tuổi và giới tính không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động mà chi phí thì thay đổi tùy theo lứa tuổi và giới tính.

Một khi người thợ đã bị chủ xưởng bóc lột và được trả tiền công rồi thì anh ta lại trở thành miếng mồi cho những phần tử khác trong giai cấp tư sản: chủ nhà cho thuê, chủ hiệu bán lẻ, kẻ cho vay nặng lãi, v.v..

Những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương nghiệp và người thực lợi nhỏ, thợ thủ công và nông dân là những tầng lớp dưới của tầng lớp trung đẳng xưa kia, đều rơi xuống hàng ngũ giai cấp vô sản, một phần vì số vốn ít ỏi của họ không đủ cho phép họ quản lý những xí nghiệp đại công nghiệp, nên họ bị sự cạnh tranh của bọn tư bản lớn hơn đánh bại, một phần vì sự khéo léo nhà nghề của họ bị những phương pháp sản xuất mới làm giảm giá trị đi. Thành thử giai cấp vô sản được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp của dân cư.

Giai cấp vô sản trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời.

Thoạt đầu, cuộc đấu tranh được tiến hành bởi những công nhân riêng lẻ; kế đến, bởi những công nhân cùng một công xưởng; và sau đó, bởi những công nhân cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương, chống lại người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Họ không phải chỉ đả kích vào quan hệ sản xuất tư sản mà còn đánh vào ngay cả công cụ sản xuất nữa; họ phá hủy hàng ngoại hóa cạnh tranh với họ, đập phá máy móc, đốt các công xưởng và ra sức giành lại địa vị đã mất của người thợ thủ công thời trung cổ.

Trong giai đoạn đó, giai cấp vô sản còn là một khối quần chúng sống tản mạn trong cả nước và bị cạnh tranh chia nhỏ. Nếu có lúc quần chúng công nhân tập hợp nhau lại thì đó cũng chưa phải là kết quả của sự liên hợp của chính họ, mà là kết quả của sự liên hợp của giai cấp tư sản, nó muốn đạt những mục đích chính trị của nó, nên phải huy động toàn thể giai cấp vô sản và tạm thời còn có khả năng huy động được như vậy. Bởi vậy, suốt trong giai đoạn này, những người vô sản chưa đánh kẻ thù của chính mình, mà đánh kẻ thù của kẻ thù của mình, tức là những tàn dư của chế độ quân chủ chuyên chế, bọn địa chủ, bọn tư sản phi công nghiệp, bọn tiểu tư sản. Toàn bộ sự vận động lịch sử được tập trung như vậy vào tay giai cấp tư sản; mọi thắng lợi đạt được trong những điều kiện ấy đều là thắng lợi của giai cấp tư sản.

Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xóa bỏ mọi sự khác nhau trong lao động và càng rút tiền công ở hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang nhau, thì lợi ích, điều kiện sinh hoạt của vô sản, càng dần dần ngang bằng nhau. Vì bọn tư sản ngày càng cạnh tranh với nhau hơn và vì khủng hoảng thương mại do sự cạnh tranh ấy sinh ra, cho nên dẫn tới tình trạng tiền công của công nhân ngày càng trở nên bấp bênh; việc cải tiến máy móc không ngừng và ngày càng nhanh chóng hơn làm cho tình cảnh của những người vô sản ngày càng bấp bênh, những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập những liên minh chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Thậm chí họ đi tới chỗ lập thành những đoàn thể thường trực để sẵn sàng đối phó, khi những cuộc xung đột bất thần xảy ra. Đây đó, đấu tranh nổ thành bạo động công khai.

Đôi khi công nhân thắng, nhưng đó chỉ là những thắng lợi tạm thời. Kết quả thật sự của những cuộc đấu tranh của họ là sự đoàn

kết ngày càng rộng của những người lao động, hơn là sự thành công tức thời. Việc tăng thêm phương tiện giao thông do đại công nghiệp tạo ra, giúp cho công nhân các địa phương tiếp xúc với nhau, đã làm cho sự đoàn kết ấy được dễ dàng. Mà chỉ tiếp xúc như vậy cũng đủ để tập trung nhiều cuộc đấu tranh địa phương, đâu đâu cũng mang tính chất giống nhau, thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là một cuộc đấu tranh chính trị. Và sự đoàn kết mà những thị dân thời trung cổ đã phải mất hàng thế kỷ mới xây dựng được bằng những con đường làng nhỏ hẹp của họ, thì những người vô sản hiện đại chỉ xây dựng trong vòng vài năm, nhờ có đường sắt.

Sự tổ chức như vậy của những người vô sản thành giai cấp và do đó thành chính đảng, luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn. Nó lợi dụng những bất hòa trong nội bộ giai cấp tư sản để buộc giai cấp tư sản phải thừa nhận, bằng luật pháp, một số quyền lợi của giai cấp công nhân. Chẳng hạn như đạo luật ngày lao động 10 giờ ở Anh.

Nói chung, những xung đột xảy ra trong xã hội cũ đã thúc đẩy quá trình phát triển của giai cấp vô sản về nhiều mặt. Giai cấp tư sản sống trong một trạng thái chiến tranh không ngừng: trước hết chống lại quý tộc, sau đó, chống lại các bộ phận của chính ngay giai cấp tư sản mà quyền lợi xung đột với sự tiến bộ của công nghiệp, và cuối cùng, luôn luôn chống lại giai cấp tư sản của tất cả các nước ngoài. Trong hết thẩy những cuộc đấu tranh ấy, giai cấp tư sản tự thấy mình buộc phải kêu gọi giai cấp vô sản, yêu cầu họ giúp sức, và do đó, lôi cuốn họ vào phong trào chính trị. Thành thử giai cấp tư sản đã cung cấp cho những người vô sản những tri thức của bản thân nó, nghĩa là những vũ khí chống lại bản thân nó.

Hơn nữa, như chúng ta vừa thấy, từng bộ phận trọn vẹn của giai cấp thống trị bị sự tiến bộ của công nghiệp đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản, hay ít ra thì cũng bị đe dọa về mặt những điều

kiện sinh hoạt của họ. Những bộ phận ấy cũng đem lại cho giai cấp vô sản nhiều tri thức.

Cuối cùng, lúc mà đấu tranh giai cấp tiến gần đến giờ quyết định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, mang một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách ra khỏi giai cấp này và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay. Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử.

Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp.

Các tầng lớp trung đẳng là những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản để cứu lấy sự sống còn của họ với tính cách là những tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ. Thậm chí, hơn thế nữa, họ lại là phản động: họ tìm cách làm cho bánh xe lịch sử quay ngược trở lại. Nếu họ có thái độ cách mạng thì cũng chỉ trong chừng mực là họ thấy họ sẽ phải rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản: lúc đó, họ bảo vệ lợi ích tương lai của họ, chứ không phải lợi ích hiện tại của họ, họ từ bỏ quan điểm của chính họ để đứng trên quan điểm của giai cấp vô sản.

Còn tầng lớp vô sản lưu manh, cái sản phẩm tiêu cực ấy của sự thối rữa của những tầng lớp bên dưới nhất trong xã hội cũ, thì đây đó, có thể được cách mạng vô sản lôi cuốn vào phong trào, nhưng điều kiện sinh hoạt của họ lại khiến họ sẵn sàng bán mình cho những mưu đồ của phe phản động.

Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xóa bỏ trong những điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản. Người vô sản không có tài sản; quan hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào với những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là những thành kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản.

Tất cả những giai cấp trước kia sau khi chiếm được chính quyền, đều ra sức củng cố địa vị mà họ đã nắm được bằng cách bắt toàn xã hội phải tuân theo những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính chúng. Những người vô sản chỉ có thể giành được những lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đấy, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu nói chung đã tồn tại từ trước đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu.

Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương.

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã.

Trong khi phác ra những nét lớn của các giai đoạn phát triển của giai cấp vô sản, chúng tôi đã nghiên cứu cuộc nội chiến ít nhiều mang tính chất ngấm ngầm trong xã hội hiện nay cho đến

khi cuộc nội chiến ấy nổ bung ra thành cách mạng công khai, mà giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản.

Tất cả những xã hội trước kia, như chúng ta đã thấy, đều dựa trên sự đối kháng giữa các giai cấp áp bức với các giai cấp bị áp bức. Nhưng muốn áp bức một giai cấp nào đó thì cần phải bảo đảm cho giai cấp ấy những điều kiện sinh sống khiến cho họ, chí ít, cũng có thể sống được trong vòng nô lệ. Người nông nô trong chế độ nông nô, đã tiến tới chỗ trở nên một thành viên của công xã, cũng như người tiểu tư sản đã vươn tới địa vị người tư sản, dưới ách của chế độ chuyên chế phong kiến. Người công nhân hiện đại, trái lại, đã không vươn lên được cùng với sự tiến bộ của công nghiệp, mà còn luôn luôn rơi xuống thấp hơn, dưới cả những điều kiện sinh sống của chính giai cấp họ. Người lao động trở thành một người nghèo khổ, và nạn nghèo khổ còn tăng lên nhanh hơn là dân số và của cải. Vậy hiển nhiên là giai cấp tư sản không có khả năng tiếp tục làm tròn vai trò giai cấp thống trị của mình trong xã hội và buộc toàn xã hội phải chịu theo điều kiện sinh sống của giai cấp mình, coi đó là một quy luật chi phối tất cả. Nó không thể thống trị được nữa, vì nó không thể bảo đảm cho người nô lệ của nó ngay cả một mức sống nô lệ, vì nó đã buộc phải để người nô lệ ấy rơi xuống tình trạng khiến nó phải nuôi người nô lệ ấy, chứ không phải người nô lệ ấy nuôi nó. Xã hội không thể sống dưới sự thống trị của giai cấp tư sản nữa, như thế có nghĩa là sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn tương dung với sự tồn tại của xã hội nữa.

Điều kiện căn bản của sự tồn tại và của sự thống trị của giai cấp tư sản là sự tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản. Điều kiện tồn tại của tư bản là lao động làm thuê. Lao động làm thuê hoàn toàn dựa vào sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Sự tiến bộ của công nghiệp - mà giai cấp tư sản là người đại diện mặc nhiên của nó và không đủ sức chống lại nó - đem sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có, thay cho sự chia rẽ của công nhân do cạnh tranh

giữa họ gây nên. Như vậy, cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tr.600-613.

"Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia.

Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu.

Người ta trách những người cộng sản chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu do cá nhân mỗi người làm ra, kết quả lao động của cá nhân, sở hữu mà người ta bảo là cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân.

Cái sở hữu làm ra, kiếm được một cách lương thiện và do lao động của bản thân tạo ra ư! Phải chăng người ta muốn nói đến cái hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản, tức là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông? Chúng tôi có cần gì phải xóa bỏ cái đó, sự phát triển của công nghiệp đã xóa bỏ và hàng ngày vẫn tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi.

Hay là người ta muốn nói đến chế độ tư hữu tư sản hiện thời?

Nhưng phải chăng lao động làm thuê, lao động của người vô sản, lại tạo ra sở hữu cho người vô sản? Tuyệt đối không. Nó tạo ra tư bản, tức là cái sở hữu bóc lột lao động làm thuê, cái sở hữu chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là phải sản xuất ra lao động làm thuê mới để lại bóc lột lao động làm thuê đó. Trong hình thái hiện tại của nó, sở hữu vận động trong sự đối lập giữa hai cực: tư bản và lao động. Chúng ta hãy xét hai cực của sự đối lập ấy.

Trở thành nhà tư bản có nghĩa là không những chỉ chiếm một địa vị thuần túy cá nhân, mà còn chiếm một địa vị xã hội trong sản xuất. Tư bản là một sản phẩm tập thể và nó chỉ có thể vận động được là nhờ sự hoạt động chung của nhiều thành viên trong xã hội, xét đến cùng, là nhờ sự hoạt động chung của tất cả các thành viên trong xã hội.

Vậy tư bản không phải là một lực lượng cá nhân, nó là một lực lượng xã hội.

Cho nên, nếu tư bản biến thành sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội thì đó không phải là một sở hữu cá nhân chuyển thành sở hữu xã hội. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi thôi. Sở hữu mất tính chất giai cấp của nó".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tr.615-617.

"Trong khuôn khổ những quan hệ sản xuất tư sản hiện tại thì tự do có nghĩa là tự do buôn bán, tự do mua và bán.

Nhưng nếu buôn bán không còn thì buôn bán tự do cũng không còn nữa. Vả lại, tất cả những luận điệu về tự do buôn bán, cũng như tất cả những lời nói khoa trương khác của các nhà tư sản của chúng ta về tự do, nói chung chỉ có ý nghĩa, khi đem đối chiếu với việc buôn bán bị cản trở, với người thị dân bị nô dịch ở thời trung cổ mà thôi; những luận điệu và lời nói đó không còn ý nghĩa gì nữa, khi vấn đề đặt ra là chủ nghĩa cộng sản phải xóa bỏ buôn bán, xóa bỏ những quan hệ sản xuất tư sản và xóa bỏ ngay cả giai cấp tư sản nữa.

Các ông hoảng lên, vì chúng tôi muốn xóa bỏ chế độ tư hữu. Nhưng trong xã hội hiện nay của các ông, chế độ tư hữu đã bị xóa bỏ đối với chín phần mười số thành viên của xã hội đó rồi; chính vì nó không tồn tại đối với số chín phần mười ấy, nên nó mới tồn tại được. Như vậy, các ông trách chúng tôi là muốn xóa bỏ một hình thức sở hữu chỉ có thể tồn tại với điều kiện tất yếu là tuyệt đại đa số bị tước mất hết mọi sở hữu.

Nói tóm lại, các ông buộc tội chúng tôi là muốn xóa bỏ sở hữu riêng của các ông. Quả thật, đó chính là điều chúng tôi muốn.

Khi mà lao động không còn có thể biến thành tư bản, thành tiền bạc, thành địa tô, tóm lại, thành quyền lực xã hội có thể biến thành độc quyền được, nói tóm lại, khi mà sở hữu cá nhân không còn có thể biến thành sở hữu tư sản được nữa thì lúc đó, các ông tuyên bố rằng cá nhân bị thủ tiêu.

Như vậy là các ông thú nhận rằng khi các ông nói đến cá nhân, là các ông chỉ muốn nói đến người tư sản, người tư hữu tư sản mà thôi. Mà cái cá nhân ấy thì chắc chắn là cần phải thủ tiêu đi.

Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tr.618.

"Lịch sử của toàn bộ các xã hội, từ trước đến nay, đều diễn ra trong những đối kháng giai cấp, những đối kháng mang những hình thức khác nhau tùy từng thời đại.

Nhưng dù những đối kháng ấy mang hình thức nào đi nữa thì hiện tượng một bộ phận này của xã hội bóc lột một bộ phận khác cũng vẫn là hiện tượng chung cho tất cả các thế kỷ trước kia. Vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng ý thức xã hội của mọi thế kỷ, mặc dù có muôn màu muôn vẻ và hết sức khác nhau, vẫn vận động trong một số hình thức chung nào đó, trong những hình thức ý thức chỉ hoàn toàn tiêu tan khi hoàn toàn không còn có đối kháng giữa các giai cấp nữa.

Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hữu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ.

Nhưng hãy gác lại những lời giai cấp tư sản phản đối chủ nghĩa cộng sản.

Như chúng ta đã thấy trên kia, bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Cố nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách xâm phạm một cách chuyên chế vào quyền sở hữu và vào những quan hệ sản xuất tư sản, nghĩa là bằng những biện pháp, mà về mặt kinh tế thì hình như không được đầy đủ và không có hiệu lực, nhưng trong tiến trình vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tr.625-627.

"Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó. Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác. Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tr.628.

TẬP 6

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"Trong sản xuất, người ta không chỉ quan hệ với giới tự nhiên. Người ta không thể sản xuất được nếu không kết hợp với nhau theo một cách nào đó để hoạt động chung và để trao đổi hoạt động với nhau. Muốn sản xuất được, người ta phải có những mối liên hệ và quan hệ nhất định với nhau; và quan hệ của họ với giới tự nhiên, tức là việc sản xuất, chỉ diễn ra trong khuôn khổ những mối liên hệ và quan hệ xã hội đó.

Tùy theo tính chất của tư liệu sản xuất mà những quan hệ xã hội đó giữa những người sản xuất với nhau, những điều kiện trong đó họ trao đổi hoạt động với nhau và tham gia vào toàn bộ sự sản xuất, đương nhiên sẽ khác nhau. Do phát minh ra một công cụ mới của chiến tranh, tức là khẩu súng khai hỏa, mà toàn bộ tổ chức nội bộ của quân đội đã nhất thiết phải thay đổi, những quan hệ trong đó những cá nhân họp thành một đạo quân và có thể hành động như một đạo quân đã phải được cải tổ, những mối quan hệ giữa các đạo quân với nhau cũng đã thay đổi.

Vậy, khi những tư liệu sản xuất vật chất, những lực lượng sản xuất mà thay đổi và phát triển thì những quan hệ xã hội trong đó những cá nhân sản xuất, tức là *những quan hệ sản xuất xã hội, cũng thay đổi, biến đổi theo. Tổng hợp lại thì những quan hệ sản xuất hợp thành cái mà người ta gọi là những quan hệ xã hội, là xã hội, và hơn nữa hợp thành một xã hội ở vào một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định*, một xã hội có tính chất độc đáo riêng biệt. Xã hội *cổ đại*, xã hội *phong kiến*, xã hội *tư sản* đều là những tổng

thể quan hệ sản xuất như vậy, mỗi tổng thể đó đồng thời lại đại biểu cho một giai đoạn phát triển đặc thù trong lịch sử nhân loại.

Tư bản cũng là một quan hệ sản xuất xã hội. *Đó là quan hệ sản xuất tư sản*, quan hệ sản xuất của xã hội tư sản. Tư liệu sinh hoạt, công cụ lao động, nguyên liệu họp thành tư bản, - tất cả những cái đó há chẳng phải đã được sản xuất và tích lũy trong những điều kiện xã hội nhất định, trong những quan hệ xã hội nhất định hay sao? Những thứ đó há chẳng phải được dùng cho sản xuất mới, trong những điều kiện xã hội nhất định, trong những quan hệ xã hội nhất định hay sao? Há chẳng phải chính tính chất xã hội nhất định đó đang biến những sản phẩm dùng cho sản xuất mới, *thành tư bản* hay sao?

Tư bản không chỉ gồm có tư liệu sinh hoạt, công cụ lao động và nguyên liệu, không chỉ gồm có sản phẩm vật chất, nó đồng thời cũng gồm *những giá trị trao đổi nữa*. Tất cả những sản phẩm hợp thành tư bản đều là *hàng hóa*. Như vậy, tư bản không phải chỉ là một tổng số những sản phẩm vật chất, mà còn là một tổng số những hàng hóa, những giá trị trao đổi, những *đại lượng xã hội*".

Lao động làm thuê và tư bản, tr.552-554.

"Lao động được giản đơn hóa. Chi phí sản xuất ra lao động giảm đi. Lao động trở nên rẻ mạt hơn. Cạnh tranh giữa công nhân với nhau ngày càng tăng.

Việc chuyển từ ngành này sang ngành khác. [...]

Loại lao động mới mà người công nhân bị đẩy xuống làm, - còn tồi tệ hơn loại lao động cũ; còn bị lệ thuộc hơn. Lao động của người lớn được thay thế bằng lao động trẻ em, lao động của đàn ông được thay thế bằng lao động của đàn bà, lao động của những công nhân thạo việc hơn được thay thế bằng lao động của những công nhân kém thạo việc hơn.

Hoặc số giờ lao động bị tăng lên, hoặc tiền công bị giảm xuống.

Việc cạnh tranh giữa công nhân với nhau không chỉ là ở chỗ người này bán mình rẻ hơn người khác, mà còn ở chỗ một người làm việc bằng hai người.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất nói chung dẫn đến những hậu quả:

a) tình cảnh của công nhân bị xấu đi một cách tương đối so với tình cảnh của nhà tư bản và giá trị của những sự hưởng thụ chỉ là tương đối. Bản thân sự hưởng thụ chẳng là cái gì khác ngoài sự hưởng thụ, những quan hệ, những mối tương quan về mặt xã hội;

b) người công nhân trở thành một sức sản xuất ngày càng phiến diện, sức sản xuất này sản xuất ra càng nhiều càng tốt trong thời gian càng ngắn càng tốt. Lao động thành thạo ngày càng trở thành lao động giản đơn;

c) tiền công ngày càng phụ thuộc vào thị trường thế giới, còn tình cảnh của công nhân ngày càng mất ổn định;

d) trong tư bản sản xuất, bộ phận dành cho máy móc và nguyên liệu tăng nhanh hơn rất nhiều so với bộ phận dành để approvision-nement công nhân. Do đó, việc tăng tư bản sản xuất không kèm theo việc tăng tương ứng lượng cầu về lao động.

Tiền công phụ thuộc vào:

α) khối lượng tư bản sản xuất nói chung;

β) tỷ lệ giữa các bộ phận cấu thành của tư bản đó.

Người công nhân không hề có ảnh hưởng gì đến những yếu tố trên.

(Nếu như tiền công không biến động, thì người công nhân cũng chẳng hề có lợi lộc gì nhờ sự phát triển nền văn minh, tình cảnh của anh ta vẫn chẳng hề thay đổi.)

Về việc cạnh tranh giữa công nhân với máy móc, cần phải vạch rõ rằng những người công nhân làm lao động thủ công (thí dụ, những thợ thủ công dệt vải bông) khổ cực hơn so với những công nhân làm việc bằng máy móc trực tiếp trong các nhà máy.

Mọi sự phát triển của sức sản xuất mới đồng thời cũng là một vũ khí chống lại công nhân. Thí dụ, tất cả những sự cải tiến,

hoàn thiện trong các phương tiện giao thông làm cho cạnh tranh giữa công nhân ở các địa phương khác nhau càng dễ bùng nổ và biến cạnh tranh ở địa phương thành cạnh tranh trên quy mô toàn quốc v.v..

Giá cả tất cả các hàng hóa ngày càng trở nên rẻ hơn, song cái hiện tượng giá cả ngày càng rẻ đi đó lại không liên quan gì đến những tư liệu sinh hoạt cần thiết nhất, - việc đó đã dẫn đến chỗ là người công nhân phải khoác những đống giẻ rách trên người, còn sự nghèo đói của anh ta mang màu sắc của văn minh".

C.Mác: Tiền công, tr.726-728.

"*α*) Mức tiền công tùy thuộc vào tỷ lệ giữa số lượng nhân công đến xin làm việc với số lượng nhân công cần có.

Tiền công có thể được tăng bằng hai cách:

Hoặc, nếu tư bản đưa lao động vào hoạt động mà tăng nhanh đến mức số cầu về công nhân tăng nhanh hơn - theo cấp số tăng lên nhanh hơn - so với số cung về công nhân.

Hoặc, thứ hai, khi dân số tăng một cách chậm chạp đến mức sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau trở nên yếu đi, mặc dù tư bản sản xuất tăng không nhanh.

Đối với một mặt của quan hệ, tức là, đối với việc tăng tư bản sản xuất, thì các bạn, những người công nhân, không thể có ảnh hưởng một tý gì hết.

Ngược lại, các bạn hoàn toàn có thể có ảnh hưởng đến mặt kia.

Các bạn có thể giảm bớt mức cung từ phía công nhân, có nghĩa là giảm bớt sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau bằng cách hết sức giảm bớt số lượng trẻ em được sinh ra.

Để vạch trần toàn bộ những điều ngu xuẩn, đê tiện và giả nhân giả nghĩa của học thuyết này, chỉ cần nêu mấy nhận xét sau đây là đủ:

β) (Cần phải bổ sung điều này cho phần I: Việc phát triển lực lượng sản xuất có ảnh hưởng như thế nào đến tiền công?)

Tiền công tăng, nếu nhu cầu về lao động tăng. Nhu cầu này tăng, nếu tư bản đưa lao động vào hoạt động cũng tăng, có nghĩa là nếu tư bản sản xuất tăng lên.

Ở đây cần phải rút ra hai nhận xét cơ bản:

Thứ nhất: điều kiện chủ yếu để nâng cao tiền công là tăng tư bản sản xuất và tăng một cách thật nhanh chóng nguồn tư bản đó. Do vậy, điều kiện chủ yếu để người công nhân sống tạm ổn là anh ta ngày càng phải hạ thấp tình cảnh của mình xuống so với giai cấp tư sản, anh ta ngày càng phải làm hết khả năng của mình để tăng sức mạnh cho kẻ thù của mình - đó là tư bản. Điều đó có nghĩa là: tình cảnh của anh ta chỉ có thể nhì nhằng trong điều kiện anh ta sản sinh ra và làm tăng cái lực lượng thù địch đối với mình, làm tăng cái đối lập với bản thân mình. Trong điều kiện đó, khi anh ta tạo ra cái lực lượng thù địch với chính mình đó, thì anh ta mới có thể kiếm được ở cái lực lượng đó phương tiện việc làm, những phương tiện này một lần nữa lại biến anh ta thành một bộ phận của tư bản sản xuất và trở thành đòn bẩy để tăng cường tư bản sản xuất và bắt tư bản sản xuất đó tăng lên với tốc độ nhanh chóng.

Nhân tiện chúng ta vạch rõ: nếu quan hệ giữa tư bản và lao động đó có thể hiểu được, thì hoàn toàn có thể giải thích được tất cả sự lố bịch của những mưu toan theo kiểu Phu-ri-ê và những mưu toan khác định dung hòa tư bản và lao động.

Thứ hai: sau khi chúng ta đã giải thích một cách tổng quát như vậy về quan hệ bị xuyên tạc đó, thì lại còn có thêm một yếu tố thứ hai, quan trọng hơn nữa.

Cụ thể là: việc tăng tư bản sản xuất có nghĩa là gì và việc đó xảy ra trong những điều kiện như thế nào?

Tăng tư bản có nghĩa là tích lũy và tích tụ tư bản. Tư bản được tích lũy và tích tụ bao nhiêu thì nó tạo nên:

lao động trên quy mô ngày càng tăng bấy nhiêu và do đó, tạo nên sự phân công lao động khác làm giản đơn hóa lao động;

sau đó là sự áp dụng máy móc trên quy mô lớn hơn bấy nhiêu và sự áp dụng các máy móc mới.

Như vậy, điều đó có nghĩa là tư bản sản xuất tăng lên bao nhiêu, thì:

sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau cũng tăng lên bấy nhiêu bởi vì sự phân công lao động ngày càng giản đơn, và mọi lĩnh vực lao động đều trở nên dễ với tới hơn đối với từng người.

Sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau ngày càng tăng, còn bởi vì họ còn phải cạnh tranh với một mức độ cũng như vậy với máy móc, và vì máy móc mà họ không có việc làm. Do đó, sự tích tụ và tích lũy tư bản sản xuất làm cho quy mô sản xuất ngày càng mở rộng - hơn nữa do sự cạnh tranh của các tư bản đã được bỏ ra, cho nên lợi tức do tư bản đem lại ngày càng giảm đi, -

đã kéo theo những điều sau đây:

Những xí nghiệp công nghiệp nhỏ bé bị suy tàn và không thể chịu đựng được sự cạnh tranh với các xí nghiệp lớn. Nhiều tầng lớp trọn vẹn trong giai cấp tư sản bị rơi xuống hàng ngũ giai cấp công nhân. Do đó, cạnh tranh giữa công nhân với nhau ngày càng tăng do sự phá sản của những người tiểu chủ, một sự phá sản gắn liền một cách tất yếu với việc tăng tư bản sản xuất.

Đồng thời, do mức lợi tức giảm đi, các nhà tư bản nhỏ trước kia không tham gia trực tiếp vào công nghiệp, thì giờ đây buộc phải tham gia hoạt động công nghiệp, có nghĩa là bổ sung hàng loạt vật hy sinh mới cho nền đại công nghiệp. Do đó, xét về phương diện đó, số lượng giai cấp công nhân tăng lên, và sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau cũng tăng lên.

Vì sự phát triển của lực lượng sản xuất khiến cho quy mô lao động được mở rộng, nên sự sản xuất thừa tạm thời trở nên ngày càng không thể tránh khỏi, thị trường thế giới ngày càng được mở rộng trong khi cạnh tranh thì ngày càng phổ biến. Do đó, các cuộc khủng hoảng trở nên ngày càng gay gắt hơn. Trong tình hình có những thủ đoạn hết sức đột ngột như vậy, những thủ đoạn đã thúc giục công nhân kết hôn và sinh con đẻ cái, họ cụm lại thành những khối đông, họ tập trung lại với nhau, và tiền công của họ ngày càng bấp bênh. Do đó, mọi cuộc khủng hoảng mới đều trực

tiếp gây nên sự cạnh tranh ngày càng mãnh liệt giữa những người công nhân.

Nói chung: sự phát triển của lực lượng sản xuất với những phương tiện giao thông nhanh chóng hơn, với sự lưu thông nhanh chóng hơn và chu chuyển của tư bản dồn dập hơn - là ở chỗ: trong cùng một thời gian có thể sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn, và do đó, theo quy luật cạnh tranh, cần phải sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn. Điều đó có nghĩa là: việc sản xuất được tiến hành trong điều kiện ngày càng khó khăn hơn, và để ngay trong những điều kiện đó vẫn có thể duy trì cạnh tranh, lao động phải được tiến hành trên quy mô ngày càng lớn hơn, tư bản cần phải được tập trung ngày càng nhiều hơn vào tay một số ít người. Và để quá trình sản xuất đó trở nên có lợi trên quy mô lớn, việc phân công lao động và sản xuất cơ khí tất phải phát triển một cách không ngừng và không cân đối.

Quá trình sản xuất trong những điều kiện ngày càng nặng nhọc hơn đó được mở rộng đến cả người công nhân, với tính cách là một bộ phận của tư bản. Anh ta phải sản xuất ra nhiều hơn trong những điều kiện ngày càng nặng nề hơn, có nghĩa là phải làm việc nhiều hơn để lĩnh tiền công ngày càng ít hơn, trong điều kiện chi phí sản xuất ngày càng hạ bớt hơn. Như vậy, bản thân mức tiền công tối thiểu ngày càng trở thành một sự căng thẳng hơn về sức lực, với mức tối thiểu về hưởng thụ cuộc sống.

Sự mất cân đối tăng lên theo cấp số nhân chứ không phải theo cấp số cộng.

Do đó, sự phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với việc tăng cường sự thống trị của đại tư bản, đi đôi với việc ngày càng tinh giản và đơn giản hóa các máy móc, - được gọi là công nhân, - đi đôi với sự cạnh tranh trực tiếp ngày càng tăng giữa công nhân với nhau do phân công lao động được đẩy mạnh và áp dụng máy móc, do tiền thưởng được ấn định công khai để thưởng cho sự sản xuất ra con người, do sự cạnh tranh của các tầng lớp tư sản bị phá sản v.v..

Chúng ta có thể trình bày điều đó một cách đơn giản hơn.

Tư bản sản xuất bao gồm ba bộ phận cấu thành:

1) nguyên liệu phải gia công;

2) máy móc và các loại vật liệu như than v.v. cần thiết cho sự hoạt động của máy móc, cho các công trình xây dựng v.v.;

3) một phần của tư bản dùng để nuôi sống công nhân.

Ba bộ phận đó của tư bản sản xuất quan hệ với nhau như thế nào trong điều kiện tư bản sản xuất ngày càng tăng?

Gắn liền với sự phát triển của tư bản sản xuất là sự tích tụ tư bản sản xuất còn gắn liền với sự tích tụ đó là tư bản sản xuất chỉ có thể đem lại lợi nhuận trong điều kiện bóc lột trên quy mô ngày càng tăng.

Như vậy, một bộ phận đáng kể tư bản sẽ được trực tiếp biến thành công cụ lao động và sẽ hoạt động như là công cụ lao động, lực lượng sản xuất càng phát triển, thì bộ phận tư bản được trực tiếp biến thành máy móc đó sẽ càng lớn.

Việc phát triển sản xuất cơ khí, cũng giống như việc mở rộng phân công lao động, sẽ dẫn đến một việc là: trong khoảng thời gian ngắn hơn có thể sản xuất được nhiều hơn gấp bội. Do đó, về mặt này dự trữ nguyên liệu cũng cần phải gia tăng. Trong khi mở rộng tư bản sản xuất, cũng cần phải mở rộng bộ phận tư bản được biến thành nguyên liệu.

Bây giờ còn lại phần thứ ba của tư bản sản xuất được dành để nuôi sống công nhân, có nghĩa là cái phần được biến thành tiền công.

Việc mở rộng bộ phận tư bản sản xuất này có quan hệ với hai bộ phận kia như thế nào?

Kết quả của sự phân công lao động phát triển hơn là: một người công nhân sản xuất ra một lượng bằng ba, bốn, năm người sản xuất được trước kia. Chính cái tỷ lệ đó trên quy mô lớn hơn nhiều là hậu quả của việc áp dụng máy móc.

Do đó, trước hết rõ ràng là sự gia tăng các bộ phận tư bản sản xuất được biến thành máy móc và nguyên liệu không đi liền với sự gia tăng tương tự của bộ phận tư bản dùng để trả tiền công. Trong trường hợp đó việc áp dụng máy móc và việc phân công lao động phát triển hơn dường như không đạt được mục tiêu của mình.

Như vậy, từ đó người ta có thể trực tiếp rút ra là: bộ phận tư bản sản xuất dùng để trả tiền công không được tăng bằng mức tăng của bộ phận tư bản sản xuất được chi cho máy móc và nguyên liệu. Còn hơn thế nữa. Tư bản sản xuất, có nghĩa là lực lượng tư bản với tư cách là tư bản tăng lên đến mức nào, thì sự mất cân đối giữa tư bản bỏ vào nguyên liệu và máy móc với tư bản được chi cho tiền công cũng tăng lên đến mức ấy. Do vậy, điều đó có nghĩa là bộ phận tư bản sản xuất dùng để trả tiền công ngày càng ít đi so với bộ phận tư bản hoạt động với tính cách là máy móc và nguyên liệu.

Sau khi nhà tư bản bỏ vào máy móc một lượng tư bản lớn hơn, thì ông ta buộc phải chi một lượng tư bản lớn hơn cho việc mua nguyên liệu nói chung và mua nguyên liệu cần thiết để chạy máy móc. Nhưng nếu như trước kia ông ta lấy 100 công nhân vào làm việc, thì giờ đây, có thể, ông ta chỉ cần có 50 người làm việc. Nếu không thì có thể, ông ta một lần nữa sẽ phải tăng gấp đôi các bộ phận tư bản khác lên, có nghĩa là càng làm tăng thêm nữa sự mất cân đối. Vậy là, ông ta sẽ sa thải 50 người, hoặc nếu không thì 100 người đó sẽ phải làm việc với cái giá trả cho 50 người trước kia. Như vậy, trên thị trường sẽ dư thừa công nhân.

Trong điều kiện phân công lao động được hoàn thiện, thì chỉ phải tăng số tư bản để mua nguyên liệu. Một công nhân có thể sẽ thay thế cho 3 công nhân.

Nhưng, chúng ta giả định một trường hợp thuận lợi nhất. Nhà tư bản mở rộng xí nghiệp của mình bằng cách: ông ta chẳng những có thể giữ nguyên số lượng công nhân như cũ - và ông ta, tất nhiên, sẽ không chờ cho đến khi có khả năng làm được việc đó, - mà thậm chí còn tăng thêm số lượng công nhân; như vậy khi đó ông ta buộc phải mở rộng sản xuất ra nhiều để giữ nguyên số lượng công nhân đó hoặc thậm chí có khả năng tăng thêm số lượng đó, và quan hệ tỷ lệ giữa số lượng công nhân so với lực lượng sản xuất đã trở nên vô cùng mất cân đối hơn một cách tương đối. Do đó sản xuất thừa được đẩy nhanh và trong cuộc khủng hoảng sắp tới số lượng công nhân mất việc làm sẽ nhiều hơn bao giờ hết.

Do vậy, quy luật phổ biến tất yếu bắt nguồn từ bản chất của quan hệ giữa tư bản và lao động - là: trong điều kiện phát triển lực lượng sản xuất thì bộ phận tư bản sản xuất được biến thành máy móc và nguyên liệu, có nghĩa là tư bản với tính cách là tư bản tăng lên một cách không cân đối so với bộ phận tư bản dùng để trả tiền công; có nghĩa là nói một cách khác: so với toàn bộ khối lượng tư bản sản xuất, công nhân phải chia nhau cái phần ngày càng ít đi của tư bản đó. Do đó, sự cạnh tranh giữa họ với nhau ngày càng gay gắt. Nói khác đi: tư bản sản xuất càng tăng thì phương tiện việc làm hoặc tư liệu sinh hoạt đối với công nhân càng bị giảm đi một cách tương đối, nói một cách khác, số lượng người lao động tăng nhanh hơn so với các phương tiện việc làm. Hơn nữa tư bản sản xuất nói chung tăng lên bao nhiêu thì sự mất cân đối đó tăng lên bấy nhiêu.

Để xóa bỏ sự mất cân đối nói trên, tư bản sản xuất phải được tăng theo cấp số nhân, và sau đó, để sự mất cân đối đó lại được xóa bỏ trong thời kỳ khủng hoảng, thì tư bản sản xuất đó được tăng nhiều hơn nữa.

Quy luật này thuần túy bắt nguồn từ quan hệ giữa công nhân với tư bản, do đó, đã biến ngay cả tình huống thuận lợi nhất đối với người công nhân - tức là việc tăng nhanh tư bản sản xuất - thành tình huống bất lợi cho anh ta, các nhà tư sản đã biến quy luật đó từ một quy luật xã hội thành quy luật tự nhiên, bằng cách khẳng định rằng: theo quy luật tự nhiên dân số tăng nhanh hơn so với các phương tiện việc làm hoặc so với các tư liệu sinh hoạt.

Họ không hiểu rằng việc tăng tư bản sản xuất đã bao hàm sự phát triển của mâu thuẫn đó.

Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này sau.

Sức sản xuất, đặc biệt là lực lượng xã hội của bản thân những người công nhân không được trả công cho họ mà thậm chí lại được sử dụng để chống lại họ.

Ψ) Điều phi lý thứ nhất:

Chúng ta thấy rằng nếu như tư bản sản xuất tăng lên - đó là trường hợp thuận lợi nhất theo giả định của các nhà kinh tế, - nếu như, do đó, lượng cầu về lao động sẽ tăng lên một cách tương ứng, thì căn cứ vào tính chất của nền công nghiệp hiện đại và bản chất của tư bản, có thể rút ra kết luận rằng những phương tiện việc làm đối với người công nhân sẽ không tăng lên với mức đó, rằng bản thân những hoàn cảnh đã tạo nên sự gia tăng tư bản sản xuất buộc sự mất cân đối giữa cung và cầu về lao động phải tăng càng nhanh hơn nữa, - tóm lại, sự phát triển của lực lượng sản xuất đồng thời làm tăng thêm sự mất cân đối giữa số lượng công nhân với số lượng phương tiện việc làm của họ. Điều đó chẳng hề phụ thuộc vào việc tăng số lượng các tư liệu sinh hoạt, cũng chẳng hề phụ thuộc vào mức tăng của dân cư, nếu như xem xét điều đó đúng như bản chất của nó. Điều đó tất yếu xuất phát từ bản chất của nền đại công nghiệp và từ quan hệ giữa lao động và tư bản.

Nhưng nếu như tư bản sản xuất chỉ tăng lên một cách chậm chạp, nếu như tư bản sản xuất không thay đổi hoặc thậm chí bị giảm đi, thì số lượng công nhân cũng vẫn cứ luôn luôn lớn hơn so với lượng cầu về lao động.

Trong cả hai trường hợp, trong trường hợp thuận lợi nhất và trong trường hợp không thuận lợi nhất, từ quan hệ giữa lao động với tư bản, từ bản chất của bản thân tư bản, người ta có thể rút ra kết luận là lượng cung công nhân vẫn luôn luôn quá nhiều so với lượng cầu về lao động.

δ) Cho dù không nói đến một điều phi lý là toàn bộ giai cấp công nhân không thể quyết định việc không sinh đẻ con cái, thì ngược lại, tình cảnh của giai cấp công nhân đã biến sự ham thích tình dục thành sự hưởng thụ chủ yếu của họ và phát triển sự ham thích đó một cách phiến diện.

Sau khi đã giảm bớt sự tồn tại của người công nhân đến mức tối thiểu, giai cấp tư sản còn muốn hạn chế sự tái sản xuất của anh ta đến mức tối thiểu.

ε) Tuy vậy, giai cấp tư sản có thái độ không nghiêm túc đối với những lời nói và lời khuyên đó đến mức độ nào, là do nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, nền công nghiệp hiện đại, do thay thế người lớn bằng trẻ em, nên đã thực sự tặng thưởng cho việc sinh đẻ con cái.

Thứ hai, nền đại công nghiệp luôn luôn cần có một đội quân dự trữ công nhân không có việc làm để dùng vào những thời kỳ sản xuất quá mức. Mục đích chủ yếu của giai cấp tư sản trong quan hệ với công nhân nói chung là: làm sao thu được hàng hóa lao động càng rẻ mạt hơn càng tốt, điều đó chỉ có thể thực hiện được trong trường hợp mức cung hàng hóa đó vượt mức cầu về hàng hóa đó càng nhiều càng tốt, có nghĩa là khi có tình trạng thừa nhân khẩu một cách tối đa.

Do đó, tình trạng thừa nhân khẩu phù hợp với lợi ích của giai cấp tư sản, và giai cấp tư sản cho công nhân một lời khuyên tốt đẹp, mặc dù biết rằng lời khuyên đó không thể thực hiện được.

ι) Do tư bản chỉ tăng lên được khi nó cung cấp việc làm cho công nhân, nên việc tăng tư bản kéo theo cả việc tăng số lượng giai cấp vô sản và như chúng ta đã thấy, phù hợp với bản chất của quan hệ giữa tư bản và lao động, việc tăng số lượng giai cấp vô sản phải diễn ra nhanh hơn nữa một cách tương đối.

κ) Trong khi đó, học thuyết được nhắc tới ở trên ra sức trình bày với tính cách là một quy luật tự nhiên rằng dân số tăng nhanh hơn so với tư liệu sinh hoạt, học thuyết này lại càng được các nhà tư sản ưa thích bởi vì nó làm yên lòng họ, biến sự tàn nhẫn của họ thành một nghĩa vụ đạo đức, biến những hiện tượng xã hội thành những hiện tượng tự nhiên, và cuối cùng, tạo cho họ điều kiện để có thể thờ ơ ngắm nhìn giai cấp vô sản đang chết đói, giống như ngắm nhìn bất kỳ hiện tượng tự nhiên nào, và mặt khác, coi sự nghèo đói của giai cấp vô sản như là một tội lỗi của chính giai cấp vô sản và trừng phạt giai cấp vô sản vì việc đó. Còn giai cấp vô sản thì như người ta nói, có thể lấy lý trí để kiềm chế bản năng tự

nhiên và như vậy, nhờ việc kiểm tra đạo đức, có thể hạn chế được quy luật tự nhiên trong tiến trình phát triển có hại của nó.

λ) Có thể coi đạo luật về người nghèo là việc áp dụng học thuyết đó. Sự diệt chuột. Thạch tín. Workhouses[1*]. Sự bần cùng hóa nói chung. Lại cái ròng rọc quay tay trong thế giới văn minh. Sự dã man lại xuất hiện, nhưng nó được nảy sinh ngay chính trong lòng sự văn minh và thuộc về sự văn minh đó; vì vậy có sự dã man mang đầy vi trùng hủi, một sự dã man như là bệnh hủi của nền văn minh. Workhouses là những nhà ngục đối với công nhân. Vợ tách xa chồng.

4) Bây giờ, chúng ta phải đề cập ngắn gọn đến những người muốn cải thiện tình cảnh của công nhân bằng cách quy định tiền công theo một cách khác.

Pru-đông.

5) Cuối cùng, từ những nhận xét của các nhà kinh tế học từ thiện về tiền công, cần phải chú ý đến một quan điểm nữa.

α) Trong số những nhà kinh tế học khác, đặc biệt là Rốt-xi đã trình bày các quan điểm sau đây:

Chủ nhà máy chỉ trả tiền trước cho công nhân cái phần sản phẩm của anh ta, bởi vì người công nhân không có khả năng chờ cho đến khi bán được sản phẩm. Nếu như người công nhân có thể tự nuôi mình cho đến khi bán được sản phẩm, thì sau đó anh ta, với tư cách là một associé, sẽ được hưởng quyền của mình đối với phần mà anh ta được lĩnh, giống như điều đó xảy ra giữa một nhà tư bản với một nhà tư bản công nghiệp. Do đó, việc phần của người công nhân mang hình thức tiền công chính là một sự ngẫu nhiên: đó là kết quả của sự đầu cơ, của một hành động đặc biệt xảy ra đồng thời với quá trình sản xuất và nói chung hành động đó không phải là một yếu tố cấu thành cần thiết của quá trình sản xuất. Tiền công chỉ là một hình thức ngẫu nhiên của chế độ xã hội hiện thời. Nó không phải là bộ phận tất yếu của tư bản. Nó không phải là yếu tố cần thiết cho sản xuất. Nó có thể mất đi trong điều kiện một tổ chức xã hội khác.

1* - Trại lao động.

β) Toàn bộ sự bí hiểm đó chung quy chỉ là: nếu như công nhân có đủ số lượng lao động được tích lũy, có nghĩa là có đủ số lượng tư bản để không bị bắt buộc phải sống bằng cách trực tiếp bán lao động của mình, thì hình thức tiền công sẽ mất đi. Điều đó có nghĩa là: nếu như tất cả công nhân đồng thời là những nhà tư bản; do đó, có nghĩa rằng giả định là duy trì được tư bản mà không có cái đối lập là lao động làm thuê, cái đối lập mà nếu không có nó thì tư bản không thể tồn tại được.

Ψ) Tuy nhiên, cũng phải chú ý đến sự thừa nhận đó. Tiền công không phải là hình thức ngẫu nhiên của nền sản xuất tư bản, còn toàn bộ nền sản xuất tư sản là một hình thức sản xuất nhất thời trong lịch sử. Tất cả các quan hệ của nó - tư bản, cũng như tiền công, cũng như địa tô v.v. - đều là nhất thời và đến một giai đoạn phát triển nhất định sẽ bị xóa bỏ".

C.Mác: Tiền công, tr.735-746.

"*α*) Nếu như người ta nói đến mặt tích cực của lao động làm thuê, thì người ta nói đến mặt tích cực của tư bản, của nền đại công nghiệp, của tự do cạnh tranh, của thị trường thế giới, và tôi chẳng cần phải giải thích cho các bạn về một điều là: nếu như không có các quan hệ sản xuất đó thì không thể có được các tư liệu sản xuất - những phương tiện vật chất để giải phóng giai cấp vô sản và thiết lập xã hội mới, - và bản thân giai cấp vô sản cũng không liên kết được và không phát triển được đến mức nó thực sự trở nên có khả năng tiến hành cách mạng trong xã hội cũ và cách mạng hóa ngay cả bản thân mình. *Sự bình quân hóa* tiền công.

β) Chúng ta hãy xét ngay cả tiền công ở phương diện đáng chê nhất của nó, - ở phương diện hoạt động của tôi trở thành hàng hóa, ở phương diện tôi hoàn toàn trở thành đối tượng của sự mua bán.

Thứ nhất, do đó tất cả những cái có tính gia trưởng đã bị mất đi, bởi vì chỉ có thương mại, mua và bán mới là mối liên hệ duy nhất, quan hệ tiền tệ là quan hệ duy nhất giữa các chủ xí nghiệp với công nhân.

Thứ hai, vòng hào quang thần thánh không còn bao bọc tất cả các quan hệ của xã hội cũ, bởi vì các quan hệ đó đã biến thành các quan hệ thuần túy tiền tệ.

Cũng như vậy, tất cả các loại lao động được gọi là loại lao động cao cấp - như lao động trí óc, lao động nghệ thuật v.v. - đều được biến thành những đối tượng buôn bán và như vậy, chúng mất đi ánh hào quang trước kia của mình. Một sự tiến bộ to lớn biết bao: cả cái đám người như linh mục, bác sĩ, luật sư v.v., do đó cả tôn giáo, luật học v.v. đều chỉ được đánh giá theo giá trị thương mại của họ mà thôi.

(*Thứ ba*: sau khi biến lao động thành hàng hóa và làm cho bản thân nó phải phụ thuộc vào tự do cạnh tranh, người ta cố gắng sản xuất hàng hóa càng rẻ hơn trong phạm vi khả năng cho phép, có nghĩa là với những chi phí sản xuất càng thấp càng tốt. Nhờ đó, đối với tổ chức xã hội tương lai, mọi lao động chân tay sẽ giản đơn và nhẹ nhàng vô cùng. Rút ra những kết luận chung.)

Thứ ba, do tất cả đã trở thành đối tượng để bán, nên công nhân đã nhận thấy rằng tất cả mọi thứ đều có thể bị tách rời và trở nên xa lạ đối với họ, và lần đầu tiên họ được giải thoát khỏi sự phụ thuộc vào một quan hệ nào đó. Một điểm ưu việt ở đây là: người công nhân có thể bằng tiền của mình làm tất cả mọi thứ mà anh ta thích, khác hẳn việc trả công bằng sản phẩm, mà cũng khác hẳn cả cái lối sống được ấn định là thuộc một đẳng cấp nào đó (phong kiến)".

C.Mác: Tiền công, tr.748-749.

TẬP 7

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"... *giai cấp vô sản* càng ngày càng tập hợp xung quanh *chủ nghĩa xã hội cách mạng*, xung quanh *chủ nghĩa cộng sản* mà chính giai cấp tư sản đã gán cho cái tên là *Blăng-ki.* Chủ nghĩa xã hội này là *lời tuyên bố cách mạng không ngừng, là chuyên chính giai cấp* của giai cấp vô sản, coi đó là giai đoạn quá độ tất yếu để đi đến *xóa bỏ những sự khác biệt giai cấp nói chung,* xóa bỏ tất cả những quan hệ sản xuất làm cơ sở cho những sự khác biệt ấy, xóa bỏ tất cả những mối quan hệ xã hội thích ứng với những quan hệ sản xuất đó, để đi đến cải biến tất cả những tư tưởng nảy sinh ra từ những quan hệ xã hội đó".

C.Mác: Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850, tr.126.

"Trong tình hình thịnh vượng chung đó, trong đó các lực lượng sản xuất của xã hội tư sản phát triển hết sức dồi dào trong chừng mực các mối quan hệ tư sản cho phép, thì không thể nói đến một cuộc cách mạng thực sự được. Một cuộc cách mạng như thế chỉ có thể nổ ra trong những thời kỳ mà *hai yếu tố đó, lực lượng sản xuất hiện đại và hình thức sản xuất tư sản xung đột* lẫn nhau. Các cuộc xung đột liên miên mà giờ đây những đại biểu của các bộ phận cá biệt trong đảng trật tự ở lục địa đang tiến hành và trong đó, những bộ phận ấy làm mất uy tín lẫn nhau thì quyết không thể dẫn đến những cuộc cách mạng mới; trái lại, những cuộc xung đột đó chỉ có thể xảy ra được chính là vì cơ sở của những mối quan hệ xã hội là tạm thời rất vững chắc, và - đây là điểm mà phe phản động không biết - là mang tính chất *tư sản.* Tất cả những mưu toan phản động

nhằm cản trở sự phát triển của xã hội tư sản tất nhiên đều bị cơ sở đó làm cho tan vỡ như tất cả sự phẫn nộ có tính chất đạo đức và tất cả những lời tuyên bố nhiệt tình của phái dân chủ. *Một cuộc cách mạng mới chỉ có thể nổ ra sau một cuộc khủng hoảng mới. Mà cả cuộc cách mạng mới lẫn cuộc khủng hoảng mới đều nhất định phải nổ ra*".

C.Mác: Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850, tr.137.

"Trong cảnh phồn vinh phổ biến như vậy, khi mà lực lượng sản xuất của xã hội tư sản phát triển rực rỡ tới mức nói chung có thể có được trong khuôn khổ những quan hệ tư sản, thì không thể nói đến chuyện có một cuộc cách mạng thật sự. Một cuộc cách mạng như vậy chỉ có thể có trong những thời kỳ mà *cả hai nhân tố đó, lực lượng sản xuất hiện đại và các hình thức sản xuất tư sản mâu thuẫn với nhau* [...] *Cuộc cách mạng mới chỉ có thể xảy ra tiếp theo sau một cuộc khủng hoảng mới. Nhưng việc cách mạng sẽ xảy đến cũng tất yếu không thể tránh khỏi như việc khủng hoảng sẽ xẩy đến".*

C.Mác và Ph.Ăngghen: Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế từ tháng Năm đến tháng Mười, tr.613.

TẬP 9

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"Tất cả những gì mà giai cấp tư sản Anh chắc chắn sẽ buộc phải thực hiện ở Ấn Độ, sẽ không đem lại tự do cho quần chúng nhân dân và sẽ không cải thiện một cách căn bản địa vị xã hội của họ, bởi vì cả hai điều đó không những phụ thuộc vào sự phát triển của các lực lượng sản xuất, mà còn phụ thuộc vào chỗ là nhân dân có nắm được các lực lượng sản xuất đó hay không. Nhưng cái mà giai cấp tư sản nhất định sẽ làm, đó là tạo ra những tiền đề vật chất để thực hiện cả hai nhiệm vụ nói trên. Nhưng có bao giờ giai cấp tư sản lại làm được nhiều hơn thế? Có bao giờ giai cấp tư sản đạt được sự tiến bộ, mà lại không bắt buộc các cá nhân cũng như nhiều dân tộc trọn vẹn phải đi theo con đường gian khổ của máu và bùn, của nghèo nàn và sỉ nhục?".

C.Mác: Những kết quả tương lai của sự thống trị của Anh ở Ấn Độ, tr.290-291.

TẬP 10

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"Tạo ra lực lượng sản xuất vô cùng tận của nền công nghiệp hiện đại, giai cấp công nhân Anh đã hoàn thành điều kiện đầu tiên cho sự nghiệp giải phóng lao động. Hiện nay, nó phải thực hiện điều kiện thứ hai cho sự nghiệp giải phóng ấy. Nó phải giải phóng lực lượng sản xuất ra của cải ấy khỏi gông xiềng nhục nhã của tổ chức độc quyền và đặt chúng dưới sự giám sát tập thể của người sản xuất là những người cho tới nay vẫn phó mặc cho chính những sản phẩm do lao động của họ làm ra quay trở lại chống lại họ và trở thành những công cụ áp bức chính bản thân họ".

C.Mác: Thư gửi Nghị viện công nhân, tr.140.

TẬP 12

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"Tất cả những phát minh của chúng ta và tất cả sự tiến bộ của chúng ta tựa hồ như đang dẫn tới chỗ là những lực lượng vật chất thì được ban cho một đời sống tinh thần, còn đời sống của con người vốn đã bị tước mất cái mặt tinh thần rồi thì nay lại bị hạ thấp xuống trình độ những lực lượng vật chất đơn thuần. Mâu thuẫn đối kháng đó giữa một bên là nền công nghiệp hiện đại và khoa học với một bên là cảnh bần cùng hiện nay và sự suy đồi, mâu thuẫn đối kháng đó giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội trong thời đại chúng ta là một sự thật rõ ràng, không tránh khỏi và không thể chối cãi được".

C.Mác: Diễn văn đọc tại buổi lễ kỷ niệm tờ "The People's Paper" ở Luân Đôn ngày 14 tháng Tư 1856, tr.10.

"Công nhân cũng là một phát minh của thời đại mới, giống như máy móc vậy".

C.Mác: Diễn văn đọc tại buổi lễ kỷ niệm tờ "The People's Paper" ở Luân Đôn ngày 14 tháng Tư 1856, tr.11.

TẬP 13

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy họp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó. Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tình thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ. Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay - đây chỉ là biểu hiện pháp lý của những quan hệ sản xuất đó - mâu thuẫn với những quan hệ sở hữu, trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội. Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng. Khi xét những cuộc đảo lộn ấy, bao giờ cũng cần phân biệt cuộc đảo lộn vật chất - mà người ta có thể xác nhận với một sự chính xác của khoa học tự nhiên - trong những điều kiện kinh tế của sản xuất, với những hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết học, tóm lại,

với những hình thái tư tưởng trong đó con người ý thức được cuộc xung đột ấy và đấu tranh để giải quyết cuộc xung đột ấy. Nếu ta không thể nhận định về một người căn cứ vào ý kiến của chính người đó đối với bản thân, thì ta cũng không thể nhận định về một thời đại đảo lộn như thế căn cứ vào ý thức của thời đại ấy. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội. Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ. Cho nên, nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra cho mình những nhiệm vụ mà nó có thể giải quyết được, vì khi xét kỹ hơn, bao giờ người ta cũng thấy rằng bản thân nhiệm vụ ấy chỉ nảy sinh khi những điều kiện vật chất để giải quyết nhiệm vụ đó đã có rồi, hay ít ra cũng đang ở trong quá trình hình thành. Về đại thể, có thể coi các phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế - xã hội. Các quan hệ sản xuất tư sản là hình thức đối kháng cuối cùng của quá trình sản xuất xã hội, đối kháng không phải với ý nghĩa là đối kháng cá nhân, mà với ý nghĩa là đối kháng nảy sinh từ những điều kiện sinh hoạt xã hội của các cá nhân; nhưng những lực lượng sản xuất phát triển trong lòng xã hội tư sản đồng thời cũng tạo ra những điều kiện vật chất để giải quyết đối kháng ấy. Cho nên với hình thái xã hội tư sản, thời kỳ tiền sử của xã hội loài người đang kết thúc".

C.Mác: Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị, tr.14-16.

"Sau hết, lao động tạo ra giá trị trao đổi có đặc trưng là: mối quan hệ xã hội giữa người với người thể hiện ra có thể nói là sai lệch, cụ thể là thành quan hệ xã hội giữa vật với vật. Chỉ vì một

giá trị sử dụng được đem so với một giá trị sử dụng khác với tư cách là giá trị trao đổi, nên lao động của các cá nhân khác nhau mới quan hệ với nhau với tư cách là lao động ngang nhau và chung. Cho nên, nếu nói giá trị trao đổi là quan hệ giữa người với người là đúng, thì cũng phải nói thêm rằng: nó là mối quan hệ nằm dưới cái vỏ vật chất. [...] Do đó, giá trị trao đổi thể hiện ra thành một tính quy định xã hội của các giá trị sử dụng, một tính quy định vốn có của các giá trị sử dụng với tư cách là những vật, và nhờ có tính quy định đó mà trong quá trình trao đổi, các giá trị sử dụng thay thế lẫn nhau theo những tỷ số nhất định và hình thành những vật ngang giá, cũng giống như các đơn chất trong hóa học kết hợp với nhau theo những tỷ lệ nhất định và hình thành những đương lượng hóa học. Chỉ có thói quen của đời sống hàng ngày mới làm cho người ta coi việc quan hệ sản xuất xã hội mang hình thái vật thể là một việc bình thường và dĩ nhiên, thành thử, ngược lại, quan hệ giữa người với người trong lao động của họ, biểu hiện thành một quan hệ giữa vật với vật và giữa các vật đó với con người. Trong hàng hóa, sự thần bí hóa này còn rất giản đơn. Tất cả mọi người đều ít nhiều cảm thấy là quan hệ giữa các hàng hóa với nhau, với tư cách là giá trị trao đổi, thực ra là mối quan hệ giữa các cá nhân trong hoạt động sản xuất của họ cho nhau. Trong những quan hệ sản xuất cao hơn thì cái bề ngoài giản đơn đó sẽ mất đi. Tất cả mọi ảo tưởng của chủ nghĩa tiền tệ đều do người ta không thấy rằng tiền tệ đại biểu một quan hệ sản xuất xã hội, nhưng dưới hình thái một vật tự nhiên có những thuộc tính nhất định".

C.Mác: Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị, tr.30-31.

"... nếu do sản xuất thừa và đầu cơ quá mức mà xảy ra khủng hoảng thì lực lượng sản xuất trong nước và sức chứa của thị trường thế giới vẫn tăng lên đến mức chúng chỉ tạm thời xa rời đỉnh cao đã đạt được và sau vài lần lên xuống kéo dài mấy năm, trình độ sản xuất đạt được ở đỉnh cao của phồn vinh trong một thời kỳ của chu kỳ thương nghiệp sẽ trở thành điểm xuất phát cho thời kỳ sau".

C.Mác: Công nghiệp công xưởng và thương nghiệp, tr.641.

TẬP 16

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994)

"Ngược lại, giai cấp tư sản không có một nhiệm vụ lịch sử nào khác ngoài việc duy nhất là làm tăng về mọi mặt những lực lượng sản xuất khổng lồ đã nói tới trên đây và những phương tiện trao đổi của xã hội hiện đại, và nâng chúng lên đến mức cao nhất; dùng những hội tín dụng của mình để nắm lấy cả những tư liệu sản xuất do những thời kỳ trước đây để lại, cụ thể là sở hữu ruộng đất; nhờ những công cụ lao động hiện đại, phát triển tất cả các ngành sản xuất; thủ tiêu tất cả những tàn dư của nền sản xuất phong kiến và các quan hệ phong kiến, và bằng cách đó đưa toàn thể xã hội tới chỗ chỉ còn sự đối kháng thuần túy giữa giai cấp các nhà tư bản và giai cấp công nhân không có của. Các mâu thuẫn giai cấp và xã hội giản đơn hóa đi bao nhiêu thì sức mạnh của giai cấp tư sản lớn lên bấy nhiêu, nhưng sức mạnh của giai cấp vô sản, ý thức giai cấp của nó và năng lực chiến thắng của nó cũng tăng lên với một mức độ còn nhiều hơn thế nữa; chỉ do sự tăng lên đó của sức mạnh của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản mới dần dần trở thành số đông, thành số đông chiếm ưu thế trong nhà nước...".

Ph.Ăngghen: Vấn đề quân sự ở Phổ và Đảng công nhân Đức, tr.101.

"Mác nhấn mạnh những mặt xấu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa một cách gay gắt như thế nào thì ông cũng chứng minh một cách rõ ràng như thế rằng hình thái xã hội đó là cần thiết để phát triển lực lượng sản xuất của xã hội tới một trình độ cao đến mức làm cho *tất cả* mọi thành viên trong xã hội đều có thể phát triển như nhau một cách xứng đáng với con người. Tất cả các hình thái

xã hội trước đây đều quá nghèo nàn để có thể làm được điều đó. Chỉ có nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là tạo ra được những của cải và những lực lượng sản xuất cần thiết để làm việc đó; nhưng đồng thời với số công nhân bị áp bức đông đảo nó cũng tạo ra cái giai cấp xã hội ngày càng đứng trước sự cần thiết phải nắm lấy những của cải và những lực lượng sản xuất ấy vào tay mình để sử dụng chúng cho toàn thể xã hội, chứ không phải cho riêng một giai cấp độc quyền như hiện nay".

Ph.Ăngghen: Bình luận về tập I bộ "Tư bản" của C.Mác viết cho báo "Demokratisches Wochenblatt", tr.325-326.

"Lực lượng sản xuất nảy sinh nhờ hiệp tác và phân công lao động thì không tốn kém gì đối với tư bản; lực lượng tự nhiên, hơi nước, nước cũng không tốn kém gì đối với tư bản. Người ta cũng có thể nói vậy về ngay những lực lượng do khoa học khám phá ra. Nhưng những lực lượng này có thể chỉ được sử dụng với sự giúp đỡ của một bộ máy tương ứng, mà bộ máy này chỉ có thể có được nhờ những chi phí lớn, cũng đúng như vậy những máy công tác tốn kém hơn rất nhiều so với những công cụ trước đây. Nhưng những máy này có tuổi thọ cao hơn rất nhiều và phạm vi sản xuất rộng hơn rất nhiều so với các công cụ và vì vậy chúng mang lại cho sản phẩm giá trị theo tỷ lệ ít hơn rất nhiều so với công cụ và vì vậy, *sự phục vụ không công của máy móc* (và sự phục vụ này không xuất hiện lại trong giá trị của sản phẩm) là lớn hơn rất nhiều so với sự phục vụ của công cụ".

Ph.Ăngghen: Tóm tắt tập I bộ "Tư bản" của C.Mác, tr.382.

TẬP 18

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Và chính là nhờ cuộc cách mạng công nghiệp đó mà sức sản xuất của lao động của loài người đã đạt đến một trình độ có thể, - lần đầu tiên từ khi có loài người, - nhờ sự phân phối lao động hợp lý giữa tất cả mọi người, chẳng những sản xuất ra đủ bảo đảm sự tiêu dùng dồi dào của tất cả mọi người trong xã hội và gây một quỹ dự trữ quan trọng, mà còn làm cho mọi người có đủ thì giờ nhàn rỗi để tiếp thu tất cả những gì thật sự đáng quý trong di sản văn hóa do lịch sử truyền lại - khoa học, nghệ thuật, các hình thức giao tiếp, v.v. - và chẳng những tiếp thu mà còn làm cho tất cả những cái đó từ chỗ là độc quyền của giai cấp thống trị trở thành tài sản chung của toàn thể xã hội và làm cho tài sản đó phát triển phong phú thêm mãi. Và đó là bước ngoặt quyết định. Khi sức sản xuất của lao động loài người đã đạt đến mức độ đó thì giai cấp thống trị không còn có một lý do nào để tồn tại nữa. Phải chẳng lý do cuối cùng biện hộ cho những sự khác biệt giai cấp bao giờ cũng là: cần có một giai cấp không cần phải nai lưng ra sản xuất những thứ tiêu dùng hàng ngày của mình để có đủ thì giờ làm công việc lao động trí óc trong xã hội? Câu chuyện bày đặt ấy, - từ trước đến nay vẫn được lịch sử xác minh một cách rất rõ ràng, - đã bị cuộc cách mạng công nghiệp một trăm năm gần đây vĩnh viễn biến thành vô căn cứ. Sự tồn tại của một giai cấp thống trị ngày càng tỏ ra là một trở ngại cho sự phát triển của những lực lượng sản xuất công nghiệp, cũng như cho sự phát triển của khoa học, nghệ thuật và đặc biệt là cho sự phát triển của những hình thức giao tiếp văn minh.

Chưa từng bao giờ có những người thô lỗ hơn những người tư sản hiện đại của chúng ta".

Ph.Ăngghen: Về vấn đề nhà ở, tr.298-299.

"Chúng tôi miêu tả - và bất chấp ý kiến của Muyn-béc-gơ, mọi sự miêu tả chân thật đều là một sự giải thích những quan hệ kinh tế y như chúng đang tồn tại và cách chúng phát triển, và chúng tôi chứng minh thật chặt chẽ về mặt kinh tế rằng sự phát triển của những quan hệ kinh tế, đồng thời cũng là sự phát triển của những nhân tố của một cuộc cách mạng xã hội: một mặt là sự phát triển của một giai cấp, giai cấp vô sản mà hoàn cảnh sinh hoạt tất nhiên sẽ đẩy đến cách mạng xã hội; mặt khác, là sự phát triển của những lực lượng sản xuất, là những lực lượng nhất định phải làm nổ tung cái khuôn khổ của xã hội tư bản chủ nghĩa, vì cái khuôn khổ này đã trở thành quá chật hẹp đối với chúng, và là những lực lượng đồng thời cung cấp những thủ đoạn để vĩnh viễn thủ tiêu những sự phân biệt giai cấp, vì lợi ích của bản thân sự tiến bộ xã hội".

Ph.Ăngghen: Về vấn đề nhà ở, tr.373.

"Sự chuyển biến mà chủ nghĩa xã hội hiện đại đang cố gắng đạt tới, nói vắn tắt, chính là thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản và xây dựng một tổ chức xã hội mới bằng con đường thủ tiêu mọi sự khác biệt về giai cấp. Muốn vậy, chẳng những phải có một giai cấp vô sản thực hiện sự chuyển biến đó, mà cũng còn phải có một giai cấp tư sản mà trong tay nó lực lượng sản xuất xã hội phát triển đến mức có thể thủ tiêu triệt để những sự khác biệt về giai cấp. Người mông muội và người nửa mông muội thường thường không có sự khác biệt về giai cấp nào cả và mỗi dân tộc đều đã trải qua tình trạng đó. Chúng tôi cũng không thể nghĩ rằng cần phải khôi phục lại tình trạng ấy, chỉ vì một lẽ là với sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội thì từ tình trạng đó, tất phải nảy sinh ra những sự khác biệt về giai cấp. Chỉ đến một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất xã hội, - một giai đoạn phát

triển rất cao ngay cả trong những điều kiện ngày nay của chúng ta, - mới có khả năng nâng cao sản xuất đến một trình độ khiến cho việc xóa bỏ những sự khác biệt về giai cấp trở thành một bước tiến bộ thật sự, khiến cho sự xóa bỏ đó được vững chắc và không dẫn đến tình trạng đình trệ, hoặc thậm chí đến tình trạng suy sụp trong phương thức sản xuất xã hội. Nhưng chỉ trong tay giai cấp tư sản thì lực lượng sản xuất mới đạt tới giai đoạn phát triển đó. Bởi vậy, giai cấp tư sản, về mặt này, cũng là một điều kiện có trước, cần thiết của cách mạng xã hội chủ nghĩa như bản thân giai cấp vô sản. Vì thế, kẻ nào có thể khẳng định rằng ở một nước *tuy* không có giai cấp vô sản, nhưng, *trái lại*, cũng không có giai cấp tư sản, thì càng dễ tiến hành cuộc cách mạng ấy, - kẻ đó chỉ chứng tỏ rằng còn phải học sách vỡ lòng về chủ nghĩa xã hội".

Ph.Ăngghen: Sách báo của giới lưu vong, tr.751-752.

TẬP 19

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Lao động *không phải là nguồn* của mọi của cải. *Giới tự nhiên,* cũng như lao động, là nguồn của những giá trị sử dụng (vì của cải vật chất lại chính là gồm những giá trị này!) và bản thân lao động cũng chỉ là biểu hiện của một sức tự nhiên, sức lao động của con người. Câu này có ở trong mọi quyển sách vỡ lòng và nó chỉ đúng trong chừng mực nó *muốn nói* rằng lao động được thực hiện với những đối tượng và công cụ thích ứng. Nhưng một cương lĩnh xã hội chủ nghĩa thì không được để cho những câu nói tư sản rỗng tuếch ấy bỏ qua *những điều kiện* mà chỉ có chúng mới có thể làm cho những câu nói ấy có nghĩa. Chỉ trong chừng mực mà con người ngay từ đầu, đối xử với giới tự nhiên, - nguồn gốc đầu tiên của mọi tư liệu lao động và đối tượng lao động, - với tư cách là kẻ sở hữu; trong chừng nào mà con người đối xử với giới tự nhiên coi đó là một vật thuộc về mình thì chừng ấy, lao động của con người mới trở thành nguồn gốc của các giá trị sử dụng, do đó mới trở thành nguồn gốc của của cải. Bọn tư sản có những lý do rất quan trọng để gán cho lao động *cái sức sáng tạo siêu tự nhiên đó,* vì chính là do lao động bị tự nhiên quyết định cho nên người nào không có sở hữu nào khác ngoài sức lao động của mình ra thì trong mọi trạng thái xã hội và văn hóa, đều nhất định sẽ phải làm nô lệ cho những kẻ khác nắm trong tay những điều kiện vật chất của lao động. Người đó chỉ có thể lao động và do đó chỉ có thể sinh sống, khi được những kẻ này cho phép".

C. Mác: Phê phán Cương lĩnh Gô-ta, tr.26-27.

"Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*".

C. Mác: Phê phán Cương lĩnh Gô-ta, tr.47.

"Trong số rất nhiều những phát hiện quan trọng đã ghi tên Mác vào lịch sử khoa học, ở đây chúng tôi chỉ có thể nhấn mạnh hai điều.

Điều thứ nhất là Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới. Trước kia toàn bộ quan niệm về lịch sử đều dựa trên quan điểm cho rằng, xét đến cùng thì phải đi tìm nguyên nhân của mọi biến đổi lịch sử ở tư tưởng đang luôn luôn thay đổi của con người, và cho rằng trong tất cả những chuyển biến lịch sử, những chuyển biến chính trị là những chuyển biến quan trọng nhất chi phối toàn bộ lịch sử. Nhưng người ta lại không tìm xem tư tưởng của con người là do đâu mà ra và những nguyên nhân thúc đẩy những chuyển biến chính trị là những nguyên nhân nào. Chỉ có trong trường phái mới của các nhà sử học Pháp và một số trong những nhà sử học Anh, là đã tiến đến chỗ tin rằng ít ra từ thời trung cổ, động lực thúc đẩy trong lịch sử châu Âu là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản đang lên chống quý tộc phong kiến để giành quyền thống trị xã hội và chính trị. Nhưng Mác đã chứng minh rằng, toàn bộ lịch sử loài người từ trước đến nay là lịch sử đấu tranh giai cấp, rằng trong toàn bộ cuộc đấu tranh chính trị muôn hình muôn vẻ và phức tạp, thì vấn đề bao giờ cũng chính chỉ là quyền thống trị xã hội và chính trị của những giai cấp xã hội này hay những giai cấp xã hội khác, chỉ là việc giữ lấy quyền thống trị cho những giai cấp cũ và việc giành quyền thống trị cho những giai cấp mới. Nhưng các giai cấp ấy sinh ra và tồn tại được là nhờ cái gì? Bao giờ cũng là nhờ những điều kiện vật chất, có thể cảm thấy được một cách thuần túy hữu hình, trong đó, vào từng thời kỳ nhất định, xã hội sản xuất ra và trao đổi những

tư liệu cần thiết cho sự tồn tại của nó. Sự thống trị phong kiến ở thời trung cổ đã dựa trên nền kinh tế của những cộng đồng nông thôn nhỏ tự cấp tự túc, là những cộng đồng tự sản xuất ra hầu hết các vật phẩm tiêu dùng của mình, hầu như không biết gì đến việc trao đổi và được tầng lớp quý tộc hiếu chiến bảo vệ chống lại kẻ thù bên ngoài và làm cho có một mối liên hệ có tính chất dân tộc, hoặc ít ra cũng có tính chất chính trị. Khi mà các thành thị xuất hiện, và cùng với chúng, một nền công nghiệp thủ công riêng biệt và một nền thương nghiệp, lúc đầu có tính chất nội địa, và sau đó có tính chất quốc tế, ra đời thì giai cấp tư sản thành thị cũng phát triển, giai cấp này, ngay từ thời trung cổ, do đấu tranh với giai cấp quý tộc nên cũng đã chiếm được một địa vị trong hệ thống phong kiến với tư cách là một đẳng cấp có đặc quyền. Nhưng việc tìm ra những lục địa mới ngoài châu Âu, bắt đầu từ giữa thế kỷ XV, đã đem lại cho giai cấp tư sản một trường hoạt động thương nghiệp rộng rãi hơn nhiều và do đó đem lại một sự kích thích mới cho sự phát triển của nền công nghiệp của giai cấp ấy. Trong những ngành quan trọng nhất, nghề thủ công được thay thế bằng công trường thủ công, mà xét theo tính chất của nó thì đã có tính chất công xưởng, công trường thủ công đến lượt nó lại được thay thế bằng đại công nghiệp; đại công nghiệp này đã có thể nảy nở nhờ có những phát minh của thế kỷ trước, đặc biệt là nhờ việc phát minh ra máy hơi nước. Đến lượt nó, đại công nghiệp lại ảnh hưởng trở lại thương nghiệp, gạt bỏ công việc làm bằng tay cũ kỹ ở những nước lạc hậu, và tạo ra những phương tiện giao thông mới, hiện đại, như tàu thủy, đường sắt, điện báo, ở những nước phát triển hơn. Thế là giai cấp tư sản ngày càng tập trung của cải và sức mạnh xã hội vào trong tay mình, mặc dầu trong một thời gian lâu nữa nó vẫn bị gạt ra ngoài chính quyền lúc ấy đang nằm trong tay giai cấp quý tộc và bọn vua chúa dựa vào giai cấp quý tộc. Nhưng đến một trình độ phát triển nhất định, - chẳng hạn như ở Pháp sau cuộc đại cách mạng, - thì giai cấp tư sản cũng đoạt được chính quyền và đến lượt nó trở thành giai cấp thống trị đối với giai cấp vô sản và tiểu nông. Đứng trên quan điểm đó, - nếu người ta hiểu biết đầy đủ về tình

hình kinh tế của xã hội trong mỗi thời kỳ nhất định (điều mà những nhà chuyên môn về lịch sử của chúng ta không biết một tí gì cả) - thì tất cả mọi hiện tượng lịch sử đều có thể giải thích được rất dễ. Cả những quan niệm và tư tưởng của mỗi thời đại lịch sử cũng vậy, đều giải thích được một cách dễ dàng bằng những điều kiện sinh hoạt kinh tế của thời đại ấy và bằng những quan hệ xã hội và chính trị bắt nguồn từ những điều kiện ấy. Lần đầu tiên, lịch sử đã được đặt trên cơ sở thực sự của nó. Cái sự thật hiển nhiên mà cho mãi đến lúc đó người ta vẫn bỏ quên mất, là trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải *lao động*, trước khi có thể đấu tranh để giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học, v.v., cái sự thật hiển nhiên ấy giờ đây rốt cuộc đã giành được vị trí thích đáng của nó trong lịch sử.

Đối với thế giới quan xã hội chủ nghĩa, nhận thức mới về lịch sử ấy có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó chứng minh rằng toàn bộ lịch sử từ xưa đến nay vận động trong những đối kháng và những cuộc đấu tranh giai cấp, rằng bao giờ cũng có giai cấp thống trị và bị thống trị, bóc lột và bị bóc lột, rằng đại bộ phận loài người luôn luôn phải lao động cực nhọc và sống cùng khổ. Vì sao như vậy? Chỉ vì trong tất cả các giai đoạn phát triển trước kia của loài người, nền sản xuất đều còn thấp kém đến nỗi sự phát triển lịch sử chỉ có thể diễn ra dưới cái hình thức đối kháng ấy; đến nỗi sự tiến triển lịch sử nói chung và xét trong toàn bộ, được phó thác cho một nhúm thiểu số có đặc quyền, còn đông đảo quần chúng thì vẫn cứ phải dùng lao động của mình để kiếm lấy những miếng ăn đủ cầm hơi và để không ngừng làm tăng thêm của cải cho một nhúm thiểu số có đặc quyền đặc lợi. Và quan điểm ấy về lịch sử là quan điểm đã giải thích một cách chính xác và hợp lý sự thống trị giai cấp đang tồn tại mà từ trước đến nay người ta chỉ lấy sự độc ác của con người để giải thích; quan điểm ấy về lịch sử cũng đưa đến sự tin tưởng chắc chắn rằng, do sự phát triển phi thường mà lực lượng sản xuất đã đạt được hiện nay, thì không còn có một lý do gì nữa (ít ra cũng là ở trong những nước tiến bộ nhất) để chia người ta ra thành kẻ thống trị và người bị thống trị, thành kẻ bóc lột và người

bị bóc lột; rằng giai cấp đại tư sản đang nắm chính quyền đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó rồi, rằng không những nó không còn đủ sức để lãnh đạo xã hội nữa mà nó đã trở thành một vật chướng ngại cho sự phát triển của sản xuất, như những cuộc khủng hoảng thương nghiệp, - nhất là cuộc khủng hoảng lớn vừa qua - và tình trạng đình trệ của công nghiệp trong tất cả các nước đã chứng minh; rằng quyền lãnh đạo lịch sử từ nay đã chuyển sang giai cấp vô sản, là giai cấp, do địa vị xã hội của nó, chỉ có thể tự giải phóng mình bằng cách xóa bỏ bất cứ sự thống trị giai cấp nào, bất cứ sự nô dịch và sự bóc lột nào; rằng những lực lượng sản xuất xã hội đã phát triển lên đến mức mà giai cấp tư sản không còn có thể chế ngự được nữa, chỉ còn đợi giai cấp vô sản đoàn kết lại đoạt lấy những lực lượng sản xuất đó và thiết lập nên một chế độ đem lại cho mỗi một thành viên của xã hội khả năng tham gia không những vào việc sản xuất, mà cả vào việc phân phối và quản lý những của cải xã hội và nhờ có tổ chức kế hoạch hóa toàn bộ nền sản xuất, chế độ đó sẽ làm tăng thêm những lực lượng sản xuất xã hội và những sản phẩm do lực lượng sản xuất đó tạo ra đến mức đảm bảo thỏa mãn được những nhu cầu hợp lý ngày càng tăng của mỗi người.

Phát hiện quan trọng thứ hai của Các Mác là sự giải thích một cách triệt để quan hệ giữa tư bản và lao động, nói một cách khác là vạch rõ việc nhà tư bản thực hiện bóc lột công nhân như thế nào trong xã hội hiện nay, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang tồn tại. Từ khi khoa kinh tế chính trị nêu ra luận điểm cho rằng lao động là nguồn gốc của mọi của cải và mọi giá trị, thì nhất định người ta phải đặt ra câu hỏi: vì sao người lao động làm thuê lại không được hưởng toàn bộ giá trị mà lao động của anh ta đã sản xuất ra và vì sao anh ta lại phải để cho nhà tư bản hưởng một phần? Các nhà kinh tế học tư sản và những người xã hội chủ nghĩa đã mất công phí sức mà vẫn không giải đáp được câu hỏi ấy một cách khoa học và đúng đắn và cuối cùng phải đến Mác mới giải đáp được. Giải đáp của Mác như sau: tiền đề của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay là sự tồn tại của hai giai cấp xã hội: một bên là những nhà tư bản, những người chiếm hữu tư

liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, bên kia là những người vô sản, những người bị tước đoạt mọi sở hữu và chỉ có một món hàng duy nhất để đem bán là sức lao động của họ, và do đó, họ buộc phải bán sức lao động ấy để có được những tư liệu sinh hoạt cần thiết. Nhưng giá trị của một hàng hóa được quyết định bởi số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất cũng như để tái sản xuất ra nó; cho nên giá trị sức lao động của một người trung bình trong một ngày, một tháng, một năm, được quyết định bởi lượng lao động đã được vật hóa trong khối lượng những tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì sức lao động ấy trong một ngày, một tháng, một năm. [...] khi người thợ làm việc cho nhà tư bản, không những anh ta chỉ tái sản xuất ra giá trị sức lao động của anh ta mà nhà tư sản đã trả tiền, anh ta còn sản xuất ra một *giá trị thặng dư* mà lúc đầu nhà tư bản đoạt lấy và về sau, theo những quy luật kinh tế nhất định, giá trị thặng dư đó được phân phối trong toàn bộ giai cấp những nhà tư bản và trở thành cái nguồn chủ yếu làm nảy sinh ra địa tô, lợi nhuận, tích lũy tư bản, tóm lại là trở thành cái nguồn gốc của mọi của cải để tiêu xài hay tích lũy cho các giai cấp ăn không ngồi rồi. Nhưng như thế là đã chứng minh rằng những của cải mà các nhà tư bản hiện nay thu được, cũng hệt như những của cải của bọn chủ nô hay của các lãnh chúa phong kiến, là bọn bóc lột lao động của nông nô, đều do sự chiếm đoạt lao động không được trả công của người khác, và chứng minh rằng tất cả những hình thức bóc lột ấy chỉ có khác nhau về phương thức dùng để chiếm đoạt lao động không được trả công của người khác mà thôi. Và như thế là cũng đã làm cho các giai cấp có của không còn chỗ để tung ra những luận điệu giả dối nói rằng pháp quyền và công lý, sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, sự hòa hợp lợi ích chung đang ngự trị trong chế độ xã hội hiện thời. Xã hội tư sản hiện nay, cũng giống như tất cả những xã hội trước nó, đã bị lột trần cái chân tướng là một cơ cấu khổng lồ trong đó đại đa số nhân dân bị bóc lột bởi một thiểu số người đang ngày càng thu hẹp lại".

Ph.Ăngghen: Các Mác, tr.163-169.

"... xu hướng lịch sử của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa quy lại là: "với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên, tự nó đẻ ra sự phủ định bản thân nó", rằng tự nó đã tạo ra những yếu tố của một chế độ kinh tế mới, sau khi đã đồng thời thúc đẩy một cách mạnh mẽ nhất sự lớn mạnh của các lực lượng sản xuất của lao động xã hội và sự phát triển toàn diện của mỗi người sản xuất cá thể; rằng sở hữu tư bản chủ nghĩa mà cơ sở của nó thực tế là hình thức sản xuất tập thể, không thể không chuyển biến thành sở hữu xã hội. Về điểm này, tôi không dẫn ra bằng chứng nào hết vì một lẽ giản đơn là sự khẳng định đó tự nó chỉ là tóm tắt chung những công trình nghiên cứu rộng rãi nằm trong các chương trước về sản xuất tư bản chủ nghĩa".

C.Mác: Thư gửi ban biên tập tờ "Ký sự nước nhà", tr.175-176.

"Nhưng lúc bấy giờ, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và cùng với nó là sự đối lập giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản còn rất ít phát triển. Đại công nghiệp vừa mới sinh ra ở Anh, và ở Pháp thì chưa có. Nhưng một mặt, chỉ có đại công nghiệp mới phát triển những xung đột đòi hỏi nhất thiết phải có một cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất, đòi hỏi nhất thiết phải xóa bỏ tính chất tư bản chủ nghĩa của phương thức sản xuất - không phải chỉ là những xung đột giữa những giai cấp do đại công nghiệp sinh ra, mà là cả những xung đột giữa lực lượng sản xuất và phương thức trao đổi do nó tạo ra nữa; và mặt khác, cũng chỉ có đại công nghiệp ấy mới thông qua những sự phát triển lớn lao của lực lượng sản xuất mà cung cấp được những phương tiện để giải quyết những xung đột do nó tạo ra. Cho nên, nếu đầu thế kỷ XIX, những xung đột sinh ra từ trong xã hội hiện đại chỉ mới bắt đầu phát sinh thì dĩ nhiên là những phương tiện để giải quyết những xung đột ấy lại càng ít phát triển hơn nữa".

Ph.Ăngghen: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học, tr.281.

"Những sự việc mới buộc người ta phải nghiên cứu lại một lần nữa toàn bộ lịch sử đã qua và người ta thấy rằng *toàn bộ* lịch sử đã qua, trừ trạng thái nguyên thủy, đều là lịch sử của đấu tranh giai cấp; rằng những giai cấp xã hội đấu tranh với nhau ấy luôn luôn là những sản phẩm của những quan hệ sản xuất và quan hệ trao đổi, tóm lại là những sản phẩm của những quan hệ *kinh tế* của thời đại của các giai cấp ấy; do đó cơ cấu kinh tế của xã hội luôn luôn là cái cơ sở hiện thực mà xét đến cùng ta phải dựa vào mới giải thích được tất cả thượng tầng kiến trúc là chế độ pháp quyền và chế độ chính trị, cũng như những quan niệm tôn giáo, triết học và các quan niệm khác của mỗi thời kỳ lịch sử nhất định".

Ph.Ăngghen: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học, tr.303.

"Hiện nay, mọi người đều biết chế độ xã hội hiện có là do giai cấp thống trị hiện nay - giai cấp tư sản - sáng lập nên. Phương thức sản xuất vốn có của giai cấp tư sản - mà từ thời Mác về sau, người ta gọi là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - không tương dung được với những đặc quyền địa phương và đặc quyền đẳng cấp, cũng như với những sợi dây ràng buộc giữa các cá nhân với nhau dưới chế độ phong kiến; giai cấp tư sản đã đập tan chế độ phong kiến và trên những điêu tàn của chế độ đó, dựng lên chế độ xã hội tư sản, tức là vương quốc của tự do cạnh tranh, của tự do đi lại, của quyền bình đẳng giữa những người có hàng hóa, nói tóm lại của tất cả những cái mỹ miều của giai cấp tư sản. Hiện nay, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có thể phát triển tự do. Từ khi hơi nước và nền sản xuất mới bằng máy móc đã biến công trường thủ công cũ thành đại công nghiệp thì lực lượng sản xuất được tạo ra dưới sự điều khiển của giai cấp tư sản, đã phát triển nhanh chưa từng thấy và trên một quy mô chưa từng có. Nhưng cũng như trong thời kỳ của chúng, công trường thủ công và thủ công nghiệp do ảnh hưởng của công trường thủ công mà phát triển thêm, đã xung đột với những sự ràng buộc phong kiến của phường hội,

thì đại công nghiệp cũng thế, trong giai đoạn phát triển đầy đủ hơn của nó, tất phải xung đột với khuôn khổ chật hẹp trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa giam hãm nó. Những lực lượng sản xuất mới đã vượt quá hình thức tư sản của việc sử dụng chúng. Và sự xung đột ấy giữa lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất không phải là sự xung đột sinh ra từ đầu óc người ta, như sự xung đột giữa tội tổ tông của con người và sự công bằng của thần thánh, mà là có thật, khách quan, ở bên ngoài chúng ta, độc lập đối với ý muốn hay hoạt động của chính ngay những người đã gây ra nó. Chủ nghĩa xã hội hiện đại không phải là cái gì khác mà chỉ là sự phản ánh của sự xung đột có thật ấy vào trong tư tưởng; là sự phản ảnh của sự xung đột ấy, dưới hình thức tư tưởng, trước hết vào đầu óc của giai cấp trực tiếp chịu đau khổ vì sự xung đột ấy, tức là giai cấp công nhân.

Sự xung đột ấy là như thế nào?

Trước khi nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện tức là trong thời trung cổ, khắp nơi đều có nền sản xuất nhỏ, dựa trên cơ sở quyền tư hữu của những người lao động về tư liệu sản xuất của họ; nông nghiệp của những tiểu nông tự do hay nông nô, thủ công nghiệp ở thành thị. Những tư liệu lao động - đất đai và nông cụ, xưởng thợ và dụng cụ thủ công - là tư liệu lao động của cá nhân, chỉ thích hợp cho cá nhân dùng, nên những tư liệu ấy tất phải nhỏ bé, thô sơ, có hạn. Cũng chính vì thế mà theo lẽ thông thường các tư liệu ấy thuộc về bản thân người sản xuất. Tập trung và mở rộng những tư liệu sản xuất phân tán và nhỏ bé ấy, biến chúng thành những đòn bẩy mạnh mẽ và hiện đại của nền sản xuất, đó chính là vai trò lịch sử của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và của kẻ đại biểu cho nó - tức là giai cấp tư sản. Từ thế kỷ XV, giai cấp tư sản đã hoàn thành sự nghiệp ấy trong lịch sử như thế nào qua ba giai đoạn khác nhau của sản xuất: hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp; - điều đó, Mác đã trình bày rất tỉ mỉ trong phần thứ tư của bộ "Tư bản". Nhưng giai cấp tư sản, như Mác đã chứng minh trong cũng phần ấy, không thể biến

những tư liệu sản xuất có hạn thành lực lượng sản xuất lớn mạnh nếu không biến những tư liệu sản xuất do cá nhân sử dụng thành những tư liệu sản xuất *xã hội* mà chỉ *một số đông người cùng làm* mới sử dụng được. Guồng quay sợi, khung cửi dệt tay, búa thợ rèn đã nhường chỗ cho máy xe sợi, máy dệt, búa chạy bằng hơi nước; xưởng thợ nhỏ nhường chỗ cho những công xưởng lớn đòi hỏi lao động chung của hàng trăm, hàng nghìn công nhân. Cũng như tư liệu sản xuất, bản thân sự sản xuất cũng biến đổi từ chỗ là một loạt động tác cá nhân thành một loạt động tác xã hội và sản phẩm cũng từ sản phẩm cá nhân biến thành sản phẩm xã hội. Sợi, vải, hàng kim loại do các công xưởng và nhà máy hiện nay sản xuất ra, đều là sản phẩm tập thể của nhiều công nhân, tức là những sản phẩm phải tuần tự qua tay của họ thì mới hoàn thành. Về sản phẩm ấy, không một cá nhân nào có thể nói được rằng: "Cái này là do *tôi* làm ra, đó là sản phẩm *của tôi*"".

Ph.Ăngghen: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học, tr.307-309.

"Một mặt, sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển một cách thần kỳ các lực lượng sản xuất xã hội, nhưng mặt khác, nó lại tỏ ra không có cái gì chung được với chính những lực lượng mà nó đã đẻ ra. Lịch sử của nó từ nay trở đi chỉ là lịch sử của những đối kháng, những khủng hoảng, những xung đột và tai họa. Rút cục, nó đã chỉ cho tất cả những người, trừ những kẻ bị mù quáng vì lợi ích cá nhân, thấy được cái tính chất quá độ thuần túy của nó. Các dân tộc mà ở những nơi đó nó phát triển nhất, như ở châu Âu cũng như ở châu Mỹ, chỉ cố gắng làm sao đập tan được xiềng xích của nó, sau khi đã thay thế được nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng nền sản xuất hợp tác, thay thế được chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa bằng *hình thức cao nhất* của chế độ sở hữu kiểu cổ đại, tức là chế độ sở hữu cộng sản chủ nghĩa".

C.Mác: Những bản dự thảo trả lời thư của V.I.Da-xu-lích, tr.591.

TẬP 20

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994)

"Và cuối cùng sự phê phán này chứng minh rằng những lực lượng sản xuất đông đảo, được tạo ra trong giới hạn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những lực lượng mà phương thức này không thể chế ngự nổi, chỉ chờ đợi một xã hội được tổ chức để cùng nhau làm việc theo kế hoạch, nắm lấy quyền sở hữu để đảm bảo cho toàn thể mọi thành viên trong xã hội những tư liệu sinh hoạt và đảm bảo sự phát triển tự do các năng khiếu của họ, và như thế với một mức độ ngày càng tăng thêm".

Ph. Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.212-213.

"Nếu như sự tin tưởng của chúng ta đối với sự đảo lộn đang đến gần trong phương thức phân phối sản phẩm lao động hiện nay, với những mâu thuẫn trắng trợn của phương thức đó là khốn cùng và giàu có, là đói khổ và ăn uống phè phỡn, chỉ dựa trên việc ý thức rằng phương thức phân phối ấy là bất công và chính nghĩa cuối cùng nhất định phải thắng, thì chúng ta sẽ rơi vào một tình trạng rất xấu và chúng ta có thể còn phải đợi lâu. Những nhà thần bí chủ nghĩa thời trung cổ mơ tưởng triều đại ngàn năm sắp tới, cũng đã ý thức được tính chất bất công của những đối lập giai cấp. Ở ngưỡng cửa của lịch sử hiện đại, cách đây ba trăm năm mươi năm, Tô-mát Muyn-txơ đã lớn tiếng tuyên bố điều đó với thế giới. Trong các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, tiếng kêu đó cũng đã vang lên - và đã tắt đi. Và nếu ngày nay, cũng tiếng kêu đòi xóa bỏ những sự đối lập giai cấp và những sự khác nhau về giai cấp, - tiếng kêu mà cho mãi đến năm 1830 quần chúng lao động và đau

khổ vẫn lãnh đạm không để ý tới, - nếu ngày nay tiếng kêu đó đã có một tiếng vang được lặp đi lặp lại hàng triệu lần; nếu tiếng kêu đó đang lan ra từ nước này sang nước khác, và thậm chí còn lan ra theo một trình tự và với một cường độ giống như trình tự và cường độ phát triển của nền đại công nghiệp trong các nước, nếu trong một thế hệ thôi nó đã có được một lực lượng có thể thách thức tất cả các thế lực đã liên kết chống lại nó, và có thể tin chắc vào chiến thắng của mình trong một tương lai gần đây, - thì điều đó là do đâu? Một mặt là do nền công nghiệp lớn hiện đại đã tạo ra một giai cấp vô sản, một giai cấp lần đầu tiên trong lịch sử có thể đề ra yêu sách đòi xóa bỏ không phải tổ chức giai cấp đặc biệt này hay tổ chức giai cấp đặc biệt khác, xóa bỏ đặc quyền giai cấp này hay đặc quyền giai cấp khác mà là đòi xóa bỏ các giai cấp nói chung, và là giai cấp bị đặt vào hoàn cảnh phải thực hiện yêu sách đó, nếu không thì sẽ rơi xuống địa vị của người cu li Trung Quốc. Và mặt khác là do cũng chính nền công nghiệp lớn đó đã tạo ra giai cấp tư sản là giai cấp nắm độc quyền về tất cả các công cụ sản xuất và tư liệu sinh hoạt, nhưng trong mỗi thời kỳ đầu cơ và trong mọi sự phá sản nào tiếp theo sau đó lại chứng tỏ rằng nó không còn đủ sức tiếp tục thống trị những lực lượng sản xuất đã vượt khỏi quyền lực của nó nữa; một giai cấp mà dưới sự chỉ đạo của nó thì xã hội đang chạy nhanh đến chỗ đổ nát, như một chiếc đầu máy xe lửa mà người thợ máy quá yếu không còn đủ sức mở chiếc nắp an toàn bị kẹt. Nói một cách khác thì đó là do những lực lượng sản xuất, do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại sản sinh ra, và chế độ phân phối của cải do phương thức đó tạo ra, mâu thuẫn không thể điều hòa được với chính ngay phương thức sản xuất đó, và mâu thuẫn đến mức độ cần phải xảy ra một sự đảo lộn trong phương thức sản xuất và phân phối, một sự đảo lộn xóa bỏ tất cả mọi sự phân biệt giai cấp, nếu người ta không muốn thấy toàn thể xã hội hiện đại phải tiêu vong. Sự tin chắc của chủ nghĩa xã hội hiện đại vào thắng lợi được xây dựng trên sự thật rõ ràng, vật chất đó, sự thật đang xâm nhập với một tính tất yếu không thể nào

cưỡng được vào ý thức của những người vô sản bị bóc lột dưới một hình thức ít nhiều rõ rệt, chứ không phải xây dựng trên những quan niệm của một nhà lý luận nào nằm ru rú trong buồng về pháp quyền và vô quyền".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.221-223.

"Cuộc cách mạng tư sản đã chấm dứt toàn bộ tình hình đó, nhưng không phải chấm dứt theo nguyên tắc của ông Đuy-rinh là làm cho tình hình kinh tế thích ứng với các chế độ chính trị - đó chính là điều mà trong nhiều năm giai cấp quý tộc và nhà vua đã thử làm nhưng chỉ uổng công - mà ngược lại nó vứt bỏ cái đồ cũ chính trị thối nát đi và tạo ra chế độ chính trị trong đó "tình hình kinh tế" mới có thể tồn tại và phát triển được. Và trong cái bầu không khí chính trị và pháp quyền thích hợp với mình đó, giai cấp tư sản đã phát triển một cách rực rỡ, rực rỡ đến nỗi là nó đã không còn cách xa cái địa vị mà giai cấp quý tộc đã giữ năm 1789: nó ngày càng trở thành không những là một vật thừa về mặt xã hội, mà còn trở thành một chướng ngại xã hội trực tiếp nữa; nó ngày càng tách ra khỏi hoạt động sản xuất, và cũng giống như giai cấp quý tộc trước kia, giai cấp tư sản ngày càng trở thành một giai cấp chỉ biết bỏ túi thu nhập; và nó đã thực hiện được sự đảo lộn ấy trong địa vị của chính nó và tạo ra một giai cấp mới, giai cấp vô sản, mà không cần đến bất kỳ một trò ảo thuật bạo lực nào cả, và chỉ bằng con đường thuần túy kinh tế thôi. Hơn nữa, giai cấp tư sản hoàn toàn không muốn những hành động của chính mình đem lại kết quả như thế; trái lại, kết quả đó đã đến với một sức mạnh không gì cưỡng lại được, trái với ý muốn và trái với ý định của giai cấp tư sản; những lực lượng sản xuất của chính nó đã vượt qua sự lãnh đạo của nó, và giống như là với một sự tất yếu của tự nhiên, những lực lượng đó đang đẩy toàn bộ xã hội tư sản đến chỗ diệt vong hay đến một cuộc cách mạng".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.232-233.

"Nhân tiện, cũng xin nói thêm rằng tất cả những mâu thuẫn lịch sử từ trước đến nay giữa các giai cấp bóc lột và các giai cấp bị bóc lột, giữa các giai cấp thống trị và các giai cấp bị trị, đều được giải thích bởi chính ngay cái năng suất lao động tương đối chưa phát triển đó của loài người. Chừng nào mà dân cư thật sự làm việc còn bị thu hút vào lao động cần thiết của mình đến mức không còn thì giờ để chăm lo các công việc chung của xã hội nữa - như việc lãnh đạo lao động, công việc nhà nước, hoạt động tư pháp, nghệ thuật, khoa học, v.v., - thì chừng đó bao giờ cũng cần phải có một giai cấp đặc biệt, thoát ly lao động thật sự, để có thể chuyên về các công việc đó; đồng thời vì lợi ích riêng của mình giai cấp này cũng không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để trút một gánh nặng lao động ngày càng lớn vào vai quần chúng lao động. Chỉ có sự phát triển to lớn của các lực lượng sản xuất do nền đại công nghiệp đem lại, mới cho phép người ta phân phối lao động cho tất cả mọi thành viên trong xã hội, không trừ một người nào, và do đó, giới hạn được thời gian lao động của mỗi người để cho tất cả đều còn có đủ thì giờ rỗi để tham gia công việc chung của xã hội, - về lý luận cũng như về thực tiễn. Do đó, chỉ có giờ đây, mọi giai cấp thống trị và bóc lột mới trở thành thừa, thậm chí còn trở thành một chướng ngại đối với sự phát triển xã hội, và chỉ có giờ đây giai cấp đó mới sẽ bị tiêu diệt thẳng tay, dù cho nó có nắm được một "bạo lực trực tiếp" như thế nào chăng nữa".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.256.

"Nhưng chỉ có đại công nghiệp mới phát triển, một mặt, những sự xung đột khiến cho một cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất trở thành một sự cần thiết cấp bách, những cuộc xung đột không chỉ giữa những giai cấp do đại công nghiệp sinh ra, mà còn giữa lực lượng sản xuất và những phương thức trao đổi do nó tạo ra nữa - và mặt khác, đại công nghiệp ấy, thông qua sự phát triển lớn lao của chính lực lượng sản xuất ấy, cũng cung cấp những phương tiện để giải quyết những sự xung đột đó. Do đó, nếu vào khoảng năm 1800, những sự xung đột sinh ra từ chế độ xã hội mới

chỉ mới bắt đầu, thì dĩ nhiên là những phương tiện để giải quyết những xung đột ấy lại càng ít phát triển hơn nữa".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.358.

"Thuật luyện vàng là một việc cần thiết trong thời đại của nó. Nhưng từ đó đến nay, đại công nghiệp đã phát triển những mâu thuẫn trước đây vẫn còn ngái ngủ trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, thành những sự đối lập quá rõ rệt đến mức có thể nói rằng người ta có thể sờ thấy được cái ngày sụp đổ đang đến gần của phương thức sản xuất đó; đến mức là bản thân các lực lượng sản xuất mới cũng chỉ có thể duy trì và phát triển được bằng cách áp dụng một phương thức sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển hiện thời của các lực lượng sản xuất ấy; đến mức là cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp do phương thức sản xuất thống trị từ trước đến nay đẻ ra và thường xuyên tái sản sinh ra trong một sự đối lập ngày càng gay gắt hơn, đã lan tràn sang tất cả các nước văn minh và mỗi ngày càng trở nên mãnh liệt hơn; và đến mức là người ta cũng đã nhận thức được mối liên hệ lịch sử đó, nhận thức được những điều kiện của cuộc cải tạo xã hội đã trở nên cần thiết do những mối liên hệ lịch sử ấy, và đã nhận thức được những nét căn bản của cuộc cải tạo đó, cũng do mối liên hệ lịch sử ấy quyết định".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.369-370.

"Từ khi hơi nước và những máy công cụ mới biến công trường thủ công cũ thành đại công nghiệp thì những lực lượng sản xuất được tạo ra dưới sự điều khiển của giai cấp tư sản đã phát triển nhanh chưa từng thấy và với một quy mô chưa từng có. Nhưng giống như công trường thủ công trước đây và ngành thủ công được hoàn thiện hơn nữa do ảnh hưởng của nó, đã xung đột với những xiềng xích phong kiến của phường hội, thì đại công nghiệp trong giai đoạn phát triển đầy đủ hơn của nó cũng xung đột với những giới hạn chật hẹp trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang giam hãm nó. Các lực lượng sản xuất mới đã vượt quá hình thức tư sản của việc sử dụng chúng; và sự xung đột ấy giữa các lực

lượng sản xuất và phương thức sản xuất hoàn toàn không phải là một sự xung đột sinh ra chỉ từ đầu óc người ta như sự xung đột giữa tội tổ tông của con người và sự công bằng của Chúa, mà là có thật, khách quan, ở bên ngoài chúng ta, không phụ thuộc vào ý chí hoặc hành động của chính ngay những người đã tạo ra nó. Chủ nghĩa xã hội hiện đại chẳng qua chỉ là sự phản ánh của sự xung đột có thật ấy vào trong tư duy, là sự phản ánh trên ý niệm của sự xung đột ấy, trước hết trong đầu óc của giai cấp trực tiếp chịu đau khổ vì sự xung đột ấy, tức là giai cấp công nhân.

Vậy thì sự xung đột ấy là ở chỗ nào?

Trước nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tức là trong thời trung cổ, khắp nơi đều có nền sản xuất nhỏ mà cơ sở của nó là chế độ sở hữu tư nhân của những người lao động đối với những tư liệu sản xuất của họ: nông nghiệp của những tiểu nông, tự do hay nông nô, thủ công nghiệp ở thành thị. Những tư liệu lao động - đất đai, nông cụ, dụng cụ thủ công - là những tư liệu lao động của cá nhân, chỉ nhằm cho việc sử dụng của cá nhân, do đó chúng nhất định phải nhỏ bé, tí hon, có hạn. Cũng chính vì thế mà thường thường chúng thuộc về bản thân người sản xuất. Tập trung, mở rộng những tư liệu sản xuất phân tán, nhỏ bé ấy, biến chúng thành những đòn bẩy mạnh mẽ hiện nay của nền sản xuất, đó chính là vai trò lịch sử của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và của kẻ đại biểu cho nó - tức là giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản đã hoàn thành sự nghiệp ấy trong lịch sử như thế nào từ thế kỷ XV, qua ba giai đoạn khác nhau của nền sản xuất: hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp, điều đó, Mác đã mô tả tỉ mỉ trong phần thứ tư của bộ "Tư bản". Nhưng giai cấp tư sản, như Mác đã chứng minh cũng trong phần ấy, không thể biến những tư liệu sản xuất có hạn ấy thành những lực lượng sản xuất hùng mạnh mà lại không biến chúng từ chỗ là những tư liệu sản xuất do cá nhân sử dụng thành những tư liệu sản xuất *xã hội,* chỉ có thể được sử dụng chung bởi một số đông người".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.372-373.

"Trong các cuộc khủng hoảng, mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa nổ ra dữ dội. Lưu thông hàng hóa bị tạm thời đình chỉ, phương tiện lưu thông tức là tiền, trở thành một chướng ngại cho lưu thông; tất cả mọi quy luật của sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa đều bị đảo lộn. Sự xung đột kinh tế đạt tới đỉnh cao nhất của nó: *phương thức sản xuất nổi dậy chống phương thức trao đổi, các lực lượng sản xuất nổi dậy chống phương thức sản xuất mà chúng đã vượt qua.*

Cái sự thật là tổ chức xã hội của sản xuất ở trong công xưởng đã đạt tới trình độ phát triển khiến nó không còn có thể tương dung được với cái tình trạng vô chính phủ của sản xuất trong xã hội hiện tồn tại bên cạnh nó và bên trên nó - cái sự thật đó cũng đã trở nên rõ ràng đối với bản thân các nhà tư bản do sự tập trung tư bản một cách dữ dội diễn ra trong thời kỳ các cuộc khủng hoảng, thông qua việc phá sản của nhiều nhà tư bản lớn và một số còn nhiều nữa những nhà tư bản nhỏ. Toàn bộ cơ chế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chịu phục vụ nữa dưới sức ép của các lực lượng sản xuất do chính cơ chế ấy đã tạo ra. Nó đã không còn có thể biến hết tất cả khối tư liệu sản xuất ấy thành tư bản nữa; chúng nằm yên không được sử dụng đến, và vì thế đạo quân công nghiệp trừ bị cũng buộc phải thất nghiệp. Tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt, người công nhân có sẵn để được sử dụng mọi yếu tố của sản xuất và của đời sống hạnh phúc chung đều có thừa thãi. Nhưng "sự thừa thãi lại trở thành một nguồn của sự khốn cùng và thiếu thốn" (Phu-ri-ê) vì chính sự thừa thãi ấy đã ngăn cản tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt biến thành tư bản. Vì trong xã hội tư bản chủ nghĩa, tư liệu sản xuất không thể hoạt động được nếu trước đó chúng không được biến thành tư bản, thành phương tiện bóc lột sức lao động của con người. Sự tất yếu phải biến tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt thành tư bản giống như một bóng ma đứng giữa chúng và công nhân. Sự tất yếu ấy là cái duy nhất ngăn cản sự kết hợp giữa những đồn bẩy vật và người của sản xuất lại với nhau; nó là cái duy nhất ngăn cản tư liệu sản xuất hoạt động, ngăn cản công nhân lao động và sống. Do đó,

một mặt, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tự vạch mặt là nó không còn đủ sức tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất ấy nữa. Mặt khác, bản thân những lực lượng sản xuất, với một sức mạnh ngày càng tăng, cũng mong muốn đạt tới chỗ thủ tiêu mâu thuẫn ấy, đến chỗ tự giải thoát khỏi cái tính chất tư bản của chúng, *đến chỗ thực tế thừa nhận tính chất của chúng là những lực lượng sản xuất xã hội.*

Chính sự phản kháng đó của những lực lượng sản xuất đang tăng lên một cách mạnh mẽ chống lại tính chất tư bản của chúng, sự tất yếu ngày càng tăng buộc phải thừa nhận bản chất xã hội của chúng, buộc bản thân giai cấp những nhà tư bản ngày càng phải thừa nhận - trong chừng mực nói chung điều đó có thể thực hiện được trong các quan hệ tư bản chủ nghĩa, - những lực lượng sản xuất ấy là những lực lượng sản xuất xã hội. Những thời kỳ công nghiệp hoạt động sôi nổi, cùng với tín dụng phình lên một cách không có giới hạn của chúng, cũng như bản thân sự phá sản thông qua sự sụp đổ của nhiều xí nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn, đang dẫn tới một hình thức xã hội hóa những khối tư liệu sản xuất lớn hơn như chúng ta thấy trong các loại công ty cổ phần. Một số những tư liệu sản xuất và giao thông ấy, ví dụ như đường sắt, thì ngay từ đầu đã đồ sộ đến nỗi chúng gạt bỏ mọi hình thức khác của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Nhưng đến một trình độ phát triển nhất định nào đó thì chính ngay hình thức ấy cũng thành ra không đủ nữa: đại biểu chính thức của xã hội tư bản chủ nghĩa, tức là nhà nước, cũng buộc phải[1] đảm đương việc lãnh đạo các tư liệu sản

1) Tôi nói *"buộc phải"*, vì chỉ trong trường hợp mà tư liệu sản xuất hay tư liệu giao thông đã *thực sự* vượt quá sự quản lý của các công ty cổ phần, và do đó việc quốc hữu hóa trở thành không thể tránh khỏi *về mặt kinh tế,* chỉ trong trường hợp đó thì việc quốc hữu hóa - ngay cả khi nó do nhà nước hiện nay thực hiện - mới có nghĩa là một bước tiến về kinh tế, mới có nghĩa là đã đạt tới một giai đoạn mới để bản thân xã hội nắm lấy mọi lực lượng sản xuất. Nhưng mới đây, từ khi Bi-xmác lao vào việc quốc hữu hóa thì người ta thấy xuất hiện một thứ chủ nghĩa xã hội giả hiệu và đây đó nó thậm chí còn thoái hóa thành một sự bợ đỡ tự nguyện, tuyên bố

xuất và giao thông ấy. Sự cần thiết phải biến thành sở hữu nhà nước như thế xuất hiện trước tiên trong các cơ quan giao thông liên lạc lớn: bưu điện, điện báo và đường sắt.

Nếu các cuộc khủng hoảng đã vạch rõ sự bất lực của giai cấp tư sản trong việc tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất hiện đại, thì việc biến các xí nghiệp sản xuất và giao thông lớn thành các công ty cổ phần, và thành sở hữu của nhà nước lại chứng tỏ rằng giai cấp tư sản là thừa đối với mục đích ấy. Giờ đây tất cả mọi chức năng xã hội của nhà tư bản đều do những nhân viên làm công đảm nhiệm. Nhà tư bản không còn có hoạt động xã hội nào khác ngoài việc bỏ tiền thu nhập vào túi, cắt phiếu và đầu cơ ở sở giao dịch, nơi mà các nhà tư bản cướp đoạt tư bản lẫn của nhau. Nếu thoạt tiên phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa gạt bỏ công nhân, thì giờ đây nó lại gạt bỏ các nhà tư bản, và đẩy họ, giống như công nhân, vào số nhân khẩu thừa, mặc dầu là tạm thời còn chưa đẩy họ ngay vào đạo quân công nghiệp trừ bị.

Nhưng cả việc biến thành các công ty cổ phần lẫn việc biến thành sở hữu của nhà nước đều không xóa bỏ tính chất tư bản của

---

thẳng ra rằng *bất cứ* sự quốc hữu hóa nào, ngay cả quốc hữu hóa theo kiểu Bi-xmác, cũng đều là chủ nghĩa xã hội cả. Hiển nhiên là nếu quốc hữu hóa ngành thuốc cũng là chủ nghĩa xã hội thì Na-pô-lê-ông và Mét-téc-ních cũng có thể được tính vào số những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội. Nếu vì những lý do chính trị và tài chính hết sức bình thường mà Chính phủ Bỉ tự mình xây dựng lấy những đường sắt chủ yếu, Bi-xmác quốc hữu hóa những đường sắt chủ yếu của Phổ mà không có một sự cần thiết nào về kinh tế, chỉ nhằm mục đích là để có thể tổ chức và sử dụng những đường sắt trong thời chiến được tốt hơn, để huấn luyện nhân viên đường sắt thành một đàn súc vật bỏ phiếu cho chính phủ một cách ngoan ngoãn, và chủ yếu là để tạo một nguồn thu nhập mới, không phụ thuộc vào những quyết nghị của quốc hội, - thì đó hoàn toàn không phải là những biện pháp xã hội chủ nghĩa, dù là trực tiếp hay gián tiếp, tự giác hay không tự giác. Nếu không thì công ty thương mại đường biển của nhà vua, công trường thủ công sành sứ của nhà vua, thậm chí người may quần áo cấp đại đội trong quân đội, cũng đều là những thiết chế xã hội chủ nghĩa.

các lực lượng sản xuất. Điều đó rất rõ ở những công ty cổ phần. Và nhà nước hiện đại cũng vẫn chỉ là một tổ chức mà xã hội tư sản tự tạo ra cho mình để bảo vệ những điều kiện chung bên ngoài của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa khỏi bị những sự tấn công của công nhân cũng như của một số nhà tư bản cá biệt. Nhà nước hiện đại, dầu hình thức của nó là như thế nào chăng nữa, về thực chất cũng vẫn là một bộ máy tư bản chủ nghĩa, là nhà nước của các nhà tư bản, là nhà tư bản tập thể lý tưởng. Nhà nước ấy càng chuyển nhiều lực lượng sản xuất thành tài sản của nó bao nhiêu thì nó lại càng biến thành nhà tư bản tập thể thực sự bấy nhiêu và càng bóc lột nhiều công dân bấy nhiêu. Công nhân vẫn là những người công nhân làm thuê, những người vô sản. Quan hệ tư bản chủ nghĩa vẫn không bị thủ tiêu mà trái lại còn được đẩy tới chỗ tột cùng. Nhưng khi đã đạt tới chỗ tột cùng thì sẽ xảy ra cuộc đảo lộn. Sở hữu nhà nước về các lực lượng sản xuất không phải là cách giải quyết cuộc xung đột, mà nó chứa đựng trong mình nó một phương tiện có tính chất hình thức, khả năng giải quyết cuộc xung đột ấy.

Cách giải quyết này chỉ có thể là ở chỗ, tính chất xã hội của các lực lượng sản xuất hiện đại sẽ được thực tế thừa nhận và do đó, phương thức sản xuất, phương thức chiếm hữu và phương thức trao đổi sẽ được làm cho phù hợp với tính chất xã hội của các tư liệu sản xuất. Và điều đó chỉ có thể diễn ra nếu xã hội công khai và trực tiếp nắm những lực lượng sản xuất đã vượt quá mọi sự quản lý khác ngoài sự quản lý của xã hội. Như vậy là tính chất xã hội của các tư liệu sản xuất và các sản phẩm, ngày nay đang chống lại bản thân những người sản xuất, từng chu kỳ một đang làm rung chuyển phương thức sản xuất và trao đổi, và chỉ tự vạch đường cho mình một cách tàn bạo và hủy hoại như một quy luật của tự nhiên tác động một cách mù quáng - tính chất xã hội ấy sẽ được những người sản xuất vận dụng một cách hoàn toàn tự giác và sẽ biến từ nguyên nhân của những sự rối loạn và những sự phá sản có tính chất chu kỳ thành một đòn bẩy hết sức mạnh mẽ của chính ngay sản xuất.

Những lực lượng xã hội cũng tác động hoàn toàn giống như những lực lượng tự nhiên: mù quáng, tàn bạo, phá hoại, chừng nào chúng ta chưa nhận thức được chúng và chưa đếm xỉa đến chúng. Nhưng một khi chúng ta đã nhận thức được chúng, nắm được tác động, phương hướng và ảnh hưởng của chúng thì việc buộc chúng ngày càng phải phục tùng ý chí của chúng ta và lợi dụng chúng để đạt tới những mục đích của chúng ta, là hoàn toàn tùy thuộc vào chúng ta. Điều đó là đặc biệt đúng khi nói về những lực lượng sản xuất mạnh mẽ hiện nay. Chừng nào chúng ta khăng khăng cự tuyệt không muốn hiểu bản chất và tính chất của những lực lượng ấy - và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những kẻ bênh vực nó lại khăng khăng không chịu hiểu - thì chừng đó lực lượng ấy vẫn tác động bất chấp ý muốn của chúng ta, chống lại chúng ta, thì chừng đó chúng vẫn thống trị chúng ta, như đã trình bày tỉ mỉ trên đây. Nhưng một khi đã hiểu được bản chất của chúng rồi thì ở trong tay những người sản xuất liên hiệp, chúng từ chỗ là những ông chủ ma quái sẽ biến thành những người đầy tớ ngoan ngoãn. Đó là sự khác nhau giữa sức mạnh phá hoại của điện trong những tia chớp của giông tố với luồng điện đã chế ngự được trong điện báo và trong đèn điện; là sự khác nhau giữa ngọn lửa của đám cháy với ngọn lửa phục vụ cho con người. Khi người ta bắt đầu đối xử với những lực lượng sản xuất hiện nay theo bản chất của chúng - bản chất mà cuối cùng người ta đang nhận thức được - thì tình trạng vô chính phủ của sản xuất xã hội sẽ được thay thế bằng một sự điều tiết sản xuất có kế hoạch trên quy mô xã hội, theo những nhu cầu của toàn thể xã hội nói chung cũng như của mỗi một thành viên nói riêng; lúc đó phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa, trong đó có sản phẩm nô dịch trước tiên là người sản xuất rồi sau đó là người chiếm hữu, được thay thế bằng hình thức chiếm hữu sản phẩm dựa trên chính ngay tính chất của tư liệu sản xuất hiện đại: một mặt là sự chiếm hữu trực tiếp của xã hội về các sản phẩm, coi đó là những tư liệu để duy trì và phát triển sản xuất, mặt khác

là sự chiếm hữu trực tiếp của cá nhân về các sản phẩm, coi đó là tư liệu sinh hoạt và hưởng thụ.

Ngày càng biến đại đa số dân cư thành vô sản, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một lực lượng bị buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy, nếu không thì sẽ bị diệt vong. Ngày càng buộc những tư liệu sản xuất lớn, đã xã hội hóa, biến thành sở hữu nhà nước, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tự nó vạch ra con đường để hoàn thành cuộc cách mạng ấy. Giai cấp vô sản *chiếm lấy chính quyền nhà nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước.* Nhưng chính vì thế mà giai cấp vô sản cũng tự thủ tiêu với tư cách là giai cấp vô sản, chính vì thế mà nó cũng xóa bỏ mọi sự phân biệt giai cấp và mọi đối kháng giai cấp, và cũng xóa bỏ nhà nước với tư cách là nhà nước. Cái xã hội từ trước tới nay vận động trong những sự đối lập giai cấp đã cần đến nhà nước, nghĩa là một tổ chức của giai cấp bóc lột để duy trì những điều kiện bên ngoài của sản xuất của nó, do đó chủ yếu là để duy trì bằng bạo lực giai cấp bị bóc lột trong những điều kiện áp bức (chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ lao động làm thuê) do phương thức sản xuất hiện có lúc đó đem lại. Nhà nước là đại biểu chính thức của toàn thể xã hội, là sự tổng hợp của xã hội thành một nghiệp hội rõ ràng, nhưng nó chỉ là như thế trong chừng mực nó là nhà nước của bản thân giai cấp đại biểu cho toàn thể xã hội trong thời đại của mình: trong thời cổ, đó là nhà nước của chủ nô; trong thời trung cổ, đó là nhà nước của quý tộc phong kiến; trong thời đại chúng ta, đó là nhà nước của giai cấp tư sản. Khi nhà nước, cuối cùng, thật sự trở thành đại biểu của toàn thể xã hội thì bản thân nó sẽ trở thành thừa. Một khi không còn giai cấp xã hội nào cần phải duy trì trong vòng áp bức nữa, một khi mà cùng với sự thống trị giai cấp và sự đấu tranh để sinh tồn xây dựng trên tình trạng vô chính phủ từ trước tới nay trong sản xuất, những xung đột và tình trạng rối loạn nẩy sinh từ tình hình đó cũng đều bị loại trừ, thì lúc đó sẽ không còn có gì để áp bức nữa, khi đó một lực lượng đặc biệt để đàn áp tức là nhà nước, cũng sẽ không còn

cần thiết nữa. Hành động đầu tiên, qua đó nhà nước thật sự thể hiện ra là đại biểu của toàn thể xã hội - chiếm lấy các tư liệu sản xuất nhân danh xã hội - cũng đồng thời là hành động độc lập cuối cùng của nó với tư cách là nhà nước. Sự can thiệp của chính quyền nhà nước vào các quan hệ xã hội sẽ hóa ra thừa trong hết lĩnh vực này đến lĩnh vực khác và tự lịm dần đi. Việc cai quản người sẽ nhường chỗ cho việc quản lý vật và chỉ đạo quá trình sản xuất. Nhà nước không "bị xóa bỏ", *nó tự tiêu vong*. Cần phải đứng trên cơ sở ấy để đánh giá câu "nhà nước nhân dân tự do"; câu đó với tính cách là thủ đoạn cổ động thì tạm thời còn có lý do tồn tại; nhưng nếu xét cho cùng về phương diện khoa học, thì nó là một câu nói vô căn cứ. Đó cũng là cơ sở để đánh giá yêu sách của những kẻ gọi là những người vô chính phủ chủ nghĩa đòi ngày một ngày hai xóa bỏ ngay nhà nước.

Từ khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trong lịch sử, việc xã hội nắm lấy mọi tư liệu sản xuất thường thể hiện ra là một lý tưởng ít nhiều lờ mờ về tương lai đối với những cá nhân riêng biệt hoặc đối với cả toàn bộ một phái. Nhưng việc ấy chỉ có thể thực hiện được, trở thành một tất yếu lịch sử, khi đã có những điều kiện vật chất để thực hiện nó. Cũng như mọi tiến bộ xã hội khác, nó có thể thực hiện được không phải do chỗ người ta đã nhận thức được rằng sự tồn tại của các giai cấp là trái với chính nghĩa, với bình đẳng, v.v., không phải do ý muốn đơn giản là thủ tiêu những giai cấp ấy, mà là do có những điều kiện kinh tế mới nào đó. Sự phân chia xã hội thành giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, thành giai cấp thống trị và giai cấp bị trị là kết quả tất yếu của sự phát triển thấp trước đây của sản xuất. Chừng nào mà toàn bộ lao động xã hội chỉ cung cấp được một số sản phẩm chỉ vượt quá rất ít số tư liệu cần thiết nhất cho sự tồn tại của mọi người, do đó, chừng nào lao động choán hết hay gần hết thì giờ của tối đại đa số thành viên trong xã hội, thì chừng đó xã hội tất nhiên phải chia thành giai cấp. Bên cạnh đại đa số hoàn toàn phải lao động một cách không tự nguyện ấy, thì hình thành nên một giai cấp được

giải phóng khỏi công việc lao động sản xuất trực tiếp và do vậy nó làm những công việc chung của xã hội như: quản lý lao động, công việc nhà nước, tư pháp, khoa học, nghệ thuật, v.v.. Do đó quy luật phân công lao động là cái làm cơ sở cho sự phân chia thành giai cấp. Nhưng điều đó hoàn toàn không loại trừ việc sử dụng bạo lực, cướp bóc, mánh khóe và lừa bịp trong sự hình thành các giai cấp, và không cản trở giai cấp thống trị, một khi đã nắm được chính quyền sẽ củng cố địa vị của nó trên lưng các giai cấp lao động và biến việc quản lý xã hội thành việc bóc lột quần chúng.

Nhưng nếu do đó sự phân chia thành giai cấp có một tồn tại lịch sử chính đáng nào đó thì nó cũng chỉ có thể có lý do ấy trong một thời kỳ nhất định, trong những điều kiện xã hội nhất định. Nó dựa trên sự sản xuất không đầy đủ; nó sẽ bị sự phát triển đầy đủ của những lực lượng sản xuất hiện đại xóa bỏ. Và thật vậy sự xóa bỏ giai cấp xã hội giả định phải có một trình độ phát triển lịch sử trong đó sự tồn tại không chỉ của một giai cấp thống trị nhất định này hay một giai cấp thống trị nhất định khác, mà là của một giai cấp thống trị nói chung, do đó ngay cả sự phân chia giai cấp, cũng đều trở thành một việc không hợp thời đại, trở thành lỗi thời. Do đó sự xóa bỏ giai cấp giả định phải có một trình độ phát triển cao của sản xuất, trong đó việc một giai cấp xã hội đặc biệt chiếm hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm, và do đó, chiếm cả quyền thống trị chính trị, độc quyền giáo dục và chỉ đạo tinh thần, không những trở nên thừa mà còn cản trở sự phát triển kinh tế, chính trị và tinh thần nữa. Trình độ ấy ngày nay đã đạt được. Nếu sự phá sản về chính trị và tinh thần của giai cấp tư sản hầu như không còn là một điều bí mật đối với ngay cả bản thân giai cấp đó, thì sự phá sản kinh tế của giai cấp lại lặp lại một cách đều đặn từng mười năm một. Trong mỗi cuộc khủng hoảng, xã hội lại nghẹt thở dưới sức ép của những lực lượng sản xuất và của những sản phẩm của bản thân nó, mà nó không thể sử dụng được và tự thấy bất lực trước cái mâu thuẫn vô lý là những người sản xuất không có gì để tiêu dùng vì thiếu người tiêu dùng. Sức mở rộng của các tư liệu sản

xuất đang phá tung những xiềng xích mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trói buộc chúng. Giải phóng tư liệu sản xuất khỏi những xiềng xích đó là điều kiện tiên quyết duy nhất để bảo đảm cho một sự phát triển liên tục, với một tốc độ ngày càng nhanh, của lực lượng sản xuất, và do đó đảm bảo sự tăng lên, trên thực tiễn là không có giới hạn, của chính ngay sản xuất. Nhưng không phải chỉ có thế. Việc xã hội chiếm hữu tư liệu sản xuất không những gạt bỏ được sự kìm hãm nhân tạo hiện đang có đối với sản xuất, mà còn xóa bỏ được sự lãng phí và sự phá hoại trực tiếp những lực lượng sản xuất và sản phẩm, tức là những bạn đường không thể tránh được của sản xuất hiện nay, và đạt tới đỉnh cao của nó trong thời kỳ khủng hoảng. Thêm nữa, sự chiếm hữu ấy còn giải phóng được cho toàn thể xã hội một khối tư liệu sản xuất và sản phẩm, bằng cách xóa bỏ sự hoang phí xa hoa điên rồ của các giai cấp thống trị hiện nay và của những đại biểu chính trị của chúng. Khả năng bảo đảm, bằng nền sản xuất xã hội, cho mọi thành viên trong xã hội một đời sống không những hoàn toàn đầy đủ về vật chất và ngày càng phong phú hơn, mà còn bảo đảm cho họ phát triển và vận dụng một cách hoàn toàn tự do và đầy đủ những năng khiếu thể lực và trí lực của họ nữa - khả năng ấy giờ đây mới đạt được lần đầu tiên, nhưng hiện giờ nó *đã đạt được thực sự rồi*.

Cùng với việc xã hội nắm lấy những tư liệu sản xuất thì sản xuất hàng hóa cũng bị loại trừ, và do đó, sự thống trị của hàng hóa đối với những người sản xuất cũng bị loại trừ. Tình trạng vô chính phủ trong nội bộ nền sản xuất xã hội được thay thế bằng một sự tổ chức có kế hoạch, có ý thức. Cuộc đấu tranh để sinh tồn của cá nhân sẽ chấm dứt. Do đó mà lần đầu tiên, con người tách hẳn - theo một ý nghĩa nào đó - khỏi giới thú vật, chuyển từ điều kiện sinh tồn của thú vật sang điều kiện sinh tồn thật sự của con người. Những điều kiện ấy bao quanh con người và cho đến nay vẫn thống trị con người, thì lúc này sẽ bị thống trị và kiểm soát bởi những con người lần đầu tiên trở thành những người chủ thật sự, có ý thức đối với tự nhiên, bởi vì họ trở thành những người chủ của

tổ chức xã hội của họ. Những quy luật của hoạt động xã hội của họ, cho đến nay vẫn đối lập với họ như những quy luật tự nhiên, xa lạ và thống trị họ, thì lúc đó sẽ được con người vận dụng một cách hoàn toàn hiểu biết và do đó sẽ chịu sự thống trị của con người. Tổ chức xã hội của con người, từ trước đến nay vẫn đối lập với con người như những cái do tự nhiên và lịch sử áp đặt cho con người thì giờ đây đã biến thành hành động tự do của bản thân con người. Những lực lượng khách quan, xa lạ, từ trước đến nay vẫn thống trị lịch sử thì sẽ do chính con người kiểm soát. Chỉ từ lúc đó, con người mới bắt đầu tự mình làm ra lịch sử của chính mình một cách hoàn toàn tự giác, chỉ từ lúc đó, những nguyên nhân xã hội mà con người làm cho phát huy tác dụng, mới đưa lại, với một mức độ chiếm ưu thế và không ngừng tăng lên, những kết quả mà con người mong muốn. Đó là bước nhảy của nhân loại từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do.

Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại. Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy, và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về mặt lý luận của phong trào vô sản".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.383-393.

"Bằng cách làm cho mình trở thành người chủ của toàn bộ các tư liệu sản xuất để sử dụng chúng một cách có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội, xã hội sẽ thủ tiêu được tình trạng con người từ trước tới nay vẫn bị nô dịch bởi tư liệu sản xuất của chính họ... Dĩ nhiên là xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi một cá nhân riêng biệt. Do đó phương thức sản xuất cũ nhất định phải bị lật đổ tận gốc, và nhất là sự phân công lao động cũ phải biến đi. Thay cho nó, phải có một tổ chức sản xuất trong đó, một mặt, không một cá nhân nào lại có thể

trút sang cho người khác cái phần tham dự của mình vào lao động sản xuất, điều kiện tự nhiên đó của sự tồn tại của con người; trong đó, mặt khác, lao động sản xuất không còn là một thủ đoạn để nô dịch nữa, mà trở thành một phương tiện để giải phóng con người, bằng cách đưa lại cho mỗi người cái cơ hội để phát triển và vận dụng toàn bộ các năng lực thể chất và tinh thần của mình theo tất cả mọi hướng, - và trong đó, như vậy là lao động sản xuất từ chỗ là một gánh nặng sẽ trở thành một sự vui thú.

Ngày nay, điều đó không còn là một ảo tưởng, một điều mong ước thành tín nữa. Với sự phát triển hiện nay của lực lượng sản xuất, thì sự tăng lên của sản xuất do chính ngay việc xã hội hóa lực lượng sản xuất đem lại, việc gạt bỏ những trở ngại và những sự hỗn loạn do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa gây ra, việc gạt bỏ tình trạng lãng phí sản phẩm và tư liệu sản xuất, - chỉ những việc đó cũng đủ để trong trường hợp mọi người đều tham gia lao động, có thể rút thời gian lao động xuống tới mức rất không đáng kể, theo những quan niệm hiện nay.

Việc xóa bỏ chế độ phân công lao động cũ cũng hoàn toàn không phải là một yêu sách chỉ có thể thực hiện được bằng cách làm thiệt hại đến năng suất lao động. Trái lại, do nền công nghiệp lớn, nó đã trở thành một điều kiện của bản thân sản xuất. "Việc sản xuất bằng máy móc đã xóa bỏ sự cần thiết phải củng cố sự phân chia theo kiểu công trường thủ công bằng cách không ngừng buộc chặt cũng một công nhân ấy vào cùng một công việc. Vì toàn bộ sự hoạt động của công xưởng không phải xuất phát từ công nhân, mà xuất phát từ máy móc, cho nên có thể xảy ra sự thay đổi người thường xuyên mà không làm gián đoạn quá trình lao động... Cuối cùng, vì người ta có thể học đứng máy rất nhanh chóng khi còn trẻ cho nên không cần thiết phải đào tạo một loại công nhân đặc biệt để đứng máy". Nhưng trong khi phương thức sử dụng máy móc theo kiểu tư bản chủ nghĩa vẫn phải tiếp tục duy trì sự phân công lao động cũ với những chức năng bộ phận cứng đờ của nó, mặc dù về mặt kỹ thuật điều đó đã trở thành thừa, - thì bản thân

máy móc cũng nổi lên chống lại sự lỗi thời đó. Cơ sở kỹ thuật của nền đại công nghiệp là có tính chất cách mạng. "Nhờ dùng máy móc, nhờ các quá trình hóa học và các phương pháp khác, nền công nghiệp hiện đại không ngừng đảo lộn những cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất và cùng với chúng là những chức năng của công nhân và những sự kết hợp xã hội của quá trình lao động. Do đó, nền công nghiệp hiện đại không ngừng cách mạng hóa sự phân công lao động trong xã hội và không ngừng ném những khối lượng tư bản và khối lượng công nhân từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác. Vì vậy, bản chất của đại công nghiệp đòi hỏi phải có sự thay đổi lao động, sự di chuyển chức năng và tính chất cơ động toàn diện của người công nhân... Chúng ta đã thấy cái mâu thuẫn tuyệt đối đó... nổ ra dữ dội như thế nào trong sự không ngừng hy sinh giai cấp công nhân, trong sự hoang phí vô hạn sức lao động và trong những sự tàn phá của tình trạng vô chính phủ trong xã hội. Đó là mặt tiêu cực. Nhưng nếu sự thay đổi của lao động bây giờ chỉ được thực hiện như là một quy luật tự nhiên không thể nào khắc phục được và với sức phá hoại mù quáng của một quy luật tự nhiên đâu đâu cũng vấp phải những trở ngại, thì mặt khác, thông qua chính ngay những tai biến của nó, đại công nghiệp lại đặt vấn đề thừa nhận sự thay đổi của lao động là vấn đề sinh tử, và do đó, thừa nhận tính chất càng đa diện càng tốt của công nhân là một quy luật phổ biến của sản xuất xã hội và phải làm cho các quan hệ thích ứng với sự thực hiện bình thường của quy luật đó. Đại công nghiệp đặt nhiệm vụ với tư cách là một vấn đề sinh tử: thay thế tính chất to lớn của một nhân khẩu lao động khốn khổ ở rỗi được duy trì làm dự trữ cho nhu cầu bóc lột đang thay đổi của tư bản, bằng tính chất tuyệt đối sẵn sàng dùng được của con người đối với những nhu cầu đang thay đổi của lao động; thay thế con người bộ phận, kẻ chỉ giản đơn mang một chức năng xã hội bộ phận, bằng một con người phát triển toàn diện, mà những chức năng xã hội khác nhau chỉ là những phương thức hoạt động thay thế nhau mà thôi" (C.Mác, "Tư bản").

Bằng cách dạy chúng ta biến sự vận động của phân tử, mà ít nhiều người ta đều có thể thực hiện được ở khắp nơi, thành một sự vận động có tính chất đông đảo cho những mục đích kỹ thuật, đại công nghiệp đã giải phóng trên một mức độ rất lớn nền sản xuất công nghiệp khỏi những hạn chế có tính chất địa phương. Sức nước trước kia là một sức mạnh có tính chất địa phương; sức hơi nước bây giờ có tính chất tự do. Nếu sức nước nhất thiết phải gắn với nông thôn, thì sức hơi nước tuyệt nhiên không nhất thiết phải gắn với thành thị. Chính việc áp dụng sức hơi nước theo kiểu tư bản chủ nghĩa đem tập trung hơi nước chủ yếu vào các thành thị, và biến những làng công xưởng thành những thành thị công xưởng. Nhưng chính vì thế mà nó cũng đồng thời phá hoại luôn cả những điều kiện sản xuất của chính nó. Yêu cầu đầu tiên của máy hơi nước và yêu cầu chủ yếu của hầu hết tất cả các ngành sản xuất trong nền đại công nghiệp là phải có một thứ nước tương đối sạch. Nhưng thành thị công xưởng lại biến mọi thứ nước thành nước phân hôi thối. Do đó sự tập trung ở thành thị là một điều kiện cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bao nhiêu, thì mỗi nhà tư bản công nghiệp cá biệt lại có xu hướng muốn rời bỏ các thành phố lớn bấy nhiêu - những thành phố này tất yếu do sự tập trung đó đẻ ra, - để di chuyển cơ sở kinh doanh về nông thôn. Người ta có thể nghiên cứu quá trình đó một cách chi tiết trong các khu công nghiệp dệt Lan-kê-sia và Y-oóc-sia; ở các nơi đó nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa không ngừng tạo ra những thành phố lớn mới, bằng cách không ngừng bỏ thành thị để chạy về nông thôn. Trong các vùng công nghiệp luyện kim ở đó những kết quả như thế một phần do những nguyên nhân khác gây ra, thì tình hình cũng như vậy.

Một lần nữa, chỉ có thủ tiêu tính chất tư bản chủ nghĩa của nền công nghiệp hiện đại, thì mới có thể thủ tiêu được cái vòng luẩn quẩn mới đó, mỗi mâu thuẫn cứ luôn luôn tái sinh đó của nền công nghiệp hiện đại. Chỉ có một xã hội nào có khả năng phối hợp được các lực lượng sản xuất của nó một cách nhịp nhàng, theo một kế hoạch chung duy nhất, thì mới cho phép phân bố được công nghiệp trên khắp cả nước, sao cho thích hợp nhất đối với sự phát

triển và sự bảo tồn của bản thân công nghiệp, cũng như đối với sự phát triển các yếu tố sản xuất khác".

Ph.Ăngghen: Chống "Đuy-rinh", tr.406-409.

"Cuối cùng là dưới phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, sản xuất đạt tới một trình độ mà xã hội không còn có khả năng tiêu thụ những tư liệu sinh sống, hưởng thụ và phát triển, đã được sản xuất ra nữa, vì đông đảo quần chúng sản xuất đã bị ngăn cách với các tư liệu đó một cách giả tạo và bằng bạo lực, do đó cứ mười năm một lần, khủng hoảng lại lập lại thế cân bằng bằng cách không những chỉ thủ tiêu những tư liệu sinh sống, hưởng thụ và phát triển đã được sản xuất ra, mà còn thủ tiêu cả một phần lớn bản thân những lực lượng sản xuất nữa, - thành thử cái mà người ta gọi là cuộc đấu tranh để sinh tồn khi đó sẽ mang một hình thức *khiến cho* cần phải *bảo vệ* những sản phẩm và lực lượng sản xuất do xã hội tư sản tư bản chủ nghĩa đã tạo ra để khỏi bị chính cái chế độ tư bản chủ nghĩa ấy tiêu hủy và tàn phá đi, bằng cách giành lại trong tay của giai cấp tư bản thống trị quyền lãnh đạo sản xuất và phân phối xã hội mà nó không còn khả năng đảm bảo nữa, để đem giao lại quyền ấy cho quần chúng sản xuất, - và đó là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chỉ riêng quan niệm cho lịch sử là một chuỗi những cuộc đấu tranh giai cấp cũng đã phong phú và sâu sắc hơn là cái quan niệm đem quy lịch sử một cách đơn giản thành những giai đoạn khác nhau rất ít của cuộc đấu tranh để sinh tồn".

Ph.Ăngghen: Biện chứng của tự nhiên, tr.820-821.

"a) Tách người sản xuất khỏi tư liệu sản xuất. Việc đẩy người lao động vào lao động làm thuê suốt đời. *Sự đối lập giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.*

b) Sự biểu lộ ngày càng rõ và tác dụng ngày càng tăng của những quy luật chi phối nền sản xuất hàng hóa. Cạnh tranh dữ dội. *Mâu thuẫn giữa sự tổ chức có tính chất xã hội trong mỗi công*

xưởng và tình trạng vô chính phủ có tính chất xã hội trong toàn bộ nền sản xuất.

c) Một mặt là sự cải tiến máy móc mà cạnh tranh đã biến thành một quy luật có tính chất cưỡng chế đối với riêng từng chủ xưởng và đồng thời có nghĩa là ngày càng loại công nhân ra khỏi công xưởng: *đạo quân công nghiệp dự trữ ra đời*. Mặt khác là sự mở rộng sản xuất vô hạn, nó đồng thời cũng là quy luật cạnh tranh có tính bắt buộc đối với mỗi chủ xưởng. Cả hai mặt là sự phát triển chưa từng thấy của những lực lượng sản xuất, cung vượt quá cầu, sản xuất thừa, thị trường bị tràn ngập, khủng hoảng cứ mười năm lại xảy ra một lần, vòng luẩn quẩn: *ở đây thì thừa tư liệu sản xuất và sản phẩm, ở kia thừa công nhân*, không có việc làm và không có tư liệu sinh hoạt. Nhưng hai đòn bẩy ấy của sản xuất và của phúc lợi xã hội không thể kết hợp với nhau được, vì hình thức tư bản chủ nghĩa của sản xuất ngăn cản không cho lực lượng sản xuất hoạt động, không cho sản phẩm lưu thông, trừ phi những đòn bẩy đó trước hết phải biến thành tư bản: điều này lại bị chính ngay sự quá thừa những đòn bẩy ấy cản trở. Mâu thuẫn ấy phát triển tới chỗ phi lý: *phương thức sản xuất nổi loạn chống lại hình thức trao đổi*. Giai cấp tư sản tỏ ra bất lực trong việc tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất xã hội của nó.

d) Chính bản thân các nhà tư bản buộc phải thừa nhận một phần nào tính chất xã hội của những lực lượng sản xuất. Việc các *công ty cổ phần*, rồi đến các tơ-rớt, và sau cùng đến nhà nước chiếm hữu các cơ cấu sản xuất và giao thông. Giai cấp tư sản tỏ ra là một giai cấp thừa, mọi chức năng xã hội của nó hiện nay đều do người làm thuê đảm nhiệm".

Tài liệu dùng cho "Chống Đuy-rinh", tr.891.

TẬP 21

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Vì chế độ thị tộc không thể giúp đỡ nhân dân bị bóc lột, nên nhân dân bị bóc lột chỉ còn cách trông cậy vào nhà nước vừa mới ra đời. Và nhà nước đã đến cứu giúp nhân dân bằng một tổ chức cai quản do Xô-lông áp dụng, đồng thời nhà nước cũng mạnh lên bằng cách làm tổn hại đến tổ chức cũ. Xô-lông - ở đây, cuộc cải cách của ông ta được thực hiện như thế nào vào khoảng năm 594 trước công nguyên, điều đó không đáng quan tâm đối với chúng ta, - đã mở đầu một loạt những cái mà người ta gọi là những cuộc cách mạng chính trị, bằng cách xâm nhập vào lĩnh vực quan hệ tài sản. Từ trước tới nay, tất cả mọi cuộc cách mạng đều là những cuộc cách mạng nhằm bảo hộ một loại sở hữu này chống lại một loại sở hữu khác. Những cuộc cách mạng đó không thể bảo hộ loại sở hữu này mà lại không làm thiệt hại đến loại sở hữu kia. Trong cuộc đại cách mạng Pháp, người ta hy sinh sở hữu phong kiến để cứu sở hữu tư sản; trong cuộc cách mạng của Xô-lông, thì chính sở hữu của những chủ nợ phải chịu thiệt để làm lợi cho sở hữu của những con nợ. Các món nợ được xóa bỏ một cách đơn giản. Chúng ta không biết được chính xác những chi tiết; nhưng Xô-lông, trong những bài thơ của ông, đã khoe rằng mình đã làm cho những tấm bảng cầm cố ruộng đất biến khỏi những đồng ruộng bị gán nợ, đã hồi hương những con nợ bị bán làm nô lệ cho người nước ngoài hoặc phải trốn tránh ra nước ngoài. Muốn làm được như thế, chỉ có cách là công khai xâm phạm quyền sở hữu. Và thật vậy, tất cả những cuộc cách mạng gọi là những cuộc cách mạng chính trị, từ cuộc cách mạng đầu tiên đến cuộc cách mạng cuối cùng, đều được

tiến hành để bảo hộ sở hữu *thuộc một loại nào đó*, và đều được thực hiện bằng cách tịch thu, cũng còn được gọi một cách khác là ăn cắp, *một loại* sở hữu *khác*. Thật hoàn toàn đúng là từ hai nghìn năm trăm năm nay, sở hữu tư nhân chỉ có thể được duy trì bằng cách xâm phạm vào quyền sở hữu mà thôi".

Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước, tr.173-174.

"Song, các giai cấp đó đã hình thành như thế nào? Nếu như thoạt nhìn, người ta có thể cho rằng chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến xưa kia - ít nhất là lúc ban đầu - bắt nguồn từ những nguyên nhân chính trị, từ sự chiếm đoạt bằng bạo lực, thì điều đó là không thể chấp nhận được đối với giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Ở đây, ta thấy rõ ràng và cụ thể rằng nguồn gốc và sự phát triển của hai giai cấp lớn đó là những nguyên nhân thuần túy kinh tế. Và cũng rõ ràng là trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp chiếm hữu ruộng đất và giai cấp tư sản, cũng như trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, thì trước hết, vấn đề là ở những lợi ích kinh tế - để thỏa mãn những lợi ích kinh tế thì quyền lực chính trị chỉ được sử dụng làm một phương tiện đơn thuần. Giai cấp tư sản cũng như giai cấp vô sản đều hình thành từ một sự thay đổi của những điều kiện kinh tế, nói cho đúng hơn, là sự thay đổi của phương thức sản xuất. Chính bước quá độ, trước hết từ thủ công nghiệp phường hội lên công trường thủ công, rồi từ công trường thủ công lên đại công nghiệp với máy móc chạy bằng hơi nước, đã phát triển hai giai cấp ấy. Đến một giai đoạn nhất định của sự phát triển ấy, lực lượng sản xuất mới do giai cấp tư sản vận hành, - trước hết là sự phân công lao động và sự tập hợp một số đông công nhân có tính chất bộ phận vào trong một công trường thủ công chung, - cũng như những điều kiện trao đổi và những nhu cầu trao đổi do lực lượng sản xuất ấy tạo ra, đều trở nên không tương dung với chế độ sản xuất hiện tồn, do lịch sử truyền lại và được pháp luật thừa nhận, nghĩa là không tương dung với

những đặc quyền phường hội và vô số những đặc quyền cá nhân và đặc quyền địa phương (tất cả những đặc quyền này đều là những xiềng xích đối với những đẳng cấp không có đặc quyền) đặc trưng cho chế độ xã hội phong kiến. Những lực lượng sản xuất, do giai cấp tư sản đại biểu, nổi dậy chống lại chế độ sản xuất do bọn chiếm hữu ruộng đất phong kiến và bọn trùm phường hội đại biểu. Mọi người đều đã biết kết quả của cuộc đấu tranh: những xiềng xích phong kiến đã bị đập tan ở Anh một cách dần dần, ở Pháp thì chỉ một lần là xong, còn ở Đức thì cho đến nay, người ta vẫn chưa thanh toán xong những xiềng xích đó. Nhưng cũng giống như công trường thủ công, đến một giai đoạn phát triển nhất định thì xung đột với phương thức sản xuất phong kiến, ngày nay, đại công nghiệp cũng lại đã đi đến chỗ xung đột với chế độ sản xuất tư sản là chế độ đã thay thế chế độ sản xuất phong kiến. Bị trói buộc bởi chế độ ấy, bởi những khuôn khổ chật hẹp của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đại công nghiệp, một mặt, làm cho quảng đại quần chúng trong toàn dân bị vô sản hóa ngày càng nhiều, và mặt khác, tạo ra một khối ngày càng lớn những sản phẩm không có thị trường tiêu thụ. Sản xuất thừa và sự bần cùng của đông đảo quần chúng, cái này là nguyên nhân của cái kia, đó là mâu thuẫn vô lý mà đại công nghiệp đi tới, đó là mâu thuẫn đòi hỏi nhất thiết phải phá gông xiềng cho những lực lượng sản xuất, bằng cách thay đổi phương thức sản xuất".

Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức, tr.439-441.

"Thời kỳ trong đó diễn ra Đại hội Bruy-xen, là như vậy, khi Mác chuẩn bị bài diễn văn này của mình. Thừa nhận rằng, nhờ một số điều kiện, ví dụ như ở Đức năm 1847, chính sách bảo hộ mậu dịch còn có thể có lợi cho những nhà tư bản công nghiệp; đồng thời chứng minh rằng, tự do buôn bán không phải là thuốc tiên trừ bách bệnh mà giai cấp công nhân đang phải chịu đau khổ, rằng nó có thể làm cho các bệnh đó nặng thêm, song, cuối cùng và về

nguyên tắc, Mác vẫn tán thành tự do buôn bán. Theo ông, tự do buôn bán là điều kiện bình thường của sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại. Chỉ có nhờ tự do buôn bán, sức sản xuất lớn lao của hơi nước, của điện, của máy móc mới được phát triển đầy đủ; và tốc độ của sự phát triển đó càng nhanh thì những hậu quả không tránh khỏi của nó càng được phát sinh sớm và đầy đủ hơn: việc phân chia xã hội thành hai giai cấp - tư bản và công nhân làm thuê; một bên thì giàu có hết đời này sang đời khác, một bên thì chịu sự cùng cực truyền kiếp; cung nhiều hơn cầu, các thị trường không có khả năng ngốn hết khối sản phẩm công nghiệp ngày một tăng; sự tái diễn không hề thay đổi của những chu kỳ: phồn vinh, sản xuất thừa, khủng hoảng, nỗi kinh hoàng, sự đình trệ kinh niên và sự hồi phục dần dần sản xuất và buôn bán như một dấu hiệu báo trước không phải là sự cải thiện lâu dài, mà là sự sản xuất thừa mới và khủng hoảng mới; nói tóm lại, lực lượng sản xuất phát triển tới mức, khi mà những thể chế xã hội đã giúp chúng nảy sinh, trở thành những xiềng xích không chịu đựng nổi đối với chúng nữa; một lối thoát duy nhất có thể được là cuộc cách mạng xã hội, nó giải phóng lực lượng sản xuất xã hội khỏi các xiềng xích của chế độ xã hội đã lỗi thời và giải phóng những người sản xuất thật sự, các tầng lớp quần chúng nhân dân rộng lớn, khỏi chế độ nô lệ làm thuê. Và vì tự do buôn bán là môi trường bình thường, tự nhiên cho sự tiến hóa lịch sử đó, là môi trường kinh tế mà trong đó, các điều kiện cần thiết cho một cuộc cách mạng xã hội tất yếu được tạo ra sớm hơn cả, - vì thế, và chỉ có vì thế, Mác ủng hộ tự do buôn bán".

Chính sách bảo hộ mậu dịch và tự do buôn bán, tr.532-533.

TẬP 22

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Công xã Nga đã tồn tại hàng trăm năm nhưng chưa bao giờ có xu hướng phát triển thành một hình thức sở hữu chung cao hơn. Tình hình cũng diễn ra hệt như vậy đối với chế độ mác-cơ ở Đức, đối với các thị tộc người Ken-tơ, đối với các công xã Ấn Độ và các công xã khác với chế độ cộng sản nguyên thủy của chúng. Do ảnh hưởng của nền sản xuất hàng hóa và sự trao đổi giữa các gia đình riêng biệt và các cá nhân riêng biệt, nền sản xuất và sự trao đổi bao quanh chúng hoặc nảy sinh ra trong lòng chúng và dần dần xâm chiếm chúng, mà chúng ngày càng mất tính chất cộng sản chủ nghĩa để biến thành những cộng đồng của các người sở hữu độc lập với nhau. Vì vậy, nếu như nói chung có thể đặt vấn đề rằng liệu công xã Nga có nhận được một số phận khác và tốt hơn hay không thì đó không phải là do bản thân công xã, mà chỉ do cái sự thật là ở một trong các nước châu Âu, công xã vẫn duy trì được một sức sống nào đó cho tới khi ở Tây Âu, không những nền sản xuất hàng hóa nói chung mà ngay cả hình thức cao nhất và cuối cùng của nó, tức là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn với lực lượng sản xuất do chính nó tạo ra, nên không còn có khả năng quản lý những lực lượng đó lâu hơn nữa, và bị những mâu thuẫn bên trong đó và những xung đột giai cấp tương ứng đưa đến chỗ diệt vong. Điều đó cũng chứng tỏ rằng sáng kiến cải biến công xã Nga như thế chỉ có thể là của giai cấp vô sản công nghiệp phương Tây, chứ không phải của bản thân công xã. Thắng lợi của giai cấp vô sản Tây Âu đối với giai cấp tư sản và gắn liền với điều đó, việc thay thế nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng nền sản xuất do

xã hội quản lý, - đó là điều kiện tiên quyết tất yếu để nâng công xã Nga lên cùng một trình độ phát triển như vậy".

Lời bạt viết cho tác phẩm "Về vấn đề xã hội ở Nga", tr.629-630.

"Nhưng chỉ riêng một việc là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu tuy tồn tại song song với công xã nông dân Nga, vẫn đang tiến gần tới chỗ tiêu vong và chứa đựng mầm mống của một hình thức sản xuất mới trong đó tư liệu sản xuất, với tư cách là sở hữu công cộng, được sử dụng một cách có kế hoạch, - chỉ riêng một việc đó không thôi thì không thể tiếp sức cho công xã Nga sản sinh ra hình thức xã hội mới đó được. Làm thế nào mà nó có thể tiếp thu được những lực lượng sản xuất khổng lồ của xã hội tư bản chủ nghĩa, coi như sở hữu xã hội và công cụ xã hội, trước khi bản thân xã hội tư bản hoàn thành được cuộc cách mạng đó? Làm thế nào mà công xã Nga có thể chỉ cho thế giới biết cách tiến hành đại công nghiệp theo những nguyên tắc xã hội, khi nó đã quên mất cách canh tác chung ruộng đất của mình?

Thật ra thì ở nước Nga, có nhiều người biết rõ xã hội tư bản phương Tây với tất cả những mâu thuẫn và xung đột không thể hòa giải được của nó và cũng biết rõ lối thoát khỏi cái con đường tưởng như không có lối thoát đó. Nhưng một là, một vài nghìn người hiểu như vậy thì lại không sống trong công xã, còn năm mươi triệu người ở Đại Nga còn sống trong những điều kiện của chế độ sở hữu công xã về ruộng đất thì lại không hiểu biết một tý gì về điều đó. Ít ra họ cũng xa lạ và không thể hiểu nổi vài ba nghìn người đó chẳng khác gì những người vô sản Anh thời kỳ 1800-1840 đối với các kế hoạch mà Rô-bớc Ô-oen đã nghĩ ra để cứu họ. Và trong số các công nhân làm việc trong xưởng của Ô-oen ở Niu - La-mác-cơ, phần lớn cũng bao gồm những người đã lớn lên trong các chế độ và các tập quán của một chế độ cộng sản thị tộc đang tan rã, trong thị tộc người Ken-tơ-Xcốt-len, nhưng Ô-oen không hề nói rằng những người đó hiểu ông hơn. Hai là xét về mặt lịch sử thì không thể nào một giai đoạn phát triển kinh tế thấp

hơn lại sẽ phải giải quyết những nhiệm vụ và những xung đột chỉ nảy sinh và chỉ có thể nảy sinh trong một giai đoạn phát triển cao hơn nhiều. Tất cả các hình thức công xã thị tộc có trước sự xuất hiện của nền sản xuất hàng hóa và sự trao đổi tư nhân đều chỉ giống với xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai ở mỗi một điểm là: một số vật dụng nhất định, những tư liệu sản xuất, là thuộc quyền sở hữu chung và sử dụng chung của một số nhóm nhất định. Nhưng nét giống nhau đó không làm cho hình thức xã hội thấp đó có khả năng tạo ra được từ chính bản thân nó cái xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai, sản phẩm đặc biệt và cuối cùng do chủ nghĩa tư bản sản sinh ra. Mỗi kết cấu kinh tế đều phải giải quyết các vấn đề của chính nó, nảy sinh từ bản thân nó; nhận giải quyết các vấn đề của một kết cấu hoàn toàn xa lạ thì thật là một điều hoàn toàn vô nghĩa. Điều đó cũng đúng với công xã Nga như với công xã gia đình ở Nam Xla-vơ, như với công xã thị tộc ở Ấn Độ hoặc với mọi kết cấu xã hội khác của thời kỳ mông muội hay dã man mà đặc điểm là sở hữu chung về tư liệu sản xuất.

Tuy vậy, không những có thể mà còn chắc chắn là sau thắng lợi của giai cấp vô sản và sau việc xã hội hóa những tư liệu sản xuất ở các dân tộc Tây Âu thì những nước vừa mới bước vào con đường sản xuất tư bản chủ nghĩa và vẫn còn có các chế độ thị tộc nguyên vẹn hoặc những tàn dư của chế độ thị tộc, có thể sử dụng những tàn dư đó của sở hữu chung và những tập quán nhân dân tương ứng làm công cụ mạnh mẽ để rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và có thể tránh được phần lớn những đau khổ và những cuộc đấu tranh mà ở Tây Âu chúng ta phải trải qua. Nhưng một điều kiện tất yếu để làm được việc đó là tấm gương và sự ủng hộ tích cực của phương Tây cho tới nay vẫn còn là tư bản chủ nghĩa. Chỉ khi nào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã bị đánh bại tại quê hương của nó và ở những nước nó đã phát đạt, chỉ khi nào những nước lạc hậu qua tấm gương ấy mà biết được rằng "việc đó đã được tiến hành như thế nào", những lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại, với tư

cách là sở hữu công cộng, đã được sử dụng như thế nào để phục vụ toàn thể xã hội, - thì những nước lạc hậu ấy mới có thể bước vào con đường phát triển rút ngắn như vậy. Như thế thắng lợi của những nước ấy sẽ được đảm bảo. Và điều đó không chỉ đúng với nước Nga, mà với tất cả các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa. Song ở nước Nga, điều đó sẽ là dễ hơn vì ở đấy một bộ phận dân cư của nó tiếp thu được những kết quả tinh thần của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, nhờ đó mà trong thời kỳ cách mạng ở đây có thể cải tổ được xã hội gần như cùng một lúc với phương Tây.

Mác và tôi đã phát biểu điều đó ngày 21 tháng Giêng 1882 trong lời nói đầu viết cho lần xuất bản bằng tiếng Nga cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" theo bản dịch của Plê-kha-nốp. Trong đó chúng tôi đã viết:

"Bên cạnh sự hoạt động ráo riết của chủ nghĩa tư bản đang phát triển nhanh chóng và chế độ sở hữu ruộng đất tư sản chỉ vừa mới hình thành, chúng ta thấy ở Nga quá nửa số ruộng đất là thuộc quyền sở hữu chung của nông dân. Bây giờ thử hỏi: công xã Nga, cái hình thức thật ra đã bị hủy hoại nặng đó của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy, có thể chuyển thẳng lên hình thức sở hữu ruộng đất cao hơn, hình thức sở hữu ruộng đất cộng sản chủ nghĩa, được không, hay là trước hết nó cũng phải trải qua cái quá trình tan rã vốn có ấy của sự phát triển lịch sử của phương Tây? - Câu trả lời duy nhất có thể có hiện nay đối với câu hỏi đó là như sau: Nếu như cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây, thành thử cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau, thì chế độ sở hữu ruộng đất ở Nga sẽ có thể trở thành khởi điểm của một sự phát triển cộng sản chủ nghĩa"".

Lời bạt viết cho tác phẩm "Về vấn đề xã hội ở Nga", tr.630-633.

TẬP 23

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993)

"... đại lượng giá trị của một hàng hóa sẽ không thay đổi, nếu như thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó không thay đổi. Nhưng thời gian lao động này lại thay đổi theo mỗi một sự thay đổi trong sức sản xuất của lao động. Sức sản xuất của lao động được quyết định bởi rất nhiều tình hình, trong đó có: trình độ khéo léo trung bình của người công nhân, mức độ phát triển của khoa học và trình độ áp dụng khoa học vào quy trình công nghệ, sự kết hợp xã hội của quá trình sản xuất, quy mô và hiệu suất của tư liệu sản xuất, và các điều kiện thiên nhiên".

C.Mác: Tư bản, tr.68-69.

"Lao động trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó, bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên. Bản thân con người đối diện với thực thể của tự nhiên với tư cách là một lực lượng của tự nhiên. Để chiếm hữu được thực thể của tự nhiên dưới một hình thái có ích cho đời sống của bản thân mình, con người vận dụng những sức tự nhiên thuộc về thân thể của họ: tay và chân, đầu và hai bàn tay. Trong khi tác động vào tự nhiên ở bên ngoài thông qua sự vận động đó, và làm thay đổi tự nhiên, con người cũng đồng thời làm thay đổi bản tính của chính nó. Con người phát triển những tiềm lực đang ngái ngủ ở trong bản tính đó và bắt sự hoạt động của những tiềm lực ấy phải phục tùng quyền lực của mình. Ở đây, chúng ta sẽ không xét tới những hình thái đầu tiên của lao động, còn mang tính chất bản

năng của một con vật. Trạng thái của một xã hội trong đó người công nhân xuất hiện trên thị trường hàng hóa làm người bán sức lao động của bản thân mình, bỏ cách rất xa cái trạng thái xã hội của thời kỳ nguyên thủy, khi lao động của con người vẫn còn chưa gạt bỏ được những hình thái bản năng đầu tiên của nó. Chúng ta giả định lao động dưới một hình thái mà chỉ có con người mới có được mà thôi. Con nhện làm những động tác giống như động tác của người thợ dệt, và bằng việc xây dựng những ngăn tổ sáp của mình, con ong còn làm cho một số nhà kiến trúc phải hổ thẹn. Nhưng điều ngay từ đầu phân biệt nhà kiến trúc tồi nhất với con ong giỏi nhất là trước khi xây dựng những ngăn tổ ong bằng sáp, nhà kiến trúc đã xây dựng chung ở trong đầu óc của mình rồi. Cuối quá trình lao động, người lao động thu được cái kết quả mà họ đã hình dung ngay từ đầu quá trình ấy, tức là đã có trong ý niệm rồi. Con người không chỉ làm biến đổi hình thái những cái do tự nhiên cung cấp; trong những cái do tự nhiên cung cấp, con người cũng đồng thời thực hiện cái mục đích tự giác của mình, mục đích ấy quyết định phương thức hành động của họ giống như một quy luật và bắt ý chí của họ phải phục tùng nó. Và sự phục tùng ấy không phải là một hành vi đơn nhất. Ngoài sự căng thẳng của các khí quan đang làm việc thì trong suốt cả thời gian lao động, còn cần phải có một ý chí hướng vào mục đích, biểu hiện ra trong sự chú ý; và khi do nội dung và phương thức thực hiện nó, lao động càng ít lôi cuốn người công nhân bao nhiêu, nghĩa là người công nhân càng ít thích thú lao động với tư cách là một sự vận dụng thể lực và trí lực bao nhiêu, thì sự tập trung ý chí nói trên lại càng cần thiết bấy nhiêu.

Những yếu tố giản đơn của quá trình lao động là: sự hoạt động có mục đích, hay bản thân sự lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

Đất đai (theo quan điểm kinh tế, danh từ này bao gồm cả nước nữa) - lúc ban đầu đảm bảo cho con người thức ăn, những tư liệu sinh hoạt có sẵn - tồn tại với tư cách là một đối tượng lao động phổ

biến của con người mà không cần có một sự tác động nào của con người. Tất cả những vật mà lao động chỉ có việc bứt ra khỏi mối quan hệ trực tiếp giữa chúng với đất đai, đều là những đối tượng lao động do tự nhiên cung cấp. Ví dụ như con cá mà người ta đánh được, mà người ta tách ra khỏi môi trường sinh sống tự nhiên của nó, tức là khỏi nước; gỗ mà người ta đốn trong rừng nguyên thủy; quặng mà người ta lấy từ vỉa quặng lên. Trái lại, nếu như bản thân đối tượng lao động đã được lọc qua một lần lao động trước đó rồi, thì chúng ta gọi nó là nguyên liệu, ví dụ như quặng đã khai thác rồi và đang nằm trong quá trình rửa. Mọi nguyên liệu đều là đối tượng lao động, nhưng không phải mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu. Đối tượng lao động chỉ trở thành nguyên liệu sau khi đã trải qua một sự biến đổi nào đó do lao động gây ra.

Tư liệu lao động là một vật, hay là toàn bộ những vật mà con người đặt ở giữa họ và đối tượng lao động, và được họ dùng làm vật truyền dẫn hoạt động của họ vào đối tượng ấy. Con người sử dụng những thuộc tính cơ học, lý học, hóa học của các vật, để tùy theo mục đích của mình, dùng những vật đó với tư cách là những công cụ tác động vào các vật khác. Nếu không nói đến việc thu nhặt những tư liệu sinh hoạt sẵn có, ví dụ như việc hái quả chẳng hạn, trong đó tư liệu lao động chỉ là những khí quan của người lao động, thì chúng ta thấy rằng những vật mà con người trực tiếp chiếm hữu không phải là đối tượng lao động, mà là tư liệu lao động. Như vậy, một vật do bản thân thiên nhiên cung cấp đã trở thành một khí quan của sự hoạt động của con người, khí quan mà con người đem chắp thêm vào những khí quan của cơ thể mình, và do đó mà kéo dài cái tầm thước tự nhiên của cơ thể đó, bất chấp cả Kinh thánh. Vốn là cái kho lương thực lúc ban đầu của con người, đất đai cũng là cái kho tư liệu lao động lúc ban đầu của con người. Ví dụ, đất đai cung cấp cho con người hòn đá mà họ dùng để ném, mài, nén, cắt, v.v.. Bản thân đất đai cũng là tư liệu lao động, nhưng sự hoạt động của đất đai với tư cách là một tư liệu lao động trong nông nghiệp lại giả định cả một loạt những tư liệu lao động

khác và một sự phát triển tương đối cao của sức lao động. Nói chung, khi quá trình lao động mới đạt tới một mức phát triển nào đó thôi, thì nó cũng đã đòi hỏi những tư liệu lao động đã trải qua sự chế biến rồi. Trong những hang đá của con người cổ sơ, chúng ta tìm thấy những công cụ bằng đá và những vũ khí bằng đá. Bên cạnh những hòn đá, những khúc gỗ, những mẩu xương và những vỏ ốc đã được đẽo gọt thì trong những giai đoạn đầu tiên của lịch sử loài người, đóng vai trò chủ yếu với tư cách là tư liệu lao động là những súc vật đã được con người thuần hóa, tức là đã được lao động nuôi dưỡng và làm cho biến đổi đi. Việc sử dụng và sáng tạo ra những tư liệu lao động, tuy đã có mầm mống ở một vài loài động vật nào đó, nhưng vẫn là một nét đặc trưng riêng của quá trình lao động của con người, và vì thế cho nên Phran-clin đã định nghĩa con người là: "a toolmaking animal", một động vật chế tạo dụng cụ. Đối với việc đánh giá những hình thái kinh tế - xã hội đã biến mất, những di vật của những tư liệu lao động cũng có một tầm quan trọng giống như là sự cấu tạo của những xương hóa thạch đối với việc tìm hiểu tổ chức của các loại động vật đã tiêu vong. Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào. Các tư liệu lao động không những là cái thước đo sự phát triển sức lao động của con người, mà còn là một chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành. Trong bản thân các tư liệu lao động, thì những tư liệu lao động cơ khí - mà toàn bộ có thể gọi là hệ thống xương cốt và bắp thịt của sản xuất - lại cấu thành những dấu hiệu đặc trưng tiêu biểu cho một thời đại sản xuất xã hội nhất định, một cách còn rõ ràng hơn nhiều so với những tư liệu lao động chỉ dùng để bảo quản những đối tượng lao động mà toàn bộ nói chung có thể gọi là hệ thống bình chứa của sản xuất, như ống, thùng, giỏ, vại, v.v.. Chỉ có trong ngành sản xuất hóa chất thì những tư liệu lao động này mới đóng một vai trò quan trọng".

C.Mác: Tư bản, tr.266-270.

"Nếu không nói đến hình thái ít nhiều phát triển của nền sản xuất xã hội, thì năng suất lao động gắn liền với những điều kiện tự nhiên. Tất cả những điều kiện đó đều có thể quy thành bản chất của bản thân con người, như giống người, v.v., và giới tự nhiên chung quanh con người. Về mặt kinh tế, những điều kiện tự nhiên ở bên ngoài chia thành hai loại lớn: sự phong phú tự nhiên về những tài nguyên dùng làm tư liệu sinh hoạt, nghĩa là tính chất màu mỡ của đất đai, những dòng nước lắm cá, v.v., và sự phong phú tự nhiên về những tài nguyên dùng làm tư liệu lao động như thác nước chảy xiết, sông ngòi mà thuyền bè có thể đi lại được, gỗ, kim loại, than đá, v.v.. Vào buổi đầu của nền văn minh, loại tài nguyên thứ nhất có ý nghĩa quyết định, ở giai đoạn phát triển cao hơn thì loại tài nguyên thiên nhiên thứ hai có ý nghĩa quyết định.

[...] Con số những nhu cầu tự nhiên cần phải thỏa mãn một cách tuyệt đối mà càng ít, tính chất màu mỡ của đất đai càng lớn và khí hậu càng thuận lợi, thì thời gian lao động cần thiết để duy trì và tái sản xuất ra người sản xuất lại càng ít. Do đó, phần lao động thừa ra của người sản xuất dành cho người khác lại càng có thể lớn hơn so với phần lao động của mình.

[...] Nhưng thật ra, những công trình vĩ đại của Ai Cập thời cổ được xây dựng không phải là nhờ dân số đông đúc mà là nhờ có thể sử dụng một bộ phận lớn dân cư vào công việc đó. Cũng giống như thời gian lao động cần thiết của người lao động cá biệt mà càng ít bao nhiêu thì người đó càng có thể cung cấp được nhiều lao động thặng dư bấy nhiêu; đối với số nhân khẩu lao động cũng vậy: bộ phận nhân khẩu lao động cần thiết để sản xuất ra số tư liệu sinh hoạt cần thiết càng ít, thì bộ phận có thể sử dụng vào những công việc khác lại càng lớn.

Một khi đã giả định có nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thì với những điều kiện khác giống nhau và với một độ dài nhất định của ngày lao động, đại lượng của lao động thặng dư sẽ thay đổi tùy theo những điều kiện tự nhiên của lao động, và nhất là tùy theo mức độ màu mỡ của đất đai. Nhưng ngược lại, từ đó không thể rút

ra kết luận nói rằng đất đai màu mỡ nhất cũng là đất đai thích hợp nhất cho sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phương thức sản xuất này giả định phải có sự thống trị của con người đối với tự nhiên. Một thiên nhiên quá hào phóng "sẽ dắt con người đi như dắt tay một đứa trẻ em mới tập đi". Nó không làm cho sự phát triển của con người thành một sự tất yếu tự nhiên. Quê hương của tư bản không phải là vùng khí hậu nhiệt đới với những thảo mộc sum suê của nó, mà là vùng ôn đới. Không phải độ phì tuyệt đối của đất đai mà tính chất có phân biệt của nó, tính chất nhiều vẻ của các sản phẩm tự nhiên của đất đai, là cơ sở tự nhiên của sự phân công lao động trong xã hội, và thúc đẩy con người - thông qua những điều kiện tự nhiên trong đó con người đang sinh sống - tăng thêm những nhu cầu, năng lực, tư liệu lao động và phương thức lao động của bản thân con người. Chính sự cần thiết phải có sự kiểm soát của xã hội đối với một lực lượng nào đó của tự nhiên để tiết kiệm nó, chính sự cần thiết phải chiếm lấy nó hoặc phải thuần thục nó bằng những công trình đại quy mô do bàn tay con người dựng lên, - chính sự cần thiết đó đã đóng một vai trò hết sức quyết định trong lịch sử công nghiệp".

C.Mác: Tư bản, tr.723-725.

"Một khi đã có những cơ sở chung của chế độ tư bản chủ nghĩa, thì trong tiến trình tích lũy nhất định sẽ đến lúc sự phát triển của năng suất lao động xã hội trở thành đòn bẩy mạnh nhất của tích lũy".

C.Mác: Tư bản, tr.876.

"Chế độ tư hữu, với tư cách là cái đối lập với chế độ sở hữu công cộng, tập thể, chỉ tồn tại ở nơi nào mà tư liệu lao động và những điều kiện bên ngoài của lao động thuộc về tư nhân. Nhưng tùy theo những tư nhân đó là người lao động hay là người không lao động mà tính chất của chế độ tư hữu cũng thay đổi. Những sắc thái vô cùng tận mà nó thể hiện ra khi ta mới thoạt nhìn, chỉ phản ánh những trạng thái trung gian giữa hai cực ấy mà thôi.

Quyền tư hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất của mình là cơ sở của nền sản xuất nhỏ, mà sản xuất nhỏ lại là điều kiện tất yếu để phát triển nền sản xuất xã hội và cá tính tự do của bản thân người lao động. Thật ra, phương thức sản xuất này cũng có cả trong chế độ nô lệ, trong chế độ nông nô, và trong những quan hệ lệ thuộc khác. Nhưng nó chỉ đạt tới sự thịnh vượng, chỉ bộc lộ hết toàn bộ tinh lực của nó, chỉ có được cái hình thái điển hình thích hợp của nó ở chỗ nào mà người lao động là kẻ tư hữu tự do về những điều kiện lao động do chính mình sử dụng, như khi người nông dân là kẻ sở hữu những ruộng đất mà người đó cày cấy, người thợ thủ công là kẻ sở hữu những công cụ mà người đó sử dụng như một nghệ sĩ tài hoa.

Phương thức sản xuất đó đòi hỏi sự xé lẻ ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác. Vì nó gạt bỏ sự tích tụ tư liệu sản xuất, cho nên nó cũng gạt bỏ sự hiệp tác, sự phân công lao động trong cùng một quá trình sản xuất, gạt bỏ việc xã hội thống trị và điều tiết thiên nhiên, gạt bỏ sự phát triển tự do của các lực lượng sản xuất xã hội. Nó chỉ thích hợp với những giới hạn tự nhiên chật hẹp của sản xuất và của xã hội mà thôi. Muốn làm cho phương thức sản xuất này tồn tại vĩnh viễn thì điều đó, như lời nhận xét thích đáng của Pếch-cơ, có nghĩa là muốn "ra lệnh giữ một tình trạng kém cỏi phổ biến". Nhưng đến một trình độ nhất định thì phương thức sản xuất đó lại đẻ ra những phương tiện vật chất để thủ tiêu bản thân nó. Kể từ lúc đó, những sức mạnh và những dục vọng tự cảm thấy mình bị phương thức sản xuất đó trói buộc, bắt đầu cựa quậy trong lòng xã hội. Phương thức sản xuất đó phải bị xóa bỏ, và nó đã bị xóa bỏ. Sự xóa bỏ phương thức sản xuất đó, việc biến những tư liệu sản xuất cá nhân và phân tán thành những tư liệu sản xuất tích tụ có tính chất xã hội, do đó biến sở hữu nhỏ bé của số đông thành sở hữu to lớn của một số ít người, tước đoạt ruộng đất, tư liệu sinh hoạt, và công cụ lao động của đông đảo quần chúng nhân dân, - sự tước đoạt quần chúng nhân dân một cách khủng khiếp và đau đớn đó chính là tiền sử của tư bản. Việc đó bao gồm cả một loạt những

phương pháp bạo lực mà trên kia chúng ta chỉ mới xét tới những phương pháp nổi bật nhất, tức là những phương pháp của tích lũy ban đầu của tư bản. Việc tước đoạt những người sản xuất trực tiếp được thực hiện với một sự phá phách tàn nhẫn nhất và dưới sự thúc đẩy của những dục vọng thấp hèn nhất, bẩn thỉu nhất, nhỏ nhen nhất và điên rồ nhất. Chế độ tài sản tư hữu có được nhờ lao động của bản thân, có thể nói là dựa trên sự gắn liền người lao động cá thể, độc lập, với những điều kiện lao động của người đó, đã bị thay thế bằng chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa dựa trên sự bóc lột lao động của người khác, nhưng về hình thức là một lao động tự do.

Một khi quá trình chuyển hóa đó đã làm tan rã xã hội cũ khá sâu và khá rộng, một khi những người lao động đã biến thành những người vô sản, còn điều kiện lao động của họ thì đã biến thành tư bản, một khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đứng vững trên cơ sở của bản thân nó rồi, thì khi đó, việc tiếp tục xã hội hóa lao động, việc tiếp tục biến ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác thành những tư liệu sản xuất được khai thác theo kiểu xã hội, nghĩa là thành những tư liệu sản xuất chung, và do đó việc tiếp tục tước đoạt những kẻ tư hữu, sẽ mang một hình thức mới. Bây giờ, kẻ cần phải bị tước đoạt không phải là người lao động tự kinh doanh độc lập nữa mà là nhà tư bản đang bóc lột một số đông công nhân.

Sự tước đoạt đó được thực hiện thông qua sự tác động của các quy luật nội tại của bản thân nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, bằng cách tập trung tư bản. Một nhà tư bản đánh quỵ nhiều nhà tư bản. Song song với sự tập trung đó, hay là việc một số ít nhà tư bản tước đoạt số đông nhà tư bản đó, thì đồng thời hình thức hiệp tác của quá trình lao động với quy mô ngày càng lớn, việc áp dụng khoa học một cách có ý thức về mặt kỹ thuật, việc khai thác đất đai một cách có kế hoạch, việc biến tư liệu lao động thành những tư liệu lao động chỉ sử dụng được một cách tập thể, việc tiết kiệm tất cả các tư liệu sản xuất bằng cách sử dụng chúng với tư cách là những tư liệu sản xuất của lao động xã hội kết hợp, việc lôi cuốn

tất cả các dân tộc vào màng lưới thị trường thế giới, và đi đôi với cái đó là tính chất quốc tế của chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng phát triển. Con số những tên trùm tư bản tiếm đoạt và nắm độc quyền tất cả những cái lợi của quá trình chuyển hóa đó ngày càng giảm đi không ngừng, thì nạn nghèo khổ, áp bức, nô dịch, thoái hóa, bóc lột càng tăng thêm, nhưng sự căm phẫn của giai cấp công nhân - một giai cấp đang ngày càng không ngừng đông đảo hơn, ngày càng được cơ chế của bản thân quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa huấn luyện, đoàn kết và tổ chức lại - cũng tăng lên. Sự độc quyền của tư bản trở thành những xiềng xích ràng buộc cái phương thức sản xuất đã thịnh vượng lên cùng với độc quyền đó và dưới độc quyền đó. Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa. Cái vỏ đó vỡ tung ra. Giờ tận số của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã điểm. Những kẻ đi tước đoạt bị tước đoạt.

Phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra, và do đó cả chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa nữa đều là sự phủ định đầu tiên đối với chế độ tư hữu cá nhân dựa trên lao động của bản thân. Nhưng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên. Đó là sự phủ định cái phủ định. Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu, mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa: trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra.

Dĩ nhiên, việc biến chế độ tư hữu phân tán dựa trên cơ sở lao động của bản thân các cá nhân thành chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, là một quá trình lâu dài, gian khổ và đau đớn hơn nhiều so với việc biến chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thực tế đã dựa trên một quá trình sản xuất xã hội, thành chế độ sở hữu xã hội. Ở kia là một số ít kẻ tiếm đoạt đi tước đoạt quần chúng nhân dân, còn ở đây thì quần chúng nhân dân đi tước đoạt một số ít những kẻ tiếm đoạt".

C.Mác: Tư bản, tr.1057-1060.

TẬP 25, PHẦN I

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994)

"Đi đôi với sự phát triển của sức sản xuất, việc tư bản khả biến giảm đi một cách tương đối so với tư bản bất biến, kích thích nhân khẩu lao động tăng lên, đồng thời thường xuyên tạo ra nạn nhân khẩu thừa giả tạo. Đứng về mặt giá trị của tư bản mà nói, thì tỷ suất lợi nhuận giảm xuống làm cho sự tích lũy tư bản bị chậm lại, đồng thời lại thúc đẩy sự tích lũy giá trị sử dụng tiến hành mau hơn, rồi chính sự tích lũy giá trị sử dụng này lại đẩy mạnh quá trình tích lũy về mặt giá trị.

Sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn luôn có xu hướng vượt các giới hạn cố hữu ấy, nhưng nó chỉ có thể đạt được điều đó bằng cách dùng những biện pháp làm cho nó vấp phải những giới hạn như thế, nhưng với một quy mô to lớn hơn.

Cái giới hạn thật sự của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chính là *bản thân tư bản,* điều đó có nghĩa là: tư bản và việc làm cho tư bản tự nó tăng thêm giá trị là điểm xuất phát và điểm cuối cùng, là động cơ và mục đích của sản xuất; sản xuất chỉ là sản xuất cho *tư bản,* chứ không phải ngược lại; những tư liệu sản xuất không phải đơn thuần là những phương tiện cho quá trình sinh sống thường xuyên mở rộng của *xã hội* những người sản xuất. Việc bảo tồn giá trị - tư bản và việc làm cho giá trị - tư bản tăng thêm giá trị dựa trên việc tước đoạt và bần cùng hóa đông đảo những người sản xuất, chỉ có thể diễn ra trong những giới hạn luôn luôn mâu thuẫn với những phương pháp sản xuất mà tư bản nhất thiết phải dùng đến để đạt được mục đích của bản thân nó, và là những phương pháp nhằm mở rộng sản xuất một cách vô hạn độ, thúc đẩy

sức sản xuất xã hội của lao động phát triển một cách vô điều kiện, và làm cho sản xuất biến thành một mục đích tự nó. Thủ đoạn này - phát triển những sức sản xuất xã hội một cách vô điều kiện - thường xuyên xung đột với cái mục đích có hạn, tức là làm cho tư bản hiện có tăng thêm giá trị. Cho nên nếu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là một thủ đoạn lịch sử để phát triển sức sản xuất vật chất và tạo ra thị trường thế giới tương ứng với sức sản xuất đó, thì đồng thời nó cũng là một mâu thuẫn thường xuyên giữa nhiệm vụ lịch sử ấy của nó và những quan hệ sản xuất xã hội vốn có của nó".

C.Mác: Tư bản, tr.379-380.

"Tóm lại, tất cả những điều phản đối các hiện tượng sản xuất thừa hiển nhiên (những hiện tượng này vẫn tồn tại mà chẳng bận tâm gì đến những lời phản đối đó) quy lại là khẳng định rằng những giới hạn của nền sản xuất *tư bản chủ nghĩa* không phải là những giới hạn của *sản xuất nói chung* và do đó, chúng cũng không thể là những giới hạn của phương thức sản xuất đặc thù, tư bản chủ nghĩa đó. Nhưng mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa này lại nằm ngay trong cái xu hướng của nó muốn phát triển các *lực lượng* sản xuất một cách tuyệt đối, sự phát triển này luôn luôn xung đột với những *điều kiện* đặc thù của sản xuất trong đó tư bản vận động và chỉ có trong đó tư bản mới có thể vận động được".

C.Mác: Tư bản, tr.391.

"Trong giới hạn của hình thái cũ, chính bản thân những nhà máy hợp tác của công nhân là một lỗ thủng đầu tiên trong hình thái đó, mặc dầu bất cứ ở đâu, trong tổ chức thực tế của chúng, những nhà máy hợp tác này dĩ nhiên vẫn lắp lại và không thể không lắp lại tất cả những khuyết điểm của chế độ hiện tại. Nhưng sự đối kháng giữa tư bản và lao động đã được xóa bỏ trong phạm vi những nhà máy hợp tác đó, mặc dầu buổi đầu nó chỉ được xóa bỏ bằng cách biến những người lao động liên hiệp thành nhà tư bản đối với chính bản thân mình, nghĩa là cho họ có thể dùng tư

liệu sản xuất để bóc lột lao động của chính họ. Những nhà máy hợp tác đó cho ta thấy rằng đến một giai đoạn phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất và của những hình thái sản xuất xã hội tương ứng với những lực lượng sản xuất đó, thì tất nhiên là một phương thức sản xuất mới phải nảy ra và phát triển trên cơ sở một phương thức sản xuất cũ. Nếu không có hệ thống công xưởng do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra, thì nhà máy hợp tác không thể phát triển được, cũng như nó không thể phát triển được nếu không có chế độ tín dụng do phương thức sản xuất ấy đẻ ra. Là cơ sở chủ yếu của việc chuyển hóa dần dần những xí nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa thành những công ty cổ phần tư bản chủ nghĩa, chế độ tín dụng này đồng thời cũng là một phương tiện để dần dần mở rộng trên quy mô ít nhiều rộng lớn các xí nghiệp hợp tác tới một phạm vi toàn quốc. Những xí nghiệp cổ phần tư bản chủ nghĩa, cũng như những nhà máy hợp tác, đều phải được coi là những hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể, nhưng chỉ có một điểm khác nhau là: trong những xí nghiệp cổ phần tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn được giải quyết một cách tiêu cực, còn trong những nhà máy hợp tác, mâu thuẫn được giải quyết một cách tích cực.

Từ trước tới đây, chúng tôi đã nghiên cứu sự phát triển của chế độ tín dụng và sự xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa mà chế độ tín dụng đã mang sẵn một cách tiềm tàng, chủ yếu là đối với tư bản công nghiệp. Trong những chương sau, chúng tôi sẽ xét đến tín dụng trong mối quan hệ với tư bản sinh lợi tức với tư cách là tư bản sinh lợi tức, xét ảnh hưởng của tín dụng đối với loại tư bản này, cũng như xét hình thái mà ở đây tín dụng đã khoác lấy; về vấn đề này, chúng tôi sẽ còn phải nêu ra một vài nhận xét nữa, đặc biệt về mặt kinh tế.

Trước hết, còn phải nêu ra điểm này:

Nếu chế độ tín dụng là cái đòn bẩy chủ yếu để gây ra tình trạng sản xuất thừa và nạn đầu cơ quá mức trong thương nghiệp,

thì đó chỉ là vì ở đây, quá trình tái sản xuất, do tính chất co dãn của nó, đã bị đẩy lên đến mức cùng cực, bởi vì một phần lớn tư bản xã hội đã được những kẻ không có tư bản sử dụng và do đó, họ bắt tay vào công việc một cách khác hẳn với người sở hữu tư bản, còn người sở hữu tư bản, nếu tự mình hoạt động, thì anh ta thường cân nhắc một cách rụt rè những giới hạn mà tư bản riêng của mình cho phép. Điều đó chẳng qua chỉ chứng tỏ rằng việc làm cho tư bản tăng thêm giá trị, dựa trên tính chất mâu thuẫn của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ cho phép phát triển thật sự tự do đến một mức độ nhất định nào thôi, và do đó trên thực tế nó tạo ra những xiềng xích và những giới hạn nội tại đối với nền sản xuất, nhưng những xiềng xích và giới hạn này đã luôn luôn bị chế độ tín dụng phá vỡ. Như vậy chế độ tín dụng đẩy nhanh tốc độ phát triển các lực lượng sản xuất vật chất và sự hình thành một thị trường thế giới; đẩy hai yếu tố đó phát triển đến một mức độ nhất định với tư cách là cơ sở vật chất của một hình thái sản xuất mới, đó chính là nhiệm vụ lịch sử của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đồng thời tín dụng đẩy nhanh sự bùng nổ dữ dội của mối mâu thuẫn đó, tức là những cuộc khủng hoảng, và do đó, cũng làm tăng thêm những yếu tố làm tan rã phương thức sản xuất cũ.

Sau đây là tính chất hai mặt vốn có của chế độ tín dụng: một mặt nó làm cho cái động lực của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa - làm giàu bằng cách bóc lột lao động của người khác - phát triển lên để biến thành chế độ đầu cơ và gian lận hết sức thuần túy và cực kỳ to lớn, và để ngày càng thu hẹp dần cái nhúm người bóc lột những của cải xã hội; nhưng mặt khác, nó lại là cái hình thái quá độ sang một phương thức sản xuất mới, - chính tính chất hai mặt đó đã làm cho những nhân vật chủ yếu loan báo chế độ tín dụng...".

C.Mác: Tư bản, tr.673-675.

TẬP 25, PHẦN II

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994)

"Trong xã hội có một số người, chỉ vì có quyền sở hữu đối với một phần của trái đất, nên có thể chiếm hữu được một phần lao động thặng dư của xã hội dưới hình thái cống vật, hơn nữa, sản xuất càng phát triển thì lại chiếm phần ngày càng lớn - sự kiện đó bị che giấu đi do chỗ địa tô tư bản hóa, nghĩa là thứ cống vật tư bản hóa ấy, đã biểu hiện ra thành giá cả của ruộng đất, và vì vậy mà ruộng đất cũng có thể bán đi như bất cứ một thương phẩm nào khác. Vì vậy, kẻ mua ruộng đất có ấn tượng rằng cái quyền của hắn được hưởng địa tô không phải do ai cho không hắn, không phải là không tốn lao động, không mạo hiểm một cái gì và không cần có óc kinh doanh của tư bản; trái lại, hắn tưởng rằng hắn đã trả cái quyền đó bằng một vật ngang giá. Như trên đây đã chỉ rõ, đối với hắn, hình như địa tô chỉ là số lợi tức của tư bản mà hắn đã bỏ ra để mua ruộng đất và do đó, cũng mua cả cái quyền được lấy địa tô. Gã chủ nô cũng tưởng như vậy khi hắn mua một người nô lệ da đen; hắn thấy cái quyền sở hữu của hắn đối với người nô lệ hình như do việc mua bán một hàng hóa mà có, chứ không phải là nhờ có chế độ chiếm hữu nô lệ với tư cách là một chế độ như vậy. Nhưng việc hắn không tạo ra bản thân cái quyền đó, nó chỉ chuyển dịch cái quyền đó thôi. Cái quyền đó phải tồn tại trước đã, rồi mới có thể đem bán; và một lần bán, cũng như một loạt lần bán, tức là việc chúng không ngừng lặp đi lặp lại, cũng không thể tạo ra cái quyền đó được. Nói chung, cái đã sáng tạo ra nó là các quan hệ sản xuất. Một khi các quan hệ sản xuất đạt đến cái mức độ mà chúng cần phải thay da lột vỏ, thì cái nguồn vật chất sinh ra quyền đó -

dùng để chứng minh tính chất chính đáng của nó về mặt kinh tế và lịch sử, và do quá trình sản xuất của đời sống xã hội đẻ ra, - sẽ không còn nữa, và tất thảy mọi sự giao dịch tiến hành trên cơ sở của quyền đó cũng đều sẽ biến theo. Đứng trên quan điểm của một hình thái kinh tế xã hội cao hơn mà xét, thì quyền tư hữu của một số người cá biệt đối với những bộ phận nào đó của địa cầu, cũng sẽ hoàn toàn phi lý như quyền tư hữu của một cá nhân đối với một cá nhân khác".

C.Mác: Tư bản, tr.476-477.

"Mối quan hệ trực tiếp giữa kẻ sở hữu các điều kiện sản xuất và người sản xuất trực tiếp, - mối quan hệ mà mọi hình thái nhất định của nó bao giờ cũng tương ứng một cách tự nhiên với một trình độ phát triển nhất định của phương thức lao động, - vì vậy mà cũng tương ứng với sức sản xuất xã hội của lao động, - chính trong mối quan hệ đó, bao giờ chúng ta cũng tìm ra được cái điều bí ẩn sâu xa nhất, cái nền móng thầm kín nhất của toàn bộ kết cấu xã hội, và do đó, của hình thức chính trị của những mối quan hệ giữa quyền tối cao và sự phụ thuộc, tóm lại, của mọi hình thái đặc thù nhất định của nhà nước".

C.Mác: Tư bản, tr.499-500.

"Tư bản, ruộng đất, lao động! Nhưng tư bản không phải là một vật, mà là một quan hệ sản xuất nhất định, có tính chất xã hội, thuộc về một hình thái xã hội lịch sử nhất định; nó được biểu hiện trong một vật và nó đem lại cho vật đó một tính chất xã hội đặc thù. Tư bản không phải đơn thuần là tổng số các tư liệu sản xuất vật chất đã được sản xuất ra. Tư bản, đó là những tư liệu sản xuất đã được chuyển hóa thành tư bản, nhưng tự bản thân chúng, những tư liệu sản xuất ấy không phải là tư bản, cũng giống như vàng hay bạc tự bản thân chúng không phải là tiền. Những tư liệu sản xuất do một bộ phận nhất định trong xã hội độc chiếm, những sản phẩm và những điều kiện vận dụng bản thân sức lao động

sống, bị tách rời khỏi sức lao động sống này, - đó là những cái do kết quả của sự đối lập này và được nhân cách hóa thành tư bản. Không những sản phẩm của người lao động, những sản phẩm đã trở thành những lực lượng độc lập, những sản phẩm với tư cách là những kẻ nô dịch và kẻ mua những người sản xuất ra chúng, mà cả những lực lượng xã hội và... {không đọc ra được}[1*] hình thái tương lai của lao động ấy, cũng đối lập với những người lao động với tư cách là những thuộc tính của sản phẩm của họ. Như vậy, ở đây chúng ta thấy một hình thái xã hội nhất định - mới thoạt nhìn thì rất thần bí - của một trong những nhân tố của cái quá trình sản xuất xã hội mà lịch sử đã sáng tạo ra".

C.Mác: Tư bản, tr.536-537.

"Chúng ta đã thấy rằng quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là một hình thái lịch sử nhất định của quá trình sản xuất xã hội nói chung. Quá trình sản xuất xã hội là quá trình sản xuất ra các điều kiện sinh sống vật chất của đời sống con người, đồng thời cũng là một quá trình diễn ra trong khuôn khổ của những quan hệ sản xuất đặc thù, có tính chất lịch sử - kinh tế, sản xuất và tái sản xuất ra bản thân các quan hệ sản xuất ấy, do đó, cũng sản xuất và tái sản xuất ra những người đảm nhiệm quá trình đó, các điều kiện vật chất của sự tồn tại của họ và các quan hệ qua lại giữa họ với nhau, nghĩa là sản xuất và tái sản xuất ra cái hình thái kinh tế - xã hội nhất định của những quan hệ đó. Bởi vì chính toàn bộ các quan hệ ấy, trong đó những người đảm nhiệm nền sản xuất ấy quan hệ với giới tự nhiên và quan hệ với nhau, tức là những điều kiện trong đó họ tiến hành sản xuất, - toàn bộ các quan hệ đó chính là xã hội, xét về mặt cơ cấu kinh tế của nó. Cũng như tất cả các quá trình sản xuất trước nó, quá trình sản xuất tư bản chủ

1* Về sau, người ta đọc được đoạn bản thảo viết tay này như sau. "những lực lượng xã hội của lao động của họ và hình thái xã hội hóa của lao động đó" ("die gesellschaftlichen Kräfte und zusammenhängende Form dieser Arbeit").

nghĩa diễn ra trong những điều kiện vật chất nhất định, nhưng những điều kiện vật chất này đồng thời cũng là những cái mang những quan hệ xã hội nhất định, những quan hệ mà các cá nhân bị ràng buộc vào trong quá trình tái sản xuất ra đời sống của họ. Các điều kiện ấy, cũng như các quan hệ xã hội ấy, một mặt, là những tiền đề của quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, mặt khác, là kết quả và sản phẩm của quá trình ấy; chính quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa sản xuất và tái sản xuất ra các điều kiện vật chất và các quan hệ xã hội ấy. Tiếp nữa, chúng ta đã thấy rằng: tư bản, - mà nhà tư bản thì chẳng qua chỉ là tư bản nhân cách hóa và chỉ hoạt động trong quá trình sản xuất với tư cách là hiện thân của tư bản, - ta đã thấy rằng trong quá trình sản xuất xã hội tương ứng với nó, tư bản bóp nặn của những người sản xuất trực tiếp hoặc của những người công nhân một lượng lao động thặng dư nhất định mà không phải trả bằng vật ngang giá; về thực chất, lao động thặng dư ấy bao giờ cũng là lao động cưỡng chế, mặc dù nó có vẻ như là kết quả của một khế ước tự do thỏa thuận. Lao động thặng dư ấy biểu hiện thành giá trị thặng dư, và giá trị thặng dư này tồn tại trong sản phẩm thặng dư. Lao động thặng dư nói chung, với tư cách là lao động vượt quá mức những nhu cầu nhất định, bao giờ cũng phải có. Nhưng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng như trong chế độ chiếm hữu nô lệ, v.v., lao động thặng dư chỉ mang hình thái đối kháng và được bổ sung bằng sự ăn không ngồi rồi hoàn toàn của một bộ phận xã hội. Cần phải có một lượng lao động thặng dư nhất định cho quỹ bảo hiểm đối với những sự ngẫu nhiên để đảm bảo việc mở rộng quá trình tái sản xuất một cách lũy tiến, sự mở rộng này là cần thiết và tương ứng với sự phát triển của các nhu cầu và với sự tăng dân số; theo quan điểm tư bản chủ nghĩa, cái đó gọi là tích lũy. Một trong những mặt khai hóa của tư bản là nó buộc người ta thực hiện lao động thặng dư ấy bằng một phương thức và với những điều kiện có lợi hơn cho sự phát triển các lực lượng sản xuất, các quan hệ xã hội, và có lợi hơn cho sự sáng tạo ra những yếu tố của một hình thái mới cao hơn - [höhere Neubil dung], so với các hình thái trước đây như chế độ nô lệ, chế độ

nông nô, v.v.. Như vậy, một mặt, nó dẫn đến một nấc thang trong đó sẽ không còn tình trạng một bộ phận xã hội cưỡng chế và độc chiếm sự tiến bộ xã hội (bao gồm cả những lợi ích vật chất và tinh thần), bằng cách hy sinh bộ phận kia. Mặt khác, nấc thang đó sẽ tạo ra những phương tiện vật chất và mầm mống cho những mối quan hệ cho phép - trong một hình thái xã hội cao hơn - kết hợp lao động thặng dư ấy với việc hạn chế nhiều hơn số thời gian dùng cho lao động vật chất nói chung. Bởi vì, tùy theo sự phát triển của sức sản xuất của lao động, lao động thặng dư có thể nhiều với một ngày lao động ngắn, hoặc tương đối ít với cả một ngày lao động dài".

C.Mác: Tư bản, tr.542-544.

"Như vậy tùy theo năng suất lao động mà trong một thời gian nhất định, và do đó, với một thời gian lao động thặng dư nhất định, lượng giá trị sử dụng được sản xuất ra nhiều hay ít. Cho nên, cái quyết định sự giàu có thật sự của xã hội và khả năng không ngừng mở rộng quá trình tái sản xuất ra sự giàu có đó, không phải là độ dài của lao động thặng dư, mà là năng suất của lao động thặng dư và các điều kiện ít nhiều phong phú của sản xuất trong đó nó được tiến hành. Trên thực tế, vương quốc của tự do chỉ bắt đầu ở nơi nào có sự chấm dứt thứ lao động do sự cần thiết và do tính chất hợp lý bề ngoài, vì thế, do bản chất của sự vật, vương quốc của tự do nằm ở bên kia lĩnh vực sản xuất vật chất, hiểu theo đúng nghĩa của danh từ này. Giống như người nguyên thủy phải đấu tranh với tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu của họ, để bảo tồn và tái sản xuất ra đời sống của họ, người văn minh cũng bắt buộc phải làm như vậy trong tất cả các hình thái xã hội và dưới bất cứ những phương thức sản xuất nào. Với sự phát triển của con người, vương quốc của sự tất yếu tự nhiên cũng mở rộng, vì các nhu cầu của con người tăng lên; nhưng đồng thời những lực lượng sản xuất dùng để thỏa mãn những nhu cầu đó cũng được mở rộng. Trong lĩnh vực đó, sự tự do chỉ có thể bao hàm ở chỗ là: con người xã hội hóa, những người sản xuất liên hợp, điều tiết một cách hợp lý

sự trao đổi chất đó của họ với giới tự nhiên, đặt sự trao đổi chất đó dưới sự kiểm soát chung của họ, chứ không để cho nó thống trị họ như là một lực lượng mù quáng: họ tiến hành sự trao đổi ấy một cách ít hao tốn sức lực nhất và trong những điều kiện xứng đáng nhất, phù hợp nhất với bản chất con người. Nhưng tuy vậy, tất cả những điều đó cũng vẫn thuộc về vương quốc của tất yếu. Chính ở bên kia vương quốc ấy mới bắt đầu sự phát triển của lực lượng con người như là một mục đích tự nó, mới bắt đầu vương quốc chân chính của tự do, vương quốc này chỉ có thể phồn vinh trên vương quốc của sự tất yếu ấy, coi như là trên cơ sở của chính nó. Điều kiện cơ bản là rút ngắn ngày lao động.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giá trị thặng dư ấy hoặc sản phẩm thặng dư ấy được phân phối giữa các nhà tư bản dưới hình thức lãi cổ phần, tỷ lệ với cái phần thuộc về mỗi nhà tư bản trong tư bản xã hội - nếu chúng ta không nói đến những biến động ngẫu nhiên trong sự phân phối và chỉ xét quy luật điều tiết và giới hạn tiêu chuẩn của nó. Dưới hình thức ấy, giá trị thặng dư biểu hiện thành lợi nhuận trung bình thuộc về phần của tư bản, và đến lượt nó, lợi nhuận trung bình ấy lại chia ra thành lợi nhuận doanh nghiệp và lợi tức; dưới hai hình thái này, lợi nhuận trung bình có thể rơi vào tay những loại nhà tư bản khác nhau. Tuy nhiên, việc tư bản chiếm hữu và phân chia giá trị thặng dư ấy, hay sản phẩm thặng dư ấy, lại bị quyền tư hữu ruộng đất hạn chế. Giống như nhà tư bản hoạt động bòn rút lao động thặng dư của công nhân, và do đó, bòn rút - dưới hình thái lợi nhuận - giá trị thặng dư và sản phẩm thặng dư, địa chủ cũng lại bòn rút một phần giá trị thặng dư ấy hoặc sản phẩm thặng dư ấy trong tay nhà tư bản, dưới hình thái địa tô, căn cứ theo những quy luật đã trình bày trên kia.

Cho nên, khi ở đây chúng tôi nói đến lợi nhuận với tính cách phần giá trị thặng dư thuộc về tư bản, tức là chúng tôi muốn nói cái lợi nhuận trung bình (bằng lợi nhuận doanh nghiệp cộng thêm lợi tức) đã bị giới hạn trong quy mô của nó bởi việc khấu trừ địa tô ra khỏi tổng lợi nhuận (nói về khối lượng của nó thì tổng lợi nhuận ăn khớp với tổng giá trị thặng dư), tức là chúng tôi giả định rằng

đã khấu trừ địa tô rồi. Do đó, lợi nhuận của tư bản (lợi nhuận doanh nghiệp cộng với lợi tức) và địa tô chẳng qua chỉ là những bộ phận cấu thành đặc thù của giá trị thặng dư, là những phạm trù trong đó giá trị thặng dư được phân biệt, tùy theo nó thuộc về tư bản hay thuộc về quyền tư hữu ruộng đất; nhưng điều này không hề làm cho bản chất của giá trị thặng dư biến đổi. Cộng hai bộ phận ấy lại, chúng ta sẽ có tổng số giá trị thặng dư xã hội. Tư bản trực tiếp bòn rút lao động thặng dư, biểu hiện thành giá trị thặng dư và sản phẩm thặng dư, của công nhân. Trên ý nghĩa đó, người ta có thể coi tư bản là kẻ sản sinh ra giá trị thặng dư. Còn quyền tư hữu ruộng đất thì tuyệt nhiên không liên quan gì đến quá trình sản xuất thực tế cả. Tác dụng của nó giới hạn trong việc chuyển một bộ phận giá trị thặng dư đã sản xuất ra từ túi nhà tư bản sang túi của chính nó. Tuy vậy, địa chủ vẫn có một vai trò trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, không phải chỉ là vì nó gây một áp lực đối với tư bản và cũng không phải vì chế độ đại sở hữu ruộng đất là một tiền đề và một điều kiện của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, vì chế độ đại sở hữu ruộng đất là tiền đề và điều kiện của việc tước đoạt tư liệu lao động của những người lao động, - mà đặc biệt là vì địa chủ biểu hiện ra là sự nhân cách hóa của một trong những điều kiện căn bản nhất của sản xuất.

Sau hết, với tư cách là người sở hữu và người bán sức lao động cá nhân của mình, người công nhân nhận được, dưới danh nghĩa tiền công, một phần sản phẩm đại biểu cho cái phần lao động của anh ta mà chúng ta gọi là lao động cần thiết, nghĩa là phần lao động cần thiết để duy trì và tái sản xuất ra sức lao động ấy, chẳng kể là sự duy trì và sự tái sản xuất ấy được tiến hành trong những điều kiện nào: nghèo nàn hay phong phú, thuận lợi hay không thuận lợi.

Mặc dù các quan hệ trên đây nói chung có thể có vẻ rất rời rạc, nhưng chúng vẫn có một điểm chung là: hàng năm tư bản vẫn đem lại lợi nhuận cho nhà tư bản, ruộng đất vẫn đem lại địa tô cho địa chủ và sức lao động - trong những điều kiện bình thường và chừng

nào sức lao động ấy vẫn còn sử dụng được - vẫn đem lại tiền công cho công nhân. Cả ba bộ phận ấy của tổng giá trị được sản sinh ra hàng năm và các bộ phận tương ứng với chúng trong tổng sản phẩm sản xuất ra hàng năm, - tạm thời chúng ta không bàn đến tích lũy - có thể cứ hàng năm lại bị những người sở hữu các bộ phận ấy tiêu dùng hết, nhưng các nguồn tái sản xuất ra các bộ phận ấy vẫn không cạn. Chúng cũng giống như những quả dành cho tiêu dùng hàng năm, của một cây trường thọ, hay nói cho đúng hơn, của ba cây; chúng cấu thành thu nhập hàng năm của ba giai cấp: nhà tư bản, địa chủ và công nhân, những thu nhập ấy do nhà tư bản hoạt động phân phối vì chính hắn trực tiếp cướp đoạt lao động thặng dư và sử dụng lao động nói chung. Tư bản đối với nhà tư bản, ruộng đất đối với địa chủ, sức lao động hay nói cho đúng hơn, bản thân lao động đối với công nhân (vì trên thực tế anh ta chỉ bán sức lao động khi nó phát sinh tác dụng, và, như trên kia chúng ta đã chỉ rõ, dưới phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì đối với anh ta, giá cả sức lao động ấy tất nhiên sẽ biểu hiện thành giá cả của lao động), - là ba nguồn khác nhau của thu nhập đặc thù của họ: lợi nhuận, địa tô và tiền công. Hiểu theo một ý nghĩa nhất định, thì ba thứ đó quả thật là ba nguồn: đối với nhà tư bản, tư bản là một cái máy bơm vĩnh cửu dùng để hút lao động thặng dư; đối với địa chủ; ruộng đất là một hòn đá nam châm vĩnh cửu dùng để hút lấy một phần giá trị thặng dư do tư bản bòn rút được; cuối cùng, lao động là điều kiện tự nó không ngừng được đổi mới và là phương tiện tự nó không ngừng được đổi mới, cho phép công nhân nhận được - dưới danh nghĩa tiền công - một phần giá trị do anh ta sáng tạo ra, và do đó, nhận được một phần sản phẩm xã hội được đo bằng bộ phận giá trị ấy, tức là những tư liệu sinh hoạt cần thiết. Ba thứ đó còn là những nguồn thu nhập theo ý nghĩa: tư bản cố định lại - dưới hình thái lợi nhuận - một phần giá trị, tức là một phần sản phẩm của lao động hàng năm: quyền sở hữu ruộng đất cố định - một phần khác dưới hình thái địa tô và lao động làm thuê cố định - một phần thứ ba dưới hình thái tiền công; và chính nhờ sự chuyển hóa này mà ba bộ phận giá trị ấy biến

thành thu nhập của nhà tư bản, của địa chủ và của công nhân, nhưng lại không tạo ra bản thân cái thực thể được chuyển hóa thành những phạm trù khác nhau đó. Trái lại, phân phối giả định sự có mặt của cái thực thể đó, tức là tổng giá trị của sản phẩm hàng năm, tổng giá trị này chẳng qua chỉ là lao động xã hội đã vật chất hóa. Nhưng đối với những người đảm nhiệm sản xuất, những người giữ những chức năng khác nhau trong quá trình sản xuất, thì sự việc lại không biểu hiện ra như vậy, mà trái lại, biểu hiện ra dưới một hình thái sai lệch đi. Tại sao lại như vậy, chúng ta sẽ thấy trong tiến trình nghiên cứu sau đây. Đối với những người đảm nhiệm sản xuất, thì tư bản, quyền sở hữu ruộng đất và lao động biểu hiện thành ba nguồn độc lập khác nhau, từ những nguồn đó, với tư cách là như vậy, đẻ ra ba bộ phận cấu thành khác nhau của giá trị sản xuất ra hàng năm, do đó, của sản phẩm sản xuất hàng năm, trong đó giá trị ấy tồn tại; do đó, những nguồn ấy không phải chỉ đẻ ra có các hình thái khác nhau của giá trị ấy - những hình thái được cấp cho các nhân tố khác nhau của quá trình sản xuất xã hội dưới hình thái các thu nhập; chính bản thân giá trị ấy, và do đó, chính cái thực thể của những hình thái thu nhập ấy, cũng phát sinh từ các nguồn ấy".

C.Mác: Tư bản, tr.544-549.

"Theo ý nghĩa ấy, công thức: tư bản - lợi tức (lợi nhuận), ruộng đất - địa tô, lao động - tiền công, cũng đều thể hiện một sự không ăn khớp giống nhau và đối xứng. Thực vậy, một khi lao động làm thuê không biểu hiện thành một hình thái xã hội nhất định của lao động, mà theo bản chất của nó, tất thảy mọi lao động đều biểu hiện thành lao động làm thuê (đối với bất cứ cá nhân nào bị giam hãm trong những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì sự việc đều biểu hiện ra như thế), thì những hình thái xã hội đặc thù nhất định mà những điều kiện vật chất của lao động - tức là các tư liệu sản xuất đã được sản xuất ra và ruộng đất - đã mang lấy, đối diện với lao động làm thuê (cũng giống như các tư liệu này, ngược lại, lại giả định phải có lao động làm thuê) đều trực tiếp ăn khớp với

cái hình thái tồn tại vật chất của các điều kiện lao động đó, hay với cái hình thái mà nói chung chúng vốn có trong quá trình lao động thực tế, một cách độc lập với mỗi hình thái xã hội cụ thể nhất định của nó trong lịch sử, và thậm chí còn độc lập với *mọi* hình thái xã hội nữa. Vì vậy, cái hình thái ấy của tư liệu lao động, hình thái đã tách rời khỏi lao động, trở thành độc lập đối với lao động, tức là hình thái chuyển hóa của các điều kiện lao động, trong đó các tư liệu sản xuất đã được sản xuất ra chuyển hóa thành tư bản, còn ruộng đất thì chuyển hóa thành ruộng đất bị độc quyền hóa, thành quyền sở hữu ruộng đất, - tóm lại, hình thái ấy, một hình thái thuộc về một thời kỳ lịch sử nhất định ấy, đã nhất trí với sự tồn tại và với chức năng của các tư liệu sản xuất đã sản xuất ra, và với chức năng của ruộng đất trong quá trình sản xuất nói chung. Do bản chất của chúng, tự bản thân các tư liệu sản xuất ấy đã là tư bản rồi; tư bản chẳng qua chỉ là "cái tên kinh tế" của các tư liệu sản xuất ấy, cũng như do bản chất của nó, bản thân ruộng đất đã là ruộng đất bị độc quyền hóa trong tay một số địa chủ nào đó. Trong tư bản, trong cá nhân nhà tư bản - trên thực tế hắn chỉ là tư bản nhân cách hóa - sản phẩm trở thành một quyền lực độc lập đối với những người sản xuất, cũng như trong địa chủ, ruộng đất được nhân cách hóa và cũng đứng chồm lên như một quyền lực độc lập để đòi hỏi cái phần của nó trong sản phẩm do nó góp phần sáng tạo ra; thành thử không phải ruộng đất nhận được phần sản phẩm của nó để cho nó đổi mới và tăng thêm năng suất của nó, mà chính địa chủ lại nhận thay cái phần sản phẩm đó để bán đi hoặc để ăn tiêu hoang phí. Rõ ràng là tư bản giả định lao động với tư cách là lao động làm thuê. Nhưng cũng rõ ràng không kém là nếu người ta xuất phát từ lao động làm thuê, thành thử sự nhất trí giữa lao động nói chung và lao động làm thuê hình như đã là một việc dĩ nhiên rồi, thì tất nhiên tư bản và ruộng đất bị độc quyền hóa cũng phải được coi như hình thái tự nhiên của các điều kiện lao động đối lập với lao động nói chung. Thế là giờ đây, tư bản biểu hiện thành hình thái tự nhiên của các tư liệu lao động, và vì vậy nó biểu hiện thành một thuộc tính thuần túy vật chất của chúng, phát sinh từ

các chức năng của chúng trong quá trình lao động nói chung. Như vậy, tư bản và tư liệu sản xuất đã sản xuất ra trở thành những danh từ đồng nhất. Ruộng đất nói chung và ruộng đất bị quyền sở hữu tư nhân độc chiếm cũng trở thành những danh từ đồng nhất như thế. Do đó, tư liệu lao động với tư cách là tư liệu lao động, - do bản chất đã là tư bản, - mới trở thành nguồn sinh lợi nhuận, và ruộng đất với tư cách là ruộng đất trở thành nguồn sinh ra địa tô.

Lao động với tư cách là lao động, trong cái định nghĩa giản đơn là một hoạt động sản xuất có mục đích, được đặt trong mối quan hệ với các tư liệu sản xuất không phải dưới cái hình thái xã hội đã được xác định của chúng, mà dưới cái thực thể vật chất của chúng, được đặt trong mối quan hệ với các tư liệu sản xuất với tư cách là vật liệu và phương tiện lao động, cũng chỉ khác nhau về mặt vật chất với tư cách là những giá trị sử dụng: một bên là đất, tư liệu lao động không do con người sáng tạo ra, còn một bên là những tư liệu lao động do con người sản xuất ra. Do đó, nếu lao động và lao động làm thuê nhất trí với nhau, thì hình thái xã hội xác định trong đó các tư liệu lao động đối lập với lao động cũng nhất trí với sự tồn tại vật chất của các tư liệu ấy. Trong trường hợp đó, bản thân tư liệu lao động là tư bản và bản thân ruộng đất là quyền tư hữu ruộng đất. Khi đó, sự độc lập hình thức của các tư liệu lao động đó đối với lao động, cái hình thái đặc thù của sự độc lập mà chúng có được đối với lao động làm thuê, là một thuộc tính không thể tách rời với các tư liệu lao động ấy với tư cách là những vật, với tư cách là những điều kiện sản xuất vật chất, là một tính chất cố hữu, nội tại, mà những tư liệu lao động ấy tất nhiên phải có với tư cách là yếu tố của sản xuất. Trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, tính chất xã hội xác định của chúng, do một thời kỳ lịch sử nhất định quyết định, biến thành một tính chất vật chất, tự nhiên, và có thể nói là vốn đã có từ xưa, với tư cách của chúng là những yếu tố của quá trình sản xuất. Do đó, một mặt là sự tham gia của ruộng đất với tư cách là trường hoạt động đầu tiên của lao động, là lĩnh vực của các lực lượng tự nhiên, là kho tàng trong đó vốn đã có sẵn tất cả mọi đối tượng lao động, và mặt khác là sự tham gia của

các tư liệu sản xuất đã được sản xuất ra (công cụ, nguyên liệu, v.v.) vào quá trình lao động nói chung, sự tham gia ấy tất nhiên phải biểu hiện ra ở những phần tương ứng thuộc về chúng với tư cách là tư bản và với tư cách là quyền sở hữu ruộng đất, - tức là thuộc về các đại biểu xã hội của chúng - dưới hình thái lợi nhuận (lợi tức) và địa tô, cũng hệt như đối với công nhân, cái phần lao động của anh ta đã tham gia vào quá trình sản xuất biểu hiện ra dưới hình thái tiền công. Vậy địa tô, lợi nhuận, tiền công tựa hồ như phát sinh từ cái chức năng mà ruộng đất, tư liệu sản xuất được sản xuất ra và lao động đã đảm nhiệm trong quá trình lao động giản đơn ngay nếu như chúng ta coi quá trình lao động ấy là một quá trình chỉ diễn ra giữa con người và giới tự nhiên và không kể đến tất thảy mọi tính quy định lịch sử. Nếu nói như sau đây thì người ta cũng chỉ nói lên một tình hình như vậy, nhưng dưới một hình thái khác: sản phẩm đại biểu cho lao động mà người lao động làm thuê làm cho bản thân anh ta, cho khoản thu của anh ta, tức là cho thu nhập của anh ta, - sản phẩm ấy chỉ là tiền công thôi, chỉ là bộ phận giá trị (do đó, chỉ là bộ phận sản phẩm xã hội được đo bằng giá trị ấy) biểu hiện tiền công của anh ta thôi. Nếu lao động làm thuê và lao động nói chung đồng nhất với nhau, thì tiền công cũng sẽ đồng nhất với sản phẩm của lao động, và bộ phận giá trị biểu hiện bằng tiền công cũng sẽ nhất trí với giá trị nói chung do lao động sáng tạo ra. Nhưng, do đó mà các bộ phận giá trị khác, lợi nhuận và địa tô, cũng sẽ trở thành độc lập và đối lập với tiền công, và đến lượt chúng, chúng cũng phải phát sinh từ những nguồn riêng của chúng, những nguồn đặc thù khác với lao động và độc lập đối với lao động; do đó, chúng cũng phải phát sinh từ những yếu tố cùng tham gia vào sản xuất và chúng phải thuộc về những kẻ sở hữu các yếu tố ấy; nghĩa là lợi nhuận được đẻ ra từ các tư liệu sản xuất, tức là từ các yếu tố vật chất của tư bản, và địa tô được đẻ ra từ ruộng đất, hoặc từ giới tự nhiên, mà đại biểu là địa chủ (Rô-se).

Vì vậy, quyền sở hữu ruộng đất, tư bản và lao động làm thuê, từ chỗ là những nguồn thu nhập theo ý nghĩa sau đây: tư bản đem

lại cho nhà tư bản, dưới hình thái lợi nhuận, một bộ phận của giá trị thặng dư mà nó đã bòn rút của người lao động, độc quyền về ruộng đất đem lại cho địa chủ một bộ phận khác dưới hình thái địa tô và lao động đem lại cho công nhân, dưới hình thái tiền công, bộ phận giá trị cuối cùng còn lại; - từ chỗ là những nguồn thu nhập nhờ chúng mà một bộ phận giá trị chuyển hóa thành lợi nhuận, một bộ phận khác thành địa tô, và bộ phận thứ ba thành tiền công, - từ chỗ đó quyền tư hữu ruộng đất, tư bản và lao động lại trở thành những nguồn thật sự sinh ra bản thân các bộ phận giá trị ấy và các bộ phận sản phẩm tương ứng, trong đó các bộ phận giá trị ấy tồn tại, hoặc có thể trao đổi với các bộ phận sản phẩm này, trở thành những nguồn, xét cho cùng, đã sinh ra bản thân giá trị của sản phẩm.

Ngay từ khi xem xét các phạm trù đơn giản nhất của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và thậm chí cả của nền sản xuất hàng hóa, tức là hàng hóa và tiền, chúng tôi cũng đã chỉ rõ cái tính chất thần bí đã biến các quan hệ xã hội - trong sản xuất, các yếu tố vật chất của cải được dùng làm vật mang các quan hệ xã hội này - thành những thuộc tính của bản thân những vật ấy (hàng hóa), và càng rõ rệt hơn nữa, nó còn biến bản thân quan hệ sản xuất thành một vật (tiền). Tất cả những hình thái xã hội, trong chừng mực chúng đã đạt tới giai đoạn sản xuất hàng hóa và lưu thông tiền tệ, đều tham gia vào việc thần bí hóa này. Nhưng trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và trong tư bản là cái tán thành phạm trù chủ yếu của nó, quan hệ sản xuất có tính chất quyết định của nó, thì cái thế giới quái đản và lộn ngược ấy lại còn được phát triển xa hơn nữa. Nếu chúng ta xem xét tư bản trước hết trong quá trình sản xuất trực tiếp - với tư cách của nó là kẻ bòn rút lao động thặng dư - thì ta thấy mối quan hệ ấy còn rất đơn giản, và mối liên hệ nội tại thực tế còn trực tiếp ảnh hưởng đến tâm trí những người đảm nhiệm quá trình ấy, tức là bản thân những nhà tư bản, và họ còn có ý thức về mối liên hệ ấy. Một bằng chứng nổi bật là cuộc đấu tranh kịch liệt cho giới hạn của ngày lao động. Nhưng, ngay cả

trong lĩnh vực trực tiếp đó, tức là trong lĩnh vực của quá trình trực tiếp giữa lao động và tư bản, sự việc cũng không giản đơn như vậy. Với sự phát triển của giá trị thặng dư tương đối trong phương thức sản xuất thật sự tư bản chủ nghĩa - cùng với nó sức sản xuất xã hội của lao động cũng phát triển theo -, thì những sức sản xuất ấy và các mối liên hệ xã hội ấy của lao động trong quá trình lao động trực tiếp, lại có vẻ như là đã được chuyển từ lao động sang tư bản. Nhờ thế mà tư bản đã trở thành một vật rất thần bí, vì tất cả những sức sản xuất xã hội của lao động đều có vẻ như là thuộc về tư bản, chứ không phải thuộc về lao động với tư cách là lao động và xuất hiện từ trong lòng của tư bản. Rồi đến quá trình lưu thông xen vào; tất cả các bộ phận của tư bản - kể cả tư bản nông nghiệp đều bị hút vào sự trao đổi chất và sự biến đổi hình thái của quá trình đó, theo mức độ phát triển của phương thức sản xuất đặc thù tư bản chủ nghĩa. Đó là một lĩnh vực trong đó các quan hệ về sản xuất đầu tiên ra giá trị đều bị hoàn toàn đẩy lùi ra đằng sau. Ngay trong quá trình sản xuất trực tiếp, nhà tư bản đã đồng thời vừa hoạt động với tư cách là kẻ sản xuất hàng hóa, lại vừa hoạt động với tư cách là kẻ lãnh đạo sản xuất hàng hóa. Cho nên, đối với nhà tư bản, quá trình sản xuất ấy hoàn toàn không phải chỉ là quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư mà thôi. Nhưng dù giá trị thặng dư mà tư bản đã rút được từ quá trình sản xuất trực tiếp ra và biểu hiện thành hàng hóa là như thế nào chăng nữa, thì giá trị và giá trị thặng dư chứa đựng trong những hàng hóa chỉ được thực hiện trong quá trình lưu thông mà thôi. Và sự việc biểu hiện ra như thể là giá trị hoàn lại những giá trị đã ứng ra trong sản xuất và đặc biệt là giá trị thặng dư chứa đựng trong hàng hóa, không những chỉ được thực hiện trong lưu thông, mà còn phát sinh từ trong lưu thông nữa; hai sự việc sau đây càng củng cố thêm ảo tưởng đó: một là, lợi nhuận khi chuyển nhượng, phụ thuộc vào sự lừa đảo và xảo quyệt, sự am hiểu kinh doanh, sự khôn khéo, cũng như vào trăm nghìn tình hình của thị trường; hai là, bên cạnh thời gian lao động, ở đây còn có một yếu tố quyết định thứ hai nữa:

thời gian lưu thông. Mặc dầu thời gian lưu thông chỉ hoạt động với tư cách là một giới hạn tiêu cực của việc hình thành giá trị và giá trị thặng dư, nhưng nhìn bề ngoài, thì dường như nó cũng là một nguyên nhân tích cực trong việc hình thành chúng, giống như bản thân lao động vậy và dường như nó mang lại một tính quy định bắt nguồn từ bản chất của tư bản và độc lập đối với lao động trong "Tư bản", quyển II, cố nhiên là chúng tôi đã phải trình bày lĩnh vực lưu thông chỉ trong mối quan hệ giữa nó với các hình thái nhất định do lĩnh vực lưu thông sinh ra, và chỉ rõ sự phát triển hơn nữa của các hình thái của tư bản diễn ra trong lĩnh vực đó. Nhưng, trong thực tế, lĩnh vực lưu thông là lĩnh vực của cạnh tranh, trong đó, nếu xem xét từng trường hợp cá biệt thì sự ngẫu nhiên thống trị; trong đó, vì thế, cái quy luật nội tại tự mở đường thông qua những sự ngẫu nhiên ấy và điều tiết những sự ngẫu nhiên ấy chỉ biểu lộ rõ ra khi nào những sự ngẫu nhiên ấy được tập hợp thành những khối lượng lớn, trong đó vì vậy mà đối với bản thân những người đảm nhiệm công việc sản xuất thì quy luật ấy vẫn không thể thấy được và không thể hiểu được. Nhưng tiếp nữa; quá trình sản xuất thực tế - với tư cách là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất trực tiếp và quá trình lưu thông - đẻ ra những hình thái mới, trong đó người ta ngày càng không còn nhận thấy rõ mạch lạc của các mối liên hệ nội tại nữa, các quan hệ sản xuất ngày càng có một sự tồn tại độc lập đối với nhau, và các bộ phận cấu thành của giá trị ngày càng cố định lại thành những hình thái độc lập đối với nhau.

Như chúng ta đã thấy, sự chuyển hóa giá trị thặng dư thành lợi nhuận vừa do quá trình lưu thông lẫn quá trình sản xuất quyết định. Dưới hình thái lợi nhuận, giá trị thặng dư không còn được đem so với cái bộ phận tư bản đã bỏ ra để trả cho lao động nữa (giá trị thặng dư là do bộ phận này sinh ra), mà đem so với tổng tư bản. Tỷ suất lợi nhuận do các quy luật riêng của nó điều tiết, những quy luật này giả định rằng tỷ suất lợi nhuận có thể thay đổi và thậm chí còn dẫn đến sự thay đổi đó nữa, trong khi tỷ suất giá trị thặng dư vẫn đứng nguyên không thay đổi. Tất cả những sự việc

đó càng ngày càng che giấu bản chất thực sự của giá trị thặng dư, do đó, che giấu cả cái cơ chế thực sự của tư bản. Nó lại càng bị che giấu đi do việc lợi nhuận chuyển hóa thành lợi nhuận trung bình, còn giá trị thì chuyển hóa thành giá cả sản xuất, thành giá cả thị trường trung bình có tác dụng điều tiết. Ở đây lại còn có thêm một quá trình xã hội phức tạp nữa; đó là quá trình san bằng các tư bản, khiến cho giá cả trung bình tương đối của các hàng hóa tách rời giá trị của chúng và khiến cho lợi nhuận trung bình trong các lĩnh vực sản xuất khác nhau tách rời với sự bóc lột thực tế của các tư bản cá biệt đối với lao động (ta hoàn toàn gác lại không nói đến những khoản đầu tư cá biệt trong mỗi lĩnh vực sản xuất riêng biệt). Ở đây, không phải chỉ có cái vẻ bề ngoài mà thực tế có sự khác nhau giữa giá cả trung bình của hàng hóa với giá trị của chúng, do đó với lao động được thực hiện trong những hàng hóa đó; và có sự khác nhau giữa lợi nhuận trung bình của một tư bản cá biệt với giá trị thặng dư mà tư bản ấy bóc lột được của những công nhân mà nó đã thuê mướn. Giá trị của hàng hóa chỉ trực tiếp biểu hiện ra trong ảnh hưởng mà những sự thay đổi trong sức sản xuất của lao động gây ra đối với sự lên xuống của giá cả sản xuất, đối với sự vận động của những giá cả sản xuất ấy, chứ không phải đối với những giới hạn cuối cùng của chúng. Nhìn bề ngoài thì hình như sự trực tiếp bóc lột lao động chỉ còn quyết định lợi nhuận một cách phụ mà thôi, cụ thể là trong chừng mực mà sự trực tiếp bóc lột lao động cho phép nhà tư bản - đứng trước những giá cả thị trường có tác dụng điều tiết và tựa hồ như không có liên quan gì với sự bóc lột ấy - có thể thực hiện được một lợi nhuận chênh lệch với lợi nhuận trung bình. Ngay cả những lợi nhuận trung bình bình thường cũng có vẻ như là một đức tính nội tại của tư bản và không có liên quan gì với sự bóc lột cả; sự bóc lột bất bình thường hoặc sự bóc lột trung bình trong những điều kiện đặc biệt thuận lợi, tựa hồ như chỉ quyết định những sự chênh lệch so với lợi nhuận trung bình, chứ không quyết định chính ngay lợi nhuận trung bình ấy. Sự phân chia lợi nhuận thành lợi nhuận doanh

nghiệp và lợi tức (là gác lại chưa nói đến sự can thiệp của lợi nhuận thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp - tiền tệ, cả hai đều dựa trên lưu thông và có vẻ như hoàn toàn do lưu thông sinh ra, chứ không phải do bản thân quá trình sản xuất) đã hoàn thành việc độc lập hóa của hình thái giá trị thặng dư, việc cố định hóa hình thái giá trị thặng dư so với thực thể của nó, so với bản chất của nó. Một bộ phận lợi nhuận, trái lại với bộ phận kia, hoàn toàn tách khỏi quan hệ tư bản chủ nghĩa với tư cách là quan hệ tư bản chủ nghĩa, và tựa hồ như không phải nó phát sinh từ chức năng bóc lột lao động làm thuê, mà từ lao động làm thuê của bản thân nhà tư bản. Ngược lại với tình hình đó, lợi tức lại tựa hồ như xuất hiện một cách độc lập với lao động - dù đó là lao động làm thuê của công nhân, hay bản thân lao động của nhà tư bản -, và tựa hồ như xuất hiện từ tư bản với tư cách là một nguồn riêng, độc lập của nó. Nếu lúc đầu ở bề ngoài của lưu thông, tư bản biểu hiện thành một báu vật - tư bản, thành giá trị đẻ ra giá trị, thì ở đây dưới hình thái tư bản sinh lợi tức tư bản lại thể hiện ra dưới một hình thái tha hóa nhất và đặc trưng nhất của tư bản. Vì thế, công thức: "tư bản - lợi tức" với tư cách là khâu thứ ba trong công thức: "ruộng đất - địa tô" và "lao động - tiền công" thì triệt để hơn là công thức "tư bản - lợi nhuận", bởi vì lợi nhuận bao giờ cũng còn nhắc nhở người ta nhớ đến nguồn gốc của nó, còn trong lợi tức thì nguồn gốc ấy không những đã biến mất mà còn mang một hình thái ngược lại với nguồn gốc ấy nữa.

Cuối cùng, bên cạnh tư bản với tư cách là một nguồn giá trị thặng dư độc lập còn có quyền sở hữu ruộng đất với tư cách là giới hạn của lợi nhuận trung bình và với tư cách là một nhân tố chuyển một phần giá trị thặng dư cho một giai cấp tự bản thân nó không lao động và cũng không trực tiếp bóc lột người lao động; nó cũng không thể, như tư bản sinh lợi tức, tự an ủi được về mặt đạo đức với lý do là nó cũng mạo hiểm và hy sinh khi cho vay tư bản, chẳng hạn. Vì ở đây, một bộ phận giá trị thặng dư hình như không phải trực tiếp gắn liền với những quan hệ xã hội, mà gắn liền với một

yếu tố tự nhiên, tức là ruộng đất, cho nên cái hình thái tách riêng ra và cố định lại của các bộ phận giá trị thặng dư đã được hoàn thành đối với nhau; mối liên hệ nội tại giữa các bộ phận giá trị thặng dư đã hoàn toàn bị cắt đứt, những nguồn của chúng hoàn toàn bị che lấp vì các quan hệ sản xuất gắn liền với các yếu tố vật chất khác nhau của quá trình sản xuất đã trở thành độc lập đối với nhau.

Trong công thức tư bản - lợi nhuận, hay đúng hơn: tư bản - lợi tức, ruộng đất - địa tô, lao động - tiền công, trong cái tam vị nhất thể kinh tế nói lên mối liên hệ giữa các bộ phận cấu thành của giá trị và của của cải nói chung với những nguồn của chúng, thì sự thần bí hóa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, sự vật hóa các quan hệ xã hội, việc các quan hệ sản xuất vật chất trực tiếp gắn liền với cái tính quy định lịch sử - xã hội của chúng đã được hoàn thành: đó là cái thế giới quái đản và lộn ngược, cái thế giới đảo ngược trong đó monsieur le Capital và madame la Terre[1*] - vừa là những tính cách xã hội, nhưng lại vừa trực tiếp là những vật đơn thuần - diễn cái trò ma quái của chúng. Một công lao lớn của khoa kinh tế chính trị cổ điển là đã đánh tan cái bề ngoài giả dối và ảo tưởng ấy, sự tách rời và cố định lại ấy của các yếu tố xã hội khác nhau của của cải đối với nhau, sự nhân cách hóa các vật và sự vật hóa các quan hệ sản xuất, cái tôn giáo của cuộc sống hàng ngày đó, - bằng cách là nó đã quy lợi tức thành một bộ phận của lợi nhuận và quy địa tô thành một số trội ra ngoài lợi nhuận trung bình, thành thử cả hai đều hợp nhất thành giá trị thặng dư, bằng cách là nó đã trình bày quá trình lưu thông như là một sự biến hóa hình thái đơn thuần và, cuối cùng đã quy giá trị và giá trị thặng dư của hàng hóa thành lao động trong quá trình sản xuất trực tiếp. Thế nhưng, ngay cả những đại biểu ưu tú nhất của khoa kinh tế chính trị cổ điển - bởi vì đứng trên quan điểm tư sản thì không thể nào khác thế được cũng vẫn còn ít nhiều bị giam hãm trong cái vẻ bề ngoài của cái thế giới mà họ đã dùng phê phán để đả phá; do đó,

1* - Ông Tư bản và bà Ruộng đất.

ít nhiều họ đều rơi vào tình trạng không triệt để, nửa vời và những mâu thuẫn không giải quyết được. Mặt khác, cũng rất dĩ nhiên là những người thực tế đảm nhiệm sản xuất tự cảm thấy rất thoải mái trong những hình thái đã tha hóa và bất hợp lý đó: tư bản - lợi tức, ruộng đất - địa tô, lao động - tiền công; vì đó chính là những hình thái bề ngoài trong đó họ vận động và hàng ngày phải tiếp xúc. Cho nên, cũng dĩ nhiên là khoa kinh tế học tầm thường, - khoa này chẳng qua chỉ là sự lý giải, kiểu giáo huấn và ít nhiều có tính chất giáo điều, các quan niệm thông thường của những người thực tế đảm nhiệm sản xuất, và nó chỉ đem lại một trật tự hợp lý nào đó cho các quan niệm ấy - đã tìm thấy đúng trong cái tam vị nhất thể ấy, trong đó tất cả những mối liên hệ nội tại đều đã hoàn toàn bị xóa mờ đi, cái cơ sở tự nhiên và không còn đáng nghi ngờ gì nữa cho sự khoa trương nông cạn của nó. Đồng thời, công thức trên đây cũng phù hợp với lợi ích của các giai cấp thống trị, vì công thức đó tuyên bố và nêu lên thành một giáo điều tính tất yếu tự nhiên và tính hợp lý vĩnh viễn của những nguồn thu nhập của các giai cấp đó.

Trong khi trình bày sự vật hóa các quan hệ sản xuất và việc chúng trở nên độc lập đối với những người đảm nhiệm sản xuất, chúng tôi không nêu rõ là làm thế nào mà những mối liên hệ qua lại đó - qua thị trường thế giới, những tình hình của thị trường ấy, sự vận động của giá cả thị trường, những kỳ hạn của tín dụng, những chu kỳ của công nghiệp và thương nghiệp, những thời kỳ phồn vinh và khủng hoảng xen kẽ nhau - lại biểu hiện ra đối với những người đảm nhiệm sản xuất ấy như những quy luật tự nhiên không thể vượt qua được, thống trị một cách tự phát đối với họ và thể hiện ra đối với họ như là một sự tất yếu mù quáng. Chúng tôi không nêu ra tất cả những cái đó vì sự vận động thực tế của cạnh tranh không nằm trong đề cương của chúng tôi, và ở đây mục đích của chúng tôi chỉ là trình bày cái tổ chức nội tại của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, có thể nói là dưới cái loại hình trung bình lý tưởng của nó".

C.Mác: Tư bản, tr.551-562.

"Như vậy, giá trị mới do lao động mới hàng năm thêm vào - do đó, cả bộ phận sản phẩm hàng năm biểu hiện giá trị ấy, có thể rút ra và tách khỏi tổng sản phẩm - được phân giải thành ba bộ phận mang ba hình thái thu nhập khác nhau, những hình thái ấy chỉ ra rằng một bộ phận của giá trị ấy là thuộc về hay rơi vào tay người sở hữu sức lao động, một bộ phận khác - về kẻ sở hữu tư bản, một bộ phận thứ ba - về kẻ sở hữu ruộng đất. Cho nên, đó là những quan hệ hay những hình thức phân phối, vì chúng biểu hiện các tỷ lệ theo đó tổng giá trị mới sáng tạo ra được phân phối giữa những người sở hữu những nhân tố sản xuất khác nhau.

Theo quan điểm thông thường thì các quan hệ phân phối ấy là những quan hệ tự nhiên, những quan hệ phát sinh trực tiếp từ bản chất của mọi nền sản xuất xã hội, từ các quy luật của sự sản xuất của loài người nói chung. Dĩ nhiên, người ta không thể phủ nhận được rằng các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa cho thấy có những phương thức phân phối khác: nhưng người ta lại giải thích những phương thức phân phối đó như là những phương thức chưa phát triển, chưa hoàn hảo và đang còn bị che đậy, chưa đạt tới biểu hiện thuần túy nhất của chúng, cũng chưa đạt tới hình thái cao nhất của chúng, với tư cách là những biến thể có màu sắc khác đi của những mối quan hệ phân phối tự nhiên đó.

Trong quan niệm đó, điểm đúng đắn duy nhất là: trong bất kỳ một nền sản xuất xã hội nào (ví dụ, nền sản xuất của các công xã hình thành một cách tự nhiên ở Ấn Độ, hay nền sản xuất cộng sản chủ nghĩa được phát triển một cách nhân tạo hơn của các bộ lạc ở Pê-ru, chẳng hạn) thì bao giờ chúng ta cũng có thể phân biệt giữa cái bộ phận lao động mà sản phẩm gia nhập vào tiêu dùng cá nhân trực tiếp của những người sản xuất và của gia đình họ, và một bộ phận khác - không kể bộ phận đi vào tiêu dùng sản xuất - bao giờ cũng là lao động thặng dư, mà sản phẩm bao giờ cũng được dùng để thỏa mãn các nhu cầu chung của xã hội, mặc dù sản phẩm thặng dư ấy được phân phối như thế nào và ai là kẻ làm chức năng đại biểu cho các nhu cầu xã hội ấy. Tính đồng nhất của các phương

thức phân phối khác nhau chỉ quy lại là: các phương thức phân phối ấy là đồng nhất nếu ta gạt bỏ những sự khác nhau và những hình thái đặc thù của chúng, và chỉ chú ý đến sự thống nhất của chúng, đối lập với những sự khác nhau của chúng.

Tuy nhiên, một đầu óc phát triển hơn, có phê phán hơn, sẽ thừa nhận tính chất phát triển lịch sử của các quan hệ phân phối, nhưng đồng thời họ lại càng bám chặt hơn vào tính chất không thay đổi, bắt nguồn từ bản chất của loài người và, do đó, không phụ thuộc vào bất cứ một sự phát triển lịch sử nào cả, của bản thân các quan hệ sản xuất.

Trái lại, sự phân tích khoa học về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chứng minh rằng đó là một phương thức sản xuất loại đặc thù, có tính xác định lịch sử đặc biệt; rằng cũng như mỗi một phương thức sản xuất nhất định khác, nó giả định một trình độ nhất định của các lực lượng sản xuất xã hội và những hình thái phát triển của chúng, coi đó là điều kiện lịch sử của nó; bản thân điều kiện ấy là kết quả lịch sử và là sản phẩm của một quá trình trước đó và phương thức sản xuất mới xuất phát từ quá trình này như từ cái cơ sở nhất định của nó; rằng các quan hệ sản xuất tương ứng với phương thức sản xuất đặc thù lịch sử nhất định ấy, - các quan hệ trong đó con người bị đặt vào, trong quá trình đời sống xã hội của họ, trong việc sản xuất ra đời sống xã hội của họ, - cũng mang một tính chất đặc thù, lịch sử và nhất thời; cuối cùng, sự phân tích ấy chỉ ra rằng các quan hệ phân phối về thực chất cũng đồng nhất với các quan hệ sản xuất ấy, rằng chúng cấu thành mặt sau của các quan hệ sản xuất ấy, thành thử cả hai đều cùng có chung một tính chất lịch sử nhất thời ấy.

Trong khi xem xét các quan hệ phân phối, người ta xuất phát trước hết từ việc một sự kiện không có thật là sản phẩm hàng năm được phân chia thành tiền công, lợi nhuận và địa tô. Nhưng sự kiện sẽ không đúng nếu được trình bày theo cách đó. Sản phẩm được phân chia, một mặt, thành tư bản và mặt khác, thành thu nhập. Một trong những thu nhập này - tiền công - bao giờ cũng chỉ

mang hình thái thu nhập, tức là thu nhập của công nhân, sau khi đã đối lập với chính người công nhân ấy dưới *hình thái tư bản*. Các điều kiện lao động đã được sáng tạo ra và các sản phẩm của lao động nói chung đều đối lập với những người sản xuất trực tiếp với tư cách là tư bản, điều đó ngay từ đầu đã bao hàm một tính chất xã hội nhất định của các điều kiện vật chất của lao động đối với công nhân, do đó, đã bao hàm một mối quan hệ nhất định giữa những công nhân này với những kẻ sở hữu các điều kiện lao động ấy và với các công nhân khác ngay trong sản xuất. Đến lượt nó, sự chuyển hóa các điều kiện lao động thành tư bản lại bao hàm việc tước đoạt ruộng đất của những người sản xuất trực tiếp, và do đó, bao hàm một hình thái nhất định của quyền sở hữu ruộng đất.

Nếu một bộ phận của sản phẩm không chuyển hóa thành tư bản, thì bộ phận kia sẽ không mang hình thái tiền công, lợi nhuận và địa tô.

Mặt khác, nếu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa giả định phải có cái hình thái xã hội nhất định ấy của các điều kiện sản xuất, thì nó cũng không ngừng tái sản xuất ra hình thái ấy. Không những nó sản xuất ra sản phẩm vật chất, mà nó còn không ngừng tái sản xuất ra các quan hệ sản xuất trong đó các sản phẩm này được sản xuất ra; do đó, nó cũng tái sản xuất ra các quan hệ phân phối tương ứng.

Cố nhiên, người ta có thể nói rằng bản thân tư bản (kể cả quyền sở hữu ruộng đất là cái đối lập với nó) cũng đã giả định một sự phân phối rồi; công nhân bị tước đoạt mất điều kiện lao động, những điều kiện lao động ấy bị tập trung vào tay một số ít cá nhân, còn những cá nhân khác thì có quyền độc chiếm ruộng đất; tóm lại, đó là những quan hệ đã được nghiên cứu trong chương nói về tích lũy ban đầu ("Tư bản", quyển I, ch.XXIV). Nhưng sự phân phối này hoàn toàn khác với cái mà chúng ta hiểu qua danh từ quan hệ phân phối, khi người ta gán cho những quan hệ phân phối này một tính chất lịch sử, đối lập với các quan hệ sản xuất. Chúng ta hiểu đó là những tư cách khác nhau của các cá nhân để được

hưởng một phần sản phẩm thuộc về tiêu dùng cá nhân. Trái lại, các quan hệ phân phối ấy là cơ sở của những chức năng xã hội đặc thù, những chức năng này - trong khuôn khổ của bản thân quan hệ sản xuất - rơi vào tay một số người đảm nhiệm sản xuất nhất định, đối lập với những người sản xuất trực tiếp. Những chức năng ấy đem lại cho các điều kiện sản xuất và những đại biểu của chúng một phẩm cách xã hội đặc thù. Chúng quyết định toàn bộ tính chất và sự vận động của sản xuất.

Có hai nét đặc trưng làm cho người ta phân biệt ngay từ đầu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

Thứ nhất, nó sản xuất ra sản phẩm của nó với tư cách là hàng hóa. Điều phân biệt nó với các phương thức sản xuất khác, không phải là việc sản xuất ra hàng hóa; cái phân biệt nó với các phương thức sản xuất khác là: đối với các sản phẩm của nó sự tồn tại của chúng với tư cách hàng hóa là nét có tính chất chi phối và quyết định. Điều đó trước hết bao hàm việc bản thân người công nhân chỉ xuất hiện với tư cách là kẻ bán hàng hóa, tức với tư cách là công nhân làm thuê tự do, và do đó, lao động biểu hiện thành lao động làm thuê nói chung. Căn cứ vào sự trình bày từ trước cho đến nay về vấn đề này, thì không cần phải chứng minh một lần nữa xem mối quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê quyết định toàn bộ tính chất của phương thức sản xuất ấy là như thế nào. Những người đảm nhiệm chủ yếu của bản thân phương thức sản xuất ấy, tức là nhà tư bản với công nhân làm thuê, tự bản thân họ, chẳng qua chỉ là sự thể hiện, sự nhân cách hóa của tư bản và lao động làm thuê; đó là những tính chất xã hội nhất định mà quá trình sản xuất xã hội đã đem lại cho các cá nhân; họ là sản phẩm của các quan hệ sản xuất xã hội nhất định ấy.

Tính chất 1) của sản phẩm với tư cách là hàng hóa, và 2) của hàng hóa với tư cách là sản phẩm của tư bản, cũng đã bao gồm toàn bộ các quan hệ lưu thông, nghĩa là một quá trình xã hội nhất định mà sản phẩm phải trải qua và trong suốt quá trình đó, sản phẩm ấy mang những tính chất xã hội nhất định; tính chất nói

trên cũng bao gồm những quan hệ cụ thể nhất định giữa những người đảm nhiệm sản xuất, những quan hệ này quyết định việc làm tăng thêm giá trị cho sản phẩm của họ và việc lại chuyển hóa sản phẩm ấy thành tư liệu sinh hoạt, hoặc thành tư liệu sản xuất. Nhưng ngay cả khi không kể đến điều đó, thì toàn bộ sự quy định của giá trị và việc giá trị điều tiết toàn bộ nền sản xuất đều phát sinh từ hai tính chất đặc trưng đã nói trên đây, tức là tính chất của sản phẩm với tư cách là hàng hóa hay tính chất của hàng hóa với tư cách là hàng hóa được sản xuất ra theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Trong hình thái hoàn toàn đặc biệt này của giá trị, một mặt, lao động chỉ có giá trị với tư cách là lao động xã hội; mặt khác, việc phân phối lao động xã hội đó, sự bổ sung lẫn nhau của các sản phẩm lao động, sự trao đổi chất giữa các sản phẩm của lao động đó, sự phụ thuộc của lao động ấy vào bộ máy xã hội, sự gắn chặt nó vào trong bộ máy ấy, - tất cả những việc đó đều phó mặc cho những nguyện vọng ngẫu nhiên và triệt tiêu lẫn nhau của các nhà sản xuất tư bản chủ nghĩa cá biệt. Bởi vì những nhà sản xuất tư bản chủ nghĩa này chỉ đối diện với nhau với tư cách là những người sản xuất hàng hóa, mỗi người trong bọn họ đều tìm cách bán hàng hóa của mình càng đắt càng hay (và bản thân việc sản xuất cũng hình như chỉ do sự tùy tiện của họ điều tiết), cho nên quy luật nội tại chỉ biểu hiện ra thông qua việc cạnh tranh giữa họ với nhau và qua áp lực của họ đối với nhau, nhờ đó mà những sự chênh lệch sẽ triệt tiêu lẫn nhau. Ở đây, quy luật giá trị chỉ tác động như một quy luật nội tại, đối lập với những người đảm nhiệm sản xuất như là một quy luật tự nhiên mù quáng; nó mở đường cho sự thăng bằng xã hội của nền sản xuất giữa những biến động ngẫu nhiên của nền sản xuất ấy.

Hơn nữa, trong hàng hóa, và hơn nữa trong hàng hóa với tư cách là sản phẩm của tư bản, đã bao hàm sự vật hóa những tính quy định xã hội của sản xuất và sự chủ thể hóa các cơ sở vật chất của sản xuất, tức là những cái nói lên nét đặc trưng của toàn bộ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Thứ hai, điều khác nhau có tính chất đặc thù của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là: sản xuất ra giá trị thặng dư với tư cách là mục đích trực tiếp và động cơ quyết định việc sản xuất. Tư bản chủ yếu lại sản xuất ra tư bản: nhưng nó chỉ làm được như thế trong chừng mực nó sản xuất ra giá trị thặng dư. Trong khi nghiên cứu về giá trị thặng dư tương đối, và sau đó, sự chuyển hóa giá trị thặng dư thành lợi nhuận, chúng ta đã thấy rằng phương thức sản xuất đặc trưng của thời kỳ tư bản chủ nghĩa đã được xây dựng trên cơ sở đó như thế nào, phương thức đó là hình thái đặc thù của sự phát triển những lực lượng sản xuất xã hội của lao động, nhưng đối với công nhân thì những lực lượng ấy lại mang hình thái những lực lượng độc lập của tư bản, và vì vậy nên đối lập trực tiếp với sự phát triển của bản thân người công nhân. Sản xuất vì giá trị và giá trị thặng dư, như chúng ta đã thấy trong sự trình bày tiếp đó, bao hàm khuynh hướng không ngừng rút ngắn thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa, nghĩa là để giảm giá trị của nó xuống dưới mức trung bình xã hội hiện có ở từng lúc nhất định. Khuynh hướng rút chi phí sản xuất đến mức tối thiểu của nó đã trở thành đòn bẩy hết sức mạnh mẽ để tăng sức sản xuất xã hội của lao động; nhưng sự tăng lên ấy lại chỉ biểu hiện ra ở đây thành sự tăng lên không ngừng của sức sản xuất của tư bản.

Quyền lực mà nhà tư bản có được trong quá trình sản xuất trực tiếp với tư cách là tư bản nhân cách hóa, chức năng xã hội mà hắn đảm nhiệm với tư cách là người chỉ đạo và người chủ của sản xuất, về bản chất khác với quyền lực dựa trên nền sản xuất do nô lệ, nông nô, v.v. tiến hành.

Trong khi trên cơ sở nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tính chất xã hội của sản xuất đối lập với đông đảo những người sản xuất trực tiếp dưới hình thái một quyền lực điều tiết nghiêm ngặt và một bộ máy xã hội của quá trình lao động được tổ chức theo một chế độ đẳng cấp hoàn chỉnh, - song những kẻ nắm quyền lực ấy chỉ sử dụng nó với tư cách là sự nhân cách hóa các điều kiện lao động đối lập với bản thân lao động, chứ không phải với tư cách là những

lãnh chúa chính trị hoặc những lãnh chúa thần quyền như trong các hình thái sản xuất trước kia, - giữa chính ngay những kẻ nắm quyền lực ấy, tức là giữa bản thân các nhà tư bản là những người chỉ đối diện với nhau với tư cách là những kẻ sở hữu hàng hóa, lại ngự trị một tình trạng hoàn toàn vô chính phủ, trong đó mối quan hệ xã hội của nền sản xuất chỉ bộc lộ ra dưới hình thái một quy luật tự nhiên có sức mạnh áp đảo đối lập với ý chí của cá nhân.

Nếu một bộ phận của giá trị (sản phẩm) biểu hiện thành giá trị thặng dư, còn giá trị thặng dư ấy biểu hiện thành lợi nhuận (địa tô), thành thu nhập của nhà tư bản, thành của cải phụ thêm do hắn chi phối và thuộc về tay hắn, thì đó chỉ là vì người ta đã giả định trước lao động dưới hình thái lao động làm thuê và các tư liệu sản xuất dưới hình thái tư bản; do đó, chỉ là vì cái tính chất xã hội đặc thù ấy của hai nhân tố cơ bản đó của sản xuất. Chỉ vì một bộ phận giá trị biểu hiện thành *lợi nhuận của hắn*, nên các tư liệu sản xuất phụ thêm nhằm mở rộng tái sản xuất và cấu thành một bộ phận lợi nhuận của nhà tư bản mới biểu hiện thành tư bản mới phụ thêm, và việc mở rộng quá trình tái sản xuất nói chung mới biểu hiện thành quá trình tích lũy tư bản chủ nghĩa.

Mặc dù hình thái của lao động với tư cách là lao động làm thuê có tác dụng quyết định đối với hình thái của toàn bộ quá trình và đối với phương thức đặc thù của bản thân nền sản xuất, nhưng giá trị lại không phải do lao động làm thuê quyết định. Trong việc quy định giá trị, thì vấn đề là thời gian lao động xã hội nói chung, là lượng lao động mà nói chung xã hội có thể sử dụng được, và cái phần mà các sản phẩm khác nhau thu hút lượng lao động đó sẽ quyết định một cách tương ứng tỷ trọng xã hội của mỗi sản phẩm ấy. Đương nhiên, cái hình thái nhất định trong đó thời gian lao động xã hội thể hiện ra trong giá trị của hàng hóa với tư cách là nhân tố quyết định giá trị của hàng hóa, chỉ gắn liền với hình thái của lao động với tư cách là lao động làm thuê và với hình thái tương ứng của các tư liệu sản xuất với tư cách là tư bản, trong chừng mực mà trên cơ sở ấy nền sản xuất hàng hóa đã trở thành hình thái phổ biến của sản xuất.

Nhưng chúng ta hãy xem bản thân cái mà người ta gọi là quan hệ phân phối. Tiền công giả định lao động làm thuê, lợi nhuận giả định tư bản. Do đó, những hình thái phân phối nhất định ấy giả định tính chất xã hội nhất định của các điều kiện sản xuất và giả định những quan hệ xã hội nhất định giữa những người đảm nhiệm sản xuất. Vậy, quan hệ phân phối nhất định chỉ là biểu hiện của một quan hệ sản xuất lịch sử nhất định.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến lợi nhuận. Hình thái nhất định này của giá trị thặng dư giả định rằng sự sáng tạo ra các tư liệu sản xuất mới được tiến hành dưới hình thái sản xuất tư bản chủ nghĩa, do đó, đây là một quan hệ chi phối việc tái sản xuất, mặc dù nhà tư bản cá biệt tưởng tượng rằng hắn có thể tiêu xài toàn bộ lợi nhuận của hắn với tư cách là thu nhập. Thế nhưng trong việc này hắn vấp phải những giới hạn đặt ra trước mặt hắn dưới hình thái quỹ bảo hiểm và quỹ dự trữ, quy luật cạnh tranh, v.v, những giới hạn này trong thực tiễn đã chứng minh cho hắn thấy rằng lợi nhuận không phải đơn thuần là một phạm trù phân phối sản phẩm dành cho tiêu dùng cá nhân. Hơn nữa, toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là do giá cả sản phẩm điều tiết. Nhưng giá cả sản xuất có tác dụng điều tiết lại được điều tiết bởi việc san bằng các tỷ suất lợi nhuận và việc phân phối tư bản một cách tương ứng vào các ngành sản xuất xã hội khác nhau. Như vậy, lợi nhuận không biểu hiện ra ở đây thành một nhân tố chủ yếu của việc phân phối sản phẩm, mà lại biểu hiện thành một nhân tố chủ yếu của bản thân việc sản xuất sản phẩm, *thành một nhân tố* phân phối tư bản và lao động cho các ngành sản xuất khác nhau. Việc phân chia lợi nhuận thành lợi nhuận doanh nghiệp và lợi tức biểu hiện ra là việc phân phối cùng một khoản thu nhập. Nhưng trước hết sự phân chia đó phát sinh từ sự phát triển của tư bản với tư cách là giá trị tự tăng lên, sáng tạo ra giá trị thặng dư, từ hình thái xã hội nhất định đó của quá trình sản xuất có tác dụng chi phối. Nó đẻ ra tín dụng và các cơ quan tín dụng, do đó, nó đẻ ra hình thái tương ứng của sản xuất. Trong lợi tức, v.v., những cái gọi

là hình thái phân phối gia nhập vào giá cả với tư cách là yếu tố sản xuất có tính chất quyết định.

Đối với địa tô, người ta có thể tưởng rằng nó chỉ là một hình thái phân phối đơn thuần, vì quyền sở hữu ruộng đất, tự bản thân nó, không đảm nhiệm một chức năng nào, hay ít nhất là không đảm nhiệm một chức năng bình thường nào, trong bản thân quá trình sản xuất. Nhưng sự việc: 1) địa tô giới hạn trong cái phần trội ra ngoài lợi nhuận trung bình, và 2) địa chủ bị truất mất vai trò của hắn là người lãnh đạo và chi phối quá trình sản xuất và do đó, toàn bộ quá trình sinh hoạt xã hội, để chỉ còn là một kẻ đơn thuần cho thuê đất, một kẻ cho vay nặng lãi về ruộng đất và một kẻ thu tô đơn thuần, - sự việc đó là một kết quả lịch sử đặc thù của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ruộng đất mang hình thái quyền sở hữu ruộng đất là một tiền đề lịch sử của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Việc quyền sở hữu mang những hình thái cho phép nông nghiệp có thể kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa là sản phẩm của tính chất đặc trưng của phương thức sản xuất đó. Trong những hình thái xã hội khác, người ta cũng có thể gọi thu nhập của địa chủ là địa tô. Nhưng địa tô này khác về căn bản với địa tô trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Cho nên, cái gọi là những quan hệ phân phối phù hợp với những hình thái xã hội đặc thù nhất định trong lịch sử, của quá trình sản xuất, và với các quan hệ được xác lập giữa người với người trong quá trình tái sản xuất ra đời sống của con người, và chúng phát sinh từ những hình thái và những quan hệ ấy. Tính chất lịch sử của các quan hệ phân phối ấy là tính chất lịch sử của các quan hệ sản xuất mà các quan hệ phân phối chỉ biểu hiện có một mặt thôi. Sự phân phối tư bản chủ nghĩa khác với các hình thái phân phối phát sinh từ các phương thức sản xuất khác, và mỗi hình thái phân phối đều biến đi cùng một lúc với phương thức sản xuất nhất định tương ứng với hình thái phân phối ấy và đã đẻ ra hình thái phân phối ấy.

Quan điểm cho rằng chỉ riêng các quan hệ phân phối mới có tính chất lịch sử, còn các quan hệ sản xuất thì hoàn toàn không có, - quan điểm ấy, một mặt, chỉ là quan điểm của sự phê phán mới phôi thai, còn rụt rè đối với khoa kinh tế chính trị tư sản. Nhưng mặt khác, nó lại dựa trên một sự lẫn lộn và đồng nhất hóa quá trình sản xuất xã hội với quá trình lao động đơn thuần, chẳng hạn như quá trình lao động mà ngay một người bị đặt vào một hoàn cảnh cô lập giả tạo, không nhận được một sự giúp đỡ nào của xã hội, sẽ phải tiến hành. Trong chừng mực quá trình lao động chỉ là một quá trình giữa con người với tự nhiên, thì các yếu tố giản đơn của nó vẫn giống nhau đối với tất cả các hình thái phát triển của xã hội. Nhưng mỗi một hình thái lịch sử nhất định của quá trình ấy lại phát triển hơn nữa các cơ sở vật chất và các hình thái xã hội của nó. Sau khi đạt đến một trình độ chín muồi nhất định, thì hình thái lịch sử ấy sẽ bị lột bỏ đi để nhường chỗ cho một hình thái cao hơn. Một cuộc khủng hoảng như thế sẽ nổ ra, khi mà sự mâu thuẫn và đối lập giữa một bên là các quan hệ phân phối, - và do đó, cái hình thái lịch sử nhất định của các quan hệ sản xuất tương ứng với chúng, - và một bên là các lực lượng sản xuất, khả năng sản xuất và sự phát triển của các nhân tố sản xuất, đã trở nên sâu rộng hơn. Lúc đó, nổ ra sự xung đột giữa sự phát triển vật chất của nền sản xuất xã hội và hình thái xã hội của nó".

C.Mác: Tư bản, tr.632-642.

TẬP 26, PHẦN I

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"Nhà tư bản, A.Xmít nói, "sẽ không có hứng thú gì trong việc thuê mướn những công nhân này, nếu y không trông mong nhận được, - thông qua việc bán những sản phẩm do những công nhân đó làm ra, - *một phần thặng ra nào đấy* ngoài số cần thiết để bù lại tư bản của y". Một khi đã giả định có những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì điều đó hoàn toàn đúng. Nhà tư bản tiến hành sản xuất không phải để thỏa mãn những nhu cầu của mình bằng những sản phẩm đã sản xuất ra: nói chung, sự tiêu dùng đối với hắn ta không phải là mục đích trực tiếp của sản xuất. Hắn ta sản xuất để sản xuất ra giá trị thặng dư".

C.Mác: Tư bản, tr.95-96.

"Khoa kinh tế chính trị, theo tinh thần riêng của Xmít, chỉ coi nhà tư bản như là tư bản được nhân cách hóa, như là *T - H - T,* như là một người đảm nhiệm sản xuất. Nhưng ai phải tiêu dùng số sản phẩm sản xuất ra? Công nhân ư? Không, không phải người công nhân. Bản thân nhà tư bản ư? Nhưng nếu thế thì hắn thể hiện ra là một người tiêu dùng lớn, "một người ăn không ngồi rồi", chứ không phải là một nhà tư bản. Những người sở hữu địa tô và lợi tức ư? Nhưng họ sẽ không tái sản xuất ra được cái mà họ tiêu dùng và do đó họ sẽ làm thiệt cho của cải. - Tuy vậy, vẫn có hai điểm đúng trong quan điểm trái ngược đó, cái quan điểm coi nhà tư bản chỉ là một người thực tế cất trữ của cải, khác với người cất trữ của cải hão huyền, tức là người cất trữ của cải theo đúng nghĩa của chữ ấy: 1. tư bản (chính vì thế mà có nhà tư bản, tức là tư bản

được nhân cách hóa) chỉ được xem như là một kẻ góp phần thúc đẩy sự phát triển của các lực lượng sản xuất và của sản xuất; 2. Ở đây đã thể hiện rõ cái quan điểm của xã hội tư bản đang lên; đối với nó, điều có ý nghĩa không phải là giá trị sử dụng mà là giá trị trao đổi, không phải là việc tiêu dùng mà là của cải. Của cải tiêu dùng là một sự xa hoa không cần thiết đối với xã hội tư bản đang lên, trong khi bản thân xã hội này chưa học được cách kết hợp việc bóc lột với việc tiêu dùng và còn chưa thống trị được của cải tiêu dùng".

C.Mác: Tư bản, tr.371.

"Không những chúng ta đã thấy tư bản sản xuất như thế nào, mà còn thấy người ta đã sản xuất ra bản thân nó ra sao và với tư cách là một quan hệ đã hoàn toàn thay đổi, nó đã phát sinh như thế nào trong quá trình sản xuất và trong quá trình đó nó đã phát triển ra sao. Một mặt, tư bản làm biến đổi phương thức sản xuất, và mặt khác, sự biến đổi đó của phương thức sản xuất và nấc thang đặc thù đó trong sự phát triển của lực lượng sản xuất vật chất lại là cái cơ sở và điều kiện của bản thân tư bản, là cái tiền đề cho việc hình thành tư bản.

Vì lao động sống - do kết quả của sự trao đổi giữa tư bản và công nhân - đã biến thành một bộ phận cấu thành của tư bản và ngay từ bước đầu của quá trình lao động đã thể hiện ra như là một hoạt động thuộc về tư bản, nên mọi sức sản xuất của lao động xã hội mang cái hình thái sức sản xuất của tư bản, cũng hoàn toàn giống như hình thái xã hội chung của lao động thể hiện ra trong tiền tệ dưới hình thái thuộc tính của một vật nào đó. Sức sản xuất của lao động xã hội và những hình thái đặc thù của nó cũng giống như vậy, giờ đây chúng biểu hiện ra dưới hình thái sức sản xuất của tư bản và các hình thái của tư bản, tức là của lao động *đã vật thể hóa*, của những điều kiện lao động vật chất; những điều kiện này, với tư cách là một yếu tố được tách riêng ra như vậy, đã đối lập với lao động sống và được nhân cách hóa ở trong nhà tư bản. Ở

đây, một lần nữa, chúng ta lại chạm trán với cái hình thái quan hệ đã bị xuyên tạc đi, hình thái này thể hiện ra trong cái mà khi nghiên cứu tiền tệ, chúng ta đã gọi là *bái vật giáo*.

Chỉ với tư cách là *hiện thân của tư bản* thì bản thân nhà tư bản mới là một kẻ thống trị. (Ở ngành kế toán nước I-ta-li-a, vai trò đó của *nhà tư bản*, của tư bản được nhân cách hóa, luôn luôn được đem đối lập với hắn ta với tư cách là một người cá biệt, một người chỉ thể hiện ra với tư cách là người tiêu dùng cá thể và là con nợ của tư bản của hắn mà thôi.)

Sức sản xuất của tư bản, - ngay nếu như chỉ xét riêng sự phụ thuộc có tính chất *hình thức* của lao động đối với tư bản thôi - trước hết là ở chỗ *cưỡng bức phải thực hiện lao động thặng dư*, phải thực hiện một lượng lao động lớn hơn lao động cần thiết để thỏa mãn những nhu cầu trực tiếp. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng chia xẻ sự cưỡng ép này với phương thức sản xuất trước nó, nhưng nó thực hiện, ứng dụng sự cưỡng ép đó dưới một hình thức có lợi hơn cho sản xuất.

Ngay nếu ta xét mối quan hệ chỉ có tính chất hình thức đó thôi, tức là xét cái hình thái *phổ biến* đó của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, hình thái này là hình thái chung cho giai đoạn kém phát triển của nó, cũng như cho giai đoạn phát triển hơn của nó, - ngay cả trong trường hợp này, *tư liệu sản xuất*, những điều kiện vật chất của lao động - tức là vật liệu lao động, tư liệu lao động (cũng như cả tư liệu sinh hoạt nữa) - cũng không phụ thuộc vào công nhân, mà ngược lại, công nhân bị phụ thuộc vào chúng. Không phải công nhân sử dụng những thứ đó, mà những thứ đó sử dụng công nhân. Vì thế mà chúng là tư bản. "Tư bản *sử dụng* lao động". Đối với người công nhân, chúng thể hiện ra không phải là những tư liệu để sản xuất ra sản phẩm - dù là dưới hình thái tư liệu sinh hoạt trực tiếp hay dưới hình thái tư liệu trao đổi, dưới hình thái hàng hóa. Ngược lại, đối với chúng, công nhân là một phương tiện nhờ nó mà chúng bảo tồn được giá trị của chúng và

biến giá trị đó thành tư bản, nghĩa là làm tăng thêm giá trị đó, bằng cách thu hút lao động thặng dư vào trong mình chúng.

Ngay trong hình thái giản đơn của nó, mối quan hệ lộn ngược đó cũng đã là sự nhân cách hóa các vật thể và là sự vật thể hóa những con người; bởi vì hình thái đó khác với tất cả những hình thái trước đây ở chỗ nhà tư bản thống trị công nhân không phải với tư cách là đại biểu cho một phẩm cách cá nhân nào đó, mà chỉ vì hắn ta đại biểu cho "tư bản". Sự thống trị của hắn chẳng qua chỉ là sự thống trị của lao động đã vật thể hóa đối với lao động sống, chẳng qua chỉ là quyền lực của sản phẩm do công nhân sản xuất ra đối với bản thân người công nhân.

Quan hệ đó càng trở nên phức tạp hơn nữa và tỏ ra còn huyền bí hơn nữa do chỗ, cùng với sự phát triển của phương thức sản xuất đặc thù tư bản chủ nghĩa, thì chống lại công nhân - bằng cách đối lập với anh ta với tư cách là "tư bản" - không phải chỉ có những vật phẩm vật chất trực tiếp đó mà thôi {tất cả những sản phẩm vật chất đó là sản phẩm của lao động; xét về mặt giá trị sử dụng, thì chúng là những điều kiện vật chất của lao động vì chúng là sản phẩm của lao động; xét về mặt giá trị trao đổi thì chúng là thời gian lao động chung đã vật thể hóa, hay là tiền tệ}; cả những hình thái của lao động đã phát triển về mặt xã hội nữa - như hợp tác, công trường thủ công (với tư cách là một hình thái phân công lao động), công xưởng (với tư cách là một hình thái lao động xã hội mà cơ sở vật chất là hệ thống máy móc) - cũng biểu hiện ra dưới dạng *những hình thái phát triển của tư bản*, và vì vậy mà sức sản xuất của lao động, được phát triển từ những hình thái đó của lao động xã hội, do đó, cả khoa học và các lực lượng tự nhiên nữa, cũng đều mang cái hình thức *sức sản xuất của tư bản*. Và thật vậy, sự thống nhất các hình thức lao động giống nhau lại được thực hiện trong hợp tác, sự kết hợp các hình thức lao động khác nhau diễn ra trong việc phân công lao động, việc sử dụng những lực lượng của tự nhiên và khoa học, cũng như những sản phẩm của lao động trong nền công nghiệp máy móc, cho những mục đích sản xuất, - tất cả

những cái đó đều đối lập với công nhân, đối lập với từng người một như là một cái gì *xa lạ* đối với bản thân họ và như là một cái gì có tính chất *vật chất*, chỉ như là một hình thái tồn tại của những tư liệu lao động độc lập đối với họ và thống trị họ, - cũng giống như bản thân những tư liệu lao động ấy, dưới cái hình thức đơn giản có thể sờ mó được của chúng, với tư cách là vật liệu, dụng cụ, v.v., đều đối lập với công nhân như là những chức năng của *tư bản*, và do đó cũng đối lập với công nhân như là những chức năng của *nhà tư bản*.

Những hình thái xã hội của lao động của bản thân người công nhân - hay là những hình thái của lao động xã hội của bản thân họ [1318], - là những quan hệ được hình thành một cách hoàn toàn độc lập đối với công nhân, nếu lấy tách riêng từng người ra; những người công nhân phụ thuộc vào tư bản trở thành những yếu tố của những cơ cấu xã hội đó, nhưng những cơ cấu xã hội đó lại không thuộc về công nhân. Vì vậy, những cơ cấu ấy đối lập với công nhân như là những *phương thức* do chính tư bản sử dụng, như là những sự kết hợp cấu thành cái thuộc tính của tư bản (khác với sức lao động của mỗi người công nhân đứng tách riêng ra), phát sinh từ tư bản và được gộp vào thành phần của tư bản. Và cái đó mang một hình thức ngày càng hiện thực, một mặt, tùy theo mức độ mà bản thân sức lao động của các công nhân đó, dưới sự tác động của những hình thức kể trên, phải chịu đựng những sự thay đổi đến nỗi trong sự tồn tại độc lập của mình (nghĩa là *ở ngoài* mối quan hệ tư bản chủ nghĩa đó), nó trở thành bất lực và khả năng sản xuất độc lập của nó bị thủ tiêu đi; và mặt khác, cùng với sự phát triển của nền sản xuất bằng cơ khí, các điều kiện lao động ngày càng thể hiện ra là những lực lượng thống trị lao động cả về mặt quy trình công nghệ nữa, đồng thời chúng thay thế lao động, áp chế nó và làm cho nó trở thành thừa trong những hình thái độc lập của nó.

Trong quá trình đó, trong quá trình mà những nét *xã hội* của lao động của công nhân đối lập với họ như là một cái gì đã *tư bản hóa* theo một ý nghĩa nhất định (thí dụ, trong nền sản xuất cơ khí, những sản phẩm lao động thể hiện ra như là những chủ nhân của

lao động), thì tình hình như vậy tất nhiên cũng diễn ra với các lực lượng của tự nhiên và với khoa học, tức là với sản phẩm của quá trình phát triển lịch sử chung, sản phẩm thể hiện một cách trừu tượng cái tinh hoa của quá trình đó: các lực lượng của tự nhiên và khoa học đối lập với công nhân như là những *lực lượng* của tư bản. Khoa học và sự ứng dụng khoa học thực tế đã tách rời khỏi tài nghệ của từng người công nhân và sự hiểu biết nghề nghiệp của họ; và mặc dầu khoa học và sự ứng dụng khoa học, - nếu phân tích đến tận căn nguyên của chúng, - vẫn là sản phẩm của lao động, nhưng ở tất cả những nơi nào mà chúng gia nhập vào quá trình lao động, thì chúng cũng vẫn thể hiện ra như là đã bị *gộp vào thành phần của tư bản*. Sử dụng máy móc, nhà tư bản không nhất thiết phải hiểu cấu tạo của máy móc (xem I-u-rơ). Nhưng *trong máy móc*, bản thân khoa học đã được thực hiện lại đối lập với công nhân với tư cách là *tư bản*. Thật vậy, tất cả những sự ứng dụng dựa trên cơ sở *lao động xã hội* đó của khoa học, của các lực lượng tự nhiên và của những khối lượng to lớn của sản phẩm lao động, tất cả những sự ứng dụng đó chỉ thể hiện ra như là những *phương tiện để bóc lột* lao động, những phương tiện để chiếm đoạt lao động thặng dư, và do đó, như là những *lực lượng* thuộc về tư bản và đối lập với lao động. Tất nhiên, tư bản áp dụng tất cả những phương tiện ấy chỉ để bóc lột lao động, nhưng muốn bóc lột lao động thì tư bản nhất định phải áp dụng những phương tiện ấy vào trong quá trình sản xuất. Và như vậy là sự phát triển của những sức sản xuất *xã hội* của lao động và những điều kiện của sự phát triển ấy thể hiện ra như là một *hành vi của tư bản*, hành vi này không những được thực hiện ngoài ý chí của từng người công nhân, mà còn trực tiếp nhằm chống lại người công nhân nữa.

Bản thân tư bản có tính chất hai mặt, bởi vì nó do hàng hóa cấu thành:

1) *Giá trị trao đổi* (tiền tệ); nhưng đó là một *giá trị tự tăng lên*, là một giá trị - nhờ chỗ nó là *giá trị* - tạo ra giá trị, *tăng lên với tư cách là giá trị*, sinh sôi nảy nở lên. Sự tăng lên đó của giá trị quy

lại là sự trao đổi một lượng lao động đã vật thể hóa nhất định lấy một lượng lao động sống lớn hơn.

2) *Giá trị sử dụng.* Ở đây tư bản thể hiện ra từ phía những quan hệ nhất định, vốn có của tư bản trong quá trình lao động. Nhưng chính ở đây tư bản không còn là một vật liệu của lao động và một tư liệu của lao động, mà chỉ có *lao động* bị chúng gộp vào làm một thành phần của chúng mới thuộc về chúng; cùng với lao động, tư bản đã gộp vào thành phần của nó cả những sự *kết hợp có tính chất xã hội* của lao động và cả cái mức độ phát triển của tư liệu lao động tương ứng với những sự kết hợp có *tính chất xã hội đó.* Lần đầu tiên, với một quy mô lớn, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển những điều kiện vật chất, cũng như những điều kiện chủ quan của quá trình lao động, tách chúng khỏi người lao động độc lập riêng rẽ, nhưng vẫn phát triển chúng với tư cách là những lực lượng thống trị *người công nhân cá biệt* và *xa lạ* đối với anh ta.

Tất cả những cái đó làm cho tư bản trở thành một sinh vật rất huyền bí. [1318]

* * *

[1320] Như vậy là tư bản có tính chất sản xuất: 1) với tư cách là một lực lượng *cưỡng bức* phải lao động thặng dư, 2) với tư cách là một lực lượng thu hút và chiếm hữu các sức sản xuất của lao động xã hội (với tư cách là sự nhân cách hóa những sức sản xuất đó) và lực lượng sản xuất xã hội chung, như khoa học chẳng hạn.

Thử hỏi: tại sao và như thế nào mà lao động, đối lập với tư bản, lại thể hiện ra là sản xuất, lại thể hiện ra với tư cách là *lao động sản xuất*, mặc dầu những sức sản xuất của lao động đã chuyển vào tư bản, và mặc dầu không thể tính một sức sản xuất hai lần được: một lần - với tư cách là sức sản xuất của lao động, còn lần khác - với tư cách là sức sản xuất của tư bản? {Sức sản xuất của lao động cấu thành sức sản xuất của tư bản. Còn *sức lao động* có được tính chất sản xuất là do sự *chênh lệch* giữa *giá trị* của nó và *giá trị do sức lao động ấy tạo ra*"}.

C.Mác: Tư bản, tr.552-558.

TẬP 26, PHẦN II

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"... những người thời cổ không nghĩ đến việc chuyển hóa sản phẩm thặng dư thành tư bản. Dù sao, nếu họ có làm điều đó đi chăng nữa thì cũng chỉ làm với một mức độ rất nhỏ. (Việc tích trữ của cải theo nghĩa hẹp của danh từ đó, được họ áp dụng một cách rộng rãi, chứng minh rằng họ có nhiều sản phẩm thặng dư nằm không mà không được tiêu dùng gì cả.) Họ sử dụng một phần lớn sản phẩm thặng dư vào những chi phí phi sản xuất - vào những tác phẩm nghệ thuật, những công trình tôn giáo và xã hội. Nền sản xuất của họ còn ít dựa hơn nữa vào việc giải phóng và phát huy các lực lượng sản xuất vật chất - vào sự phân công lao động, vào máy móc, vào việc áp dụng các lực lượng thiên nhiên và khoa học vào trong nền sản xuất tư nhân. Trên thực tế, nói chung và toàn bộ, họ đã không đi xa hơn lao động thủ công. [...] Một số ít những dân tộc làm nghề buôn bán trong thời cổ đại một phần đã sống nhờ vào tất cả những nước về thực chất thì nghèo nàn ấy. Trong lúc đó, chính sự phát triển các lực lượng sản xuất một cách ồ ạt và việc sản xuất hàng loạt bắt nguồn từ đó và diễn ra trong những điều kiện là, một mặt, sự tiêu dùng của đông đảo những người sản xuất bị hạn chế trong phạm vi những vật phẩm nhu yếu, và mặt khác, giới hạn để sản xuất là lợi nhuận của những nhà tư bản, - chính những cái đó là cơ sở của nạn sản xuất thừa hiện đại".

C.Mác: Tư bản, tr.777.

TẬP 26, PHẦN III

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995)

"*Xi-xmôn-đi* cảm thấy sâu sắc rằng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa tự mâu thuẫn với bản thân, rằng những hình thái của nó - những quan hệ sản xuất của nó - một mặt, thúc đẩy sự phát triển không hạn chế của các lực lượng sản xuất và của cải, nhưng mặt khác những quan hệ ấy lại bị giới hạn bởi những điều kiện nhất định, rằng sức sản xuất càng phát triển thì những mâu thuẫn của chúng giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi, giữa hàng hóa và tiền, giữa mua và bán, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa tư bản và lao động làm thuê, v.v. lại mang những quy mô càng lớn. Đặc biệt, ông ta cảm thấy mối mâu thuẫn cơ bản: một mặt, sự phát triển không hạn chế của sức sản xuất và việc tăng một cách không hạn chế của cải là cái đồng thời bao gồm hàng hóa và phải được chuyển hóa thành tiền; mặt khác, với tư cách là cơ sở của tình hình ấy, là việc đông đảo những người sản xuất bị giới hạn trong những vật phẩm cần thiết. Vì vậy ở Xi-xmôn-đi, các cuộc khủng hoảng không phải là một sự ngẫu nhiên như ở Ri-các-đô, mà là những biểu hiện căn bản của những mâu thuẫn nội tại, nổ ra trên quy mô lớn và vào những thời kỳ nhất định. Và ông ta luôn luôn do dự: cái gì phải được nhà nước hạn chế - các lực lượng sản xuất, để làm cho chúng phù hợp với các quan hệ sản xuất, hay là các quan hệ sản xuất, để làm cho chúng phù hợp với các lực lượng sản xuất? Trong việc này ông ta thường tìm lối thoát ở trong quá khứ; ông ta trở thành một laudator temporis acti[1*], hoặc tìm cách chế ngự các mâu

1* - người ca ngợi thời quá khứ

thuẫn bằng cách điều tiết một cách khác đi tỷ lệ giữa thu nhập với tư bản, hoặc giữa phân phối với sản xuất, mà không hiểu rằng các quan hệ phân phối chỉ là những quan hệ sản xuất sub alia specie[1*]. Ông ta *phê phán* rất trúng những mâu thuẫn của nền sản xuất tư sản, nhưng ông ta *không hiểu* những mâu thuẫn ấy và do đó cũng không hiểu được quá trình giải quyết chúng. Nhưng làm cơ sở cho những lập luận của ông ta quả thực có một ức đoán lờ mờ nói rằng phù hợp với những lực lượng sản xuất phát triển trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa, với những điều kiện vật chất và xã hội của việc sáng tạo ra của cải, phải có những hình thức chiếm hữu *mới* đối với những của cải đó; rằng những hình thức tư sản chỉ có tính chất nhất thời và mâu thuẫn, trong đó của cải bao giờ cũng chỉ nhận được một tồn tại mâu thuẫn và đồng thời đâu đâu cũng thể hiện thành mặt đối lập của nó. Đó là thứ của cải bao giờ cũng lấy sự nghèo khổ làm tiền đề và chỉ phát triển bằng cách phát triển sự nghèo khổ ấy".

C.Mác: Tư bản, tr.71-73.

"Việc nền sản xuất tư sản buộc phải, một mặt, do những quy luật nội tại của bản thân nó, phát triển các lực lượng sản xuất như thể là nó không phải là một nền sản xuất dựa trên một cơ sở xã hội hạn chế, và mặt khác nó vẫn chỉ có thể phát triển các lực lượng sản xuất ấy trong giới hạn của tính hạn chế ấy mà thôi, - sự việc ấy là nguyên nhân sâu xa nhất và thầm kín nhất của các cuộc khủng hoảng, của những mâu thuẫn bùng nổ ra trong nền sản xuất tư sản, trong khuôn khổ những mâu thuẫn ấy nền sản xuất đó vận động và ngay cả một cái nhìn thô thiển cũng thấy được rằng nó chỉ là một hình thức quá độ trong lịch sử".

C.Mác: Tư bản, tr.111.

1* - dưới một giác độ khác

"Như vậy ở đây giả định: 1) *nền sản xuất tư bản chủ nghĩa,* trong đó việc sản xuất của mỗi một ngành sản xuất riêng rẽ - và sự tăng lên của nó - không được điều tiết *một cách trực tiếp* bởi nhu cầu của xã hội và không do những nhu cầu này *kiểm soát*, mà được điều tiết bởi những lực lượng sản xuất mà mỗi một nhà tư bản cá biệt chi phối được một cách độc lập với những nhu cầu của xã hội; và 2) giả định rằng, tuy vậy, sản xuất vẫn được tiến hành *một cách tỷ lệ* như thể là tư bản trong các ngành sản xuất khác nhau được xã hội trực tiếp sử dụng theo những nhu cầu của nó.

Với giả định ấy - một contradictio in adjecto[1*] - nếu nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là một nền sản xuất xã hội chủ nghĩa hoàn toàn, thì quả thật sẽ không có một sự sản xuất thừa nào cả".

C.Mác: Tư bản, tr.160.

"Ta chỉ có thể nói đến *tính chất sản xuất* của tư bản trong chừng mực mà tư bản được coi là đại biểu của một quan hệ sản xuất xã hội nhất định. Mà khi tư bản được quan niệm như vậy, thì tính chất nhất thời trong lịch sử của mối quan hệ đó lập tức sẽ bộc lộ ra, nhận thức phổ biến về mối quan hệ này sẽ không dung thứ sự tiếp tục tồn tại của nó và bản thân nó sẽ tạo ra những phương tiện để thủ tiêu nó".

C.Mác: Tư bản, tr.367.

"Chúng ta thấy, từ Răm-xây đến Giôn-xơ đã có một bước nhảy vọt lớn như thế nào. Chính cái chức năng của tư bản đã làm cho nó trở thành tư bản - tức là việc ứng trước tiền công - được Răm-xây giải thích như là một chức năng ngẫu nhiên, chỉ do sự nghèo khổ của đại bộ phận quần chúng nhân dân đẻ ra và không quan trọng đối với quá trình sản xuất với tính cách là một quá trình sản xuất.

1* Nghĩa đen: "mâu thuẫn trong hình dung từ" hay "mâu thuẫn trong định nghĩa", tức là một mâu thuẫn vô lý như: "hình vuông tròn", "sắt bằng gỗ".

Dưới hình thái hạn chế đó, Răm-xây *phủ nhận* tính tất yếu của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Còn Giôn-xơ {một điều đáng ngạc nhiên là cả hai người đều là giáo sĩ của Nhà thờ quốc giáo. Hình như các giáo sĩ của nhà thờ Anh vẫn là những người có suy nghĩ nhiều hơn là những giáo sĩ ở đại lục} chỉ ra rằng, chính chức năng ấy làm cho tư bản trở thành tư bản và quyết định nét đặc trưng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Giôn-xơ chỉ ra rằng hình thái ấy chỉ xuất hiện ở một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất và khi đó nó tạo ra một cơ sở vật chất hoàn toàn mới. Nhưng vì thế mà Giôn-xơ càng hiểu "tính chất có thể bị loại trừ", tính tất yếu nhất thời trong lịch sử của hình thái ấy một cách hoàn toàn khác và sâu hơn Răm-xây. Giôn-xơ hoàn toàn không coi những quan hệ tư bản chủ nghĩa là vĩnh cửu".

C.Mác: Tư bản, tr.596.

"Ở đây, Giôn-xơ tuyên bố thẳng ra rằng ông ta "thừa nhận" tư bản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ là một giai đoạn quá độ trong sự phát triển của nền sản xuất xã hội, như là một giai đoạn cấu thành một bước tiến bộ lớn lao so với tất cả những hình thái trước đây, nếu xét về phương diện phát triển các lực lượng sản xuất của lao động xã hội, - nhưng tuyệt nhiên đó vẫn không phải là kết quả cuối cùng, mà ngược lại, sự tất yếu phải diệt vong của nó đã nằm trong cái hình thái đối kháng của nó, giữa những "kẻ sở hữu của cải đã tích lũy" và những "công nhân thực sự".

Giôn-xơ là giáo sư kinh tế chính trị ở Hai-li-bê-ri, là *người kế thừa Man-tút*. Ở đây, chúng ta thấy khoa kinh tế chính trị thực sự đã kết thúc như thế nào bằng cách coi những quan hệ sản xuất tư sản chỉ là những quan hệ *lịch sử*, dẫn đến những quan hệ cao hơn trong đó tính chất đối kháng làm cơ sở cho các quan hệ sản xuất tư sản sẽ không còn nữa.

[...] từ khi người ta công nhận *tính chất lịch sử* của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những quan hệ sản xuất và phân phối tương ứng với phương thức sản xuất ấy, thì cũng chấm

dứt sự lầm lạc coi phương thức sản xuất tư sản là một quy luật tự nhiên của sản xuất và mở ra cái triển vọng về một xã hội mới, một hình thái kinh tế - xã hội mới mà phương thức sản xuất tư sản chỉ là bước quá độ".

C.Mác: Tư bản, tr.597-598.

"Sau khi Giôn-xơ đã mô tả *tư bản* như là một quan hệ sản xuất đặc biệt, mà thực chất là ở chỗ của cải đã được tích lũy thể hiện ra là kẻ ứng trước tiền công, còn bản thân "quỹ lao động" thì thể hiện ra là "của cải tiết kiệm được từ thu nhập và được sử dụng với mục đích thu lợi nhuận", ông ta lại nghiên cứu những sự thay đổi vốn có đối với phương thức sản xuất ấy trong sự phát triển của lực lượng sản xuất. Giôn-xơ nói rất đúng rằng cùng với sự *thay đổi* trong những lực lượng vật chất của sản xuất thì những quan hệ kinh tế, và cùng với chúng thì tình hình xã hội, luân lý, và chính trị của các dân tộc cũng thay đổi".

C.Mác: Tư bản, tr.599.

"Giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối đều có một điểm chung là cả hai đều giả định một trình độ phát triển nhất định của sức sản xuất của lao động. Nếu toàn bộ ngày lao động (tất cả thời gian lao động có thể sử dụng được) của một người (của mỗi người) chỉ đủ để nuôi sống bản thân họ (và nhiều lắm là cả gia đình nữa), thì sẽ không còn sản phẩm thặng dư, lao động thặng dư và giá trị thặng dư nữa".

C.Mác: Tư bản, tr. 627.

TẬP 27

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996)

"Xã hội - cho dù nó có hình thức gì đi nữa - là cái gì? Là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người. Liệu con người có được tự do trong việc lựa chọn hình thức xã hội này hay hình thức xã hội khác hay không? Tuyệt đối là không. Quý vị hãy xét một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất của con người thì quý vị sẽ thấy được một hình thức nhất định của trao đổi [commerce] và của tiêu dùng. Quý vị hãy xét một trình độ phát triển nhất định của sản xuất, của trao đổi và tiêu dùng thì quý vị sẽ thấy một chế độ xã hội nhất định, một hình thức tổ chức nhất định của gia đình, của các đẳng cấp và giai cấp, - tóm lại, quý vị sẽ thấy một xã hội công dân nhất định. Quý vị hãy xét một xã hội công dân nhất định thì quý vị sẽ thấy một chế độ chính trị nhất định, nó chỉ là sự thể hiện chính thức của xã hội công dân. Đó là điều mà ngài Pru-đông sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi, vì ông ta tưởng rằng ông ta thực hiện được một cái gì đó vĩ đại khi ông ta đi từ nhà nước để hướng đến xã hội công dân, nghĩa là đi từ sự tổng kết chính thức về xã hội đến xã hội chính thức.

Thật là thừa nếu nói thêm vào đó rằng con người không được tự do trong việc lựa chọn lực lượng sản xuất của mình, lực lượng sản xuất lại là cơ sở của toàn bộ lịch sử của con người, bởi vì mọi lực lượng sản xuất đều là lực lượng được tạo ra, đều là sản phẩm của hoạt động trước đó. Như thế, lực lượng sản xuất là kết quả của nghị lực thực tiễn của con người, nhưng bản thân nghị lực ấy lại được chế định bởi những điều kiện mà con người được đặt vào, bởi những lực lượng sản xuất mà trước đó đã có được, bởi một hình

thức xã hội đã tồn tại trước khi có những lực lượng sản xuất ấy, mà hình thức xã hội ấy lại được tạo ra không phải bởi những con người ấy, mà bởi thế hệ trước đó. Nhờ hiện tượng đơn giản là mỗi thế hệ sau có được những lực lượng sản xuất do thế hệ trước tạo ra, và những lực lượng sản xuất ấy là nguyên liệu cho thế hệ sau ấy để thực hiện một hoạt động sản xuất mới, - nhờ hiện tượng ấy mà hình thành nên mối liên hệ trong lịch sử loài người, hình thành lịch sử loài người, các lực lượng sản xuất của con người và, do đó, quan hệ xã hội của con người mà càng phát triển nhiều hơn thì lịch sử đó càng trở thành lịch sử loài người. Từ đó rút ra một kết luận tất yếu: lịch sử xã hội của con người luôn chỉ là lịch sử của sự phát triển cá nhân của những con người, cho dù họ có ý thức được điều đó hay không. Những quan hệ vật chất của họ tạo nên cơ sở của tất cả các quan hệ giữa con người với nhau. Những quan hệ vật chất ấy chỉ là những hình thức cần thiết để thực hiện hoạt động vật chất và hoạt động cá nhân của họ.

Ngài Pru-đông lẫn lộn các tư tưởng và các sự vật. Con người không bao giờ từ bỏ những gì mà họ đã có được, nhưng điều đó không có nghĩa là họ sẽ không từ bỏ hình thức xã hội mà trong đó họ đã có được những lực lượng sản xuất nhất định. Trái lại. Để khỏi bị mất kết quả đã đạt được, để không bị mất đi những thành quả của văn minh, con người buộc phải thay đổi tất cả những hình thức xã hội đã kế thừa vào thời điểm mà phương thức quan hệ của con người [commerce] không còn phù hợp với các lực lượng sản xuất đã có được. - Ở đây tôi dùng từ "commerce" theo một ý nghĩa rộng rãi nhất như ý nghĩa của từ "Verkehr" trong tiếng Đức. - Ví dụ: những đặc lợi, việc thiết lập các phường hội và các nghiệp đoàn, toàn bộ chế độ quy định thời trung cổ là những quan hệ xã hội duy nhất phù hợp với các lực lượng sản xuất đã có được và với chế độ xã hội tồn tại trước đó đã đẻ ra những thiết chế ấy. Dưới sự bảo hộ của chế độ quy định phường hội, tư bản đã được tích tụ, thương mại hàng hải đã phát triển, các thuộc địa đã được lập ra, và con người sẽ bị mất đi những thành quả của tất cả những cái đó

nếu họ cứ muốn duy trì các hình thức đã từng bảo hộ cho những thành quả đó thành đạt. Vì vậy đã nổ ra hai trận sấm sét - các cuộc cách mạng nổ ra vào năm 1640 và 1688. Tất cả những hình thức kinh tế cũ, những quan hệ xã hội phù hợp với những hình thức ấy, chế độ chính trị đã từng là sự thể hiện chính thức của xã hội công dân cũ, - tất cả những cái đó ở Anh đã bị phá đổ. Như vậy, những hình thức kinh tế, mà trong đó con người tiến hành sản xuất, tiêu dùng, tiến hành trao đổi, đều là những hình thức *nhất thời* và *mang tính lịch sử*. Cùng với việc có được những lực lượng sản xuất mới, con người cũng thay đổi phương thức sản xuất của mình, và cùng với phương thức sản xuất thì họ cũng thay đổi tất cả các quan hệ kinh tế đã từng là những quan hệ tất yếu chỉ đối với phương thức sản xuất nhất định đã tồn tại.

Ngài Pru-đông đã không hiểu được điều đó và ông ta lại càng không chỉ ra được điều đó. Do không thể trình bày tiến trình thật sự của lịch sử, nên ngài Pru-đông, thay vì làm như thế, lại trình bày với chúng ta những ý tưởng hão huyền có tham vọng trở thành những ý tưởng hão huyền biện chứng. Ông ta không thấy cần đề cập đến các thế kỷ XVII, XVIII và XIX, bởi vì lịch sử của ông ta diễn ra trên chín tầng mây của trí tưởng tượng và bay lơ lửng trên cao ở bên ngoài giới hạn của thời gian và không gian. Tóm lại, đó là đồ rác rưởi mang mùi vị Hê-ghen; đó không phải là lịch sử, không phải là lịch sử thông thường - lịch sử của con người, mà là lịch sử thần thánh - lịch sử của những ý niệm. Theo quan điểm của ông ta, con người chỉ là công cụ mà ý niệm hoặc lý trí vĩnh hằng sử dụng để phục vụ sự phát triển của mình. *Những sự tiến hóa* mà ngài Pru-đông nói tới, - đó là những sự tiến hóa, theo cách lý giải của ông ta, diễn ra trong khung cảnh thần bí của ý niệm tuyệt đối. Nếu quý vị xé bỏ lớp vỏ bọc bên ngoài của những câu chữ thần bí ấy thì quý vị sẽ thấy rằng ngài Pru-đông mô tả cho quý vị thấy một trật tự, trong đó các phạm trù kinh tế được sắp xếp trong đầu của ông ta. Tôi sẽ không phải mất nhiều công sức để chứng minh cho Ngài thấy rằng đó là một thứ trật tự trong cái đầu rất lầm lẫn.

Ngài Pru-đông mở đầu cuốn sách của mình bằng những lý lẽ về giá trị, con chủ bài ưa thích của ông ta. Lần này tôi sẽ không phân tích những lý lẽ ấy.

Một loạt quá trình tiến triển kinh tế của lý tính vĩnh viễn bắt đầu bằng *sự phân công lao động.* Đối với ngài Pru-đông thì phân công lao động là điều hoàn toàn đơn giản. Nhưng phải chăng chế độ đẳng cấp đã không từng là một dạng khác của phân công lao động? Và phải chăng phân công lao động trong thời kỳ công trường thủ công - thời kỳ này bắt đầu vào giữa thế kỷ XVII và kết thúc ở Anh vào nửa cuối thế kỷ XVIII - lại không khác hẳn với phân công lao động trong đại công nghiệp, trong nền công nghiệp hiện đại?

Ngài Pru-đông hiểu hết sức kém về thực chất của vấn đề, đến nỗi ông ta thậm chí bỏ qua ngay cả những điều mà các nhà kinh tế học bình thường không quên. Khi nói đến phân công lao động, ông ta tuyệt nhiên không cảm thấy cần nói đến *thị trường* thế giới. Thế đấy! Nhưng phải chăng phân công lao động ở các thế kỷ XIV và XV - khi vẫn còn chưa có các thuộc địa, khi châu Mỹ vẫn chưa tồn tại đối với châu Âu, còn sự liên hệ với vùng Đông Á chỉ được duy trì qua sự trung gian của Công-xtăng-ti-nô-plơ - không phải khác biệt một cách căn bản so với phân công lao động ở thế kỷ XVII, khi đã tồn tại các thuộc địa hoàn toàn phát triển, đó sao?

Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Phải chăng toàn bộ tổ chức nội bộ của các dân tộc, tất cả các quan hệ quốc tế giữa các dân tộc ấy lại không phải là sự thể hiện một hình thức phân công lao động nhất định, đó sao? Phải chăng tất cả những cái đó không phải thay đổi cùng với sự thay đổi của phân công lao động, đó sao?

Ngài Pru-đông hết sức không hiểu vấn đề phân công lao động, đến mức thậm chí ông ta không nhắc tới việc thành thị tách khỏi nông thôn, mà chẳng hạn ở Đức sự tách rời đó đã diễn ra vào các thế kỷ IX-XII. Vì thế, đối với ngài Pru-đông thì sự tách rời đó là quy luật vĩnh hằng, bởi vì ông ta không biết về nguồn gốc của sự tách rời đó, cũng như về sự phát triển của nó. Trong suốt cuốn sách của mình, ông ta lý lẽ rằng tuồng như sản phẩm này của một

phương thức sản xuất nhất định, sẽ còn tiếp tục tồn tại cho đến hết thời đại. Tất cả những gì ông Pru-đông nói về phân công lao động chẳng qua chỉ là sự tóm lược, hơn nữa là sự tóm lược rất hời hợt, một sự tóm lược không đầy đủ những gì đã được A-đam Xmít và rất nhiều người khác nói đến trước Pru-đông.

Bước tiến hóa thứ hai là *máy móc*. Ở ngài Pru-đông mối liên hệ giữa phân công lao động và máy móc hoàn toàn mang tính chất thần bí. Ở mỗi hình thức phân công lao động lại có những công cụ sản xuất đặc thù của mình. Chẳng hạn, từ giữa thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII con người không làm ra mọi cái bằng tay không. Họ có những dụng cụ, và thậm chí những dụng cụ rất phức tạp, như: máy cái, tàu biển, đòn bẩy, v.v và v.v..

Như vậy, sẽ là hoàn toàn phi lý nếu coi sự xuất hiện của máy móc như là hậu quả của phân công lao động nói chung.

Tiện thể xin nêu rõ rằng ngài Pru-đông hiểu về lịch sử phát triển của máy móc cũng ít như ông ta hiểu về lịch sử nguồn gốc của máy móc. Có thể nói rằng trước năm 1825 - thời kỳ xảy ra cuộc tổng khủng hoảng lần thứ nhất - nhu cầu tiêu dùng nói chung tăng lên nhanh hơn sản xuất, và sự phát triển của máy móc là hậu quả tất yếu của nhu cầu thị trường. Từ năm 1825, việc sáng chế và sử dụng máy móc chỉ là kết quả cuộc đấu tranh giữa các chủ kinh doanh và công nhân. Nhưng điều đó chỉ đúng đối với nước Anh. Còn về các dân tộc châu Âu thì nguyên nhân buộc họ phải sử dụng máy móc là sự cạnh tranh của nước Anh trên thị trường nước họ, cũng như trên thị trường thế giới. Sau hết, tại Bắc Mỹ việc áp dụng máy móc bắt nguồn từ sự cạnh tranh với các dân tộc khác, cũng như từ tình trạng thiếu lao động, nghĩa là tình trạng không cân xứng giữa các nhu cầu công nghiệp của Bắc Mỹ và dân số của nó. Từ các hiện tượng ấy Ngài có thể kết luận là ngài Pru-đông đã tỏ ra mẫn tuệ như thế nào khi ông ta gợi ra bóng ma của cạnh tranh như là bước tiến hóa thứ ba, như là phản đề của máy móc!

Sau cùng, nói chung sẽ là điều vô nghĩa nếu biến *máy móc* thành một phạm trù kinh tế song song với phân công lao động, với cạnh tranh, với tín dụng v.v..

Máy móc cũng ít có thể là phạm trù kinh tế, như con trâu kéo chiếc cày. Phương thức *sử dụng* ngày nay về máy móc là một trong những quan hệ của chế độ kinh tế hiện đại của chúng ta, nhưng phương thức khai thác máy móc lại hoàn toàn không phải như là bản thân máy móc. Thuốc súng vẫn là thuốc súng, dù nó được dùng để gây thương tích cho một người, hay là để chữa lành vết thương cho chính người đó.

Ngài Pru-đông đã vượt lên trước ngay bản thân mình khi ông ta tạo ra trong đầu của mình sự cạnh tranh, độc quyền, thuế khóa hoặc cảnh sát, cán cân thương mại, tín dụng và sở hữu theo một trật tự như tôi vừa liệt kê chúng. Gần như tất cả các cơ quan tín dụng đã phát triển ở Anh vào đầu thế kỷ XVIII, ngay từ trước khi người ta phát minh ra máy móc. Tín dụng nhà nước chỉ là phương pháp mới nhằm tăng thuế và thỏa mãn những nhu cầu mới, được tạo ra do việc giai cấp tư sản lên cầm quyền.

Sau cùng, *sở hữu* là phạm trù cuối cùng trong hệ thống của ngài Pru-đông. Trong thế giới hiện thực thì ngược lại, phân công lao động và tất cả những phạm trù khác của ngài Pru-đông đều là những quan hệ xã hội mà gộp lại sẽ tạo nên cái mà ngày nay người ta gọi là *sở hữu;* bên ngoài những quan hệ ấy thì sở hữu tư sản chẳng qua chỉ là ảo tưởng siêu hình và mang tính pháp lý. Sở hữu trong thời đại khác, sở hữu phong kiến, lại phát triển trong những quan hệ xã hội hoàn toàn khác. Khi định nghĩa sở hữu là một quan hệ độc lập thì ngài Pru-đông đã phạm phải một điều tồi tệ hơn là sai lầm có tính chất phương pháp luận: ông ta đã tỏ ra không hiểu mối liên hệ đã gắn bó tất cả các hình thức của nền sản xuất *tư sản;* ông ta tỏ ra không hiểu tính chất *lịch sử* và tính chất *nhất thời* của các hình thức sản xuất trong một thời đại nhất định. Vì không thấy được rằng các thiết chế xã hội của chúng ta là sản phẩm của sự phát triển lịch sử, không hiểu được nguồn gốc những thiết chế ấy cũng như sự phát triển của chúng, nên ngài Pru-đông chỉ có thể phê phán chúng một cách giáo điều.

Để giải thích sự phát triển, ngài Pru-đông đã buộc phải sử dụng đến *sự hư cấu.* Ông ta tưởng rằng phân công lao động, tín dụng, máy móc v.v. - tất cả những cái đó được phát minh ra để phục vụ cho ý tưởng luôn luôn ám ảnh của ông ta - ý tưởng về bình đẳng. Sự giải thích của ông ta thật là ngây thơ. Tất cả những điều đó được nghĩ ra vì sự bình đẳng, nhưng chẳng may, chúng lại quay lại chống lại sự bình đẳng. Đó chính là tất cả lý lẽ của ông ta, nghĩa là ông ta đưa ra một giả thuyết tùy tiện, nhưng vì sự phát triển thực sự thì ở đâu cũng mâu thuẫn với sự hư cấu của ông ta, cho nên ông ta đã từ đó rút ra kết luận là có mâu thuẫn. Ông ta giấu giếm một điều là mâu thuẫn chỉ tồn tại giữa những ý tưởng luôn luôn ám ảnh của ông ta và sự vận động thực tế.

Như vậy, ngài Pru-đông, do trước hết không có những kiến thức lịch sử, cho nên đã không hiểu rằng khi phát triển những lực lượng sản xuất của mình, nghĩa là khi sinh sống, thì con người cũng phát triển những quan hệ nhất định giữa họ với nhau, và ông ta không hiểu rằng tính chất của những quan hệ ấy tất yếu phải thay đổi cùng với sự biến cải và phát triển của những lực lượng sản xuất ấy. Ông ta không hiểu rằng *các phạm trù kinh tế* chỉ là *những khái niệm trừu tượng* về những quan hệ có thực ấy và chúng chỉ là chân lý trong chừng mực những quan hệ ấy còn tồn tại. Như vậy, ông ta rơi vào sai lầm của các nhà kinh tế tư sản vẫn coi những phạm trù kinh tế ấy là những quy luật vĩnh hằng chứ không phải là những quy luật mang tính lịch sử - những quy luật chỉ có hiệu lực đối với một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định nào đó, đối với một giai đoạn phát triển nhất định nào đó của lực lượng sản xuất. Do đó, thay vì xem xét các phạm trù kinh tế - chính trị như là những khái niệm trừu tượng về những quan hệ xã hội có thực, nhất thời về mặt lịch sử, thì ngài Pru-đông lại xuyên tạc vấn đề theo tinh thần thần bí, chỉ coi những quan hệ có thực là sự thể hiện những khái niệm trừu tượng ấy. Bản thân những khái niệm trừu tượng ấy là những công thức đã lởn vởn trong lòng đức Thượng đế ngay từ thuở sáng tạo ra thế giới.

Ở đây, ngài Pru-đông tốt bụng của chúng ta bắt đầu có những lao tâm khổ tứ khó nhọc. Nếu tất cả những phạm trù kinh tế ấy là sự thăng hoa của trái tim thần thánh, nếu chúng là cuộc sống ẩn kín và vĩnh hằng của con người thì bằng cách nào mà, thứ nhất, lại thấy có sự phát triển, và thứ hai, tại sao ngài Pru-đông lại không phải là người bảo thủ? Những mâu thuẫn hiển nhiên ấy được ông ta giải thích bằng cả một hệ thống những đối kháng.

Để làm sáng tỏ hệ thống những đối kháng ấy, chúng ta hãy xét một ví dụ:

Độc quyền là điều tốt, bởi vì đó là phạm trù kinh tế và, do đó, là sự thăng hoa của Thượng đế. Cạnh tranh là điều tốt, bởi vì cạnh tranh cũng là phạm trù kinh tế. Nhưng điều không hay là: đó là tính hiện thực của độc quyền và tính hiện thực của cạnh tranh. Điều còn tồi tệ hơn là độc quyền và cạnh tranh lại nuốt nhau. Vậy phải làm gì đây? Vì hai ý tưởng vĩnh hằng ấy của Thượng đế mâu thuẫn nhau, nên ngài Pru-đông cảm thấy hiển nhiên là trong lòng Thượng đế cũng có cả sự kết hợp cả hai ý tưởng ấy mà trong đó tác hại của độc quyền được cân bằng bằng cạnh tranh, và vice versa[1*]. Cuộc đấu tranh giữa hai ý tưởng sẽ dẫn đến hậu quả là chỉ có mặt tốt của chúng sẽ lộ ra bên ngoài. Cần giành giật lấy ở Thượng đế ý tưởng bí mật ấy, rồi sau đó sử dụng nó, và mọi chuyện sẽ tuyệt hảo. Cần tìm ra một công thức tổng hợp, được ẩn kín trong bóng tối của lý trí không diện mạo của loài người. Không một phút do dự, ngài Pru-đông đóng vai nhân vật tìm ra bí mật ấy.

Nhưng chúng ta hãy liếc nhìn trong giây lát vào cuộc sống hiện thực. Trong đời sống kinh tế hiện đại quý vị tìm thấy chẳng những cạnh tranh và độc quyền mà còn tìm thấy cả sự kết hợp chúng lại, sự kết hợp ấy không phải là *công thức*, mà là *sự vận động.* Độc quyền đẻ ra cạnh tranh, cạnh tranh đẻ ra độc quyền. Tuy nhiên, sự cân bằng đó không xóa đi những khó khăn của tình hình ngày nay - như các nhà kinh tế học tư sản vẫn tưởng - do đó,

1* - ngược lại

đã tạo ra một tình cảnh còn khó khăn hơn và còn rắm rối hơn nữa. Như vậy, bằng cách thay đổi nền tảng là chỗ dựa của những quan hệ kinh tế hiện đại, bằng cách thủ tiêu *phương thức* sản xuất hiện đại, quý vị thủ tiêu không những cạnh tranh, độc quyền và những đối kháng của chúng, mà còn thủ tiêu cả sự thống nhất của chúng, sự kết hợp chúng - sự vận động trong đó diễn ra quá trình cân bằng thực sự giữa cạnh tranh và độc quyền.

Bây giờ tôi xin dẫn ra cho Ngài thấy mẫu mực về phép biện chứng của ngài Pru-đông.

Tự do và chế độ nô lệ tạo thành sự đối kháng. Tôi không thấy cần nói đến những mặt tốt, cũng như những mặt xấu của tự do. Còn về chế độ nô lệ thì chẳng cần nói về những mặt xấu của nó. Điều duy nhất cần được giải thích, - đó là mặt tốt của chế độ nô lệ. Đây không phải là nói về chế độ nô lệ gián tiếp, không phải là về địa vị nô lệ của người vô sản. Đây là nói về chế độ nô lệ trực tiếp, về địa vị nô lệ của người da đen ở Xu-ri-nam, ở Bra-xin, ở các bang miền Nam của Bắc Mỹ.

Chế độ nô lệ trực tiếp cũng là cơ sở của nền công nghiệp hiện đại của chúng ta, giống như máy móc, tín dụng v.v.. Không có chế độ nô lệ thì không có bông, không có bông thì không có nền công nghiệp hiện đại. Chế độ nô lệ đem lại giá trị cho các thuộc địa, các thuộc địa tạo ra nền thương mại thế giới, còn thương mại thế giới thì tạo ra điều kiện cần thiết cho nền đại công nghiệp cơ khí. Trước khi có chế độ buôn bán người da đen, các thuộc địa đã đem lại cho Thế giới cũ rất ít sản phẩm và không thay đổi bộ mặt của thế giới một cách rõ ràng đôi chút. Như vậy, chế độ nô lệ là một phạm trù kinh tế có ý nghĩa to lớn. Không có chế độ nô lệ thì Bắc Mỹ - một nước tiến bộ nhất - có thể đã phải biến thành một nước theo chế độ gia trưởng. Chỉ cần quý vị xóa Bắc Mỹ khỏi bản đồ thế giới là quý vị sẽ thấy tình trạng vô chính phủ, tình trạng suy sụp hoàn toàn của thương mại và của nền văn minh hiện đại. Nhưng việc thủ tiêu chế độ nô lệ cũng có nghĩa là châu Mỹ bị xóa khỏi bản đồ thế giới. Như vậy, chính vì chế độ nô lệ là một phạm trù kinh tế, nên

nó hiện diện ở tất cả các dân tộc từ thuở thế giới được tạo ra. Các dân tộc hiện đại đã chỉ biết cách ngụy trang chế độ nô lệ ở chính nước mình, và áp dụng công khai chế độ nô lệ ở Tân thế giới. Sau những suy ngẫm như vậy về chế độ nô lệ, ngài Pru-đông hết sức nhân từ của chúng ta sẽ làm gì? Ông ta sẽ tìm kiếm sự kết hợp giữa tự do và chế độ nô lệ, tìm kiếm cái điều trung dung vàng ngọc chân chính, nói cách khác - tìm kiếm một sự cân bằng giữa chế độ nô lệ và tự do.

Ngài Pru-đông hiểu rất rõ rằng con người sản xuất ra dạ, vải sợi bông, lụa và công lao ấy chẳng to tát gì một khi hiểu rất ít như thế! Nhưng điều mà ngài Pru-đông đã không hiểu, là điều sau đây: con người cũng sản xuất ra *những quan hệ xã hội* - trong đó họ sản xuất ra dạ và vải sợi bông - cho phù hợp với lực lượng sản xuất của mình. Và ngài Pru-đông lại hiểu càng ít rằng khi sản xuất ra những quan hệ xã hội phù hợp với hoạt động sản xuất vật chất thì con người cũng tạo ra cả *những ý tưởng* và *những phạm trù*, nghĩa là những biểu hiện mang tính chất trừu tượng và mang tính chất lý tưởng của chính những quan hệ xã hội ấy. Như vậy, các phạm trù cũng ít mang tính chất vĩnh viễn như những quan hệ mà các phạm trù ấy là sự biểu hiện của chúng. Đó là những sản phẩm mang tính chất lịch sử và nhất thời. Còn đối với ngài Pru-đông thì hoàn toàn ngược lại, những khái niệm trừu tượng, những phạm trù là nguyên nhân ban đầu. Theo ý ông ta, chính là chúng, chứ không phải con người, đã sáng tạo ra lịch sử. *Khái niệm trừu tượng, phạm trù - được xem xét với tư cách là như thế,* nghĩa là tách khỏi con người và hoạt động vật chất của họ - dĩ nhiên là bất diệt, bất biến, bất động. Khái niệm trừu tượng ấy chỉ là sản phẩm của lý tính thuần túy, điều đó hoàn toàn có nghĩa là khái niệm trừu tượng - với tư cách là như thế - mang tính chất trừu tượng. Thật là *một ý trùng lặp* mới tuyệt vời làm sao!

Như vậy, đối với ngài Pru-đông thì các quan hệ kinh tế - được xem xét dưới hình thức là các phạm trù - là những công thức vĩnh viễn, không có cội nguồn, cũng không có sự phát triển.

Nói cách khác: ngài Pru-đông không khẳng định trực tiếp rằng đối với ông ta thì *cuộc sống tư sản* là *chân lý vĩnh viễn*. Ông ta khẳng định điều đó một cách gián tiếp, bằng cách thần thánh hóa các phạm trù biểu thị các quan hệ tư sản, dưới hình thức các ý tưởng. Một khi các sản phẩm của xã hội tư sản được ông ta quan niệm dưới hình thức các phạm trù, các ý tưởng, thì ông ta coi chúng là những thực thể vĩnh viễn xuất hiện một cách tự phát, có cuộc sống riêng. Như vậy, ông ta không vượt ra khỏi giới hạn của tầm nhìn tư sản. Vì ông ta đề cập đến những ý tưởng tư sản, coi chúng là những chân lý vĩnh viễn, cho nên ông ta tìm kiếm sự kết hợp những ý tưởng ấy, sự cân bằng của chúng và không thấy rằng phương pháp hiện đại để cân bằng chúng là phương pháp duy nhất có thể có được.

Về thực chất ông ta làm cái điều mà tất cả những nhà tư sản tốt bụng vẫn làm. Tất cả bọn họ đều nói với quý vị rằng cạnh tranh, độc quyền v.v. - xét trên nguyên tắc, nghĩa là nếu xét chúng như là những khái niệm trừu tượng - là những cơ sở duy nhất của cuộc sống, nhưng trên thực tế những cái ấy còn thiếu sót nhiều lắm. Tất cả bọn họ đều mong muốn một sự cạnh tranh không có những hậu quả tai hại của cạnh tranh. Tất cả bọn họ đều mong muốn điều không thể có được, nghĩa là mong muốn có những điều kiện cho cuộc sống tư sản nhưng lại không có những hậu quả tất yếu của những điều kiện ấy. Tất cả bọn họ đều không hiểu rằng phương thức sản xuất tư sản là hình thức có tính chất lịch sử và nhất thời, cũng giống như hình thức phong kiến đã từng mang tính chất lịch sử và nhất thời. Sở dĩ có sai lầm này là vì đối với họ thì con người tư sản là cơ sở duy nhất của mọi xã hội; là vì họ không hình dung được một chế độ xã hội, trong đó con người không còn là người tư sản nữa.

Vì vậy ngài Pru-đông không tránh khỏi là một *nhà khống luận*. Ông ta cho rằng sự vận động lịch sử - sự vận động này thực hiện cuộc cách mạng trong thế giới hiện đại - chung quy có nhiệm vụ là mở ra một sự cân bằng đúng đắn, một sự kết hợp hai ý tưởng

tư sản. Như vậy, nhờ những thủ thuật khéo léo anh chàng khôn ngoan ấy đã phát hiện ra ý tưởng ẩn giấu của Thượng đế, sự thống nhất của hai ý tưởng riêng rẽ, chúng là những ý tưởng riêng rẽ chỉ là vì ngài Pru-đông tách chúng ra khỏi cuộc sống thực tiễn, khỏi nền sản xuất hiện đại, một nền sản xuất kết hợp những thực tế được biểu thị bởi những ý tưởng ấy. Thay cho sự vận động lịch sử vĩ đại nảy sinh từ sự xung đột giữa những lực lượng sản xuất đã đạt được của con người với những quan hệ xã hội của họ không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất ấy nữa; thay cho những cuộc chiến tranh khủng khiếp đang được chuẩn bị giữa các giai cấp khác nhau trong cùng một dân tộc và giữa các dân tộc khác nhau; thay cho hoạt động thực tiễn và cách mạng của quần chúng, mà chỉ có hoạt động ấy mới đủ sức giải quyết những xung đột ấy, - thay cho sự vận động rộng lớn, lâu dài và phức tạp ấy thì ngài Pru-đông lại đưa ra một sự vận động thô thiển [mouvement cacadauphin], do ông ta nghĩ ra. Như vậy là, lịch sử được làm ra bởi những nhà khoa học, bởi những con người có khả năng đánh cắp ở Thượng đế ý tưởng thầm kín của Người. Còn nhân dân bình thường chỉ được phép áp dụng trong thực tiễn những điều đã phát hiện của các nhà khoa học ấy.

Giờ đây Ngài đã hiểu, tại sao Ngài Pru-đông lại là kẻ thù điên cuồng của mọi phong trào chính trị. Ông ta cho rằng việc giải quyết các vấn đề hiện đại không phải nằm ở trong hành động xã hội, mà ở trong những vòng tuần hoàn biện chứng diễn ra trong đầu ông ta. Vì đối với ông ta các phạm trù là những động lực, cho nên không có lý do gì để thay đổi cuộc sống thực tiễn để làm thay đổi các phạm trù. Hoàn toàn ngược lại. Cần phải làm thay đổi các phạm trù, và kết quả của việc đó sẽ là sự thay đổi xã hội hiện tồn.

Do muốn dung hòa các mâu thuẫn, nên ngài Pru-đông hoàn toàn bỏ qua vấn đề: nên chăng lật nhào chính cái cơ sở của những mâu thuẫn ấy? Về tất cả mọi phương diện ông ta giống như một nhà khống luận chính trị muốn duy trì cả vua, cả hạ viện, cả thượng viện như là những bộ phận cấu thành đời sống xã hội, coi

đó là những phạm trù vĩnh viễn. Ông ta chỉ tìm kiếm công thức mới để cân bằng những lực lượng ấy, mà sự cân bằng của những lực lượng ấy chính lại ở trong sự vận động hiện đại, trong đó một trong số những lực lượng ấy có lúc là kẻ chiến thắng, có lúc lại là nô lệ của lực lượng khác. Chẳng hạn, ở thế kỷ XVIII đã có nhiều cái đầu tầm thường cố gắng tìm kiếm một công thức đích thực để cân bằng các đẳng cấp xã hội, quý tộc, nhà vua, các nghị viện v.v., nhưng sang đến ngày hôm sau đã không còn thấy vua, không còn thấy các nghị viện, quý tộc nữa. Phương thức đích thực để cân bằng sự đối kháng ấy - đó là sự lật nhào tất cả các quan hệ xã hội đã từng được dùng làm cơ sở cho những thiết chế phong kiến ấy và từng là cơ sở của sự đối kháng của những thiết chế phong kiến ấy.

Vì ngài Pru-đông, một mặt, nêu lên những ý niệm vĩnh viễn, những phạm trù của lý tính thuần túy, nhưng mặt khác, ông ta lại nêu ra con người và cuộc sống thực tiễn của họ, mà theo ý kiến ông ta thì cuộc sống ấy là sự ứng dụng các phạm trù đó, - vì thế mà quý vị sẽ thấy ở ông ta ngay từ đầu *thuyết nhị nguyên luận* giữa cuộc sống và những ý niệm, giữa linh hồn và thể xác - một thuyết nhị nguyên được lặp lại dưới những hình thức khác nhau. Bây giờ ngài thấy rằng sự đối kháng ấy chỉ là sự bất lực của ngài Pru-đông không hiểu nổi nguồn gốc và lịch sử bình thường của các phạm trù mà ông ấy thần thánh hóa".

Mác gửi Pa-ven Va-xi-li-ê-vích An-nen-cốp ở Pa-ri, tr.657-670.

TẬP 31

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1997)

"Giáo sĩ Man-tút chỉ đơn giản ăn cắp của các nhà tiền bối mình học thuyết ấy, cũng như tất cả các tư tưởng còn lại của mình; trong học thuyết ấy không có cái gì thuộc về ông ta ngoài việc sử dụng một cách tùy tiện cả hai cấp. Bản thân học thuyết này ở bên Anh từ lâu đã được các nhà kinh tế quy vào một nội dung hợp lý: dân số gây sức ép không phải đối với các phương tiện tồn tại mà đối với *phương tiện tạo việc làm*; nhân loại có thể sinh sôi nhanh hơn so với mức mà xã hội tư sản đương thời đòi hỏi. Đối với chúng ta điều đó một lần nữa là cơ sở để coi xã hội tư sản này là bước cản trở cho sự phát triển, sự cản trở cần phải được loại bỏ.

Chính Ngài đặt câu hỏi là bằng cách nào làm cân bằng sự gia tăng dân số với sự gia tăng phương tiện tồn tại. Nhưng ngoài một câu trong lời nói đầu, tôi không thấy Ngài có một ý định nào giải quyết vấn đề đó. Chúng tôi xuất phát từ chỗ cho rằng chính những lực lượng đã tạo ra xã hội tư sản đương thời - máy hơi nước, những máy móc hiện đại, quá trình thực dân hóa rộng rãi, đường sắt và tầu thủy, thương mại toàn cầu - những lực lượng mà nhờ có những cuộc khủng hoảng thương mại liên tục đã xúc tiến việc hủy hoại xã hội đó và cuối cùng là tiêu diệt nó, - rằng những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy cũng sẽ đủ để trong vòng thời gian ngắn sẽ thay đổi căn bản sự tương quan ấy và nâng cao lực lượng sản xuất của từng người đến mức họ có thể sản xuất ra một khối lượng đủ cho hai, ba, bốn, năm, sáu người tiêu dùng; rằng trong công nghiệp thành thị sẽ giải phóng một số người đủ để cử đi giúp đỡ nông nghiệp những lực lượng hoàn toàn khác so với từ trước đến nay; rằng cuối cùng

thì khoa học có thể sẽ được ứng dụng trong nông nghiệp với quy mô rộng rãi và cũng với trình tự như trong công nghiệp; rằng việc khai thác các vùng thuộc Đông - Nam châu Âu và miền Tây nước Mỹ, phì nhiêu vô tận và thiên nhiên ưu đãi cho chúng ta, có thể được thực hiện với quy mô đồ sộ hơn nhiều so với đã làm đến nay. Nếu như sau khi tất cả các khu vực ấy được cày xới mà vẫn còn thiếu thực phẩm thì sẽ còn đủ thời gian để thốt lên: caveant consules.

Sản xuất quá ít - tất cả vấn đề là ở chỗ đó. Nhưng *tại sao lại* sản xuất quá ít? Hoàn toàn không phải là dường như đã đạt được giới hạn của sản xuất - thậm chí ngày nay và với những phương tiện hiện đại. Hoàn toàn không phải, mà bởi vì giới hạn của sản xuất ấy được xác định không phải bằng số lượng những chiếc dạ dày đói, mà bằng số lượng những *túi tiền* có khả năng mua và trả. Xã hội tư sản không muốn và không thể mong muốn sản xuất nhiều hơn. Những công nhân không có tiền với cái dạ dày rỗng tuếch nên sức lao động của họ không thể được sử dụng một cách có *lợi nhuận*, và vậy là họ không có khả năng mua, và họ làm tăng con số tử vong. Nhưng khi nền công nghiệp đột biến tăng trưởng, hiện tượng này nhiều lúc xảy ra, thì việc sử dụng lao động của họ mang lại lợi nhuận là hiện thực, lúc đó họ nhận được tiền để mua, và trong trường hợp như vậy bao giờ cũng tìm ra phương tiện tồn tại. Đó là cái circulus viciousus[1*] vĩnh hằng mà trong đó quay cuồng toàn bộ khoa kinh tế chính trị. Người ta giả định tổng hòa các quan hệ tư sản, rồi sau đó chứng minh rằng bất kỳ một bộ phận riêng lẻ nào cũng là một bộ phận không thể thiếu được của chúng, engo[2*], là "quy luật muôn đời"".

Ăng-ghen gửi Phri-đích An-béc Lăng-gơ ở Đui-xbuốc, tr.655-657.

1* - vòng luẩn quẩn

2* - như vậy là

TẬP 35

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998)

"Sự rùm beng mà Phi-rếch dấy lên xung quanh vấn đề cuộc cách mạng kỹ thuật điện, nhưng không hiểu gì về vấn đề này, chỉ là sự quảng cáo cho cuốn sách do ông ta xuất bản. Song trong thực tế thì đó là một cuộc cách mạng rất to lớn. Máy hơi nước đã dạy chúng ta chuyển hóa nhiệt thành vận động cơ học, nhưng việc sử dụng điện sẽ mở ra cho chúng ta con đường tới chỗ chuyển hóa *tất cả* mọi dạng năng lượng - nhiệt, vận động cơ giới, điện, từ, ánh sáng - từ dạng này thành dạng khác và ngược lại, và vận dụng chúng trong công nghiệp. Vòng tròn đã khép kín. Phát hiện mới nhất của Đê-prê rằng dòng điện có điện thế rất cao có thể - với sự hao tổn năng lượng tương đối nhỏ - truyền theo dây điện tín đơn giản trên những khoảng cách, mà từ trước đến nay người ta không dám mơ ước tới, và sử dụng ở điểm cuối - việc này mới còn phôi thai, - phát hiện này giải thoát hẳn công nghiệp hầu như khỏi mọi giới hạn mà điều kiện địa phương đặt ra, khiến có thể sử dụng cả năng lượng của nước ở xa xôi nhất, và nếu lúc đầu nó sẽ chỉ có ích cho *các thành thị*, thì cuối cùng nó sẽ trở thành đòn xeo mạnh nhất để xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn. Song, hoàn toàn rõ ràng là nhờ vậy mà lực lượng sản xuất sẽ lớn lên đến mức giai cấp tư sản ngày càng không đủ sức điều khiển chúng".

Ăng-ghen gửi Ê-đu-ác Béc-stanh ở Xuy-rích, tr.591-592.

TẬP 39

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999)

"Tôi càng nhìn vào đất nước và nhân dân các anh và vào chính phủ nước các anh, tôi càng thấy rõ hơn rằng ở đây chúng ta có thể đạt được những kết quả hoàn toàn đặc biệt. Nền công nghiệp đang trải qua sự phát triển như vũ bão, nhưng lại sử dụng lực lượng sản xuất phần lớn còn lạc hậu do việc áp dụng thuế quan bảo hộ cao trong nhiều năm (trang thiết bị của những nhà máy ở Bô-hêm mà tôi đã thấy, xác nhận cho tôi điều đó)...".

Ph. Ăngghen: Gửi Vích-to Át-le ở Viên, tr.182-183.

TẬP 42

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000)

"Chúng ta cần nghiên cứu những yếu tố sau đây:

Một là, *xu thế trao đổi,* các nhà kinh tế chính trị học tìm thấy cơ sở của xu thế này trong tính vị kỷ, xu thế này được xem là nguyên nhân hoặc nhân tố tác động lẫn nhau của phân công lao động. Xây coi trao đổi là cái không *cơ bản* đối với bản chất của xã hội. Của cải, sản xuất được giải thích bằng sự phân công lao động và trao đổi. Người ta thừa nhận rằng phân công lao động làm cho hoạt động cá nhân nghèo đi và bị sa đọa. Trao đổi và phân công lao động được thừa nhận là nguyên nhân sinh ra *tính muôn vẻ* to lớn của *những tài năng con người*, tính muôn vẻ này trở nên *có ích* vẫn lại nhờ có trao đổi. Xca-bếch chia lực lượng sản xuất hoặc lực lượng sản xuất có tính chất bản chất của con người thành hai bộ phận: 1) những lực lượng cá nhân, bẩm sinh của con người - trí năng và xu hướng đặc biệt hoặc năng lực về một lao động nhất định, và 2) những lực lượng *sinh ra* từ xã hội chứ không phải từ cá nhân hiện thực - phân công lao động và trao đổi. - Sau đó: phân công lao động bị *thị trường* hạn chế. - Lao động của con người là *vận động cơ giới* đơn thuần; thuộc tính vật chất của đối tượng thực hiện công việc chủ yếu nhất. - Phải giao cho mỗi cá nhân riêng lẻ càng ít thao tác càng tốt. - Sự chia nhỏ lao động và sự tập trung tư bản, tính vô hiệu quả của sản xuất cá nhân, sự sản xuất của cải trên quy mô lớn. - Ý nghĩa của chế độ tư hữu tự do đối với phân công lao động".

C.Mác: Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844, tr.207-208.

"Vậy là, có thể "xác lập" tất cả những cái đó mà không cần chú ý đến "học thuyết về lực lượng sản xuất" và đến quan hệ chính trị của các dân tộc. Vậy nhờ cách đó người ta xác lập cái gì? Thực tại. Ví dụ, nhờ tiền công người ta xác lập cái gì? Đời sống của công nhân. Tiếp nữa, nhờ tiền công người ta xác định rằng công nhân là nô lệ của tư sản, rằng công nhân là *"hàng hóa"*, là giá trị trao đổi mà mức độ cao hơn hoặc thấp hơn của giá trị ấy, sự tăng hay giảm của nó tùy thuộc vào cạnh tranh, vào cung và cầu; nhờ có tiền công người ta xác định rằng hoạt động của công nhân không phải là sự thể hiện tự do của đời sống con người của anh ta, rằng trái lại, hoạt động ấy là việc bán sức lực của anh ta, là sự nhượng lại (bán) cho tư bản những năng lực phiến diện của anh ta, tóm lại, hoạt động ấy là *"lao động"*. Người ta đề nghị chúng ta quên đi điều ấy. *"Lao động"* là nền tảng sống của sở hữu tư nhân, còn sở hữu tư nhân là nguồn gốc sáng tạo của chính bản thân mình. Sở hữu tư nhân chẳng qua là lao động *được vật hóa*. Nếu người ta muốn giáng đòn chí mạng vào sở hữu tư nhân thì cần phải tấn công vào sở hữu tư nhân không chỉ như là vào *của cải vật chất* mà còn như là vào *hoạt động,* vào *lao động*. Một trong những sự hiểu nhầm lớn nhất là nói đến lao động tự do, lao động có tính người, lao động xã hội, nói đến lao động không có tư hữu. Thực chất "lao động" là hoạt động không tự do, không có tính người, phi xã hội, bị quy định bởi quyền tư hữu và tạo ra quyền tư hữu. Như vậy, xóa bỏ quyền tư hữu chỉ trở thành thực tại khi sự xóa bỏ ấy được hiểu như là sự xóa bỏ *"lao động"* (đó là một sự xóa bỏ mà dĩ nhiên chỉ có thể có được nhờ chính lao động, nghĩa là nhờ hoạt động vật chất của xã hội, và sự xóa bỏ ấy tuyệt nhiên không thể được hiểu như là sự thay thế một phạm trù này bằng một phạm trù khác). Vì vậy, "một sự tổ chức lao động" nào đó là một mâu thuẫn. Tổ chức tốt nhất *mà* lao động có thể có được là tổ chức hiện nay của lao động, là sự cạnh tranh tự do, là sự tan rã của tất cả các tổ chức "xã hội" giả trước kia của nó.

Vậy thì, nếu có thể "xác định" tiền công nhờ lý luận giá trị, nếu qua đó mà "xác định" thấy rằng bản thân con người là một giá trị

trao đổi, rằng đa số trong dân tộc là một thứ *hàng hóa* nào đó mà người ta có thể xác định được không cần phải chú ý đến "quan hệ chính trị của các dân tộc", - thì tất cả những điều đó chứng minh cái gì nếu không phải chứng minh rằng cái đa số ấy trong dân tộc sẽ không phải chú ý đến "quan hệ chính trị", rằng quan hệ chính trị là điều *ảo tưởng* hoàn toàn đối với đa số ấy; rằng cái học thuyết mà trong cuộc sống thực tại đang rơi xuống đến thứ chủ nghĩa duy vật bẩn thỉu biến đa số trong dân tộc thành "hàng hóa", thành "giá trị trao đổi" và làm cho chúng hoàn toàn phục tùng các quan hệ vật chất của giá trị trao đổi đó - thứ học thuyết ấy là sự giả nhân giả nghĩa bỉ ổi, là sự tô vẽ (sự nói dối) duy tâm chủ nghĩa khi mà đối với các dân tộc khác nó nhìn "chủ nghĩa duy vật" xấu xa của "các giá trị trao đổi" với thái độ khinh bỉ kiêu ngạo và tuồng như nó chỉ quan tâm đến các "lực lượng sản xuất" mà thôi? Tiếp nữa, nếu có thể "xác lập" quan hệ tư bản, địa tô v.v. mà không chú ý đến "quan hệ chính trị" của các dân tộc, - thì điều đó chứng minh cái gì nếu không phải là chứng minh rằng nhà tư bản công nghiệp và người thu địa tô, trong các hành động trong đời sống thực tại của mình đều tuân theo lợi nhuận, tuân theo các giá trị trao đổi, chứ không phải tuân theo những kiến giải về "quan hệ chính trị" và "lực lượng sản xuất", và rằng những lời ba hoa của họ về văn minh và về lực lượng sản xuất chỉ là sự tô điểm cho những khuynh hướng vị kỷ chật hẹp?

Người tư sản nói: dĩ nhiên, xuất phát từ những lý do bên trong thì không thể phá vỡ học thuyết giá trị trao đổi, đa số trong dân tộc vẫn phải chỉ là "giá trị trao đổi", "hàng hóa", hơn nữa là thứ hàng hóa mà tự nó buộc phải tìm kiếm cho mình người mua, một thứ hàng hóa mà người ta không đem bán mà tự nó đem bán mình. Chúng tôi, những người tư sản, coi các anh, những người vô sản, và thậm chí tự coi như là những giá trị trao đổi, ở đây có sự tác động của quy luật *mua bán* phổ biến. Nhưng đối với các dân tộc khác, chúng tôi phải đình chỉ tác động của quy luật này. Là dân tộc, chúng tôi không thể tự bán mình cho các dân tộc khác. Vì đa

số trong dân tộc đã bị rơi vào quyền lực của các quy luật mua bán "mà không chú ý" đến "quan hệ chính trị của các dân tộc", vì thế mà sự suy xét nêu trên không mang một ý nghĩa nào khác ngoài ý nghĩa sau đây: "Chúng tôi, những người tư sản Đức, không muốn bị bóc lột bởi những người tư sản Anh theo cách thức như các anh, những người vô sản Đức, bị bóc lột bởi chúng tôi và như cách tự bản thân chúng tôi bóc lột lẫn nhau. Chúng tôi không muốn để mình rơi vào vòng quyền lực của chính những quy luật giá trị trao đổi mà chúng tôi đẩy các anh rơi vào đó. Đối với các nước khác chúng tôi không muốn thừa nhận thêm nữa những quy luật kinh tế mà chúng tôi thừa nhận ở trong nước"".

C.Mác: Về cuốn sách của Phri-đích Li-xtơ "Học thuyết dân tộc về kinh tế chính trị học", tr.344-346.

"Chẳng còn gì để nói nữa, đó là một sự thừa nhận tuyệt vời về phẩm giá con người, phẩm giá ấy đẩy con người xuống địa vị một *"lực lượng"* có khả năng tạo ra của cải! Người tư sản xem người vô sản không phải là *con người*, mà là *lực lượng* có khả năng tạo ra của cải, là một lực lượng mà người tư sản ấy ngoài ra còn có thể so sánh với các lực lượng sản xuất khác - với con vật, với máy móc - và, nếu sự so sánh ấy tỏ ra không có lợi cho con người, thì lực lượng mà con người là hiện thân, sẽ buộc phải nhường chỗ cho lực lượng mà hiện thân là con vật hoặc máy móc, vả lại cả trong trường hợp này nữa con người cũng sẽ có vinh dự (sẽ hưởng niềm vinh dự) thể hiện ra như là "lực lượng sản xuất".

Nếu tôi xác định con người là "giá trị trao đổi" thì trong cách biểu đạt ấy đã chứa đựng sự thật là các quan hệ xã hội đã biến con người thành một "vật" nào đó rồi. Nếu tôi xem con người là "lực lượng sản xuất", thì thay cho chủ thể thực tế tôi đặt một chủ thể khác, tôi thay chủ thể thực tế bằng nhân vật khác, và giờ đây con người tồn tại chỉ với tư cách là nguyên nhân của sự giàu có.

Toàn thể xã hội loài người chỉ trở thành cỗ máy có sứ mạng tạo ra sự giàu có.

Nguyên nhân tuyệt đối không phải là cái đứng cao hơn *kết quả.* Kết quả chỉ là nguyên nhân được *biểu hiện* ra một cách công khai.

Li-xtơ làm ra vẻ là tuồng như ở đâu đâu ông ta cũng quan tâm đến các lực lượng sản xuất vì chính bản thân chúng, bất kể những giá trị trao đổi xấu xa.

Một số lời giải thích về bản chất "các lực lượng sản xuất" hiện nay, chúng ta có được ngay từ sự thật là trong chế độ hiện nay lực lượng sản xuất không chỉ là ở chỗ có thể lực lượng ấy làm cho lao động của con người có hiệu suất hơn hoặc làm cho các lực lượng thiên nhiên và các lực lượng xã hội có hiệu quả hơn; lực lượng sản xuất ấy cũng còn thể hiện ở chỗ nó làm cho lao động trở nên rẻ hơn, hay là trở nên *kém năng suất hơn* đối với người công nhân. Như vậy, lực lượng sản xuất ngay từ đầu là do giá trị trao đổi quyết định. Với mức độ như vậy, ở đây cũng có sự nâng cao".

C.Mác: Về cuốn sách của Phri-đích Li-xtơ "Học thuyết dân tộc về kinh tế chính trị học", tr.356-357.

"Câu hỏi 4. *Ông dựa vào cái gì để luận chứng cho chế độ tài sản chung?*

- Thứ nhất, dựa vào chỗ sự phát triển của công nghiệp, của nông nghiệp, của thương mại và của quá trình thực dân hóa đã làm xuất hiện rất nhiều lực lượng sản xuất và tư liệu sinh hoạt; vào chỗ những khả năng vô tận của việc gia tăng không hạn chế các lực lượng sản xuất và tư liệu sinh hoạt chứa đựng ở các máy móc, các thiết bị hóa chất và những thiết bị bổ trợ khác".

Ph.Ăng-ghen: Dự thảo biểu tượng niềm tin cộng sản, tr.513.

"Những người cộng sản không đưa ra một học thuyết mới nào về chế độ tư hữu. Họ chỉ xác nhận sự thật lịch sử: <các tư liệu sản xuất>[1*] các quan hệ sản xuất tư sản, và như vậy cả các quan hệ sở hữu tư sản không còn <phù hợp> với <các... xã hội> <phát triển nhất> với sự phát triển của các lực lượng sản xuất xã hội, vì vậy

1* Trong ngoặc nhọn là những từ bị gạch bỏ trong bản viết tay.

không còn phù hợp với <sự phát triển của chính công nghiệp> và trong...

Nhưng các vị đừng tranh cãi với chúng tôi bằng cách <đối lập>, đồng thời đánh giá việc bãi bỏ sở hữu tư sản xét trên góc độ những tư tưởng tư sản của các vị về tự do, về giáo dục v.v.. Bản thân những tư tưởng của các vị <chỉ là> <phù hợp> là sản phẩm của các quan hệ sản xuất tư sản <hiện tồn>, của các quan hệ sở hữu tư sản, giống hệt như quyền của các vị chỉ là ý chí của giai cấp các vị được nâng lên thành luật, ý chí mà nội dung của nó do các điều kiện vật chất của đời sống giai cấp các vị quyết định.

Quan niệm thiên vị <của các vị> buộc các vị phải biến những quan hệ sản xuất và quan hệ sở hữu tư sản của mình từ chỗ là những quan hệ <chỉ> mang tính chất lịch sử, nhất thời, chỉ phù hợp với trình độ <chín muồi> phát triển nào đó của lực lượng sản xuất, thành những quy luật vĩnh hằng của tự nhiên và lý trí, các vị chia sẻ cái quan niệm thiên vị ấy với tất cả các giai cấp đã thống trị trước kia và đã tiêu vong!

Khi vấn đề có liên quan đến chế độ sở hữu tư sản thì các vị không dám hiểu tiếp cái điều mà các vị cho là có thể hiểu được về sở hữu phong kiến.

Tuy vậy các vị vẫn không thể phủ nhận sự thật là <trong tiến trình> phát triển của nền công nghiệp <tư sản> thì... phiến diện,...

Những người cộng sản không đưa ra một học thuyết mới nào về sở hữu. Họ chỉ xác nhận sự thật, còn các vị thì phủ nhận những sự thật hiển nhiên nhất, các vị buộc phải phủ nhận những sự thật ấy. Các vị là những người không tưởng hướng về quá khứ".

C.Mác: Trang trong bản nháp viết tay

"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", tr.531-532.

TẬP 46, PHẦN I

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998)

"Ở đâu mà tư bản và lao động làm thuê là quan hệ sản xuất thống trị, thì ở đó cũng có cả một sự liên tục trung bình của lao động làm thuê và do đó có cả sự cố định về tiền công của người công nhân. Ở đâu có lao động làm thuê thì ở đó có công nhân. Và chính điều đó đã được ngài Ba-xti-a coi là đặc tính hoàn hảo vạn năng của lao động làm thuê!

Tiếp nữa, nếu nói rằng với một trạng thái xã hội mà đặc trưng là tư bản đã ở trình độ phát triển thì toàn bộ nền sản xuất xã hội trở nên đều đặn hơn, liên tục hơn, toàn diện hơn, và đồng thời thu nhập của những thành phần tham gia nền sản xuất ấy cũng trở nên "cố định" hơn là ở nơi nào mà tư bản, tức là sản xuất, vẫn còn chưa đạt được trình độ phát triển ấy, - nếu nói như vậy thì có nghĩa là phát biểu một điều trùng lặp vốn đã có sẵn cùng với bản thân khái niệm tư bản và khái niệm về một nền sản xuất dựa trên khái niệm trên. Nói một cách khác, ai dám phủ nhận điều sau đây: sự tồn tại phổ biến của lao động làm thuê giả định một trình độ phát triển cao hơn của lực lượng sản xuất, cao hơn những trình độ phát triển có trước lao động làm thuê? Và bằng cách nào mà những người xã hội chủ nghĩa lại có thể đưa ra những đòi hỏi cao hơn nếu không xuất phát từ trình độ phát triển cao hơn đó của lực lượng sản xuất xã hội được đẻ ra bởi lao động làm thuê? Ngược lại, trình độ phát triển cao hơn đó của lực lượng sản xuất xã hội là tiền đề để họ đưa những đòi hỏi của mình".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.31-32.

"Ở đây, chúng ta đã đi đến vấn đề cơ bản không có liên quan đến điểm xuất phát nữa. Về toàn cục vấn đề là như sau: liệu có thể bằng con đường thay đổi công cụ lưu thông - tổ chức lưu thông - mà cách mạng hóa các quan hệ sản xuất hiện tồn và các quan hệ phân phối tương ứng với các quan hệ sản xuất, hay không? Vấn đề tiếp theo: liệu có thể thực hiện một cuộc cải cách như vậy trong lưu thông không, mà lại không đụng chạm đến các quan hệ sản xuất hiện tồn và những quan hệ xã hội dựa trên những quan hệ sản xuất đó? Nếu như người ta thấy rằng đến lượt mình, bản thân mỗi một sự cải cách như vậy trong lưu thông đều đã giả định sự thay đổi những điều kiện khác của sản xuất và giả định những cuộc cách mạng xã hội, thì lẽ đương nhiên là người ta sẽ thấy bộc lộ ngay tính chất không đứng vững được của một học thuyết kiến nghị những trò ảo thuật của mình trong lĩnh vực lưu thông *để*, một mặt, tránh được tính chất cưỡng bức của những sự thay đổi, và mặt khác, biến chính những thay đổi ấy không phải thành tiền đề, mà ngược lại, thành kết quả từ từ của một cuộc cải tổ trong lưu thông. Ta chỉ cần xác định được tính chất sai lầm của tiền đề cơ bản này là có thể chứng minh được rằng những người ngả theo những quan điểm ấy đã không hiểu được gì về mối liên hệ bên trong giữa quan hệ sản xuất, quan hệ phân phối và quan hệ lưu thông.

Dĩ nhiên, cái ví dụ lịch sử mà chúng tôi đã nêu ở trên đây, không thể có một ý nghĩa quyết định, bởi vì những tổ chức tín dụng hiện đại đều vừa là nguyên nhân, lại vừa là hậu quả sự tích tụ tư bản; chúng chỉ là một trong những yếu tố của tích tụ tư bản, mà quá trình tích tụ của cải lại được đẩy nhanh, bởi một sự phát triển lưu thông không đầy đủ (thí dụ, ở La Mã cổ đại), một cách cũng hữu hiệu như bởi quá trình làm cho lưu thông trở nên dễ dàng.

Cần phải tiếp tục nghiên cứu, hay nói đúng ra, sự tiếp tục nghiên cứu phải đưa đến chỗ nêu lên vấn đề tổng quát là: liệu những hình thức văn minh khác nhau của tiền - tiền kim loại, tiền giấy, tiền tín dụng, tiền lao động (thứ tiền nói đến sau cùng là hình thức xã hội chủ nghĩa của tiền) - có thể đạt được không cái

điều mà người ta đòi hỏi ở chúng, mà lại không cần thủ tiêu chính ngay quan hệ sản xuất được biểu hiện qua phạm trù tiền tệ; và mặt khác, liệu có phải vẫn là một đòi hỏi vô lý không nếu mong muốn thoát khỏi những điều kiện căn bản của một quan hệ nào đó chỉ bằng cách biến đổi một cách hình thức quan hệ này. So với một hình thức khác, một hình thức nào đó, trong các hình thức khác nhau của tiền, có thể phù hợp hơn với nền sản xuất xã hội ở một trình độ nào đó trong số các trình độ khác nhau của sản xuất; một hình thức này của tiền có thể loại trừ những thiếu sót mà hình thức khác của tiền không đủ sức khắc phục; nhưng không một hình thức nào trong số các hình thức ấy, - chừng nào chúng vẫn còn là các hình thức của tiền, mà tiền lại là một quan hệ sản xuất căn bản, - lại có thể thủ tiêu những mâu thuẫn vốn có của quan hệ được thể hiện bằng tiền, mà chỉ có thể bộc lộ chúng dưới hình thức này hay hình thức khác. Không một hình thức nào của lao động làm thuê, - mặc dù một hình thức trong số các hình thức ấy có thể loại trừ những khuyết điểm của một hình thức khác, - lại có thể loại trừ những thiếu sót của chính bản thân chế độ lao động làm thuê. Có thể một đòn bẩy này vượt qua, một cách tốt hơn đòn bẩy khác, sự kháng cự của một vật chất nằm trong trạng thái tĩnh. Nhưng mỗi một đòn bẩy lại dựa trên cơ sở là lực kháng vẫn có hiệu lực".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.100-102.

"Như vậy, giá trị trao đổi của sản phẩm đẻ ra tiền tệ tồn tại song song với sản phẩm. Vì vậy, cũng giống như những sự phức tạp và những mâu thuẫn nảy sinh từ việc tiền tệ tồn tại song song với các hàng hóa đặc biệt, không thể bị thủ tiêu bằng cách thay đổi hình thức tiền tệ (tuy rằng có thể tránh khỏi những khó khăn có liên quan đến hình thức tiền tệ ít hoàn hảo hơn, bằng một hình thức tiền tệ hoàn hảo hơn), - cũng giống như vậy, người ta không thể thủ tiêu bản thân tiền tệ được chừng nào giá trị trao đổi vẫn còn là hình thức xã hội của sản phẩm. Cần hiểu rõ điều đó để không đặt ra cho mình những nhiệm vụ không thể giải quyết được

và nắm rõ được xem trong những giới hạn như thế nào các cuộc cải cách tiền tệ và cải cách lưu thông có thể làm biến đổi quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội dựa trên quan hệ sản xuất".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.144.

"... trong xã hội tư sản dựa trên cơ sở *giá trị trao đổi,* lại xuất hiện những quan hệ sản xuất và quan hệ giao tiếp, những quan hệ này đồng thời lại là những trái mìn làm nổ tung chế độ ấy".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr. 170.

"... việc có sự thay đổi về hình thức mà trong đó địa chủ kiếm được khoản thu nhập cho mình, hoặc sự thay đổi về cái hình thức trả công cho người lao động, - việc đó không phải là sự khác biệt có tính chất hình thức, mà nó giả định một *sự cải tạo hoàn toàn* đối với bản thân *phương thức sản xuất* (trong nông nghiệp); vì thế sự hình thành chế độ sở hữu ruộng đất ngày nay có những tiền đề của nó dựa trên một trình độ phát triển nhất định của công nghiệp, thương mại và khoa học, tóm lại, của lực lượng sản xuất.

[...] Cần nhớ rằng lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới không phát triển từ *cõi hư vô,* từ không khí hoặc từ cái ý niệm tự giả định bản thân mình; lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới phát triển nội tại và trong cuộc đấu tranh với quá trình phát triển sản xuất hiện hữu và với những quan hệ sở hữu kế thừa và có tính chất truyền thống. Nếu như trong hệ thống tư sản hoàn chỉnh mỗi quan hệ kinh tế đều giả định một quan hệ khác dưới hình thái kinh tế - tư sản và do đó mỗi quan hệ được giả định đồng thời cũng là tiền đề, - thì tình hình đó đều diễn ra trong mọi hệ thống [II-24] hữu cơ. Bản thân hệ thống hữu cơ này, với tư cách là một tổng thể chỉnh thể, có những tiền đề của mình, và quá trình phát triển của nó theo hướng chỉnh thể chính là thể hiện ở chỗ chi phối tất cả những thành phần trong xã hội hoặc là từ xã hội mà tạo ra những cơ quan mà hệ thống ấy còn thiếu. Bằng cách ấy, trong quá trình phát triển lịch sử hệ thống chuyển hóa thành chỉnh thể. Việc hệ thống trở thành chỉnh thể như thế tạo thành

yếu tố cấu thành nó, cấu thành hệ thống, quá trình, tạo thành yếu tố phát triển nó".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.377-380.

"... chính người công nhân tuyệt đối không có quan hệ gì đến tính xác định của lao động của anh ta; với tư cách là như thế, tính xác định ấy không phải là điều quan tâm đối với công nhân, tính xác định ấy làm cho anh ta quan tâm chỉ trong chừng mực là nói chung đó là *lao động* và với chức năng ấy thì đó là giá trị sử dụng đối với tư bản. [III - 10] Là hiện thân của lao động với tư cách là lao động - nghĩa là của lao động với tư cách là *giá trị sử dụng* đối với tư bản - đó là tính chất kinh tế của người công nhân; anh ta là *người công nhân* đối lập với nhà tư bản. Tính chất kinh tế của người thợ thủ công, của thành viên phường hội v.v. thì không phải như vậy; tính chất ấy chính là thể hiện ở *tính xác định* của lao động của họ và ở quan hệ của họ đối với *một thợ cả xác định* v.v..

Quan hệ kinh tế này - tính chất của nhà tư bản và của người công nhân với tư cách là những cực của một quan hệ sản xuất nào đó - do đó lại càng phát triển dưới một hình thức thuần túy và tương đồng, chừng nào lao động càng mất mọi tính chất nghệ thuật. Những kỹ năng đặc biệt của lao động ngày càng trở thành một cái gì trừu tượng, không có ý nghĩa, còn lao động thì càng ngày càng trở thành một *hoạt động thuần túy mang tính chất trừu tượng,* một hoạt động thuần túy mang tính chất máy móc, do đó mang tính chất bất phân biệt, thờ ơ với hình thái đặc biệt của mình; nó trở thành một hoạt động chỉ có *tính chất hình thức* hay là - nói khác đi - chỉ mang tính chất *vật chất,* hoạt động nói chung, không có quan hệ gì đến hình thức. Ở đây ta lại thấy rằng tính xác định đặc biệt của quan hệ sản xuất, của phạm trù - trong trường hợp này đó là tư bản và lao động - chỉ trở thành thật sự như vậy cùng với sự phát triển của một *phương thức sản xuất vật chất* đặc biệt và chỉ ở một trình độ phát triển đặc biệt của *lực lượng sản xuất* công nghiệp".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.410-411.

"... tất cả những thành tựu của văn minh hay, nói cách khác, mọi sự gia tăng của *lực lượng sản xuất xã hội,* của *lực lượng sản xuất của bản thân lao động* nếu có thể nói được như vậy - dưới hình thức chúng là kết quả của khoa học, của những sáng chế, phân công lao động và phối hợp lao động, của sự cải thiện các phương tiện giao thông, của việc tạo ra thị trường thế giới, tạo ra máy móc v.v. - đều làm giàu không phải cho người công nhân, mà là cho tư bản; do đó, những cái đó chỉ làm tăng cái lực lượng thống trị lao động; chỉ làm tăng sức sản xuất của tư bản. Vì tư bản là cực đối lập của công nhân, cho nên những thành quả của văn minh chỉ làm tăng *quyền lực khách quan* của tư bản đối với lao động".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr. 432.

"... *tư bản mang tính chất sản xuất,* nghĩa là chính vì vậy mà tư bản là *một quan hệ thiết yếu đối với việc phát triển lực lượng sản xuất xã hội.* Tư bản sẽ thôi không còn là quan hệ như vậy nữa chỉ khi nào sự phát triển của bản thân những lực lượng sản xuất ấy có giới hạn ở trong chính tư bản".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.464.

"Sự phát triển của sức sản xuất của lao động - trước hết sự giả định lao động thặng dư - là điều kiện cần thiết cho sự tăng lên hay sự gia tăng của giá trị tư bản. Vì vậy tư bản, do có lòng ham muốn làm giầu vô tận, nên có xu hướng tăng lên một cách vô tận lực lượng sản xuất của lao động và làm nảy sinh sự gia tăng lực lượng sản xuất. Song, mặt khác, mọi sự gia tăng của sức sản xuất của lao động - ấy là chưa nói đến tình hình là sự gia tăng ấy cũng làm tăng khối lượng giá trị sử dụng đối với nhà tư bản - đều là sự gia tăng sức sản xuất của tư bản và, theo quan điểm ngày nay đang ngự trị [vom jetzigen Standpunkt aus], chỉ đại biểu cho sức sản xuất của lao động trong chừng mực sự gia tăng ấy là sức sản xuất của tư bản".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.494-495.

"Ở đây tạm thời chúng tôi hoàn toàn gác lại yếu tố có liên quan đến địa tô, bởi lẽ ở đây vấn đề được bàn đến không phải là khó khăn của sản xuất tăng lên, mà ngược lại, vấn đề bàn đến là sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ri-các-đô nói: nếu không có sự tăng lên đồng thời của dân số thì quá trình tích lũy tư bản kèm theo sự tăng lên của tiền công; người công nhân lấy vợ, xuất hiện sự kích thích sản xuất [ra con cái], hoặc là con cái anh ta sống trong những điều kiện tốt hơn, không bị chết non v.v.. Tóm lại, dân số gia tăng. Nhưng sự gia tăng dân số gây nên sự cạnh tranh trong công nhân và như thế buộc người công nhân lại phải bán sức lao động của mình cho nhà tư bản theo *giá trị* của sức lao động ấy và đôi khi lại thấp hơn giá trị ấy. Tư bản đã được tích lũy - mà sự tăng lên của nó trước đó bị chậm lại - giờ đây có được một số dư thừa nhất định; trước kia nhà tư bản chi phí số dư thừa ấy dưới hình thức tiền công, nghĩa là dưới hình thái tiền kim loại nhằm mục đích sử dụng số tiền ấy với tư cách là tư bản trong quá trình trao đổi lấy lao động sống [mới], mà vì giờ đây tư bản cũng có được một lượng ngày lao động nhiều hơn, nên giờ đây *giá trị trao đổi* của nó cũng tăng lên.

(Thậm chí vấn đề này cũng không được Ri-các-đô phát triển một cách đúng đắn, mà chỉ được nói đến xen kẽ với lý luận về địa tô; bởi vì số dư thừa mà trước kia nhà tư bản bị mất đi dưới hình thức tiền công thì giờ đây hắn ta bị tước mất dưới hình thức địa tô, do dân số tăng lên). Nhưng trong lý luận của mình Ri-các-đô hiểu không đúng thậm chí cả trong vấn đề dân số tăng. Không thấy ở chỗ nào Ri-các-đô chỉ rõ rằng có tồn tại mối quan hệ *nội tại* giữa tổng lao động vật hóa trong tư bản với ngày lao động sống (dù cho ngày lao động ấy được quan niệm với tư cách là ngày lao động bằng 50 × 12 giờ, hay với tư cách là lao động mười hai giờ của 50 công nhân, - thì điều này không quan trọng đối với mối quan hệ đang được xem xét), và không thấy chỉ rõ rằng mối quan hệ nội tại ấy chính là *quan hệ giữa cái bộ phận cấu thành, của ngày lao động sống,* đã tạo thành vật ngang giá đổi lấy lao động vật hóa được trao cho người công nhân dưới hình thức tiền công. - cái bộ phận

ấy đối với ngày lao động sống; ở đây bản thân ngày lao động là một quan hệ tổng thể, còn quan hệ nội tại là quan hệ biến đổi (bản thân ngày lao động là một đại lượng cố định) giữa *các phần của những giờ lao động cần thiết và các phần của những giờ lao động thặng dư* [trong ngày lao động]. Chính vì Ri-các-đô không làm sáng tỏ được quan hệ này, cho nên ông ta cũng không làm sáng tỏ được một điều (trước đây chúng ta không hề mảy may quan tâm điều này, bởi vì chúng ta bàn đến *tư bản với tư cách là tư bản,* còn sự phát triển của lực lượng sản xuất được xem như là một quan hệ được đưa từ bên ngoài vào) là: tuy rằng sự phát triển sức sản xuất có giả định sự tăng lên của tư bản cũng như sự tăng lên của những ngày lao động cũng diễn ra đồng thời, song trong những phạm vi những giới hạn nào đó của một tư bản đưa một ngày lao động vào sử dụng (cho dù đó là một ngày bằng 50 × 12 giờ, nghĩa là bằng 600 giờ) bản thân sự phát triển ấy là giới hạn đối với sự phát triển sức sản xuất tư bản".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.515-517.

"Nếu xem xét sự việc một cách trực tiếp hơn nữa, thì trước hết *có một giới hạn vốn có không phải của sản xuất nói chung, mà của nền sản xuất dựa trên tư bản.* Giới hạn ấy có hai mặt, hay, nói chính xác hơn, đây là cùng một giới hạn nhưng được xem xét trên hai phương diện, ở đây chỉ cần chứng minh rằng tư bản chứa đựng trong nó một sự hạn chế *đặc biệt* đối với sản xuất - sự hạn chế này mâu thuẫn với xu hướng phổ biến của tư bản là vượt quá mọi giới hạn của sản xuất - là cũng đủ để phát hiện ra cơ sở của *sản xuất thừa,* mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản phát triển; cũng đủ để nói chung phát hiện thấy rằng tư bản không phải là hình thức phát triển *tuyệt đối* của lực lượng sản xuất, như các nhà kinh tế tưởng, rằng tư bản cũng không phải là hình thức phát triển tuyệt đối của lực lượng sản xuất, cũng như nó không phải là hình thái của cải tuyệt đối ăn khớp với quá trình phát triển của lực lượng sản xuất.

Những giai đoạn phát triển sản xuất có trước tư bản thì đều biểu hiện ra, theo quan điểm của tư bản, như là những gông xiềng

kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Còn bản thân tư bản, nếu nó được hiểu đúng, biểu hiện ra như là điều kiện phát triển lực lượng sản xuất trong khi lực lượng sản xuất còn cần đến một sự thúc đẩy bên ngoài, mà đồng thời sự thúc đẩy ấy còn là sự kiềm chế lực lượng sản xuất: sự kỷ luật hóa lực lượng sản xuất, - mà ở một giai đoạn phát triển nào đó của lực lượng sản xuất thì sự kỷ luật hóa ấy trở thành thừa và gánh nặng, cũng giống như các tổ chức liên hiệp [trung cổ trước kia] vậy v.v.. Những giới hạn nội tại ấy phải khớp với chính bản chất của tư bản, với những định nghĩa căn bản về khái niệm tư bản. Những giới hạn cần thiết ấy là như sau:

1) *lao động cần thiết* với tư cách là giới hạn giá trị trao đổi của sức lao động sống, hay với tư cách là giới hạn tiền công của dân cư công nghiệp;

2) *giá trị thặng dư* với tư cách là giới hạn của thời gian lao động thặng dư và, - đối với thời gian lao động thặng dư tương đối, - với tư cách là giới hạn của sự phát triển lực lượng sản xuất;

3) nói cách khác, - *sự chuyển hóa thành tiền,* giá trị trao đổi nói chung với tư cách là giới hạn của sản xuất; nói cách khác, sự trao đổi dựa trên giá trị, hay là giá trị - với tư cách là giới hạn của sản xuất - dựa trên trao đổi. Đây chỉ là

4) vẫn lại là việc giá trị trao đổi *hạn chế sự sản xuất ra các giá trị sử dụng;* nói cách khác, để nói chung trở thành đối tượng sản xuất thì của cải hiện thực phải mang hình thái *xác định,* khác với bản thân của cải, nghĩa là một hình thái không tuyệt đối đồng nhất với của cải.

Mặt khác, từ *xu hướng phổ biến của tư bản* người ta thấy (chính điều này, trong lưu thông giản đơn, đã biểu hiện ra theo cách là tiền, với tư cách phương tiện lưu thông, đã biểu hiện ra chỉ như là một cái gì thoảng qua, không chứa đựng tính tất yếu độc lập, do đó tiền không biểu hiện ra như là ranh giới và giới hạn [của quá trình sản xuất]) rằng tư bản lãng quên và trừu tượng hóa:

1) lao động cần thiết với tư cách là ranh giới giá trị trao đổi của sức lao động sống; 2) giá trị thặng dư với tư cách ranh giới của lao

động thặng dư và của sự phát triển lực lượng sản xuất; 3) tiền với tư cách ranh giới của sản xuất; 4) việc giá trị trao đổi hạn chế sự sản xuất ra những giá trị sử dụng.

Hinc[1*] có sản xuất thừa, nghĩa là một *sự nhắc nhở* bất ngờ về tất cả những yếu tố cần thiết ấy của một nền sản xuất dựa trên tư bản; do đó có tình trạng mất giá phổ biến như là hậu quả sự lãng quên những yếu tố cần thiết ấy. Đồng thời, điều này đặt ra cho tư bản nhiệm vụ ở giai đoạn phát triển cao hơn của lực lượng sản xuất v.v. là phải luôn luôn tìm cách [thực hiện việc vượt ra khỏi những giới hạn của chính mình], mỗi lần lại kèm theo một sự phá hủy nó mạnh mẽ hơn, phá hủy nó *với tư cách tư bản.* Vì vậy rõ ràng là tư bản càng phát triển cao thì nó lại càng trở thành giới hạn của sản xuất - do đó cũng lại càng trở thành giới hạn của tiêu dùng - ấy là chưa kể đến những mâu thuẫn khác làm cho tư bản trở thành giới hạn đè nặng đối với sản xuất và giao tiếp".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.638-641.

"Nói cách khác: ở trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất (bởi vì chính sự phát triển ấy quyết định tỷ lệ giữa lao động cần thiết và lao động thặng dư) người ta thấy tồn tại một tỷ lệ bất biến theo đó sản phẩm chia ra thành những bộ phận tương ứng với nguyên liệu, máy móc, lao động cần thiết, lao động thặng dư, cũng như thấy tồn tại một tỷ lệ nào đấy trong đó bản thân lao động thặng dư phân thành bộ phận dành cho tiêu dùng, cũng như thành một bộ phận khác một lần nữa trở thành tư bản. Sự phân chia bên trong có tính chất bản chất ấy của tư bản biểu hiện ra trong trao đổi theo cách thức là sự trao đổi qua lại giữa các tư bản được thực hiện trong những tỷ lệ nhất định và trong phạm vi hạn chế chặt chẽ, mặc dù những tỷ lệ ấy cũng thường xuyên biến đổi trong tiến trình bản thân sản xuất.

[...] Bản thân *trao đổi* đã tạo ra cho những yếu tố ấy - mà xét về ngay khái niệm về chúng, các yếu tố ấy đã mang tính xác định

1* - Do đó.

đối với nhau - một sự tồn tại nào đó thờ ơ với nhau; chúng tồn tại độc lập đối với nhau, tính tất yếu nội tại của chúng *biểu hiện* thông qua khủng hoảng, và khủng hoảng thì cưỡng bức chấm dứt các vẻ thờ ơ lẫn nhau của chúng.

Tiếp nữa: cách mạng về lực lượng sản xuất làm thay đổi những tỷ lệ ấy, làm *thay đổi* chính bản thân những quan hệ ấy, mà cơ sở của những quan hệ ấy - xét theo giác độ của tư bản, do vậy cũng xét cả theo giác độ thực hiện giá trị thặng dư thông qua trao đổi - luôn luôn *vẫn là tỷ lệ giữa lao động cần thiết và lao động thặng dư,* hay là - nếu có thể được - tỷ lệ giữa các yếu tố khác nhau của lao động vật hóa so với lao động sống. Như chúng tôi đã nêu rõ ở trên, có thể là số tư bản được giải phóng nhờ lực lượng sản xuất tăng lên, cũng như lực lượng lao động sống đã được giải phóng, đều có thể không được sử dụng, bởi lẽ chúng không tồn tại theo những tỷ lệ mà theo đó cần phải tiến hành sản xuất trên cơ sở lực lượng sản xuất mới phát triển. Nếu sản xuất được mở rộng mà không có sự tính toán đến những thay đổi ấy thì rốt cuộc trong trao đổi một bên nào đó sẽ bị thiệt, sẽ nhận một con số âm".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.695-697.

"... muốn vạch rõ những quy luật của khoa kinh tế tư sản thì không cần thiết phải viết *lịch sử thực sự về quan hệ sản xuất.* Song, việc xem xét đúng đắn và rút ra được những quan hệ sản xuất ấy, như là những quan hệ đã hình thành về mặt lịch sử, lại luôn luôn dẫn đến những phương trình đầu tiên - giống như những con số thực nghiệm, chẳng hạn, trong khoa học tự nhiên - mà những phương trình này chỉ cho ta thấy quá khứ đã tồn tại trước hệ thống này. Cùng với sự hiểu biết đúng đắn về thời đại ngày nay, những chỉ dẫn ấy trong trường hợp này cũng đem lại cho ta chiếc chìa khóa để hiểu rõ quá khứ: đây là một công việc độc lập mà chúng ta cũng hy vọng sẽ bắt tay vào làm. Mặt khác, việc xem xét đúng đắn ấy dẫn đến những mục trong đó trù liệu sự thủ tiêu hình thức hiện nay của những quan hệ sản xuất và nhờ kết quả đó mà ta thấy hiện lên những bước tiến đầu tiên của một cuộc vận

động có chức năng cải tạo hướng đến tương lai. Nếu một mặt, những giai đoạn trước tư sản chỉ *có tính chất lịch sử,* nghĩa là những tiền đề đã bị gạt bỏ, thì những điều kiện ngày nay của sản xuất lại biểu hiện ra như là những điều kiện *tự loại trừ mình,* và do vậy như là những điều kiện sản xuất giả định *những tiền đề lịch sử* cho một chế độ xã hội mới".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.728-729.

"Như vậy, việc duy trì công xã cũ chứa đựng sự phá hủy những điều kiện đã dược dùng làm cơ sơ xây dựng nên công xã, và sự duy trì ấy chuyển thành cực đối lập của mình. Nếu như, chẳng hạn, giả định rằng trên khoảnh đất trước đây năng suất có thể tăng lên bằng con đường phát triển lực lượng sản xuất và v.v. (với phương pháp canh tác ruộng đất cổ truyền quá trình phát triển tương tự diễn ra chính là chậm hơn cả), thì điều đó bao gồm những phương pháp lao động mới, những hình thức mới trong việc liên hiệp lao động, bao gồm việc hao phí một phần lớn của một ngày vào nông nghiệp và v.v., mà như vậy thì lại phá hoại những điều kiện kinh tế cũ của công xã. Trong chính bản thân hành vi tái sản xuất cái được biến đổi không phải chỉ là những điều kiện khách quan, cho nên, thí dụ, thôn xã trở thành thành phố, các bãi cây rậm rạp trở thành cánh đồng được dọn sạch v.v., mà bản thân những người sản xuất cũng biến đổi, tạo ra trong bản thân mình những phẩm chất mới, phát triển và cải tạo bản thân mình nhờ sản xuất, tạo ra những lực lượng mới và những quan niệm mới, những phương pháp tiếp xúc mới, những nhu cầu mới và ngôn ngữ mới".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.786-787.

"Tất cả những hình thức (tất cả những hình thức ấy, ở mức độ này hay mức độ khác, đều đã hình thành một cách tự nhiên, nhưng đồng thời cũng là kết quả của quá trình lịch sử) trong đó công xã giả định các chủ thể trong một thể thống nhất khách quan nào đó với những điều kiện của sản xuất của những chủ thể ấy, hoặc trong đó một phương thức tồn tại nào đó của các chủ thể giả

định bản thân công xã với tư cách là điều kiện của sản xuất, - tất cả những hình thức ấy tất nhiên chỉ tương ứng với sự phát triển hạn chế, hơn nữa hạn chế trên phương diện nguyên tắc, của lực lượng sản xuất. Sự phát triển của lực lượng sản xuất làm tan rã những hình thức ấy, và bản thân sự tan rã của chúng lại là sự phát triển lực lượng sản xuất của con người".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.791-792.

"Ở một phía giả định các quá trình lịch sử đã đặt đông đảo các cá nhân thuộc một dân tộc nào đó v.v. vào địa vị những người mà nếu ban đầu chưa phải là những công dân thật sự tự do thì ít ra cũng ở địa vị những người lao động mà δνυα'μει[1*] là những công dân tự do, sở hữu duy nhất của họ là sức lao động của họ và khả năng của họ đem trao đổi sức lao động ấy lấy những giá trị đã có sẵn. Ở phía khác, đối lập lại với khối các cá nhân ấy, là tất cả những điều kiện khách quan của sản xuất với tư cách là *sở hữu của người khác,* với tư cách *không phải là sở hữu* của cá nhân ấy, nhưng đồng thời những điều kiện khách quan ấy của sản xuất, với tư cách là *những giá trị,* có thể thực hiện trao đổi, do vậy, trên một mức độ nào đó, sự chiếm hữu những điều kiện ấy là điều mà lao động sống có thể thực hiện được.

Những quá trình tan rã lịch sử như thế, một mặt, là sự tan rã của các quan hệ lệ thuộc nông nô cột chặt người lao động vào ruộng đất và vào chủ ruộng đất, nhưng trên thực tế lại giả định sở hữu của người lao động đối với tư liệu sinh hoạt, do vậy xét về thực chất đây là quá trình người lao động tách khỏi ruộng đất; mặt khác, ở đây diễn ra sự tan rã của những quan hệ sở hữu ruộng đất đã biến người lao động thành người I-ô-men, người tiểu sở hữu ruộng đất tự do lao động hoặc thành tá điền (cô-lông), người nông dân tự do; sự tan rã của những quan hệ hiệp hội giả định cả sở hữu của người lao động đối với công cụ lao động, cả sở hữu của

1* - ở dạng tiềm tàng

người đó đối với chính lao động với tư cách là một sự khéo léo nghề nghiệp nhất định (chứ không phải chỉ đối với lao động như là nguồn sở hữu). Những quá trình tan rã lịch sử ấy cũng là sự tan rã của quan hệ bảo hộ dưới các hình thức khác nhau trong đó *những người không sở hữu* đều là những kẻ ăn bám, sống nhờ vào sản phẩm thặng dư trong đám lâu la của các ông chủ và, với tư cách là vật ngang giá, làm đầy tớ cho ông chủ của mình, - họ tham gia vào những cuộc hiềm khích của ông chủ, thực hiện những việc phục dịch vô hình hoặc thực sự cho các cá nhân v.v..

Khi xem xét tỉ mỉ hơn, trong tất cả các quá trình tan rã ấy có thấy một điểm là sự tan rã diễn ra với những quan hệ sản xuất trong đó cái chiếm ưu thế là giá trị sử dụng, là sự sản xuất nhằm trực tiếp tiêu dùng. Giá trị trao đổi và sự sản xuất ra nó có tiền đề là sự chiếm ưu thế mang hình thức khác. Vì vậy trong phạm vi tất cả những quan hệ ấy thì những đảm phụ bằng hiện vật giữ vị trí ưu thế so với các khoản trả bằng tiền và các khoản quyên góp. Nhưng chỉ bàn qua thế thôi. Khi xem xét gần hơn, cũng sẽ thấy rằng tất cả những quan hệ đã tan rã ấy chỉ có thể xuất hiện ở một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất (do đó cả lực lượng sản xuất tinh thần nữa)".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.801-803.

"Những người thời xưa không bao giờ thoát ra khỏi phạm vi nghề thủ công nghệ thuật thuần túy của thành thị, những con người ấy vì thế không bao giờ có thể tạo ra được nền đại công nghiệp. Tiền đề đầu tiên của đại công nghiệp là việc thu hút toàn thể đất nước vào hoạt động sản xuất ra những giá trị trao đổi chứ không phải những giá trị sử dụng. Các xưởng thủy tinh, các xưởng giấy, các nhà máy sản xuất sắt thép v.v. không thể hoạt động bằng phương pháp phường hội được. Các xí nghiệp ấy đòi hỏi một nền sản xuất đại quy mô, một sự tiêu thụ trên thị trường rộng lớn, *của cải dạng tiền* trong tay nhà kinh doanh (chứ không phải theo ý nghĩa là hắn đã tạo ra những điều kiện - hắn không tạo ra những

điều kiện chủ quan cũng như những điều kiện khách quan - nhưng với những quan hệ sở hữu cũ và quan hệ sản xuất cũ thì không thể kết hợp những điều kiện đó lại với nhau)".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.819-820.

"Cái *hình thức tha hóa* [*entfremdung*] trong đó - trong phạm vi quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê - lao động, hoạt động sản xuất, biểu hiện ra trong quan hệ đối với những điều kiện của chính mình và đối với sản phẩm của chính mình, - cái hình thức ấy là giai đoạn trung gian tất yếu và do vậy *an sich*[1*] đã chứa đựng - nhưng vẫn ở dưới một hình thức bóp méo, lộn ngược - sự tan rã của tất cả *những tiền đề hạn chế của sản xuất,* và thậm chí hơn thế nữa, hình thức ấy còn tạo ra và xác lập những tiền đề tuyệt đối của sản xuất, như vậy có nghĩa là tạo ra và xác lập những điều kiện vật chất hoàn toàn đầy đủ cho sự phát triển chỉnh thể, vạn năng của lực lượng sản xuất của cá nhân".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.827.

1* - "tự nó", ở dạng khả năng, ở dạng ẩn, dạng tiềm tàng

TẬP 46, PHẦN II

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000)

"Nếu giờ đây chúng ta xem xét lưu thông, hay là chu chuyển, của tư bản với tính cách một chỉnh thể, thì bên trong lưu thông có hai yếu tố là hai sự khác biệt lớn: quá trình sản xuất và bản thân lưu thông, cả hai đều là những yếu tố hợp thành sự lưu thông của tư bản. Khoảng thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực quá trình sản xuất lâu hay mau tùy thuộc vào những điều kiện công nghệ của quá trình ấy, và sự lưu lại của tư bản trong giai đoạn này trực tiếp trùng hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, - cho dù có sự khác nhau như thế nào đi nữa về độ dài của quá trình sản xuất tùy theo ngành sản xuất, đối tượng sản xuất v.v.. Ở đây độ dài của quá trình sản xuất chẳng qua chỉ là thời gian lao động cần thiết để chế tạo ra sản phẩm (không đúng!). Như chúng ta đã thấy, thời gian lao động ấy càng ít thì giá trị thặng dư tương đối càng nhiều. Sẽ không có sự khác nhau nếu chúng ta nói: để sản xuất ra một số lượng sản phẩm nhất định, cần ít thời gian lao động hơn, hay là nói: trong một khoảng thời gian nhất định, có thể sản xuất được nhiều sản phẩm hơn. Đối với một lượng tư bản nhất định, việc rút ngắn độ dài của quãng thời gian tư bản nằm trong quá trình sản xuất, bị rút ra khỏi lưu thông theo đúng nghĩa và ở trong hoạt động, - là trùng hợp với việc rút ngắn thời gian lao động cần thiết để chế tạo ra sản phẩm, với việc phát triển lực lượng sản xuất, với việc ứng dụng sức của thiên nhiên và sức của máy móc, cũng như sức tự nhiên của lao động xã hội, trùng hợp với sự tích tụ công nhân, với sự kết hợp và phân công lao động. Như thế là, xét về mặt này quá trình lưu thông của tư bản tựa hồ như không bao gồm một

yếu tố nào mới. Song, đối với tư bản cá biệt, nếu tính đến tình hình là một bộ phận tư bản cá biệt - gồm nguyên liệu và công cụ (gồm các tư liệu lao động) - là sản phẩm của tư bản khác, thì người ta thấy rằng tốc độ mà tư bản có thể lặp lại quá trình sản xuất, cũng do sự phát triển lực lượng sản xuất ở tất cả các ngành sản xuất khác quyết định. Điều này có thể trở nên hoàn toàn sáng tỏ nếu ta hình dung là cũng một tư bản ấy sản xuất ra nguyên liệu, công cụ là những sản phẩm cuối cùng của mình. Nếu xem xét các tư bản *khác nhau* thì bản thân độ dài của thời gian tư bản lưu lại trong giai đoạn quá trình sản xuất trở thành một yếu tố của lưu thông. Tuy nhiên, ở đây trước mặt chúng ta chưa phải là *nhiều* tư bản. Như vậy có nghĩa là yếu tố ấy chưa liên quan đến đây".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.15-16.

"{*Cạnh tranh* có thể gây nên nhu cầu càng lớn về xây dựng, thí dụ, các đường sắt ở một nước mà tại đó trình độ phát triển trước đó của lực lượng sản xuất chưa bắt buộc phải làm thế. Vấn đề tác động của *sự cạnh tranh giữa các dân tộc* thuộc phần nói về *trao đổi quốc tế.* Ở đây đặc biệt thể hiện tác động khai hóa của các tư bản.}

Tư bản, với tư cách là tư bản - giả định rằng tư bản có quy mô cần thiết - sẽ chỉ xây dựng đường sá trong trường hợp việc xây dựng đường sá sẽ trở nên cần thiết đối với những người sản xuất, đặc biệt là đối với bản thân tư bản sản xuất, và việc xây dựng đó sẽ trở thành điều kiện *thu lợi nhuận* đối với nhà tư bản. Trong trường hợp này cả con đường cũng sẽ sinh lợi. Nhưng trong những trường hợp này đã giả định có sự trao đổi đáng kể rồi. Đây vẫn lại là *hai* tiền đề ấy: ở một phía thì của cải của đất nước đã được tích tụ ở mức độ khá đầy đủ và chuyển thành hình thái tư bản để tiến hành những công việc như thế dưới hình thức một quá trình làm tăng giá trị của tư bản, ở phía kia thì sự trao đổi với những quy mô khá lớn và những trở ngại mà nó gặp phải do thiếu phương tiện giao thông, đã hiện ra một cách đầy đủ khiến cho nhà tư bản có thể thực hiện giá trị của con đường (từng phần và từng đơn vị trong

một khoảng thời gian nhất định) với tư cách là một con đường (nghĩa là thực hiện việc sử dụng con đường ấy).

Tất cả *những điều kiện phổ biến của sản xuất,* như đường sá, kênh đào v.v., dù chúng tạo điều kiện dễ dàng cho lưu thông hay là nói chung lần đầu tiên làm cho có thể thực hiện lưu thông được, hay là chúng làm tăng sức sản xuất (thí dụ như những công trình thủy lợi v.v. ở châu Á, những công trình mà cả những chính phủ ở châu Âu cũng tạo ra) - muốn cho những điều kiện này do tư bản tạo ra, chứ không phải được tạo ra bởi chính phủ đại biểu cho xã hội với tư cách là một xã hội - tất cả những điều kiện ấy đều giả định một trình độ phát triển hết sức cao của một nền sản xuất dựa trên tư bản. Việc *các công việc xã hội* đã được rút khỏi đặc trách của nhà nước và chuyển sang lĩnh vực những công việc được chính tư bản tiến hành cho thấy xã hội hiện thực đã được hình thành đến mức độ nào dưới hình thức tư bản. Một nước nào đó, thí dụ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, có thể thậm chí nhận thấy có nhu cầu - trên phương diện sản xuất - về đường sắt; mặc dù vậy, lợi ích trực tiếp, [V-24] mà sản xuất thu được nhờ có đường sắt, có thể nhỏ bé đến mức việc ứng trước tư bản vào mục đích này sẽ chỉ là một việc *phung phí tiền.* Trong trường hợp này, tư bản trút những khoản chi tiêu ấy lên vai nhà nước, hoặc là nhà nước - ở những nơi mà theo truyền thống nó vẫn giữ địa vị thống trị đối với tư bản - sử dụng những đặc quyền và quyền lực để bắt tất cả các nhà tư bản phải bỏ ra một phần *thu nhập* của họ, nhưng không phải là một phần tư bản của họ, để chi vào những công việc công ích mà đồng thời cũng là những điều kiện *phổ biến* của sản xuất và do vậy những công việc ấy không phải là một điều kiện *đặc biệt* đối với một nhà tư bản riêng lẻ nào đó; chừng nào tư bản chưa mang hình thái công ty cổ phần, thì nó chỉ luôn luôn hướng đến chỗ đạt được những điều kiện *đặc biệt* để làm tăng giá trị của mình, còn đối với những điều kiện *chung cho tất cả mọi người* thì nó coi đó là những nhu cầu toàn quốc và trút những điều kiện ấy lên đầu toàn thể đất nước. Tư bản chỉ tiến hành những hoạt động mà nó cho là *có lợi* cho nó.

Quả thật, đôi khi tư bản suy xét một cách sai lầm, và - như chúng ta sẽ thấy - nó *buộc phải* suy xét như vậy. Trong những trường hợp như thế tư bản thực hiện *những khoản đầu tư* không tự hoàn vốn được hoặc chỉ hoàn vốn khi nào chúng *bị mất giá* đến một chừng mực nhất định. Vì vậy trong nhiều hoạt động, *việc đầu tư* ban đầu là việc đầu tư thua lỗ, những nhà kinh doanh đầu tiên bị tiêu vong, và chỉ đến những nhà kinh doanh thứ hai hoặc thứ ba, khi mà tư bản ứng trước đã giảm xuống do bị *mất giá,* thì mới thu được lợi nhuận. Vả chăng, bản thân nhà nước và tất cả những gì có liên quan với nhà nước bằng cách này hay cách khác, đều thuộc những khoản trừ vào *thu nhập*, có thể nói, đều thuộc *chi phí tiêu dùng* - đối với cá nhân, đều thuộc chi phí sản xuất - đối với xã hội. Bản thân con đường có thể làm tăng lực lượng sản xuất đến mức nảy sinh một lưu lượng giao thông trên con đường ấy khiến cho giờ đây con đường ấy hoàn được vốn. Có thể cần thiết phải tiến hành những công việc và những khoản chi phí mà tư bản cho là không mang tính chất sản xuất, nghĩa là *lao động thặng dư* chứa đựng trong những khoản chi phí ấy không được thực hiện với tư cách là *giá trị thặng dư* thông qua lưu thông, thông qua trao đổi".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.41-44.

"*Lưu thông diễn ra trong không gian và thời gian.* Điều kiện không gian - vận chuyển sản phẩm đến thị trường - thuộc chính quá trình sản xuất, xét trên góc độ kinh tế. Sản phẩm chỉ thật sự hoàn thành khi nó có mặt trên thị trường. Quá trình di chuyển đưa sản phẩm đến thị trường, vẫn thuộc chi phí sản xuất ra sản phẩm. Quá trình di chuyển đó không tạo thành một yếu tố cần thiết của lưu thông với tư cách là quá trình vận động đặc biệt của giá trị, bởi vì sản phẩm có thể được mua (và thậm chí được tiêu dùng) tại địa điểm sản xuất ra nó. Nhưng yếu tố không gian này là quan trọng, bởi vì yếu tố này có quan hệ qua lại với quy mô thị trường, với khả năng trao đổi sản phẩm. Sự giảm bớt những chi phí của sự lưu thông *thực tế* này (trong không gian) thuộc sự phát

triển lực lượng sản xuất thông qua tư bản, thuộc sự giảm bớt chi phí trong việc làm tăng giá trị của nó. Trên mức độ nào đó tuy là điều kiện bên ngoài của sự tồn tại quá trình kinh tế của lưu thông, nhưng yếu tố này cũng có thể được liệt vào *những chi phí sản xuất* của lưu thông, cho nên phù hợp với yếu tố này, bản thân lưu thông là một yếu tố chẳng những của quá trình sản xuất nói chung, mà còn của quá trình sản xuất trực tiếp. Bất luận thế nào ở đây yếu tố này cũng do trình độ phát triển chung của lực lượng sản xuất và nói chung của nền sản xuất dựa trên tư bản quyết định".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.48.

"... Ở đây biểu hiện cái xu hướng bao trùm của tư bản làm cho nó khác với tất cả những trình độ sản xuất trước kia. Mặc dù tư bản bị hạn chế do chính bản chất của nó, nhưng nó hướng tới sự phát triển rộng khắp của lực lượng sản xuất và nhờ vậy nó trở thành tiền đề của một phương thức sản xuất mới dựa trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất không phải nhằm tái sản xuất một trạng thái nào đó hoặc may lắm cũng là nhằm mở rộng nó, mà là nhằm tái sản xuất một phương thức sản xuất trong đó bản thân sự phát triển tự do, không bị chèn ép, tiến bộ và rộng khắp của lực lượng sản xuất là tiền đề của xã hội, và do đó cũng là tiền đề của sự tái sản xuất ra nó; nhằm tái sản xuất ra một phương thức sản xuất mà tiền đề duy nhất của nó là việc vượt ra ngoài phạm vi điểm xuất phát. Xu hướng này mà tư bản có, nhưng đồng thời mâu thuẫn với tư bản như là một hình thái hạn chế của sản xuất và do đó đẩy nó đến chỗ diệt vong - làm cho tư bản khác với tất cả những phương thức sản xuất trước kia và đồng thời xu hướng ấy cũng cho thấy rằng tư bản chỉ là điểm quá độ. Tất cả những hình thái xã hội trước kia [V-28] đều tiêu vong cùng với sự phát triển của của cải, hay là - điều này cũng vậy thôi - với sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội. Do vậy, ở những người cổ đại đã nhận rõ điều này, của cải đã trực tiếp bị lên án như một tình trạng tan rã của xã hội. Đến lượt mình, chế độ phong kiến bị nền công nghiệp

thành thị, nền thương mại, nền nông nghiệp hiện đại (và thậm chí cả những phát minh riêng lẻ, chẳng hạn như thuốc súng và máy in) giết chết.

Cùng với sự phát triển của của cải - do đó cũng như cùng với sự phát triển của những lực lượng mới và sự mở rộng giao tiếp giữa các cá nhân - đã xảy ra sự tan rã những điều kiện kinh tế mà xã hội từng dựa vào của những quan hệ chính trị ở những bộ phận cấu thành khác nhau của xã hội phù hợp với tình hình đó, của tôn giáo, cái hình thức qua đó xã hội được cảm nhận dưới một dạng được lý tưởng hóa (xã hội, cũng như tôn giáo, đến lượt mình, đã dựa trên một quan hệ nhất định nào đó đối với giới tự nhiên mà mọi lực lượng sản xuất quy thành) của tính cách, quan điểm v.v. của các cá nhân. *Chỉ riêng sự phát triển của khoa học* - nghĩa là của hình thái của cải căn bản nhất, vừa là sản phẩm, vừa là nhân tố sản xuất ra của cải - cũng đủ để làm cho các xã hội ấy tan rã. Nhưng *sự phát triển* của khoa học - một thứ của cải lý tưởng và đồng thời mang tính chất thực tế ấy - chỉ là một trong những mặt, một trong những hình thức qua đó *sự phát triển của lực lượng sản xuất của con người,* nghĩa là sự phát triển của của cải, biểu hiện ra.

Nếu xem xét vấn đề về phương diện *lý tưởng*, thì chỉ cần một sự tan rã của một hình thái ý thức nào đó là đủ để làm tiêu vong cả một thời đại. Còn trên thực tế thì giới hạn này của ý thức phù hợp với *một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất,* và do đó của của cải. Dĩ nhiên, sự phát triển diễn ra không những trên cơ sở hạ tầng cũ, mà còn là *sự phát triển của bản thân cơ sở hạ tầng này.* Sự phát triển đến tột đỉnh của chính *cơ sở hạ tầng* này (là cái bông hoa mà nó biến thành, song, đây vẫn là cái cơ sở hạ tầng *được nói đến,* vẫn cũng là cái cây *được nói đến* dưới dạng bông hoa, vì thế sau giai đoạn nở rộ và với tư cách là kết quả của sự nở rộ thì sự tàn héo xảy đến) là cái điểm mà tại đó cơ sở hạ tầng mang một hình thức khiến cho nó tương dung với *trình độ phát triển cao nhất của lực lượng sản xuất,* và do đó cũng tương dung với sự phát triển phong phú nhất của các cá nhân [trong điều

kiện cơ sở hạ tầng đó]. Một khi đã đạt được điểm này rồi thì sự phát triển tiếp theo biểu hiện ra là sự suy đồi, còn sự phát triển mới lại bắt đầu trên cơ sở hạ tầng mới.

Trên kia chúng ta thấy rằng sở hữu [của những người lao động] về những điều kiện của sản xuất biểu hiện ra là quyền sở hữu đồng nhất với hình thái xã hội hạn chế nào đó và, do đó, - để cho một xã hội như thế hình thành, - là quyền sở hữu đồng nhất với một hình thức hạn chế nào đó của một cá nhân có những thuộc tính tương ứng: tính hạn chế và trình độ phát triển hạn chế về lực lượng sản xuất của mình. Đến lượt mình, bản thân tiền đề này là kết quả của một trình độ phát triển lịch sử hạn chế của lực lượng sản xuất: của của cải, cũng như của phương thức tạo ra của cải. Mục đích của xã hội, mục đích của cá nhân - cũng như điều kiện của sản xuất - là *sự tái sản xuất ra những điều kiện nhất định ấy của sản xuất* và tái sản xuất ra các cá nhân: dưới hình thức riêng lẻ, cũng như trong những đơn vị phân nhỏ có tính chất xã hội và trong những mối liên hệ xã hội của các cá nhân ấy, tái sản xuất ra họ như là những sinh vật đại biểu cho những điều kiện ấy.

Tư bản giả định - coi đây là tiền đề cho sự tái sản xuất của mình - *sự sản xuất ra* chính *của cải*, do đó, cũng giả định cả sự phát triển rộng khắp của lực lượng sản xuất, những cuộc đảo lộn không ngừng trong những tiền đề hiện có của mình. Giá trị không loại trừ một giá trị sử dụng nào; do đó, giá trị không bao gồm một hình thức tiêu dùng đặc biệt nào v.v., một hình thức giao tiếp đặc biệt nào v.v. với tính cách là điều kiện tuyệt đối; và cũng như vậy mọi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, của giao tiếp, của tri thức v.v. đối với tư bản chỉ là cái giới hạn mà tư bản cố vượt qua. Bản thân tiền đề của tư bản - giá trị - được giả định với tính cách là sản phẩm, chứ không phải với tính cách là một tiền đề cao hơn bay bổng bên trên sản xuất. Giới hạn của tư bản là tình hình sau đây: toàn bộ sự phát triển ấy diễn ra một cách đối kháng và quá trình tạo ra lực lượng sản xuất, của cải phổ biến v.v., tri thức v.v. diễn ra theo cách khiến cho cá nhân người lao động *tự*

tha hóa mình; đối với những gì do chính họ sản sinh ra, cá nhân đều quan hệ với chúng không phải như là với những điều kiện của của cải *của chính mình,* mà như là với những điều kiện *của của cải của người khác* và sự nghèo túng của chính mình. Nhưng bản thân hình thức đối kháng này mang tính chất nhất thời và tạo ra những điều kiện thực tế để thủ tiêu bản thân mình.

Kết quả là một sự phát triển phổ biến - xét về xu hướng của nó và xét về các khả năng của nó - của lực lượng sản xuất và nói chung của của cải với tính cách là cơ sở, cũng như tính toàn diện của giao tiếp và do vậy là thị trường thế giới với tính cách là cơ sở. Cơ sở với tính cách là khả năng phát triển toàn diện của cá nhân và sự phát triển thực tế của các cá nhân trên cơ sở ấy, với tính cách là một sự không ngừng loại trừ *giới hạn* đối với sự phát triển ấy, cái giới hạn được nhận thức như là một giới hạn, chứ không phải như là một *ranh giới thiêng liêng* nào đó. Tính toàn diện của cá nhân không phải với tính cách là tính toàn diện được hình dung hoặc được tưởng tượng, mà là với tính cách là tính toàn diện của những quan hệ của nó trong hiện thực và trong ý niệm. Cũng từ đây mà có cách hiểu lịch sử của bản thân nó là một *quá trình* và cách nhận thức giới tự nhiên (nhận thức này cũng biểu hiện ra là một quyền lực thực tế đối với giới tự nhiên) là cơ thể hiện thực của mình. Bản thân quá trình phát triển được giả định và được nhận thức như là tiền đề của cá nhân. Nhưng muốn vậy trước hết cần làm thế nào để sự phát triển đầy đủ của lực lượng sản xuất trở thành *điều kiện của sản xuất*, để cho *những điều kiện nhất định của sản xuất* không phải là giới hạn đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

* * *

Nếu giờ đây chúng ta trở lại *thời gian lưu thông* của tư bản, thì sự giảm bớt thời gian ấy (trong chừng mực điều này không liên quan đến sự phát triển của các phương tiện giao thông và vận tải cần thiết để vận chuyển sản phẩm đến thị trường) một phần có liên quan đến việc *tạo ra* một thị trường hoạt động thường xuyên

và vì vậy luôn luôn được mở rộng; một phần có liên quan đến sự phát triển của các quan hệ *kinh tế*, đến sự phát triển của những hình thức tư bản [V-29] mà thông qua chúng tư bản giảm *một cách nhân tạo* thời gian lưu thông (thuộc vào đây có *tất cả các hình thức tín dụng*).

{Ở đây còn có thể nêu lên rằng vì chỉ có tư bản mới có những điều kiện sản xuất ra tư bản, do đó, thỏa mãn những điều kiện ấy và cố thực hiện những điều kiện ấy, nên xu hướng phổ biến của tư bản là hình thành, ở tất cả những điểm có các tiền đề lưu thông, những trung tâm sản xuất của lưu thông và đồng hóa những điểm đó, nghĩa là biến chúng thành những điểm sản xuất được tư bản hóa hoặc thành những điểm sản xuất ra tư bản. Cái xu hướng tuyên truyền (khai hóa) này - khác với những điều kiện trước kia của sản xuất - chỉ tư bản mới có}.

Những phương thức sản xuất trong đó lưu thông không phải là điều kiện nội tại, có tính chất thống trị của sản xuất, dĩ nhiên không có những nhu cầu lưu thông đặc thù của tư bản, và do đó ở đấy không hình thành những hình thức kinh tế, những lực lượng sản xuất hiện thực phù hợp với những nhu cầu đặc thù ấy. Lúc đầu nền sản xuất dựa trên tư bản xuất phát từ lưu thông; giờ đây chúng ta thấy rằng nền sản xuất ấy đòi hỏi phải có lưu thông như là điều kiện của chính mình và rằng nó biến quá trình sản xuất, trong tính trực tiếp của quá trình đó, thành một yếu tố của quá trình lưu thông, với mức độ y như mức độ nó biến quá trình lưu thông thành một trong các giai đoạn của quá trình sản xuất trong tính chỉnh thể của nó.

Vì những tư bản khác nhau có thời gian lưu thông khác nhau (thí dụ, ở tư bản này thị trường xa hơn, ở tư bản khác thị trường gần hơn; tư bản này được đảm bảo chuyển hóa thành tiền, ở tư bản khác sự chuyển hóa ấy phụ thuộc vào những sự ngẫu nhiên; tư bản này là tư bản cố định ở một mức độ lớn hơn, tư bản khác là tư bản lưu động ở một mức độ lớn hơn), nên tình hình này làm cho giá trị của chúng tăng lên với mức độ khác nhau. Nhưng những sự khác biệt ấy chỉ xảy ra trong quá trình tăng giá trị ở vòng hai.

Thời gian lưu thông tự nó là *giới hạn* đối với sự tăng lên của giá trị (dĩ nhiên, *thời gian lao động cần thiết* cũng là giới hạn, nhưng đồng thời nó còn là cơ sở, bởi vì không có nó sẽ không có giá trị, không có tư bản); thời gian lưu thông là khoản khấu trừ vào thời gian lao động thặng dư, hay là *thời gian lao động cần thiết* tăng lên so với *thời gian lao động thặng dư.* Lưu thông tư bản *thực hiện giá trị,* giống như lao động sống *tạo ra giá trị.* Thời gian lưu thông chỉ là giới hạn đối với sự thực hiện giá trị như vậy và do vậy cũng là giới hạn đối với sự tạo ra giá trị, là giới hạn không bắt nguồn từ sản xuất nói chung mà là giới hạn đặc thù đối với sản xuất của tư bản; là giới hạn mà sự khắc phục nó - hay là sự đấu tranh với nó - do vậy cũng thuộc quá trình phát triển kinh tế đặc thù của tư bản và tạo ra cái đà thúc đẩy phát triển các hình thức của nó trong lĩnh vực tín dụng v.v.}.

{Bản thân tư bản là một mâu thuẫn, bởi vì nó thường xuyên muốn xóa bỏ *thời gian lao động cần thiết* (mà điều này đồng thời có nghĩa là giảm thời gian lao động xuống mức tối thiểu, nghĩa là sự tồn tại của công nhân chỉ với tư cách là sức lao động sống), nhưng *thời gian lao động thặng dư* chỉ tồn tại như một phản đề, chỉ trong khuôn khổ sự đối lập với thời gian lao động cần thiết và, do đó, tư bản làm cho thời gian lao động cần thiết trở thành điều kiện *cần thiết* của sự tái sản xuất của mình và của việc làm tăng giá trị của mình. Quá trình phát triển lực lượng sản xuất vật chất - quá trình này đồng thời là quá trình phát triển lực lượng của giai cấp công nhân - ở một thời điểm nhất định lại *thủ tiêu chính tư bản*}".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.59-66.

"Pru-đông hiểu rất ít về vấn đề này, điều đó thấy rõ qua định lý rằng mọi lao động đều đem lại một sự dư thừa nào đó. Điều mà ông ta phủ nhận đối với tư bản được ông ta biến thành thuộc tính tự nhiên của lao động. Ngược lại, toàn bộ vấn đề là ở chỗ thời gian lao động cần thiết để thỏa mãn những nhu cầu tuyệt đối cũng để lại thời gian *tự do* (lượng thời gian này khác nhau ở những giai đoạn phát triển khác nhau của lực lượng sản xuất) và kết quả là có

thể tạo ra được sản phẩm thặng dư nếu *lao động thặng dư* được thực hiện. Mục đích là thủ tiêu chính quan hệ [giữa lao động cần thiết và lao động thặng dư]; sao cho chính sản phẩm thặng dư biểu hiện ra là sản phẩm cần thiết và, sau chót, sao cho sản xuất vật chất để lại cho mỗi người một lượng thời gian dư thừa để tiến hành hoạt động khác. Giờ đây trong điều này không còn có gì thần bí nữa. Thời gian đầu những của cải do thiên nhiên ưu đãi thì dồi dào hoặc, chí ít, chỉ cần chiếm hữu chúng mà thôi. Ngay từ đầu hình thức liên hiệp (gia đình) và sự phân công lao động và hiệp tác tương ứng với nó đã phát triển một cách tự phát. Chả là thoạt đầu những nhu cầu cũng nhỏ nhoi. Bản thân những nhu cầu ấy chỉ phát triển cùng với lực lượng sản xuất".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.193.

"Lời khẳng định rằng cạnh tranh tự do đồng nghĩa với hình thái phát triển cuối cùng của lực lượng sản xuất và, do vậy, của tự do con người, chung quy là: sự thống trị của giai cấp tư sản có nghĩa là sự cáo chung của lịch sử toàn thế giới - không nghi ngờ gì nữa, đây là một ý nghĩa thú vị đối với những kẻ mới phất lên ngày hôm kia".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.272-273.

"Trong quá trình phân tích sự chuyển hóa giá trị thành tư bản, cũng như trong quá trình xem xét bước phát triển tiếp theo của tư bản người ta thấy rằng tư bản, một mặt, giả định một bước phát triển lịch sử nhất định nào đó của lực lượng sản xuất - trong số lực lượng sản xuất ấy có cả sự phát triển của khoa học - và mặt khác, tư bản thúc đẩy lực lượng sản xuất tiến lên và đẩy mạnh sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Do vậy, cái khối lượng trong đó tư bản phát triển với tính cách là tư bản cố định, cũng như hiệu lực (cường độ) của sự phát triển của tư bản với tính cách là tư bản cố định, - nói chung chứng tỏ mức độ phát triển của tư bản với tính cách là tư bản, với tính cách là quyền lực thống trị lao động sống, và nói chung chứng tỏ mức độ

tư bản chi phối quá trình sản xuất. [Sự phát triển của tư bản cố định nói lên sự phát triển của tư bản nói chung] xét cả về phương diện là tư bản cố định biểu thị sự tích lũy lực lượng sản xuất đã vật hóa và sự tích lũy lao động đã vật hóa. Nhưng nếu tư bản có được hình thái thích hợp của nó, với tính cách là giá trị sử dụng ở bên trong quá trình sản xuất, chỉ ở dưới dạng hệ thống máy móc và dưới những hình thức tồn tại vật chất khác của tư bản cố định, như đường sắt v.v. (về vấn đề này chúng ta sẽ bàn đến sau), - thì điều này tuyệt nhiên không có nghĩa là giá trị sử dụng này, hệ thống máy móc này, tự nó là tư bản, hoặc có nghĩa là sự tồn tại của nó với tính cách là hệ thống máy móc đồng nhất với sự tồn tại của nó với tính cách là tư bản. Vàng sẽ không bị mất đi giá trị sử dụng của nó là vàng, nếu như vàng không còn là *tiền* nữa, cũng giống như vậy hệ thống máy móc sẽ không bị mất đi giá trị sử dụng của nó nếu nó không còn là tư bản nữa. Từ việc hệ thống máy móc là hình thái thích hợp nhất của giá trị sử dụng của tư bản cố định, tuyệt nhiên không thể đi đến kết luận rằng, đối với việc áp dụng hệ thống máy móc thì sự phục tùng quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa là quan hệ sản xuất xã hội thích hợp nhất và tốt nhất".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.358-359.

"Nếu nói đến tư bản lưu động và nếu giả định rằng tư bản ấy thật sự trải qua những giai đoạn khác nhau của nó, thì sự rút ngắn hay kéo dài thời gian lưu thông, ngắn hơn hay dài hơn, quá trình trải qua các giai đoạn lưu thông khác nhau diễn ra một cách dễ dàng hơn hay khó khăn hơn - tất cả những cái đó đều dẫn đến chỗ làm giảm số giá trị thặng dư có thể tạo ra được trong một khoảng thời gian nào đó nếu không có những sự gián đoạn ấy, sở dĩ dẫn đến hậu quả ấy thì hoặc *vì số [chu kỳ] tái sản xuất giảm đi,* hoặc vì lượng *tư bản thường xuyên được sử dụng trong quá trình sản xuất* giảm xuống. Trong cả hai trường hợp đều không diễn ra tình trạng giảm thiểu lượng giá trị có trước, mà diễn ra tình trạng tốc độ tăng lên của giá trị ấy bị giảm đi. Nhưng từ khi tư bản cố định đã phát triển đến một quy mô nhất định - quy mô này của tư

bản cố định, như đã nêu rõ, là thước đo mức độ phát triển của đại công nghiệp nói chung và, do đó, quy mô đó tăng lên tương ứng với sự phát triển của lực lượng sản xuất của đại công nghiệp (bản thân tư bản cố định là sự vật hóa những lực lượng sản xuất ấy, tư bản ấy là bản thân những lực lượng sản xuất ấy, với tính cách là sản phẩm có trước) - từ thời điểm ấy mọi sự gián đoạn của quá trình sản xuất đều tác động như một sự giảm thiểu trực tiếp của bản thân tư bản, của giá trị có trước của nó.

Giá trị của tư bản cố định chỉ được tái sản xuất trong chừng mực nó được tiêu dùng trong quá trình sản xuất. Trong trường hợp không được sử dụng, tư bản cố định bị mất đi giá trị sử dụng của nó mà không chuyển được giá trị của nó sang sản phẩm. Vì vậy, tư bản cố định phát triển với quy mô càng lớn - theo ý nghĩa như chúng ta đang xem xét nó ở đây - thì *sự liên tục của quá trình sản xuất*, hay là sự diễn biến không ngừng của quá trình tái sản xuất, càng trở thành một điều kiện bắt buộc bên ngoài của phương thức sản xuất dựa trên tư bản.

Trong nền sản xuất cơ giới, việc tư bản chiếm hữu lao động sống là một hiện thực trực tiếp cả với ý nghĩa sau đây. Một mặt, chính sự phân tích xuất phát trực tiếp từ khoa học và việc vận dụng các quy luật cơ học và hóa học làm cho máy móc có khả năng thực hiện cũng chính công việc mà trước kia do công nhân thực hiện. Song, sự phát triển của hệ thống máy móc trên con đường ấy chỉ bắt đầu khi nền đại công nghiệp đã đạt được một trình độ phát triển cao hơn và tất cả các môn khoa học đều được đưa vào phục vụ tư bản, còn bản thân hệ thống máy móc hiện có thì có những nguồn lực to lớn. Như vậy, phát minh trở thành một nghề đặc biệt, và đối với nghề đó thì việc vận dụng khoa học vào nền sản xuất trực tiếp tự nó trở thành một trong những yếu tố có tính chất quyết định và kích thích.

Song, đấy không phải là con đường xuất hiện của toàn bộ hệ thống máy móc, và lại càng không phải là con đường phát triển trong các chi tiết của hệ thống ấy. Con đường phát triển như vậy của hệ thống máy móc là sự phân tích thông qua phân công lao

động để chuyển hóa ngày càng mạnh mẽ những thao tác do công nhân thực hiện thành những thao tác cơ giới, do đó đến một giai đoạn nào đó, guồng máy có thể thay thế công nhân. (Về vấn đề *tiết kiệm sức lực*). Như thế, ở đây một phương thức lao động nào đó trực tiếp được chuyển từ người công nhân sang tư bản dưới dạng máy móc, và do sự chuyển dịch như thế nên sức lao động của chính người công nhân bị giảm giá. Do vậy mà có việc công nhân chống lại hệ thống máy móc. Những cái là hoạt động của người công nhân sống trở thành hoạt động của máy móc. Như thế, cái đối lập một cách ham muốn thô lỗ đối với người công nhân là việc tư bản chiếm hữu lao động, là tư bản thu hút lao động "tựa hồ như do ảnh hưởng của niềm đam mê yêu thương bao trùm lấy tư bản".

Sự trao đổi lao động sống lấy lao động vật hóa, nghĩa là sự giả định lao động xã hội dưới hình thái sự đối lập giữa tư bản và lao động làm thuê, - là nấc thang phát triển cuối cùng của *quan hệ giá trị* và của nền sản xuất dựa trên giá trị. Tiền đề của nấc thang cuối cùng này là và vẫn tiếp tục là khối lượng thời gian lao động trực tiếp, số lượng lao động đã chi phí với tính cách là nhân tố quyết định của việc sản xuất ra của cải. Nhưng theo đà phát triển của đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực tế trở nên ít phụ thuộc vào thời gian lao động và vào số lượng lao động đã chi phí hơn là vào sức mạnh của những tác nhân được khơi động trong thời gian lao động, và bản thân những tác nhân ấy, đến lượt chúng (hiệu quả to lớn của chúng), tuyệt đối không tương ứng với thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra chúng, mà đúng ra, chúng phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào sự tiến bộ của kỹ thuật, hay là phụ thuộc vào việc ứng dụng khoa học ấy vào sản xuất. (Bản thân sự phát triển của khoa học ấy, đặc biệt là của khoa học tự nhiên, và cùng với nó là của tất cả những khoa học khác, đến lượt nó lại tương ứng với sự phát triển của sản xuất vật chất). Chẳng hạn, nông nghiệp chỉ trở thành lĩnh vực ứng dụng một khoa học về trao đổi vật chất giữa các chất, một sự ứng dụng điều tiết sự trao đổi chất ấy có lợi nhất đối với toàn bộ cơ thể xã hội.

Giờ đây, của cải thực tế biểu hiện ra - và điều này do đại công nghiệp triển khai - chủ yếu dưới hình thức một tình trạng mất cân đối khủng khiếp giữa thời gian lao động đã chi phí và sản phẩm lao động, cũng hệt như dưới hình thức một sự mất cân đối về chất giữa lao động được quy thành khái niệm trừu tượng giản đơn và sức mạnh của quá trình sản xuất mà lao động ấy giám sát. Lao động biểu hiện ra không phải chủ yếu là lao động được nhập vào quá trình sản xuất, mà chủ yếu là một loại lao động trong đó con người, trái lại, là người kiểm soát và điều tiết bản thân quá trình sản xuất. (Cái có hiệu lực đối với hệ thống máy móc thì cũng đúng đối với sự phối hợp những hình thức hoạt động khác nhau của con người và đối với sự phát triển của sự giao tiếp của con người). Giờ đây người công nhân không còn đặt vật phẩm đã được biến đổi của giới tự nhiên như là một mắt xích trung gian giữa mình và khách thể nữa; giờ đây người công nhân đặt quá trình tự nhiên [VII-3] được anh ta cải tạo thành quá trình công nghiệp làm mắt xích trung gian giữa mình và giới tự nhiên vô cơ. Thay vì làm tác nhân chủ yếu của quá trình sản xuất, người công nhân lại đứng bên cạnh quá trình ấy.

Trong sự chuyển hóa ấy, cơ sở chủ yếu của sản xuất và của của cải không phải là lao động trực tiếp do chính con người thực hiện và không phải là thời gian trong đó anh ta lao động, mà là sự chiếm hữu sức sản xuất phổ biến của chính con người, là nhận thức của con người về giới tự nhiên và sự thống trị giới tự nhiên do sự tồn tại của con người với tư cách là một cơ thể mang tính xã hội, tóm lại - đó là sự phát triển của cá nhân mang tính xã hội. *Sự ăn cướp thời gian lao động của người khác - sự ăn cướp này là nền tảng mà sự giàu có ngày nay dựa trên đó* - được quan niệm là cái cơ sở thảm hại so với cái cơ sở vừa mới phát triển lên cách đây không lâu, do chính nền đại công nghiệp tạo ra. Một khi lao động dưới hình thái trực tiếp của nó không còn là nguồn của cải vĩ đại nữa thì thời gian lao động không còn là và phải không còn là thước đo của cải nữa, do đó giá trị trao đổi không còn là thước đo

giá trị sử dụng nữa. *Lao động thặng dư của quần chúng công nhân* không còn là điều kiện để phát triển của cải phổ biến, cũng giống như *sự không lao động của một số ít người* không còn là điều kiện cho sự phát triển những sức mạnh phổ biến của đầu óc con người nữa. Do đó, nền sản xuất dựa trên giá trị trao đổi bị sụp đổ, và hình thái sự nghèo nàn và sự đối kháng được trút bỏ khỏi chính quá trình sản xuất vật chất trực tiếp. Diễn ra sự phát triển tự do của các cá nhân, do vậy điều diễn ra không phải là sự rút ngắn thời gian lao động cần thiết nhằm giả định lao động thặng dư, mà nói chung là việc giảm lao động cần thiết của xã hội xuống mức tối thiểu, tương ứng với điều đó trong những điều kiện ấy là sự phát triển nghệ thuật, khoa học v.v. của các cá nhân nhờ thời gian đã được giải tỏa cho mọi người và nhờ những phương tiện đã được tạo ra để thực hiện điều đó.

Bản thân tư bản là một mâu thuẫn đang thực hiện quá trình, mâu thuẫn ấy là ở chỗ tư bản, một mặt, tìm cách giảm thời gian lao động xuống mức tối thiểu, và mặt khác, làm cho thời gian lao động trở thành thước đo duy nhất để đo của cải và trở thành nguồn của của cải. Vì vậy tư bản giảm thời gian lao động dưới hình thái thời gian lao động cần thiết, để tăng thời gian lao động dưới hình thái thời gian lao động dư thừa; vì vậy tư bản ngày càng biến thời gian lao động dư thừa thành điều kiện - thành vấn đề sống còn - đối với thời gian lao động cần thiết. Một mặt, tư bản làm nảy sinh tất cả sức mạnh của khoa học và của giới tự nhiên, cũng như những sức mạnh của sự kết hợp xã hội và của sự giao tiếp xã hội, - nhằm làm cho việc tạo ra của cải trở nên độc lập (một cách tương đối) với thời gian lao động đã chi phí vào sự sáng tạo ấy. Mặt khác, tư bản muốn đo những sức mạnh xã hội to lớn đã được tạo ra theo cách đó bằng thời gian lao động và nhét những sức mạnh ấy vào những phạm vi cần thiết để duy trì giá trị đã được tạo ra với tính cách là giá trị. Lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội - cả hai thứ đó đều là những mặt khác nhau trong sự phát triển của cá nhân xã hội - đối với tư bản chỉ là phương tiện và chỉ dùng làm phương tiện cho tư

bản để tiến hành sản xuất trên cơ sở hạn hẹp của nó. Nhưng trên thực tế chúng là những điều kiện vật chất để phá đổ cơ sở ấy.

[...] Thiên nhiên không chế tạo ra máy móc, đầu máy xe lửa, đường sắt, điện báo, máy sợi con dọc di động, v.v.. Tất cả những cái đó đều là sản phẩm lao động của con người, là vật liệu tự nhiên đã được chuyển hóa thành những cơ quan của ý chí con người chế ngự giới tự nhiên, hoặc của hoạt động của con người trong giới tự nhiên. Tất cả những cái đó đều là *những cơ quan của bộ óc con người do bàn tay con người tạo ra,* đều là sức mạnh đã vật hóa của tri thức. Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến [Wissen, knowledge] đã chuyển hóa đến mức độ nào thành *lực lượng sản xuất trực tiếp,* do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải tạo đến mức độ nào cho phù hợp với quá trình ấy; những lực lượng sản xuất xã hội đã được tạo ra đến mức độ nào không những dưới hình thức tri thức, mà cả như là những cơ quan thực hành xã hội trực tiếp, những cơ quan trực tiếp của quá trình sống hiện thực".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.366-373.

"... tư bản biểu hiện ra, ngoài ý muốn của nó, là công cụ tạo ra những điều kiện cho thời gian nhàn rỗi xã hội, cho việc rút thời gian lao động của toàn xã hội xuống đến mức tối thiểu ngày càng giảm và nhờ vậy mà giải phóng thời gian cho tất cả [các thành viên của xã hội] để dùng vào việc phát triển chính bản thân họ. Nhưng một mặt, tư bản thường xuyên có xu hướng *tạo ra thời gian nhàn rỗi, còn mặt khác lại có xu hướng chuyển hóa thời gian nhàn rỗi ấy thành lao động thặng dư.* Nếu như tư bản làm được điều thứ nhất một cách quá tốt, thì nó bắt đầu bị thiệt hại do sản xuất dư thừa, và trong trường hợp ấy lao động cần thiết bị gián đoạn, bởi vì *tư bản* không đủ sức thực hiện *lao động thặng dư.*

Mâu thuẫn ấy càng phát triển thì càng thấy rõ rằng sự phát triển của lực lượng sản xuất không thể bị trói buộc thêm nữa vào sự chiếm

hữu lao động thặng dư của người khác, và rằng quần chúng công nhân tự mình phải chiếm hữu lấy lao động thặng dư của mình".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.375-376.

"Ở đây ta thấy rằng bản thân quan hệ phân phối do quan hệ sản xuất sản sinh ra và đại biểu cho những quan hệ sản xuất ấy, xét trên một góc độ khác. Ta thấy tiếp rằng quan hệ sản xuất đối với tiêu dùng do chính sản xuất giả định. Quan điểm kỳ quặc của tất cả các nhà kinh tế học tư sản, chẳng hạn, cả của Giôn Xtiu-ác Min, người coi quan hệ sản xuất tư sản là vĩnh cửu, và coi những hình thức phân phối của những quan hệ sản xuất ấy là có tính chất lịch sử, - quan điểm ấy cho thấy rằng Min đã không hiểu được cả hai thứ đó".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.471.

"Về tư bản cố định - và cả về tuổi thọ của nó với tính cách một điều kiện không phải tham dự chỉ từ bên ngoài - còn cần phải nói thêm rằng: trong chừng mực công cụ sản xuất tự nó là giá trị, là lao động vật hóa, *thì nó không cộng thêm gì với tính cách là một lực lượng sản xuất.* Nếu một chiếc máy - mà việc chế tạo ra nó đòi hỏi 100 ngày lao động - chỉ thay thế 100 ngày lao động thì nó tuyệt nhiên không thể làm tăng sức sản xuất của lao động lên và tuyệt nhiên không thể hạ giá thành sản phẩm. Máy móc càng bền thì càng có thể tăng số lần sử dụng nó để sản xuất ra cùng một số lượng sản phẩm, hay là càng có thể tăng số lần đối với tư bản lưu động và số lần lặp lại việc tái sản xuất ra tư bản đó, và phần giá trị cần thiết cho việc bù lại sự hao mòn của máy móc càng ít; nghĩa là giá cả sản phẩm, chi phí sản xuất trước kia của nó giảm xuống càng nhiều. Song, ở đây chúng ta chưa có quyền đưa quan hệ giá cả vào sự phân tích của chúng ta: việc giảm giá cả với tính cách là điều kiện giành thị trường, chỉ thuộc lĩnh vực cạnh tranh.

Vì vậy, vấn đề cần được đặt ra theo cách khác: nếu tư bản có thể nhận được công cụ sản xuất mà không cần chi phí, không phải

trả gì cả, thì điều gì sẽ xảy ra? Cũng sẽ xảy ra một tình hình giống như trường hợp chi phí lưu thông bằng số không. Cụ thể là lao động cần thiết để duy trì sức lao động sẽ giảm đi và, do đó, lượng lao động thặng dư, nghĩa là số lượng giá trị thặng dư sẽ tăng lên, hơn nữa tư bản không tốn gì vào đó cả. Cách tăng sức sản xuất như thế, cái guồng máy mà tư bản có được không phải chi phí gì là sự phân công lao động và sự kết hợp lao động trong quá trình sản xuất. Nhưng điều này giả định sản xuất với quy mô to lớn, nghĩa là giả định sự phát triển của tư bản và của lao động làm thuê.

Có một lực lượng sản xuất khác mà tư bản có được không mất khoản chi phí nào, - đó là sức mạnh của khoa học. (Lẽ dĩ nhiên là tư bản phải luôn luôn nộp những khoản đóng góp cho các cha cố, các thầy giáo và các nhà khoa học, dù cho những nhà khoa học ấy có một sức mạnh khoa học lớn lao hay nhỏ bé). Nhưng tư bản chỉ có thể chiếm hữu được sức mạnh ấy của khoa học bằng cách sử dụng máy móc (phần nào cả trong quá trình hóa học). Sự tăng dân số là một lực lượng sản xuất mà tư bản có được không phải chi phí gì cả".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.482-483.

"Người công nhân quan hệ với lao động của mình như là với giá trị trao đổi, nhà tư bản quan hệ với lao động của người công nhân như là với giá trị sử dụng v.v. (14, 15). Người công nhân tách lao động với tính cách là lực lượng sản xuất ra của cải khỏi mình (15) (tư bản chiếm hữu lao động với tính cách là một lực lượng sản xuất thuộc loại đó. Như trên)".

C.Mác: Các bản thảo kinh tế những năm 1857-1859, tr.868-869.

TẬP 47

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001)

"Nhưng chính người công nhân tự do đó - và vì vậy cả sự trao đổi giữa người sở hữu tiền với người sở hữu sức lao động, giữa tư bản và lao động, - giữa nhà tư bản và người công nhân - rõ ràng là sản phẩm, là kết quả của sự phát triển lịch sử trước đó, là kết quả của nhiều cuộc đảo lộn kinh tế và đòi hỏi phải có sự diệt vong của những quan hệ sản xuất xã hội khác và sự phát triển nhất định của lực lượng sản xuất của lao động xã hội. Những điều kiện lịch sử nhất định đã được tạo ra cùng với [I-19] tiền đề của sự tồn tại quan hệ đó, tự nó sẽ trở nên sáng tỏ trong sự phân tích tiếp sau đó về nó. Còn sản xuất tư bản chủ nghĩa thì xuất phát từ *tiền đề* là trong lưu thông, trên thị trường người ta *tìm được* những công nhân tự do, hay những người bán chỉ có sức lao động của chính bản thân mình để bán mà thôi. Do đó trong quá trình tạo ra quan hệ tư bản chủ nghĩa, ngay từ đầu ta đã thấy rằng quan hệ ấy chỉ có thể xuất hiện ở một trình độ phát triển kinh tế nhất định của xã hội - của các quan hệ sản xuất xã hội và của lực lượng sản xuất. Ngay từ đầu nó xuất hiện với tính cách là một quan hệ kinh tế nhất định xét về mặt lịch sử, là quan hệ phù hợp với một thời kỳ lịch sử nhất định của sự phát triển kinh tế, của sản xuất xã hội".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.61.

"Giờ đây giả định rằng một quá trình sản xuất nào đó được tiến hành ở một trình độ nhất định, còn chính trình độ ấy thì đã được xác định vì chỉ phải chi phí thời gian lao động cần thiết, nghĩa là chỉ phải chi phí lượng thời gian lao động cần thiết ở trình

độ phát triển xã hội nhất định của lực lượng sản xuất. Nhưng trình độ phát triển nhất định ấy biểu hiện trong một số lượng máy móc v.v. nhất định nào đó, trong một số lượng sản phẩm nhất định cần thiết cho sự sản xuất mới. Chẳng hạn không thể dệt bằng chiếc khung cửi thủ công khi máy dệt cơ khí v.v. đã thống trị. Nói cách khác, để chỉ chi phí thời gian lao động cần thiết, thì cần phải đặt lao động vào những điều kiện tương ứng với một phương thức sản xuất nhất định. Bản thân những điều kiện ấy biểu hiện ra là một số lượng máy móc v.v. nhất định, tóm lại chúng biểu hiện ra là những tư liệu lao động, tức là những tiền đề để chỉ chi phí thời gian lao động cần thiết để chế tạo ra sản phẩm ở một trình độ phát triển nhất định".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.205-206.

"... khi sản xuất giá trị thặng dư trở thành mục đích đích thực của sản xuất, nói cách khác, khi sản xuất trở thành sản xuất tư bản chủ nghĩa, thoạt đầu chỉ sự lệ thuộc hình thức của quá trình lao động đối với tư bản, sự lệ thuộc của lao động sống đối với lao động vật hóa, của lao động hiện tại đối với lao động quá khứ, làm thay đổi một cách căn bản phương thức của chính quá trình lao động. Do đó phù hợp với quan hệ tư bản chủ nghĩa, - để quan hệ này biểu hiện ra dưới dạng phát triển, - cũng là một phương thức sản xuất xác định và một trình độ phát triển xác định của lực lượng sản xuất".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.238.

"Vậy là, ở đây thực chất của vấn đề biểu hiện ra hoàn toàn rõ ràng. *Quan hệ sản xuất* (dù quan hệ xã hội của các cá nhân bên trong sản xuất, được xem xét như là một chỉnh thể, là cái gì đi nữa) *"không phải là công cụ sản xuất trực tiếp".* Quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê, cái quan hệ quy định sự trao đổi giữa sức lao động và tiền, không phải là "công cụ sản xuất trực tiếp". Hệt như vậy cả giá trị của hàng hóa cũng không phải là "công cụ

sản xuất trực tiếp" mặc dù quá trình sản xuất thay đổi một cách căn bản tùy thuộc vào chỗ đấy chỉ là sản xuất ra sản phẩm với tính cách như vậy, hay sản xuất hàng hóa. *"Giá trị"* của máy móc, sự tồn tại của nó với tính cách là tư bản cố định v.v. [cũng] không phải là "công cụ sản xuất trực tiếp". Máy móc có tính chất sản xuất cả trong xã hội hoàn toàn không có hàng hóa, không có giá trị trao đổi. Vấn đề hoàn toàn không phải là ở chỗ "quan hệ sản xuất đó" có thể "biến mất" không, khi "lao động được tổ chức theo cách khác" mà là ở chỗ phải nghiên cứu xem quan hệ sản xuất đó có nghĩa là gì trong điều kiện tổ chức lao động tư bản chủ nghĩa".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.259-260.

"Tiền công, - vì với tính cách là lao động làm thuê nó là tiền đề của sản xuất tư bản chủ nghĩa, - ở đây biểu hiện ra trước chúng ta với tính cách là một trong *những hình thức sản xuất,* hệt như chúng ta đã đưa *giá trị thặng dư* và việc tạo ra nó vào khái niệm *tư bản* với tính cách là quan hệ sản xuất. Và chỉ sau đó, thứ đến mới cần phải chỉ ra những quan hệ sản xuất ấy đồng thời biểu hiện ra là quan hệ phân phối (khi có dịp cũng cần xem xét kỹ lưỡng hơn những mưu toan nhảm nhí hòng trình bày sức lao động là tư bản của công nhân). Một phần điều đó là cần thiết để chỉ rõ sự giải thích hết sức phi lý rằng quan hệ sản xuất và quan hệ phân phối tư sản là những quan hệ hoàn toàn khác loại với nhau; đấy là cái cách giải thích như Gi.Xt. Min và nhiều nhà kinh tế học khác đã làm, họ coi quan hệ sản xuất là những quy luật tự nhiên, vĩnh cửu, còn quan hệ phân phối là những quy luật nhân tạo, phát sinh một cách lịch sử và phụ thuộc vào sự kiểm soát v.v. của xã hội loài người. Mặt khác, thí dụ, việc giải thích giá trị thặng dư với tính cách là thu nhập (do đó, nói chung phạm trù thu nhập) là phương sách để đơn giản hóa vấn đề như khi xem xét tích lũy tư bản chẳng hạn".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.276-277.

"Nếu *sự tích tụ* tư liệu sản xuất trong tay một số người tương đối nhỏ - so với số đông người lao động - nói chung là điều kiện và

tiền đề của sản xuất tư bản chủ nghĩa, vì nếu không có nó thì tư liệu sản xuất không bị tách khỏi người sản xuất và người sản xuất do đó không biến thành công nhân làm thuê, - thì sự tích tụ ấy cũng là điều kiện về công nghệ cho sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, - và cùng với nó là cho sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội. Nói vắn tắt, nó là điều kiện *vật chất* cho sản xuất trên quy mô lớn.

[II-93] Thông qua sự tích tụ, lao động *chung* phát triển - sự liên hiệp, phân công lao động, sự sử dụng máy móc, khoa học và lực lượng của tự nhiên. Nhưng gắn liền với cái đó còn có một yếu tố nữa mà chỉ khi phân tích *tỉ suất lợi nhuận*, chứ không phải *giá trị thặng dư* ta mới cần phải xem xét: sự tích tụ công nhân và tư liệu sản xuất trên một không gian nhỏ v.v., sự tiết kiệm năng lượng, việc một số lượng lớn công nhân sử dụng chung những tư liệu lao động (thí dụ nhà xưởng v.v., thiết bị sưởi ấm v.v.) mà chi phí cho chúng không tăng lên với cùng một tỷ lệ như tỷ lệ tăng số công nhân sử dụng chúng, cuối cùng cả sự tiết kiệm lao động và faux frais of production[1*]".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.293-294.

"Giá trị thặng dư mà tư bản thu được do phát triển lực lượng sản xuất không phải bắt nguồn từ chỗ số lượng sản phẩm hoặc giá trị sử dụng do chính lao động ấy tạo ra tăng lên, mà bắt nguồn từ chỗ lao động *cần thiết giảm xuống* và lao động thặng dư *tăng lên* với cùng tỷ lệ ấy. Giá trị thặng dư mà tư bản thu được do quá trình sản xuất nói chung chỉ là số lao động thặng dư dư thừa so với lao động cần thiết".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.439-440.

"Sau giá trị thặng dư tương đối, cần phải xét giá trị thặng dư tuyệt đối và giá trị thặng dư tương đối trong sự kết hợp của chúng. Sau đó - cần phải xét quan hệ giữa sự tăng lên và sự sụt xuống

1* - chi phí phi sản xuất của sản xuất.

của giá trị thặng dư. Tiếp sau đó hoặc, ngược lại, trước đó - cần phải nghiên cứu sự thay đổi mà bản thân phương thức sản xuất trải qua khi nó trở thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Không còn đơn thuần là sự phụ thuộc hình thức của quá trình lao động vào tư bản. Những phương tiện khác nhau mà tư bản dùng để tạo ra giá trị thặng dư tương đối, để tăng lực lượng sản xuất và khối lượng sản phẩm, tất cả những điều đó là những hình thức xã hội của lao động, song trái lại, những hình thức này biểu hiện ra là những hình thức xã hội của tư bản, là những hình thức tồn tại của bản thân tư bản bên trong quá trình sản xuất. Như vậy, cái được chỉ ra không chỉ là tư bản sản xuất như thế nào, mà còn là nó được sản xuất như thế nào - nguồn gốc của nó. Tiếp nữa cũng phát hiện ra rằng một hình thức quan hệ sản xuất xã hội nhất định mà thông qua nó, lao động quá khứ trở thành tư bản tương ứng với một nấc thang phát triển nhất định của quá trình sản xuất vật chất, với những điều kiện vật chất nhất định - nhưng đến lượt mình chỉ được tạo ra có tính chất lịch sử - của sản xuất, những điều kiện sản xuất mà các điểm xuất phát của nó lẽ tự nhiên thuộc nấc thang tiền tư bản nào đó của sản xuất xã hội. Sự hình thành và phát triển của những điều kiện sản xuất ấy trùng khớp với sự phát sinh của bản thân tư bản chừng nào sản xuất chưa bắt đầu phát triển trên cơ sở tư bản chủ nghĩa đã được tạo ra, sau đó những điều kiện sản xuất ấy chỉ mở rộng ra và tái sản xuất. Về sau sự phát sinh ấy của tư bản đồng thời biểu hiện ra là quá trình tha hóa [EntäuBerung, Entfremdung] của lao động, là sự chuyển hóa các hình thức xã hội của nó thành những lực lượng xa lạ với lao động. Cũng theo những quy mô mà sản xuất tư bản chủ nghĩa đòi hỏi, tư bản biểu hiện ra là một hình thức xã hội, chứ không phải là một hình thức của lao động riêng lẻ độc lập".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.544-545.

"Vậy, khác với hiệp tác giản đơn và phân công lao động trong công trường thủ công, máy móc là một lực lượng sản xuất do con người sản xuất ra. Nó có giá trị; nó bước vào lĩnh vực sản xuất -

nơi nó tác động với tư cách máy móc, với tư cách một bộ phận của tư bản bất biến - với tư cách hàng hóa (trực tiếp với tư cách máy móc hoặc gián tiếp với tư cách hàng hóa phải được tiêu dùng để làm cho động lực có một hình thức cần thiết). Giống như mọi bộ phận của tư bản bất biến, nó thêm vào sản phẩm các giá trị chứa đựng trong chính nó, nghĩa là nó làm cho sản phẩm đắt lên một lượng bằng thời gian lao động cần thiết để sản xuất chính nó.

[...] Theo quá trình máy móc vượt ra khỏi thời kỳ thơ ấu của chúng, theo mức độ chúng khác về kích thước và tính chất của dụng cụ thủ công mà chúng thay thế lúc đầu, chúng trở nên ngày càng đồ sộ và đắt tiền, đòi hỏi thời gian lao động nhiều hơn để sản xuất chúng, nâng cao giá trị tuyệt đối của mình, tuy về mặt tương đối chúng trở nên rẻ hơn. Điều đó có nghĩa là theo mức độ hiệu quả, thì máy móc có hiệu quả có giá trị ít hơn máy móc kém hiệu quả, nghĩa là số lượng thời gian lao động phải tốn để sản xuất chính nó tăng lên với mức độ ít hơn nhiều so với số lượng thời gian lao động mà nó thay thế. Nhưng dù sao thì giá trị tuyệt đối của nó luôn luôn lên cao, do đó, nó thêm vào hàng hóa do nó sản xuất một giá trị lớn hơn tuyệt đối, đặc biệt là so với dụng cụ thủ công hoặc thậm chí so với những công cụ giản đơn và dựa trên sự phân công mà máy móc thay thế trong quá trình sản xuất".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.566-569.

"Cùng với cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất đã xẩy ra một lần trước đó, được coi là cuộc cách mạng công nghệ, cũng diễn ra cuộc cách mạng trong quan hệ sản xuất.

Máy móc được công trường thủ công sử dụng ở mức độ nào thì việc chế tạo chúng thích ứng với sản xuất thủ công nghiệp hoặc sản xuất công trường thủ công dựa trên sự phân công lao động ở mức độ ấy. Một khi nền sản xuất bằng máy móc trở thành thống trị thì tư liệu sản xuất của nó - những máy móc và công cụ nó sử dụng - cũng phải được sản xuất bằng máy".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.732.

TẬP 48

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001)

"Với sự phục tùng thực tế của lao động đối với tư bản, ta thấy diễn ra tất cả những thay đổi trong quá trình công nghệ, trong quá trình lao động mà chúng tôi đã phân tích, đồng thời cùng với chúng là những thay đổi trong quan hệ của công nhân đối với hoạt động sản xuất của chính mình và đối với tư bản; sau hết, ta thấy diễn ra sự phát triển sức sản xuất của lao động, bởi vì lực lượng sản xuất của lao động xã hội phát triển, và chỉ đồng thời cùng với chúng mới có thể sử dụng trên quy mô lớn các lực lượng của thiên nhiên, của khoa học và của máy móc trong sản xuất trực tiếp. Do đó, cái thay đổi ở đây chẳng những là quan hệ hình thức, mà còn là chính quá trình lao động nữa. Một mặt, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - chỉ giờ đây nó mới biểu hiện ra là phương thức sản xuất sui generis[1*], - thay đổi hình thức sản xuất vật chất. Mặt khác, sự thay đổi ấy của hình thức vật chất tạo ra cơ sở để phát triển quan hệ tư bản chủ nghĩa mà hình thức thích hợp của quan hệ ấy vì thế chỉ tương ứng với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất. Ở trên đã xem xét bằng cách nào mà nhờ đó quan hệ phụ thuộc của công nhân ngay trong sản xuất mang hình thức mới. Đó là điểm thứ nhất cần được nhấn mạnh. Sự nâng cao đó của năng suất lao động và của quy mô sản xuất

---

1* - thuộc loại đặc biệt.

một phần là hệ quả, một phần là cơ sở cho sự phát triển quan hệ tư bản chủ nghĩa".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.35-36.

"*Kết quả tích cực* ở đây là thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra số lượng đã tăng lên của các tư liệu sinh hoạt, giảm xuống; kết quả ấy đạt được bằng hình thức lao động xã hội, và việc một cá nhân riêng lẻ sở hữu các điều kiện sản xuất biểu hiện ra không chỉ như là một cái gì không cần thiết, mà như là một cái gì không dung hợp với nền sản xuất ấy trên quy mô lớn. Đành rằng, với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa người ta thấy rằng nhà tư bản, nghĩa là *người không phải công nhân*, là người sở hữu khối tư liệu sản xuất xã hội ấy. Trên thực tế, đối với các công nhân, nhà tư bản ấy quyết không đại diện cho sự liên kết của họ, sự thống nhất xã hội của họ. Ngay khi nào hình thức đối kháng ấy [XXI - 1 310] không còn nữa thì, do đó, có tình hình là họ sở hữu *chung* các tư liệu sản xuất ấy, không phải với tư cách là *những cá thể tư nhân.* Sở hữu tư bản chủ nghĩa chỉ là sự biểu hiện đối kháng của sở hữu xã hội ấy của họ, nghĩa là sở hữu bị phủ định của từng cá nhân riêng lẻ về các điều kiện sản xuất (do đó, cả về sản phẩm, vì sản phẩm luôn luôn chuyển hóa thành các điều kiện sản xuất). Đồng thời người ta phát hiện thấy rằng sự chuyển hóa ấy đòi hỏi một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất. Ví dụ, đối với người tiểu nông thì mảnh đất mà anh ta canh tác là mảnh đất *của anh ta.* Sở hữu về mảnh đất này - với tính cách là công cụ sản xuất của anh ta - là sự kích thích cần thiết và là điều kiện lao động của anh ta. Trong nghề thủ công tình hình cũng như vậy. Trong nền đại nông nghiệp, cũng như trong nền đại công nghiệp, lao động này và sở hữu về các điều kiện sản xuất *không cần phải được chia tách trước,* hai cái này *trên thực tế đã được chia tách rồi;* sự phân chia sở hữu và lao động mà Xi-xmôn-đi than khóc ấy là nấc thang chuyển tiếp cần thiết để biến sở hữu về điều kiện sản xuất thành sở hữu *xã hội.* Với tư cách là một *người đơn độc,* người công nhân riêng

lẻ lại có thể được khôi phục quyền sở hữu điều kiện sản xuất, nhưng chỉ thông qua con đường phân nhỏ lực lượng sản xuất và phát triển lao động trên quy mô lớn. *Sở hữu của người khác* - sở hữu của các nhà tư bản - về lao động ấy chỉ có thể bị thủ tiêu bằng con đường cải tạo sở hữu của người công nhân, không phải với tư cách là sở hữu của một người đơn lẻ, trong tư thế biệt lập độc lập của anh ta, do đó, với tư cách là sở hữu của *một cá thể xã hội, đã được liên hiệp lại.* Đồng thời, dĩ nhiên cũng chấm dứt sự sùng bái khiến cho sản phẩm là kẻ sở hữu người sản xuất, và tất cả các hình thức lao động xã hội đã phát triển ở bên trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đều được giải phóng khỏi sự đối lập làm méo mó tất cả các hình thức lao động xã hội ấy và thể hiện chúng dưới dạng đối kháng; ví dụ, sự rút ngắn thời gian lao động được thể hiện không phải như là tất cả đều làm việc 6 giờ mỗi người, mà như là lao động 15 giờ của sáu người đủ để nuôi sống 15 người".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.39-41.

"Chúng ta không chỉ thấy tư bản sản xuất như thế nào, mà còn thấy người ta sản xuất ra tư bản như thế nào và tư bản - với tư cách là quan hệ đã thay đổi một cách căn bản - nảy sinh như thế nào từ quá trình sản xuất, đã thấy trong quá trình sản xuất ấy tư bản được phát triển như thế nào. Một mặt, tư bản làm thay đổi phương thức sản xuất, mặt khác, sự thay đổi ấy của phương thức sản xuất và trình độ phát triển đặc biệt ấy của các lực lượng sản xuất vật chất tạo thành cơ sở và điều kiện - tiền đề của chính quá trình hình thành tư bản.

Vì lao động sống - do sự trao đổi giữa tư bản và công nhân - đã biến thành bộ phận cấu thành của tư bản và ngay từ giây phút đầu tiên của quá trình lao động nó biểu hiện ra là một hoạt động thuộc về tư bản, cho nên tất cả các lực lượng sản xuất của lao động xã hội mang hình thức các lực lượng sản xuất của tư bản hoàn toàn cũng giống như hình thức lao động xã hội phổ biến biểu hiện ra trong tiền tệ với tư cách một thuộc tính của đồ vật. Như vậy, giờ

đây sức sản xuất của lao động xã hội và những hình thức đặc biệt của nó biểu hiện ra dưới hình thức các lực lượng sản xuất và các hình thức của tư bản, của lao động *vật hóa,* của các điều kiện vật chất của lao động; với tư cách là thành tố biệt lập như vậy, sau khi được nhân cách hóa trong nhà tư bản, những điều kiện vật chất ấy của lao động đối lập với lao động sống. Ở đây chúng ta lại đụng phải sự xuyên tạc những quan hệ được biểu hiện ra ở cái mà ngay khi xem xét tiền tệ chúng tôi đã gọi là *bái vật giáo*".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.64-65.

"*Sự giảm sút* khối lượng giá trị thặng dư - hay là tổng lượng lao động thặng dư đã hao phí - tất yếu phải gây ra sự phát triển của sản xuất cơ giới. Ở đây [điều bộc lộ ra] là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn với sự phát triển lực lượng sản xuất và tuyệt nhiên không phải là hình thức tuyệt đối [...][1*] và hình thức cuối cùng của lực lượng sản xuất".

C.Mác: Bản thảo kinh tế những năm 1861-1863, tr.520.

1* - Đến đây bản viết tay bị hư hại.

TẬP 49

(C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000)

"Trên cơ sở sản xuất tư bản chủ nghĩa, năng lực đó của lao động vật hóa chuyển hóa thành *tư bản,* nghĩa là chuyển hóa tư liệu sản xuất thành phương tiện chỉ huy lao động sống và bóc lột lao động sống, tự nó biểu hiện ra như là vốn có của chính các tư liệu đó (năng lực ấy đã gắn liền *δννσμει*[1*] với chúng trên cơ sở đó), biểu hiện ra như là không thể tách rời khỏi chúng; do đó, như là *thuộc tính* vốn có của *chúng với tính cách là những vật thể, với tính cách là những giá trị sử dụng, với tính cách là những tư liệu sản xuất.* Vì thế, tư liệu sản xuất tự nó biểu hiện ra với tính cách là tư bản, và do đó, tư bản - nó biểu hiện một *quan hệ sản xuất nhất định,* một quan hệ xã hội nhất định giữa những người sở hữu những điều kiện sản xuất, ở trong quá trình sản xuất, với sức lao động sống - biểu hiện ra như là *vật thể,* hoàn toàn giống như giá trị biểu hiện ra như là thuộc tính của vật thể, còn *tính xác định về mặt kinh tế* của vật thể với tính cách là *hàng hóa* thì biểu hiện ra là phẩm chất vật thể của nó, hoàn toàn giống như hình thái xã hội mà lao động có được trong tiền, đã biểu hiện ra như là thuộc tính của vật thể. Thực ra, sự thống trị của các nhà tư bản đối với công nhân chỉ là sự thống trị của những điều kiện lao động biệt lập đối với chính *những người công nhân, của những điều kiện lao động* đã trở thành độc lập đối với người công nhân (thuộc về những điều kiện này, ngoài những điều kiện khách quan của quá trình sản xuất - *tư liệu sản xuất* - còn có cả những điều kiện khách quan để

1* - một cách tiềm tàng.

duy trì sức lao động và để nó hoạt động có hiệu quả, nghĩa là *tư liệu sinh hoạt*), mặc dù quan hệ này chỉ được thực hiện trong *quá trình sản xuất thực tế,* quá trình này, như chúng ta đã thấy, về bản chất là *quá trình sản xuất giá trị thặng dư,* điều này bao hàm việc bảo toàn giá trị cũ, là *quá trình tự tăng lên của tư bản ứng trước.* Trong lưu thông, nhà tư bản và người công nhân đối lập với nhau chỉ với tư cách là *những người bán hàng hóa,* nhưng do bản chất đối lập nhau đặc thù của các hàng hóa mà họ bán cho nhau, người công nhân không thể tránh khỏi bước vào quá trình sản xuất với tính cách là một bộ phận cấu thành *của giá trị sử dụng, của tồn tại hiện thực* và *của tồn tại về mặt giá trị* của tư bản, mặc dù quan hệ đó chỉ được thực hiện *ở bên trong* quá trình sản xuất, và với tư cách là người mua lao động, nhà tư bản chỉ tồn tại δννσμει[1*] trở thành *nhà tư bản thực sự* chỉ khi người công nhân - sau khi trở thành người công nhân làm thuê *trong những tình huống nhất định [éventualiter]* nhờ bán sức lao động của mình - *thực sự* hành động dưới sự chỉ huy của nhà tư bản trong quá trình đó. *Những chức năng* mà nhà tư bản thực hiện chỉ là những chức năng của chính tư bản được thực hiện một cách có *ý thức* và có ý chí, nghĩa là những chức năng của giá trị tăng lên bằng cách thu hút lao động sống. Nhà tư bản hoạt động chỉ với tư cách là tư bản nhân cách hóa, tư bản với tính cách là con người, giống như người công nhân hoạt động chỉ với tư cách là *lao động* nhân cách hóa, lao động ấy đối với anh ta chỉ là đau khổ, căng thẳng, còn đối với nhà tư bản thì nó là thực thể tạo ra của cải và làm cho của cải tăng lên; với tư cách thực thể như vậy lao động biểu hiện ra trên thực tế với tính cách là một yếu tố nhập vào tư bản trong quá trình sản xuất, với tư cách là một yếu tố sống, khả biến của nó. Sự thống trị của nhà tư bản đối với công nhân vì thế là sự thống trị của vật đối với người, của lao động chết đối với lao động sống, của sản phẩm đối với người sản xuất, vì trên thực tế những hàng hóa trở thành phương tiện thống trị công nhân (nhưng chỉ là phương tiện thống

1* - một cách tiềm tàng.

trị của chính *tư bản*) chỉ là kết quả của quá trình sản xuất, là sản phẩm của quá trình ấy. Đó hoàn toàn đúng là cái quan hệ trong sản xuất vật chất, trong quá trình hiện thực của đời sống xã hội - bởi vì chính đó là quá trình sản xuất - mà trong lĩnh vực tư tưởng biểu hiện ra trong *tôn giáo*, là sự chuyển hóa chủ thể thành khách thể, và ngược lại. Được xem xét *trên quan điểm lịch sử,* sự chuyển hóa đó là một giai đoạn tất yếu để đạt được việc tạo ra của cải, với tính cách là của cải, bằng công sức của đa số, nghĩa là tạo ra những lực lượng sản xuất vô hạn [rücksichtslosen] của lao động xã hội, chỉ có những lực lượng sản xuất ấy mới có thể tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội tự do của con người. Tất yếu phải trải qua hình thức đối kháng ấy, hoàn toàn giống hệt như con người thoạt tiên phải đem đối lập - dưới hình thức tôn giáo - những lực lượng tinh thần của mình như là những lực lượng độc lập với chính bản thân mình. Đó là *quá trình tha hóa* lao động của chính anh ta. Ở đây, người công nhân ngay từ đầu đứng cao hơn nhà tư bản, trong chừng mực nhà tư bản bám chắc vào quá trình tha hóa ấy và tìm thấy trong quá trình ấy sự thỏa mãn tuyệt đối cho mình, trong khi đó người công nhân với tính cách là nạn nhân của quá trình ấy ngay từ đầu đã chống lại nó và quan niệm nó là quá trình nô dịch. Vì quá trình sản xuất đồng thời là quá trình lao động thực tế và nhà tư bản, với tư cách là *người giám sát* và *người lãnh đạo* quá trình đó, phải thực hiện một chức năng xác định trong sản xuất thực tế, nên hoạt động của anh ta trên thực tế có [467] một nội dung đặc thù, đa dạng. Nhưng chính *quá trình lao động* biểu hiện ra chỉ như là *phương tiện của quá trình tăng giá trị*, hoàn toàn giống như giá trị sử dụng của sản phẩm biểu hiện ra chỉ là hiện thân của giá trị trao đổi của sản phẩm. Sự tự tăng lên của tư bản - việc tạo ra giá trị thặng dư - do đó, là mục đích có tính quyết định, thống trị, thu hút tất cả của nhà tư bản, là xung lực [Trieb] tuyệt đối và nội dung hoạt động của anh ta, trên thực tế sự tự tăng lên ấy của tư bản chỉ là xung lực đã được hợp lý hóa và mục đích của người sưu tập của tích trữ, là nội dung hoàn toàn nghèo nàn và trừu tượng, nó buộc nhà tư bản, một mặt, phải hành động trong

những điều kiện nô lệ của quan hệ tư bản chủ nghĩa hoàn toàn giống như người công nhân, mặc dù, mặt khác, anh ta phải hành động trong những điều kiện đó ở cực đối lập".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.83-87.

"Nếu một nhà tư bản biến 400, trong số 500 ta-le, thành tư liệu sản xuất và chi 100 để mua sức lao động, thì 100 ta-le ấy là tư bản *khả biến* của anh ta. Những người công nhân đem 100 ta-le ấy mua tư liệu sinh hoạt hoặc là của chính nhà tư bản ấy, hoặc là của nhà tư bản khác. 100 ta-le chỉ là *hình thái bằng tiền* của những tư liệu sinh hoạt ấy, do đó, những tư liệu sinh hoạt ấy thực ra là *nội dung vật thể* của tư bản khả biến. Trong *quá trình sản xuất trực tiếp,* tư bản khả biến không còn tồn tại cả dưới hình thức tiền lẫn dưới hình thức hàng hóa; nhưng nó tồn tại dưới hình thức *lao động sống* mà nó chiếm hữu cho mình bằng cách mua sức lao động. Và nói chung chỉ nhờ sự chuyển hóa tư bản khả biến thành lao động như vậy nên số giá trị được ứng trước dưới dạng tiền hay hàng hóa mới chuyển hóa được thành *tư bản.* Như vậy, mặc dù mua và bán sức lao động - những hành vi này quyết định việc chuyển hóa một phần tư bản thành tư bản khả biến - là một quá trình tách biệt với *quá trình sản xuất trực tiếp,* độc lập và diễn ra trước quá trình sản xuất đó, nhưng quá trình này là *cơ sở tuyệt đối* của chính quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa và là *yếu tố* của quá trình sản xuất này, nếu chúng ta xem xét nó với tính cách là một *chỉnh thể,* chứ không phải chỉ trong thời gian sản xuất hàng hóa trực tiếp. Chỉ vì người công nhân phải bán sức lao động của mình để sống, nên của cải vật thể mới chuyển hóa thành tư bản. Chỉ có đối với *lao động làm thuê thì những vật* là những điều kiện vật thể của lao động, nghĩa là *tư liệu sản xuất* và *những vật* là những điều kiện vật thể để duy trì sự sống của chính người công nhân, nghĩa là *những tư liệu sinh hoạt*, mới trở thành *tư bản.* Tư bản không phải là *vật*, cũng như tiền không phải là *vật.* Trong tư bản, cũng như trong tiền, những *quan hệ sản xuất xã hội* xác định của con

người biểu hiện thành những quan hệ của *vật* đối với người, hay là những quan hệ xã hội xác định biểu hiện ra như là *những thuộc tính tự nhiên xã hội của các vật.* Không có *lao động làm thuê* thì không có sản xuất giá trị thặng dư; nếu các cá nhân đối lập nhau với tư cách là những người tự do, không có sản xuất giá trị thặng dư, thì không có sản xuất tư bản chủ nghĩa, do đó, không có tư bản và không có nhà tư bản! Tư bản và lao động làm thuê (chúng tôi dùng cái tên như vậy để gọi lao động của người công nhân bán sức lao động của chính mình) chỉ biểu hiện hai nhân tố của cùng một quan hệ. Tiền không thể trở thành tư bản nếu không trao đổi lấy sức lao động với tính cách là hàng hóa do chính người công nhân bán. Mặt khác, lao động chỉ có thể biểu hiện ra là lao động làm thuê khi những điều kiện vật thể *của chính nó* đối lập với nó với tính cách là những lực lượng vụ lợi, với tính cách là sở hữu của người khác, với tính cách là giá trị tồn tại cho nó và biệt lập một cách bền vững, nói tóm lại - với tính cách là tư bản. Như vậy, nếu xét từ phương diện vật thể hay từ phương diện những giá trị sử dụng mà tư bản tồn tại trong đó, tư bản có thể chỉ gồm những điều kiện vật thể của lao động, thì xét từ phương diện hình thái của nó những điều kiện vật thể ấy phải đối lập với lao động với tính cách là những lực lượng xa lạ, *độc lập*, với tính cách là giá trị - lao động vật hóa chỉ có quan hệ với lao động sống với tính cách là phương tiện để bảo toàn bản thân nó và làm cho bản thân nó tăng lên. Như vậy, lao động làm thuê hay là chế độ lao động làm thuê là hình thái xã hội tất yếu của lao động đối với sản xuất tư bản chủ nghĩa, giống như tư bản, giá trị lũy thừa, là hình thái xã hội tất yếu mà những điều kiện vật thể của lao động phải mang để lao động là lao động làm thuê. Do đó, lao động làm thuê là điều kiện tất yếu của sự hình thành tư bản và là tiền đề tất yếu bất biến của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vì thế, mặc dù quá trình thứ nhất, trao đổi tiền lấy sức lao động, hay là việc bán sức lao động, với tính cách như vậy, không đi vào quá trình sản xuất trực tiếp, nhưng nó đi vào quá trình sản xuất ra tổng thể quan hệ".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.111-113.

"Lực lượng sản xuất *xã hội* của lao động hay lực lượng sản xuất trực tiếp của lao động (tập thể) *xã hội, xã hội hóa*, nhờ sự hiệp tác, sự phân công lao động trong công xưởng, nhờ việc sử dụng máy móc và nói chung nhờ việc biến quá trình sản xuất thành *việc sử dụng* một cách có ý thức khoa học tự nhiên, cơ học, hóa học v.v. để thực hiện những mục đích xác định, *công nghệ* v.v., cũng như *sự sản xuất trên quy mô lớn* v.v. phù hợp với toàn bộ cái đó (chỉ có lao động xã hội hóa này mới có khả năng sử dụng vào quá trình sản xuất *trực tiếp* những sản phẩm *phổ biến* của sự phát triển của loài người, như: toán học v.v., trong khi, mặt khác, sự phát triển của những khoa học ấy giả định một trình độ xác định của quá trình sản xuất vật chất), sự phát triển đó của sức sản xuất của *lao động xã hội hóa,* đối lập với lao động ít nhiều biệt lập của những cá nhân riêng lẻ v.v., và đồng thời *việc áp dụng khoa học,* việc áp dụng cái sản phẩm *phổ biến đó* của sự phát triển xã hội vào *quá trình sản xuất trực tiếp,* - tất cả cái đó biểu hiện ra tựa hồ như là *sức sản xuất của tư bản,* chứ không phải là sức sản xuất của lao động, hay là sức sản xuất của lao động chỉ trong chừng mực lao động này đồng nhất với tư bản, và trong mọi trường hợp đều không phải là sức sản xuất của một công nhân riêng biệt, cũng không phải là sức sản xuất của những công nhân liên hiệp với nhau trong quá trình sản xuất. Sự thần bí hóa nằm trong quan hệ tư bản chủ nghĩa nói chung giờ đây phát triển xa hơn nhiều so với nó đã phát triển và đã có thể phát triển khi mới chỉ có sự phục tùng hình thức của lao động đối với tư bản. Mặt khác, chỉ ở đây cả ý nghĩa lịch sử của sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng biểu hiện một cách hết sức rõ ràng (biểu hiện một cách đặc thù) chính nhờ sự cải biến của chính quá trình sản xuất trực tiếp và nhờ sự phát triển của các lực lượng sản xuất xã hội của lao động".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.145-146.

"Trong điều kiện có sự *phục tùng hình thức* của lao động đối với tư bản, *sự cưỡng bức phải tạo ra lao động thặng dư* và, do đó,

một mặt phải tạo ra nhu cầu và phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu ấy, cũng như khối lượng những cái được sản xuất ra vượt quá mức tiêu dùng truyền thống của người công nhân - và việc tạo ra *thời gian nhàn rỗi* để phát triển, không kể là sản xuất vật chất như thế nào, *chỉ* mang một hình thức *khác* với hình thức trong các phương thức sản xuất trước kia, nhưng là hình thức nâng cao tính liên tục của lao động và cường độ lao động, tăng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển *tính đa dạng của sức lao động*, và do đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự phân ra các loại lao động và các loại tiền công, cuối cùng, biến chính quan hệ của những người sở hữu những điều kiện lao động và công nhân thành *quan hệ* thuần túy *giữa mua và bán,* hay thành *quan hệ tiền tệ*, và *giải phóng* quan hệ bóc lột khỏi mọi xiềng xích gia trưởng và chính trị, cũng như tôn giáo. Tuy nhiên, bản thân quan hệ sản xuất đẻ ra *quan hệ thống trị và phục tùng* mới (quan hệ này, đến lượt nó, tạo ra cho mình những biểu hiện *chính trị* v.v.). Sản xuất tư bản chủ nghĩa vượt ra ngoài giới hạn của quan hệ hình thức càng ít thì quan hệ tiền tệ phát triển càng ít, vì quan hệ hình thức chỉ giả định những nhà tư bản nhỏ, mà về học vấn và loại công việc họ làm thì chỉ khác ít so với chính những người công nhân".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.149-150.

"Khi có sự phục tùng thực tế của lao động đối với tư bản, bắt đầu diễn ra tất cả những sự thay đổi, mà chúng tôi đã trình bày trước đây, trong chính bản thân quá trình lao động. Các *lực lượng sản xuất xã hội của lao động* phát triển, và cùng với lao động trên quy mô lớn việc áp dụng khoa học và máy móc trong sản xuất trực tiếp cũng phát triển. Một mặt, *phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa* - phương thức này giờ đây đang hình thành với tính cách là phương thức sản xuất sui generis[1*] tạo ra hình thức đã thay đổi của sản xuất vật chất. Mặt khác, sự thay đổi đó của hình thức vật

1* - thuộc loại đặc biệt.

chất là cơ sở cho sự phát triển của quan hệ tư bản chủ nghĩa, vì thế hình thức thích hợp của quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất của lao động".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.165.

"Kết quả *vật chất* của sản xuất tư bản chủ nghĩa là: ngoài việc phát triển *các lực lượng sản xuất xã hội của lao động,* đó còn là *sự nâng cao khối lượng sản phẩm* và *tăng số lượng* và *sự đa dạng của các lĩnh vực sản xuất* và các nhánh của chúng, và chỉ đồng thời với cái đó, *giá trị trao đổi* của sản phẩm, cái lĩnh vực mà các sản phẩm tác động hoặc được thực hiện trong đó với tính cách là *giá trị trao đổi,* mới phát triển một cách tương ứng.

"Sản xuất vì sản xuất" - sản xuất với tính cách là mục đích tự thân - quả thật xuất hiện cùng với *sự phục tùng hình thức của lao động đối với tư bản,* ngay khi nói chung việc sản xuất ra *giá trị thặng dư càng lớn càng tốt và càng nhiều càng tốt* đã trở thành mục đích trực tiếp của sản xuất, ngay khi nói chung giá trị trao đổi của sản phẩm trở thành mục đích quyết định. Nhưng xu hướng *nội tại* đó của quan hệ tư bản chủ nghĩa *được thực hiện một cách thích hợp* - và tự nó trở thành *điều kiện tất yếu,* cả *về mặt công nghệ* nữa - chỉ khi mà *phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đặc thù* và cùng với nó *sự phục tùng thực tế của lao động đối với tư bản* đã phát triển".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.168.

"Như vậy, tư bản *mang tính sản xuất,*

1) với tính cách là *sự cưỡng bức lao động thặng dư. Lao động mang tính chất sản xuất* chính vì nó là cái tạo ra [Verrichter] lao động thặng dư đó, nhờ sự chênh lệch giữa giá trị sức lao động và giá trị thu được từ việc sử dụng sức lao động;

2) với tính cách là *sự nhân cách hóa và đại biểu,* là hình thức vật hóa "của những lực lượng sản xuất xã hội của lao động" hay là của những lực lượng sản xuất của lao động xã hội. Quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa - tạo ra giá trị thặng dư v.v. - cưỡng bức

thực hiện điều đó như thế nào thì điều đó đã được trình bày trên kia. Quy luật đó biểu hiện ra là sự cưỡng bức mà các nhà tư bản thực hiện đối với nhau và đối với những người công nhân, - nghĩa là trên thực tế là quy luật của tư bản đối với cả nhà tư bản và công nhân. Lực lượng tự nhiên xã hội của lao động phát triển không phải trong bản thân *quá trình tăng giá trị,* mà trong *quá trình lao động thực tế.* Vì vậy, lực lượng đó biểu hiện ra là những thuộc tính vốn có của tư bản với tính cách là vật, là giá trị sử dụng của nó. Lao động sản xuất, - là lao động sản xuất ra giá trị, - luôn luôn đối lập với tư bản với tính cách là lao động của những công nhân *riêng biệt*, dù những công nhân ấy tham gia vào một khối kết hợp xã hội như thế nào trong quá trình sản xuất. Trong lúc đối với công nhân, tư bản là lực lượng sản xuất xã hội của lao động như vậy thì đối với tư bản, lao động sản xuất chỉ là lao động của những công nhân *riêng biệt.*

Khi xem xét *quá trình tích lũy,* chúng ta đã thấy rằng cái yếu tố mà nhờ nó lao động quá khứ, dưới hình thức lực lượng sản xuất đã được sản xuất ra và những điều kiện sản xuất, làm tăng sự tái sản xuất giá trị sử dụng cũng như giá trị trao đổi, - làm tăng khối lượng giá trị *được bảo tồn* bằng một số lượng nhất định lao động sống, cũng như làm tăng *khối lượng giá trị sử dụng* mà nó mới sản xuất ra, - cái yếu tố ấy biểu hiện như thế nào thành *lực lượng nội tại của tư bản,* vì đối với người công nhân lao động vật hóa luôn luôn hoạt động trong tình trạng đã tư bản hóa".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.202-204.

"2) Để quan hệ tư bản chủ nghĩa nói chung xuất hiện, cần phải có tiền đề là một trình độ và một hình thức lịch sử nhất định của sản xuất xã hội. Những phương tiện giao thông liên lạc, những tư liệu sản xuất và những nhu cầu phải phát triển trong khuôn khổ phương thức sản xuất trước đó, chúng vượt ra ngoài giới hạn của những quan hệ sản xuất cũ và buộc những quan hệ sản xuất ấy phải biến thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng chúng

phải phát triển chỉ đến mức diễn ra sự lệ thuộc hình thức của lao động đối với tư bản. Phương thức sản xuất đã thay đổi đặc thù phát triển chính trên cơ sở quan hệ đã thay đổi này, một mặt, phương thức sản xuất đó tạo ra những lực lượng sản xuất vật chất mới, mặt khác, bản thân nó chỉ phát triển trên cơ sở những lực lượng sản xuất vật chất mới ấy và, do đó, trên thực tế nó tạo ra cho mình những điều kiện thực tế mới. Đồng thời bắt đầu diễn ra cuộc cách mạng kinh tế triệt để; một mặt, cuộc cách mạng này lần đầu tiên tạo ra những điều kiện thực tế cho sự thống trị của tư bản đối với lao động, nó hoàn tất, đem lại cho sự thống trị ấy một hình thức thích hợp, và mặt khác, qua các lực lượng sản xuất của lao động đối lập với người công nhân do nó phát triển, qua những điều kiện sản xuất và giao thông liên lạc, cuộc cách mạng ấy tạo ra những điều kiện thực tế của phương thức sản xuất mới, cái phương thức sản xuất xóa bỏ hình thức mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, như vậy, nó tạo ra cơ sở vật chất cho quá trình đời sống xã hội được tổ chức theo lối mới và qua đó tạo ra cơ sở vật chất cho hình thái xã hội mới.

Quan niệm đó khác hẳn những quan điểm bị cầm tù bởi các quan niệm tư bản chủ nghĩa của những nhà kinh tế học tư sản, tuy nhìn thấy sản xuất được thực hiện như thế nào *trong khuôn khổ* quan hệ tư bản chủ nghĩa, nhưng lại không nhìn thấy bản thân *quan hệ* đó được tạo ra như thế nào và đồng thời ở trong nó những điều kiện vật chất của sự tan rã của nó được tạo ra như thế nào và, do đó, *quyền năng lịch sử* của nó - với tính cách là *hình thức tất yếu* của sự phát triển kinh tế, của sự sản xuất ra của cải xã hội - bị xóa bỏ như thế nào.

Trái lại, chúng tôi đã chỉ ra không những tư bản sản xuất như thế nào, mà cả bản thân nó được sản xuất ra như thế nào và khi nó ra khỏi quá trình sản xuất thì nó thay hình đổi dạng nhiều như thế nào so với khi nó bước vào quá trình ấy. Một mặt, nó cải tạo phương thức sản xuất; mặt khác, tính chất thay đổi đó của phương thức sản xuất và trình độ phát triển đặc biệt của các lực lượng sản

xuất vật chất tạo ra cơ sở và điều kiện, tiền đề cho sự hình thành của bản thân nó".

C.Mác: [Tư bản quyển thứ nhất] Chương sáu. Những kết quả của quá trình sản xuất trực tiếp, tr.214-216.

"Một nhân tố quan trọng khác của tích lũy là mức năng suất của lao động xã hội.

Với một giá trị thặng dư nhất định, khối lượng sản phẩm thặng dư đại biểu cho giá trị đó tương ứng với năng suất của lao động được sử dụng. Lực lượng sản xuất của lao động mà càng phát triển thì sản phẩm thặng dư sẽ chứa đựng càng nhiều tư liệu tiêu dùng và tích lũy. Trong trường hợp đó, bộ phận giá trị thặng dư được tư bản hóa, thậm chí có thể tăng lên nhờ bộ phận giá trị thặng dư cấu thành thu nhập mà đồng thời không làm giảm tiêu dùng của nhà tư bản, vì từ nay một giá trị nhỏ hơn được thực hiện trong một tổng số giá trị sử dụng lớn hơn.

Trừ đi thu nhập, số giá trị thặng dư còn lại hoạt động với tính cách là tư bản phụ thêm. Trong khi làm cho giá thực phẩm rẻ đi, sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn tới chỗ giá cả của người lao động cũng giảm. Sự phát triển của lực lượng sản xuất cũng biểu hiện ở hiệu quả, ở khối lượng và giá cả tư liệu sản xuất. Vậy là sự tích lũy tiếp theo, do tư bản mới, đến lượt nó, tạo ra không những phù hợp với giá trị tuyệt đối của tư bản đó, mà còn phù hợp với số lượng sức lao động, thiết bị, nguyên liệu và vật liệu phụ mà tư bản ấy sử dụng".

C.Mác: [Những trích đoạn từ bản tiếng Pháp, đã được tác giả đồng ý, của tập I bộ "Tư bản"], tr.385.

PHẦN THỨ HAI

Trích nội dung về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong các tác phẩm của **V.I.LÊNIN**

TẬP 1

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Trong xã hội học, tư tưởng đó về chủ nghĩa duy vật, tự bản thân nó, cũng đã là một tư tưởng thiên tài rồi. Đương nhiên, *lúc đó*, tư tưởng ấy chỉ mới còn là một giả thuyết, nhưng là một giả thuyết lần đầu tiên đã tạo ra khả năng có được một thái độ hết sức khoa học đối với những vấn đề lịch sử và xã hội. Cho đến lúc này, vì không biết hạ mình xuống để hiểu được những quan hệ hết sức giản đơn và ban đầu như những quan hệ sản xuất, nên các nhà xã hội học đã bắt tay thẳng vào việc phân tích và nghiên cứu những hình thức chính trị và pháp lý, đã đụng đầu phải cái sự thật là những hình thức đó nảy sinh ra từ những tư tưởng này hay những tư tưởng khác của nhân loại, trong một thời kỳ nhất định, - và họ đã không tiến xa hơn nữa; thành ra tựa hồ như những quan hệ xã hội là do con người tạo ra một cách có ý thức. Nhưng kết luận đó, kết luận đã được biểu hiện đầy đủ trong tư tưởng về Contrat social (tư tưởng mà dấu vết của nó in rất rõ trong tất cả mọi hệ thống của chủ nghĩa xã hội không tưởng), hoàn toàn mâu thuẫn với tất cả mọi sự quan sát lịch sử. Trước kia cũng như hiện nay, chưa bao giờ những thành viên trong xã hội lại hình dung được toàn bộ những quan hệ xã hội trong đó họ đang sống là một cái gì xác định, hoàn chỉnh, quán triệt một nguyên tắc nào đó; trái lại, quần chúng tự thích ứng một cách không có ý thức với những quan hệ đó và hoàn toàn không quan niệm được rằng những quan hệ đó là những quan hệ xã hội lịch sử đặc thù, đến nỗi là những quan hệ trao đổi trong đó con người đã sống trong hàng bao thế kỷ chẳng hạn, thì mãi đến thời gian rất gần đây, họ mới giải thích được. Chủ nghĩa duy

vật đã thủ tiêu mâu thuẫn đó bằng cách tiếp tục phân tích sâu hơn nữa, cho đến tận nguồn gốc của chính ngay những tư tưởng xã hội đó của con người; chỉ có kết luận của chủ nghĩa duy vật cho rằng tiến trình của những tư tưởng là phụ thuộc vào tiến trình của sự vật, là kết luận duy nhất có thể tương dung được với tâm lý học khoa học. Hơn nữa, đứng về một phương diện khác mà nói thì giả thuyết đó lần đầu tiên đã nâng xã hội học lên ngang hàng một khoa học. Cho đến nay, trong cái mạng lưới phức tạp những hiện tượng xã hội, các nhà xã hội học lúng túng không phân biệt được những hiện tượng nào là quan trọng và những hiện tượng nào là không quan trọng (đó là căn nguyên của chủ nghĩa chủ quan trong xã hội học), và họ không thể tìm được một tiêu chuẩn khách quan cho sự phân biệt đó. Chủ nghĩa duy vật đã cung cấp một tiêu chuẩn hoàn toàn khách quan bằng cách tách riêng *những quan hệ sản xuất*, với tư cách là cơ cấu của xã hội, và bằng cách cho chúng ta có khả năng ứng dụng vào những quan hệ ấy cái tiêu chuẩn khoa học chung về tính lặp lại, tiêu chuẩn mà phái chủ quan chủ nghĩa cho là không thể đem ứng dụng vào xã hội học được. Chừng nào mà họ vẫn chỉ dừng lại ở những quan hệ xã hội tư tưởng (nghĩa là những quan hệ mà trước khi hình thành phải thông qua ý thức con người) thì họ không thể nhận thấy được tính lặp lại và tính hợp quy luật trong những hiện tượng xã hội ở các nước khác nhau, và khoa học của họ nhiều lắm cũng chỉ là sự mô tả những hiện tượng đó, sự thu nhặt những tài liệu chưa chế biến. Sự phân tích những quan hệ xã hội vật chất (tức là những quan hệ hình thành mà không thông qua ý thức con người: trong khi trao đổi sản phẩm, giữa người ta với nhau phát sinh ra những quan hệ sản xuất mà thậm chí người ta không biết đó là những quan hệ sản xuất xã hội), - việc phân tích những quan hệ xã hội vật chất khiến chúng ta có thể nhận thấy ngay được tính lặp lại và tính hợp quy luật, và có thể đem những chế độ của các nước khác nhau khái quát lại thành một khái niệm cơ bản duy nhất là: *hình thái xã hội*. Chỉ có sự khái quát đó mới cho phép chuyển từ việc mô tả (và từ

việc đánh giá theo quan điểm lý tưởng) những hiện tượng xã hội sang việc phân tích hiện tượng đó một cách hết sức khoa học để vạch ra, chẳng hạn, chỗ phân biệt giữa một nước tư bản chủ nghĩa này với một nước tư bản chủ nghĩa khác, và để nghiên cứu chỗ giống nhau giữa tất cả các nước tư bản chủ nghĩa đó.

Sau cùng, thứ ba là, còn một lý do khác khiến giả thuyết đó lần đầu tiên đã tạo ra khả năng có một khoa xã hội học *khoa học*, đó là: chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Và dĩ nhiên là không có một quan điểm như thế thì không thể có một khoa học xã hội được.

[...] Mác chỉ dùng *độc* có những quan hệ sản xuất để *giải thích* cơ cấu và sự phát triển của một hình thái xã hội nhất định, song ở mọi nơi và mọi lúc, ông đều phân tích những kiến trúc thượng tầng tương ứng với những quan hệ sản xuất ấy, và đã thêm thịt, thêm da cho cái sườn đó. Bộ "Tư bản", sở dĩ được hoan nghênh nhiệt liệt, chính là vì cuốn sách đó của "nhà kinh tế học Đức" đã vạch ra cho độc giả thấy rằng toàn bộ hình thái xã hội tư bản chủ nghĩa là một cái gì sinh động - với những khía cạnh của đời sống hàng ngày, với những biểu hiện xã hội cụ thể của sự đối kháng giai cấp vốn có của những quan hệ sản xuất, với cái kiến trúc thượng tầng chính trị tư sản đang bảo vệ sự thống trị của giai cấp tư bản, với những ý niệm tư sản về tự do, bình đẳng, v.v., với những quan hệ gia đình tư sản. Bây giờ thì ta dễ thấy rằng so sánh Mác với Đác-uyn là hoàn toàn đúng: bộ "Tư bản" không phải là cái gì khác mà chính là "một số tư tưởng có tính chất khái quát, gắn liền hết sức chặt chẽ với nhau và tổng kết cả một đống những tài liệu cụ thể to như núi Mông Blăng". Và có ai đọc bộ "Tư bản" mà không biết nhận ra những tư tưởng khái quát đó thì như vậy không phải là lỗi tại Mác, vì ngay trong lời tựa, như chúng ta đã thấy, Mác cũng đã lưu ý chúng ta đến những tư tưởng ấy rồi. Hơn nữa, một sự so sánh như thế không những chỉ đúng về mặt ngoài (mặt này không hiểu

tại sao lại làm cho ông Mi-khai-lốp-xki đặc biệt chú ý đến) mà đúng cả về mặt trong nữa. Nếu Đác-uyn đã đánh đổ hẳn được quan niệm cho rằng những loài động vật và thực vật là không có liên hệ gì với nhau cả, là ngẫu nhiên mà có, là do "Thượng đế tạo ra" và là bất biến, và ông là người đầu tiên đã làm cho sinh vật học có một cơ sở hoàn toàn khoa học bằng cách xác định tính biến dị và tính kế thừa của các loài, - thì Mác cũng thế, Mác đã đánh đổ hẳn được quan niệm cho rằng xã hội là một tổ hợp có tính chất máy móc gồm những cá nhân, một tổ hợp mà nhà cầm quyền (hay là xã hội và chính phủ thì cũng vậy) có thể tùy ý biến đổi theo đủ mọi kiểu, một tổ hợp sinh ra và biến hoá một cách ngẫu nhiên; và Mác cũng là người đầu tiên đã làm cho xã hội học có một cơ sở khoa học, bằng cách xác định khái niệm coi hình thái kinh tế - xã hội là một toàn bộ những quan hệ sản xuất nhất định, bằng cách xác định rằng sự phát triển của những hình thái đó là một quá trình lịch sử - tự nhiên".

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.161-166.

"Nói sản xuất tư bản chủ nghĩa xã hội hoá lao động thì hoàn toàn không phải là nói người ta làm việc ở cùng một nơi (đó chỉ mới là một phần nhỏ của quá trình), mà là nói sự tích tụ tư bản có kèm theo sự chuyên môn hóa lao động xã hội, sự giảm bớt số lượng các nhà tư bản trong từng ngành công nghiệp nhất định và sự tăng thêm số lượng những ngành công nghiệp riêng biệt; - là nói nhiều quá trình phân tán của sản xuất nhập lại thành một quá trình sản xuất xã hội duy nhất. Nếu, chẳng hạn, trong thời kỳ dệt vải thủ công, những người sản xuất nhỏ tự mình kéo lấy sợi và dệt lấy vải thì chúng ta có ít ngành công nghiệp (ngành kéo sợi và ngành dệt hợp làm một). Nhưng nếu sản xuất đã được chủ nghĩa tư bản xã hội hoá rồi thì số lượng những ngành công nghiệp riêng biệt tăng lên: ngành kéo sợi bông sản xuất riêng, ngành dệt sản xuất riêng; bản thân sự tách riêng ra đó và sự tập trung đó trong sản xuất lại làm nảy sinh ra những ngành công nghiệp mới: ngành chế tạo máy

móc, ngành khai thác mỏ than, v.v.. Trong mỗi ngành công nghiệp, bây giờ trở thành chuyên môn hoá hơn nữa, thì số lượng những nhà tư bản ngày càng giảm đi. Điều đó có nghĩa là mối liên hệ xã hội giữa những người sản xuất ngày càng được củng cố thêm, những người sản xuất kết thành một khối. Những người sản xuất nhỏ riêng rẽ, trước kia mỗi người làm mấy công việc trong cùng một lúc, do đó họ tương đối độc lập đối với nhau; nếu chẳng hạn như người thợ thủ công tự mình gieo lanh, kéo sợi và dệt lấy thì anh ta hầu như độc lập đối với những người khác. Chính cái chế độ những người tiểu sản xuất hàng hoá riêng lẻ đó (và chỉ có chế độ đó) mới đúng với câu tục ngữ: "Ai lo phận người ấy, còn Thượng đế thì lo chung cho tất cả", tức là tình trạng biến động vô chính phủ của thị trường. Với việc xã hội hoá lao động, do có chủ nghĩa tư bản mà đạt được, thì tình hình lại khác hẳn. Anh chủ xưởng sản xuất vải thì phụ thuộc vào anh chủ xưởng kéo sợi bông; anh này lại phụ thuộc vào nhà tư bản chủ đồn điền đã trồng ra bông, phụ thuộc vào anh chủ xưởng chế tạo máy móc, phụ thuộc vào anh chủ mỏ than đá v.v., v.v.. Kết quả là không một nhà tư bản nào có thể không cần đến những nhà tư bản khác. Rõ ràng là câu tục ngữ "Ai lo phận người ấy" hoàn toàn không áp dụng được cho một chế độ như thế: trong chế độ này, mỗi người làm việc cho tất cả, và tất cả làm việc cho mỗi người (và không còn chỗ cho Thượng đế nữa, dù với tư cách là một điều tưởng tượng trên trời, hay với tư cách đó là một "con bò bằng vàng" dưới trần cũng vậy). Tính chất của chế độ đã hoàn toàn biến đổi. Nếu trong thời những xí nghiệp nhỏ, phân tán, công việc ngừng lại trong một xí nghiệp nào đó, thì cũng chỉ ảnh hưởng đến một số nhỏ những thành viên của xã hội thôi, không gây ra tình trạng hỗn loạn chung, và vì thế mà không làm cho mọi người phải chú ý đến, không làm cho xã hội phải can thiệp đến. Nhưng nếu một sự ngừng việc như thế xảy ra trong một xí nghiệp lớn thuộc một ngành công nghiệp đã chuyên môn hoá rất cao và do đó làm việc hầu như cho toàn thể xã hội, và đồng thời lại phụ thuộc vào toàn thể xã hội (để cho giản đơn, tôi lấy trường hợp mà sự xã hội hoá đã đạt đến mức độ cao nhất) thì lúc đó công việc

trong tất cả các xí nghiệp khác của xã hội phải ngừng lại hết, vì những xí nghiệp này chỉ có thể nhận được những sản phẩm cần thiết từ xí nghiệp nói trên mà thôi, - vì những xí nghiệp này chỉ có thể thực hiện tất cả những hàng hóa của mình trong điều kiện là có những hàng hóa của xí nghiệp nói trên. Như vậy, tất cả những ngành sản xuất hợp lại thành một quá trình sản xuất xã hội duy nhất, thế mà mỗi một ngành sản xuất lại do một nhà tư bản cá biệt kinh doanh, lại phụ thuộc vào ý muốn tùy tiện của anh ta, và cung cấp sản phẩm xã hội cho anh ta làm của riêng. Há chẳng phải rõ ràng là hình thức sản xuất đã trở nên mâu thuẫn không thể điều hoà được với hình thức chiếm hữu hay sao? Há chẳng phải rõ ràng là hình thức chiếm hữu không thể không thích ứng với hình thức sản xuất, không thể không trở thành cũng có tính chất xã hội, nghĩa là có tính chất xã hội chủ nghĩa hay sao?".

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.212-214.

"Bất cứ những "hình thức lao động" nào cũng chỉ có thể bị lung lay khi bị những hình thức khác thay thế; thế mà chúng ta lại không thấy tác giả của chúng ta (và chúng ta cũng sẽ chẳng thấy một môn đồ nào của ông) có một ý định nào thử phân tích những hình thức mới ấy và giải thích những hình thức ấy, cũng như không thấy có một ý định nào thử tìm xem nguyên nhân tại sao những hình thức mới lại loại trừ những hình thức cũ. Phần thứ hai của đoạn văn đó còn kỳ quặc hơn nữa: "chúng ta không thấy có lý do nào để thủ tiêu hoàn toàn những hình thức đó cho phù hợp với những học thuyết". Vậy "chúng ta" (tức là những người xã hội chủ nghĩa - xem phần giải thích phụ thêm trên kia) có những phương tiện nào để "thủ tiêu" những hình thức lao động, nghĩa là để cải tạo những quan hệ sản xuất hiện có giữa những thành viên của xã hội? Muốn cải tạo những quan hệ đó theo một học thuyết, như thế chẳng phải là một ý nghĩ vô lý hay sao? Chúng ta hãy nghe tiếp: "nhiệm vụ của chúng ta không phải là rút từ trong lòng dân tộc

chúng ta ra một nền văn minh "độc đáo"; mà cũng không phải là đem bệ vào nước ta toàn bộ nền văn minh phương Tây với tất cả những mâu thuẫn đang xâu xé nó: phải lấy cái tốt ở bất cứ nơi nào có thể lấy được, còn cái tốt đó là của mình hay của người, thì đó không phải là vấn đề nguyên tắc nữa mà là vấn đề tiện lợi hay không tiện lợi về mặt thực tiễn. Điều đó rõ ràng là đơn giản, minh bạch và dễ hiểu đến nỗi chẳng cần gì để mà nói đến nữa". Mà quả vậy, thật là đơn giản biết bao! "Lấy" cái tốt ở bất cứ đâu, và thế là mọi việc đều xong xuôi cả! Trong những hình thức thời trung cổ, "lấy" quyền sở hữu của người lao động về tư liệu sản xuất, còn trong những hình thức mới (hình thức tư bản chủ nghĩa), thì "lấy" tự do, bình đẳng, giáo dục, văn hoá. Thế là không còn gì để mà nói đến nữa! Phương pháp chủ quan trong xã hội học ở đây thì rõ trông thấy: xã hội học bắt đầu từ không tưởng - ruộng đất về tay người lao động - và chỉ ra những điều kiện để thực hiện điều đáng mong muốn: "lấy" cái tốt ở chỗ này và ở chỗ kia. Nhà triết học đó có một lối thuần túy siêu hình để nhìn những quan hệ xã hội, coi đó chỉ là một sự tổ hợp máy móc của những chế độ này hay chế độ khác, là một sự liên kết máy móc của những hiện tượng này hay những hiện tượng khác. Ông ta tách một trong những hiện tượng đó ra - hiện tượng người cày có ruộng trong những hình thức thời trung cổ - rồi ông ta nghĩ rằng có thể bệ hiện tượng đó vào bất cứ một hình thức nào khác, y như là chuyển một viên gạch từ tòa nhà này sang tòa nhà khác vậy. Nhưng như thế không phải là nghiên cứu những quan hệ xã hội, mà là bóp méo tài liệu phải nghiên cứu: vì trong hiện thực, không có cái hiện tượng người cày có ruộng tồn tại một cách riêng rẽ và biệt lập như ông đã tách ra: đó chỉ là một trong những khâu của những quan hệ sản xuất lúc bấy giờ, trong đó ruộng đất được phân chia cho những địa chủ, những chúa đất, bọn này đem phân phối cho nông dân để bóc lột họ, thành thử ruộng đất là một thứ tiền công hiện vật: ruộng đất đưa lại cho người nông dân những sản phẩm cần thiết để có thể sản xuất ra sản phẩm thặng dư cho địa chủ; nó là phương tiện khiến nông dân có thể thực hiện được những lao dịch cho

địa chủ. Tại sao tác giả không phân tích hệ thống quan hệ sản xuất đó, mà lại chỉ tách riêng có một hiện tượng ra rồi đem trình bày một cách hoàn toàn sai lạc đi? Vì tác giả không biết xem xét những vấn đề xã hội: ông ta (tôi xin nhắc lại là tôi lấy những lập luận của ông Mi-khai-lốp-xki chỉ là để làm ví dụ nhằm phê phán *toàn bộ* chủ nghĩa xã hội Nga) cũng hoàn toàn không tự đặt cho mình mục đích là *giải thích* những "hình thức lao động" thời bấy giờ, trình bày những hình thức đó như một hệ thống quan hệ sản xuất nhất định, như một hình thái xã hội nhất định. Nói theo cách nói của Mác thì tác giả xa lạ với phương pháp biện chứng là phương pháp bắt buộc người ta phải coi xã hội là một cơ thể sống, đang hoạt động và phát triển.

Không hề mảy may tự hỏi xem vì những nguyên nhân nào mà những hình thức lao động mới loại trừ những hình thức lao động cũ, tác giả lại phạm cũng đúng sai lầm ấy khi bàn về những hình thức mới đó. Đối với ông ta thì chỉ cần nhận thấy rằng những hình thức đó "làm lung lay" chế độ người cày có ruộng, - nghĩa là nói chung, những hình thức đó làm cho người sản xuất tách khỏi tư liệu sản xuất, - và lên án điều đó, coi như là không phù hợp với lý tưởng là đủ rồi. Một lần nữa, lập luận của ông ta là hoàn toàn vô lý: ông ta tách một hiện tượng ra (việc bị tước đoạt ruộng đất), và không tìm cách trình bày hiện tượng đó là một bộ phận tổ thành của một hệ thống quan hệ sản xuất khác, hệ thống dựa trên *nền kinh tế hàng hoá,* tức là nền kinh tế nhất định sẽ sản sinh ra sự cạnh tranh giữa những người sản xuất hàng hóa, tình trạng bất bình đẳng, tình trạng những người này thì phá sản còn những người kia lại giàu lên. Ông ta chỉ ra độc một hiện tượng là quần chúng bị phá sản, nhưng đồng thời lại bỏ qua hiện tượng là một thiểu số giàu lên, và do đó đã sa vào chỗ không thể hiểu được cả hiện tượng này lẫn hiện tượng kia".

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.230-233.

"Sự tập trung tư liệu sản xuất như thế vào tay một thiểu số, gắn liền với sự tước đoạt số đông (công nhân làm thuê), giải thích cho ta thấy rõ sự lệ thuộc của các nhà sản xuất nhỏ vào những người bao mua (các nhà công nghiệp lớn cũng chính là những người bao mua), cũng như sự áp bức lao động ở trong nghề thủ công này. Do đó, chúng ta thấy rằng *nguyên nhân* của sự tước đoạt và bóc lột người lao động là nằm ngay trong bản thân các quan hệ sản xuất.

Như mọi người đều biết, ý kiến của những người xã hội chủ nghĩa - dân tuý Nga thì ngược lại; theo họ, nguyên nhân của sự áp bức lao động trong các ngành thủ công nghiệp không nằm trong các quan hệ sản xuất (mà họ tuyên bố là được xây dựng trên cái nguyên tắc loại trừ sự bóc lột), mà là ở ngoài những quan hệ ấy, ở trong chính sách, cụ thể là ở trong chính sách ruộng đất, thuế khoá, v.v.. Thử hỏi là dựa vào đâu mà trước kia và hiện nay người ta vẫn giữ cái ý kiến hiện nay đã vững chắc gần như một thành kiến đó? Phải chăng là dựa vào chỗ trước đây một quan niệm *khác* về quan hệ sản xuất trong các nghề thủ công, đã thống trị? Hoàn toàn không phải. Ý kiến đó tồn tại được chỉ là vì không hề có một cố gắng nào tìm cách *nhận định cho chính xác và rõ ràng những hình thức tổ chức kinh tế hiện có*; nó tồn tại được chỉ là vì người ta không tách riêng các quan hệ sản xuất đó ra và phân tích chúng một cách độc lập. Tóm lại, ý kiến đó tồn tại được chỉ vì người ta không hiểu được phương pháp khoa học duy nhất của khoa học xã hội, tức là phương pháp duy vật. Thế là bây giờ, ta đã hiểu được tiến trình suy nghĩ của những người xã hội chủ nghĩa cũ ở nước ta. Nói về các ngành thủ công nghiệp thì họ cho nguyên nhân của sự bóc lột là các hiện tượng nằm *ở bên ngoài* các quan hệ sản xuất; nói về chủ nghĩa tư bản lớn, chủ nghĩa tư bản công xưởng - nhà máy thì họ không thể không nhận thấy rằng *ở đấy* nguyên nhân của sự bóc lột chính là các quan hệ sản xuất. Do đó, có một sự đối lập không thể điều hoà được, một sự không tương ứng; người ta khó lòng hiểu được do đâu lại có thể đẻ ra cái chủ nghĩa tư bản lớn ấy, khi mà trong các quan hệ sản xuất (mà người ta chẳng hề phân

tích đến!) của các ngành thủ công nghiệp người ta chẳng thấy có gì là tư bản chủ nghĩa cả. Kết luận lô-gích là: do không hiểu được mối liên hệ nối liền thủ công nghiệp với công nghiệp tư bản chủ nghĩa, người ta đem đối lập cái nọ với cái kia, đối lập công nghiệp "nhân dân" với công nghiệp "nhân tạo". Người ta nảy ra cái tư tưởng cho rằng giữa chủ nghĩa tư bản và "chế độ nhân dân" của nước ta có một mâu thuẫn, - cái tư tưởng đã được tuyền bá rộng rãi như thế và gần đây lại được ông Ni-cô-lai-ôn trình bày với công chúng Nga dưới một hình thức có đổi mới và cải biên. Tư tưởng đó tồn tại được chỉ là do thói quen bảo thủ, mặc dầu nó thiếu lô-gích một cách lạ lùng: người ta hình dung chủ nghĩa tư bản công xưởng - nhà máy đúng như nó tồn tại trong thực tế, nhưng người ta lại hình dung thủ công nghiệp theo như nó "có thể tồn tại"; đối với cái thứ nhất, người ta phân tích quan hệ sản xuất; đối với cái thứ hai, người ta lại chẳng tìm cách xét riêng các quan hệ sản xuất và người ta chuyển ngay vấn đề vào lĩnh vực chính trị. Chỉ cần phân tích các quan hệ sản xuất ấy cũng đủ thấy rằng "chế độ nhân dân" cũng chỉ là những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, dù những quan hệ này còn ở trong trạng thái chưa phát triển, phôi thai; cũng đủ thấy rằng nếu người ta bỏ cái thành kiến ngây ngô coi tất cả thợ thủ công là như nhau, và nếu người ta nói lên một cách chính xác những sự khác nhau đang tồn tại giữa những thợ thủ công đó, thì sự khác nhau giữa "nhà tư bản" trong công xưởng hay nhà máy và "người thợ thủ công" đôi khi sẽ còn ít hơn là sự khác nhau "giữa người thợ thủ công" này và "người thợ thủ công" khác; cũng đủ thấy rằng *chủ nghĩa tư bản không mâu thuẫn với "chế độ nhân dân", mà là sự tiếp tục và phát triển thẳng, trực tiếp, gần nhất của chế độ đó".*

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.264-266.

"Rõ ràng là trong cả nghề thủ công này nữa - mà những thí dụ như thế thì người ta có thể đưa ra bao nhiêu cũng được - *các quan hệ* vẫn là những quan hệ tư sản: ở đây chúng ta cũng thấy một sự phân hoá như thế trên địa hạt kinh tế hàng hoá, hơn nữa,

đó là một sự phân hoá đặc biệt có tính chất tư bản chủ nghĩa, dẫn tới sự bóc lột lao động làm thuê, sự bóc lột này đã giữ vai trò chủ yếu trong loại cao nhất, là loại đã chiếm $^1/_8$ tổng số các xưởng và 30% số công nhân, nghĩa là tập trung gần $^1/_3$ toàn bộ sản lượng với một năng suất lao động cao hơn mức trung bình rất nhiều. Chỉ những quan hệ sản xuất ấy thôi cũng đã giải thích cho chúng ta hiểu được sự xuất hiện và sức mạnh của những người bao mua. Chúng ta thấy một thiểu số - nắm trong tay những xưởng lớn hơn, thu lãi nhiều hơn và bòn rút được một số thu nhập "ròng" từ lao động của người khác (trong những xưởng làm đồ gốm thuộc loại cao nhất, mỗi xưởng trung bình có 5,5 công nhân làm thuê) - góp nhặt "của để dành" như thế nào, trong khi đó thì đa số bị phá sản, và ngay cả đến những chủ xưởng nhỏ (chứ chưa nói đến công nhân làm thuê) làm không đủ ăn qua ngày. Những người mà ta vừa nói tới bị thiểu số trên kia nô dịch, - đó là điều rất dễ hiểu và không tránh được, không tránh được chính là vì tính chất tư bản chủ nghĩa của những quan hệ sản xuất hiện có. Những quan hệ đó là ở chỗ: sản phẩm của lao động xã hội do kinh tế hàng hoá tổ chức, bị rơi vào tay một số tư nhân và biến thành một công cụ trong tay họ để áp bức và nô dịch người lao động, thành một phương tiện để cá nhân họ làm giàu bằng cách bóc lột quần chúng. Và các bạn chớ tưởng rằng sự bóc lột ấy, sự áp bức ấy biểu lộ nhẹ hơn khi thấy tính chất đó của những quan hệ còn ít phát triển và vì sự tích luỹ *tư bản* - diễn ra song song với sự phá sản của những người sản xuất - còn chưa đáng kể. Hoàn toàn ngược lại. Điều đó chỉ dẫn đến những hình thức tàn bạo hơn, mang nặng tính chất phong kiến; điều đó chỉ dẫn đến chỗ tư bản trói chặt người lao động bằng cả một màng lưới cho vay nặng lãi vì chưa thể trực tiếp chi phối được người công nhân bằng cách chỉ mua sức lao động của anh ta theo giá trị của sức lao động ấy; nó trói buộc người lao động vào nó bằng những biện pháp cu-lắc và kết quả là nó sẽ cướp được của anh ta không phải chỉ có giá trị ngoại ngạch, mà cả một phần lớn tiền công của anh ta nữa; hơn nữa, nó còn thao túng anh ta, làm cho

anh ta không còn có thể thay đổi "chủ" được; nó nhạo báng anh ta, bắt anh ta phải coi việc nó "đem lại" (sic!) công ăn việc làm cho anh ta là một ân huệ".

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.267-269.

"Các nhà trí thức xã hội chủ nghĩa sẽ chỉ có thể hy vọng làm công tác có hiệu quả khi nào họ bỏ hẳn được các ảo tưởng và bắt đầu thấy chỗ dựa của mình là sự phát triển thực tế của nước Nga, chứ không phải là sự phát triển theo ý muốn của mình, là các quan hệ kinh tế - xã hội có thực chứ không phải là những quan hệ kinh tế - xã hội có thể có. Như thế, công tác LÝ LUẬN của họ sẽ phải hướng vào việc *nghiên cứu cụ thể hết thảy mọi hình thức của sự đối kháng kinh tế ở nước Nga, vào việc nghiên cứu những mối liên hệ và sự phát triển lô-gích của các hình thức đó;* công tác lý luận đó phải *vạch trần sự đối kháng đó ở bất cứ chỗ nào mà nó bị lịch sử chính trị, bị những đặc điểm của các chế độ pháp lý, bị những định kiến lý luận sẵn có, che giấu đi.* Nó phải *vẽ ra được bức tranh trọn vẹn về hiện thực nước ta, với tính cách là một hệ thống quan hệ sản xuất nhất định, nó phải chỉ rõ rằng với hệ thống đó thì tất nhiên phải có sự bóc lột và tước đoạt những người lao động, nó phải vạch ra con đường thoát khỏi hệ thống đó, con đường mà sự phát triển kinh tế đề ra.*

Lý luận đó, dựa trên cơ sở nghiên cứu tỉ mỉ và sâu sắc lịch sử và hiện thực nước Nga, phải đáp ứng những đòi hỏi của giai cấp vô sản, - và nếu lý luận đó thoả mãn được những yêu cầu của khoa học, thì bất cứ một sự thức tỉnh nào của tư tưởng phản kháng của giai cấp vô sản cũng đều nhất định sẽ đẩy tư tưởng ấy vào con đường chủ nghĩa dân chủ - xã hội. Việc xây dựng lý luận đó càng tiến lên, thì chủ nghĩa dân chủ - xã hội sẽ càng phát triển nhanh chóng, vì những người bảo vệ giảo quyệt nhất của chế độ hiện tại, đều bất lực không thể ngăn nổi việc thức tỉnh tư tưởng của giai cấp vô sản, bất lực là vì chế độ đó tất nhiên và không tránh khỏi sẽ

đưa đến chỗ làm cho những người sản xuất ngày càng bị tước đoạt mạnh hơn, giai cấp vô sản và đạo quân trù bị của nó ngày càng phát triển nhiều hơn, và điều đó xảy ra song song với tình hình là của cải xã hội không ngừng tăng lên, lực lượng sản xuất phát triển rất mạnh và chủ nghĩa tư bản xã hội hoá lao động. Tuy còn phải tốn nhiều công phu mới xây dựng được lý luận đó, nhưng điều đảm bảo cho những người xã hội chủ nghĩa sẽ làm tròn được nhiệm vụ ấy, là sự phổ biến chủ nghĩa duy vật — một phương pháp duy nhất khoa học, đòi hỏi bất cứ một cương lĩnh nào cũng đều phải thể hiện đúng quá trình hiện thực — trong bọn họ, điều đảm bảo đó là sự thành công của những người dân chủ - xã hội đã tiếp thu những tư tưởng đó; sự thành công này đã làm náo động phái tự do và phái dân chủ ở nước ta đến nỗi họ phải làm cho các tạp chí dày cộm của họ, theo như nhận xét của một người mác-xít, không còn chán ngắt nữa.

Trong khi nhấn mạnh như thế sự cần thiết, tầm quan trọng và quy mô rộng lớn của công tác lý luận của những người dân chủ - xã hội, tôi không hề muốn nói rằng công tác đó phải được đặt vào vị trí hàng đầu trước công tác **THỰC TIỄN**, và càng không hề cho rằng người ta hãy đợi cho đến khi nào công tác thứ nhất xong xuôi rồi mới làm công tác thứ hai. Chỉ có những kẻ nhiệt tình sùng bái cái "phương pháp chủ quan trong xã hội học" hay những tín đồ của chủ nghĩa xã hội không tưởng, mới có thể rút ra được cái kết luận như thế. Đương nhiên, nếu người ta cho rằng nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là phải đi tìm "những con đường phát triển khác" (ngoài con đường hiện thực) cho nước nhà thì như thế tự nhiên là công tác thực tiễn sẽ chỉ có thể tiến hành được khi nào các nhà triết học thiên tài đã phát hiện và vạch ra được "những con đường khác" ấy; và ngược lại, khi các con đường khác ấy đã được phát hiện và vạch ra rồi thì lúc bấy giờ công tác lý luận kết thúc và bắt đầu cái công tác của những người phải hướng "tổ quốc" đi theo "con đường khác" "mới được phát hiện ra" đó. Nhưng khi nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là phải làm những người lãnh đạo tư tưởng của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh hiện thực

của nó chống lại những kẻ thù hiện thực, thực sự, đang đứng chắn ngang trên con đường *hiện thực* của sự phát triển kinh tế - xã hội nhất định thì sự việc lại khác hẳn. Trong điều kiện đó, cả hai công tác lý luận và công tác thực tiễn sẽ hoà làm một công tác...".

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.380-382.

"Khi nói đến việc hiểu chủ nghĩa Mác một cách chật hẹp, là tôi có ý muốn nói đến chính bản thân những người mác-xít. Về vấn đề này, không thể không nêu lên rằng chủ nghĩa Mác đã bị cắt xén và bóp méo một cách hết sức kỳ quái, khi phái tự do và phái cấp tiến ở nước ta trình bày chủ nghĩa Mác trên các trang báo hợp pháp. Trình bày gì mà như vậy! Hãy nghĩ xem người ta phải cắt xén học thuyết cách mạng ấy như thế nào để đặt được nó vào vừa với cái giường Prô-crút của chế độ kiểm duyệt ở Nga! Và các nhà chính luận của chúng ta đã thản nhiên làm việc ấy: chủ nghĩa Mác, như họ đã trình bày, hầu như chung quy lại là cái học thuyết vạch cho ta thấy rằng trong chế độ tư bản, chế độ sở hữu cá nhân xây dựng trên cơ sở lao động của người tư hữu đã phát triển một cách biện chứng như thế nào, nó tự biến thành cái phủ định nó để rồi sau đó tự nó xã hội hoá như thế nào. Và với một vẻ nghiêm túc, người ta đem toàn bộ nội dung của chủ nghĩa Mác đặt vào trong cái "công thức" đó, đồng thời bỏ qua hết thảy mọi đặc điểm của phương pháp xã hội học của chủ nghĩa Mác, bỏ qua học thuyết đấu tranh giai cấp, bỏ qua mục đích nghiên cứu trực tiếp của chủ nghĩa Mác, tức là: vạch rõ hết thảy mọi hình thức đối kháng và hình thức bóc lột để giúp cho giai cấp vô sản vứt bỏ được các hình thức ấy.

[...] Vì chỉ có như vậy thì cuối cùng người ta mới có thể đi đến những chuyện kỳ khôi chỉ có thể xảy ra ở nước Nga thôi, tức là xếp vào hàng ngũ mác-xít những kẻ hoàn toàn không hiểu gì về đấu tranh giai cấp, về sự đối kháng vốn có của xã hội tư bản chủ nghĩa và về sự phát triển của đối kháng ấy, những kẻ không có một khái niệm nào về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản; thậm chí cả những kẻ đề ra những đề án rõ ràng có tính chất tư sản, miễn là

trong đó có những tiếng như "kinh tế tiền tệ", "tính tất yếu" của nền kinh tế đó và những thành ngữ tương tự khác, những thành ngữ mà phải có tất cả sự sắc sảo thâm thuý của ông Mi-khai-lốp-xki thì mới coi đó là những thành ngữ chuyên dùng của người mác-xít được.

Nhưng Mác thì lại cho rằng tất cả giá trị của lý luận của ông là ở chỗ lý luận đó "về bản chất là một lý luận có tính chất phê phán và cách mạng". Và, thật vậy, tính chất sau cùng này là cái hoàn toàn và tuyệt đối vốn có của *chủ nghĩa Mác*, vì lý luận này công khai tự đề ra cho mình nhiệm vụ phải *vạch trần* hết thảy mọi hình thức đối kháng và hình thức bóc lột trong xã hội hiện đại, phải theo dõi sự diễn biến của các hình thức đó, phải chứng minh tính tạm thời của các hình thức đó, sự chuyển biến không thể tránh khỏi của các hình thức ấy thành các hình thức khác, *và do đó giúp cho giai cấp vô sản kết liễu một cách hết sức nhanh chóng và dễ dàng mọi sự bóc lột.* Sức hấp dẫn không gì cưỡng nổi đã lôi cuốn những người xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước đi theo lý luận đó, chính là ở chỗ nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng, và kết hợp không phải một cách ngẫu nhiên, không phải chỉ vì người sáng lập ra học thuyết ấy đã kết hợp trong bản thân mình những phẩm chất của nhà bác học và của nhà cách mạng, mà là kết hợp trong chính bản thân lý luận ấy, một sự kết hợp nội tại và khăng khít. Thật thế, nhiệm vụ của lý luận, mục đích của khoa học được nêu thẳng ra ở đây là giúp đỡ giai cấp những người bị áp bức trong cuộc đấu tranh kinh tế đang thực sự diễn ra.

> *"Chúng tôi không nói với thế giới: đừng đấu tranh nữa, tất cả cuộc đấu tranh của anh chỉ là vô vị mà thôi. Chúng tôi đưa ra cho thế giới khẩu hiệu đấu tranh chân chính".*

Vậy là, theo Mác, nhiệm vụ trực tiếp của khoa học là nêu ra một khẩu hiệu đấu tranh chân chính, nghĩa là phải biết trình bày một cách khách quan cuộc đấu tranh đó như là sản phẩm của một hệ thống quan hệ sản xuất nhất định, phải biết cách *hiểu* rõ tính

tất yếu của cuộc đấu tranh đó, nội dung của nó, tiến trình và điều kiện phát triển của nó. Không thể nào đưa ra "khẩu hiệu đấu tranh" được, nếu không nghiên cứu thật tỉ mỉ mỗi một hình thức của cuộc đấu tranh ấy, nếu không theo sát từng bước cuộc đấu tranh ấy khi nó chuyển từ hình thức này sang hình thức khác, để biết cách xác định tình thế ở từng lúc nhất định, mà không bỏ qua tính chất chung và mục đích chung của cuộc đấu tranh là: thủ tiêu hoàn toàn và vĩnh viễn mọi sự bóc lột và mọi sự áp bức".

Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?, tr.419-422.

"Như vậy là tác giả không thể không thừa nhận rằng giai cấp tư sản đảm đương "những chức năng xã hội trọng yếu", những chức năng mà tóm lại người ta có thể diễn đạt như sau: chi phối lao động của nhân dân, lãnh đạo lao động đó và nâng cao năng suất của lao động đó. Tác giả đã không thể không thấy rằng "sự tiến bộ" về kinh tế thì thực sự "gắn liền" với những phân tử đó tức là thấy rằng giai cấp tư sản nước ta thực sự đã đem lại sự tiến bộ về kinh tế, hay nói cho đúng ra, sự tiến bộ về kỹ thuật.

Mà sự khác nhau căn bản giữa nhà tư tưởng của người sản xuất nhỏ với người mác-xít bắt đầu chính là từ chỗ ấy đấy. Người dân tuý giải thích *sự thật* đó (tức là mối liên hệ giữa giai cấp tư sản và sự tiến bộ) bằng cách nói rằng "những con người khôn khéo" "lợi dụng hoàn cảnh và thời cơ thuận lợi để mưu lợi ích cho họ". Nói cách khác, ông ta coi đó là một hiện tượng ngẫu nhiên và vì thế đã kết luận một cách táo bạo ngây thơ rằng: "Chắc chắn là những con người đó bao giờ (!) cũng có thể được thay thế bằng những con người khác", và cả những người khác này nữa, họ cũng sẽ đem lại sự tiến bộ nhưng là một sự tiến bộ không có tính chất tư sản.

Người mác-xít giải thích sự thật đó bằng những quan hệ xã hội giữa người với người trong việc sản xuất ra những giá trị vật chất, tức là bằng những quan hệ đã hình thành trong nền kinh tế hàng hoá, đã biến lao động thành hàng hoá, đã làm cho lao động bị lệ

thuộc vào tư bản và đã nâng cao năng suất của lao động. Họ coi đó không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên mà là kết quả tất nhiên của tổ chức tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế xã hội nước ta. Cho nên, họ cho rằng lối thoát không phải là ở những lời nói hão về những cái mà những người thay thế bọn tư sản, "chắc chắn có thể" làm được (bởi vì, vấn đề là trước hết phải "thay thế" bọn tư sản đã, và muốn làm được như vậy mà chỉ nói suông hay chỉ kêu gọi xã hội và nhà nước thì chưa đủ), mà lối thoát là ở sự phát triển của những mâu thuẫn giai cấp trong một chế độ kinh tế nhất định.

Ai nấy đều hiểu rằng hai cách giải thích đó hoàn toàn đối lập nhau, và từ đó dẫn đến hai phương thức hành động không dung hoà được với nhau. Người dân tuý coi giai cấp tư sản là một hiện tượng ngẫu nhiên, không thấy những mối liên hệ gắn liền giai cấp đó với nhà nước, và với thái độ cả tin của một người "mu-gích ngay thật", người dân tuý đã cầu xin sự cứu giúp của chính ngay kẻ bảo vệ những lợi ích của giai cấp tư sản đó. Hoạt động của người dân tuý chung quy chỉ là hoạt động của phái tự do được các nhà cầm quyền công nhận, một hoạt động ôn hoà và thận trọng, hoàn toàn chẳng khác gì những việc từ thiện, bởi vì nó không động chạm thật sự đến "những lợi ích", không có gì đáng lo ngại cho "những lợi ích" ấy cả. Người mác-xít quay lưng lại cái mớ ý kiến lẫn lộn đó, họ nói rằng không thể có một sự "đảm bảo" nào khác "cho tương lai", ngoài "cuộc đấu tranh ác liệt giữa các giai cấp kinh tế".

Cũng dĩ nhiên là vì những phương thức hành động khác nhau xuất phát một cách trực tiếp và tất nhiên từ sự khác nhau trong *cách giải thích* sự thống trị của giai cấp tư sản ở nước ta, nên khi *tranh luận về lý luận*, người mác-xít chỉ làm có một việc là chứng minh rằng sự ra đời của giai cấp tư sản này (trong điều kiện tổ chức hiện nay của nền kinh tế xã hội) là một điều tất nhiên và không thể tránh khỏi (và cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê đã làm đúng như thế)".

Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó, tr.460-462.

"Không phải là sự phân biệt giữa cái quan trọng và cái không quan trọng, mà là sự phân biệt giữa cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là *nội dung* của xã hội, với *hình thức* chính trị và tư tưởng của nó: bản thân khái niệm cơ cấu kinh tế cũng đã được giải thích chính xác qua việc bác bỏ quan điểm của những nhà kinh tế học cũ, là những người đã nhìn thấy những quy luật tự nhiên ở nơi chỉ có những quy luật của một hệ thống những quan hệ sản xuất đặc biệt, được xác định về mặt lịch sử. Lý luận của Mác đã lấy việc *nghiên cứu* các hình thái tổ chức xã hội nhất định để thay thế cho những lập luận của các nhà chủ quan chủ nghĩa về "xã hội" nói chung, những lập luận vô nghĩa và chưa thoát khỏi những không tưởng tiểu thị dân (vì người ta thậm chí cũng không làm sáng tỏ cái khả năng khái quát những chế độ xã hội rất khác nhau thành những loại cơ thể xã hội đặc biệt). Hai là, hoạt động của "các cá nhân đang sống" trong khuôn khổ của mỗi hình thái kinh tế - xã hội ấy, những hoạt động muôn hình muôn vẻ vô chừng và hình như không thể nào hệ thống hoá nổi, những hoạt động đã được tổng hợp lại và quy vào những hoạt động của các tập đoàn cá nhân khác nhau về vai trò của chúng trong hệ thống quan hệ sản xuất, về điều kiện sản xuất, và do đó, về điều kiện sinh hoạt và những lợi ích do điều kiện này quyết định, - nói tóm lại, hoạt động đó được quy vào hoạt động của *các giai cấp*, và cuộc đấu tranh của các giai cấp đó đã quyết định sự phát triển của xã hội.

Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó, tr.538-539.

"Cần phải chứng minh rằng quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản lớn ở Nga với "nền sản xuất nhân dân" cũng giống như quan hệ giữa một hiện tượng đã được hoàn toàn phát triển với một hiện tượng còn chưa phát triển, cũng giống như quan hệ giữa giai đoạn phát triển cao của hình thái xã hội tư bản chủ nghĩa với giai đoạn thấp của nó; cần phải chứng minh rằng sở dĩ có hiện tượng người sản xuất bị tách khỏi tư liệu sản xuất và sở dĩ có hiện tượng sản phẩm

lao động của họ bị người có tiền chiếm mất, - những hiện tượng này đều xảy ra cả ở công xưởng cũng như ở nông thôn, dù là nông thôn đã được tổ chức thành công xã, - thì không phải là tại chính sách, cũng chẳng phải là tại sự phân phối, mà là tại những quan hệ sản xuất đã hình thành một cách tất yếu trong chế độ kinh tế hàng hoá, và là tại sự hình thành của những giai cấp có lợi ích đối kháng với nhau, đặc điểm của xã hội tư bản chủ nghĩa; cần phải chứng minh rằng cái hiện thực (nền tiểu sản xuất) mà những người dân tuý muốn đưa lên một trình độ cao mà không cần phải trải qua chủ nghĩa tư bản, cũng đã chứa đựng chủ nghĩa tư bản, cùng với sự đối lập giai cấp và những sự xung đột giai cấp vốn có của chủ nghĩa đó, chỉ có điều là sự đối lập đó lại ở dưới cái hình thái tồi tệ nhất, cái hình thái làm trở ngại cho hoạt động độc lập của người sản xuất; và cần phải chứng minh rằng vì lẽ đó những người dân tuý, do coi thường những mặt đối lập xã hội đã được hình thành và do mơ tưởng "những con đường khác cho tổ quốc", nên đã tỏ ra là những người không tưởng phản động, bởi vì chủ nghĩa tư bản lớn chỉ làm cho những đối lập đó - những đối lập mà người ta thấy ở khắp nước Nga - phát triển thêm lên, trở nên rõ rệt và sáng tỏ ra".

Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó, tr.584-585.

"Ý kiến nhận xét của ông Xtơ-ru-vê khi trả lời ông N.– ôn, là đúng. Tình trạng nhân khẩu thừa tư bản chủ nghĩa phát sinh ra là do *tư bản* đã nắm lấy sản xuất và tạo ra một số nhân khẩu thừa khi nó giảm bớt số lượng công nhân cần thiết (để sản xuất ra một số lượng sản phẩm nhất định). Mác đã nói về tình trạng nhân khẩu thừa tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, như sau:

"Ngay sau khi sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối nông nghiệp, hay tuỳ theo mức độ sự chi phối đó, thì số cầu về công nhân nông nghiệp ngày càng giảm xuống một cách tuyệt đối tuỳ theo sự tích luỹ ngày càng tăng của tư bản hoạt động trong lĩnh vực này; vả lại,

trong nông nghiệp, sự sa thải công nhân không được bù lại bằng việc tuyển dụng một số lượng công nhân càng nhiều hơn, như tình hình đã xảy ra ở những ngành sản xuất phi nông nghiệp. Vì vậy, một bộ phận dân cư nông thôn luôn luôn ở trong tình thế sẵn sàng chuyển hoá thành dân cư của thành thị hoặc của công trường thủ công. (Ở đây, nên hiểu công trường thủ công là mọi ngành sản xuất phi nông nghiệp.) Như vậy là cái nguồn nhân khẩu thừa tương đối ấy luôn luôn tồn tại. Nhưng muốn cho nguồn đó tồn tại thường xuyên thì chính ngay trong nông thôn cũng đã phải có một nạn nhân khẩu thừa tiềm tàng thường xuyên, mà người ta chỉ nhận thấy được hết quy mô của nó khi nào những máng tràn của nó đều đã được mở toang. Do đó, tiền công của công nhân nông nghiệp bị giảm xuống tới mức tối thiểu, và một chân của người đó luôn luôn đứng trong vũng bùn của sự bần cùng rồi" ("Das Kapital", 2. Aufl., S. 668).

Ông N.– ôn *đã không chứng minh* tính chất tư bản chủ nghĩa của tình trạng nhân khẩu thừa trong nước Nga nông nghiệp, vì ông ta đã không gắn liền tình trạng đó với chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp: chỉ nêu lên một cách qua loa và không đầy đủ sự tiến hoá tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế tư nhân, ông ta đã hoàn toàn bỏ qua không nói đến những đặc điểm tư sản của tổ chức của nền kinh tế nông dân. Đáng lẽ ông Xtơ-ru-vê phải sửa chữa lại điều thiếu sót rất quan trọng ấy trong sự trình bày của ông N.– ôn, bởi vì nếu không biết đến chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, sự thống trị của nó, và đồng thời sự phát triển vẫn còn yếu ớt của nó thì dĩ nhiên là sẽ rơi vào lý luận cho rằng thị trường trong nước là không có hoặc đã bị thu hẹp lại. Đáng lẽ phải đem lý luận của ông N.– ôn quy vào những tài liệu cụ thể về chủ nghĩa tư bản nông nghiệp ở nước ta, thì ông Xtơ-ru-vê lại rơi vào một sai lầm khác là hoàn toàn phủ nhận tính chất tư bản chủ nghĩa của tình trạng nhân khẩu thừa.

Đặc điểm của toàn bộ lịch sử sau cuộc cải cách là sự xâm nhập của *tư bản* vào trong nền kinh tế nông nghiệp. Bọn địa chủ đã chuyển sang (chậm hay nhanh, đó là một vấn đề khác) dùng lao

động làm thuê tự do, tức là cái loại lao động được phổ biến trên một quy mô rất rộng và thậm chí đã quyết định tính chất của đại bộ phận những nghề sinh nhai phụ của nông dân; chúng đã cải tiến kỹ thuật và dùng máy móc. Ngay như chế độ kinh tế nông nô đang hấp hối - nhượng ruộng cho nông dân để đổi lấy công lao động - cũng đã phải thay đổi theo tính chất tư sản do có sự cạnh tranh của nông dân, cái sự cạnh tranh nó làm xấu thêm tình cảnh của những người đi thuê ruộng đất, dẫn đến những điều kiện nặng nề hơn, và do đó làm giảm sút số lượng công nhân đi. Trong nền kinh tế nông dân, đã xuất hiện rất rõ rệt sự phân hoá nông dân thành giai cấp tư sản nông thôn và giai cấp vô sản. Bọn "nhà giàu" mở rộng diện tích gieo trồng, cải thiện doanh nghiệp của chúng [xem *V. V.*, "Các trào lưu tiến bộ trong kinh tế nông dân"] và đã thấy buộc phải dùng lao động làm thuê. Đấy là tất cả những sự thật mà mọi người đều thừa nhận và đã được khẳng định từ lâu rồi, những sự thật mà chính ông Xtơ-ru-vê cũng đã nêu ra (như lát nữa chúng ta sẽ thấy). Để minh họa, chúng ta hãy lấy thêm một trường hợp rất thường xảy ra trong nông thôn nước Nga làm thí dụ: một tên "cu-lắc" đã chiếm đoạt của "công xã", hay nói cho đúng hơn, của các thành viên vô sản trong công xã nông thôn cái mảnh đất tốt nhất của phần ruộng được chia; hắn làm ăn trên mảnh đất đó bằng lao động và nông cụ của chính ngay những nông dân đã được "đảm bảo phần ruộng được chia", tức là những nông dân, do mang nặng trên vai bao nhiêu là nợ nần và nghĩa vụ, nên đã bị những nguyên tắc của công xã - những nguyên tắc mà phái dân tuý rất ưa thích, - buộc chặt vào ân nhân của họ, buộc chặt vì phải thích ứng với nhau về mặt xã hội và phải hoạt động đồng tâm hiệp lực với nhau. Dĩ nhiên là so với việc làm ăn của những người nông dân bị phá sản, thì công việc làm ăn của hắn tốt hơn, và so với lúc mảnh đất này còn nằm trong tay nhiều người chủ nhỏ thì hiện nay công việc sản xuất của hắn cần đến ít công nhân hơn rất nhiều. Những sự kiện đó không phải là trường hợp cá biệt, mà là trường hợp phổ biến, không một người dân tuý nào có thể phủ nhận được

điều đó. Cái độc đáo trong lý luận của họ chỉ là ở chỗ họ không muốn gọi thẳng tên thật những sự kiện đó ra và không muốn hiểu rằng những sự kiện đó có nghĩa là *sự thống trị của tư bản trong nông nghiệp*. Họ quên rằng hình thái đầu tiên của *tư bản* bao giờ và ở đâu cũng là tư bản thương nghiệp, tư bản tiền tệ; rằng bao giờ tư bản cũng tiếp nhận nền kỹ thuật sản xuất ở trình độ hiện có của nền kỹ thuật ấy, và chỉ sau này tư bản mới tiến hành việc cải tạo kỹ thuật mà thôi. Vì vậy, họ không thấy rằng "trong khi bênh vực" (tất nhiên là trên lời nói, chứ không có gì hơn) chế độ ruộng đất hiện thời chống lại chủ nghĩa tư bản "tương lai" (?!) thì kỳ thực họ chỉ bênh vực những hình thái *thời trung cổ* của tư bản, chống lại những hình thái hiện đại, thuần tuý tư sản của tư bản mà thôi.

Như thế, người ta không thể nào phủ nhận được tính chất tư bản chủ nghĩa của tình trạng nhân khẩu thừa ở Nga, cũng như không thể nào phủ nhận được sự thống trị của tư bản trong nông nghiệp. Nhưng nếu người ta cố ý không biết đến *trình độ phát triển của tư bản*, - như ông N.– ôn đã làm, - thì dĩ nhiên đó là một điều hoàn toàn phi lý; ông này toàn tâm toàn ý cho rằng tư bản hầu như đã hoàn toàn hình thành, và vì vậy bịa ra một lý luận cho rằng thị trường trong nước bị thu hẹp lại hoặc không có, nhưng trên thực tế thì tư bản, tuy đã chiếm địa vị thống trị, nhưng cũng chỉ mới hình thành dưới một hình thái tương đối rất ít phát triển mà thôi. Từ nay cho đến lúc tư bản đạt đến trình độ phát triển đầy đủ của nó, từ nay cho đến lúc người sản xuất hoàn toàn bị tách khỏi tư liệu sản xuất, cũng còn nhiều giai đoạn trung gian, và mỗi bước tiến của chủ nghĩa tư bản nông nghiệp đều đánh dấu *một bước phát triển* của thị trường trong nước, là thị trường mà theo lý luận của Mác thì chính là do chủ nghĩa tư bản nông nghiệp tạo ra, và ở Nga thì chẳng những không bị thu hẹp, mà ngược lại, còn hình thành và phát triển thêm nữa.

Sau nữa, nhận định trên đây về chủ nghĩa tư bản nông nghiệp của nước ta, tuy là một nhận định rất tổng quát, nhưng cũng chỉ ra cho chúng ta thấy rằng chủ nghĩa tư bản này không bao trùm

hết *tất cả* mọi quan hệ kinh tế - xã hội ở nông thôn. Bên cạnh chủ nghĩa tư bản đó, những quan hệ nông nô vẫn còn tồn tại trong lĩnh vực kinh tế (ví dụ như việc nhượng những ruộng đất bị cắt cho nông dân để lấy công lao động và địa tô hiện vật - ở đây ta thấy tất cả các dấu hiệu của nền kinh tế nông nô: "sự đổi công" trả bằng hiện vật giữa người sản xuất với người sở hữu tư liệu sản xuất, sự bóc lột người sản xuất bằng cách *cột chặt* anh ta vào ruộng đất, chứ không phải tách anh ta rời khỏi tư liệu sản xuất), và nhất là trong lĩnh vực xã hội, pháp luật - chính trị (bắt buộc phải nhận "phần ruộng được chia", bị cột chặt vào ruộng đất, nghĩa là không có quyền tự do dời chỗ ở; phải trả tiền chuộc lại, nghĩa là vẫn cái món tô đại dịch phải nộp cho bọn địa chủ; trong lĩnh vực toà án và hành chính, phải phục tùng bọn địa chủ có đặc quyền, v. v.). Cố nhiên là những quan hệ đó cũng đưa đến chỗ làm cho nông dân bị phá sản, đưa đến nạn thất nghiệp, "tình trạng nhân khẩu thừa" trong số những người cố nông đã bị cột chặt vào ruộng đất. Cơ sở tư bản chủ nghĩa của những quan hệ hiện thời không thể che giấu những tàn tích vẫn còn mạnh mẽ đó của tầng lớp "quý tộc cũ", những tàn tích mà chủ nghĩa tư bản *chưa xoá bỏ được*, chính vì trình độ phát triển của nó còn kém. Sự phát triển yếu ớt của chủ nghĩa tư bản, tình trạng "lạc hậu của nước Nga" - tình trạng mà phái dân tuý coi là một "hạnh phúc" - thật ra chỉ là một hạnh phúc đối với bọn bóc lột có quyền cao chức trọng mà thôi. Vậy, ngoài những đặc điểm tư bản chủ nghĩa chủ yếu ra, "tình trạng nhân khẩu thừa" hiện thời còn mang cả những đặc điểm của thời nông nô nữa.

Nếu đem so sánh luận điểm vừa nói trên đây với luận điểm của ông Xtơ-ru-vê cho rằng "tình trạng nhân khẩu thừa" mang những đặc điểm của nền kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hoá thì chúng ta sẽ thấy rằng luận điểm thứ nhất không bác bỏ luận điểm thứ hai, mà ngược lại, nhập vào đấy: chế độ nông nô là thuộc về những hiện tượng "kinh tế tự nhiên", chủ nghĩa tư bản là thuộc về những hiện tượng "kinh tế hàng hoá". Một mặt, luận điểm của ông Xtơ-ru-vê không vạch ra một cách chính xác xem những *quan hệ*

nào là thuộc về nền kinh tế tự nhiên và những *quan hệ* nào là thuộc về nền kinh tế hàng hoá; mặt khác, nó kéo chúng ta thụt lùi lại đằng sau, đi đến những "quy luật" hoàn toàn vô căn cứ và vô ý nghĩa của Man-tuýt".

Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó, tr.612-617.

"Chúng ta hãy lấy nền kinh tế nông nô trước thời cải cách làm điểm xuất phát.

Lúc bấy giờ, nội dung căn bản của những quan hệ sản xuất là như thế này: địa chủ cung cấp cho riêng từng hộ nông dân ruộng đất, gỗ xây dựng nhà cửa, nói chung, những tư liệu sản xuất (một đôi khi cả tư liệu sinh hoạt nữa). Hắn để cho nông dân được tự mình kiếm kế sinh sống, nhưng buộc nông dân phải dành *tất cả số thời gian thặng dư của họ* để lao động cho địa chủ, dưới hình thức lao dịch. Tôi gạch dưới những chữ "tất cả số thời gian thặng dư của họ" để chỉ rõ rằng với chế độ đó thì không thể nói đến "sự độc lập" của người nông dân được. "Phần ruộng được chia" mà tên địa chủ "đảm bảo" cho người nông dân, chẳng qua chỉ là *một thứ tiền công trả bằng hiện vật;* phần ruộng đó hoàn toàn chỉ để dùng làm phương tiện cho tên địa chủ bóc lột nông dân, để "đảm bảo" cho tên địa chủ có được nhân công, chứ không bao giờ thực sự đảm bảo đời sống của bản thân người nông dân cả.

Nhưng thế rồi nền kinh tế hàng hoá xâm nhập vào. Địa chủ bắt đầu sản xuất lúa mì để bán, chứ không phải để cho bản thân mình tiêu dùng. Điều đó dẫn đến chỗ bóc lột lao động của nông dân một cách nặng nề hơn, rồi đến những khó khăn trong việc thực hành chế độ chia cấp ruộng đất, vì địa chủ cũng chẳng còn thấy có lợi gì hơn trong việc phân phối phần ruộng được chia cho các thế hệ nông dân mới nữa, bởi vì bây giờ người ta có khả năng trả công bằng tiền. Đối với địa chủ, thì tiện hơn cả là vĩnh viễn tách ruộng đất nông dân ra khỏi ruộng đất của hắn (nhất là nếu hắn lại cắt được một phần của các phần ruộng được chia và nhận được một

khoản tiền chuộc "công bằng"), đồng thời sử dụng lao động của *ngay những* nông dân ấy, họ đang ở trong những điều kiện vật chất tồi tệ hơn và đang bị bắt buộc phải cạnh tranh với những nông nô tôi tớ cũ, với những "đác-xtơ-ven-ních" và với những nông dân khá giả hơn, trước đây là những nông dân thuộc nhà nước và thuộc những thái ấp, v.v..

Chế độ nông nô sụp đổ.

Chế độ kinh tế - từ nay được tổ chức nhằm phục vụ cho thị trường (điểm này đặc biệt quan trọng) - thay đổi, nhưng không thay đổi ngay một lúc. Ngoài những đặc tính và "nguyên tắc" cũ, người ta lại thấy có thêm những đặc tính và nguyên tắc mới. Những đặc tính mới ấy là ở chỗ bây giờ, cơ sở của việc Plusmacherei không phải là việc cấp tư liệu sản xuất cho nông dân nữa, mà trái lại là tình trạng người nông dân đã "bị tách" khỏi tư liệu sản xuất, là tình trạng người nông dân cần có tiền. Bây giờ, cơ sở đó không phải là nền kinh tế tự nhiên nữa, không phải là sự trao đổi bằng hiện vật về những "công việc mà hai bên đã làm cho nhau" (địa chủ thì cấp ruộng đất cho nông dân, còn nông dân thì đem lại cho địa chủ những sản phẩm của lao động thặng dư, lúa mì, vải bố, v.v.) mà là hợp đồng "tự nguyện", hợp đồng trao đổi hàng hoá, hợp đồng trả bằng tiền. Chính hình thái kinh tế đó, trong ấy những đặc tính mới kết hợp với những đặc tính cũ, đã thịnh hành ở Nga sau cải cách. Cùng với những phương thức cho thuê ruộng đất để đổi lấy công lao động như trước kia (chẳng hạn để trả tiền ruộng đất bị cắt), bây giờ còn có lối "cho công non vào mùa đông" - nghĩa là cho vay tiền mà trả bằng công lao động, cho vay giữa lúc người nông dân đang hết sức cần tiền và phải bán sức lao động của mình với một giá cực kỳ rẻ mạt; cho vay lúa mì mà trả bằng công lao động, v.v.. Các quan hệ kinh tế - xã hội trong những "lãnh địa thế tập" cũ, như ta đã thấy, chỉ là những sự giao dịch có tính chất *cho vay nặng lãi* thông thường nhất: những sự giao dịch này hoàn toàn giống những sự giao dịch giữa người bao mua với những người thợ thủ công.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chính loại kinh tế đó đã trở thành điển hình sau cải cách".

Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó, tr.649-651.

"Về mặt đó, những người dân tuý hiểu lợi ích của những người sản xuất nhỏ một cách đúng đắn hơn rất nhiều và đại biểu cho những lợi ích đó một cách đúng đắn hơn rất nhiều cho nên những người mác-xít, sau khi đã vứt bỏ tất cả những gì là phản động trong cương lĩnh của phái dân tuý thì không những phải chấp nhận những điểm có tính chất dân chủ chung của cương lĩnh đó, mà còn phải phát triển những điểm đó thêm nữa, chính xác hơn nữa, sâu sắc hơn nữa. Ở Nga, những cải cách ấy càng kiên quyết bao nhiêu, càng nâng cao mức sống của quần chúng cần lao lên bao nhiêu thì sự đối lập quan trọng nhất và cơ bản (ngay từ bây giờ) về mặt xã hội trong đời sống Nga, sẽ lại càng lộ ra một cách rõ rệt hơn và nổi bật hơn bấy nhiêu. Những người mác-xít không những đã không "cắt đứt sợi dây dân chủ" hay là trào lưu dân chủ, như ông V. V. đã vu khống, mà trái lại, họ muốn cho trào lưu ấy phát triển và trở nên vững mạnh, muốn làm cho "sợi dây" đó gần gũi với cuộc sống, lượm lấy "sợi dây" đã bị "xã hội" và "giới trí thức" vứt bỏ.

Không được vứt bỏ "sợi dây" ấy, mà trái lại phải củng cố nó, – yêu cầu đó quyết không phải là ngẫu nhiên nảy sinh ra từ tâm trạng của cá nhân những "người mác-xít" này hay những "người mác-xít" khác; yêu cầu đó tất yếu là xuất phát từ địa vị và lợi ích của giai cấp mà họ muốn phục vụ; yêu cầu đó là do những yêu cầu cơ bản của "học thuyết" của họ đã quy định ra một cách tất yếu và tuyệt đối. [...] Tôi chỉ đề cập đến phần thứ hai tức là quan điểm của học thuyết mác-xít đối với những vấn đề liên quan đến "sợi dây đang bị đứt".

Những vấn đề đó, người mác-xít phải *đặt ra một cách khác* với cách mà các ngài dân tuý đã từng đặt và đang đặt ra. Các ngài dân tuý đặt vấn đề theo quan điểm của "khoa học hiện đại", theo "tư tưởng đạo đức hiện đại". Theo ý kiến họ thì tuồng như không hề có những nguyên nhân sâu xa nào, chứa đựng trong bản thân *quan*

hệ sản xuất, làm cho những loại cải cách như thế không thể thực hiện được, mà điều trở ngại duy nhất là sự thô lỗ của tình cảm như: sự thiếu "sáng suốt của lý trí", v.v.; và tuồng như nước Nga là một tabula rasa trên đó người ta chỉ còn có việc vạch ra những con đường đúng mà thôi. Rõ ràng là *đặt vấn đề như vậy*, là người ta đã đảm bảo cho vấn đề đó một "sự thuần tuý" mà ông V. V. hằng khoe khoang, nhưng thực ra, đó chẳng qua chỉ là một "sự thuần tuý" của những ảo tưởng ngây thơ mà thôi, một sự thuần tuý nó làm cho những lập luận dân tuý biến thành những tài liệu rất thích hợp với những câu chuyện gẫu trong phòng khách.

Những vấn đề đó, người mác-xít nhất định phải đặt ra một cách hoàn toàn khác. Vì những người mác-xít bắt buộc phải tìm nguồn gốc của những hiện tượng xã hội ở trong những quan hệ sản xuất, và phải quy những hiện tượng ấy vào *lợi ích* của những giai cấp nhất định, cho nên những người mác-xít phải đưa ra những desiderata coi đó là những "nguyện vọng" của những thành phần xã hội nào đó đang gặp phải sự đối địch của những thành phần xã hội và những giai cấp khác nào đó. Cách đặt vấn đề như thế sẽ hoàn toàn loại trừ mọi khả năng sử dụng những "học thuyết" của họ vào những nghị luận có tính chất kinh viện đứng *trên* các giai cấp, vào những dự án và những báo cáo hứa hẹn một "thành công rực rỡ". Đương nhiên, đấy chỉ là một ưu điểm gián tiếp của việc thay đổi quan điểm nói trên, nhưng nếu người ta xét đến sự sa ngã của chủ nghĩa dân tuý *hiện thời* đang trượt theo con đường dốc đứng mà lao xuống vũng bùn chủ nghĩa cơ hội thì người ta sẽ thấy rằng ưu điểm đó cũng rất lớn. Nhưng vấn đề không phải chỉ hạn chế ở cái ưu điểm gián tiếp ấy mà thôi đâu. Nếu người ta xuất phát từ lý luận đối kháng giai cấp [muốn thế, đương nhiên cần phải "xét lại những sự kiện" trong lịch sử Nga và trong thực tế nước Nga], mà lại đặt ra cũng những vấn đề như thế thì những giải đáp thu được sẽ nói lên những lợi ích thiết thân của những giai cấp nhất định nào đó và sẽ có thể được chính ngay những giai cấp đó và chỉ riêng những giai cấp đó vận dụng vào trong thực tiễn. Đúng như lời nói rất hay của một nhà mác-xít, những giải đáp đó sẽ tìm cách

thoát ra khỏi "căn phòng chật hẹp của giới trí thức" để đến với những người trực tiếp tham gia vào những quan hệ sản xuất dưới hình thức phát triển nhất và thuần tuý nhất, đến với những người bị ảnh hưởng nhiều hơn hết bởi việc "sợi dây bị đứt" và đang "cần có" "lý tưởng", bởi vì thiếu lý tưởng thì họ đau khổ. Cách đặt vấn đề như thế sẽ mang lại một luồng sinh khí mới vào trong tất cả những vấn đề cũ này: thuế má, giấy thông hành nội địa, việc di chuyển chỗ ở, các hội đồng quản trị hàng tổng, v.v., tức là tất cả những vấn đề mà "xã hội" nước ta đã bàn đi bàn lại, nhai đi nhai lại, và xét đi xét lại mãi rồi, nên bây giờ "xã hội" đó đã bắt đầu không cảm thấy hứng thú gì nữa về những vấn đề ấy.

Như vậy, dù chúng ta xét vấn đề về mặt nào đi nữa, - dù là chúng ta phân tích nội dung của hệ thống quan hệ kinh tế hiện có ở Nga và phân tích các hình thức khác nhau của hệ thống ấy trong mối liên hệ lịch sử của những hình thái ấy và trong mối quan hệ của chúng với lợi ích của những người lao động, - hay dù chúng ta phân tích vấn đề "sợi dây bị đứt" và những nguyên nhân của tình trạng "bị đứt" đó, - thì trong cả hai trường hợp đó chúng ta cũng đều đi đến cùng một kết luận, đến kết luận là nhiệm vụ lịch sử mà thời đại chúng ta đã trao cho "lao động bị loại ra khỏi cuộc sống" có một ý nghĩa vĩ đại, đến kết luận là tư tưởng của giai cấp đó có một ý nghĩa bao trùm tất cả".

Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó, tr.668-672.

TẬP 2

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Trái với Hê-ghen và những người khác thuộc phái Hê-ghen, Mác và Ăngghen là những nhà duy vật chủ nghĩa. Xem xét thế giới và loài người một cách duy vật, hai ông nhận thấy rằng cũng như mọi hiện tượng trong giới tự nhiên đều có nguyên nhân vật chất, sự phát triển của xã hội loài người là do sự phát triển của những lực lượng vật chất, sản xuất quyết định. Quan hệ giữa người với nhau trong việc sản xuất những vật phẩm cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của con người là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Và chính những quan hệ ấy giải thích tất cả những hiện tượng của đời sống xã hội, những nguyện vọng, tư tưởng và luật pháp của con người. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo ra những quan hệ xã hội dựa trên chế độ tư hữu, nhưng ngày nay, chúng ta thấy cũng sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất lại tước mất sở hữu của đa số và tập trung sở hữu đó vào tay một thiểu số rất nhỏ. Nó xóa bỏ cái chế độ sở hữu làm cơ sở cho trật tự xã hội hiện đại, nó tự hướng tới chính cái mục đích mà những người xã hội chủ nghĩa đã tự đề ra cho mình. Những người xã hội chủ nghĩa chỉ còn cần nhận rõ được lực lượng xã hội nào do địa vị của nó trong xã hội hiện nay mà quan tâm đến việc thực hiện chủ nghĩa xã hội, và làm cho lực lượng ấy giác ngộ về lợi ích và sứ mệnh lịch sử của nó. Lực lượng đó là giai cấp vô sản".

Phri-đrích Ăng-ghen, tr.6-7.

"Tích lũy, tức là sản xuất vượt quá tiêu dùng, tăng càng nhanh thì như vậy là càng tốt, - các nhà cổ điển đã dạy như thế; mặc dầu

họ chưa hiểu được quá trình sản xuất xã hội của tư bản, và tuy họ chưa thoát ra khỏi sai lầm của Xmít cho rằng sản phẩm xã hội gồm có hai phần, nhưng họ cũng đã đề ra được luận điểm hoàn toàn đúng là sản xuất tự tạo ra cho nó một thị trường, tự nó quyết định tiêu dùng. Chúng ta biết rằng học thuyết của Mác đã tiếp thu quan niệm đó về tích lũy của các nhà cổ điển, đã thừa nhận là của cải tăng càng nhanh thì lực lượng sản xuất của lao động càng phát triển một cách đầy đủ, lao động càng được xã hội hóa, tình cảnh của công nhân càng được cải thiện, với mức độ có thể được cải thiện trong hệ thống kinh tế xã hội đang được nghiên cứu đó".

Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, tr.165.

"Đành rằng cả Ri-các-đô cũng không đính chính được sai lầm cơ bản đã nói ở trên kia của Xmít, do đó, ông không giải quyết được vấn đề quan hệ giữa tư bản xã hội và thu nhập, cũng như vấn đề thực hiện sản phẩm (Ri-các-đô cũng không tự đề ra cho mình những vấn đề đó), nhưng do bản năng, ông đã đánh giá được chính ngay bản chất của phương thức sản xuất tư sản, nêu ra cái sự thực hoàn toàn không thể chối cãi được là: tích lũy là số thặng dư do sản xuất vượt quá thu nhập mà ra. Theo sự phân tích mới nhất thì đúng là như vậy. Thực thế, sản xuất tự tạo ra thị trường cho nó: muốn sản xuất phải có tư liệu sản xuất, mà tư liệu sản xuất lại cấu thành một ngành riêng biệt trong nền sản xuất xã hội, ngành đó sử dụng một phần nhất định công nhân, sản xuất ra một sản phẩm riêng biệt, sản phẩm này được thực hiện một phần ngay trong nội bộ ngành đó, một phần bằng sự trao đổi với ngành khác: ngành sản xuất ra vật phẩm tiêu dùng. Thực vậy, tích lũy là số thặng dư do sản xuất vượt quá thu nhập (những vật phẩm tiêu dùng) mà ra. Để mở rộng sản xuất (tức là "tích lũy", theo ý nghĩa tuyệt đối của từ này), trước hết cần phải sản xuất ra tư liệu sản xuất; mà muốn thế thì phải mở rộng khu vực sản xuất xã hội chế tạo tư liệu sản xuất, phải *thu hút vào khu vực ấy*, những công nhân lúc đó *cũng lại đề ra nhu cầu về các vật phẩm tiêu dùng.*

Như vậy là "tiêu dùng" phát triển *theo sau* "tích lũy" hoặc *theo sau* "sản xuất", - điều đó dù xem ra có vẻ kỳ quái đến thế nào chăng nữa, nhưng trong xã hội tư bản chủ nghĩa thì không thể nào khác thế được. Như vậy là sự phát triển của hai khu vực sản xuất tư bản chủ nghĩa đó chẳng những không nhất thiết phải đều nhau, mà trái lại, nó nhất định không bằng nhau. Mọi người đều biết quy luật phát triển của tư bản là: tư bản bất biến tăng nhanh hơn tư bản khả biến, tức là bộ phận tư bản mới hình thành ngày càng được bỏ nhiều hơn vào khu vực kinh tế xã hội sản xuất ra tư liệu sản xuất. Như vậy là khu vực này tất nhiên tăng nhanh hơn khu vực sản xuất ra vật phẩm tiêu dùng, nghĩa là xảy ra chính cái mà Xi-xmôn-đi tuyên bố là "không có thể có", "nguy hiểm", v.v.. Như vậy là vật phẩm tiêu dùng cá nhân chiếm một vị trí ngày càng nhỏ hơn trong tổng khối lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa. Và điều đó hoàn toàn phù hợp với "sứ mệnh" lịch sử của chủ nghĩa tư bản và với cơ cấu xã hội đặc biệt của nó: sứ mệnh của nó chính là phát triển lực lượng sản xuất của xã hội (sản xuất để sản xuất); cơ cấu của nó thì làm cho quần chúng nhân dân không sử dụng được lực lượng sản xuất".

Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, tr.174-175.

"Không thể chối cãi được rằng việc sử dụng máy móc đưa đến chỗ giãn thợ, làm cho tình cảnh của họ điêu đứng thêm; không thể chối cãi được rằng Xi-xmôn-đi đã có công là một trong những người đầu tiên vạch ra điều đó. Mặc dầu vậy, lý luận của ông về tích lũy và về thị trường trong nước vẫn sai lầm từ đầu đến cuối. Sự tính toán của ông đã chứng minh rõ chính cái hiện tượng mà ông không những đã phủ nhận mà thậm chí còn biến thành lý do để phản đối chủ nghĩa tư bản khi ông nói rằng tích lũy và sản xuất phải phù hợp với tiêu dùng, nếu không thì sẽ gây ra khủng hoảng. Sự tính toán của ông chính là đã chứng minh rằng tích lũy và sản xuất *vượt quá* tiêu dùng, và không thể khác thế được, vì tích lũy được thực hiện chủ yếu là dựa vào tư liệu sản xuất là cái không

đem dùng vào "tiêu dùng". Cái mà Xi-xmôn-đi cho chỉ là một sai lầm, một mâu thuẫn trong học thuyết của Ri-các-đô, – cụ thể là: tích lũy là số thặng dư do sản xuất vượt quá thu nhập mà ra, – thì thật ra là hoàn toàn phù hợp với hiện thực và biểu hiện một mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản. Sự vượt quá đó là *cần thiết* trong bất cứ tích lũy nào, vì bất cứ tích lũy nào cũng đều mở ra một thị trường mới *cho tư liệu sản xuất mà không cần thị trường tiêu thụ vật phẩm tiêu dùng phải mở rộng một cách tương xứng, thậm chí dù thị trường ấy có co hẹp lại cũng vậy.* Sau đó, khi vứt bỏ học thuyết về những ưu việt của cạnh tranh tự do, Xi-xmôn-đi không thấy rằng như vậy là cùng với thứ chủ nghĩa lạc quan trống rỗng, ông đã quẳng đi một chân lý xác thực là: cạnh tranh tự do *làm cho lực lượng sản xuất của xã hội phát triển,* như điều đó đã một lần nữa được chứng tỏ rõ qua sự tính toán của chính ông. (Kỳ thực, đấy cũng chỉ là một biểu hiện khác của việc hình thành và phát triển đặc biệt nhanh chóng của một khu vực đặc biệt của công nghiệp, khu vực sản xuất ra tư liệu sản xuất). Lực lượng sản xuất của xã hội thì phát triển mà tiêu dùng lại không phát triển theo một cách tương xứng, đương nhiên đó là một mâu thuẫn, nhưng chính là cái mâu thuẫn tồn tại thực tế, đẻ ra từ ngay bản chất của chủ nghĩa tư bản, một mâu thuẫn mà người ta không thể nào gạt bỏ được bằng những câu tình cảm".

Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, tr.179-181.

"Vậy lời buộc tội ấy có ý nghĩa gì? Nó chỉ dựa vào một quan niệm cực kỳ phản khoa học về bản thân đối tượng của khoa kinh tế chính trị. Đối tượng này không phải là "sự sản xuất ra những giá trị vật chất", như người ta thường nói (đó là đối tượng của công nghệ học), mà là những quan hệ xã hội giữa người ta trong sản xuất. Chỉ có hiểu "sản xuất" theo nghĩa thứ nhất mới có thể tách "phân phối" ra khỏi sản xuất; trong trường hợp này thì trong "mục" sản xuất, sẽ không có những phạm trù về các hình thức lịch sử nhất định của kinh tế xã hội, mà lại có những phạm trù thuộc

về quá trình lao động nói chung: thường thường, những cái vô vị rỗng tuếch theo kiểu đó chẳng qua chỉ dùng để sau đó xóa nhòa những điều kiện lịch sử và xã hội mà thôi. (Thí dụ: khái niệm tư bản.) Nhưng nếu chúng ta triệt để coi "sản xuất" là những quan hệ xã hội trong sản xuất thì cả "phân phối" lẫn "tiêu dùng" đều mất hết mọi ý nghĩa độc lập. Một khi làm rõ được những mối quan hệ trong sản xuất thì *như vậy* cũng là làm rõ được phần sản phẩm mà từng giai cấp được hưởng và do đó, làm rõ được "phân phối" và "tiêu dùng". Trái lại, nếu quan hệ sản xuất không được xác minh rõ ràng (chẳng hạn như trong trường hợp không hiểu rõ quá trình sản xuất của tổng tư bản xã hội) thì mọi nghị luận về tiêu dùng và phân phối đều biến thành những lời vô vị hoặc là những mong ước ngây thơ lãng mạn chủ nghĩa mà thôi. [...] Chỉ có một nhà kinh tế học chưa bao giờ tách phân phối riêng ra, và đã phản đối hết sức kịch liệt những nghị luận "tầm thường" về "phân phối" (xem những nhận xét của Mác về cương lĩnh Gô-ta, mà P. Xtơ-ru-vê trích dẫn trong quyển "Những ý kiến phê phán", tr.129, lời đề từ viết ở đầu chương IV) là đã giải quyết được vấn đề ấy. Không phải chỉ có thế. Muốn giải quyết vấn đề, chính là phải phân tích *sự tái sản xuất* ra tư bản xã hội. Tác giả không coi tiêu dùng, cũng không coi phân phối là một vấn đề riêng biệt; nhưng nếu *sản xuất* được phân tích đến nơi đến chốn thì cả hai vấn đề đó đều được hoàn toàn sáng tỏ ngay".

Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, tr.237-238.

"Trước hết, hãy nói về "chủ nghĩa cá nhân". Thường thường người ta hay đem sự liên hợp của những nông dân cùng một công xã hay của những thợ thủ công cùng một nghề mà đối lập với chủ nghĩa tư bản đang phá hoại những mối liên hệ ấy và thay thế những mối liên hệ đó bằng sự cạnh tranh. Lối lập luận này lặp lại một sai lầm điển hình của chủ nghĩa lãng mạn, cụ thể là: căn cứ vào những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản để không cho rằng chủ nghĩa đó là *một hình thức cao nhất của tổ chức xã hội.* Song nếu chủ nghĩa tư bản phá vỡ những mối liên hệ trung cổ của công

xã nông thôn, của phường hội, của ác-ten, v.v., thì há chẳng phải là nó đã thay thế những mối liên hệ đó bằng những mối liên hệ khác đấy ư? Nền kinh tế hàng hóa chẳng phải đã là một mối *liên hệ* giữa những người sản xuất, mối liên hệ do *thị trường* xác lập nên đấy ư? Mối *liên hệ này*, tuy có tính đối kháng, đầy rẫy biến động và mâu thuẫn, nhưng quyết không thể vì thế mà chúng ta có quyền phủ nhận *sự tồn tại của mối liên hệ đó*. Và chúng ta biết rằng chính sự phát triển của những mâu thuẫn đã làm bộc lộ ra ngày càng mạnh mẽ sức mạnh của mối liên hệ ấy, nó *buộc* tất cả các phần tử và giai cấp riêng biệt của xã hội phải tìm cách liên hợp nhau lại, — vả lại không phải là sự liên hợp trong những giới hạn chật hẹp của một công xã nông thôn hay một vùng, mà là sự liên hợp của tất cả các đại biểu cùng một giai cấp *của toàn bộ quốc gia,* thậm chí của nhiều nước. [...].

Còn tính không bảo đảm, tính không ổn định, v.v., thì đó vẫn lại là cái điệu hát cũ rích mà chúng ta đã nói đến trong vấn đề thị trường ngoài nước rồi. Chính những sự công kích như thế đã làm lộ rõ người lãng mạn chủ nghĩa, anh ta lên án một cách rụt rè chính cái mà lý luận khoa học đánh giá cao hơn hết trong chủ nghĩa tư bản, tức là: xu hướng phát triển vốn có của chủ nghĩa tư bản, xu hướng tiến lên không gì cưỡng lại được, tình trạng chủ nghĩa tư bản không thể dừng lại hoặc không thể tái sản xuất ra những quá trình kinh tế với quy mô cố định như cũ. Chỉ có người không tưởng, sáng tác ra những kế hoạch hoang đường nhằm áp dụng rộng những tổ chức liên hợp kiểu trung cổ (đại loại như công xã nông thôn) vào toàn thể xã hội, mới có thể coi thường sự thực này: "tính không ổn định" của chủ nghĩa tư bản chính là một nhân tố tiến bộ rất lớn, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, lôi cuốn những quần chúng dân cư ngày càng đông đảo vào trong cơn lốc của đời sống xã hội, buộc họ phải suy nghĩ về cái chế độ của đời sống xã hội ấy, buộc họ phải tự mình "rèn nên hạnh phúc của mình"".

Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, tr.251-253.

Sau khi nêu ra sự cải thiện tình cảnh tương lai của công nhân, diễn giả nói tiếp:

"Về điểm này, các nhà kinh tế học sẽ bẻ lại chúng ta:

Được, chúng tôi đồng ý rằng sự cạnh tranh trong công nhân chắc chắn là sẽ không giảm bớt dưới chế độ mậu dịch tự do, và không bao lâu sẽ làm cho tiền công phù hợp với giá hạ hơn của hàng hóa. Nhưng mặt khác, giá hạ của hàng hóa sẽ làm cho tiêu dùng tăng lên; tiêu dùng nhiều sẽ đòi hỏi phải sản xuất nhiều hơn, sản xuất nhiều hơn thì số cầu về sức lao động cũng tăng lên, và số cầu về sức lao động tăng lên thì tiền công cũng sẽ tăng theo.

Toàn bộ luận chứng này chung quy lại là: *mậu dịch tự do làm cho lực lượng sản xuất tăng lên.* Nếu công nghiệp phát triển, nếu của cải, lực lượng sản xuất, nói tóm lại là tư bản sản xuất, làm tăng thêm số cầu về lao động thì giá cả lao động, và do đó cả tiền công nữa, cũng tăng lên theo. *Tư bản tăng lên là điều kiện có lợi nhất cho công nhân. Và cần phải đồng ý về điểm đó...* Nếu tư bản đình đốn thì công nghiệp không những chỉ đình đốn mà còn suy sụp đi; trong trường hợp này, công nhân sẽ là nạn nhân đầu tiên của sự suy sụp đó. Công nhân sẽ chết trước nhà tư bản. Còn trong trường hợp mà tư bản tăng lên, nghĩa là như đã nói trên kia, trong trường hợp *tốt nhất* cho người công nhân thì số phận của công nhân sẽ như thế nào? Công nhân cũng sẽ chết...". Dựa vào những tài liệu của các nhà kinh tế học Anh, diễn giả giải thích một cách tỉ mỉ sự tích tụ tư bản đẩy mạnh sự phân công lao động như thế nào — sự phân công này lại làm giảm giá sức lao động bằng cách dùng lao động giản đơn thay thế cho lao động lành nghề, — máy móc loại trừ công nhân như thế nào, tư bản lớn làm cho các nhà tiểu công nghiệp và những người thực lợi nhỏ bị lâm vào cảnh phá sản như thế nào và làm trầm trọng thêm như thế nào những cuộc khủng hoảng đang làm tăng thêm số người thất nghiệp. Kết luận rút ra từ sự phân tích của diễn giả là: mậu dịch tự do chẳng qua chỉ là sự phát triển tự do của tư bản mà thôi.

Như vậy là diễn giả đã tìm thấy tiêu chuẩn để có thể giải quyết được cái vấn đề mà thoạt nhìn qua thì hình như là đưa đến những sự bế tắc mà Xi-xmôn-đi đã vấp phải: mậu dịch tự do, cũng như việc ngăn cản mậu dịch tự do, cả hai đều dẫn công nhân đến chỗ bị phá sản. *Tiêu chuẩn ấy chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất.* Cách đặt vấn đề trên cơ sở lịch sử chứng tỏ ngay tính ưu việt của nó: tác giả không đem chủ nghĩa tư bản so sánh với một xã hội trừu tượng mà người ta mong muốn (về thực chất, tức là với một không tưởng), mà lại đem so sánh *với những giai đoạn trước đó* của nền kinh tế xã hội; ông đã đem so sánh với nhau các giai đoạn nối tiếp nhau của chủ nghĩa tư bản, *và ông đã nhận thấy rằng lực lượng sản xuất của xã hội phát triển nhờ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.* Phê phán một cách khoa học lập luận của phái mậu dịch tự do, ông đã tránh không phạm sai lầm mà các nhà lãng mạn chủ nghĩa thường mắc phải là khi phủ nhận tất cả mọi ý nghĩa của lập luận ấy thì đã đem "hắt cả đứa trẻ đi cùng với nước bẩn trong chậu tắm"; ông đã biết tách lấy cái hạt nhân hợp lý của lập luận ấy, tức là thừa nhận sự tiến bộ kỹ thuật to lớn mà không ai có thể hoài nghi được. Đương nhiên, vốn rất sắc sảo, các nhà dân túy của chúng ta chắc sẽ kết luận rằng tác giả này đứng *về phía đại tư bản để chống lại người tiểu sản xuất* một cách rất công khai như thế thì hẳn là "một người biện hộ cho quyền lực của tiền tệ", nhất là vì tác giả lại đã tuyên bố với lục địa châu Âu là áp dụng rộng những kết luận rút ra từ đời sống ở nước Anh, vào tổ quốc của ông, là nơi mà nền đại công nghiệp cơ khí lúc bấy giờ đang chập chững bước những bước đầu tiên. Vậy mà chính là nhờ có ví dụ này (cũng như nhờ có bao nhiêu ví dụ tương tự khác lấy trong lịch sử của Tây Âu) mà lẽ ra các nhà dân túy ấy có thể học được cái điều mà họ hoàn toàn không thể (hay có lẽ là không muốn?) hiểu, cụ thể là: thừa nhận tính chất tiến bộ của đại tư bản so với nền tiểu sản xuất, tuyệt nhiên không phải là "biện hộ" cho đại tư bản".

Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, tr.316-318.

"Chúng ta vừa xét tất cả các ngành thủ công nghiệp trong đó tuyệt đại đa số thợ thủ công đều sản xuất cho những người bao mua. Qua sự khảo sát đó, chúng ta rút ra được những kết luận gì? Chúng ta đã thấy rõ tính chất hoàn toàn vô căn cứ của cái luận điểm của phái dân túy cho rằng những người bao mua, và ngay cả các xưởng lắp ghép, đều là bọn cho vay nặng lãi, đều là những yếu tố xa lạ với sản xuất, v.v.. Mặc dầu những số liệu trong tập "Lược khảo" là không đầy đủ, như chúng tôi đã nêu ra, và mặc dầu chương trình của cuộc điều tra không đề cập đến các vấn đề về những hoạt động kinh tế của người bao mua, nhưng chúng tôi cũng đã có thể xác nhận, trong đa số các ngành thủ công nghiệp, rằng những người bao mua đều liên hệ chặt chẽ nhất với sản xuất và thậm chí còn tham gia trực tiếp vào sản xuất, "tham gia" với tư cách là chủ xưởng mướn công nhân làm thuê. Không có gì phi lý hơn là cái ý kiến cho rằng việc sản xuất cho chủ bao mua chẳng qua chỉ là kết quả của một hành động không chính đáng, của một sự ngẫu nhiên, của một "hiện tượng tư bản chủ nghĩa hóa quá trình trao đổi" nào đó, chứ không phải là kết quả của sản xuất. Trái lại, việc sản xuất cho người bao mua chính là *một hình thức đặc biệt của sản xuất,* một hình thức tổ chức đặc biệt của những quan hệ kinh tế trong sản xuất, __ một hình thức tổ chức thoát thai trực tiếp từ nền tiểu sản xuất hàng hóa (nếu nói theo thuật ngữ của các sách báo giàu tính lạc quan ở nước ta thì tức là từ nền "tiểu sản xuất nhân dân") và hiện còn bị ràng buộc với nền tiểu sản xuất đó bằng muôn nghìn mối liên hệ, bởi vì kẻ đặt cơ sở cho chế độ này là những tiểu chủ khá giả nhất, những "thợ thủ công" tiên tiến nhất, là những người đang làm tăng thêm số doanh thu của mình lên bằng cách phân phát công việc cho các gia đình làm gia công ở nhà. Vì việc sản xuất cho người bao mua có quan hệ trực tiếp với xưởng tư bản chủ nghĩa sử dụng công nhân làm thuê, và nhiều khi chỉ là khâu tiếp tục của xưởng tư bản chủ nghĩa hay là một bộ phận của xưởng ấy, cho nên việc sản xuất đó chẳng qua chỉ *là bộ phận phụ thuộc của công xưởng,* nếu người ta hiểu những

tiếng này theo nghĩa thông thường, chứ không hiểu theo nghĩa khoa học. Nếu người ta căn cứ vào sự phân loại một cách khoa học các hình thức công nghiệp theo sự phát triển tuần tự kế tiếp của chúng thì hình thức sản xuất cho người bao mua lại chủ yếu là thuộc về hình thức *công trường thủ công tư bản chủ nghĩa,* bởi vì: 1) nó dựa trên cơ sở sản xuất thủ công và trên cơ sở rất nhiều xưởng nhỏ; 2) nó thực hiện sự phân công giữa các xưởng ấy và phát triển sự phân công đó cả ở trong xưởng; 3) nó đặt gã lái buôn lên địa vị đứng đầu sản xuất, như trường hợp vẫn luôn luôn xảy ra đối với công trường thủ công, tức là trường hợp đòi hỏi phải sản xuất trên quy mô lớn, phải mua nguyên liệu và bán sản phẩm với một khối lượng to lớn; 4) nó hạ thấp những người lao động xuống địa vị những công nhân làm thuê làm ở xưởng của một nghiệp chủ hoặc làm ở nhà mình. Như người ta đã biết, chính những dấu hiệu đó là nội dung của khái niệm khoa học công trường thủ công với tư cách là một giai đoạn đặc biệt của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp (xem "Das Kapital", I, Kapitel XII). Như người ta đã biết, hình thức công nghiệp này đã chứng tỏ sự thống trị sâu sắc của chủ nghĩa tư bản, nó là tiền thân trực tiếp của hình thức cuối cùng và cao nhất của chủ nghĩa tư bản, tức là đại công nghiệp cơ khí. Như vậy, chế độ sản xuất cho chủ bao mua là một hình thức lạc hậu của chủ nghĩa tư bản và trong xã hội hiện nay, tính chất lạc hậu ấy làm cho đặc biệt trầm trọng thêm tình cảnh của những người lao động bị bóc lột bởi cả một loạt những kẻ trung gian (sweating-system), bị phân tán, buộc phải nhận số tiền công hạ nhất, phải làm việc với ngày lao động cực kỳ dài, trong những điều kiện hết sức mất vệ sinh, và chủ yếu là làm việc trong những điều kiện khiến cho xã hội rất khó kiểm soát sản xuất".

Điều tra về nghề thủ công ở tỉnh Péc-mơ năm 1894/95 và những vấn đề chung về công nghiệp "thủ công", tr.493-495.

TẬP 3

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Sản xuất phát triển (và, do đó, cả thị trường trong nước cũng phát triển) chủ yếu là trong khu vực tư liệu sản xuất, điều đó hình như ngược đời và dĩ nhiên là một mâu thuẫn. Đấy thật sự là "sản xuất để mà sản xuất", là mở rộng sản xuất mà không mở rộng tiêu dùng một cách tương ứng. Nhưng đấy không phải là một mâu thuẫn của lý luận, mà là một mâu thuẫn trong đời sống thực tế; đấy chính là một mâu thuẫn phù hợp với chính ngay bản chất của chủ nghĩa tư bản và với những mâu thuẫn khác của chế độ kinh tế xã hội đó. Chính sự mở rộng sản xuất mà không mở rộng tiêu dùng một cách tương ứng đó là phù hợp với sứ mệnh lịch sử và kết cấu xã hội đặc thù của chủ nghĩa tư bản: sứ mệnh của nó là phát triển lực lượng sản xuất của xã hội; kết cấu xã hội của nó lại ngăn cản không cho đông đảo quần chúng nhân dân sử dụng những thành tựu kỹ thuật đó. Có một mâu thuẫn rành rành giữa xu hướng muốn mở rộng vô hạn độ sản xuất, xu hướng cố hữu của chủ nghĩa tư bản, với tiêu dùng bị hạn chế của quần chúng nhân dân (hạn chế bởi địa vị vô sản của họ)".

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, tr.49-50.

"I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA KINH TẾ DIÊU DỊCH

Muốn nghiên cứu chế độ hiện nay của kinh tế địa chủ thì phải lấy chế độ của nền kinh tế đó đã thống trị trong thời kỳ chế độ nông nô làm khởi điểm. Thực chất của chế độ kinh tế thời kỳ đó là ở chỗ toàn bộ đất đai của mỗi đơn vị kinh doanh nông nghiệp, tức

là của mỗi trại ấp thế tập, đều chia ra thành đất của địa chủ và đất của nông dân. Đất nông dân thì chia thành những khoảnh cấp cho nông dân dưới hình thức phần ruộng được chia (ngoài ra nông dân còn nhận thêm những tư liệu sản xuất khác như rừng rú, hoặc đôi khi cả súc vật v.v.), họ canh tác đất đai đó bằng nông cụ và lao động của mình và từ đó rút ra những tư liệu sinh hoạt. Sản phẩm lao động đó của nông dân, theo thuật ngữ của môn chính trị kinh tế lý luận, là sản phẩm tất yếu; tất yếu đối với nông dân vì nó cung cấp cho họ tư liệu sinh hoạt, tất yếu đối với địa chủ vì nó cung cấp nhân công cho địa chủ; nói chung, cũng giống hệt như sản phẩm bù lại phần giá trị khả biến của tư bản, là sản phẩm tất yếu trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Còn phần lao động thặng dư của nông dân thì gồm những công việc mà họ làm trên đất đai của địa chủ *cũng bằng* những nông cụ mà họ đã dùng để lao động trên miếng đất của bản thân họ; sản phẩm lao động này thuộc về địa chủ. Bởi thế lao động thặng dư ở đây khác với lao động tất yếu về mặt không gian: nông dân canh tác đất đai của địa chủ cho chủ, canh tác những phần ruộng được chia của bản thân mình cho mình; họ lao động cho địa chủ một số ngày trong tuần lễ, lao động cho bản thân mình những ngày còn lại. Như vậy là trong chế độ đó, "phần ruộng được chia" của người nông dân là một thứ tiền công trả bằng hiện vật (nói theo cách nói hiện nay), hay là một biện pháp để đảm bảo nhân công cho địa chủ. Kinh doanh nông nghiệp "riêng" của nông dân trên phần ruộng được chia của họ là điều kiện tồn tại của kinh doanh của địa chủ, nó nhằm mục đích "đảm bảo" không phải tư liệu sinh hoạt cho nông dân mà là đảm bảo nhân công cho địa chủ.

Chế độ kinh tế đó, chúng tôi gọi là kinh tế diêu dịch. Tất nhiên, để chiếm được ưu thế, chế độ đó phải có những điều kiện cần thiết như sau: một là, sự thống trị của kinh tế tự nhiên. Trại ấp của địa chủ phải là một chỉnh thể đơn độc, tự túc, rất ít liên hệ với thế giới bên ngoài. Việc địa chủ sản xuất lúa mì để bán, một việc đặc biệt phát triển trong thời kỳ cuối của chế độ nông nô, đã báo hiệu sự tan rã của chế độ cũ. Hai là, chế độ kinh tế đó bắt buộc

người sản xuất trực tiếp phải có những tư liệu sản xuất nói chung và có đất đai nói riêng; hơn nữa, người đó phải bị trói chặt vào ruộng đất, nếu không thì không thể đảm bảo được nhân công cho địa chủ. Do đó, những phương pháp để có được sản phẩm thặng dư trong kinh tế diêu dịch và trong kinh tế tư bản chủ nghĩa là hoàn toàn đối lập nhau: kinh tế diêu dịch dựa vào việc cấp cho người sản xuất một phần đất; kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa vào việc tách người sản xuất ra khỏi ruộng đất. Ba là, một điều kiện nữa của chế độ đó là sự lệ thuộc về thân thể của người nông dân vào địa chủ. Nếu không có được một quyền lực trực tiếp đối với thân thể người nông dân thì địa chủ sẽ không thể nào bắt buộc được một người có một phần ruộng được chia và tự kinh doanh lấy phần đất ấy, phải đến làm cho hắn. Thế là phải có một "sự cưỡng bức siêu kinh tế" như Mác đã nói, khi định nghĩa chế độ kinh tế ấy (như chúng tôi đã dẫn ra ở trên, Mác liệt chế độ ấy vào loại *địa tô lao dịch.* "Das Kapital", III, 2, 324). Sự cưỡng bức đó có thể có rất nhiều hình thức và mức độ khác nhau, từ chế độ nông nô đến địa vị thấp kém của người nông dân trước luật pháp. Bốn là, cuối cùng, điều kiện và cũng là hậu quả của chế độ kinh tế đang bàn tới là trình độ vô cùng thấp và thủ cựu của kỹ thuật, vì kinh doanh nông nghiệp nằm trong tay những người tiểu nông bị sự nghèo đói đè bẹp, bị sự lệ thuộc về thân thể và sự dốt nát làm cho đần độn.

II. SỰ KẾT HỢP CHẾ ĐỘ KINH TẾ DIÊU DỊCH VỚI CHẾ ĐỘ KINH TẾ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Việc xóa bỏ chế độ nông nô phá hoại chế độ kinh tế diêu dịch. Tất cả những cơ sở chủ yếu của chế độ đó như nền kinh tế tự nhiên, tính chất đơn độc và tự túc của trại ấp địa chủ, sự liên hệ mật thiết giữa các bộ phận khác nhau của chế độ đó, quyền thống trị của địa chủ đối với nông dân, đều bị lung lay. Kinh tế nông dân tách khỏi kinh tế địa chủ; người nông dân phải chuộc lại đất đai của mình để làm thành sở hữu hoàn toàn của mình, còn địa chủ thì phải chuyển sang chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa, là chế độ,

như chúng ta vừa thấy, dựa trên những cơ sở trái ngược hẳn với chế độ cũ. Nhưng việc chuyển sang một chế độ hoàn toàn khác như thế tất nhiên là không thể thực hiện được ngay lập tức, và như thế là do hai lẽ. Một là, lúc bấy giờ chưa có những điều kiện cần thiết cho nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Muốn thế cần phải có một giai cấp gồm những người quen lao động làm thuê, cần phải thay thế nông cụ của nông dân bằng nông cụ của địa chủ; nông nghiệp cần phải được tổ chức như mọi xí nghiệp công thương nghiệp khác chứ không phải như một công việc gia đình của ông chủ. Tất cả những điều kiện đó chỉ có thể thực hiện được dần dần, cho nên trong thời gian đầu khi chế độ nông nô mới bị xóa bỏ, một vài địa chủ đã thử nhập khẩu máy móc nông nghiệp và thậm chí cả công nhân nữa, nhưng như thế chỉ có thể đi đến thất bại hoàn toàn mà thôi. Nguyên nhân thứ hai làm cho không thể chuyển ngay sang làm ăn theo lối tư bản chủ nghĩa được, là do chế độ kinh tế cũ, chế độ diêu dịch chỉ mới bị lung lay chứ chưa hoàn toàn bị xóa bỏ. Kinh doanh của nông dân chưa phải đã hoàn toàn tách khỏi kinh doanh của địa chủ vì địa chủ còn chiếm giữ đại bộ phận những phần ruộng được chia của nông dân: "ruộng đất cắt xén", rừng rú, đồng cỏ, hồ nước để cho súc vật uống, bãi cỏ chăn nuôi v.v.. Không có những đất đai (hay những quyền địa dịch) đó, thì nông dân hoàn toàn bó tay không thể kinh doanh độc lập được và như thế địa chủ có thể tiếp tục duy trì chế độ kinh tế cũ dưới hình thức lao dịch. Đồng thời khả năng "cưỡng bức siêu kinh tế" cũng vẫn tồn tại: nông dân vẫn là những nông dân có nghĩa vụ tạm thời, phải liên đới bảo lĩnh, phải chịu những nhục hình, phải đi làm những công trình công cộng v.v..

Bởi thế kinh tế tư bản chủ nghĩa không thể tức khắc mọc ngay lên được, cũng như chế độ diêu dịch không thể tiêu tan đi trong chốc lát. Chế độ kinh tế duy nhất có thể thực hiện được là một chế độ quá độ kết hợp những đặc điểm của chế độ diêu dịch và của chế độ tư bản chủ nghĩa. Thật thế, chế độ kinh tế địa chủ sau cải cách đã mang chính tính chất hỗn hợp đó. Mặc dù những hình thức muôn màu muôn vẻ vốn có của giai đoạn quá độ, nhưng tổ chức kinh tế của doanh nghiệp địa chủ hiện đại, chung quy lại cũng chỉ

là hai chế độ cơ bản, kết hợp với nhau thành rất nhiều hình thức: chế độ *lao dịch* và chế độ *tư bản chủ nghĩa*. Chế độ lao dịch là dùng nông cụ của nông dân ở vùng lân cận để canh tác đất đai; hình thức trả công không hề làm thay đổi thực chất của chế độ đó (dù là trả bằng tiền như trong lối thuê khoán, hay trả bằng hiện vật như trong chế độ làm rẽ, hay trả bằng ruộng đất như trong chế độ lao dịch, theo nghĩa hẹp của tiếng đó). Đó là một tàn dư trực tiếp của chế độ diêu dịch, và định nghĩa kinh tế trên kia của chúng tôi hầu như hoàn toàn có thể áp dụng cho chế độ lao dịch (có một điểm khác nhau duy nhất là với một trong những hình thức lao dịch thì một trong những điều kiện của chế độ diêu dịch lại không còn nữa, tức là với chế độ thuê khoán, cách trả công bằng tiền đã thay thế cách trả công bằng hiện vật). Chế độ tư bản chủ nghĩa là ở chỗ thuê có kỳ hạn, thuê năm, thuê ngày v.v. những người lao động để canh tác ruộng đất bằng nông cụ của chủ đất. Hai chế độ nói trên kết hợp với nhau một cách kỳ dị và muôn màu muôn vẻ trong đời sống thực tế: trong phần lớn trại ấp của địa chủ, hai chế độ đó gắn liền với nhau và được áp dụng vào những hoạt động kinh tế khác nhau. Hai chế độ khác nhau như thế hay thậm chí trái ngược nhau nữa, mà kết hợp với nhau thì tất nhiên là trong thực tế, sẽ nảy sinh ra rất nhiều mâu thuẫn và nhiều xung đột sâu sắc nhất và phức tạp nhất, và dưới áp lực của những mâu thuẫn đó, rất nhiều chủ đất bị phá sản v.v.. Đó đều là những hiện tượng cố hữu của bất cứ giai đoạn quá độ nào".

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, tr.227-233.

"IX. KẾT LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG NÔNG NGHIỆP NGA

Trong những chương II - IV, chúng ta đã nghiên cứu vấn đề chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp Nga về hai phương diện. Trước hết chúng ta đã xét kết cấu những mối quan hệ kinh tế - xã hội hiện nay trong kinh tế nông dân và trong kinh tế địa chủ, kết cấu đã hình thành trong thời kỳ sau cải cách. Chúng ta đã nhận thấy rằng nông dân phân hóa một cách cực kỳ mau chóng thành

hai bộ phận: giai cấp tư sản nông thôn có số lượng rất ít, nhưng lại vững mạnh do địa vị kinh tế của nó, và giai cấp vô sản nông thôn. Quá trình "phi nông dân hóa" này đi đôi với quá trình những kẻ chiếm hữu ruộng đất tiến từ chế độ kinh doanh theo lối lao dịch sang lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Sau đó chúng ta đã xét quá trình ấy về một phương diện khác; chúng ta đã lấy những hình thức của sự chuyển biến của nông nghiệp thành một nền sản xuất hàng hóa để làm điểm xuất phát và chúng ta đã xét những quan hệ kinh tế - xã hội của riêng từng hình thức chủ yếu một của ngành nông nghiệp thương phẩm. Chúng ta thấy cũng những quá trình như thế trong kinh tế của nông dân và trong kinh tế tư hữu qua những điều kiện nông nghiệp thuộc đủ mọi loại khác nhau.

Bây giờ, qua những tài liệu đã trình bày trên đây, chúng ta xem có thể rút ra những kết luận gì.

1) Đặc điểm cơ bản của sự tiến triển của ngành nông nghiệp sau cải cách là nông nghiệp ngày càng mang tính chất thương phẩm, kinh doanh. Đối với các trang trại tư nhân, thì điều đó là rõ ràng đến nỗi không cần bình luận nữa. Nhưng đối với nông nghiệp của nông dân thì không dễ gì mà nhận ra điều đó, một là vì việc sử dụng lao động làm thuê không phải là một đặc trưng tuyệt đối cần thiết của tầng lớp tư sản nhỏ ở nông thôn. Như trên kia chúng tôi đã nói rõ, tầng lớp này cũng bao gồm tất cả mọi hạng người tiểu sản xuất hàng hóa, tự cấp tự túc, miễn là toàn bộ kinh tế của họ được thiết lập trên cơ sở những mâu thuẫn tư bản chủ nghĩa mà chúng ta đã nghiên cứu trong chương II. Hai là, người tư sản nhỏ ở nông thôn (ở Nga cũng như ở các nước tư bản chủ nghĩa khác) thì do một loạt giai đoạn quá độ nên thường bị lẫn với "người nông dân" có một miếng đất và với người vô sản nông thôn được chia một mảnh đất con. Chính đó là một trong những nguyên nhân gây ra sự tồn tại dai dẳng của những thứ lý luận không phân biệt giai cấp tư sản nông thôn với giai cấp vô sản nông thôn trong "nông dân".

2) Do chính ngay bản chất của ngành nông nghiệp nên việc nó chuyển biến thành sản xuất hàng hóa đã diễn ra một cách đặc biệt, không giống với quá trình chuyển biến đó trong công nghiệp.

Công nghiệp chế biến chia thành những ngành riêng biệt, tuyệt đối độc lập và chỉ chuyên chế tạo một thứ sản phẩm hay một bộ phận của sản phẩm mà thôi. Còn ngành công nghiệp nông nghiệp thì không chia thành những ngành tách biệt hẳn nhau, nhưng tùy từng trường hợp mà chỉ chuyên sản xuất một thứ hàng nào đó cho thị trường, còn những mặt khác của nông nghiệp thì thích ứng với thứ hàng chủ yếu đó (nghĩa là với thứ sản phẩm có tính chất hàng hóa đó). Cho nên các hình thức của nông nghiệp thương phẩm thật là hết sức khác nhau, không những khác từ vùng này đến vùng kia, mà còn khác từ doanh nghiệp này đến doanh nghiệp kia nữa. Cho nên, trong khi nghiên cứu vấn đề sự phát triển của ngành nông nghiệp thương phẩm thì bất cứ trong trường hợp nào, người ta cũng không thể chỉ lấy những tài liệu thống kê tổng quát về toàn bộ ngành sản xuất nông nghiệp mà đủ.

3) Sự phát triển của nông nghiệp thương phẩm tạo ra thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản. Một là, chuyên môn hóa của nông nghiệp dẫn tới trao đổi giữa các vùng nông nghiệp, giữa các doanh nghiệp nông nghiệp, giữa các nông sản khác nhau. Hai là, nông nghiệp càng đi vào lưu thông hàng hóa thì dân cư nông thôn lại càng đòi hỏi những sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến, cần thiết cho sự tiêu dùng cá nhân của họ; và ba là, yêu cầu về tư liệu sản xuất càng tăng lên, bởi vì với những công cụ cũ kỹ "của nông dân", với những nhà trại cũ v.v., và v.v. không một nghiệp chủ nông thôn nào, dù nhỏ hay lớn, lại có thể tiến hành được nền nông nghiệp thương phẩm mới. Sau hết, bốn là, người ta đã thấy nảy ra yêu cầu về nhân công, bởi vì sự hình thành của giai cấp tư sản nhỏ ở nông thôn và việc những chủ đất áp dụng lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa đòi hỏi một tiền đề là sự hình thành ra một đạo quân cố nông và những người làm công nhật trong nông nghiệp. Chỉ có sự phát triển của nông nghiệp thương phẩm mới giải thích cái đặc điểm của thời kỳ sau cải cách là thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản được mở rộng ra (sự phát triển của ngành nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, của ngành công nghiệp nói

chung và của ngành công nghiệp chế tạo máy móc nông nghiệp nói riêng, sự phát triển của cái gọi là "những nghề phụ nông nghiệp" của nông dân, nghĩa là của lao động làm thuê v.v.).

4) Chủ nghĩa tư bản mở rộng và làm cho thêm sâu sắc rất nhiều những mâu thuẫn trong nội bộ dân cư nông thôn, những mâu thuẫn mà không có chúng thì nói chung phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không thể tồn tại được. Tuy nhiên, do vai trò lịch sử của nó, chủ nghĩa tư bản nông nghiệp ở Nga lại là một lực lượng tiến bộ lớn. Một là, chủ nghĩa tư bản đã biến người nông dân từ chỗ một mặt là "chúa một lãnh địa", và mặt khác là một nông dân gia trưởng bị lệ thuộc, thành cũng *một nhà công nghiệp* giống như tất cả mọi nghiệp chủ khác trong xã hội hiện đại. Trước chủ nghĩa tư bản thì đối với một số người này, nông nghiệp ở Nga là việc làm của người chủ, là trò tiêu khiển của chúa đất; đối với người khác, nông nghiệp lại là một nghĩa vụ, là một khổ dịch; — cho nên ngoài cái nếp cũ nghìn xưa, nông nghiệp chẳng còn biết cách làm gì khác, và tất nhiên nó đòi hỏi người nông dân phải sống hoàn toàn cách biệt với tất cả những gì đã xảy ra ở thế giới ngoài làng xóm của anh ta. Chế độ lao dịch, tàn tích của thời xưa còn rớt lại trong nền kinh tế hiện đại, xác minh một cách hết sức hiển nhiên điều đó. Chủ nghĩa tư bản lần đầu tiên đã cắt đứt mối liên hệ ràng buộc chế độ sở hữu ruộng đất vào một đẳng cấp, do nó đã biến ruộng đất thành hàng hóa. Sản phẩm của nông dân đem đi bán, đã trở thành đối tượng để xã hội tính toán trước hết là trên thị trường địa phương, sau đó là trên thị trường trong toàn quốc, và cuối cùng là trên thị trường quốc tế; và như vậy là vĩnh viễn xóa bỏ được tình trạng cách biệt trước kia của người nông dân phải sống trở lại trạng thái dã man so với toàn bộ thế giới bên ngoài. Vì sợ bị phá sản, nên dù muốn hay không, người nông dân vẫn buộc phải quan tâm đến toàn bộ những quan hệ xã hội ở trong nước mình và ở trong các nước khác ràng buộc với nhau bởi thị trường thế giới. Ngay cả cái chế độ lao dịch trước kia vẫn khiến cho Ô-blô-mốp có được một số thu nhập chắc chắn mà không bị rủi ro gì cả, không

phải bỏ một đồng vốn nào, không phải thay đổi gì trong nếp sản xuất cổ hủ ngày xưa, thì bây giờ cũng không có thể cứu hắn thoát khỏi sự cạnh tranh của người phéc-mi-ê Mỹ được nữa. Cho nên, những điều đã nói trước đây nửa thế kỷ về Tây Âu, thì bây giờ vẫn có thể hoàn toàn dùng để nói về nước Nga sau cải cách, cụ thể là: chủ nghĩa tư bản nông nghiệp đã "là một động lực, nó ném cảnh sống điền viên vào trong sự vận động của lịch sử".

Hai là, chủ nghĩa tư bản nông nghiệp lần đầu tiên đã phá hủy tình trạng đình trệ nghìn đời của nền nông nghiệp nước ta, đã thúc đẩy rất mạnh việc cải tạo kỹ thuật của nó, sự phát triển của những lực lượng sản xuất của lao động xã hội. Về phương diện này, vài chục năm tác động "phá hủy" của chủ nghĩa tư bản đã làm được nhiều hơn bao nhiêu thế kỷ của lịch sử trước đây. Tính thuần nhất của kinh tế tự nhiên khuôn theo nếp cũ đã nhường chỗ cho tính muôn màu muôn vẻ của những hình thức nông nghiệp thương phẩm; những nông cụ cổ xưa đã bắt đầu nhường chỗ cho máy móc và nông cụ cải tiến; tính cố định của những chế độ canh tác xưa kia đã bị những phương thức canh tác mới đập tan. Tất cả những sự thay đổi đó đều mật thiết gắn liền với sự chuyên môn hóa trong nông nghiệp mà trên kia ta đã nói đến. Do chính ngay bản chất của nó, chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp (cũng như trong công nghiệp) không thể phát triển đều như nhau được: ở chỗ này (ở trong một nước, một vùng, một doanh nghiệp) nó thúc đẩy mặt này của nền nông nghiệp; ở nơi khác, nó lại thúc đẩy mặt khác v.v.. Tùy theo từng trường hợp, nó cải tạo kỹ thuật của một công việc nông nghiệp này hay một công việc nông nghiệp khác, làm cho công việc đó thoát khỏi nền kinh tế nông dân gia trưởng hay khỏi chế độ lao dịch gia trưởng. Vì toàn bộ quá trình đó diễn ra theo những đòi hỏi của thị trường, những đòi hỏi thất thường và thậm chí người sản xuất đôi khi cũng không biết được, nên trong mỗi trường hợp riêng biệt (thường thường là trong mỗi vùng và thậm chí trong mỗi nước riêng biệt), nông nghiệp tư bản chủ nghĩa lại trở nên phiến diện hơn, thuần nhất hơn trước kia, nhưng trái lại,

nhìn chung thì nó đã trở nên vô cùng hợp lý hơn và đa diện hơn nông nghiệp gia trưởng. Sự xuất hiện của những loại riêng biệt của nông nghiệp thương phẩm đã khiến cho những cuộc khủng hoảng tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và những trường hợp sản xuất tư bản chủ nghĩa quá thừa có thể xảy ra và tất nhiên phải xảy ra, nhưng những cuộc khủng hoảng đó (và cũng như tất cả các cuộc khủng hoảng tư bản chủ nghĩa nói chung) lại thúc đẩy mạnh hơn nữa nền sản xuất thế giới và việc xã hội hóa lao động.

Ba là, chủ nghĩa tư bản lần đầu tiên đã thiết lập ở Nga nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn dựa trên cơ sở sử dụng máy móc và hợp tác rộng rãi của công nhân. Trước chủ nghĩa tư bản, việc sản xuất nông sản bao giờ cũng tiến hành trong phạm vi không thay đổi, trên những quy mô cực kỳ nhỏ bé, — khi mà nông dân còn làm việc cho chính bản thân mình, cũng như khi họ làm việc cho chúa đất, — và lúc đó thì không có một chế độ sở hữu ruộng đất theo kiểu "công xã nông thôn" nào có thể làm thay đổi được tình trạng vô cùng phân tán ấy của sản xuất. Tình trạng phân tán đó của sản xuất là gắn liền chặt chẽ với tình trạng phân tán của chính ngay bản thân người nông dân. Bị cột chặt vào phần ruộng được chia của họ, vào cái "công xã nông thôn" cỏn con của họ, họ đã bị cách biệt một cách rõ rệt ngay cả với những nông dân trong công xã bên cạnh vì họ thuộc những loại khác nhau (trước kia là nông dân thuộc địa chủ, trước kia là nông dân thuộc nhà nước v.v.), vì diện tích ruộng đất sở hữu của họ khác nhau, vì những điều kiện khi họ được giải phóng đều khác nhau (tức là những điều kiện đôi khi chỉ là do cá tính hay do tùy hứng của bọn địa chủ quyết định mà thôi). Chủ nghĩa tư bản lần đầu tiên đã phá hủy những bức tường thuần túy trung cổ đó, và phá hủy như thế là rất tốt. Hiện nay những sự khác nhau giữa các loại nông dân, giữa các hạng nông dân xếp theo diện tích phần ruộng được chia của họ, đã trở nên vô cùng không trọng yếu bằng những sự khác nhau về kinh tế trong nội bộ mỗi loại, mỗi hạng, mỗi công xã. Chủ nghĩa tư bản đang phá tan tình trạng cách biệt và biệt lập địa phương, đang

thay thế những sự phân chia trung cổ manh mún giữa những người dân cày bằng một sự phân chia lớn, trong phạm vi toàn quốc, một sự phân chia thành những giai cấp có địa vị khác nhau trong toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nếu trước kia chính những điều kiện sản xuất đã quyết định việc quần chúng nông dân sống cố định ở địa phương họ, thì ngày nay sự hình thành các hình thức và vùng khác nhau của nông nghiệp thương phẩm và tư bản chủ nghĩa không thể không gây ra những cuộc di dân hàng loạt trong toàn quốc; và không có sự lưu động của dân cư (như trên kia chúng tôi đã chỉ ra) thì tính tự giác và tính chủ động của dân cư không thể phát triển được.

Sau hết, bốn là, chủ nghĩa tư bản nông nghiệp ở Nga lần đầu tiên đã phá vỡ tận gốc chế độ lao dịch và quan hệ phụ thuộc về thân thể của nông dân. Chế độ kinh doanh bằng lao dịch đã thống trị một cách tuyệt đối trong nông nghiệp chúng ta từ thời đại bộ "Luật nước Nga" cho đến khi có chế độ hiện nay là chế độ nông dân dùng nông cụ của mình để canh tác ruộng đất của địa chủ; đi kèm theo nó thì tất nhiên là có tình trạng cùng khổ và ngu muội của người nông dân bị khổ nhục vì lao động của họ nếu không phải là có tính chất nông nô thì chí ít cũng là "nửa tự do"; nếu không có một sự bất bình đẳng nào đó về quyền công dân của người nông dân (thí dụ như thuộc về một đẳng cấp dưới; bị nhục hình; bị bắt đi phu; bị cột chặt vào phần ruộng được chia của họ v.v.) thì chế độ lao dịch không thể nào tồn tại được. Bởi vậy cho nên, đem chế độ lao động làm thuê tự do thay cho chế độ lao dịch là một công lao lịch sử lớn lao của chủ nghĩa tư bản nông nghiệp ở Nga. Tóm tắt những điều đã nói trên đây về vai trò lịch sử tiến bộ của chủ nghĩa tư bản nông nghiệp Nga, thì có thể nói rằng chủ nghĩa tư bản đã xã hội hóa sản xuất nông nghiệp. Nông nghiệp từ chỗ là một đặc quyền của một đẳng cấp bên trên hay là một thứ khổ dịch của một đẳng cấp bên dưới, bây giờ đã trở thành một nghề công thương nghiệp thông thường; sản phẩm lao động của nông dân đã trở thành đối tượng cho xã hội tính toán ở trên thị trường; nghề nông thuần nhất và thủ cựu đã trở thành một ngành nông nghiệp

thương phẩm với nhiều hình thức khác nhau, được cải tiến về mặt kỹ thuật; tính biệt lập địa phương và tính chất phân tán của tiểu nông đương đi đến chỗ bị tiêu diệt; các hình thức nô dịch khác nhau và lệ thuộc về thân thể đã nhường chỗ cho những sự giao dịch không có tính chất ràng buộc về thân thể trong việc bán và mua sức lao động, — tất cả những sự việc đó đều là những mắt xích của cùng một quá trình nó đang xã hội hóa lao động nông nghiệp, nó đang ngày càng làm cho mâu thuẫn giữa tình trạng vô chính phủ của những biến động của thị trường, giữa tính chất cá thể của các xí nghiệp nông nghiệp riêng biệt và tính chất tập thể của nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa trở nên gay gắt thêm.

Như vậy là (chúng tôi xin nhắc lại) trong khi nhấn mạnh vai trò lịch sử tiến bộ của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp Nga, chúng tôi tuyệt nhiên không quên tính chất quá độ về mặt lịch sử của chế độ kinh tế ấy cũng như không quên những mâu thuẫn xã hội sâu sắc cố hữu của chế độ kinh tế ấy. Trái lại, như trên kia chúng tôi đã chỉ ra, chính những người dân túy, những người chỉ biết than vãn về tác động "phá hủy" của chủ nghĩa tư bản lại nhận xét một cách rất hời hợt về những mâu thuẫn đó, lại che giấu sự phân hóa trong nông dân, lại cố ý không biết đến tính chất tư bản chủ nghĩa của việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp nước ta, lại dùng những danh từ như "những nghề phụ nông nghiệp", hoặc "những khoản kiếm thêm" để che giấu sự hình thành của một giai cấp công nhân nông nghiệp làm thuê".

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, tr.383-393.

"Khi nói đến đại công nghiệp cơ khí (công xưởng), cần phải xác định trước tiên rằng khái niệm khoa học của thuật ngữ ấy không một chút nào phù hợp với cái nghĩa thông thường của nó. Trong thống kê chính thức của nước ta và trong sách báo kinh tế nói chung, người ta hiểu công xưởng là mọi xưởng công nghiệp ít nhiều quan trọng, có một số lượng công nhân làm thuê tương đối lớn. Nhưng lý luận của Mác lại chỉ gọi một trình độ nhất định của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp, tức trình độ cao nhất, là đại công

nghiệp cơ khí (công xưởng) thôi. Nét cơ bản và chủ yếu nhất của giai đoạn đó là ở chỗ sử dụng một hệ thống các máy móc để sản xuất. Sự quá độ từ công trường thủ công lên công xưởng đã đánh dấu một cuộc cách mạng kỹ thuật toàn bộ làm lật đổ kỹ thuật thủ công mà người thợ cả đã tích luỹ được trong hàng thế kỷ, và cuộc cách mạng kỹ thuật này đã đưa đến kết quả tất nhiên là phá huỷ kịch liệt những quan hệ sản xuất xã hội, phân hoá hoàn toàn giữa các tập đoàn người tham gia sản xuất, đoạn tuyệt hoàn toàn với truyền thống, tăng thêm và mở rộng tất cả mọi mặt đen tối của chủ nghĩa tư bản và đồng thời chủ nghĩa tư bản cũng xã hội hoá một số lượng lao động rất lớn. Cho nên, đại công nghiệp cơ khí là đỉnh cao nhất của chủ nghĩa tư bản, đỉnh cao nhất của những "yếu tố tích cực" và tiêu cực của nó".

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, tr.571-572.

"Ba hình thái chủ yếu về công nghiệp trình bày trên đây, được phân biệt trước hết theo mức độ tiến triển của kỹ thuật. Đặc điểm của tiểu sản xuất hàng hóa là kỹ thuật thủ công hoàn toàn nguyên thủy, từ xưa đến nay kỹ thuật ấy vẫn không thay đổi. Người làm nghề thủ công vẫn là người nông dân, họ chế biến nguyên liệu theo phương pháp truyền thống. Công trường thủ công áp dụng lối phân công lao động, do đó kỹ thuật được cải cách về căn bản, nông dân biến thành người thợ bạn, thành "công nhân sản xuất bộ phận". Nhưng sản xuất thủ công vẫn được giữ nguyên, và trên cơ sở đó các phương pháp sản xuất tiến bộ hết sức chậm chạp. Sự phân công hình thành một cách tự phát, được áp dụng theo truyền thống cũng như lao động của người nông dân vậy. Chỉ có đại công nghiệp cơ khí mới tiến hành một cuộc thay đổi triệt để, gạt bỏ kỹ thuật thủ công, cải tạo sản xuất trên cơ sở mới, hợp lý, vận dụng một cách có hệ thống tri thức khoa học vào sản xuất. Chừng nào mà chủ nghĩa tư bản chưa tổ chức được đại công nghiệp cơ khí ở Nga — và trong những ngành công nghiệp mà chưa được chủ nghĩa tư bản tổ chức ra đại công nghiệp cơ khí — thì chúng ta thấy kỹ thuật còn hầu như bị hoàn toàn đình đốn, người ta vẫn dùng

những khung cửi, cối xay chạy bằng gió và bằng nước như xưa, là các dụng cụ đã được dùng vào sản xuất hàng trăm năm nay rồi. Ngược lại, trong ngành công nghiệp do công xưởng chi phối, chúng ta thấy một cuộc cách mạng kỹ thuật hoàn toàn và sự tiến bộ nhanh vô cùng của phương pháp sản xuất máy móc.

Do mức độ tiến triển về kỹ thuật khác nhau mà ta thấy các giai đoạn phát triển không giống nhau của chủ nghĩa tư bản. Đặc trưng của tiểu sản xuất hàng hóa và công trường thủ công là ở chỗ các xí nghiệp nhỏ chiếm ưu thế, trong đó chỉ thấy có một số ít xí nghiệp lớn. Đại công nghiệp cơ khí gạt bỏ hoàn toàn các xí nghiệp nhỏ. Quan hệ tư bản chủ nghĩa cũng xuất hiện trong các nghề thủ công nhỏ (dưới hình thức những xưởng có thuê công nhân và có tư bản thương nghiệp), song ở đây quan hệ đó phát triển còn rất yếu ớt, chưa kết tinh thành sự đối lập gay gắt giữa các tập đoàn tham gia sản xuất. Ở đây chưa có bọn tư bản lớn cũng như chưa có những tầng lớp vô sản đông đảo. Trong công trường thủ công, chúng ta thấy hình thành cả tư bản lẫn vô sản. Cái vực thẳm ngăn cách giữa người chiếm hữu tư liệu sản xuất với người công nhân, đã mở ra rộng lớn. Những vùng công nghiệp "giàu có" mọc lên, ở đó số lớn dân cư là những công nhân hoàn toàn vô sản. Một bên là một nhóm lái buôn nắm trong tay những số tiền to lớn để mua nguyên liệu và bán sản phẩm, và một bên là đông đảo công nhân bộ phận sống ngày nào biết ngày nấy, — đấy là bức tranh toàn bộ của công trường thủ công. Thế nhưng, xí nghiệp nhỏ ngày càng nhiều lên, việc duy trì mối liên hệ với ruộng đất, việc gìn giữ những tập quán trong lao động và trong sinh hoạt, — tất cả những tình hình đó tạo nên một số lớn những yếu tố trung gian giữa hai cực của công trường thủ công và cản trở sự phát triển của hai cực. Trong đại công nghiệp cơ khí, những cản trở như thế biến mất; hai cực đối lập của xã hội phát triển đến mức tột cùng. Hết thảy mọi mặt đen tối của chủ nghĩa tư bản hình như đều tập trung ở một điểm duy nhất là: như mọi người đều biết, máy móc thúc đẩy hết sức mạnh mẽ việc kéo dài vô độ ngày lao động; đàn bà và trẻ em đều bị lôi cuốn vào sản xuất; hình thành (do những điều kiện sản

xuất của công xưởng, và nhất định phải hình thành) đạo quân trừ bị những công nhân thất nghiệp v.v.. Nhưng việc xã hội hóa lao động mà công xưởng đã tiến hành trên quy mô lớn, và việc cải tạo tình cảm và quan niệm của những người làm thuê cho công xưởng (nhất là việc phá hủy truyền thống gia trưởng và tiểu tư sản) đã đưa đến một sự phản ứng: đại công nghiệp cơ khí, khác hẳn với các giai đoạn trước kia, nó kiên quyết đòi hỏi phải điều tiết sản xuất một cách có kế hoạch và phải có sự kiểm soát xã hội đối với sản xuất (pháp chế công xưởng là một trong những biểu hiện của xu hướng đó).

Ngay tính chất của sự phát triển sản xuất cũng thay đổi theo những giai đoạn khác nhau của chủ nghĩa tư bản. Trong các nghề thủ công nhỏ, sự phát triển sản xuất đi theo đà phát triển của kinh tế nông dân; thị trường hết sức nhỏ hẹp, người sản xuất và người tiêu thụ không xa nhau lắm, quy mô sản xuất nhỏ hẹp dễ thích hợp với nhu cầu địa phương, nhu cầu đó lên xuống không bao nhiêu. Vì vậy, công nghiệp ở giai đoạn này được ổn định đến mức độ cao nhất, nhưng tình trạng ổn định này lại là tình trạng kỹ thuật đình đốn, tình trạng duy trì quan hệ xã hội gia trưởng, mà quan hệ xã hội này lại xoắn xuýt chặt chẽ với mọi tàn tích của truyền thống thời trung cổ. Công trường thủ công sản xuất cho thị trường lớn, đôi khi cho cả toàn quốc, nên sản xuất của nó có tính chất không ổn định mà chỉ riêng chủ nghĩa tư bản mới có và tính chất này lên tới đỉnh chóp của nó trong sản xuất công xưởng. Đại công nghiệp cơ khí chỉ có thể phát triển bằng những bước nhảy vọt, bằng những giai đoạn phồn vinh và khủng hoảng kế tiếp lẫn nhau. Chính sự tiến triển bằng những bước nhảy vọt này của công xưởng khiến cho những người sản xuất nhỏ càng bị phá sản kịch liệt hơn; công nhân khi thì được thu hút vào công xưởng hàng loạt trong thời kỳ cực thịnh, khi thì bị ném ra vỉa hè. Việc hình thành đạo quân trừ bị đông đảo gồm những người thất nghiệp và những người sẵn sàng nhận làm bất cứ một việc gì, trở thành điều kiện cần thiết cho đại công nghiệp cơ khí có thể tồn tại và phát triển. Trong chương II chúng tôi đã nói rõ đạo quân trừ bị đó đã được

chiêu mộ từ trong những tầng lớp nông dân nào, và trong các chương tiếp theo thì đã nêu lên các loại công việc chủ yếu được tư bản dành sẵn cho số quân trừ bị ấy. "Tính chất không ổn định" của đại công nghiệp cơ khí bao giờ cũng gây ra và còn đang gây ra những lời ca thán phản động của những người tiếp tục nhìn sự vật bằng con mắt của người sản xuất nhỏ, họ quên rằng chỉ có "tính chất không ổn định" này mới có thể chấm dứt tình trạng đình đốn trước kia và dẫn đến một cuộc cải cách nhanh chóng những phương pháp sản xuất và toàn bộ quan hệ xã hội.

Một trong những biểu hiện của cuộc cải cách này là tách rời công nghiệp khỏi nông nghiệp, là giải phóng những quan hệ xã hội trong công nghiệp, những quan hệ rốt cuộc đã thoát khỏi truyền thống của chế độ nông nô và của chế độ gia trưởng đè nặng lên nền kinh tế nông thôn. Trong tiểu sản xuất hàng hóa, người thủ công nghiệp vẫn chưa hoàn toàn lột khỏi xác người nông dân, phần lớn họ vẫn là những người làm ruộng, mối liên hệ đó của công nghiệp nhỏ và của nông nghiệp nhỏ sâu sắc đến nỗi khiến ta nhìn ra được một quy luật rất có ý nghĩa là những người sản xuất nhỏ đều song song bị phân hóa cả trong công nghiệp lẫn trong nông nghiệp. Giai cấp tiểu tư sản và công nhân làm thuê đều hình thành song song với nhau trong hai ngành ấy của nền kinh tế quốc dân, do đó, ở hai cực của sự phân hóa, sự hình thành đó chuẩn bị cho việc tách biệt người làm công nghiệp ra khỏi nông nghiệp. Trong công trường thủ công sự tách biệt như vậy rất là rõ rệt. Ta thấy mọc lên nhiều trung tâm công nghiệp phi nông nghiệp. Đại biểu chủ yếu của công nghiệp không còn là nông dân nữa, mà một bên là lái buôn và chủ công trường thủ công, một bên là "thợ thủ công". Công nghiệp và việc giao dịch buôn bán tương đối phát đạt với các nước khác trên thế giới đã nâng cao mức sống và trình độ văn hóa của dân cư; công nhân trong công trường thủ công đã coi người nông dân cày ruộng không ra gì rồi. Đại công nghiệp cơ khí hoàn thành triệt để cuộc cải tạo này, tách hẳn công nghiệp ra khỏi nông nghiệp và tạo ra, như chúng ta đã thấy, một giai cấp đặc biệt hoàn toàn không

quan hệ gì với nông dân cũ và phân biệt với nông dân cũ ở chỗ là họ có một lối sinh hoạt khác, những quan hệ gia đình khác và mức nhu cầu cao, cả về vật chất lẫn tinh thần. Trong các nghề thủ công nhỏ và trong công trường thủ công, chúng ta luôn luôn nhìn thấy tàn tích của quan hệ gia trưởng và của các hình thức lệ thuộc về thân thể; trong hoàn cảnh chung của kinh tế tư bản chủ nghĩa, những tàn tích này làm cho tình hình người lao động thêm nguy ngập, làm cho họ đâm ra hèn hạ và trụy lạc. Đại công nghiệp cơ khí tập trung đông đảo công nhân từ khắp nơi trong nước đến, nên hoàn toàn không tương dung với những tàn tích của chế độ gia trưởng và của sự lệ thuộc về thân thể được nữa và nêu rõ "thái độ" thật sự "khinh miệt quá khứ". Truyền thống cổ hủ đó bị đổ vỡ chính là một trong những điều kiện chủ yếu khiến có thể tiến hành và cần thiết phải tiến hành việc điều tiết sản xuất và kiểm soát xã hội đối với sản xuất. Khi nói tới vấn đề công xưởng đã cải tạo điều kiện sinh hoạt của dân cư thì cần vạch rõ rằng đặc biệt việc tuyển phụ nữ và thiếu niên vào sản xuất là một hiện tượng tiến bộ về cơ bản. Không còn nghi ngờ gì nữa, công xưởng tư bản chủ nghĩa đã đẩy các loại người lao động đó vào tình cảnh đặc biệt khó khăn, việc rút ngắn và điều tiết ngày làm việc và việc bảo đảm điều kiện vệ sinh khi làm việc v.v., đối với họ là hết sức cần thiết hơn là đối với những người lao động khác, thế nhưng, xu hướng đòi hoàn toàn cấm chỉ phụ nữ và thiếu niên không được lao động trong công nghiệp, hoặc giả xu hướng duy trì chế độ gia trưởng về sinh hoạt là chế độ loại bỏ lao động đó, xu hướng đó thật là phản động, không tưởng. Phá hủy tình trạng đóng cửa có tính chất gia trưởng của hai loại dân cư trước kia không thoát ra khỏi được cái phạm vi chật hẹp của quan hệ gia đình và họ hàng, thu hút họ trực tiếp tham gia vào sản xuất xã hội, — làm như thế là đại công nghiệp cơ khí đã thúc đẩy họ phát triển, nâng cao tính độc lập của họ, nghĩa là đã tạo ra những điều kiện sinh hoạt cao hơn rất nhiều so với tính chất bất di bất dịch gia trưởng của quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa".

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, tr.685-690.

"Vai trò tiến bộ của chủ nghĩa tư bản về mặt lịch sử có thể tóm tắt bằng hai luận điểm: tăng lực lượng sản xuất của lao động xã hội và xã hội hóa lao động. Nhưng hai sự kiện ấy biểu hiện dưới những hình thức rất khác nhau trong các ngành khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

Sự phát triển lực lượng sản xuất của lao động xã hội chỉ biểu hiện một cách thật đầy đủ vào thời kỳ đại công nghiệp cơ khí. Trước giai đoạn cao ấy của chủ nghĩa tư bản, thì vẫn còn là nền sản xuất thủ công và kỹ thuật cổ sơ, kỹ thuật này tiến triển một cách hoàn toàn tự phát và vô cùng chậm chạp. [...] Không có một ngành kinh tế quốc dân nào bị nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối mà lại không có một sự cải cách triệt để như thế về kỹ thuật. Do chính bản chất của chủ nghĩa tư bản, quá trình cải cách ấy chỉ có thể thực hiện qua những bước không đều và không cân đối. Tiếp theo những thời kỳ thịnh vượng là những thời kỳ khủng hoảng, sự phát triển của một ngành công nghiệp này gây ra sự suy sụp của một ngành công nghiệp khác, sự tiến bộ của nông nghiệp trong vùng này đụng chạm đến một mặt này của kinh tế nông thôn, trong một vùng khác, nó lại đụng chạm đến một mặt khác, sự phát triển của thương nghiệp và công nghiệp vượt sự phát triển của nông nghiệp v.v..

[...] Một đặc điểm khác trong sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội do chủ nghĩa tư bản gây nên, là tư liệu sản xuất (tiêu dùng cho sản xuất) tăng nhanh hơn nhiều so với mức tăng của tiêu dùng cho cá nhân: chúng tôi đã nhiều lần chỉ rõ hiện tượng đó biểu hiện như thế nào trong nông nghiệp và công nghiệp. Đặc điểm ấy, do những quy luật chung về sự thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa phát sinh ra, là hoàn toàn phù hợp với bản chất đối kháng của xã hội đó.

Việc chủ nghĩa tư bản xã hội hóa lao động biểu hiện ra trong các quá trình sau đây. Một là, chính ngay sự phát triển của sản xuất hàng hóa cũng đã chấm dứt tình trạng phân tán - một tình trạng mà chỉ riêng kinh tế tự nhiên mới có - của những đơn vị kinh tế nhỏ và cũng đã tập hợp các thị trường nhỏ địa phương

thành một thị trường lớn trong toàn quốc (và sau đó trên toàn thế giới). Sản xuất cho mình biến thành sản xuất cho toàn xã hội, và chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì mâu thuẫn giữa tính chất tập thể đó của sản xuất với tính chất cá thể của việc chiếm hữu lại càng sâu sắc. Hai là, thay vào tình trạng phân tán trước kia, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một sự tập trung sản xuất chưa từng thấy, trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp. Đó là biểu hiện nổi bật nhất, dễ thấy nhất, nhưng không phải là biểu hiện duy nhất của đặc điểm mà chúng ta đang xem xét của chủ nghĩa tư bản. Ba là, chủ nghĩa tư bản đẩy lùi những hình thức lệ thuộc cá nhân, là những hình thức vốn có trong các chế độ kinh tế cũ. [...] So với lao động của người nông dân bị lệ thuộc hay bị nô dịch, thì lao động của người công nhân làm thuê tự do trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân là một hiện tượng tiến bộ. Bốn là, chủ nghĩa tư bản tất nhiên tạo ra tình trạng lưu động của dân cư mà các chế độ kinh tế xã hội cũ không cần có, và ở vào những thời kỳ ấy thì tình trạng lưu động đó cũng không thể tồn tại một cách khá rộng rãi được. Năm là, chủ nghĩa tư bản thường xuyên làm giảm bớt tỷ lệ của số dân cư làm nghề nông (trong nông nghiệp bao giờ những hình thức quan hệ kinh tế và xã hội lạc hậu nhất cũng giữ địa vị thống trị) và làm tăng thêm số trung tâm công nghiệp lớn. Sáu là, xã hội tư bản chủ nghĩa làm cho dân cư ngày càng thấy cần phải lập hội, kết đoàn và làm cho các tổ chức liên hiệp ấy có một tính chất riêng biệt, khác với các tổ chức liên hiệp trong những thời kỳ trước. Trong khi phá vỡ các hiệp hội có tính chất phường hội địa phương và chật hẹp của xã hội trung cổ, trong khi tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, thì đồng thời chủ nghĩa tư bản cũng phân chia xã hội thành những tập đoàn lớn gồm những người có địa vị khác nhau trong sản xuất và thúc đẩy mạnh mẽ nội bộ mỗi tập đoàn ấy đi đến chỗ liên hiệp nhau lại. Bảy là, hết thảy mọi sự thay đổi mà chủ nghĩa tư bản gây ra trong chế độ kinh tế cũ, tất nhiên đưa đến chỗ làm thay đổi bộ mặt tinh thần của dân cư. Sự phát triển kinh tế bằng cách nhảy vọt, sự chuyển biến mau chóng của các phương thức sản

xuất và sự tập trung rất lớn của sản xuất đó, sự tiêu diệt hết thảy mọi hình thức lệ thuộc cá nhân và những quan hệ gia trưởng, sự lưu động của dân cư, ảnh hưởng của các trung tâm công nghiệp lớn v.v., — tất cả những điều ấy không thể không dẫn đến một sự thay đổi sâu sắc trong chính ngay tính chất của những người sản xuất...".

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, tr.753-758.

TẬP 4

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Vả lại, nếu tuân theo thật đúng lý luận của Mác, thì người ta không thể gán cho mâu thuẫn đó một ý nghĩa nào khác cả. Mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, giữa sản xuất và tiêu dùng, chỉ là ở chỗ của cải quốc dân tăng lên thì đồng thời tình trạng nghèo khổ của nhân dân cũng trầm trọng thêm, ở chỗ lực lượng sản xuất của xã hội thì phát triển, mà tiêu dùng của nhân dân lại không tăng lên một cách tương xứng, và các lực lượng sản xuất ấy lại không được sử dụng vì lợi ích của quần chúng lao động. Hiểu theo nghĩa ấy thì mâu thuẫn đang được xem xét đó là một sự thật không thể nghi ngờ gì được, một sự thật mà kinh nghiệm hàng ngày của hàng triệu người đã xác nhận, và chính vì mục kích thấy sự thật ấy nên những người lao động mới đi đến các quan điểm mà lý luận của Mác đã thể hiện được một cách đầy đủ và khoa học. Mâu thuẫn đó tuyệt nhiên không đưa lại một hậu quả tất yếu là sản xuất thường xuyên ra sản phẩm thừa (như ông Nê-giơ-đa-nốp vẫn muốn nghĩ như vậy). Chúng ta hoàn toàn có quyền hình dung (bằng cách suy luận, trên phương diện thuần túy lý luận về một xã hội tư bản lý tưởng) một sự thực hiện toàn bộ sản phẩm trong xã hội tư bản, mà không có một sản phẩm thừa nào cả, *nhưng chúng ta không thể hình dung chủ nghĩa tư bản* mà lại không có hiện tượng mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng. Sự mất cân đối đó biểu hiện ra (như Mác đã chỉ rõ ràng trong những công thức của Người) ở chỗ là sự sản xuất các tư liệu sản xuất có thể và phải vượt sự sản xuất các vật phẩm tiêu dùng".

Trả lời ông P.Nê-giơ-đa-nốp, tr.201-202.

"Để kết luận, tôi lấy một ví dụ để minh họa cho những lập luận trừu tượng bằng những tài liệu cụ thể. Người ta biết rằng trong mọi xã hội tư bản, tiền công hết sức thấp (= mức tiêu dùng thấp của quần chúng nhân dân) thường cản trở việc dùng máy móc. Hơn nữa: đôi khi thậm chí cũng có cái tình trạng là những máy móc bọn chủ xưởng đã mua nhưng lại không đem ra dùng, vì giá thuê nhân công đã hạ xuống quá thấp khiến bọn chủ thấy rằng dùng lao động chân tay lại có lợi hơn! Trong trường hợp này, người ta thấy rõ như ban ngày là có mâu thuẫn giữa tiêu dùng với sản xuất, giữa xu hướng của chủ nghĩa tư bản là phát triển vô hạn độ lực lượng sản xuất, với tình trạng xu hướng đó bị hạn chế bởi tình trạng nhân dân bị vô sản hóa, bị bần cùng hóa và thất nghiệp. Nhưng, cũng rất rõ rằng cái kết luận duy nhất đúng cần phải rút ra từ mâu thuẫn đó, là: bản thân sự phát triển mãnh liệt của lực lượng sản xuất nhất định phải dẫn tới chỗ làm cho chủ nghĩa tư bản bị thay thế bằng một nền kinh tế của những người sản xuất đã liên hợp với nhau. Trái lại, nếu từ mâu thuẫn đó mà rút ra kết luận rằng chủ nghĩa tư bản phải *thường xuyên* sản sinh ra sản phẩm thừa, nghĩa là chủ nghĩa tư bản, nói chung, không thể nào thực hiện được sản phẩm, do đó nó không thể đóng vai trò tiến bộ nào trong lịch sử được, v.v., thì như vậy là hoàn toàn sai".

Trả lời ông P.Nê-giơ-đa-nốp, tr.205-206.

TẬP 5

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Để có một quan niệm rõ ràng về sự săn đuổi đó, thì cần chú ý xem có những nhân vật lớn nào tham gia cuộc săn đuổi đó. Khi người ta nói: "xí nghiệp riêng lẻ", "nhà tư bản đơn độc", thì thường quên rằng cách nói đó thật ra là không chính xác. Về thực chất, chỉ có việc chiếm hữu lợi nhuận là còn riêng lẻ và đơn độc, còn bản thân sản xuất thì đã có tính chất xã hội rồi. Những cuộc khủng hoảng lớn sở dĩ trở thành điều có thể xảy ra và không tránh khỏi sẽ xảy ra, đó chỉ là vì lực lượng sản xuất *xã hội* mạnh mẽ bị sự chi phối của một nhóm nhà giàu chỉ cắm đầu đi tìm lợi lộc.

[...] Hơn thế nữa. Muốn kiếm được lợi nhuận trong xí nghiệp thì cần phải bán hàng hoá đi, phải tìm được khách hàng. Mà khách hàng phải là toàn thể dân cư, vì những xí nghiệp lớn sản xuất ra hàng đống sản phẩm cao như núi. Nhưng trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, trong 10 người dân thì có đến 9 người nghèo, tức là những công nhân kiếm được một số tiền công rất nhỏ, và đại đa số nông dân sống còn khổ hơn công nhân nữa. Trong thời kỳ hưng thịnh, công nghiệp lớn phóng tay ra sức sản xuất thật nhiều, kết quả là sản phẩm tung ra trên thị trường nhiều đến nỗi đại bộ phận nhân dân không có của không đủ sức mua. Số máy móc, công cụ, kho tàng, đường sắt v.v. đều ngày càng tăng thêm, nhưng sự tăng thêm đó thỉnh thoảng lại bị đứt quãng, vì tất cả những phương thức sản xuất được cải tiến đó, suy đến cùng, đều là vì đông đảo quần chúng nhân dân, mà đông đảo quần chúng nhân dân thì vẫn ở trong cảnh nghèo khổ, gần như cùng khổ. Khủng hoảng chứng minh rằng nếu ruộng đất, công xưởng, máy móc v.v.

không bị chiếm đoạt trong tay một nhúm người tư hữu bòn rút hàng trăm triệu của nhân dân nghèo khổ, thì xã hội ngày nay có thể sản xuất ra rất nhiều sản phẩm để cải thiện đời sống cho toàn thể nhân dân lao động. Khủng hoảng chứng minh rằng công nhân không thể giới hạn cuộc đấu tranh để giành lấy những nhượng bộ riêng lẻ của nhà tư bản: trong thời kỳ công nghiệp phồn thịnh, người ta có thể giành được những sự nhượng bộ như thế [...], – nhưng khi khủng hoảng xảy ra thì bọn tư bản không những thu lại những nhượng bộ chúng đã chịu nhả ra trước kia, mà còn lợi dụng tình cảnh khó khăn của công nhân để hạ thấp tiền lương nhiều hơn nữa. Chừng nào những đạo quân giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa chưa lật đổ được sự thống trị của tư bản và chế độ tư hữu, thì chừng ấy tình hình đó tất nhiên vẫn còn kéo dài.

[...] Nạn khủng hoảng đã bóc trần toàn bộ tính chất vô lý của tình trạng sản xuất của xã hội phải chịu sự chi phối của chế độ tư hữu; nó cho người ta một bài học sâu sắc đến nỗi hiện giờ ngay cả báo chí tư sản cũng đòi hỏi phải tăng cường giám sát, thí dụ giám sát ngân hàng. Nhưng bất cứ một sự giám sát nào cũng không thể ngăn trở nhà tư bản xây dựng, trong thời kỳ phồn vinh, những xí nghiệp mà sau này không khỏi bị phá sản. [...] Nhưng sự "sụp đổ" đó của các xí nghiệp trong một xã hội tư bản chủ nghĩa có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là những nhà tư bản yếu, những nhà tư bản "cỡ nhỉ" bị bọn triệu phú lớn mạnh hơn chèn ép. [...] Người giàu bậc nhất thay người giàu bậc nhì, sức mạnh của tư bản càng tăng thêm, rất nhiều người tư hữu nhỏ phá sản (ví dụ những người có số ít tiền gửi ngân hàng mất sạch toàn bộ tài sản khi ngân hàng phá sản), công nhân bần cùng hoá một cách đáng sợ, – đó là những hậu quả do nạn khủng hoảng gây ra. Ở đây chúng ta hãy nhắc lại cái việc mà báo "Tia lửa" đã tả: bọn tư bản kéo dài ngày làm việc, tìm cách thải công nhân giác ngộ, và lấy những nông dân ngoan ngoãn hơn vào làm thay".

Những bài học của khủng hoảng, tr.102-105.

"Nhưng chỉ cần suy nghĩ một tý thôi cũng đủ cho mọi người thấy rằng cái luận cứ đó chỉ là một khái niệm trừu tượng trống rỗng, nó đã bỏ rơi mất điều trọng yếu nhất là: trình độ kỹ thuật và tình trạng lực lượng sản xuất. Về thực chất, bản thân cái khái niệm: "bỏ thêm (hoặc bỏ một cách liên tục) lao động và tư bản" cũng *giả định* sự thay đổi phương thức sản xuất, cách tân kỹ thuật. Để tăng thêm số lượng tư bản đầu tư vào ruộng đất trên một quy mô rất lớn, thì cần phải *phát minh* ra máy móc mới, chế độ canh tác mới, phương pháp mới để nuôi dưỡng súc vật, để vận chuyển sản phẩm, v.v. và v.v.. Dĩ nhiên là có thể tiến hành (và người ta đang tiến hành) việc "bỏ thêm lao động và tư bản" với một quy mô tương đối nhỏ và trên cơ sở một trình độ kỹ thuật nhất định và không thay đổi: trong trường hợp đó, "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" được áp dụng đến *một mức độ nào đó,* áp dụng theo cái nghĩa là tình trạng kỹ thuật không thay đổi đặt ra cho việc bỏ thêm lao động và tư bản những phạm vi tương đối rất chật hẹp. Như vậy, chúng ta không có được một quy luật phổ biến, mà lại có một "quy luật" cực kỳ tương đối, – tương đối đến nỗi không thể nói đến một "quy luật" nào cả, và thậm chí cũng không thể nói đến một đặc trưng trọng yếu nào của nông nghiệp cả. [...] Nhưng ngay cả trong phạm vi hẹp đó mà việc bỏ thêm lao động và tư bản vẫn còn có thể tiến hành được, thì *cũng tuyệt nhiên không phải là bao giờ và không phải là nhất thiết* hiệu suất của mỗi lần đầu tư thêm đó phải giảm đi. Cứ lấy công nghiệp mà xét. Hãy hình dung, chẳng hạn, một cối xay bột hay một lò rèn trong thời kỳ trước khi có thương nghiệp thế giới và trước khi phát minh ra máy chạy bằng hơi nước. Trong tình trạng kỹ thuật như thế, thì phạm vi bỏ thêm lao động và tư bản vào lò rèn và vào cối xay chạy bằng gió và nước rất là nhỏ hẹp; một điều nhất định đã xảy ra là cho đến khi những cải biến căn bản về phương pháp sản xuất chưa tạo ra được một cơ sở cho những hình thức công nghiệp mới, thì số lò rèn nhỏ và cối xay nhỏ vẫn tăng lên rất nhiều".

Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác", tr.123-125.

TẬP 6

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"II. Việc cải tiến không ngừng về kỹ thuật dẫn đến tình trạng nền sản xuất nhỏ ngày càng bị nền sản xuất lớn loại trừ. Bộ phận tư liệu sản xuất quan trọng nhất (ruộng đất và công xưởng, công cụ và máy móc, đường sắt và các phương tiện giao thông khác) tập trung vào tay một số tương đối ít các nhà tư bản và đại điền chủ, thành tài sản riêng của chúng. Những người sản xuất nhỏ độc lập (nông dân, thợ thủ công làm ở nhà, thợ thủ công) ngày càng bị phá sản, mất hết tư liệu sản xuất và do đó hoặc biến thành người vô sản, hoặc biến thành tôi tớ và những kẻ nộp cống cho tư bản. Ngày càng có nhiều người lao động buộc phải bán sức lao động của mình, trở thành công nhân làm thuê, lệ thuộc vào bọn chiếm hữu, đem lao động của mình tạo ra của cải cho bọn chúng.

III. Kỹ thuật càng tiến bộ thì sự tăng lên của mức cầu về sức lao động càng chậm hơn so với sự tăng lên của mức cung về sức lao động, bọn tư bản càng có khả năng tăng thêm mức độ bóc lột công nhân. [...]

IV. Những cuộc khủng hoảng công nghiệp - do những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản tất nhiên gây ra - càng làm cho quá trình đó gay gắt thêm. Sự nghèo khổ và bần cùng của quần chúng diễn ra cùng một lúc với sự phung phí của cải xã hội vì không thể tìm được nơi tiêu thụ những hàng hóa đã sản xuất ra.

V. Như vậy là, sự phát triển khổng lồ của lực lượng sản xuất của lao động xã hội và ngày càng xã hội hóa dẫn đến chỗ tất cả các thành quả chủ yếu của sự phát triển đó đều bị một nhúm dân cư độc chiếm. Cùng với sự tăng lên của của cải xã hội, sự bất bình

đẳng xã hội cũng tăng lên, cái hố ngăn cách giữa giai cấp những kẻ hữu sản (giai cấp tư sản) và giai cấp những người vô sản cũng sâu thêm và rộng thêm. [...]

VII. Việc giải phóng giai cấp công nhân chỉ có thể là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân. Tất cả các giai cấp còn lại của xã hội hiện đại đều chủ trương duy trì những cơ sở của chế độ kinh tế hiện tại. Để thực sự giải phóng giai cấp công nhân, cần phải có cuộc cách mạng xã hội được chuẩn bị bởi toàn bộ quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, tức là phải thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chuyển các tư liệu đó thành sở hữu công cộng và thay thế nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa bằng việc tổ chức sản xuất sản phẩm theo lối xã hội chủ nghĩa do toàn thể xã hội tiến hành để đảm bảo phúc lợi đầy đủ và sự phát triển tự do và toàn diện của tất cả mọi thành viên trong xã hội".

Dự thảo cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tr.259-261.

"Dưới sự thống trị của kinh tế tư bản chủ nghĩa, chế độ sở hữu nhỏ kìm hãm sự phát triển của các lực lượng sản xuất bằng cách buộc chặt người lao động vào một miếng đất nhỏ, duy trì kỹ thuật cũ kỹ, làm cho ruộng đất khó tham gia vào chu chuyển thương nghiệp. Dưới sự thống trị của chế độ kinh tế lao dịch, thì chế độ sở hữu nhỏ về ruộng đất, một khi được giải thoát khỏi chế độ lao dịch, sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; giải phóng người nông dân khỏi cảnh nô dịch đã ràng buộc họ vào một nơi, giải phóng địa chủ khỏi người đầy tớ "không công"; xoá bỏ khả năng tăng vô hạn sự bóc lột "kiểu gia trưởng" mà không cải tiến kỹ thuật, do đó khiến cho ruộng đất dễ tham gia vào chu chuyển thương nghiệp. Tóm lại, địa vị mâu thuẫn của người tiểu nông ở giữa nền kinh tế nông nô và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chứng minh rằng việc đảng dân chủ - xã hội đặc biệt và tạm thời ủng hộ chế độ sở hữu nhỏ là hoàn toàn đúng".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga, tr.412-413.

TẬP 7

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Nếu tìm dấu hiệu phân biệt căn bản của các giai cấp khác nhau trong xã hội ở nguồn thu nhập, thì như vậy có nghĩa là đề lên hàng đầu quan hệ phân phối mà thật ra đó chỉ là kết quả của quan hệ sản xuất. Từ lâu, Mác đã vạch ra sai lầm đó và gọi những kẻ không nhìn thấy sai lầm đó là những người xã hội chủ nghĩa tầm thường. Vị trí của các giai cấp trong nền sản xuất xã hội, do đó quan hệ của các giai cấp đối với tư liệu sản xuất, — là dấu hiệu phân biệt căn bản giữa các giai cấp. Chiếm đoạt bộ phận này hay bộ phận khác những tư liệu sản xuất của xã hội và sử dụng các tư liệu đó vào trong hoạt động sản xuất cá thể, hoạt động sản xuất để bán sản phẩm — đó là sự phân biệt căn bản giữa một giai cấp của xã hội hiện đại (giai cấp tư sản) với giai cấp vô sản là giai cấp không có tư liệu sản xuất và bán sức lao động của mình.

[...] Không phải lao động là phạm trù kinh tế - chính trị nhất định, chỉ có hình thức xã hội của lao động, sự tổ chức xã hội của lao động, hay nói một cách khác, quan hệ giữa người với người trong quá trình tham gia của họ vào lao động xã hội, — mới là một phạm trù kinh tế - chính trị nhất định".

Chủ nghĩa xã hội tầm thường và chủ nghĩa dân túy được bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng làm sống lại, tr.54.

"Nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống một cách tuyệt đối, nhưng sản xuất nông nghiệp tăng lên. Suốt trong thế kỷ XIX, sự tiến bộ đó gắn liền chặt chẽ với sự phát triển của nền nông nghiệp thương phẩm. Sự tiến bộ ấy nói lên một trong những nét cơ bản

của chế độ tư bản chủ nghĩa hiện nay, nét cơ bản ấy thể hiện ở chỗ là đã tạo ra sự cạnh tranh trong nông nghiệp, tạo ra thị trường cho nông nghiệp và tạo ra sự phân hoá dân cư. Sự tiến bộ ấy thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, nhưng mỗi bước tiến bộ đều kèm theo việc phát sinh ra các mâu thuẫn, khiến cho không thể sử dụng được tất cả lực lượng sản xuất của nền nông nghiệp mới và có tính chất khoa học. Chủ nghĩa tư bản tạo ra nền sản xuất lớn, tạo ra sự cạnh tranh, đồng thời cũng vung phí sức sinh sản của đất đai. Việc tập trung dân cư vào thành thị làm xuất hiện những vùng đất không có người, tạo ra một tình trạng trao đổi vật chất không bình thường. Việc canh tác đất đai không được cải thiện, hay không được cải thiện đúng với mức cần thiết".

Quan điểm mác-xít về vấn đề ruộng đất ở châu Âu và ở Nga, tr.140-141.

TẬP 10

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Đảng dân chủ - xã hội, đại biểu giác ngộ của phong trào công nhân, tự đặt cho mình mục tiêu là hoàn toàn giải phóng tất cả những người lao động khỏi mọi ách áp bức và bóc lột. Việc hoàn thành mục tiêu này, việc thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và thiết lập xã hội xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi mức độ phát triển rất cao của lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản và một trình độ tổ chức rất cao của giai cấp công nhân. Sự phát triển đầy đủ của lực lượng sản xuất trong xã hội tư sản hiện đại, cuộc đấu tranh giai cấp rộng rãi, công khai và tự do, cũng như việc giáo dục chính trị, việc rèn luyện và đoàn kết quần chúng vô sản, tất cả những việc đó đều không thể làm được nếu không có tự do về mặt chính trị. Chính vì vậy, giai cấp vô sản giác ngộ luôn luôn đề ra cho mình nhiệm vụ là tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết cho tự do hoàn toàn về mặt chính trị và cho cách mạng dân chủ".

Những nhiệm vụ dân chủ của giai cấp vô sản cách mạng, tr.302.

TẬP 12

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Tất cả khía cạnh trong sinh hoạt xã hội đều có liên quan chặt chẽ với nhau và, phân tích đến cùng, đều hoàn toàn phụ thuộc vào các quan hệ sản xuất. Biện pháp căn bản để thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ là điều không thể quan niệm được, nếu không có sự thay đổi căn bản của các hình thức nhà nước (và trong tình hình cuộc cải cách kinh tế hiện nay thì chỉ có theo phương châm chủ nghĩa dân chủ, sự cải tạo này mới có thể thực hiện được); không thể quan niệm được sự phá hủy đó nếu tư tưởng của "nhân dân" và nông dân, tư tưởng đòi thủ tiêu một thứ chế độ tư hữu quan trọng nhất về ruộng đất, lại không chống lại chế độ tư hữu ruộng đất nói chung. Nói một cách khác, một cuộc cách mạng triệt để như việc thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, tất nhiên phải thúc đẩy hết sức mạnh mẽ toàn bộ sự phát triển xã hội, kinh tế và chính trị. Một người xã hội chủ nghĩa đặt vấn đề về một cuộc cách mạng như thế thành vấn đề bức thiết, thì nhất định phải nghĩ đến những vấn đề mới do cuộc cách mạng đó đẻ ra, phải xem xét cuộc cách mạng đó không những về mặt quá khứ của nó, mà cả về mặt tương lai của nó nữa".

Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân, tr.305.

TẬP 15

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Nhiệm vụ của chúng tôi, của Đảng dân chủ - xã hội lại khác: xúc tiến quá trình giải phóng quần chúng khỏi bá quyền lãnh đạo của bọn dân chủ - lập hiến. Bá quyền lãnh đạo đó được duy trì là nhờ tập quán, nhờ những mối liên hệ cũ và nhờ ảnh hưởng của bọn tự do chủ nghĩa, nhờ bá quyền lãnh đạo kinh tế của chúng đối với người tiểu tư sản, nhờ vai trò trí thức tư sản, vai trò giới quan lại tự do chủ nghĩa của chúng và v.v.. Quần chúng càng hiểu rõ lợi ích *của mình* thì họ càng mau chóng hiểu sự thù địch của phái tự do đối với phong trào quần chúng và về mặt chính trị họ càng mau chóng tách khỏi phái tự do để lập ra các tổ chức, các hội, các đảng, v.v. dân chủ, cách mạng này nọ của mình. Đặc biệt nông dân — ở Nga nông dân chiếm tám hoặc chín phần mười trong toàn bộ giai cấp tiểu tư sản — đấu tranh trước hết để giành ruộng đất. Bọn địa chủ tự do chủ nghĩa [...] trong cuộc đấu tranh đó lại *chống lại* nông dân, còn bọn quan lại tự do chủ nghĩa, trí thức tư sản thì rất gần gũi với bọn địa chủ tự do chủ nghĩa. Đó là lý do tại sao nông dân thoát khỏi ảnh hưởng của bọn dân chủ - lập hiến một cách kiên quyết hơn nhiều và nhanh chóng hơn nhiều so với giai cấp tiểu tư sản thành thị. Thắng lợi của nông dân trong cuộc đấu tranh vì ruộng đất là cơ sở kinh tế thật sự cho thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản ở Nga. Phái tự do (trong đó có cả bọn dân chủ - lập hiến) *chống lại* thắng lợi của nông dân; chúng chủ trương chuộc lại, tức là biến người nông dân một phần thành người đại nông, một phần thành người cố nông bên cạnh tên địa chủ *kiểu Phổ*. Đó là lý do tại sao ở nước Nga, cách mạng dân chủ - tư sản

không thể thắng được nếu không giải phóng nông dân khỏi bá quyền lãnh đạo chính trị của phái tự do. Thắng lợi của nông dân *sẽ thủ tiêu* quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, và tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất được hoàn toàn tự do phát triển trên cơ sở thuần túy tư bản chủ nghĩa".

Những người bôn-sê-vích và giai cấp tiểu tư sản, tr.76-77.

"Tất cả những người dân chủ - xã hội đều tin chắc rằng cuộc cách mạng của chúng ta, xét về nội dung của cuộc cách mạng kinh tế - xã hội đang diễn ra, là một cuộc cách mạng *tư sản*. Như thế nghĩa là cuộc cách mạng diễn ra trên cơ sở quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, và kết quả của cuộc cách mạng tất nhiên sẽ là phát triển hơn nữa chính ngay quan hệ sản xuất đó. Nói một cách giản đơn là: toàn bộ nền kinh tế xã hội *vẫn còn* phụ thuộc vào thế lực của thị trường, vào thế lực của đồng tiền, ngay cả trong điều kiện có hết sức đầy đủ *tự do* và trong điều kiện nông dân thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh giành *ruộng đất*. Đấu tranh giành ruộng đất, đấu tranh giành tự do là cuộc đấu tranh cho những điều kiện tồn tại của xã hội tư sản, bởi vì sự thống trị của *tư bản* vẫn còn tồn tại ngay cả trong một nước cộng hòa dân chủ nhất, và vô luận việc chuyển "toàn bộ ruộng đất cho nhân dân" được tiến hành theo cách nào.

[...] Khi gọi cuộc cách mạng hiện nay là một cuộc cách mạng tư sản, những người dân chủ - xã hội hoàn toàn không muốn hạ thấp nhiệm vụ của nó, làm giảm ý nghĩa của nó. Trái lại. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với giai cấp các nhà tư bản không thể triển khai một cách đầy đủ và không thể kết thúc thắng lợi, chừng nào những kẻ thù lịch sử cổ xưa hơn của giai cấp vô sản chưa bị lật đổ".

Vấn đề ruộng đất và lực lượng của cách mạng, tr.240.

TẬP 16

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Ta đã thấy rằng thực chất của cuộc cách mạng đang diễn ra chung quy lại là ở chỗ xoá bỏ những đại điền trang nông nô và tạo ra một giai cấp nông dân làm nghề nông tự do và (nếu có thể có được trong những điều kiện hiện nay) khá giả, khả dĩ không phải sống khổ sở và lay lắt trên ruộng đất mà có thể phát triển được lực lượng sản xuất, đẩy được nền canh tác nông nghiệp tiến lên. Cuộc cách mạng đó tuyệt đối không đụng chạm gì và cũng không thể đụng chạm được đến *nền sản xuất* nhỏ trong nông nghiệp, đến sự thống trị *của thị trường* đối với người sản xuất và do đó, đến sự thống trị *của nền sản xuất hàng hoá,* vì cuộc đấu tranh đòi *chia lại* ruộng đất không thể làm thay đổi được những quan hệ sản xuất trong việc kinh doanh trên ruộng đất ấy. Nhưng chúng ta đã thấy rằng cuộc đấu tranh đó có đặc điểm là nền nông nghiệp nhỏ được phát triển mạnh mẽ trên ruộng đất của các đại điền trang nông nô".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907, tr.260.

"Vì lợi ích của sự phát triển lực lượng sản xuất (cái tiêu chuẩn tối cao đó của tiến bộ xã hội), chúng ta phải ủng hộ không phải sự phát triển tư sản theo kiểu địa chủ, mà là sự phát triển tư sản theo kiểu nông dân. Kiểu thứ nhất có nghĩa là duy trì đến cao độ tình trạng nô dịch và chế độ nông nô (sửa đổi lại theo lối tư sản), phát triển lực lượng sản xuất với một tốc độ chậm chạp nhất và phát triển từ từ chủ nghĩa tư bản; kiểu đó bao hàm những tai ương

và những biến loạn, những sự bóc lột và đàn áp vô cùng to lớn hơn đối với quảng đại quần chúng nông dân, và do đó, đối với cả bản thân giai cấp vô sản nữa. Kiểu thứ hai có nghĩa là phát triển nhanh chóng nhất lực lượng sản xuất và những điều kiện tốt nhất (mà nói chung có thể có được trong phạm vi sản xuất hàng hoá) của đời sống của quần chúng nông dân. Điều quyết định sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng tư sản Nga không phải là sự ủng hộ giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, như những người cơ hội chủ nghĩa tưởng, mà là sự ủng hộ nông dân đang đấu tranh".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907, tr.273.

"Chúng ta thấy rằng các đại điền trang nông nô là "mấu chốt" của cuộc đấu tranh đòi ruộng đất trong cuộc cách mạng của chúng ta. Cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất trước hết và điều lớn hơn cả là đấu tranh đòi huỷ bỏ những đại điền trang đó. Sự huỷ bỏ và sự chuyển toàn bộ những đại điền trang đó vào tay nông dân chắc chắn có nghĩa là nền nông nghiệp Nga đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Con đường phát triển đó sẽ có nghĩa là sự phát triển lực lượng sản xuất nhanh chóng nhất, là những điều kiện lao động tốt nhất đối với quần chúng nhân dân, là sự phát triển nhanh nhất của chủ nghĩa tư bản đi đôi với việc biến những nông dân tự do thành những người phéc-mi-ê. Nhưng có thể có một con đường phát triển tư sản khác của nền nông nghiệp: duy trì những cơ sở kinh doanh của địa chủ và những điền trang lớn, dần dần biến chúng từ những cơ sở kinh doanh nông nô - nô dịch thành những cơ sở kinh doanh theo kiểu của gioong-ke. Chính hai kiểu phát triển tư sản có thể có được đó là cơ sở của hai loại cương lĩnh ruộng đất mà những giai cấp khác nhau đã đề ra trong cách mạng Nga".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907, tr.287.

"Một khi đã thừa nhận rằng cuộc cách mạng tư sản ở nước ta trong lĩnh vực quan hệ ruộng đất phải được coi là một "cuộc cách mạng ruộng đất *của nông dân*", như vậy thì hình như là những ý kiến bất đồng hết sức sâu sắc giữa những người dân chủ - xã hội về cương lĩnh ruộng đất tất phải không còn nữa. Thế nhưng, trong thực tế, những ý kiến bất đồng lại nảy ra trong vấn đề xét xem những người dân chủ - xã hội nên tán thành phân chia ruộng đất của địa chủ cho nông dân làm sở hữu riêng hay địa phương công hữu hoá ruộng đất của địa chủ, hay quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất. Cho nên, trước hết chúng ta cần khẳng định cái nguyên lý mà những người dân chủ - xã hội thường hay quên là chỉ có đứng trên quan điểm cách mạng ruộng đất *của nông dân* ở Nga thì mới có thể giải quyết đúng đắn những vấn đề đó. [...]

Cương lĩnh ruộng đất hiện nay của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thừa nhận (dưới một hình thức đặc biệt) việc công hữu hoá những ruộng đất tịch thu (quốc hữu hoá rừng rú, sông hồ và những đất để di dân đến, địa phương công hữu hoá những ruộng đất tư), ít ra là trong trường hợp "cách mạng phát triển thắng lợi". Trong "điều kiện không thuận lợi", thì cương lĩnh này chủ trương *phân chia* ruộng đất của địa chủ và cấp cho nông dân làm sở hữu riêng. Trong bất kỳ trường hợp nào, cũng thừa nhận quyền sở hữu của nông dân và những người tiểu nông nói chung đối với những ruộng đất mà họ hiện có. Như vậy là bản cương lĩnh quy định *hai* chế độ ruộng đất ở nước Nga tư sản đổi mới: chế độ tư hữu ruộng đất và (ít ra là trong trường hợp cách mạng phát triển thắng lợi) chế độ công hữu dưới hình thức địa phương công hữu hoá và quốc hữu hoá".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907, tr.292-294.

"Chính vì vậy mà khái niệm lý luận về quốc hữu hoá gắn liền chặt chẽ với lý luận địa tô, nghĩa là chính với lý luận về địa tô tư bản chủ nghĩa, với tư cách là một hình thức đặc thù của thu nhập của một giai cấp đặc thù (giai cấp chiếm hữu ruộng đất) trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Lý luận của Mác phân biệt hai hình thức địa tô: địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối. Địa tô chênh lệch là kết quả của tình trạng ruộng đất được khai thác là có hạn, của tình trạng ruộng đất ấy là do những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa chiếm cứ, không kể là có hay không có chế độ tư hữu về ruộng đất, hoặc không kể là hình thức sở hữu như thế nào. Những sự chênh lệch là không tránh khỏi giữa các doanh nghiệp nông nghiệp khác nhau; những sự chênh lệch đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: độ phì của ruộng đất, vị trí của ruộng đất đối với thị trường, sự sinh lợi của những khoản đầu tư thêm vào ruộng đất. Để nói cho ngắn gọn, những sự chênh lệch ấy có thể quy thành (tuy nhiên không được quên rằng những sự chênh lệch ấy có những nguyên nhân khác nhau) những chênh lệch phân biệt ruộng đất tốt với ruộng đất xấu. Chúng ta bàn tiếp. Giá cả sản xuất của sản phẩm nông nghiệp là do những điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất chứ không phải trên ruộng đất trung bình, quyết định, vì sản phẩm của độc những ruộng đất tốt nhất thì không đủ để đáp ứng yêu cầu. Chênh lệch giữa giá cả sản xuất cá biệt và giá cả sản xuất cao nhất chính là địa tô chênh lệch. (Xin nhắc lại rằng Mác gọi tư bản đầu tư để chế tạo sản phẩm cộng với lợi nhuận trung bình của tư bản, là giá cả sản xuất).

Địa tô chênh lệch không tránh khỏi hình thành trong chế độ nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, ngay cả khi chế độ tư hữu về ruộng đất bị xoá bỏ hoàn toàn. Nếu chế độ tư hữu về ruộng đất mà tồn tại thì người sở hữu ruộng đất sẽ nhận được địa tô ấy vì sự cạnh tranh giữa những tư bản buộc người phéc-mi-ê (người thuê ruộng đất) phải bằng lòng nhận lợi nhuận trung bình của tư bản. Nếu chế độ tư hữu về ruộng đất bị xoá bỏ, thì nhà nước sẽ nhận được địa tô ấy. Chừng nào mà còn có phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì *không thể* xoá bỏ được địa tô *ấy.*

Địa tô tuyệt đối là do chế độ tư hữu về ruộng đất đẻ ra. Địa tô đó chứa đựng một yếu tố độc quyền, một yếu tố giá độc quyền. Chế độ tư hữu ruộng đất gây trở ngại cho cạnh tranh tự do, cho việc san bằng lợi nhuận, cho việc hình thành lợi nhuận trung bình

trong những xí nghiệp nông nghiệp và phi nông nghiệp. Và vì kỹ thuật trong nông nghiệp thấp kém hơn, vì trong cấu thành tư bản bỏ vào nông nghiệp thì bộ phận tư bản khả biến lớn hơn bộ phận tư bản bất biến, chứ không phải như trong công nghiệp, nên *giá trị cá biệt* của sản phẩm nông nghiệp lại cao hơn giá trị trung bình. Bởi vậy chế độ tư hữu về ruộng đất, cái chế độ gây trở ngại cho việc san bằng một cách tự do lợi nhuận cả trong những xí nghiệp nông nghiệp, lẫn trong xí nghiệp phi nông nghiệp, cho phép người ta bán sản phẩm nông nghiệp không phải theo giá cả sản xuất cao nhất mà theo một giá trị cá biệt còn cao hơn nữa của sản phẩm (vì giá cả sản xuất được quyết định bởi lợi nhuận trung bình của tư bản, còn địa tô tuyệt đối thì không cho phép cái "trung bình" đó hình thành, vì với tư cách là độc quyền, nó quy định một giá trị cá biệt cao hơn giá trị trung bình).

Vì vậy mà địa tô chênh lệch là tất yếu đối với mọi nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Còn địa tô tuyệt đối thì không phải thế. Nó chỉ tồn tại khi nào có chế độ tư hữu ruộng đất, và khi nào trong nông nghiệp, có một tình trạng lạc hậu hình thành trong lịch sử và được duy trì bởi độc quyền".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907, tr.345-347.

TẬP 17

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Do đó, thực chất của vấn đề ruộng đất và của cuộc khủng hoảng ruộng đất không phải là ở chỗ thủ tiêu những trở ngại cho việc nâng cao kỹ thuật canh tác, mà là ở chỗ thủ tiêu những trở ngại ấy *như thế nào*, giai cấp nào tiến hành việc thủ tiêu đó và thủ tiêu bằng những phương pháp nào. Còn việc thủ tiêu những trở ngại cho sự phát triển lực lượng sản xuất trong nước thì tuyệt đối cần thiết, cần thiết không những theo ý nghĩa chủ quan của từ đó, mà theo cả ý nghĩa khách quan, nghĩa là sự thủ tiêu ấy là tất yếu và không một lực lượng nào có thể ngăn cản được nó.

[...] Trở ngại chủ yếu và căn bản của sự phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp nước Nga là những tàn tích của chế độ nông nô, trước hết tức là chế độ lao dịch và nô dịch, sau đến thuế má có tính chất nông nô, tình trạng không bình đẳng của người nông dân, sự khuất phục của họ trước những tầng lớp trên, v.v., v.v.. Việc xóa bỏ những tàn tích đó của chế độ nông nô từ lâu trở thành một tất yếu kinh tế, và cuộc khủng hoảng trong nông nghiệp vào cuối thế kỷ XIX đã trở nên hết sức gay gắt, chính là vì quá trình giải phóng nước Nga khỏi thời kỳ trung cổ đã kéo quá dài, vì chế độ lao dịch và nô dịch "sống dai dẳng" quá lâu. [...]

Cơ cấu kinh tế mới ấy của nông nghiệp nước Nga như thế nào? [...] Cơ cấu kinh tế mới ở nước ta từ cái vỏ nông nô mà ra, là nền nông nghiệp thương phẩm và chủ nghĩa tư bản. Kinh tế của doanh nghiệp địa chủ, nếu không dựa trên chế độ lao dịch và sự nô dịch nông dân được chia ruộng đất, thì sẽ phơi bày một cách hết sức rõ rệt những đặc điểm mang tính chất tư bản chủ nghĩa. Kinh tế của

doanh nghiệp nông dân cũng vậy, nếu chúng ta biết nhìn vào công xã và xem cái gì đã xảy ra trong đời sống mặc dù có sự bình quân chính thức của chế độ chiếm hữu ruộng đất chia, cũng cho ta thấy ở khắp nơi những đặc điểm mang tính chất thuần túy tư bản chủ nghĩa. Ở Nga, nông nghiệp thương phẩm phát triển không ngừng, bất chấp mọi trở ngại, và nền nông nghiệp thương phẩm này nhất định chuyển thành nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, tuy rằng những hình thức của sự chuyển biến đó hết sức nhiều vẻ và thay đổi tùy theo từng vùng.

[...] Chúng ta đã thấy những điều kiện kinh tế mới phá vỡ những khuôn khổ và những hàng rào trung cổ ấy của chế độ chiếm hữu ruộng đất, bằng cách buộc những nông dân nghèo phải cho thuê miếng đất được chia lâu đời của mình, bằng cách buộc những nông dân khá giả phải tổ chức nền kinh tế tương đối lớn của mình từ những mảnh đất khác nhau: cả ruộng đất chia, ruộng đất mua lẫn ruộng đất thuê của địa chủ. Và trên ruộng đất của địa chủ, thì sự phân chia ruộng đất theo chế độ lao dịch, theo lối cho nông dân thuê cả năm, theo lối tự canh, chỉ rõ rằng những phương pháp kinh doanh mới được xây dựng ngoài khuôn khổ của chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, kiểu trung cổ.

Việc thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất ấy có thể làm ngay tức khắc, sau khi đã cương quyết cắt đứt với quá khứ. [...] Việc thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất hoàn toàn không thay đổi chút nào những cơ sở tư sản trong chế độ chiếm hữu ruộng đất có tính chất thương mại và tư bản chủ nghĩa. Không có gì sai lầm hơn ý kiến cho rằng hình như quốc hữu hóa ruộng đất có cái gì giống với chủ nghĩa xã hội hoặc thậm chí với sự bình quân trong việc sử dụng ruộng đất. Về chủ nghĩa xã hội thì ai cũng biết rằng nó nhằm xóa bỏ nền kinh tế hàng hóa. Còn quốc hữu hóa là chuyển ruộng đất thành sở hữu của nhà nước, sự chuyển đó không mảy may đụng chạm đến việc kinh doanh tư nhân về ruộng đất. Dù ruộng đất có trở thành sở hữu hoặc "tài sản" của nhà nước, của toàn dân, thì điều đó cũng không làm thay đổi phương pháp kinh doanh ruộng

đất, hoàn toàn giống như phương pháp kinh doanh (tư bản chủ nghĩa) của người nông dân khá giả không thay đổi, dù họ có mua ruộng đất một cách "vĩnh viễn", có thuê ruộng đất của địa chủ hoặc ruộng đất công, hoặc "thu góp" những mảnh ruộng đất được chia mà những nông dân nghèo cho thuê. Khi còn có sự trao đổi mà nói đến chủ nghĩa xã hội thì thật là tức cười. Sự trao đổi những sản phẩm nông nghiệp và tư liệu sản xuất hoàn toàn không phụ thuộc vào những hình thức chiếm hữu ruộng đất. [...]

Còn về tính chất bình quân thì ở trên chúng tôi đã chỉ rõ là trong thực tế nó đã được áp dụng như thế nào trong việc phân phối ruộng đất chia. Chúng ta thấy rằng trong công xã ruộng đất chia được phân phối một cách khá bình quân, chỉ hơi nghiêng một chút về phía những người giàu. Nhưng do những nông dân nghèo phải cho thuê lại ruộng đất và ruộng đất cho thuê tập trung vào tay những nhà giàu, nên dấu vết của sự bình quân đó còn lại rất ít. Rõ ràng là không có một sự bình quân nào trong việc chiếm hữu ruộng đất lại có thể xóa bỏ được tình trạng không đồng đều trên thực tế sử dụng ruộng đất, một khi còn có sự khác biệt về của cải giữa nông dân và còn có chế độ trao đổi làm cho những sự khác biệt đó thêm gay gắt.

Ý nghĩa kinh tế của việc quốc hữu hóa hoàn toàn không phải ở chỗ người ta vẫn thường tìm. Ý nghĩa của nó không phải ở chỗ đấu tranh chống lại những quan hệ tư sản (như Mác đã chỉ rõ từ lâu, quốc hữu hóa là một biện pháp tư sản triệt để nhất), mà là ở chỗ đấu tranh chống những quan hệ nông nô. Tính chất phức tạp của chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ đã kìm hãm sự phát triển kinh tế; những giới hạn đẳng cấp ngăn trở sự chu chuyển thương mại; chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ không thích hợp với lối kinh doanh mới, điều đó sinh ra những mâu thuẫn gay gắt; nhờ những đại điền trang, bọn địa chủ kéo dài sự tồn tại của chế độ lao dịch; nông dân bị giam hãm trong chế độ chiếm hữu ruộng đất chia giống hệt như trong một trại mà mỗi bước đi của cuộc sống lại phá vỡ khuôn khổ của nó. Quốc hữu hóa sẽ quét sạch tất cả những quan hệ trung cổ trong việc chiếm hữu ruộng đất, nó sẽ xóa bỏ tất

cả những hàng rào nhân tạo trên ruộng đất, nó sẽ làm cho ruộng đất trở thành thật sự tự do - nhưng tự do cho ai? cho mọi công dân chăng? Không phải như thế. [...] Ruộng đất trở nên tự do, *cho người chủ*, cho người nào thật sự muốn và *có thể* canh tác ruộng đất theo yêu cầu của những điều kiện kinh doanh hiện đại nói chung và của thị trường thế giới nói riêng. Quốc hữu hóa sẽ thúc đẩy nhanh sự diệt vong của chế độ nông nô và sự phát triển của chế độ phéc-mi-ê thuần túy tư sản trên ruộng đất không còn mảy may những rác rưởi của thời trung cổ. Đó là ý nghĩa lịch sử thật sự của việc quốc hữu hóa ở Nga vào cuối thế kỷ XIX.

Còn về con đường khác, con đường quét sạch chế độ chiếm hữu ruộng đất cho chủ nghĩa tư bản, con đường mà về mặt khách quan không phải là không thể thực hiện được thì như chúng ta đã thấy, đó là sự thúc đẩy việc những nhà giàu cướp bóc công xã và là củng cố chế độ tư hữu về ruộng đất cho những nông dân khá giả. Nguồn gốc chủ yếu của chế độ lao dịch và nô dịch do đó không bị đụng chạm đến, những đại điền trang của địa chủ vẫn tồn tại. Rõ ràng là phương pháp như thế để quét sạch con đường cho chủ nghĩa tư bản đem lại hết sức ít khả năng phát triển tự do các lực lượng sản xuất so với phương pháp thứ nhất. Một khi các đại điền trang còn được duy trì thì tất nhiên còn duy trì cả người nông dân bị nô dịch, chế độ làm rẽ, chế độ lĩnh canh quy mô nhỏ cả năm, việc canh tác ruộng đất của "lãnh chúa" bằng nông cụ của nông dân, nghĩa là duy trì những phương pháp trồng trọt lạc hậu nhất và tất cả sự dã man theo kiểu châu Á mà người ta vẫn gọi là lối sống gia trưởng ở nông thôn.

Tôi đã nói tới hai "giải pháp" cho vấn đề ruộng đất ở nước Nga tư sản đang phát triển, hai giải pháp ấy phù hợp với hai con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tôi gọi những con đường ấy là con đường kiểu Phổ và con đường kiểu Mỹ. Đặc điểm của con đường thứ nhất là những quan hệ trung cổ trong chế độ chiếm hữu ruộng đất không bị thủ tiêu ngay, mà thích ứng một cách chậm chạp với chủ nghĩa tư bản, do đó chủ nghĩa tư bản sẽ

còn giữ những đặc điểm nửa phong kiến trong một thời gian lâu dài. [...] Ở Mỹ, ngược lại, không phải nền kinh tế chiếm hữu nô lệ cũ của địa chủ lớn là cơ sở của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa (nội chiến đã phá vỡ nền kinh tế chiếm hữu nô lệ), mà là kinh doanh tự do của người phéc-mi-ê tự do trên ruộng đất tự do đã thoát khỏi mọi sự ràng buộc thời trung cổ, một mặt thoát khỏi chế độ nông nô và phong kiến, và mặt khác thoát khỏi những ràng buộc của chế độ tư hữu về ruộng đất. Ruộng đất ở Mỹ được trích trong khối dự trữ ruộng đất hết sức to lớn của nó và phân phối theo giá danh nghĩa, và hiện nay chế độ tư hữu về ruộng đất ở đấy đã phát triển trên một cơ sở mới, hoàn toàn tư bản chủ nghĩa.

Cả hai con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ấy đã biểu hiện hoàn toàn rõ ràng ở Nga sau năm 1861. Sự tiến bộ của kinh tế địa chủ không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng sự tiến bộ đó chậm chạp không phải là điều ngẫu nhiên mà là tất yếu, chừng nào những tàn tích của chế độ nông nô còn được duy trì. Cũng không còn nghi ngờ gì nữa, nông dân càng được tự do, những tàn tích của chế độ nông nô đè xuống họ càng ít đi (ví dụ, ở miền Nam có tất cả các điều kiện thuận lợi ấy), và cuối cùng, nói chung, nông dân càng có nhiều ruộng đất, thì sự phân hóa trong nông dân càng mạnh hơn và sự hình thành giai cấp những người phéc-mi-ê kinh doanh nông nghiệp càng diễn ra nhanh hơn. Toàn bộ vấn đề phát triển hơn nữa của đất nước chung quy lại là trong hai con đường phát triển ấy, con đường nào sẽ thắng hoàn toàn, và do đó, giai cấp nào sẽ tiến hành cuộc cải tạo cần thiết và tất yếu: địa chủ quý tộc cũ hay là người phéc-mi-ê nông dân tự do?

Ở nước ta, người ta thường nghĩ rằng quốc hữu hóa ruộng đất có nghĩa là rút ruộng đất ra khỏi chu chuyển thương mại. Đa số nông dân tiên tiến và các nhà tư tưởng của nông dân nhất định đứng trên quan điểm đó. Nhưng cách nhìn như thế hoàn toàn sai lầm. Chính là ngược lại. Chế độ tư hữu về ruộng đất là một trở ngại cho việc tự do bỏ vốn vào ruộng đất. Vì vậy, trong điều kiện nhà nước cho thuê tự do ruộng đất (mà thực chất của việc quốc

hữu hóa trong xã hội tư sản chung quy lại là ở chỗ đó), ruộng đất bị lôi cuốn vào chu chuyển thương mại một cách *mạnh hơn* là trong điều kiện thống trị của chế độ tư hữu về ruộng đất. Trong điều kiện tự do thuê mướn, việc tự do bỏ vốn vào ruộng đất và tự do cạnh tranh trong nông nghiệp lớn gấp bội so với trong điều kiện chế độ tư hữu. Có thể nói quốc hữu hóa ruộng đất là chế độ chúa đất không có chúa đất. Còn trong việc phát triển nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa, chế độ chúa đất là thế nào thì Mác đã lập luận một cách hết sức sâu sắc trong cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư". Tôi đã dẫn lập luận của Mác trong tác phẩm nói ở trên về cương lĩnh ruộng đất, nhưng ở đây, do tầm quan trọng của vấn đề, tôi xin phép nhắc lại lập luận đó một lần nữa".

Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX, tr.149-156.

"Tuy nhiên, bức tranh nói trên còn làm sáng tỏ một điều khác nữa. Đó là: sự phát triển đó trong một nước tư bản chủ nghĩa *có thể* có hai cách. Hoặc là những đại điền trang được duy trì và dần dần trở thành cơ sở cho sự kinh doanh ruộng đất theo lối tư bản chủ nghĩa, đó là chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp theo kiểu Phổ; bọn gioong-ke vẫn ở địa vị người chủ. Ưu thế chính trị của chúng cũng như tình trạng bị áp bức, bần cùng, khổ cực và dốt nát của người nông dân vẫn còn được duy trì hàng chục năm ròng. Sự phát triển của lực lượng sản xuất diễn ra rất là chậm chạp, giống như tình hình nông nghiệp ở Nga từ 1861 đến 1905.

Hoặc là cách mạng xóa bỏ chế độ chiếm hữu của địa chủ. Người phéc-mi-ê tự do kinh doanh trên mảnh đất *tự do,* tức là không còn vết tích của thời trung cổ, sẽ trở thành cơ sở của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đó là chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp theo kiểu *Mỹ,* là *sự phát triển nhanh nhất các lực lượng sản xuất* trong những điều kiện thuận lợi nhất đối với quần chúng nhân dân, những điều kiện thuận lợi có thể có dưới chế độ tư bản chủ nghĩa".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng ở Nga, tr.182.

TẬP 19

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Chẳng hạn, theo thông lệ, nếu chúng ta thấy trong nền sản xuất lớn, máy móc được sử dụng nhiều hơn rất nhiều so với nền sản xuất nhỏ; nếu chúng ta thấy có một sự tập trung rất lớn các máy móc vào trong các cơ sở kinh doanh tư bản chủ nghĩa, và đôi khi thậm chí các cơ sở kinh doanh tư bản chủ nghĩa hầu như còn độc quyền về cả những công cụ cải tiến nữa, thì điều đó nói lên *sự khác nhau trong việc chăm sóc ruộng đất* giữa các loại cơ sở kinh doanh khác nhau. Trong số máy móc đã được đăng ký trong cuộc điều tra ở nước Đức có: cày máy chạy bằng hơi nước, máy gieo theo hàng, máy trồng khoai tây. Việc những loại máy nông nghiệp này được sử dụng chủ yếu trong nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa nói lên rằng ở đây *việc canh tác ruộng đất* tốt hơn, kỹ thuật canh tác cao hơn, năng suất lao động lớn hơn. Ben-dinh, tác giả một cuốn sách chuyên đề nổi tiếng về vấn đề máy móc nông nghiệp - căn cứ vào những tài liệu của các chuyên gia nói về kinh nghiệm sử dụng các loại máy móc, đã tính rằng ngay cả khi không thay đổi chế độ trồng trọt, chỉ riêng việc sử dụng máy móc cũng đã làm cho thu nhập ròng của cơ sở kinh doanh tăng lên *hàng chục lần*. Những sự tính toán đó chưa bị ai bác bỏ, và về cơ bản cũng không thể bị bác bỏ được.

Người sản xuất nhỏ, không có khả năng sử dụng những công cụ cải tiến, đã bị buộc phải rớt lại đằng sau những người khác *trong việc chăm sóc ruộng đất*, còn "đuổi kịp" các chủ lớn bằng cách đầu tư nhiều lao động hơn trong khi vẫn duy trì các công cụ cũ, bằng cách tăng thêm sự "cần cù" và kéo dài ngày lao động, thì

trong mấy trăm người hay mấy nghìn người cũng chỉ có một vài người hay vài chục người có thể làm được mà thôi. Do đó, con số thống kê về mặt sử dụng máy móc chính *đã nói lên* hiện tượng *lao động quá sức* trong nền sản xuất nhỏ, mà những người mác-xít luôn luôn nhấn mạnh (hiện tượng đó). Không một nền thống kê nào có thể trực tiếp tính được hiện tượng đó, nhưng nếu nghiên cứu những con số thống kê, hiểu theo ý nghĩa *kinh tế* của chúng, thì sẽ thấy rõ được rằng trong xã hội hiện nay, *những loại* cơ sở kinh doanh *nào sẽ phải* hình thành và không thể không hình thành trong trường hợp sử dụng máy móc và trong trường hợp không thể sử dụng máy móc".

Chế độ tư bản chủ nghĩa trong nền nông nghiệp hiện đại, tr.439-440.

TẬP 20

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Chủ nghĩa tư bản phát triển với những tốc độ không giống nhau trong các nước khác nhau và trong các ngành khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Chủ nghĩa Mác được giai cấp công nhân và những nhà tư tưởng của giai cấp đó lĩnh hội một cách dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, đầy đủ nhất và chắc chắn nhất trong điều kiện nền đại công nghiệp được phát triển tới mức cao nhất. Những quan hệ kinh tế lạc hậu hay chậm phát triển thường xuyên dẫn tới chỗ là, trong phong trào công nhân, xuất hiện những phần tử chỉ lĩnh hội được một số khía cạnh của chủ nghĩa Mác, một số bộ phận riêng biệt của thế giới quan mới, hoặc một số khẩu hiệu và yêu sách riêng biệt, mà lại không thể đoạn tuyệt dứt khoát với tất cả những truyền thống của thế giới quan tư sản nói chung và của thế giới quan dân chủ - tư sản nói riêng.

Hơn nữa, một nguồn gốc luôn luôn gây ra những ý kiến bất đồng là tính chất biện chứng của sự phát triển xã hội, diễn ra trong mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn. Chủ nghĩa tư bản là tiến bộ, vì nó xoá bỏ những phương thức sản xuất cũ và làm cho lực lượng sản xuất phát triển; nhưng đồng thời đến một trình độ phát triển nhất định, thì nó lại kìm hãm sự phát triển của các lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa tư bản làm cho công nhân phát triển, làm cho họ có tổ chức, đưa họ vào kỷ luật, — nhưng nó đè nén, áp bức công nhân, dẫn họ tới chỗ thoái hoá, cùng khổ, v.v.. Chủ nghĩa tư bản tự nó tạo ra người đào huyệt chôn nó, tự nó tạo ra những nhân tố của một chế độ mới, và đồng thời, nếu không có một "bước nhảy vọt", thì những nhân tố riêng lẻ đó không làm thay đổi được

một tí gì trong tình hình chung của sự vật, không đụng chạm gì đến nền thống trị của tư bản. Chủ nghĩa Mác, với tư cách là học thuyết của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đã nắm được những mâu thuẫn đó trong cuộc sống sinh động, trong lịch sử sinh động của chủ nghĩa tư bản và của phong trào công nhân. Nhưng lẽ dĩ nhiên là quần chúng học tập trong đời sống chứ không phải trong sách vở, và vì vậy, có một số cá nhân hay một số nhóm người nào đó luôn luôn phóng đại, luôn luôn nêu khi thì đặc điểm này, khi thì đặc điểm nọ của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, khi thì "bài học" này, khi thì "bài học" nọ của sự phát triển ấy, thành một lý thuyết phiến diện, thành một hệ thống sách lược phiến diện".

Những ý kiến bất đồng trong phong trào công nhân châu Âu, tr.77-78.

TẬP 23

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị; lý luận đó chỉ cho ta thấy rằng, do chỗ lực lượng sản xuất lớn lên, thì từ một hình thức tổ chức đời sống xã hội này, nảy ra và phát triển lên như thế nào một hình thức tổ chức đời sống xã hội khác, cao hơn; chẳng hạn, chủ nghĩa tư bản đã nảy sinh ra như thế nào từ chế độ phong kiến".

Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác, tr.53.

"Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên, Mác chú ý nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Mác dành riêng tác phẩm chính của mình là bộ "Tư bản" để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại, nghĩa là xã hội tư bản chủ nghĩa.

Khoa kinh tế chính trị cổ điển trước Mác hình thành ở Anh là nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất. A-đam Xmít và Đa-vít Ri-các-đô, nghiên cứu chế độ kinh tế, đã mở đầu *học thuyết lao động về giá trị.* Mác tiếp tục sự nghiệp của hai nhà kinh tế học đó. Ông đã luận chứng lý luận đó một cách chặt chẽ và phát triển lý luận đó một cách triệt để. Ông chỉ cho ta thấy rằng giá trị của mọi hàng hóa là do số lượng thời gian lao động xã hội tất yếu để sản xuất ra hàng hóa ấy, quyết định.

Phàm ở chỗ nào các nhà kinh tế học tư sản nhìn thấy quan hệ giữa vật với vật (hàng hóa này đổi lấy hàng hóa khác), thì ở chỗ đó,

Mác đã tìm thấy *quan hệ giữa người với người.* Sự trao đổi hàng hóa thể hiện mối liên hệ giữa những người sản xuất riêng lẻ với nhau, do thị trường làm trung gian. *Tiền tệ* nói lên rằng mối liên hệ ấy ngày càng thêm chặt chẽ, gắn bó khăng khít toàn bộ sinh hoạt kinh tế của những người sản xuất riêng lẻ thành một chỉnh thể duy nhất. *Tư bản* nói lên mối liên hệ ấy tiếp tục phát triển hơn nữa: sức lao động của con người trở thành hàng hóa. Người công nhân làm thuê bán sức lao động của mình cho người chủ ruộng đất, chủ công xưởng, chủ công cụ lao động. Công nhân dùng một phần ngày lao động để trang trải các chi phí nuôi thân và nuôi gia đình mình (tiền công); còn phần kia thì làm công không, tạo ra *giá trị thặng dư* cho nhà tư bản, đó là nguồn lợi nhuận, nguồn giàu có của giai cấp các nhà tư bản.

Học thuyết giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác.

Tư bản, do lao động của công nhân tạo ra, đè nặng lên người công nhân, làm phá sản các tiểu chủ và tạo ra một đạo quân thất nghiệp. Trong công nghiệp, thắng lợi của đại sản xuất thì thấy rõ được ngay, nhưng cả trong nông nghiệp chúng ta cũng thấy một hiện tượng tương tự như thế: ưu thế của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đại quy mô tăng thêm, việc dùng máy móc ngày càng phát triển, kinh tế nông dân bị siết chặt trong sợi dây thòng lọng của tư bản tiền tệ, bị suy vong và phá sản vì kỹ thuật lạc hậu của mình. Trong nông nghiệp, nền sản xuất nhỏ có những hình thức suy vong khác, nhưng chính sự suy vong của nền sản xuất này là một sự thật không thể bàn cãi được.

Nhờ đánh bại sản xuất nhỏ, tư bản đưa đến chỗ nâng cao năng suất lao động và tạo ra địa vị độc quyền cho những liên minh của các nhà tư bản cực lớn. Bản thân sản xuất ngày càng được xã hội hóa, - hàng chục vạn và hàng triệu công nhân gắn chặt với nhau thành một cơ thể kinh tế có kế hoạch, - nhưng sản phẩm của lao động chung thì lại do một nhúm nhà tư bản chiếm hữu. Tình trạng vô chính phủ trong sản xuất ngày càng tăng; các cuộc khủng

hoảng, cuộc chạy đua điên cuồng để giành thị trường, và đời sống quần chúng nhân dân không được đảm bảo.

Làm cho công nhân ngày càng lệ thuộc vào tư bản, chế độ tư bản chủ nghĩa tạo ra sức mạnh to lớn của lao động liên hợp.

Mác đã theo dõi quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, từ những mầm mống đầu tiên của kinh tế hàng hóa, tức là từ trao đổi giản đơn, cho đến những hình thức cao nhất của nó, cho đến đại sản xuất".

Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác, tr.54-56.

"Chúng ta thấy rằng yêu sách của những người dân chủ - xã hội: xóa bỏ *hoàn toàn* tất cả các thứ thuế gián thu, và thay các thứ thuế gián thu đó bằng một thứ thuế thu nhập lũy tiến một cách thật sự chứ không phải theo kiểu trò đùa, là *hoàn toàn* có thể thực hiện được. Một biện pháp như thế, tuy không động đến những cơ sở của chủ nghĩa tư bản, nhưng có thể lập tức giảm bớt rất nhiều gánh nặng cho chín phần mười dân cư; hai là, nó sẽ thúc đẩy rất mạnh sự phát triển lực lượng sản xuất của xã hội, bởi vì thị trường trong nước sẽ được mở rộng, và vì nhà nước sẽ trút bỏ được những sự gò ép phi lý đối với đời sống kinh tế để thực hiện thuế gián thu".

Chủ nghĩa tư bản và thuế khóa, tr.309.

"Những người mác-xít nói rằng: dưới chủ nghĩa tư bản, nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp nhất định sẽ bị diệt vong; nó tất phải rơi vào tình trạng cực kỳ bị đè nén, áp bức. Bị phụ thuộc vào đại tư bản, lạc hậu so với sản xuất lớn trong nông nghiệp, nền sản xuất nhỏ chỉ còn duy trì được là nhờ chỗ hết sức giảm bớt những nhu cầu và nhờ một lao động khổ sai không biết mệt mỏi. Phân tán và lãng phí lao động của con người, người sản xuất bị đủ thứ lệ thuộc tàn khốc, gia đình của nông dân, gia súc của nông dân, ruộng đất của nông dân đều bị kiệt quệ, - đó là cái mà ở tất cả mọi nơi, mọi chỗ, chủ nghĩa tư bản mang lại cho nông dân.

Nông dân *không có* con đường thoát nào khác ngoài con đường tham gia các hành động của giai cấp vô sản, và trước hết là của công nhân làm thuê.

[...] Điều đó có nghĩa là trong nền sản xuất nhỏ, thành phần sức lao động tồi hơn trong nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa.

Điều đó có nghĩa là trong nông nghiệp, người lao động phụ nữ, vô sản cũng như nông dân, đều phải cố đem hết sức mình ra, phải đổ mồ hôi sôi nước mắt, làm đến kiệt sức, hại đến sức khỏe của mình và của con cái để cố đuổi cho kịp người lao động nam giới trong nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa.

Điều đó có nghĩa là dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nền sản xuất nhỏ chỉ được duy trì bằng cách *bòn rút* của những người lao động một lượng lao động *lớn hơn* lượng lao động mà nền sản xuất lớn bòn rút của những người lao động.

Người nông dân bị ràng buộc và vướng mắc vào màng lưới phụ thuộc phức tạp của chủ nghĩa tư bản nhiều hơn là người công nhân làm thuê. Anh ta tưởng như mình là độc lập, là có thể "tự mình làm ăn lấy" được, nhưng thật ra, để có thể sống được, anh ta đã buộc phải làm việc (cho lợi ích của tư bản) còn vất vả hơn người công nhân làm thuê".

Nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, tr.354-357.

"Một nước càng nghèo, ách áp bức của chế độ đại địa chủ phong kiến càng nặng nề và càng làm cho người ta nghẹt thở, thì (đứng trên quan điểm *phát triển* chủ nghĩa tư bản và phát triển lực lượng sản xuất mà xét) lại càng bức thiết phải xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, phải làm cho việc chuyển nhượng ruộng đất được hoàn toàn tự do, và phải đả phá đầu óc thủ cựu cổ hủ và đập tan tình trạng trì trệ trong nông nghiệp".

Việc chuyển nhượng những ruộng đất được chia, tr.451.

TẬP 26

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"Cuộc chiến tranh hiện nay là do chủ nghĩa đế quốc gây ra. Chủ nghĩa tư bản đã đạt tới giai đoạn cao nhất đó. Lực lượng sản xuất của xã hội và quy mô của tư bản đã vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của các quốc gia dân tộc riêng biệt. Từ đó nảy sinh ra khuynh hướng của các cường quốc lớn muốn nô dịch các dân tộc khác, muốn chiếm thuộc địa, coi đó là những nguồn nguyên liệu và là những nơi để xuất khẩu tư bản. Toàn thế giới hợp lại thành một cơ cấu kinh tế, toàn thế giới bị phân chia giữa một dúm cường quốc lớn. Những điều kiện khách quan của chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn chín muồi, và cuộc chiến tranh hiện nay là cuộc chiến tranh của bọn tư bản để giành lấy những đặc quyền và sự độc quyền là những thứ có thể trì hoãn được sự phá sản của chủ nghĩa tư bản".

Dự thảo Nghị quyết của những người dân chủ - xã hội cánh tả để đưa ra Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất, tr.352.

"Hầu hết mọi người đều thừa nhận rằng cuộc chiến tranh hiện tại là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, nhưng người ta thường xuyên tạc khái niệm ấy, hoặc là người ta áp dụng khái niệm ấy một cách phiến diện, hoặc người ta ám chỉ rằng cuộc chiến tranh này có thể có ý nghĩa tư sản tiến bộ, ý nghĩa giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản, giai đoạn mà mãi đến thế kỷ XX chủ nghĩa tư bản mới đạt tới. Chủ nghĩa tư bản hiện nay cảm thấy chật chội trong các quốc gia dân tộc cũ, mà nếu không có sự hình thành những quốc gia dân tộc này thì trước đây nó đã không thể nào lật đổ được chế độ phong kiến.

Chủ nghĩa tư bản đã phát triển sự tích tụ đến trình độ khiến những xanh-đi-ca, những tơ-rớt, những hội liên hiệp của bọn tư bản tỷ phú chiếm đoạt được toàn bộ các ngành công nghiệp, và khiến những "chúa tể tư bản" đó đã chia nhau hầu hết trái đất, hoặc là dưới hình thức thuộc địa, hoặc là dùng cái mạng lưới bóc lột tài chính mà quấn chặt lấy các nước khác. Những ý đồ lũng đoạn, xâm lược nhiều đất đai để bỏ vốn ra kinh doanh, để nhập khẩu nguyên liệu, v.v., đã thay thế cho tự do buôn bán và tự do cạnh tranh. Từ chỗ trước kia chủ nghĩa tư bản vốn là người giải phóng các dân tộc trong cuộc đấu tranh của nó chống chế độ phong kiến, ngày nay chủ nghĩa tư bản đế quốc chủ nghĩa đã trở thành một kẻ áp bức mạnh mẽ các dân tộc. Chủ nghĩa tư bản từ chỗ là một nhân tố tiến bộ nay đã trở thành phản động; nó đã phát triển các lực lượng sản xuất đến mức là nhân loại chỉ còn có việc hoặc là phải chuyển qua chủ nghĩa xã hội, hoặc là phải trải qua nhiều năm và thậm chí hàng chục năm, một cuộc đấu tranh vũ trang giữa các cường quốc "lớn" nhằm dùng các thuộc địa, các tổ chức độc quyền, những đặc quyền đặc lợi và đủ mọi thứ áp bức dân tộc để duy trì một cách giả tạo chủ nghĩa tư bản".

Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh, tr.393-394.

TẬP 27

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Do đấy, ta thấy rõ rằng khi phát triển đến mức độ nhất định, thì có thể nói, sự tập trung tự nó sẽ dẫn thẳng đến độc quyền. Vì vài chục xí nghiệp khổng lồ có thể dễ dàng thoả thuận với nhau; mặt khác chính quy mô to lớn của các xí nghiệp làm cho cạnh tranh ngày càng khó khăn và làm nảy sinh ra khuynh hướng đi đến độc quyền. Sự cạnh tranh biến thành độc quyền, đó là một trong những hiện tượng quan trọng nhất - nếu không phải là hiện tượng quan trọng nhất - trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại...".

Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản, tr.398.

"Cạnh tranh biến thành độc quyền. Kết quả là việc xã hội hoá sản xuất tiến một bước lớn. Trong đó cả quá trình phát minh và cải tiến kỹ thuật cũng được xã hội hoá.

Điều đó hoàn toàn không còn giống tình trạng tự do cạnh tranh cũ giữa những người chủ phân tán, không biết gì nhau và sản xuất để bán trên một thị trường mà họ chưa hề biết tới. Sự tập trung đã lên đến mức độ khiến có thể kiểm kê được gần đúng tất cả các nguồn nguyên vật liệu (như những nơi có mỏ sắt chẳng hạn) trong một nước, và thậm chí, như dưới đây chúng ta sẽ thấy, cả trong nhiều nước hay trên toàn thế giới nữa. Chẳng những người ta đã tiến hành việc kiểm kê đó, mà những nguồn đó còn bị những liên minh độc quyền lớn độc chiếm nữa. Người ta phỏng tính khả năng tiêu thụ của thị trường mà những liên minh này "chia nhau" theo hợp đồng. Người ta độc quyền chiếm đoạt những lực lượng

công nhân có chuyên môn và thuê các kỹ sư giỏi nhất; người ta nắm lấy những con đường và những phương tiện giao thông: đường sắt ở Mỹ, các công ty tầu thuỷ ở châu Âu và châu Mỹ. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản tiến sát tới chỗ xã hội hoá việc sản xuất một cách toàn diện nhất, có thể nói là chủ nghĩa tư bản, bất chấp ý chí và ý thức của bọn tư bản, đã đưa chúng vào một trật tự xã hội mới nào đó, trật tự này là bước quá độ từ chỗ hoàn toàn tự do cạnh tranh đến chỗ hoàn toàn xã hội hoá.

Sản xuất trở nên có tính chất xã hội, nhưng chiếm hữu vẫn mang tính chất tư nhân. Các tư liệu sản xuất xã hội vẫn là sở hữu tư nhân của một số ít người. Khuôn khổ chung của cạnh tranh tự do, mà về danh nghĩa còn được thừa nhận, thì vẫn tồn tại, và ách áp bức của một nhóm người độc quyền đối với số dân cư còn lại đã trở thành nặng nề, rõ rệt, không thể chịu nổi, hơn trước gấp trăm lần".

Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản, tr.408-409.

"Chúng ta đã thấy rằng chủ nghĩa đế quốc, xét theo bản chất kinh tế của nó, là chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chỉ riêng điều đó cũng đủ xác định được vị trí của chủ nghĩa đế quốc trong lịch sử, vì độc quyền, xuất hiện trên cơ sở cạnh tranh tự do và chính là từ cạnh tranh tự do, là bước quá độ từ chế độ tư bản lên một chế độ kinh tế - xã hội cao hơn. Phải đặc biệt nói đến bốn loại độc quyền chủ yếu hay bốn biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền, đó là những điểm tiêu biểu cho thời đại mà chúng ta đang nghiên cứu.

Một là, tổ chức độc quyền được đẻ ra từ sự tập trung sản xuất đã đạt đến một trình độ phát triển rất cao. Đó là những liên minh độc quyền của bọn tư bản, các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt. Chúng ta đã thấy vai trò rất to lớn của những liên minh đó trong đời sống kinh tế hiện đại. Đến đầu thế kỷ XX, các tổ chức đó đã chiếm ưu thế hoàn toàn trong các nước tiên tiến, và nếu các nước có suất thuế quan bảo hộ cao (Đức, Mỹ) đã vượt qua những bước đầu trên con đường các-ten hoá được sớm hơn, thì chỉ ít lâu sau đó, nước Anh,

với chế độ buôn bán tự do của nó, cũng đã chỉ ra cho ta thấy cũng một sự thật cơ bản như vậy: các tổ chức độc quyền đều được đẻ ra từ sự tập trung sản xuất.

Hai là, độc quyền đã dẫn đến việc tăng cường chiếm đoạt những nguồn nguyên liệu quan trọng nhất, nhất là cho ngành công nghiệp cơ bản, đã được các-ten hoá nhiều nhất trong xã hội tư bản chủ nghĩa: ngành công nghiệp than đá và luyện thép. Sự độc quyền chiếm hữu các nguồn nguyên liệu quan trọng nhất đã làm cho quyền lực của đại tư bản tăng lên hết sức lớn và làm cho mâu thuẫn giữa công nghiệp đã các-ten hoá với công nghiệp không các-ten hoá trở nên hết sức gay gắt.

Ba là, độc quyền là do ngân hàng đẻ ra. Ngân hàng từ chỗ là những doanh nghiệp môi giới khiêm tốn ngày nay đã trở thành các tổ chức độc quyền tư bản tài chính. Chỉ vẻn vẹn có ba đến năm ngân hàng lớn nhất của bất cứ một nước tư bản chủ nghĩa nào tiên tiến nhất, thế mà đã thực hiện được sự "liên minh về người" giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng, và tập trung vào tay mình việc chi phối hàng tỷ và hàng tỷ, tức là phần lớn tư bản và thu nhập bằng tiền của cả một nước. Bọn đầu sỏ tài chính dùng một màng lưới dày đặc những quan hệ lệ thuộc để bao trùm lên hết thảy các thiết chế kinh tế và chính trị, không trừ một ngoại lệ nào, của xã hội tư sản ngày nay – đó là biểu hiện rõ rệt nhất của sự độc quyền ấy.

Bốn là, độc quyền là do chính sách thực dân đẻ ra. Ngoài nhiều động cơ "cũ" của chính sách thực dân, tư bản tài chính lại thêm vào động cơ đấu tranh để giành các nguồn nguyên liệu, để xuất khẩu tư bản, để giành những "khu vực ảnh hưởng", – nghĩa là các khu vực giao dịch có lợi, các tô nhượng có lợi, lợi nhuận độc quyền, v.v., – sau cùng là để có lãnh thổ kinh tế nói chung. [...]

Mọi người đều biết chủ nghĩa tư bản độc quyền đã làm cho hết thảy các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản gay gắt đến chừng nào. Chỉ cần nêu lên tình trạng giá cả đắt đỏ và sự áp bức của các-ten, cũng đủ rõ. Tình trạng các mâu thuẫn trở nên gay gắt là động lực

mạnh nhất của thời kỳ lịch sử quá độ, thời kỳ này bắt đầu từ lúc tư bản tài chính thế giới đạt được thắng lợi hoàn toàn.

Tổ chức độc quyền, bọn đầu sỏ tài chính, xu hướng đi đến thống trị, chứ không phải đi đến tự do, việc một nhúm nhỏ những dân tộc giàu có nhất hoặc hùng mạnh nhất đi bóc lột một số ngày càng đông những dân tộc nhỏ bé hay yếu – tất cả những cái đó đã tạo ra những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc buộc người ta phải gọi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám và thối nát. Càng ngày người ta càng thấy nổi bật một trong số các xu hướng của chủ nghĩa đế quốc là: thiết lập "nước thực lợi", nước cho vay nặng lãi, giai cấp tư sản nước này ngày càng sống nhờ vào việc xuất khẩu tư bản và bằng lối "cắt phiếu"".

Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản, tr.533-536.

TẬP 29

(V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"Tính chất của "cơ cấu kinh tế" và cái phương hướng theo đó tính chất ấy biến đổi, không phụ thuộc vào ý chí của con người, mà phụ thuộc vào trạng thái của lực lượng sản xuất và vào chính những biến đổi xuất hiện trong quan hệ sản xuất và trở thành cần thiết cho xã hội do sự phát triển hơn nữa của các lực lượng ấy".

Những ý kiến và bút tích ghi trong các sách, tr.549.

TẬP 30

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"Sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản, các mối dây liên hệ của tư bản tài chính đều tồn tại trong đại đa số các nước thuộc địa. Làm sao người ta lại có thể kêu gọi các quốc gia, các chính phủ của các nước đế quốc chủ nghĩa "rút khỏi các thuộc địa" nếu *đứng trên quan điểm* của sản xuất hàng hóa, của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa đế quốc mà xét...".

Về một sự biếm họa chủ nghĩa Mác và về "chủ nghĩa kinh tế đế quốc", tr.154.

"Thứ ba, chủ nghĩa xã hội thắng lợi trong độc một nước thì quyết không thể lập tức loại trừ ngay được tất cả mọi cuộc chiến tranh nói chung. Trái lại, chủ nghĩa xã hội thắng lợi giả định các cuộc chiến tranh. Chủ nghĩa tư bản phát triển cực kỳ không đều nhau trong các nước. Dưới chế độ sản xuất hàng hóa, thì không thể nào khác thế được. Do đó phải đi đến kết luận tất yếu này: chủ nghĩa xã hội không thể đồng thời thắng lợi *trong tất cả* các nước. Trước hết, nó thắng lợi trong một nước, hoặc trong một số nước, trong khi các nước khác, trong một thời gian nào đó, vẫn còn là những nước tư sản hay tiền tư sản. Tình trạng đó không những sẽ gây ra những va chạm, mà còn làm cho giai cấp tư sản các nước khác trực tiếp muốn tiêu diệt giai cấp vô sản chiến thắng của nước xã hội chủ nghĩa. Trong những trường hợp đó, về phía chúng ta chiến tranh là chính đáng và chính nghĩa. Đó là một cuộc chiến tranh vì chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc khác khỏi ách giai cấp tư sản".

Cương lĩnh quân sự của cách mạng vô sản, tr.172-173.

TẬP 31

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Chúng ta phải đòi hỏi quốc hữu hóa *tất cả* ruộng đất, nghĩa là chuyển tất cả những ruộng đất trong nước thành tài sản của chính quyền nhà nước trung ương. Chính quyền đó sẽ quy định quy mô, v.v. của số ruộng đất dùng cho việc di dân, sẽ ban hành những đạo luật về việc bảo vệ rừng và việc cải tạo đất, v.v., chính quyền đó sẽ tuyệt đối cấm mọi hành động trung gian giữa người chủ ruộng đất, tức là nhà nước, với người thuê những ruộng đất ấy, tức là người cày ruộng (cấm không cho thuê lại ruộng đất). Nhưng toàn bộ *việc xử lý* ruộng đất, toàn bộ việc ấn định *những điều kiện địa phương* về sở hữu và sử dụng thì sẽ chỉ thuộc và hoàn toàn thuộc quyền của *các Xô-viết đại biểu nông dân* tỉnh và địa phương, chứ tuyệt nhiên không phải thuộc quyền của bọn quan liêu, bọn công chức.

Để nâng cao kỹ thuật sản xuất và tăng thêm quy mô sản xuất lúa mì, cũng như để phát triển cách làm ăn hợp lý quy mô lớn và đảm bảo được sự giám sát của xã hội đối với cách làm ăn đó, chúng ta phải ra sức vận động trong nội bộ các ủy ban nông dân để biến điền trang lớn đã tịch thu được của địa chủ thành doanh nghiệp lớn kiểu mẫu đặt dưới sự giám sát của *các Xô-viết đại biểu cố nông.*

[...] đảng của giai cấp vô sản phải giải thích rõ rằng chế độ kinh doanh quy mô nhỏ trong nền sản xuất hàng hóa *không thể nào* giải phóng được nhân loại ra khỏi cảnh quần chúng bị nghèo khổ và bị áp bức".

Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng của chúng ta, tr.202-203.

TẬP 32

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA

Sự phát triển của trao đổi đã tạo nên giữa các dân tộc trên thế giới văn minh những mối liên hệ rất chặt chẽ khiến phong trào giải phóng to lớn của giai cấp vô sản phải trở thành — và từ lâu đã trở thành — một phong trào quốc tế.

Tự coi mình là một trong những chi đội của đạo quân vô sản thế giới, Đảng dân chủ - xã hội Nga cũng theo đuổi cùng một mục đích cuối cùng như những đảng dân chủ - xã hội ở tất cả các nước khác mong muốn. Mục đích cuối cùng này là do tính chất và sự phát triển của xã hội tư sản hiện đại quyết định. Đặc điểm chủ yếu của xã hội này là sản xuất hàng hóa dựa trên những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong đó phần lớn nhất và quan trọng nhất của tư liệu sản xuất và lưu thông hàng hóa đều thuộc về một giai cấp ít người, còn tuyệt đại đa số dân cư thì gồm có vô sản và nửa vô sản, những người này, do địa vị kinh tế của họ, buộc phải luôn luôn hoặc từng thời kỳ, bán sức lao động của mình, nghĩa là đem thân đi làm thuê cho bọn tư bản và đem lao động của mình tạo ra thu nhập cho những giai cấp thượng tầng trong xã hội.

Phạm vi thống trị của các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không ngừng mở rộng dần dần cùng với sự cải tiến liên tục về kỹ thuật làm tăng thêm tầm quan trọng về kinh tế của các xí nghiệp lớn, loại trừ những người sản xuất độc lập nhỏ, làm cho một bộ phận trong bọn họ biến thành vô sản và làm cho vai trò của những

người khác trong đời sống kinh tế - xã hội bị thu hẹp lại, và đặt họ, ở đó đây, vào một địa vị lệ thuộc một cách ít nhiều hoàn toàn, ít nhiều rõ rệt và ít nhiều nặng nề đối với tư bản.

Ngoài ra cũng chính sự tiến bộ về kỹ thuật ấy lại đem lại cho các chủ xưởng cái khả năng sử dụng ngày càng rộng rãi hơn sức lao động của đàn bà và trẻ em trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa. Và, mặt khác, vì tiến bộ đó lại làm cho giảm bớt một cách tương đối nhu cầu của các chủ xưởng về nhân công, nên về sức lao động cầu tất nhiên thấp hơn cung, điều này làm tăng thêm sự lệ thuộc của lao động làm thuê vào tư bản và nâng sự bóc lột lao động làm thuê lên một trình độ cao hơn.

Tình hình ấy trong các nước tư sản và sự cạnh tranh ngày càng trầm trọng thêm giữa các nước này trên thị trường thế giới, làm cho càng ngày càng khó tiêu thụ những hàng hóa sản xuất ra mỗi ngày một nhiều. Tình trạng sản xuất thừa, biểu hiện ra bằng những cuộc khủng hoảng công nghiệp ít nhiều kịch liệt, kèm theo sau là những thời kỳ đình đốn về công nghiệp tương đối dài, — là một hậu quả không thể tránh được của sự phát triển của lực lượng sản xuất trong xã hội tư sản. Rồi những cuộc khủng hoảng và những thời kỳ đình đốn về công nghiệp lại làm cho những người sản xuất nhỏ phá sản nhiều hơn nữa, làm cho lao động làm thuê lệ thuộc tư bản nhiều hơn nữa, đưa nhanh chóng hơn nữa tới chỗ làm cho tình cảnh của giai cấp công nhân trầm trọng thêm một cách tương đối, và đôi khi một cách tuyệt đối.

Như vậy, cải tiến kỹ thuật có nghĩa là làm tăng thêm hiệu suất lao động và của cải xã hội, thì trong xã hội tư sản, lại là nguyên nhân làm tăng thêm bất bình đẳng xã hội, làm tăng thêm sự cách biệt giữa người có của và người không có của, làm tăng thêm tình trạng sống bấp bênh, tình trạng thất nghiệp và tình trạng thiếu thốn đủ điều của quần chúng lao động đang ngày càng trở nên đông đảo hơn.

Nhưng cùng với tất cả các mâu thuẫn đó của xã hội tư sản, dần dần lớn lên và phát triển, thì sự bất bình của quần chúng lao động

và bị bóc lột do tình trạng hiện thời gây ra, cũng tăng lên; số lượng và sự đoàn kết của những người vô sản cũng tăng lên, và cuộc đấu tranh của họ chống bọn bóc lột càng ngày càng gay gắt hơn. Đồng thời, khi tập trung những tư liệu sản xuất và lưu thông và xã hội hóa quá trình lao động trong các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, sự cải tiến kỹ thuật còn tạo ra ngày càng mau chóng những khả năng vật chất để thay thế những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nghĩa là thực hiện cuộc cách mạng xã hội, mục đích cuối cùng của tất cả các hoạt động của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, người biểu hiện tự giác của phong trào có tính giai cấp.

Trong khi thay thế chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và lưu thông bằng chế độ sở hữu xã hội, và lập ra một tổ chức hợp lý của quá trình sản xuất xã hội để bảo đảm phúc lợi và sự phát triển toàn diện của tất cả các thành viên trong xã hội, cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản sẽ thủ tiêu tình trạng phân chia xã hội thành giai cấp và do đó sẽ giải phóng toàn thể loài người bị áp bức bằng cách chấm dứt mọi hình thức bóc lột của bộ phận xã hội này đối với bộ phận xã hội khác".

Những tài liệu về việc sửa đổi cương lĩnh của đảng, tr.187-190.

"2. Người ta không thể trừ được tai họa ấy bằng những biện pháp quan liêu, nghĩa là lập ra những cơ quan, trong đó bọn tư bản và quan chức chiếm ưu thế, hoặc bằng cách bảo vệ lợi nhuận của bọn tư bản, toàn quyền của chúng trong sản xuất, thế lực của chúng trong tư bản tài chính, sự bí mật thương mại trong các lĩnh vực ngân hàng, thương nghiệp và công nghiệp. Kinh nghiệm của nhiều biểu hiện bộ phận của cuộc khủng hoảng trong các ngành sản xuất khác nhau đã chứng minh điều đó một cách hoàn toàn rõ rệt.

3. Người ta chỉ có thể trừ được tai họa ấy bằng cách lập ra chế độ kiểm soát thực sự của công nhân về sản xuất và phân phối sản phẩm. Muốn áp dụng chế độ kiểm soát ấy cần phải: thứ nhất, trong tất cả các cơ quan quan trọng, công nhân phải có một đa số

bảo đảm ít ra là ba phần tư phiếu, các chủ xưởng vẫn còn hoạt động và nhân viên kỹ thuật thông thạo đều bắt buộc phải tham gia công việc của các cơ quan đó; thứ hai, các ủy ban công xưởng và nhà máy, các Xô-viết trung ương và địa phương của đại biểu công nhân, nông dân và binh sĩ, cũng như các công đoàn, đều được quyền tham gia việc kiểm soát đó, được quyền xem xét tất cả các sổ sách ngân hàng và thương nghiệp, và bắt buộc phải báo cáo cho họ biết tất cả những số liệu cần thiết; thứ ba, các đại biểu của tất cả các chính đảng dân chủ và xã hội chủ nghĩa lớn cũng được hưởng quyền ấy.

4. Sự kiểm soát của công nhân, đã được bọn tư bản công nhận trong các cuộc đấu tranh, phải được phát triển ngay — thông qua một loạt biện pháp có suy tính kỹ càng và thi hành dần dần, nhưng không chút chậm trễ — thành một quy chế đầy đủ khiến công nhân có thể điều tiết sản xuất và phân phối sản phẩm.

5. Sự kiểm soát của công nhân phải được mở rộng, cũng bằng cách đó và cũng với những quyền hạn như thế, ra tất cả các công việc tài chính và ngân hàng, có giải thích rõ toàn bộ tình hình tài chính và có sự tham gia của các Xô-viết và các đại hội nhân viên ngân hàng, xanh-đi-ca, v.v. [...]

7. Vì tất cả hệ thống tài chính và tiền tệ bị suy nhược hoàn toàn, và cũng vì không thể làm cho nó lành mạnh được khi mà chiến tranh vẫn còn chưa kết liễu, cho nên mục đích của tổ chức nhà nước phải là tổ chức trên quy mô khu vực rộng lớn, rồi sau đó là trên quy mô cả nước, việc trao đổi nông cụ, áo quần, giày dép và các chế tạo phẩm khác, lấy lúa mì và các nông phẩm khác. Các hợp tác xã ở thành thị và nông thôn phải được thu hút tham gia rộng rãi vào công việc đó.

8. Chỉ khi nào đã thi hành được những biện pháp nói trên thì chế độ nghĩa vụ lao động phổ biến mới có thể thực hiện được và trở thành cần thiết. Nghĩa vụ đó lại đòi hỏi phải lập ra một đội dân cảnh công nhân, trong đó công nhân sẽ phục vụ không lấy tiền công, ngoài ngày lao động 8 giờ, trong khi chờ đợi thành lập một

đội dân cảnh gồm toàn thể nhân dân, và những ngày phục vụ của các công nhân và nhân viên sẽ do bọn tư bản trả lương. Chỉ có đội dân cảnh công nhân đó và đội dân cảnh của toàn dân nảy sinh ra từ đội dân cảnh công nhân, mới có thể và phải làm cho nghĩa vụ lao động phổ biến được thực hiện, không phải là theo lối quan liêu và vì lợi ích của bọn tư bản, mà là thực sự để cứu nhân dân khỏi tai họa ấy. Chỉ có đội dân cảnh như vậy mới có thể và phải thiết lập một kỷ luật thực sự cách mạng và đòi hỏi được toàn dân đem hết nghị lực ra để trừ tai họa ấy. Chỉ có nghĩa vụ lao động phổ biến mới có thể tiết kiệm được đến cực độ sức lao động của nhân dân".

Nghị quyết về những biện pháp kinh tế
để khắc phục sự phá sản về kinh tế, tr.245-247.

TẬP 33

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Chính xã hội cộng sản chủ nghĩa ấy, xã hội vừa mới thoát thai từ chủ nghĩa tư bản và, về mọi phương diện, vẫn còn mang dấu vết của xã hội cũ, Mác gọi là giai đoạn "đầu" hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Tư liệu sản xuất không còn là của riêng của cá nhân nữa, mà thuộc về toàn thể xã hội. Mỗi thành viên trong xã hội, khi đã hoàn thành một phần nào đó của lao động xã hội - tất yếu, thì được xã hội cấp cho một giấy chứng nhận số lượng lao động mình đã làm. Với giấy chứng nhận ấy, người đó sẽ được lĩnh trong các kho công cộng chứa vật phẩm tiêu dùng, một số lượng sản phẩm thích ứng. Vì vậy, sau khi đã khấu trừ số lượng lao động góp vào quỹ chung của xã hội, thì mỗi công nhân sẽ lĩnh được của xã hội một phần bằng phần mình đã cống hiến cho xã hội.

Như vậy, tựa hồ như có "bình đẳng" rồi.

Nhưng khi nói đến chế độ xã hội ấy (thường vẫn gọi là chủ nghĩa xã hội, còn Mác thì gọi là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản), thì Lát-xan lại cho rằng làm như thế là "phân phối công bằng", "mỗi người đều có quyền bình đẳng được hưởng một số sản phẩm ngang với lao động của mình", như vậy Lát-xan đã lầm, và Mác đã giải thích rõ sai lầm của Lát-xan.

Mác nói: Đành rằng ở đây thực ra chúng ta có được "quyền bình đẳng", nhưng *vẫn còn* là "pháp quyền tư sản", quyền này, cũng như mọi quyền khác, vẫn lấy *bất bình đẳng làm tiền đề*. Bất cứ quyền nào cũng đều có nghĩa là áp dụng một tiêu chuẩn *duy nhất* cho những người *khác nhau,* cho những người thật ra thì

không giống nhau và cũng không ngang nhau. Cho nên, "quyền bình đẳng" có nghĩa là vi phạm sự bình đẳng, là không công bình. Thực tế, người nào đã hoàn thành một phần lao động xã hội ngang nhau thì sẽ được lĩnh một phần sản phẩm xã hội ngang nhau (sau khi đã khấu trừ những phần đã nói ở trên).

Nhưng, các cá nhân thì lại không ngang nhau: người này khoẻ hơn, người kia yếu hơn; người này đã lập gia đình, người kia chưa; người này nhiều con hơn, người kia ít con hơn, v.v..

Mác kết luận:

> "... Tuy làm việc ngang nhau và do đó, cũng dự phần ngang nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội, nhưng thật ra thì người này lĩnh nhiều hơn người kia, người này giàu hơn người kia, v.v.. Muốn tránh tất cả những điều ấy, thì quyền đáng lẽ phải bình đẳng, nhưng lại chưa bình đẳng..."

Cho nên, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản chưa thể thực hiện được công bằng và bình đẳng: về mặt của cải, thì vẫn còn chênh lệch, mà những chênh lệch ấy là bất công, nhưng tình trạng người *bóc lột* người thì không thể có nữa, vì không ai có thể chiếm *tư liệu sản xuất,* công xưởng, máy móc, đất đai, v.v. làm của riêng được. Trong khi bác bỏ câu nói mơ hồ và tiểu tư sản của Lát-xan về "bình đẳng" và "công bằng" *nói chung*, Mác vạch ra *tiến trình phát triển* của xã hội cộng sản, xã hội này thoạt đầu *bắt buộc* phải phá huỷ *chỉ riêng* cái "điều bất công" này: việc cá nhân chiếm hữu tư liệu sản xuất làm của riêng, nhưng *không đủ sức* phá huỷ ngay điều bất công khác nữa, tức là: việc phân phối vật phẩm tiêu dùng "theo lao động" (chứ không theo nhu cầu).

[...] Mác tính rất chính xác không những đến sự bất bình đẳng không thể tránh được giữa người với nhau, mà còn tính cả đến điều khác nữa là chỉ riêng bản thân việc biến tư liệu sản xuất thành sở hữu chung của toàn thể xã hội ("chủ nghĩa xã hội" theo nghĩa thông thường) thì cũng *không xoá bỏ được* những thiếu sót của sự phân phối và sự bất bình đẳng của "pháp quyền tư sản",

pháp quyền này vẫn *tiếp tục thống trị,* vì sản phẩm được phân phối "theo lao động".

[...] Như thế là trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa (mà người ta vẫn thường gọi là chủ nghĩa xã hội), "pháp quyền tư sản" *chưa* bị xoá bỏ hoàn toàn mà chỉ bị xoá bỏ một phần, chỉ bị xoá bỏ với mức độ phù hợp với cuộc cách mạng kinh tế đã được hoàn thành, nghĩa là chỉ trong phạm vi tư liệu sản xuất thôi. "Pháp quyền tư sản" thừa nhận tư liệu sản xuất là sở hữu riêng của cá nhân. Chủ nghĩa xã hội biến tư liệu sản xuất thành tài sản *chung. Trong chừng mực ấy* — và chỉ trong chừng mực ấy — "pháp quyền tư sản" không còn nữa.

Nhưng, trong bộ phận khác của nó, pháp quyền ấy vẫn còn tồn tại với tư cách là yếu tố điều tiết (quyết định) việc phân phối sản phẩm và phân phối lao động giữa những thành viên trong xã hội. "Người nào không làm thì không có ăn": nguyên tắc xã hội chủ nghĩa ấy *đã* được thực hiện; "số lượng lao động ngang nhau, thì hưởng số lượng sản phẩm ngang nhau", nguyên tắc xã hội chủ nghĩa này cũng *đã* được thực hiện. Nhưng đó vẫn chưa phải là chủ nghĩa cộng sản, và điều đó vẫn chưa gạt bỏ được "pháp quyền tư sản" là thứ pháp quyền cung cấp một số lượng sản phẩm ngang nhau cho những người không ngang nhau và cho một số lượng lao động không ngang nhau (không ngang nhau trong thực tế).

Mác nói đó là một "thiếu sót", nhưng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản thì không thể tránh khỏi, vì nếu không rơi vào không tưởng thì không thể nghĩ rằng sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản, người ta sẽ tức khắc có thể làm việc cho xã hội *mà không cần phải có tiêu chuẩn pháp quyền nào cả,* hơn nữa, việc xoá bỏ chủ nghĩa tư bản *không thể đem lại ngay được* những tiền đề kinh tế cho một sự thay đổi *như vậy*".

Nhà nước và cách mạng, tr.113-116.

"Cơ sở kinh tế làm cho nhà nước tiêu vong hoàn toàn là chủ nghĩa cộng sản đạt tới một trình độ phát triển cao khiến mọi sự đối

lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay không còn nữa, và do đó, cũng không còn một trong những nguồn gốc chủ yếu của sự bất bình đẳng *xã hội* hiện nay; nguồn gốc này, nếu chỉ xã hội hóa tư liệu sản xuất, chỉ tước đoạt bọn tư bản thì không thể nào làm tiêu tan ngay được.

Việc tước đoạt đó khiến cho lực lượng sản xuất có *khả năng* phát triển phi thường. Nhận thấy chủ nghĩa tư bản ngay cả hiện nay đang hết sức *ngăn trở* sự phát triển ấy và nhận thấy nhờ kỹ thuật hiện đại hiện có người ta có thể thu được biết bao tiến bộ, cho nên chúng ta có quyền khẳng định hoàn toàn chắc chắn rằng việc tước đoạt bọn tư bản tất nhiên sẽ khiến cho lực lượng sản xuất của xã hội loài người phát triển phi thường. Nhưng sự phát triển ấy sẽ mau chóng như thế nào, lúc nào thì nó đi đến chỗ đoạn tuyệt được với sự phân công, thủ tiêu được sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, biến được lao động thành "một nhu cầu bậc nhất của cuộc sống", đó là điều hiện nay chúng ta không biết và cũng *không thể* biết được.

[...] Nhà nước sẽ có thể tiêu vong hoàn toàn khi xã hội đã thực hiện được nguyên tắc: "làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu", nghĩa là khi người ta đã rất quen tôn trọng những quy tắc cơ bản của đời sống chung trong xã hội, và năng suất lao động của người ta đã lên cao đến mức người ta sẽ tự nguyện làm *hết năng lực.* [...] Lúc bấy giờ việc phân phối sản phẩm sẽ không đòi hỏi xã hội phải định khối lượng sản phẩm mà từng người nhận được; mọi người sẽ tự do hưởng "theo nhu cầu".

[...] không một người xã hội chủ nghĩa nào lại đi "hứa" rằng giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản sẽ đến, còn như những nhà xã hội chủ nghĩa vĩ đại *dự kiến* giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản sẽ đến, thì việc đó giả định rằng năng suất lao động lúc đó sẽ khác năng suất lao động ngày nay và *sẽ không còn* con người tầm thường *ngày nay* nữa [...]

Từ nay cho đến khi giai đoạn "cao" của chủ nghĩa cộng sản xuất hiện, những người xã hội chủ nghĩa yêu cầu xã hội *và nhà*

nước kiểm soát *thật nghiêm ngặt* mức độ lao động và mức độ tiêu dùng, nhưng việc kiểm soát ấy phải *bắt đầu* bằng việc tước đoạt bọn tư bản, bằng việc công nhân kiểm soát bọn tư bản, và sự kiểm soát này không phải do nhà nước của bọn quan lại thi hành, mà do nhà nước của *công nhân vũ trang* thi hành".

Nhà nước và cách mạng, tr.118-119.

"Nhưng, về mặt khoa học, thì sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thật là rõ ràng. Cái mà người ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội, thì Mác gọi là giai đoạn "đầu" hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong chừng mực tư liệu sản xuất đã biến thành sở hữu *chung,* thì danh từ "chủ nghĩa cộng sản" ở đây có thể dùng được, miễn là đừng quên rằng đó *không phải* là chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn. Những lời giải thích của Mác sở dĩ có giá trị lớn là vì ở đây Mác cũng áp dụng một cách triệt để phép biện chứng duy vật, học thuyết về phát triển và xem chủ nghĩa cộng sản là một cái gì phát triển *từ* chủ nghĩa tư bản mà ra. [...]

Trong giai đoạn đầu, trong nấc thang thứ nhất, chủ nghĩa cộng sản *chưa* thể hoàn toàn trưởng thành về mặt kinh tế, chưa thể hoàn toàn thoát khỏi những tập tục hay những tàn tích của chủ nghĩa tư bản. Do đó, có hiện tượng đáng chú ý là "giới hạn chật hẹp của pháp quyền *tư sản*" vẫn được duy trì dưới chế độ cộng sản, trong giai đoạn đầu của nó. Đương nhiên về mặt phân phối vật phẩm *tiêu dùng* thì pháp quyền tư sản tất nhiên đòi hỏi phải có một *nhà nước kiểu tư sản,* vì nếu không có một bộ máy đủ sức *cưỡng bức* người ta tuân theo những tiêu chuẩn của pháp quyền thì pháp quyền có cũng như không.

Vậy là, trong một thời gian nhất định, dưới chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản!".

Nhà nước và cách mạng, tr.121.

TẬP 34

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"NẾU SỢ TIẾN TỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THÌ CÓ THỂ TIẾN LÊN ĐƯỢC KHÔNG?

[...] Ai ai cũng nói về chủ nghĩa đế quốc. Nhưng chủ nghĩa đế quốc không phải là cái gì khác hơn là chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Chủ nghĩa tư bản, cả ở Nga cũng vậy, đã trở thành chủ nghĩa tư bản độc quyền, đó là điều mà công ty "Prô-đu-gôn"[1], công ty "Prô-đa-mét"[2], xanh-đi-ca đường, v.v. đã chứng thực khá rõ ràng. Chính cái xanh-đi-ca đường này cho chúng ta thấy rất rõ về sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản độc quyền thành chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước.

[...] Vậy thì hãy thử đem *thay* nhà nước gioong-ke - tư bản, nhà nước của bọn địa chủ và tư bản, bằng nhà nước *dân chủ - cách mạng,* nghĩa là bằng một nhà nước dùng biện pháp cách mạng để thủ tiêu *mọi* đặc quyền, một nhà nước không sợ dùng biện pháp cách mạng để thực hiện một chế độ dân chủ đầy đủ nhất? Các bạn sẽ thấy rằng trong một nước dân chủ - cách mạng thực sự, chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước tất nhiên và nhất định phải có nghĩa là một bước, hay những bước tiến lên chủ nghĩa xã hội!

Bởi vì, nếu một xí nghiệp tư bản hết sức lớn mà trở thành một tổ chức độc quyền thì như thế tức là nó phục vụ toàn thể nhân dân. Nếu nó trở thành tổ chức độc quyền nhà nước, thì chính là nhà nước (nghĩa là tổ chức vũ trang của nhân dân và trước nhất là

---

1) Công ty than đá.

2) Công ty kim khí.

của công nhân và nông dân, đây là nói trong chế độ dân chủ *cách mạng*) điều khiển toàn bộ xí nghiệp - vì quyền lợi của ai?

- hoặc vì quyền lợi của bọn địa chủ và bọn tư bản; như thế thì không phải là một nhà nước dân chủ - cách mạng, mà là một nhà nước quan liêu - phản động, một chế độ cộng hòa đế quốc chủ nghĩa,

- hoặc vì quyền lợi của phái dân chủ cách mạng; như thế thì *đúng là một bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

Bởi vì chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là một bước tiến tiếp liền ngay sau chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa của nhà nước. Hoặc nữa: chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa của nhà nước *được áp dụng để phục vụ toàn thể nhân dân* và, do đó, *không còn* là chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa nữa.

Ở đây không thể có cái gì đứng ở giữa được. Tiến trình khách quan của sự phát triển chỉ rõ rằng, sau *những tổ chức độc quyền* (mà chiến tranh đã làm tăng số lượng, tác dụng và ý nghĩa lên gấp bội), người ta sẽ *không thể* tiến lên được, nếu không tiến tới chủ nghĩa xã hội.

[...] Biện chứng của lịch sử chính là ở chỗ này: chiến tranh đã thúc đẩy nhanh chóng phi thường sự chuyển hóa của chủ nghĩa tư bản độc quyền thành chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước, và *chính bằng cách đó* làm cho nhân loại tiến hết sức gần chủ nghĩa xã hội.

Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Không những chỉ vì những sự khủng khiếp của chiến tranh đã gây ra cuộc khởi nghĩa vô sản, - không có cuộc khởi nghĩa nào lại tạo ra chủ nghĩa xã hội được, nếu chủ nghĩa này chưa chín muồi về phương diện kinh tế, - mà còn vì chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước là sự chuẩn bị *vật chất* đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là *phòng chờ đi vào* chủ nghĩa xã hội, là nấc thang lịch sử mà giữa nó (nấc thang đó) với nấc thang được gọi là chủ nghĩa xã hội thì *không có một nấc nào ở giữa cả*".

Tai họa sắp đến và những phương pháp ngăn ngừa tai họa đó, tr.254-258.

TẬP 35

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"1. Tất cả những xí nghiệp cổ phần đều được tuyên bố là sở hữu của nhà nước.

2. Những ủy viên của hội đồng quản trị và những giám đốc các công ty cổ phần, cũng như tất cả những cổ đông thuộc giai cấp giàu có (nghĩa là có một tài sản trên 5000 rúp, hoặc có số thu nhập trên 500 rúp mỗi tháng) đều bắt buộc phải tiếp tục bảo đảm việc quản lý các xí nghiệp trong một trật tự hoàn hảo, bằng cách tuân theo luật về việc kiểm soát của công nhân, bằng cách xuất trình tất cả những cổ phần cho Ngân hàng nhà nước và bằng cách gửi đến các Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân địa phương những bản báo cáo hàng tuần về hoạt động của họ.

[...] 4. Các quyền lợi của những người có các trái phiếu nhỏ cũng như mọi thứ cổ phần, nhưng thuộc thành phần các giai cấp lao động trong nhân dân, đều hoàn toàn được bảo đảm.

5. Chế độ nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người được thiết lập. Tất cả những công dân nam nữ, từ 16 đến 55 tuổi, đều có bổn phận phải thực hiện những công tác mà các Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân địa phương hoặc các cơ quan Chính quyền xô-viết khác giao cho họ.

6. Biện pháp đầu tiên để thực hành chế độ nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người quy định rằng những người thuộc các giai cấp giàu có (xem § 2) sẽ phải có những cuốn sổ lao động và tiêu dùng hoặc những cuốn sổ lao động và thu chi và sẽ phải ghi chép đúng vào những cuốn sổ đó. Những cuốn sổ này phải đưa trình các tổ chức công nhân hữu quan hoặc các Xô-viết địa phương và các cơ

quan của Xô-viết địa phương, để hàng tuần ghi vào trong đó tình hình thực hiện công tác của mỗi người.

7. Để cho việc kiểm kê và phân phối thực phẩm cũng như các thứ nhu yếu phẩm khác được chính xác, tất cả công dân của nhà nước đều phải tham gia một hội tiêu dùng nào đó. Các cục lương thực, các ủy ban cung cấp và các tổ chức tương tự khác cũng như các công đoàn đường sắt và vận tải, dưới sự chỉ đạo của các Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân, sẽ thi hành kiểm soát việc chấp hành đạo luật này. Riêng những người thuộc các giai cấp giàu có đều bắt buộc phải thực hiện những công tác mà các Xô-viết đã giao cho họ trong việc tổ chức và quản lý các hội tiêu dùng.

[...] 9. Các tổ chức công nhân, các công đoàn viên chức và các Xô-viết địa phương có nhiệm vụ phải mở lại ngay các xí nghiệp đóng cửa và các xí nghiệp chuyển sang sản xuất thời bình, phải dùng các xí nghiệp đó cũng như các xí nghiệp không có việc vào những công việc hữu ích và vào việc chế tạo những vật phẩm cần thiết; phải đi tìm mối hàng, tìm nguyên liệu và nhiên liệu. Không hề được chậm trễ trong mặt hoạt động này và trong việc trao đổi nông phẩm với những vật phẩm của thành phố, không cần đợi phải nhận được những mệnh lệnh đặc biệt của các cơ quan cấp trên, - các công đoàn và các Xô-viết địa phương phải tuân theo một cách nghiêm ngặt những chỉ thị và mệnh lệnh của Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao.

10. Những kẻ thuộc các giai cấp giàu có phải gửi ở Ngân hàng nhà nước và các chi nhánh của nó, cũng như trong các quỹ tiết kiệm, tất cả tiền bạc hiện có của họ; họ được nhận mỗi tuần nhiều lắm là 100 đến 125 rúp (do quyết định của các Xô-viết địa phương) để chi cho những nhu cầu tiêu dùng, còn đối với những nhu cầu sản xuất và thương mại thì nhất thiết phải có giấy ủy nhiệm của các sở kiểm soát của công nhân mới được nhận".

Dự thảo sắc lệnh về việc quốc hữu hóa các ngân hàng và những biện pháp cần phải thi hành trong khi quốc hữu hóa, tr.207-210.

TẬP 36

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"CHƯƠNG V

Nhiệm vụ quản lý nhà nước hiện được đặt ra trước mắt Chính quyền xô-viết còn có một đặc điểm nữa là: ngày nay, và có lẽ, lần đầu tiên trong lịch sử cận đại của các dân tộc văn minh, đây là một sự quản lý, trong đó cái có ý nghĩa trọng đại hơn cả không phải là chính trị, mà là kinh tế. [...] Và bây giờ, nhất là sau kinh nghiệm thực tiễn của hơn bốn tháng tồn tại của Chính quyền xô-viết ở Nga, chúng ta phải thấy hoàn toàn rõ rằng nhiệm vụ quản lý nhà nước trước hết và trên hết được quy lại thành nhiệm vụ thuần túy kinh tế, hàn gắn những vết thương do chiến tranh gây ra trên đất nước, khôi phục lại các lực lượng sản xuất, tổ chức công tác kiểm kê và kiểm soát đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, — nói tóm lại, nhiệm vụ đó được quy thành nhiệm vụ tổ chức lại nền kinh tế.

Có thể nói rằng nhiệm vụ ấy phân chia thành hai mục chính: 1) kiểm kê và kiểm soát việc sản xuất và phân phối sản phẩm dưới những hình thức rộng rãi nhất, phổ cập nhất và nhiều mặt nhất của sự kiểm kê và kiểm soát ấy và 2) nâng cao năng suất lao động. Đối với bất cứ tập thể nào hoặc bất cứ nhà nước nào đang chuyển sang chủ nghĩa xã hội, những nhiệm vụ nói trên chỉ có thể được giải quyết với điều kiện là những tiền đề cơ bản về kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị của sự quá độ đó đã được chủ nghĩa tư bản tạo ra đầy đủ. Không có nền sản xuất lớn cơ khí, không có một mạng lưới đường sắt, bưu điện và điện báo tương đối phát triển, không có một mạng lưới các cơ quan giáo dục quốc dân ít nhiều

phát triển, thì tuyệt đối không thể giải quyết được hai nhiệm vụ đó một cách có hệ thống và với quy mô toàn dân. Nước Nga đang ở trong tình trạng đã có cả một loạt những tiền đề cơ bản của bước quá độ đó. Mặt khác, một loạt những tiền đề tương tự còn chưa có ở nước ta, nhưng nước ta có thể mượn những tiền đề ấy một cách tương đối dễ dàng qua kinh nghiệm thực tiễn của các nước láng giềng, tiên tiến hơn nhiều, những nước mà từ lâu đã được lịch sử và sự tiếp xúc quốc tế đặt trong một mối quan hệ chặt chẽ với nước Nga.

CHƯƠNG VI

Nhiệm vụ căn bản của mọi xã hội quá độ chuyển sang chế độ xã hội chủ nghĩa là ở chỗ giai cấp vô sản thống trị — hay nói cho đúng hơn, đang phát triển thành giai cấp thống trị — phải chiến thắng giai cấp tư sản, như đã trình bày ở trên. [...] tức là: ngày nay, sau khi chúng ta đã chiến thắng giai cấp tư sản về mặt chính trị và đã củng cố chiến thắng đó bằng quân sự, thì chúng ta phải đạt được chiến thắng đó trong lĩnh vực tổ chức kinh tế quốc dân, tổ chức sản xuất, trong lĩnh vực kiểm kê và kiểm soát có tính chất toàn dân. Giai cấp tư sản đã giải quyết nhiệm vụ kiểm kê và kiểm soát sản xuất có kết quả chừng nào sản xuất có quy mô lớn, chừng nào mạng lưới các cơ quan kinh tế toàn quốc càng dày đặc hơn, bao gồm hàng chục và hàng trăm triệu dân trong một nước lớn, hiện đại. Nhiệm vụ ấy, ngày nay chúng ta phải giải quyết theo lối mới, dựa vào địa vị thống trị của giai cấp vô sản, dựa vào sự ủng hộ giai cấp vô sản của đa số quần chúng lao động và bị bóc lột, lợi dụng những yếu tố về tài năng tổ chức, về vốn hiểu biết kỹ thuật mà xã hội trước đã tích lũy được; những yếu tố mà chín phần mười, và có thể là chín mươi chín phần trăm, lại thuộc về giai cấp đối lập một cách thù địch với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa".

Bản sơ thảo lần đầu bài

"Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết", tr.162-164.

"Để chứng tỏ là việc sử dụng sự giúp đỡ của trí thức tư sản đối với Chính quyền xô-viết là cần thiết chính trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào, chúng tôi xin mạn phép dùng một thuật ngữ mà thoạt nghe tưởng như ngược đời: phải học tập chủ nghĩa xã hội phần lớn ở những người lãnh đạo các tơ-rớt, phải học tập chủ nghĩa xã hội ở những nhà tổ chức lớn nhất của chủ nghĩa tư bản. Điều đó không phải là ngược đời, bất cứ ai cũng đều có thể dễ dàng thấy rõ như vậy, nếu họ suy nghĩ một chút về điểm sau đây: chính những công xưởng lớn, chính nền đại công nghiệp cơ khí đã phát triển sự bóc lột người lao động đến quy mô chưa từng thấy, — chính những công xưởng lớn là những trung tâm tập hợp cái giai cấp mà chỉ có nó mới có thể thủ tiêu sự thống trị của tư bản và mở đầu bước chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Vì vậy không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy rằng muốn giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của chủ nghĩa xã hội, khi mặt tổ chức của nó đã trở thành cấp bách, thì tất nhiên chúng ta phải thu hút một số lớn những đại diện của giới trí thức tư sản giúp sức cho Chính quyền xô-viết, nhất là những kẻ trước đây đã làm công tác thực tiễn tổ chức nền sản xuất lớn nhất trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, nhất là đã làm công việc tổ chức ra các xanh-đi-ca, các-ten và tơ-rớt. Để giải quyết nhiệm vụ ấy, cố nhiên Chính quyền xô-viết phải phát huy hết tinh lực, sáng kiến của đông đảo quần chúng lao động trong tất cả mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, vì đối với những người gọi là lãnh tụ trong công nghiệp, Chính quyền xô-viết sẽ không bao giờ đem lại cho họ cái địa vị cũ được — địa vị của những kẻ chỉ huy và bóc lột. Các lãnh tụ trước kia trong công nghiệp, những kẻ chỉ huy và bóc lột trước kia, ngày nay phải giữ địa vị là những chuyên viên kỹ thuật, những người chỉ đạo kỹ thuật, những người tư vấn và cố vấn kỹ thuật. Chúng ta phải giải quyết một nhiệm vụ mới, khó khăn nhưng cực kỳ cao cả là kết hợp toàn bộ kinh nghiệm và tri thức mà các đại diện của các giai cấp bóc lột đã tích lũy được, với tính chủ động sáng tạo, với nghị lực và cách làm ăn của đông đảo các tầng lớp quần chúng lao động. Vì chỉ

có sự kết hợp ấy mới có thể tạo ra chiếc cầu dẫn từ xã hội cũ, tư bản chủ nghĩa, sang xã hội mới, xã hội chủ nghĩa.

Nếu như cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi cùng một lúc trên toàn thế giới, hay ít nhất ở một loạt các nước tiên tiến, thì nhiệm vụ thu hút những chuyên gia kỹ thuật ưu tú nhất trong các nhà lãnh đạo của chủ nghĩa tư bản cũ tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất theo lối mới, đã được dễ dàng hơn rất nhiều. Bấy giờ chắc nước Nga lạc hậu đã không phải độc lập nghĩ đến việc giải quyết nhiệm vụ ấy, vì công nhân tiên tiến các nước Tây Âu đến giúp đỡ chúng ta, gạt bỏ cho chúng ta phần lớn những khó khăn trong cái nhiệm vụ khó khăn nhất là chuyển sang chủ nghĩa xã hội, trong cái nhiệm vụ gọi là nhiệm vụ tổ chức đó. Ngày nay, trong tình hình thực tế là sự tiến công của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây đã đi chậm lại và đã bị chậm, còn nước Nga thì phải nhanh chóng áp dụng các biện pháp để tự cải tổ mình — dù chỉ là để cứu nhân dân khỏi đói, và sau đó để cứu cả nước khỏi cuộc xâm lược quân sự có thể xảy ra, — ngày nay, chúng ta phải mượn của các nước tiên tiến không phải là sự giúp đỡ về mặt tổ chức xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ của công nhân, mà là sự giúp đỡ của giai cấp tư sản và của trí thức tư bản chủ nghĩa ở đó.

Và hoàn cảnh đã đưa đến chỗ là chúng ta có thể có được sự giúp đỡ ấy, bằng cách tổ chức sự cộng tác của giới trí thức tư sản trong việc giải quyết những vấn đề tổ chức mới của Chính quyền xô-viết. Có thể có được sự cộng tác ấy bằng cách trả tiền công cao cho những chuyên gia giỏi nhất trong mỗi lĩnh vực tri thức, dù những chuyên gia này ở trong nước chúng ta hay là mời từ nước ngoài đến. Cố nhiên, nói theo quan điểm của một xã hội xã hội chủ nghĩa đã phát triển, thì một điều hoàn toàn không công bằng và không đúng là các đại diện của giới trí thức tư sản lại được trả công cao hơn rất nhiều so với công lao động của các tầng lớp ưu tú trong giai cấp công nhân. Nhưng trong điều kiện thực tế hiện nay... chúng ta nhất thiết phải giải quyết nhiệm vụ cấp bách đó bằng cách trả tiền công (không công bằng) cho các chuyên gia tư

sản theo mức cao hơn rất nhiều. Giả dụ, để tổ chức sản xuất theo những nguyên tắc mới ở nước Nga, để nâng cao năng suất lao động, để dạy cho nhân dân ta cái nghệ thuật lao động trong những điều kiện tốt hơn, giả dụ, để làm việc đó chúng ta sẽ phải thuê chẳng hạn hai nghìn chuyên gia lớn nhất thuộc các lĩnh vực tri thức khác nhau — chuyên gia người Nga và còn nhiều hơn nữa trong số chuyên gia nước ngoài, như chuyên gia Mỹ, — nếu chúng ta phải trả cho họ năm mươi hay một trăm triệu rúp mỗi năm thì xét trên quan điểm lợi ích của kinh tế quốc dân nói chung, trên quan điểm của việc chuyển từ những phương thức sản xuất lỗi thời sang những phương thức mới nhất, hoàn thiện nhất, thì việc chi phí như vậy là hoàn toàn có căn cứ. Trả một món tiền như vậy cho việc huấn luyện những phương thức và phương pháp sản xuất tốt nhất, là một việc cần làm và đáng làm, và món tiền ấy chúng ta sẽ phải trả vì chỉ khi nào cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở các nước khác mới cho phép có được một cách khác để có sự chỉ đạo như vậy.

Cố nhiên, việc sử dụng lao động và những chỉ dẫn của các đại diện của giới trí thức tư sản, kết hợp với sự kiểm soát cần thiết của các tổ chức dân chủ của những người lao động và của các Xô-viết, sẽ tạo ra một loạt những vấn đề mới, nhưng những vấn đề ấy là hoàn toàn có thể giải quyết được. Và để giải quyết những vấn đề ấy, chúng ta không thể dừng bước trước bất cứ khó khăn nào, bởi vì trong tình thế hiện nay chúng ta không có một lối thoát nào khác để tiến tới một tổ chức cao hơn".

Bản sơ thảo lần đầu bài
"Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết", tr.170-173.

"Nhiệm vụ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết sẽ phải giải quyết, có thể nêu ra một cách vắn tắt như sau: chúng ta phải áp dụng phương pháp Tay-lo và nâng cao năng suất lao động theo kiểu khoa học của người Mỹ trong cả nước Nga, kết hợp phương pháp ấy với việc giảm bớt thời gian lao động, với việc sử dụng những phương pháp sản xuất và tổ chức lao động mới mà không

gây ra một thiệt hại nào đối với sức lao động của nhân dân lao động. Trái lại, việc áp dụng phương pháp Tay-lo, do chính quần chúng lao động chỉ đạo một cách đúng đắn, nếu họ có giác ngộ đầy đủ, sẽ là một phương tiện chắc chắn nhất để giảm bớt hơn nữa và rất nhiều ngày lao động bắt buộc đối với toàn thể nhân dân lao động, sẽ là một phương tiện chắc chắn nhất để trong một thời gian khá ngắn chúng ta có thể thực hiện được một nhiệm vụ mà ta có thể diễn đạt đại khái như sau: mỗi ngày sáu giờ lao động chân tay và bốn giờ lao động quản lý nhà nước đối với mỗi công dân lớn tuổi".

Bản sơ thảo lần đầu bài
"Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết", tr.174-175.

"Điều quyết định là: tổ chức cho toàn dân kiểm kê và kiểm soát một cách hết sức chặt chẽ sự sản xuất và phân phối sản phẩm. Thế nhưng chúng ta *vẫn chưa* tổ chức được việc kiểm kê và kiểm soát trong những xí nghiệp, trong các ngành kinh tế, các lĩnh vực kinh tế mà chúng ta đã giành lại được từ tay giai cấp tư sản; mà không làm được việc đó thì không thể nào nói đến điều kiện vật chất thứ hai cũng không kém phần quan trọng để đảm bảo việc thiết lập chủ nghĩa xã hội, tức là: nâng cao năng suất lao động trong phạm vi cả nước.

Do đó, người ta không thể xác định nhiệm vụ hiện nay bằng cái công thức giản đơn là: tiếp tục tấn công vào tư bản. Tuy rằng hiển nhiên là chúng ta chưa đánh tư bản chết hẳn, và tuyệt đối cần phải tiếp tục tấn công vào kẻ thù ấy của những người lao động, nhưng một sự nhận định như thế sẽ không chính xác, không cụ thể, vì nó không tính đến *tính chất đặc thù* của tình hình hiện tại, là lúc mà muốn bảo đảm thắng lợi cho cuộc tấn công *sau này,* thì *bây giờ* phải "tạm ngừng" cuộc tấn công.

[...] Vấn đề là thay đổi *trọng tâm* của công tác kinh tế và chính trị của chúng ta. Cho đến nay, những biện pháp trực tiếp tước đoạt những kẻ đi tước đoạt đã được đề lên *hàng đầu.* Bây giờ, cái được đề lên *hàng đầu,* lại là tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát trong các

cơ sở kinh doanh đã tước đoạt được của bọn tư bản, cũng như trong mọi cơ sở kinh doanh khác.

Nếu hiện nay, chúng ta muốn tiếp tục tước quyền sở hữu của bọn tư bản, cũng với một nhịp độ như trước kia, thì chắc hẳn là chúng ta sẽ thất bại, vì bất cứ một người nào biết suy nghĩ cũng đều thấy rõ rằng công tác của chúng ta nhằm tổ chức cho giai cấp vô sản kiểm kê và kiểm soát, hiển nhiên là còn *lạc hậu* so với công tác *trực tiếp* "tước đoạt những kẻ đi tước đoạt". Nếu giờ đây, chúng ta dốc toàn lực vào công tác tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát, thì chúng ta sẽ có thể giải quyết được nhiệm vụ ấy, sẽ gỡ lại được cái đã bị bỏ lỡ, sẽ giành được thắng lợi trong *toàn bộ* "chiến dịch" của chúng ta chống tư bản".

Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết, tr.213-215.

"Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được, vì chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một bước tiến có ý thức và có tính chất quần chúng để đi tới một năng suất lao động cao hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở những kết quả mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được. Chủ nghĩa xã hội phải thực hiện bước tiến ấy *theo phương thức riêng của mình,* bằng những phương pháp riêng của mình, nói một cách cụ thể hơn: bằng những phương pháp *xô-viết.* Nhưng đại đa số các chuyên gia đều mang tính chất tư sản, do tất cả những điều kiện sống của cái xã hội đã tạo họ thành chuyên gia. Nếu sau khi nắm được chính quyền, giai cấp vô sản ở nước ta giải quyết được nhanh chóng nhiệm vụ kiểm kê, kiểm soát và tổ chức trong phạm vi toàn dân — (điều này, trước đây không thể nào làm được do chiến tranh và do tình trạng lạc hậu của nước Nga) — thì sau khi đập tan được sự phá hoại ngầm, chúng ta sẽ có thể nhờ tiến hành được rộng khắp việc kiểm kê và kiểm soát mà hoàn toàn thu phục được các chuyên gia tư sản. Do chúng ta đã "chậm trễ" nhiều trong công tác kiểm kê và kiểm soát nói chung, cho nên dù đã đánh bại được sự phá

hoại ngầm rồi, chúng ta *vẫn chưa* tạo ra được những điều kiện giúp chúng ta thu phục được các chuyên gia tư sản. Đại đa số bọn lãn công đều "nhận phục vụ", song nhà nước có thể sử dụng những người có tài tổ chức nhất và những chuyên gia giỏi nhất bằng hai cách: hoặc là theo phương thức cũ, phương thức tư sản (nghĩa là trả lương cao) hoặc theo phương thức mới, phương thức vô sản (nghĩa là thiết lập những điều kiện kiểm kê và kiểm soát do toàn dân thực hiện từ dưới lên, những điều kiện này tự nó nhất định sẽ giúp chúng ta thu phục được các chuyên gia, lôi kéo họ về với chúng ta).

Giờ đây, chúng ta buộc phải dùng đến phương pháp cũ, phương pháp tư sản và bằng lòng trả một giá rất cao về "công phục vụ" của những chuyên gia tư sản giàu kinh nghiệm nhất. Tất cả những ai am hiểu tình hình đều thấy như thế, nhưng không phải ai cũng tìm hiểu sâu xem nhà nước vô sản áp dụng một biện pháp như thế, là có ý nghĩa gì. Rõ ràng, biện pháp đó là một sự thỏa hiệp, một sự xa rời những nguyên tắc của Công xã Pa-ri và của mọi chính quyền vô sản [...].

Hơn thế nữa. Rõ ràng biện pháp ấy không phải chỉ là một sự tạm ngừng — trong một lĩnh vực nào đó và trong một mức độ nào đó — cuộc tấn công vào tư bản (vì tư bản không phải là một tổng số tiền, mà là một quan hệ xã hội nhất định), mà nó còn là *một bước lùi* của Chính quyền xã hội chủ nghĩa xô-viết của chúng ta nữa, chính quyền này, ngay từ lúc đầu, đã công bố và áp dụng một chính sách nhằm hạ những mức tiền lương cao xuống ngang với mức tiền công của người công nhân trung bình.

[...] Chúng ta cần nghiên cứu những đặc điểm của đoạn đường mới vô cùng gay go đang dẫn tới chủ nghĩa xã hội, không nên giấu giếm những sai lầm và nhược điểm của chúng ta, mà phải cố gắng kịp thời làm nốt những cái chúng ta chưa làm xong. Che giấu không cho quần chúng biết rằng việc thu hút các chuyên gia tư sản bằng cách cho họ hưởng tiền lương rất cao là sự rời bỏ những nguyên tắc của Công xã Pa-ri, thì chẳng khác nào đã hạ mình xuống ngang hàng với bọn hoạt đầu chính trị tư sản và đánh lừa quần chúng. Giải thích công khai cho quần chúng biết tại sao chúng ta phải lùi

bước và đã lùi bước như thế nào, rồi sau đó, công khai thảo luận xem dùng phương pháp nào để gỡ lại cái bị bỏ lỡ, — làm như thế là giáo dục quần chúng và cùng với quần chúng học tập qua kinh nghiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. [...] Huống chi "cuộc tiến quân" mà chúng ta tiến hành chống chủ nghĩa tư bản lại khó khăn hơn gấp triệu lần cuộc tiến quân khó khăn nhất, và nếu vì một sự lùi bước bộ phận và cục bộ mà đâm ra nản lòng, thì thật là ngu ngốc và nhục nhã.

Chúng ta hãy nhận định vấn đề ấy về mặt thực tiễn. Giả sử rằng nước Cộng hòa xô-viết Nga cần có 1000 nhà bác học và chuyên gia hạng nhất trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh nghiệm thực tiễn, để chỉ đạo lao động của nhân dân nhằm đẩy mạnh hết sức nhanh nền kinh tế trong nước. Giả sử rằng phải trả cho mỗi "ngôi sao bậc nhất" ấy — mà đa số họ thường thích la ó rằng công nhân là đồi bại, khi chính bản thân họ lại bị những tập quán tư sản làm cho đồi bại nhiều hơn — một năm là 25.000 rúp. Giả sử như phải tăng số tiền đó (25 triệu rúp) lên gấp đôi (tính cả những tiền thưởng cho việc hoàn thành đặc biệt nhanh chóng và có kết quả những nhiệm vụ kỹ thuật và tổ chức quan trọng nhất), thậm chí gấp bốn (tính cả mấy trăm chuyên gia nước ngoài khó tính hơn mà chúng ta tuyển dụng). Thử hỏi, một món chi tiêu hàng năm là năm chục hoặc một trăm triệu rúp vào việc cải tổ lao động của nhân dân theo thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật, như vậy liệu có thể coi là quá đáng hoặc quá sức đối với nước Cộng hòa xô-viết không? Cố nhiên là không. Tuyệt đại đa số công nhân và nông dân giác ngộ đều sẽ tán thành khoản chi như thế: qua cuộc sống thực tiễn, họ đều biết rằng tình trạng lạc hậu của chúng ta làm cho chúng ta tổn thất hàng tỷ rúp, rằng chúng ta *chưa có* được một trình độ tổ chức, kiểm kê và kiểm soát khiến cho toàn thể những "ngôi sao" trí thức tư sản tự nguyện tham gia công tác của *chúng ta.*

Cố nhiên, vấn đề còn có một mặt khác nữa. Người ta không thể nào không thừa nhận rằng những món lương cao có ảnh hưởng đồi bại đến cả Chính quyền xô-viết [...] lẫn đến quần chúng công nhân. Nhưng tất cả những phần tử trung thực và biết suy nghĩ trong công

nhân và nông dân nghèo đều sẽ đồng ý với chúng ta mà thừa nhận rằng chúng ta không đủ sức thoát khỏi ngay lập tức cái di sản xấu do chủ nghĩa tư bản để lại; rằng muốn làm cho nước Cộng hòa xô-viết khỏi phải chịu "cống vật" từ 50 đến 100 triệu rúp (khoản tiền cống mà chúng ta phải nộp vì tình trạng lạc hậu của chúng ta trong việc tổ chức sự kiểm kê và kiểm soát do *toàn dân* thực hiện *từ dưới lên*) thì chỉ có cách là tổ chức nhau lại, tăng cường kỷ luật trong bản thân chúng ta, quét sạch ra khỏi hàng ngũ chúng ta tất cả những kẻ nào còn "giữ di sản của chủ nghĩa tư bản", còn "tuân theo truyền thống của chủ nghĩa tư bản", nghĩa là những bọn lười biếng, ăn bám, ăn cắp của công (ngày nay, tất cả đất đai, công xưởng, đường sắt họp thành "của công" của nước Cộng hòa xô-viết). [...] Bản thân công nhân và nông dân chúng ta mà càng nhanh chóng học tập được cách tạo ra kỷ luật lao động tốt hơn và kỹ thuật lao động cao, bằng cách sử dụng các chuyên gia tư sản để học lấy môn khoa học ấy, thì chúng ta sẽ càng sớm thoát khỏi mọi "khoản tiền cống" cho các chuyên gia đó.

Công tác tổ chức của chúng ta nhằm thiết lập chế độ toàn dân kiểm kê và kiểm soát sự sản xuất và phân phối sản phẩm, — công tác mà chúng ta tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản — đang còn chậm trễ hơn nhiều so với công tác trực tiếp tước đoạt những kẻ đi tước đoạt. Chính đó là điều căn bản mà chúng ta phải biết để hiểu được những đặc điểm của thời kỳ hiện nay và những nhiệm vụ mà thời kỳ đó đề ra cho Chính quyền xô-viết. Trọng tâm của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản đang chuyển sang công tác tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát đó. Chỉ có xuất phát từ chỗ đó, mới có thể xác định được đúng đắn những nhiệm vụ trước mắt của chính sách kinh tế và tài chính trong việc quốc hữu hóa các ngân hàng, trong việc chiếm độc quyền ngoại thương, trong việc nhà nước kiểm soát sự lưu thông tiền tệ, trong việc thiết lập một thứ thuế thỏa đáng, theo quan điểm của giai cấp vô sản, là đánh vào tài sản và mức thu nhập, trong việc áp dụng một chế độ nghĩa vụ lao động.

Chúng ta hết sức chậm chạp thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực ấy (mà những lĩnh vực này lại rất, rất quan

trọng), và sở dĩ chúng ta hết sức chậm chạp như thế, chính là vì, nói chung, công tác kiểm kê và kiểm soát chưa được tổ chức đầy đủ. Cố nhiên, nhiệm vụ đó là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất, và vì nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, cho nên phải một thời gian lâu dài mới giải quyết được nhiệm vụ đó; nhưng không nên quên rằng chính đó là chỗ mà giai cấp tư sản — nhất là giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản nông dân đông đảo — chống lại chúng ta quyết liệt nhất, bằng cách phá hoại công tác kiểm soát mà chúng ta đang tổ chức, chẳng hạn như phá hoại chế độ độc quyền lúa mì, và tìm cách chiếm lĩnh trận địa cho việc đầu cơ và buôn bán đầu cơ. Những sắc lệnh mà chúng ta đã ban hành thì chúng ta thi hành còn rất chưa đầy đủ, cho nên nhiệm vụ chủ yếu trước mắt, chính là tập trung mọi cố gắng của chúng ta để *thực hiện,* một cách thực tế, thiết thực, nền tảng của những cải tạo đã trở thành sắc luật (nhưng chưa thành sự thật).

Để tiếp tục quốc hữu hóa các ngân hàng và không ngừng cải biến ngân hàng thành những đầu mối kế toán công cộng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thì trước hết và trên hết phải đạt được những thành tựu thực tế trong việc tăng thêm số chi nhánh và chi điếm của Ngân hàng nhân dân; trong việc vận động gửi tiền vào ngân hàng, trong việc tạo điều kiện cho công chúng bỏ tiền vào và rút tiền ra được dễ dàng, trong việc trừ bỏ hiện tượng đứng "nối đuôi", trong việc bắt và *xử bắn* bọn ăn hối lộ và bọn bịp bợm, v.v.. Trước hết, phải thực hiện thiết thực những điều đơn giản nhất, phải tổ chức cho tốt những cái đã có rồi, tiếp đó mới chuẩn bị làm những cái phức tạp hơn.

Củng cố và chỉnh đốn những tổ chức độc quyền nhà nước đã được thiết lập (về lúa mì, da thuộc, v.v..) và do đó chuẩn bị cho nhà nước nắm lấy độc quyền ngoại thương; không nắm được độc quyền đó, chúng ta sẽ không thể nào "thoát khỏi được" sự chi phối của tư bản nước ngoài bằng cách nộp "cống vật" cho chúng. Nhưng toàn bộ khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội lại phụ thuộc vào điều sau đây: trong một thời kỳ quá độ, liệu chúng ta có thể dùng cách nộp

một khoản cống vật nào đó cho tư bản nước ngoài để bảo vệ nền độc lập kinh tế trong nước chúng ta hay không".

Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết, tr.217-223.

"Tất cả những thói quen và những truyền thống của giai cấp tư sản nói chung, và của giai cấp tiểu tư sản nói riêng, đều chống lại chế độ kiểm soát *của nhà nước* và đều bảo vệ tính bất khả xâm phạm của "quyền tư hữu thiêng liêng", của quyền kinh doanh tư nhân "thiêng liêng". [...] Cuộc đấu tranh để làm cho quần chúng thấm nhuần tư tưởng về sự kiểm kê và kiểm soát *có tính chất xô-viết* của nhà nước, cuộc đấu tranh để thực hành tư tưởng ấy, để đoạn tuyệt với cái quá khứ đáng nguyền rủa đã gây ra cho người ta cái thói quen coi việc kiếm cơm ăn, áo mặc là một việc "riêng", là việc mua bán, là một việc "chỉ có liên quan đến cá nhân mình mà thôi", — cuộc đấu tranh đó là rất vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, là cuộc đấu tranh của ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa chống tính tự phát tư sản - vô chính phủ.

Ở nước chúng ta, sự kiểm soát của công nhân được chế định thành luật pháp, nhưng nó chỉ vừa mới bắt đầu thấm vào đời sống, thậm chí vừa mới bắt đầu thấm vào ý thức của đông đảo quần chúng vô sản mà thôi. Trong công tác cổ động, chúng ta chưa nói đầy đủ, mà những công nhân và nông dân tiên tiến cũng không suy nghĩ, không nói đầy đủ đến điều sau đây: không có chế độ kế toán và kiểm soát trong sự sản xuất và phân phối sản phẩm, thì những mầm mống của chủ nghĩa xã hội sẽ bị tiêu diệt, thì có nghĩa là ăn cắp quốc khố (vì tất cả của cải đều thuộc về quốc khố mà quốc khố đây lại chính là Chính quyền xô-viết, chính quyền của đa số những người lao động); cẩu thả đối với việc kiểm kê và kiểm soát là trực tiếp giúp sức cho bọn Coóc-ni-lốp Đức và Nga, là những kẻ *chỉ* có thể lật đổ chính quyền của những người lao động, nếu chúng ta không giải quyết được nhiệm vụ kiểm kê và kiểm soát [...]. Mà chừng nào sự kiểm soát của công nhân chưa trở thành sự thật hẳn hoi, chừng nào những công nhân tiên tiến chưa tổ chức và chưa tiến hành một cuộc tấn công thắng lợi không khoan nhượng chống tất cả

những kẻ vi phạm sự kiểm soát ấy, hoặc những kẻ tỏ ra thờ ơ về mặt đó, thì chừng đó sẽ không thể nào tiến từ bước thứ nhất (thực hiện việc kiểm soát của công nhân) lên bước thứ hai trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, tức là bước chuyển sang việc công nhân điều tiết sản xuất.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ có thể ra đời dưới hình thức một hệ thống những công xã sản xuất và tiêu dùng biết tính toán một cách thật thà sự sản xuất và tiêu dùng của mình, biết tiết kiệm lao động, không ngừng tăng năng suất và do đó tạo điều kiện giảm ngày lao động xuống bảy giờ, sáu giờ hay ít hơn thế nữa. Trong lĩnh vực đó, người ta sẽ không thể nào không dùng đến sự kiểm kê và kiểm soát chặt chẽ nhất và toàn diện nhất của toàn dân đối với *lúa mì* và *việc sản xuất lúa mì* (rồi đến tất cả những sản phẩm cần thiết khác). Chủ nghĩa tư bản đã để lại cho chúng ta những tổ chức quần chúng có thể làm giảm nhẹ việc chuyển sang kiểm kê và kiểm soát một cách rộng rãi sự phân phối các sản phẩm: đó là những hội tiêu dùng".

Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết, tr.225-226.

"NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào, khi giai cấp vô sản đã làm xong nhiệm vụ giành được chính quyền rồi, và trong chừng mực mà nhiệm vụ tước đoạt những kẻ đi tước đoạt và nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của chúng đã được hoàn thành trên những nét chủ yếu và cơ bản, — thì tất nhiên có một nhiệm vụ căn bản khác được đề lên hàng đầu, đó là: thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn. [...] Và về mặt này, chúng ta nhận thấy ngay rằng nếu vài ba ngày cũng đủ để giành được chính quyền nhà nước trung ương, và trong vài tuần lễ cũng có thể dẹp tan được sự phản kháng quân sự (và sự phá hoại ngầm) của bọn bóc lột, ngay cả trong trường hợp mà sự phản kháng và sự phá hoại ngầm đó xảy

ra ở nhiều nơi trong một nước rộng bao la, thì vô luận thế nào (nhất là sau một cuộc chiến tranh cực kỳ gian khổ và tàn khốc) cũng phải mất nhiều năm mới giải quyết được vững chắc nhiệm vụ nâng cao năng suất lao động. Ở đây, tính chất lâu dài của công tác này rõ ràng là do những hoàn cảnh hoàn toàn khách quan quyết định.

Việc nâng cao năng suất lao động trước hết đòi hỏi phải có cơ sở vật chất của nền đại công nghiệp: phải phát triển ngành sản xuất nhiên liệu, sắt, máy móc, công nghiệp hóa chất. [...] Việc khai thác những của cải tự nhiên bằng phương pháp kỹ thuật hiện đại sẽ tạo cơ sở cho lực lượng sản xuất phát triển chưa từng có.

Một điều kiện khác để nâng cao năng suất lao động, trước hết là việc nâng cao trình độ học vấn và văn hóa của quần chúng nhân dân. Hiện nay, công tác nâng cao trình độ văn hóa đó đang diễn ra hết sức nhanh chóng, song những người bị mù quáng vì tính thủ cựu tư sản lại không thấy được điều đó, họ không thể hiểu rằng lòng khao khát hiểu biết và tính chủ động sáng kiến, nhờ có tổ chức xô-viết, đang biểu hiện sôi nổi như thế nào trong những tầng lớp nhân dân "bên dưới". Hai là, để đẩy mạnh phát triển kinh tế, chúng ta còn phải nâng cao tinh thần kỷ luật của những người lao động, kỹ năng lao động của họ, tính khéo léo của họ, phải tăng thêm cường độ lao động và tổ chức lao động cho tốt hơn".

Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết, tr.228-230.

"Phát triển theo hướng chủ nghĩa tư bản nhà nước — đó là tai họa, là kẻ thù mà người ta đang đề nghị chúng ta phải đấu tranh chống lại.

Khi tôi đọc thấy trên tờ báo của "những người cộng sản cánh tả" những điều viện dẫn về loại kẻ thù như vậy, thì tôi tự hỏi: điều gì đã xảy ra với những con người ấy, làm sao họ lại có thể vì những đoạn văn rút ra từ sách vở mà quên mất hiện thực? Hiện thực nói lên rằng đối với chúng ta chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ là một bước tiến lên phía trước. Nếu sau một thời gian ngắn mà chúng ta thực hiện được chủ nghĩa tư bản nhà nước ở nước Nga, thì đó sẽ là

một thắng lợi. Làm sao họ lại có thể không thấy rằng người tiểu tư hữu, tư bản nhỏ, là kẻ thù của chúng ta. Làm sao họ lại có thể coi chủ nghĩa tư bản nhà nước là kẻ thù chủ yếu? Họ không được quên rằng, trong bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, kẻ thù chủ yếu của chúng ta là giai cấp tiểu tư sản, những tập quán, những thói quen của giai cấp ấy, địa vị kinh tế của giai cấp ấy. Người tiểu tư hữu trước hết sợ chủ nghĩa tư bản nhà nước, vì anh ta chỉ có một nguyện vọng là vơ vét cho mình thật nhiều, làm phá sản và đánh quỵ hẳn bọn địa chủ lớn và bọn bóc lột lớn. Trong lĩnh vực này, người tiểu tư hữu sẵn sàng ủng hộ chúng ta.

Trong lĩnh vực này, người tiểu tư hữu cách mạng hơn công nhân, bởi vì người tiểu tư hữu căm tức nhiều hơn, phẫn nộ nhiều hơn, và vì thế anh ta sẵn sàng hưởng ứng việc đánh gục hẳn giai cấp tư sản, nhưng không phải với tính cách là người theo chủ nghĩa xã hội, tức là không phải để sau khi bẻ gãy sự phản kháng của giai cấp tư sản thì bắt đầu xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc kỷ luật lao động cứng rắn, trong khuôn khổ tổ chức chặt chẽ, trong điều kiện có một sự kiểm soát và kiểm kê đều đặn, mà để vơ vét cho mình thật nhiều, lợi dụng cho mình và nhằm những mục đích của mình những thành quả do thắng lợi đem lại, không mảy may quan tâm đến lợi ích chung của nhà nước và những lợi ích của toàn thể giai cấp những người lao động.

Thế nào là chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới Chính quyền xô-viết? Hiện nay, thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước có nghĩa là thực hiện chế độ kiểm kê và kiểm soát mà trước đây các giai cấp tư bản đã thực hiện. Chúng ta thấy nước Đức là một kiểu mẫu về chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chúng ta biết rằng nước Đức ở vào một trình độ cao hơn chúng ta. Nhưng nếu các đồng chí suy nghĩ, đôi chút thôi, xem đối với nước Nga, nước Nga xô-viết, việc đảm bảo thực hiện những cơ sở của một chế độ tư bản nhà nước như vậy có ý nghĩa như thế nào, thì bất kỳ một người nào không điên loạn và không tự nhồi sọ bằng những mẩu chân lý sách vở, cũng sẽ phải nói rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là một sự cứu nguy đối với chúng ta.

Tôi đã nói, chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ là một sự cứu nguy đối với chúng ta; giá như chúng ta thực hiện được chủ nghĩa tư bản nhà nước ở Nga rồi, thì bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội hoàn toàn là đã dễ dàng, đã nằm gọn trong tay chúng ta rồi, bởi vì chủ nghĩa tư bản nhà nước là cái gì có tính chất tập trung, được tính toán, được kiểm soát và được xã hội hóa, thế mà chúng ta lại thiếu chính cái đó, chúng ta đang bị đe dọa bởi tính tự phát của cái thói vô tổ chức tiểu tư sản; tính tự phát ấy đẻ ra chủ yếu từ lịch sử nước Nga và từ nền kinh tế của nó, và tính tự phát ấy hiện đang ngăn cản chúng ta thực hiện chính cái bước ấy, cái bước quyết định sự thành công của chủ nghĩa xã hội. Tôi mạn phép nhắc lại với các đồng chí rằng những lời của tôi về chủ nghĩa tư bản nhà nước, tôi đã có dịp viết một thời gian trước khi xảy ra cuộc cách mạng, và nếu người ta đem chủ nghĩa tư bản nhà nước ra để dọa chúng ta thì thật là vô lý hết sức.

[...] lúc ấy tôi đã nói rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội; đấy là tôi viết vào tháng Chín 1917, và giờ đây, tức là tháng Tư 1918, sau khi giai cấp vô sản đã nắm được chính quyền hồi tháng Mười và đã chứng minh khả năng của mình: nhiều công xưởng, nhà máy bị tịch thu, nhiều xí nghiệp và ngân hàng đã được quốc hữu hóa; sự kháng cự bằng quân sự của giai cấp tư sản và của bọn phá hoại đã bị bẻ gãy, — giờ đây, khi người ta đem chủ nghĩa tư bản ra để dọa chúng ta thì đó là một điều vô lý và bịa đặt đến nực cười, một điều vô lý và bịa đặt trắng trợn đến mức người ta phải lấy làm ngạc nhiên và tự hỏi: làm sao người ta lại có thể đi đến chỗ như thế được? Họ đã quên một chi tiết nhỏ là ở Nga giai cấp tiểu tư sản rất đông, giai cấp này đồng tình với việc tiêu diệt giai cấp tư sản lớn ở tất cả các nước, nhưng lại không đồng tình với chế độ kiểm kê, với việc xã hội hóa và chế độ kiểm soát, — đó là mối nguy cho cách mạng, đó là điểm thống nhất của các lực lượng xã hội đã làm tiêu vong, và không thể không làm tiêu vong, cuộc đại cách mạng Pháp, — và nó có thể, chỉ một mình nó là có thể làm tiêu vong cách mạng Nga, nếu giai cấp vô sản Nga tỏ ra yếu ớt. Như chúng ta thấy, giai cấp tiểu tư sản

làm cho toàn bộ bầu không khí xã hội bị tiêm nhiễm những xu hướng tiểu tư hữu, — những ước vọng biểu hiện ra một cách đơn giản là: ta đã lấy được của bọn giàu có, còn việc thiên hạ thì ta không cần biết đến.

Mối nguy chủ yếu là ở đấy. Nếu như những người tiểu tư sản phục tùng những thành phần giai cấp khác, phục tùng chủ nghĩa tư bản nhà nước thì người công nhân giác ngộ phải giơ cả hai tay hoan nghênh điều đó, bởi vì dưới chế độ dân chủ của Kê-ren-xki, chủ nghĩa tư bản nhà nước có thể là một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội, còn dưới Chính quyền xô-viết thì chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ có thể là $^3/_4$ chủ nghĩa xã hội, — bởi vì người nào tổ chức ra những xí nghiệp tư bản - nhà nước thì ta có thể biến người đó thành trợ thủ của mình. [...] — tôi đã tuyên bố là nếu chúng ta hiểu đúng đắn những nhiệm vụ của mình thì cần phải học cách thực hiện chủ nghĩa xã hội ở những kẻ tổ chức ra các tơ-rớt.

[...] Có phải để nói rằng bây giờ đây, sau khi đã trấn áp chúng triệt để rồi, chúng ta sẽ vái chào chủ nghĩa tư bản của chúng không? Không, giờ đây chúng ta sẽ học tập ở chúng, bởi vì chúng ta thiếu tri thức, chúng ta không có những tri thức ấy. Tri thức về chủ nghĩa xã hội thì chúng ta có, nhưng chúng ta chưa có tri thức về tổ chức với quy mô hàng triệu người, chưa có tri thức về tổ chức và phân phối sản phẩm v.v.. [...] Chúng ta chưa kinh qua lớp học đó. Cho nên chúng ta nói: dù hắn là tên đại bịp bợm, nhưng một khi hắn đã tổ chức ra được tơ-rớt, khi hắn là một thương nhân đã từng làm công việc tổ chức sản xuất và phân phối cho hàng triệu và hàng chục triệu người, một khi hắn có kinh nghiệm thì chúng ta phải học ở hắn. Nếu chúng ta không học điều đó ở bọn chúng, chúng ta sẽ không đạt được chủ nghĩa xã hội, và như thế cách mạng sẽ chỉ dừng lại ở cái mức nó đã đạt được. Chỉ có phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước, chỉ có tổ chức một cách chu đáo việc kiểm kê và kiểm soát, chỉ có tổ chức hết sức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm ngặt, mới dẫn chúng ta tới chủ nghĩa xã hội. Không có điều đó thì sẽ không có chủ nghĩa xã hội".

Phiên họp của Ban chấp hành trung ương các xô-viết toàn Nga, tr.310-315.

"Để làm ví dụ cho các đồng chí, tôi đã nói đến những tổ chức công nhân hoạt động theo hướng đó, và dẫn ra cả chủ nghĩa tư bản nhà nước ở các xí nghiệp khác, các ngành công nghiệp khác; ở những ngành sản xuất thuốc lá, sản xuất da và thuộc da, ta thấy chủ nghĩa tư bản nhà nước được áp dụng nhiều hơn ở những ngành khác, và lại có quy củ hơn, và ở những ngành đó, con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội lại được bảo đảm hơn. Điều đó không ai có thể giấu giếm được. [...] Súng đã là một vật rất tốt, khi cần để bắn tên tư bản đang tiến hành chiến tranh chống lại chúng ta, khi cần phải bắt quả tang bọn ăn cắp và bắn chúng. Nhưng khi đồng chí Bu-kha-rin nói với chúng ta rằng có những người được lĩnh 4.000 rúp, và cần phải xử bắn họ, thì điều đó không đúng. Vả lại, cũng còn phải tìm ra những người đó. Vì thật ra ở nước ta những chức vụ được trả lương đến 4.000 rúp thì không nhiều. Họ bị lôi kéo ở chỗ này chỗ kia, chúng ta thiếu những chuyên gia, đó là điểm mấu chốt của vấn đề, cho nên cần phải lôi kéo 1.000 chuyên gia bậc nhất trong ngành nghề của họ, những chuyên gia biết quý trọng công việc của mình và yêu thích nền sản xuất lớn, vì họ biết rằng nền sản xuất đại quy mô có khả năng nâng cao kỹ thuật. Và khi ở đây có người nói rằng có thể tiến tới chủ nghĩa xã hội mà không cần học hỏi giai cấp tư sản, thì tôi hiểu rằng tâm lý đó là tâm lý của người dân miền Trung Phi. Chúng ta không hình dung một thứ chủ nghĩa xã hội nào khác hơn là chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở tất cả những bài học mà nền văn minh lớn của chủ nghĩa tư bản đã thu được. Chủ nghĩa xã hội mà không có bưu điện, không có máy móc, thì chỉ là một câu nói hoàn toàn rỗng tuếch. Nhưng không thể quét sạch ngay phút chốc bầu không khí tư sản và những tập quán tư sản; chúng ta cần có một tổ chức mà toàn bộ nền khoa học và kỹ thuật hiện đại dựa trên đó. Để tiến hành công việc đó, mà nói đến súng, thì thật là hết sức ngu xuẩn. Thực hiện chế độ toàn thể dân cư nộp thuế theo thu nhập, chế độ nghĩa vụ lao động và chế độ mỗi người đều phải đăng ký — chừng nào mà người đó chưa đăng ký

thì chúng ta phải trả tiền cho họ, — tất cả những điều đó đều phụ thuộc vào sự tổ chức của toàn dân. [...] Hiện nay, vấn đề nói ở đây không phải là giai cấp tư sản, mà là việc lôi cuốn chuyên gia. Tôi đã đưa ra một ví dụ, nhưng có thể dẫn ra hàng ngàn ví dụ nữa. Đây chỉ là lôi cuốn những người, mà ta có thể lôi cuốn được hoặc bằng cách trả lương cao, hoặc công tác tư tưởng, vì các đồng chí không thể phủ nhận một điều là tất cả tiền lương đều trả cho họ. Chúng ta biết như vậy qua ví dụ mà tôi đã dẫn ra; vì, từ trước đến nay, các đồng chí chỉ phê bình một cách yên lặng, và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả đều biết rất rõ rằng chúng ta trả lương cao, những người cộng sản cánh tả và những người theo báo "Đời sống mới" cũng biết như vậy".

Phiên họp của Ban chấp hành trung ương các xô-viết toàn Nga, tr.333-335.

"4. Về mặt xây dựng kinh tế của chủ nghĩa xã hội, thì điều mấu chốt hiện nay là ở chỗ: công tác của chúng ta nhằm tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát có tính chất toàn diện và toàn dân đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm, và nhằm thi hành việc giai cấp vô sản điều tiết sản xuất, — còn chậm tiến rất nhiều so với công tác trực tiếp tước đoạt những kẻ đi tước đoạt, tức bọn địa chủ và tư bản. Đó là điều cơ bản quyết định những nhiệm vụ của chúng ta.

Tình hình đó một mặt nói lên rằng cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản đã bước vào một giai đoạn mới, cụ thể là: trọng tâm công tác là việc tổ chức kiểm kê và kiểm soát. Chỉ có làm như thế, mới có thể củng cố được tất cả những thành quả kinh tế chống lại tư bản, cũng như củng cố được hết thảy mọi biện pháp quốc hữu hóa một số ngành kinh tế quốc dân, mà chúng ta đã đạt được từ Cách mạng tháng Mười đến nay, và chỉ có làm như thế, mới có thể chuẩn bị cho việc hoàn thành thắng lợi cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, tức là hoàn toàn củng cố được chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, sự kiện cơ bản nói trên cũng nói lên tại sao trong những trường hợp nhất định, Chính quyền xô-viết đã phải lùi lại một bước hoặc thỏa hiệp với những khuynh hướng tư sản. Chẳng

hạn, trả lương cao cho một số chuyên gia tư sản, đó là sự lùi bước, là sự vi phạm những nguyên tắc của Công xã Pa-ri. Thỏa thuận với các hợp tác xã tư sản về những bước và những biện pháp phải thực hiện để dần dần thu hút toàn bộ dân cư tham gia hợp tác xã, đó là sự thỏa hiệp. Chừng nào chính quyền vô sản chưa tổ chức được hoàn toàn vững chắc việc kiểm soát và kiểm kê của toàn dân, thì những sự thỏa hiệp loại đó là cần thiết, và nhiệm vụ của chúng ta là quyết không được che giấu trước nhân dân những mặt tiêu cực của những sự thỏa hiệp đó, phải ra sức làm tốt công tác kiểm kê và kiểm soát, vì đó là phương sách và phương pháp duy nhất để có thể hoàn toàn trừ bỏ được hết thảy mọi sự thỏa hiệp như vậy. Hiện nay những sự thỏa hiệp như thế là cần thiết, vì những sự thỏa hiệp đó là bảo đảm duy nhất (vì chúng ta còn tiến chậm về mặt công tác kiểm kê và kiểm soát) cho việc tiến lên, tuy chậm hơn nhưng lại chắc chắn hơn. Khi chúng ta đã hoàn toàn thực hiện được việc kiểm kê và kiểm soát đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì sẽ không còn cần thiết phải thỏa hiệp như vậy nữa.

5. Đặc biệt là những biện pháp tăng cường kỷ luật lao động và tăng năng suất lao động đã trở thành vấn đề trước mắt. Đối với những bước đi đầu tiên đạt được về mặt đó, nhất là những bước đi mà công đoàn đã thực hiện được, ta phải dốc hết sức ra mà ủng hộ, củng cố và tăng cường. Chẳng hạn, thực hiện chế độ trả công tính theo sản phẩm, vận dụng nhiều nhân tố khoa học và tiến bộ trong phương pháp Tay-lo, áp dụng chế độ trả lương cân xứng với kết quả chung của lao động của công xưởng hoặc cân xứng với kết quả kinh doanh của ngành đường sắt, đường thủy, v.v., — là thuộc loại những biện pháp đó. Thuộc vào loại biện pháp đó còn có việc tổ chức thi đua giữa các công xã sản xuất và công xã tiêu dùng, tuyển lựa những cán bộ tổ chức, v.v..”.

Sáu luận đề về những nhiệm vụ trước mắt
của Chính quyền xô-viết, tr.341-343.

"Nhưng thế lực tự phát của tiểu tư hữu và chủ nghĩa tư bản tư nhân đang phá hoại địa vị pháp lý ấy bằng nhiều cách, ngấm ngầm đầu cơ, phá hoại việc thực hiện các sắc lệnh của Chính quyền xô-viết. Chủ nghĩa tư bản nhà nước vẫn là một bước tiến to lớn *dù cho* (tôi cố ý nêu ví dụ về con số để nêu bật lý lẽ đó) chúng ta phải trả một khoản *lớn hơn* hiện nay, bởi vì trả "học phí" là một việc đáng giá, vì cái đó có ích cho công nhân, vì việc chiến thắng được tình trạng hỗn độn, tình trạng suy sụp về kinh tế và hiện tượng lỏng lẻo là cái quan trọng hơn hết, vì việc để tình trạng vô chính phủ của những kẻ tiểu tư hữu tiếp tục tồn tại là một mối nguy lớn nhất, đáng sợ nhất, nó sẽ làm cho chúng ta bị diệt vong (nếu chúng ta không chiến thắng nó) *một cách dứt khoát,* còn trả một khoản lớn hơn cho chủ nghĩa tư bản nhà nước thì điều ấy không những không làm cho chúng ta bị diệt vong, trái lại, có thể đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất. Chừng nào mà giai cấp công nhân học biết cách giữ gìn trật tự nhà nước chống tình trạng vô chính phủ của tiểu tư hữu, chừng nào mà giai cấp công nhân học được cách sắp đặt tổ chức sản xuất với quy mô lớn toàn quốc, trên cơ sở tư bản chủ nghĩa - nhà nước, thì khi ấy — xin thứ lỗi cho cách diễn đạt của tôi — tất cả những con chủ bài đều nằm trong tay công nhân, và sẽ bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội được củng cố.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước *về kinh tế* cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta, đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, chủ nghĩa tư bản nhà nước không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền xô-viết, vì nước xô-viết là một nước mà trong đó chính quyền của công nhân và nông dân nghèo đã được bảo đảm. [...]

IV

Để giải thích vấn đề được rõ ràng hơn, trước hết chúng ta hãy nêu một ví dụ cụ thể nhất về chủ nghĩa tư bản nhà nước. Mọi người đều biết, ví dụ ấy là nước Đức. Đấy là "đỉnh cao" về kỹ thuật đại tư bản chủ nghĩa hiện đại và về tổ chức có kế hoạch, *phục tùng*

chủ nghĩa đế quốc gioong-ke - tư sản. Nếu bỏ mấy chữ in ngả trên đây đi và thay tiếng *nhà nước* quân phiệt, gioong-ke, tư sản, đế quốc cũng bằng một tiếng *là nhà nước,* nhưng là một nhà nước kiểu khác về mặt xã hội và khác về nội dung giai cấp, nhà nước *xô-viết,* tức là nhà nước vô sản, thì các anh sẽ có *tất cả* các điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Không có kỹ thuật tư bản chủ nghĩa quy mô lớn được xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại, không có một tổ chức nhà nước có kế hoạch có thể khiến cho hàng chục triệu người phải tuân theo hết sức nghiêm khắc một tiêu chuẩn thống nhất trong công việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được. Về điểm này, những người mác-xít chúng ta vẫn thường hay nói tới [...].

Đồng thời nếu không có sự thống trị của giai cấp vô sản trong nhà nước thì cũng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được: đó cũng là một điều sơ đẳng. Và lịch sử [...] đã tiến triển một cách đặc biệt, đến nỗi vào năm 1918 đã *cho ra đời* hai nửa rời rạc của chủ nghĩa xã hội, tồn tại bên cạnh nhau, giống như hai con gà con tương lai trong cùng một cái vỏ trứng chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Năm 1918 nước Đức và nước Nga đã thể hiện rõ ràng hơn hết điều kiện vật chất để thực hiện chủ nghĩa xã hội: một mặt là điều kiện kinh tế, sản xuất, kinh tế - xã hội, mặt khác là điều kiện chính trị.

Nếu cách mạng vô sản giành được thắng lợi ở Đức thì nó đã phá vỡ ngay, một cách rất dễ dàng, bất cứ cái vỏ chủ nghĩa đế quốc nào (đáng tiếc là cái vỏ ấy làm bằng thứ thép tốt nhất, do đó tất cả những sự cố gắng của *bất cứ*... con gà con nào cũng đều không phá vỡ nổi), nó chắc chắn đã thực hiện sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội thế giới một cách không khó khăn hoặc rất ít khó khăn, — đương nhiên, "khó khăn" nói đây là trên quy mô lịch sử toàn thế giới, chứ không phải là trên quy mô một nhóm tiểu thị dân nào đó.

Nhưng trong lúc cách mạng Đức còn chậm "ra đời" thì nhiệm vụ của chúng ta là học tập chủ nghĩa tư bản nhà nước của người Đức, *dốc hết sức* ra bắt chước nó và không ngại dùng biện pháp *độc tài* để đẩy nhanh sự bắt chước đó hơn cả vua Pi-ốt khi ông ta thúc đẩy nước

Nga cổ dã man bắt chước chế độ Tây Âu và không ngần ngại dùng những thủ đoạn dã man để đấu tranh với tình trạng dã man. [...]

Hiện nay ở Nga, chính là chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản chiếm ưu thế, từ chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản đi đến chủ nghĩa tư bản nhà nước với quy mô lớn *cũng như* đi đến chủ nghĩa xã hội, đều trải qua *cùng một con đường, thông qua cùng một* cái trạm trung gian, đó là "sự kiểm kê và kiểm soát của toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm". Ai không hiểu được điểm ấy thì người đó sẽ mắc phải sai lầm không thể tha thứ được trên vấn đề kinh tế, hoặc là không biết tình hình thực tế, không nhìn thấy sự vật hiện có, không biết nhìn thẳng vào sự thật, hoặc là chỉ tự hạn chế ở chỗ đem "chủ nghĩa tư bản" đối lập một cách trừu tượng với "chủ nghĩa xã hội", chứ không nghiên cứu những hình thức cụ thể và các giai đoạn của sự quá độ ấy trong lúc này ở nước ta. [...] toàn bộ thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, các bậc thầy của chủ nghĩa xã hội không phải đã nói một cách vu vơ và không phải đã nhấn mạnh một cách uổng công về "những cơn đau đẻ dài" khi sinh một xã hội mới; hơn nữa, xã hội mới ấy cũng lại là một cái trừu tượng chỉ có thể thể hiện trong đời sống bằng cách trải qua hàng loạt hoạt động cụ thể, muôn vẻ, không hoàn bị, nhằm sáng tạo một nhà nước xã hội chủ nghĩa thế này hay thế khác.

Chính vì nếu không trải qua một cái gì *chung* cho chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội (sự kiểm kê và kiểm soát của toàn dân) thì không thể vượt khỏi tình trạng kinh tế hiện nay của Nga, cho nên dọa người và dọa mình bằng câu "tiến hóa về phía chủ nghĩa tư bản nhà nước" [...] là một điều hoàn toàn phi lý về lý luận. Cái đó chính có nghĩa là suy nghĩ "thoát ly khỏi" con đường thực tế của "tiến hóa", không hiểu con đường ấy; trong thực tiễn, như vậy chẳng khác gì kéo lùi về phía chủ nghĩa tư bản tiểu tư hữu.

Để bạn đọc thấy thật rõ rằng hoàn toàn không phải chỉ bây giờ tôi mới đánh giá "cao" chủ nghĩa tư bản nhà nước như thế, mà ngay *trước khi* những người bôn-sê-vích nắm được chính quyền, tôi cũng đã đánh giá như vậy, tôi xin phép trích dẫn mấy đoạn sau

đây trong cuốn sách nhỏ của tôi: "Tai họa sắp đến và những phương pháp để ngăn ngừa tai họa đó" viết vào tháng Chín 1917:

"... Vậy thì hãy thử đem *thay* nhà nước gioong-ke - tư bản, nhà nước của bọn địa chủ và bọn tư bản, bằng nhà nước *dân chủ - cách mạng,* nghĩa là bằng một nhà nước dùng biện pháp cách mạng để thủ tiêu *mọi* đặc quyền, một nhà nước không sợ dùng biện pháp cách mạng để thực hiện một chế độ dân chủ đầy đủ nhất? Các bạn sẽ thấy rằng trong một nước dân chủ - cách mạng thực sự, chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước tất nhiên và nhất định phải có nghĩa là một bước, hay những bước tiến lên chủ nghĩa xã hội!

... Bởi vì chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là một bước tiến tiếp liền ngay sau chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa của nhà nước.

... Chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước là sự chuẩn bị *vật chất* đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là *phòng chờ đi vào* chủ nghĩa xã hội, là nấc thang lịch sử, mà giữa nó (nấc thang đó) với nấc thang được gọi là chủ nghĩa xã hội thì *không có một nấc nào ở giữa cả"...".*

Về bệnh ấu trĩ "tả khuynh" và tính tiểu tư sản, tr.366-371.

"Chỉ có những người nào hiểu rằng *không học tập* những kẻ tổ chức ra tơ-rớt thì *không thể* tạo ra hoặc thực hiện chủ nghĩa xã hội, chỉ những người đó mới đáng gọi là người cộng sản. Bởi vì chủ nghĩa xã hội đâu phải là điều bịa ra, mà nó là kết quả của việc đội tiền phong của giai cấp vô sản, sau khi cướp được chính quyền, nắm lấy và vận dụng những cái mà các tơ-rớt đã tạo ra. Đảng vô sản chúng ta sẽ *không lấy được ở đâu ra* cái năng lực tổ chức nền sản xuất cực kỳ lớn theo kiểu tơ-rớt và như tơ-rớt, nếu không lấy năng lực đó ở các chuyên gia hạng nhất của chủ nghĩa tư bản.

[...] Còn chúng ta — nếu chúng ta không phải là những người cộng sản trẻ con và ấu trĩ không biết gì — lại phải học tập họ, và có cái để mà học, vì đảng vô sản và đội tiền phong của giai cấp vô sản *không có kinh nghiệm* công tác độc lập về mặt tổ chức các xí nghiệp quy mô cực kỳ to lớn phục vụ hàng chục triệu nhân dân.

Và những công nhân ưu tú ở Nga đã hiểu được điều đó. Họ đã bắt đầu học tập những nhà tư bản làm công việc tổ chức, học những kỹ sư làm công tác lãnh đạo, học các chuyên gia kỹ thuật. Họ đã bắt đầu học một cách kiên quyết và cẩn thận, từ những cái dễ hơn rồi dần dần chuyển lên những cái khó nhất. [...] Những công nhân ấy trong các cơ quan lãnh đạo ở trung ương như "Tổng cục công nghiệp da", hay "Ủy ban trung ương công nghiệp dệt" ngồi cùng với các nhà tư bản, *học tập họ,* tổ chức các tơ-rớt, thực hiện "chủ nghĩa tư bản nhà nước", mà chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới Chính quyền xô-viết là ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội, là điều kiện cho thắng lợi chắc chắn của chủ nghĩa xã hội.

Cùng với công việc thực hành kỷ luật lao động, công việc ấy, công nhân tiên tiến Nga đã và đang tiến hành một cách không ầm ĩ, không phô trương, không khua chiêng gõ mõ như một số người "cánh tả" cho là cần phải làm như vậy, mà tiến hành hết sức cẩn thận và dần dần, có chú ý đến các bài học của thực tiễn. Công tác nặng nề ấy, công tác *học tập* trên thực tiễn việc xây dựng một nền sản xuất quy mô cực kỳ lớn, là điều chứng tỏ rằng chúng ta đang tiến lên trên con đường đúng đắn, rằng những công nhân giác ngộ ở Nga đang tiến hành đấu tranh chống tình trạng ly tán và hỗn loạn của những người tiểu tư hữu, chống hiện tượng vô kỷ luật tiểu tư sản, là điều bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản".

Về bệnh ấu trĩ "tả khuynh" và tính tiểu tư sản, tr.382-383.

"Trong lĩnh vực kinh tế, ở nơi mà chủ nghĩa xã hội còn đang ở trên đường xây dựng, ở nơi mà một kỷ luật mới cần phải được tổ chức, - trong lĩnh vực đó chúng ta còn chưa có kinh nghiệm như thế, chúng ta thu được kinh nghiệm đó trong quá trình xây dựng lại và tổ chức lại. Đó là nhiệm vụ chính của chúng ta; chúng ta nói: mỗi chế độ xã hội mới đòi hỏi những quan hệ mới giữa người với nhau, đòi hỏi một kỷ luật mới. Đã có một thời kỳ trong đó nếu không có kỷ luật nông nô thì người ta không thể quản lý được kinh tế, ở thời kỳ đó ngoài kỷ luật roi vọt, không có kỷ luật nào khác; đã

có thời kỳ thống trị của bọn tư bản, khi mà nạn đói là sức mạnh của kỷ luật. Còn ngày nay, từ khi nổ ra cuộc cách mạng xô-viết, từ ngày bắt đầu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, kỷ luật phải được xây dựng trên những nguyên tắc hoàn toàn mới, trên sự tin tưởng vào tính tổ chức của những công nhân và nông dân nghèo; đó là kỷ luật dựa trên tình đồng chí, dựa trên sự hết sức tôn trọng nhau, dựa trên tính chủ động và tính sáng tạo trong cuộc đấu tranh. Kẻ nào dùng những phương pháp cũ tư bản chủ nghĩa, kẻ nào vào lúc đói kém và túng thiếu mà còn lập luận theo lối cũ tư bản chủ nghĩa, rằng: "Nếu tôi bán riêng rẽ lúa mì của tôi, tôi sẽ kiếm được nhiều lời hơn, nếu tôi đi kiếm lúa mì một mình, tôi sẽ kiếm được dễ dàng hơn", - kẻ nào lập luận như vậy thì có nghĩa là chọn con đường dễ hơn, nhưng không đi tới chủ nghĩa xã hội được.

Thật là đơn giản và dễ dàng nếu theo vết cũ của những quan hệ tư bản chủ nghĩa quen thuộc, nhưng chúng ta muốn đi theo một con đường mới. Con đường ấy đòi hỏi chúng ta, đòi hỏi toàn thể nhân dân phải có tính giác ngộ và tính tổ chức cao, đòi hỏi mất nhiều thời gian hơn, gây ra nhiều sai lầm lớn. Nhưng chúng ta tự nhủ rằng: chỉ có kẻ nào không làm một công việc thực tiễn nào thì mới không bị sai lầm".

Đại hội V toàn Nga các Xô-viết đại biểu công nhân, nông dân, binh sĩ và Hồng quân, tr.620-621.

"Công nhân, vừa với tư cách là giai cấp nô lệ làm thuê, có năng lực nhất để tiến hành khởi nghĩa, và với tư cách là giai cấp *thống trị.*

Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô-viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tơ-rớt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. + + = Σ = chủ nghĩa xã hội".

Đề cương bài "Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết", tr.684.

TẬP 37

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Cách mạng tháng Mười tự đặt cho mình nhiệm vụ là phải đoạt lấy công xưởng và nhà máy trong tay bọn tư bản, để biến những công cụ sản xuất thành tài sản của toàn dân và sau khi đã chuyển giao toàn bộ ruộng đất cho nông dân, thì cải tạo nông nghiệp theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thành phần thứ nhất của nhiệm vụ đó dễ hơn là hoàn thành phần thứ hai rất nhiều. Ở thành thị, cuộc cách mạng đụng đến nền đại sản xuất đang dùng hàng chục và hàng trăm ngàn công nhân. Công xưởng và nhà máy đều thuộc về số ít nhà tư bản mà công nhân đã có thể thắng được không khó nhọc lắm. Công nhân đã có kinh nghiệm lâu đời trong cuộc đấu tranh trước kia với bọn tư bản, cuộc đấu tranh này đã dạy cho họ biết hành động nhất trí, kiên quyết và có tổ chức. Ngoài ra, chẳng cần phải đem chia một nhà máy hay một công xưởng ra làm gì; mà chỉ cần làm cho toàn bộ nền sản xuất được tổ chức vì lợi ích của giai cấp công nhân và nông dân, và sao cho sản phẩm của lao động không rơi vào tay bọn tư bản.

Vấn đề ruộng đất thì hoàn toàn khác hẳn. Trong vấn đề này, muốn bảo đảm thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, thì buộc phải có cả một loạt những biện pháp quá độ. Không thể biến ngay một lúc vô vàn doanh nghiệp nhỏ của nông dân thành một doanh nghiệp nông nghiệp lớn được. Dĩ nhiên là không thể chốc lát mà biến ngay được một nền nông nghiệp phân tán thành một nền nông nghiệp tập thể, mang hình thức một nền sản xuất lớn, toàn quốc, trong đó sản phẩm của lao động sẽ được phân phối hợp

lý và công bằng cho toàn thể quần chúng lao động có nghĩa vụ lao động như nhau và ngang nhau.

Trong khi ở thành thị, công nhân công xưởng và nhà máy đã hoàn toàn loại bỏ được bọn tư bản và trút bỏ được ách bóc lột thì ở nông thôn, cuộc đấu tranh thật sự chống bóc lột mới chỉ bắt đầu.

Sau Cách mạng tháng Mười, chúng ta đã đánh đổ hẳn địa chủ, đã tịch thu ruộng đất của chúng, nhưng như thế chưa phải là cuộc đấu tranh ở nông thôn đã kết thúc. Việc chiếm lấy ruộng đất, cũng giống như bất cứ thành quả nào của người lao động, chỉ có thể được bền vững khi việc đó dựa vào tính chủ động của chính ngay những người lao động, dựa vào tổ chức của riêng họ, dựa vào tính tự chủ và kiên quyết cách mạng của họ".

Diễn văn tại Hội nghị đại biểu các ủy ban nông dân nghèo các tỉnh miền trung, ngày 8 tháng Mười một năm 1918, tr. 208-209.

TẬP 38

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Vấn đề những *chuyên gia tư sản* gây ra nhiều va chạm và nhiều bất đồng ý kiến. Vừa rồi, tôi có dịp nói chuyện ở Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, có một số câu hỏi viết trên giấy gửi cho tôi để hỏi về vấn đề lương bổng. Người ta hỏi tôi: trong nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa, có thể trả lương tới 3000 rúp được chăng? Nói chung, sở dĩ chúng tôi đã nêu vấn đề đó trong cương lĩnh, chính là vì vấn đề đó đã gây ra khá nhiều bất mãn. Vấn đề các chuyên gia tư sản được đặt ra khắp nơi, trong quân đội, trong công nghiệp, trong các hợp tác xã. Đó là vấn đề rất quan trọng trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Chỉ khi nào chúng ta lợi dụng được khoa học và kỹ thuật tư sản để làm cho chủ nghĩa cộng sản càng trở thành vừa tầm với quần chúng, thì khi ấy chúng ta mới có thể xây dựng được chủ nghĩa cộng sản. Ngoài ra, không có cách nào khác để xây dựng xã hội cộng sản cả. Và muốn xây dựng một xã hội như thế, chúng ta phải chiếm lấy bộ máy của giai cấp tư sản và làm cho tất cả những chuyên gia ấy đều tham gia công tác.

[...] Ngay bây giờ đây, chúng ta cần phải tăng cường ngay lực lượng sản xuất của chúng ta mà không nên chờ đợi sự giúp đỡ của các nước khác. Không có những chuyên gia tư sản, ta không thể làm được việc đó. Cần phải khẳng định hẳn như thế. Dĩ nhiên, phần đông những chuyên gia ấy còn nặng thế giới quan tư sản. Phải tạo ra chung quanh họ một bầu không khí hợp tác thân ái, có những chính trị viên công nhân, những chi bộ cộng sản; phải đặt họ vào một hoàn cảnh như thế nào để họ không thể rời bỏ chúng ta. Nhưng phải dành cho họ những điều kiện công tác tốt hơn là

dưới chế độ tư bản, vì nếu không thế thì cái tầng lớp xã hội do giai cấp tư sản đã đào tạo nên ấy sẽ không làm việc đâu. Không thể dùng dùi cui mà bắt buộc cả một tầng lớp xã hội phải làm việc được. Chúng ta đều đã từng biết rõ điều đó. [...] Những người ấy đã quen làm công tác văn hóa; họ đã làm cho công tác ấy phát triển trong khuôn khổ chế độ tư sản, nghĩa là họ đã đem lại cho giai cấp tư sản những thành tựu vật chất vô cùng to lớn, mà họ chỉ dành cho giai cấp vô sản một phần rất nhỏ thôi. Nhưng dù sao họ cũng đã làm cho văn hóa phát triển, đó chính là nghề nghiệp của họ. Khi họ trông thấy giai cấp công nhân trọng dụng những người tiên tiến có tổ chức, những người không những biết coi trọng văn hóa mà còn giúp đỡ truyền bá văn hóa trong quần chúng nữa, thì họ thay đổi thái độ đối với chúng ta. [...] Lúc đó, tự họ, họ sẽ tham gia bộ máy của chúng ta, họ sẽ trở thành một bánh xe của bộ máy ấy. Muốn làm được điều đó, cần phải biết hy sinh. Nếu có phải tốn đến hai tỷ rúp để làm việc đó, thì cũng chưa đáng là bao. Sợ không dám hy sinh như thế, thì thật là trẻ con; điều đó chứng tỏ chúng ta không hiểu được những nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta".

Đại hội VIII Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.198-201.

"*Trong một nước bị tàn phá, nhiệm vụ đầu tiên là phải cứu người lao động. Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động.* Nếu họ còn thì chúng ta sẽ cứu vãn và khôi phục lại được *tất cả*".

Đại hội I toàn Nga của ngành giáo dục ngoài nhà trường, tr.430.

"CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (BÔN-SÊ-VÍCH) NGA

Cách mạng tháng Mười nổ ra ngày 25 tháng Mười (ngày 7 tháng Mười một) 1917 ở Nga đã thực hiện nền chuyên chính của giai cấp vô sản là giai cấp, được sự ủng hộ của nông dân nghèo hay của tầng lớp nửa vô sản, đã bắt đầu xây dựng cơ sở của xã hội cộng sản. Bước phát triển của cách mạng ở Đức và ở Áo - Hung, sự phát

triển của phong trào cách mạng của giai cấp vô sản trong tất cả các nước tiên tiến, tính chất phổ biến của hình thức xô-viết của phong trào đó, nghĩa là hình thức trực tiếp nhằm thực hiện chuyên chính vô sản, — tất cả những điều đó chỉ rõ rằng thời đại cách mạng vô sản, cách mạng cộng sản thế giới, đã bắt đầu.

Cuộc cách mạng đó là kết quả tất yếu của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện còn thống trị trong phần lớn các nước văn minh. Bản chất của chủ nghĩa tư bản và của xã hội tư sản đã được nêu một cách đúng đắn, trừ cái tên gọi không chính xác của đảng ta là đảng dân chủ - xã hội, trong cương lĩnh cũ của chúng ta như sau:

"Đặc điểm chủ yếu của xã hội đó là sản xuất hàng hóa dựa trên cơ sở những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong đó bộ phận lớn nhất và quan trọng nhất của các tư liệu sản xuất và lưu thông hàng hóa thuộc về một giai cấp gồm một số ít người, còn tuyệt đại đa số dân cư gồm những người vô sản và nửa vô sản thì, do địa vị kinh tế của họ, đã buộc phải bán, thường xuyên hay từng thời kỳ, sức lao động của họ, nghĩa là buộc phải làm thuê cho bọn tư bản và dùng lao động của mình tạo ra thu nhập cho các giai cấp trên của xã hội.

Phạm vi thống trị của các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng mở rộng theo mức độ cải tiến không ngừng về kỹ thuật, làm tăng thêm tác dụng kinh tế của các xí nghiệp lớn, dẫn đến chỗ loại trừ những người sản xuất nhỏ độc lập, biến một bộ phận trong số họ thành vô sản, thu hẹp vai trò của những người khác trong đời sống kinh tế - xã hội, và ở một đôi nơi, làm cho họ lệ thuộc vào tư bản một cách ít nhiều triệt để, ít nhiều công khai, ít nhiều nặng nề.

Ngoài ra, chính sự tiến bộ kỹ thuật này còn cho phép các chủ xí nghiệp có thể sử dụng được, trên quy mô ngày càng lớn, lao động của phụ nữ và trẻ em vào việc sản xuất và lưu thông hàng hóa. Mặt khác, vì tiến bộ đó làm giảm một cách tương đối mức cầu của các chủ xí nghiệp về nhân công, cho nên số cầu về sức lao động tất nhiên trở thành thấp hơn số cung về sức lao động, do đó, lao động

làm thuê ngày càng phụ thuộc vào tư bản, và mức độ bóc lột lao động làm thuê cũng tăng lên.

Tình hình đó trong các nước tư sản và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước ấy trên thị trường thế giới làm cho ngày càng khó tiêu thụ những hàng hóa được sản xuất ra với một khối lượng không ngừng tăng lên. Nạn sản xuất thừa biểu hiện ở những cuộc khủng hoảng công nghiệp ít nhiều gay gắt, theo sau là những thời kỳ công nghiệp đình đốn dài hay ngắn, — đó là hậu quả không thể tránh khỏi của sự phát triển lực lượng sản xuất trong xã hội tư sản. Những cuộc khủng hoảng và những thời kỳ công nghiệp đình đốn lại làm cho những người sản xuất nhỏ bị phá sản hơn nữa, lại làm cho lao động làm thuê bị lệ thuộc vào tư bản hơn nữa và dẫn còn mau chóng hơn nữa đến tình trạng giai cấp công nhân bị bần cùng hóa tương đối, và đôi khi tuyệt đối nữa.

Như vậy, sự cải tiến kỹ thuật có nghĩa là năng suất lao động tăng lên và của cải xã hội ngày càng nhiều, khiến cho, trong xã hội tư sản, sự bất bình đẳng xã hội ngày càng tăng, sự chênh lệch giữa những người có của và những người không có của ngày càng lớn, và khiến cho tình trạng đời sống không được bảo đảm, nạn thất nghiệp và nhiều sự thiếu thốn khác của các tầng lớp lao động ngày càng đông đảo trở nên ngày càng trầm trọng.

Song, tất cả những mâu thuẫn vốn có đó của xã hội tư sản càng tăng và càng phát triển, thì cũng càng làm tăng sự bất bình của quần chúng lao động và bị bóc lột đối với hiện trạng, càng làm tăng số lượng những người vô sản và sự đoàn kết nhất trí của họ, và cuộc đấu tranh của họ chống bọn bóc lột càng thêm gay gắt. Đồng thời, sự cải tiến kỹ thuật, trong khi tập trung các tư liệu sản xuất và lưu thông và xã hội hóa quá trình lao động trong các xí nghiệp tư bản, cũng tạo ra ngày càng mau chóng khả năng vật chất để thay thế các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng những quan hệ sản xuất cộng sản chủ nghĩa, nghĩa là tạo ra khả năng vật chất để hoàn thành cuộc cách mạng xã hội là mục đích cuối cùng của toàn bộ hoạt động của đảng cộng sản quốc tế, với tư

cách là người đại biểu tự giác của phong trào giai cấp của giai cấp vô sản.

Sau khi đã thay thế chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và tư liệu lưu thông bằng chế độ công hữu và thực hiện việc tổ chức có kế hoạch quá trình sản xuất xã hội nhằm đảm bảo phúc lợi và sự phát triển toàn diện của tất cả mọi thành viên trong xã hội, cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản sẽ xóa bỏ tình trạng phân chia xã hội thành giai cấp, và do đó sẽ giải phóng toàn thể loài người bị áp bức, vì cuộc cách mạng đó sẽ chấm dứt mọi hình thức bóc lột của bộ phận này đối với bộ phận khác trong xã hội.

Điều kiện tất yếu của cuộc cách mạng xã hội đó là chuyên chính vô sản, nghĩa là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền để đè bẹp mọi sự kháng cự của bọn bóc lột. Đảng cộng sản quốc tế tự đặt cho mình nhiệm vụ là làm cho giai cấp vô sản có thể hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vĩ đại của nó, nên tổ chức giai cấp này thành một chính đảng độc lập và đối lập với tất cả các đảng tư sản, lãnh đạo tất cả các biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và vạch ra cho họ thấy rõ sự đối lập không thể điều hòa được giữa lợi ích của bọn bóc lột và lợi ích của những người bị bóc lột, cho họ thấy rõ ý nghĩa lịch sử và những điều kiện tất yếu của cuộc cách mạng xã hội sắp nổ ra. Đồng thời, đảng cộng sản quốc tế vạch ra cho những người lao động và bị bóc lột khác thấy rõ hoàn cảnh không có lối thoát của họ trong xã hội tư bản và sự cần thiết phải làm cách mạng xã hội để tự giải phóng mình khỏi ách tư bản. Đảng của giai cấp công nhân, tức đảng cộng sản, kêu gọi tất cả mọi tầng lớp trong nhân dân lao động và bị bóc lột tán thành quan điểm của giai cấp vô sản, hãy gia nhập hàng ngũ của đảng".

[...] Chủ nghĩa tư bản thế giới nói chung phát triển tới một trình độ rất cao; chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước thay thế cho cạnh tranh tự do; các ngân hàng cũng như các liên minh của bọn tư bản thành lập một bộ máy điều tiết chung quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm; đi đôi với sự phát triển của các tổ chức độc quyền tư bản là tình trạng đời sống ngày càng đắt đỏ, sự áp bức ngày càng tăng của các xanh-đi-ca đối với giai cấp công

nhân, giai cấp công nhân bị nhà nước đế quốc nô dịch, cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của giai cấp vô sản gặp những khó khăn rất lớn; những cảnh khủng khiếp, tai hoạ, sự tàn phá do cuộc chiến tranh đế quốc gây ra, — tất cả những cái đó đã làm cho sự phá sản của chủ nghĩa tư bản và sự chuyển lên một nền kinh tế xã hội kiểu cao hơn, là không thể tránh khỏi.

[...] Chỉ có cuộc cách mạng vô sản, cách mạng cộng sản mới có thể đưa loài người ra khỏi tình trạng bế tắc do chủ nghĩa đế quốc và các cuộc chiến tranh đế quốc gây ra. Dù cách mạng có gặp khó khăn và có thể gặp thất bại tạm thời như thế nào chăng nữa, hay dù những làn sóng phản cách mạng có lên cao như thế nào chăng nữa, thì thắng lợi cuối cùng của giai cấp vô sản cũng vẫn không thể tránh khỏi được.

Thắng lợi ấy của cách mạng vô sản thế giới đòi hỏi giai cấp công nhân các nước tiên tiến phải hết sức tin cậy lẫn nhau, đoàn kết anh em hết sức chặt chẽ với nhau và phải hết sức nhất trí trong các hành động cách mạng của họ.

Không thể có được những điều kiện đó, nếu không đoạn tuyệt hoàn toàn và về nguyên tắc với sự xuyên tạc có tính chất tư sản đối với chủ nghĩa xã hội, nếu không đấu tranh quyết liệt chống sự xuyên tạc đó, sự xuyên tạc đã chiếm ưu thế trong bộ phận lãnh đạo của các đảng dân chủ - xã hội và xã hội chủ nghĩa chính thức.

[...] Phát triển cụ thể hơn nữa những nhiệm vụ của chuyên chính vô sản trong hoàn cảnh nước Nga, nơi có đặc điểm chủ yếu là các tầng lớp tiểu tư sản chiếm đa số trong dân cư, Đảng cộng sản Nga quy định những nhiệm vụ đó như sau:

Trong lĩnh vực chính trị chung

1. Chế độ cộng hòa tư sản, ngay cả chế độ cộng hòa dân chủ nhất, với những khẩu hiệu thiêng liêng về ý chí toàn dân, về ý chí của toàn dân tộc hay là ý chí siêu giai cấp, trên thực tế — chừng nào chế độ tư hữu về ruộng đất và về các tư liệu sản xuất khác còn tồn tại — vẫn là một nền chuyên chính của giai cấp tư sản, một bộ máy của một nhúm tư bản dùng để bóc lột và đàn áp đại đa số

những người lao động. Ngược lại với chế độ dân chủ ấy, chế độ dân chủ vô sản hay chế độ dân chủ xô-viết đã biến các tổ chức quần chúng của chính ngay những giai cấp bị chủ nghĩa tư bản áp bức, của những người vô sản và của những nông dân nghèo — những người nửa vô sản, nghĩa là của đại đa số dân cư, thành một nền tảng vĩnh viễn và duy nhất của toàn bộ bộ máy nhà nước, từ địa phương đến trung ương, từ dưới lên trên. Như vậy tức là Nhà nước xô-viết đã thực hiện — và thực hiện trên một quy mô rộng lớn hơn bất kỳ ở một nơi nào — chế độ tự quản địa phương và tự quản khu vực, không có một sự áp đặt chính quyền nào từ trên xuống cả. Nhiệm vụ của đảng là phải cố gắng không mệt mỏi nhằm thực sự thực hiện đầy đủ kiểu dân chủ cao nhất ấy, một kiểu dân chủ đòi hỏi phải thường xuyên nâng cao trình độ văn hóa, tính tổ chức và tính chủ động của quần chúng để nó thực hiện được chức năng đúng đắn của mình.

2. Khác với chế độ dân chủ tư sản che đậy tính chất giai cấp của nhà nước dân chủ tư sản, Chính quyền xô-viết công khai thừa nhận tính chất giai cấp tất yếu của tất cả các nhà nước, chừng nào tình trạng xã hội phân chia thành giai cấp chưa được xóa bỏ hoàn toàn và, cùng với nó, mọi chính quyền nhà nước chưa được xóa bỏ hoàn toàn. Nhà nước xô-viết, xét về ngay bản chất của nó, là nhằm mục đích đè bẹp sự kháng cự của bọn bóc lột, và Hiến pháp xô-viết, xuất phát từ quan điểm cho rằng bất kỳ thứ tự do nào cũng đều là một sự giả dối nếu nó mâu thuẫn với sự nghiệp giải phóng lao động khỏi ách tư bản, đã không dừng lại trước việc tước đoạt các quyền chính trị của bọn bóc lột. Đảng của giai cấp vô sản có nhiệm vụ đè bẹp triệt để sự kháng cự của bọn bóc lột và đấu tranh trên phương diện tư tưởng chống những thiên kiến đã ăn sâu về tính chất tuyệt đối của những quyền tư sản và tự do tư sản, đồng thời giải thích cho mọi người thấy rằng sự tước đoạt các quyền chính trị và mọi sự hạn chế tự do cũng chỉ là những biện pháp cần thiết tạm thời để đấu tranh chống mọi âm mưu của bọn bóc lột muốn bảo vệ hoặc khôi phục các đặc quyền đặc lợi của chúng.

Sự cần thiết của những biện pháp tạm thời ấy sẽ mất đi khi nào khả năng khách quan của tệ người bóc lột người không còn tồn tại, và đảng sẽ cố gắng hạn chế và thủ tiêu hoàn toàn những biện pháp ấy.

3. Chế độ dân chủ tư sản chỉ hạn chế ở việc áp dụng có tính chất hình thức các quyền chính trị và các quyền tự do — như quyền hội họp, quyền lập hội, quyền báo chí xuất bản — đồng đều đối với tất cả mọi công dân. Nhưng trên thực tế thì dưới chế độ dân chủ tư sản, biện pháp hành chính cũng như — và đây là điều chủ yếu — địa vị nô lệ về mặt kinh tế của những người lao động đã luôn luôn đặt họ vào một tình trạng không thể sử dụng được đôi chút rộng rãi các quyền đó và những sự tự do đó.

Ngược lại, chế độ dân chủ vô sản, thì không công bố một cách hình thức, các quyền và những sự tự do, mà thực sự dành những quyền và những sự tự do đó trước hết và nhiều nhất cho chính những giai cấp nào trong dân cư bị chủ nghĩa tư bản áp bức, nghĩa là dành cho giai cấp vô sản và nông dân. Nhằm mục đích đó, Chính quyền xô-viết đã tước đoạt của giai cấp tư sản các trụ sở, các nhà in, các kho giấy v.v. và trao những thứ đó cho những người lao động và các tổ chức của họ toàn quyền sử dụng.

Đảng cộng sản Nga có nhiệm vụ lôi cuốn ngày càng đông đảo quần chúng nhân dân lao động vào việc sử dụng những quyền dân chủ và những quyền tự do, và mở rộng khả năng vật chất để thực hiện điều đó.

4. Đã mấy thế kỷ nay, chế độ dân chủ tư sản tuyên bố quyền bình đẳng cho mọi người, không phân biệt trai gái, tín ngưỡng, chủng tộc và dân tộc, nhưng ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng đều không cho phép thực hiện quyền bình đẳng đó trên thực tế, và trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, nó đã dẫn đến ách áp bức dân tộc và chủng tộc gay gắt nhất. Chính chỉ vì Chính quyền xô-viết là chính quyền của những người lao động, cho nên chính quyền đó lần đầu tiên trên thế giới đã thực hiện được một cách triệt để và trong mọi lĩnh vực của đời sống, quyền bình đẳng ấy, kể cả việc thủ tiêu hoàn toàn những vết tích cuối cùng của sự bất bình đẳng của phụ nữ

trong lĩnh vực luật hôn nhân và luật gia đình nói chung. Nhiệm vụ chủ yếu của đảng trong giai đoạn hiện nay là công tác tư tưởng và công tác giáo dục làm sao để thủ tiêu hoàn toàn mọi dấu vết của tình trạng bất bình đẳng hoặc định kiến cũ, đặc biệt là trong những tầng lớp lạc hậu thuộc giai cấp vô sản và nông dân.

Đảng không hạn chế ở việc tuyên bố quyền bình đẳng trên hình thức của phụ nữ, mà cố gắng giải phóng họ khỏi những gánh nặng vật chất về công việc nội trợ cổ hủ, bằng cách thay thế công việc nội trợ đó bằng những nhà công xã, những nhà ăn công cộng, nhà giặt trung tâm, nhà gửi trẻ, v.v..

5. So với chế độ dân chủ tư sản và chế độ đại nghị, thì Chính quyền xô-viết đảm bảo cho quần chúng lao động có khả năng lớn hơn rất nhiều trong việc tiến hành bầu cử và bãi miễn các đại biểu một cách dễ dàng nhất và thuận tiện nhất cho công nhân và nông dân, đồng thời từ bỏ những mặt tiêu cực của chế độ đại nghị, đặc biệt là sự tách rời giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, tình trạng các cơ quan đại diện thoát ly quần chúng, v.v..

Nhà nước xô-viết còn làm cho bộ máy nhà nước gắn liền với quần chúng ở chỗ là đơn vị bầu cử và tế bào cơ bản của nhà nước không phải là khu vực địa lý, mà là đơn vị sản xuất (nhà máy, công xưởng).

Đảng có nhiệm vụ tiến hành toàn bộ công tác theo chiều hướng đó sao cho các cơ quan chính quyền ngày càng gần gũi với quần chúng lao động hơn, trên cơ sở để cho quần chúng đó thực hiện một cách ngày càng chặt chẽ và đầy đủ chế độ dân chủ trên thực tế, nhất là bằng cách áp dụng chế độ các viên chức chịu trách nhiệm và phải báo cáo.

6. Trong khi chế độ dân chủ tư sản, bất chấp những lời tuyên bố của mình, đã biến quân đội thành công cụ của các giai cấp hữu sản, tách rời nó khỏi quần chúng lao động và đem đối lập nó với họ, thủ tiêu quyền chính trị của binh sĩ hoặc cản trở binh sĩ thực hiện những quyền đó, thì Nhà nước xô-viết hợp nhất công nhân và binh sĩ trong các cơ quan của mình, trong các Xô-viết, trên cơ sở hoàn toàn bình đẳng về các quyền của họ và trên cơ sở thống nhất lợi ích của họ. Đảng có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển sự thống

nhất đó giữa công nhân và binh sĩ trong các Xô-viết, củng cố mối liên hệ chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang với các tổ chức của vô sản và nửa vô sản.

7. Vai trò lãnh đạo, trong toàn bộ cuộc cách mạng, của giai cấp vô sản công nghiệp thành thị — tức là của một bộ phận quần chúng lao động được tập trung nhất, đoàn kết nhất, được giáo dục và được tôi luyện nhất trong đấu tranh — được thể hiện chính ngay trong sự ra đời của các Xô-viết, cũng như trong toàn bộ quá trình phát triển của những Xô-viết đó thành các cơ quan chính quyền. Hiến pháp xô-viết của chúng ta đã thể hiện điều đó, bằng cách duy trì ưu thế nào đó của giai cấp vô sản công nghiệp so với quần chúng tiểu tư sản phân tán ở nông thôn.

Đảng cộng sản Nga có nhiệm vụ giải thích tính chất tạm thời của những ưu thế ấy, những ưu thế gắn liền, do điều kiện lịch sử, với những khó khăn trong công cuộc tổ chức nông thôn theo chủ nghĩa xã hội; đồng thời đảng phải cố gắng sử dụng một cách triệt để và có hệ thống cái địa vị ấy của giai cấp vô sản công nghiệp nhằm đoàn kết chặt chẽ hơn nữa những quần chúng lạc hậu nhất và phân tán nhất trong hàng ngũ những người vô sản và nửa vô sản nông thôn, cũng như trong tầng lớp trung nông — đoàn kết họ với những công nhân tiên tiến, để đối lập lại những lợi ích phường hội và nghề nghiệp hẹp hòi mà chủ nghĩa tư bản đã nuôi dưỡng trong công nhân.

8. Chỉ nhờ có tổ chức nhà nước theo kiểu xô-viết mà cuộc cách mạng của giai cấp vô sản mới có thể lập tức đập tan và phá hủy hoàn toàn bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản, của bọn quan liêu và bọn quan toà. Tuy nhiên, trình độ văn hóa của quảng đại quần chúng chưa thật cao, các cán bộ được quần chúng đưa vào giữ các cương vị trọng trách trong công tác quản lý còn thiếu những kỹ năng cần thiết, sự cần thiết phải cấp tốc thu hút, trong những điều kiện khó khăn, các chuyên gia được đào tạo trong chế độ cũ, và việc điều động tầng lớp công nhân thành thị giác ngộ nhất vào công tác quân sự, — tất cả những cái đó đã dẫn đến tình trạng là chủ nghĩa quan liêu được phục hồi phần nào trong nội bộ chế độ xô-viết.

Để tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết nhất chống chủ nghĩa quan liêu, Đảng cộng sản Nga đòi hỏi thực hiện những biện pháp sau đây nhằm khắc phục hoàn toàn tệ nạn đó:

1. Nhất thiết phải thu hút mỗi ủy viên của các Xô-viết vào một công tác nhất định trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

2. Liên tiếp thay đổi các công tác đó sao cho mỗi ủy viên dần dần nắm được tất cả các ngành quản lý.

3. Dần dần thu hút toàn thể nhân dân lao động tham gia vào công tác quản lý nhà nước.

Việc thực hiện đầy đủ và toàn diện tất cả những biện pháp ấy - đó là một bước tiến trên con đường mà Công xã Pa-ri đã đi theo - cũng như việc đơn giản hóa các chức năng quản lý, đi đôi với việc nâng cao trình độ văn hóa của những người lao động, sẽ dẫn đến việc thủ tiêu chính quyền nhà nước.

Trong lĩnh vực quan hệ dân tộc

9. Trong vấn đề dân tộc, Đảng cộng sản Nga lấy những luận điểm sau đây làm căn cứ:

1) Chính sách đoàn kết những người vô sản và nửa vô sản thuộc các dân tộc khác nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và tư bản, phải được đặt lên hàng đầu.

2) Phải thủ tiêu tất cả và bất kỳ một thứ đặc quyền đặc lợi nào của bất kỳ một nhóm dân tộc nào, phải thực hiện hoàn toàn quyền bình đẳng giữa các dân tộc, phải thừa nhận quyền phân lập quốc gia cho các thuộc địa và các dân tộc ở trong địa vị bất bình đẳng, để khắc phục sự nghi kỵ của quần chúng lao động các nước bị áp bức đối với giai cấp vô sản của các quốc gia đi áp bức các nước đó.

3) Cũng nhằm mục đích đó, đảng chủ trương thống nhất, theo hình thức liên bang, các quốc gia đã được tổ chức theo kiểu xô-viết, coi đó là một trong những hình thức quá độ đi đến sự thống nhất hoàn toàn.

4) Muốn biết ai là người thể hiện ý chí phân lập của một dân tộc, Đảng cộng sản Nga đứng trên quan điểm lịch sử - giai cấp, xét xem dân tộc đó đang ở trong giai đoạn nào của sự phát triển lịch

sử của nó: nó đang tiến từ thời kỳ trung cổ lên chế độ dân chủ tư sản hay từ chế độ dân chủ tư sản lên chế độ dân chủ xô-viết hay dân chủ vô sản, v.v..

Dù trong trường hợp nào, giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức đều phải đặc biệt thận trọng và đặc biệt chú ý đến những tàn dư gắn liền với tình cảm dân tộc của quần chúng lao động thuộc các dân tộc bị áp bức hoặc các dân tộc ở vào địa vị bất bình đẳng. Chỉ có thực hiện một chính sách như vậy mới có thể tạo được những điều kiện cho một sự thống nhất thật sự vững chắc và tự nguyện giữa các thành viên khác nhau về mặt dân tộc của giai cấp vô sản quốc tế, như kinh nghiệm thống nhất một số nước Cộng hòa xô-viết dân tộc chung quanh nước Nga xô-viết đã chỉ rõ.

Trong lĩnh vực quân sự

10. Nhiệm vụ của đảng trong lĩnh vực quân sự được xác định dựa trên những luận điểm cơ bản sau đây:

1) Trong thời kỳ tan rã của chủ nghĩa đế quốc và nội chiến mở rộng thì không thể giữ nguyên quân đội cũ, cũng như không thể xây dựng quân đội mới trên một cơ sở gọi là phi giai cấp hoặc toàn dân tộc. Hồng quân, là công cụ của chuyên chính vô sản, tất yếu phải mang tính chất giai cấp công khai, nghĩa là phải được xây dựng tuyệt đối từ giai cấp vô sản và những tầng lớp nửa vô sản trong nông dân gần gũi với giai cấp vô sản. Chỉ khi nào đã thủ tiêu được giai cấp thì một quân đội mang tính giai cấp như vậy mới biến thành công an xã hội chủ nghĩa toàn dân.

2) Phải tổ chức rộng rãi việc huấn luyện quân sự cho tất thảy những người vô sản và nửa vô sản và tiến hành giảng dạy các bộ môn tương ứng trong nhà trường.

3) Công tác huấn luyện quân sự và giáo dục Hồng quân được tiến hành trên cơ sở đoàn kết giai cấp và giáo dục xã hội chủ nghĩa. Do đó, cần phải có những chính ủy là các đảng viên cộng sản đáng tin cậy và quên mình được đặt bên cạnh những người chỉ huy quân sự, và thành lập các chi bộ cộng sản trong từng đơn vị nhằm thiết lập mối liên hệ về tư tưởng trong nội bộ và một kỷ luật tự giác.

4) Để đối lập với chế độ của quân đội cũ, cần phải thực hiện những điểm sau đây: việc huấn luyện thuần tuý kiểu doanh trại chỉ nên tiến hành trong một thời gian thật hết sức ngắn; làm cho các doanh trại gần giống như kiểu trường quân sự và trường quân sự - chính trị; tạo một mối liên hệ hết sức chặt chẽ giữa các đơn vị bộ đội với các công xưởng, các nhà máy, các công đoàn, các tổ chức của nông dân nghèo.

5) Chỉ có thông qua ban chỉ huy — mà thời gian đầu có thể là ban chỉ huy cấp thấp nhất, xuất thân từ tầng lớp công nhân và nông dân giác ngộ — mới có thể tạo cho quân đội cách mạng trẻ tuổi một mối liên hệ và một sự bền vững cần thiết về mặt tổ chức. Vì lẽ đó mà một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong sự nghiệp xây dựng quân đội là đào tạo những chiến sĩ có năng lực nhất, có nghị lực nhất và trung thành nhất với sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội, để họ lên nắm các chức vụ chỉ huy.

6) Cần phải sử dụng và áp dụng một cách rộng rãi nhất kinh nghiệm tác chiến và kinh nghiệm kỹ thuật của cuộc chiến tranh thế giới vừa qua. Bởi thế cho nên phải thu hút một cách rộng rãi các chuyên gia quân sự được đào tạo qua các trường của quân đội cũ để họ tham gia vào công cuộc tổ chức và lãnh đạo tác chiến đối với quân đội. Nhưng điều kiện cần thiết để thực hiện việc thu hút đó là tập trung trong tay giai cấp công nhân quyền lãnh đạo chính trị đối với quân đội và sự kiểm soát toàn diện đối với ban chỉ huy.

7) Sự đòi hỏi về chế độ bầu cử ban chỉ huy có một ý nghĩa quan trọng có tính chất nguyên tắc đối với quân đội tư sản, trong đó bộ phận chỉ huy được tuyển lựa và giáo dục như một bộ máy thống trị giai cấp đối với binh lính và, thông qua binh lính, đối với quần chúng lao động, thì đến nay, đòi hỏi đó đã hoàn toàn mất ý nghĩa có tính chất nguyên tắc đối với Hồng quân công nông mang tính giai cấp. Khả năng kết hợp chế độ bầu cử và bổ nhiệm là hoàn toàn do những lý do thực tiễn đặt ra cho quân đội cách mạng mang tính giai cấp, và phụ thuộc vào trình độ trưởng thành đã đạt được, mức độ đoàn kết giữa các đơn vị quân đội, số lượng cán bộ chỉ huy hiện có, v.v..

Trong lĩnh vực tòa án

11. Sau khi nắm được toàn bộ chính quyền và bãi bỏ triệt để các cơ quan thống trị của giai cấp tư sản - các tòa án tổ chức theo cơ cấu cũ - chế độ dân chủ vô sản vứt bỏ cái công thức "các thẩm phán là do nhân dân bầu ra" của chế độ dân chủ tư sản và đưa ra khẩu hiệu có tính chất giai cấp "các thẩm phán đều được bầu trong số những người lao động và chỉ do những người lao động bầu ra", và đã áp dụng khẩu hiệu đó vào toàn bộ tổ chức tòa án, đồng thời, coi nam nữ hoàn toàn có quyền như nhau, kể cả trong việc bầu cử các thẩm phán, cũng như trong việc thừa hành những nhiệm vụ của thẩm phán.

Để lôi cuốn hết sức đông đảo quần chúng vô sản và nông dân nghèo tham gia vào việc xét xử, cần áp dụng chế độ để cho các bồi thẩm lâm thời - được thay đổi thường xuyên - tham gia việc xét xử, đồng thời lôi cuốn các tổ chức quần chúng công nhân, các tổ chức công đoàn vào việc lập các bản liệt kê, v.v..

Bằng cách thành lập một tòa án nhân dân thống nhất thay cho vô số những tòa án cũ tổ chức theo những cơ cấu khác nhau với vô số những cấp xét xử, Chính quyền xô-viết đã đơn giản hóa cơ cấu của tòa án, làm cho nó thực sự gần gũi với nhân dân và trừ bỏ được mọi tệ quan liêu trong việc tiến hành xét xử.

Sau khi bãi bỏ những đạo luật của các chính phủ đã bị lật đổ, Chính quyền xô-viết giao cho các thẩm phán do các Xô-viết bầu ra, có nhiệm vụ thực hiện ý chí của giai cấp vô sản bằng cách áp dụng các sắc lệnh của giai cấp đó, và trong trường hợp chưa có những sắc lệnh đó hoặc có những sắc lệnh chưa hoàn bị, thì phải lấy ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa làm kim chỉ nam.

Trong lĩnh vực hình phạt, các tòa án được tổ chức theo cách đó đã thay đổi tận gốc tính chất của hình phạt, bằng cách thi hành, trên một phạm vi rộng lớn, hình phạt án treo, thực hiện biện pháp khiển trách công khai, coi đó là một hình phạt, thay thế việc phạt giam bằng lao động bắt buộc mà vẫn cho hưởng quyền tự do, thay thế nhà tù bằng các cơ quan giáo dục và tạo điều kiện cho việc áp dụng hình thức tòa án đồng chí.

Đảng cộng sản Nga chủ trương tiếp tục phát triển tòa án theo con đường đó, đồng thời phải cố gắng làm cho hết thảy nhân dân lao động, không trừ một ai, được lôi cuốn vào việc thực hiện các nhiệm vụ của thẩm phán và làm cho hệ thống các hình phạt được thay thế một cách triệt để bằng một hệ thống những biện pháp giáo dục.

Trong lĩnh vực giáo dục quốc dân

12. Trong lĩnh vực giáo dục quốc dân, Đảng cộng sản Nga tự đặt cho mình nhiệm vụ phải hoàn thành sự nghiệp mà Cách mạng tháng Mười 1917 đã bắt đầu nhằm biến nhà trường từ một công cụ thống trị giai cấp của giai cấp tư sản thành một công cụ để hoàn toàn xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, thành một công cụ cải tạo xã hội theo chủ nghĩa cộng sản.

Trong thời kỳ chuyên chính vô sản, nghĩa là trong thời kỳ chuẩn bị những điều kiện để có thể thực hiện hoàn toàn chủ nghĩa cộng sản, nhà trường không những phải truyền bá những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản nói chung, mà còn phải là một công cụ truyền bá ảnh hưởng về tư tưởng, về tổ chức và giáo dục của giai cấp vô sản vào những tầng lớp nửa vô sản và không phải vô sản trong quần chúng lao động, nhằm đào tạo một thế hệ có khả năng hoàn toàn thiết lập chủ nghĩa cộng sản. Theo phương hướng đó, nhiệm vụ trước mắt hiện nay là tiếp tục phát triển những nguyên tắc sau đây trong hoạt động học đường và trong sự nghiệp giáo dục, những nguyên tắc mà Chính quyền xô-viết đã xác lập nên:

1) Thực hiện chế độ giáo dục không mất tiền và bắt buộc, phổ thông và bách khoa (dạy lý thuyết và thực hành về tất cả các ngành sản xuất chủ yếu) cho tất cả trẻ em trai và gái dưới 17 tuổi.

2) Thành lập một mạng lưới các cơ quan quản lý trẻ em trước tuổi học: nhà gửi trẻ, vườn trẻ, những nơi tập trung, v.v., nhằm cải tiến công tác giáo dục xã hội và giải phóng phụ nữ.

3) Thực hiện triệt để các nguyên tắc sau đây: nhà trường lao động thống nhất, giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ, học sinh nam nữ học chung, nhà trường mang tính chất hoàn toàn phi tôn giáo, nghĩa là không chịu bất kỳ một ảnh hưởng nào của tôn giáo, nhà trường tiến

hành giảng dạy kết hợp chặt chẽ với lao động sản xuất xã hội, đào tạo những thành viên phát triển toàn diện cho xã hội cộng sản.

4) Nhà nước đài thọ cho toàn thể học sinh các khoản chi phí về ăn, mặc, giày dép và các dụng cụ học tập.

5) Đào tạo những cán bộ giáo dục mới, thấm nhuần tư tưởng cộng sản.

6) Lôi cuốn nhân dân lao động tích cực tham gia sự nghiệp giáo dục (phát triển các "hội đồng giáo dục quốc dân", huy động những người biết chữ, v.v.).

7) Nhà nước giúp đỡ về mọi mặt cho công nhân và nông dân tự học và tự nâng cao kiến thức (xây dựng một mạng lưới các cơ quan giáo dục ngoài nhà trường: thư viện, trường học cho những người lớn tuổi, các cung nhân dân và các trường đại học nhân dân, các lớp, các buổi nói chuyện, các rạp chiếu bóng, các nhóm văn hóa, v.v.).

8) Phát triển rộng rãi ngành giáo dục chuyên nghiệp cho những học sinh từ 17 tuổi trở lên, kết hợp với việc giảng dạy các kiến thức bách khoa chung.

9) Mở rộng cửa các trường cao đẳng cho tất cả những ai muốn vào học, và trước hết là cho công nhân; thu hút tất cả những người có thể giảng dạy được ở trường cao đẳng vào làm công tác giảng dạy tại các trường đó; xóa bỏ tất cả và bất kỳ một sự ngăn cách giả tạo nào giữa các lực lượng khoa học trẻ với chế độ thứ bậc ở các trường; đảm bảo vật chất cho học sinh nhằm tạo khả năng thực tế cho những người vô sản và nông dân theo học được trong trường cao đẳng.

10) Đồng thời cũng phải mở rộng cửa tất cả các kho tàng nghệ thuật — được xây dựng trên cơ sở bóc lột lao động của những người lao động và từ trước tới nay hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của bọn bóc lột — và làm cho chúng trở nên gần gũi với quần chúng lao động.

11) Phát triển hết sức rộng rãi công tác tuyên truyền những tư tưởng cộng sản, sử dụng bộ máy và các phương tiện của chính quyền nhà nước vào mục đích đó.

Trong lĩnh vực quan hệ tôn giáo

13. Đối với tôn giáo, Đảng cộng sản Nga không chỉ bó hẹp ở chỗ ban hành một sắc lệnh tách rời giáo hội ra khỏi nhà nước, tách rời trường học ra khỏi giáo hội, nghĩa là những biện pháp mà chế độ dân chủ tư sản đề ra trong các cương lĩnh của mình, nhưng chẳng thực hiện triệt để ở nơi nào trên thế giới cả, vì giữa tư bản và việc tuyên truyền tôn giáo có muôn vàn mối liên hệ thực tế.

Đảng cộng sản Nga tin rằng chỉ có thực hiện tính kế hoạch và tính tự giác trong toàn bộ những hoạt động kinh tế - xã hội của quần chúng mới dẫn đến sự thủ tiêu hoàn toàn những thiên kiến tôn giáo. Đảng cố gắng thủ tiêu hoàn toàn mối liên hệ giữa các giai cấp bóc lột với tổ chức tuyên truyền tôn giáo, thúc đẩy công cuộc thực sự giải phóng quần chúng lao động khỏi những thiên kiến tôn giáo và tổ chức một cách hết sức rộng rãi công tác tuyên truyền khoa học - giáo dục và chống tôn giáo. Đồng thời, cần chú ý tránh không xúc phạm gì đến tình cảm của các tín đồ, vì như thế chỉ dẫn đến chỗ làm tăng thêm lòng cuồng tín tôn giáo mà thôi.

Trong lĩnh vực kinh tế

1. Triệt để tiếp tục và hoàn thành việc tước đoạt giai cấp tư sản đã được bắt đầu và đã hoàn thành về căn bản, biến các tư liệu sản xuất và tư liệu lưu thông thành sở hữu của Cộng hòa xô-viết, tức là thành sở hữu công cộng của tất cả những người lao động.

2. Coi việc ra sức nâng cao lực lượng sản xuất trong nước là điều chủ yếu và cơ bản, quyết định toàn bộ chính sách kinh tế của Chính quyền xô-viết. Do đất nước đang trải qua một tình trạng kinh tế bị tàn phá nặng nề nhất nên mọi nhiệm vụ phải phục vụ một mục đích thực tế, đó là: bằng mọi cách và ngay lập tức phải tăng số lượng những sản phẩm cần thiết nhất đối với nhân dân. Kết quả cụ thể trong lĩnh vực này phải là cái thước đo kết quả công tác của từng cơ quan xô-viết có liên quan đến nền kinh tế quốc dân.

Đồng thời cần chú ý trước hết đến những điểm sau đây:

3. Sự suy sụp của nền kinh tế đế quốc đã để lại cho chúng ta, vào thời kỳ đầu của công cuộc xây dựng xô-viết, một tình trạng hỗn loạn nhất định trong công tác tổ chức sản xuất và quản lý sản

xuất. Do đó lại càng bức thiết phải đặt ra nhiệm vụ — và đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu — là thống nhất đến mức tối đa toàn bộ hoạt động kinh tế trong nước theo một kế hoạch chung của nhà nước; tập trung đến mức cao nhất nền sản xuất, hiểu theo ý nghĩa là thống nhất nó theo từng ngành và từng nhóm ngành và tập trung nó vào những đơn vị sản xuất ưu tú nhất, cũng như hiểu theo ý nghĩa là hoàn thành nhanh chóng các nhiệm vụ kinh tế; sự hoạt động nhịp nhàng ăn khớp nhất của toàn bộ bộ máy sản xuất, sự sử dụng tiết kiệm và hợp lý tất cả những tài nguyên vật chất của đất nước.

Bên cạnh đó, phải quan tâm đến việc mở rộng sự hợp tác kinh tế và mở rộng những mối quan hệ chính trị với các dân tộc khác, đồng thời phải cố gắng đi tới lập một kế hoạch kinh tế thống nhất với các dân tộc đã chuyển sang chế độ xô-viết.

4. Phải sử dụng rộng rãi nền tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, bằng cách nhà nước đặt hàng cho thợ thủ công; đưa thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp vào kế hoạch cung cấp chung về nguyên liệu và nhiên liệu, cũng như giúp đỡ nó về tài chính với điều kiện là các thợ thủ công, các ác-ten thủ công nghiệp, các hợp tác xã sản xuất và các xí nghiệp nhỏ đã hợp nhất lại thành những đơn vị sản xuất và đơn vị công nghiệp lớn hơn; khuyến khích những sự hợp nhất như vậy, bằng cách dành cho họ những sự ưu tiên về kinh tế nhằm mục đích — song song với các biện pháp khác — làm tê liệt ý muốn của những người thợ thủ công định trở thành những nhà kinh doanh nhỏ, và tạo điều kiện để cho những hình thức sản xuất lạc hậu đó tiến lên — một cách êm thấm — nền công nghiệp cơ khí hóa lớn hơn, cao hơn.

5. Bộ máy tổ chức của nền công nghiệp đã được xã hội hóa trước hết phải dựa vào các công đoàn. Các tổ chức công đoàn ngày càng phải trút bỏ tinh thần hẹp hòi phường hội và biến thành những liên hợp sản xuất lớn bao gồm đa số — và dần dần phải bao gồm tất cả — những người lao động cùng một ngành sản xuất.

Là người tham gia vào tất cả các cơ quan quản lý công nghiệp ở trung ương và ở địa phương, như pháp luật nước Cộng hòa xô-viết

đã quy định và như trong thực tiễn đã từng làm, công đoàn phải tiến tới tập trung một cách thật sự vào tay mình tất cả công tác quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân như một chỉnh thể kinh tế thống nhất. Làm như vậy, công đoàn đảm bảo được mối liên hệ mật thiết giữa cơ quan quản lý trung ương của nhà nước với nền kinh tế quốc dân và với quảng đại quần chúng nhân dân lao động, đồng thời công đoàn phải thu hút — trên một quy mô rộng lớn nhất — những người lao động để họ trực tiếp tham gia vào công việc quản lý kinh tế. Việc công đoàn tham gia quản lý kinh tế và thu hút đông đảo nhân dân cùng tham gia công việc đó đồng thời cũng là một biện pháp đấu tranh chủ yếu chống tình trạng quan liêu hóa bộ máy kinh tế của Chính quyền xô-viết và tạo khả năng để thiết lập chế độ kiểm soát thật sự của nhân dân đối với những kết quả sản xuất.

6. Nhiệm vụ trước mắt của chính sách kinh tế của Chính quyền xô-viết — một nhiệm vụ mà Chính quyền xô-viết chỉ thực hiện được trong điều kiện có sự phối hợp chặt chẽ với công đoàn — là phải sử dụng đến mức tối đa toàn bộ lực lượng lao động sẵn có trong nước, phân phối và phân phối lại một cách hợp lý lực lượng lao động đó giữa các địa phương khác nhau, cũng như giữa các ngành kinh tế khác nhau, nhằm mục đích phát triển nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch. Việc Chính quyền xô-viết động viên — với sự tham gia của công đoàn — hết thảy số dân cư có khả năng lao động tham gia những công tác xã hội nhất định, phải được áp dụng rộng rãi và có hệ thống hơn rất nhiều so với tình hình trước đây.

7. Trong tình trạng tổ chức lao động tư bản chủ nghĩa bị tan rã, thì lực lượng sản xuất trong nước chỉ có thể được khôi phục và phát triển, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa chỉ có thể được củng cố trên cơ sở kỷ luật trên tình đồng chí của những người lao động, trên cơ sở tính chủ động cao độ của họ, trên cơ sở ý thức trách nhiệm và kiểm tra hết sức chặt chẽ hiệu quả lao động của nhau.

Muốn đạt được mục đích đó, cần phải tiến hành công tác cải tạo quần chúng kiên trì và có hệ thống; công tác này hiện nay được tiến hành một cách dễ dàng hơn, chính vì quần chúng đã tận mắt

trông thấy bọn tư bản, bọn địa chủ và thương nhân bị loại trừ, và vì quần chúng qua kinh nghiệm thực tiễn của mình đã nhận thức được rằng mức no ấm của họ hoàn toàn phụ thuộc vào tinh thần kỷ luật lao động của bản thân họ.

Trong công tác xây dựng kỷ luật mới, kỷ luật xã hội chủ nghĩa, vai trò quan trọng nhất thuộc về công đoàn. Để thực hiện mục đích đó, công đoàn trong khi vứt bỏ khuôn sáo cũ, đồng thời phải áp dụng và đem thử nghiệm trong thực tiễn những biện pháp khác nhau, như: quy định chế độ báo cáo, định mức sản xuất, thi hành chế độ chịu trách nhiệm trước tòa án đồng chí đặc biệt của công nhân, v.v..

8. Nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất đó đòi hỏi phải sử dụng ngay lập tức, một cách rộng rãi và trong mọi lĩnh vực, các chuyên gia khoa học và kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã để lại cho chúng ta, mặc dù họ phần nhiều không tránh khỏi bị tiêm nhiễm thế giới quan và các thói quen tư sản. Đảng cho rằng thời kỳ đấu tranh gay gắt với tầng lớp này — cuộc đấu tranh do hoạt động phá hoại ngầm của họ gây ra — đã kết thúc, bởi vì sự phá hoại đó nói chung đã bị đập tan. Trong khi hợp tác chặt chẽ với các công đoàn, đảng phải tiếp tục đi theo đường lối của mình trước đây: một mặt, không được nhượng bộ mảy may nào về chính trị đối với tầng lớp tư sản đó và thẳng tay trấn áp mọi mưu toan phản cách mạng của họ; mặt khác, cũng thẳng tay đấu tranh chống lối giả danh cấp tiến, nhưng thật ra đó chỉ là một sự tự phụ ngu xuẩn, cho rằng những người lao động có thể thắng chủ nghĩa tư bản và chế độ tư sản mà không cần học tập các chuyên gia tư sản, không cần sử dụng họ, không cần học tập lâu dài trong công tác bên cạnh họ.

Tuy mong muốn đi đến bình đẳng trong việc trả công cho mọi lao động và đi đến chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn, nhưng hiện nay chúng ta chỉ mới đi những bước đầu tiên trong giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, nên Chính quyền xô-viết không thể đề ra nhiệm vụ thực hiện ngay sự bình đẳng đó được. Vì vậy, cần phải duy trì trong một thời gian nhất định việc trả lương cao hơn cho các chuyên gia để họ có thể làm việc không phải là kém trước, mà hơn trước. Và cũng nhằm mục đích đó, chúng ta

không được bãi bỏ chế độ tiền thưởng đối với một công tác làm tốt nhất và đặc biệt là đối với công tác tổ chức.

Đồng thời, phải làm cho các chuyên gia tư sản cảm thấy xung quanh họ là một bầu không khí lao động tập thể, thân ái, kề vai sát cánh với quần chúng công nhân bình thường, dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản giác ngộ, và nhờ đó mà làm cho những người lao động chân tay và lao động trí óc - bị chủ nghĩa tư bản chia rẽ - hiểu biết lẫn nhau và gần gũi nhau.

9. Chính quyền xô-viết đã thông qua hàng loạt biện pháp nhằm phát triển khoa học và đưa khoa học gần với sản xuất: thành lập một loạt những viện nghiên cứu khoa học ứng dụng mới, những phòng thí nghiệm, những trạm thực nghiệm, cơ sở sản xuất thí nghiệm nhằm kiểm tra những phương pháp kỹ thuật mới, những cải tiến và những phát minh, kiểm kê và tổ chức tất cả những lực lượng khoa học, phương tiện khoa học, v.v.. Đảng cộng sản Nga ủng hộ những biện pháp đó, đồng thời cố gắng phát triển chúng hơn nữa, cũng như cố gắng tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho công tác khoa học, gắn liền công tác này với việc phát triển lực lượng sản xuất trong nước.

Trong lĩnh vực nông nghiệp

10. Sau khi hoàn toàn xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, Chính quyền xô-viết đã bắt tay vào việc thực hiện một loạt biện pháp nhằm tổ chức một nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Trong số các biện pháp đó, có những biện pháp quan trọng nhất là: 1) xây dựng các nông trường quốc doanh, tức là các nông trường xã hội chủ nghĩa lớn; 2) ủng hộ các hội cũng như các tổ canh tác tập thể; 3) nhà nước tổ chức gieo trồng tất cả các ruộng đất bỏ hóa, bất cứ là của ai; 4) nhà nước huy động tất cả các lực lượng nông học để thực hiện những biện pháp kiên quyết nhằm nâng cao trình độ nông nghiệp; 5) ủng hộ các công xã nông nghiệp, xem đấy là những liên minh tự nguyện hoàn toàn của nông dân để kinh doanh tập thể trên quy mô lớn.

Nhận định rằng tất cả những biện pháp đó là con đường duy nhất có thể đảm bảo nâng cao được năng suất lao động trong nông

nghiệp, — việc nâng cao đó là một điều tuyệt đối cần thiết, — Đảng cộng sản Nga cố gắng thực hiện hết sức đầy đủ các biện pháp đó, phổ biến chúng đến tận những vùng còn lạc hậu ở trong nước và tiếp tục hoạt động theo phương hướng đó.

Đặc biệt Đảng cộng sản Nga chủ trương:

1) nhà nước hết sức ủng hộ các hợp tác xã nông nghiệp chuyên chế biến các nông sản;

2) tổ chức rộng rãi hệ thống cải tạo đất;

3) cung cấp rộng rãi và có kế hoạch nông cụ — qua các trạm cho thuê — cho bần nông và trung nông.

Nhận thấy rằng nền kinh tế tiểu nông sẽ còn tồn tại lâu, Đảng cộng sản Nga cố gắng thực hiện một số biện pháp nhằm nâng cao năng suất của kinh tế nông dân. Những biện pháp ấy là: 1) chấn chỉnh lại chế độ sử dụng ruộng đất của nông dân (thủ tiêu tình trạng ruộng đất xen kẽ và ruộng đất quá dài, v.v.); 2) cung cấp giống tốt và phân bón nhân tạo cho nông dân; 3) cải tạo giống súc vật nuôi của nông dân; 4) phổ biến kiến thức nông học; 5) giúp đỡ kỹ thuật nông học cho nông dân; 6) sửa chữa nông cụ của nông dân tại các xưởng sửa chữa của nhà nước; 7) tổ chức các trạm cho thuê, các trạm thí nghiệm, các ruộng kiểu mẫu, v.v.; 8) cải tạo ruộng đất của nông dân.

11. Vì sự đối lập giữa thành thị và nông thôn là một trong những nguyên nhân sâu xa nhất của tình trạng lạc hậu về kinh tế và văn hóa ở nông thôn, và vì ở vào một thời kỳ khủng hoảng sâu sắc như hiện nay, sự đối lập đó đưa thành thị cũng như nông thôn đến trước mối nguy cơ trực tiếp là suy đồi và diệt vong, cho nên Đảng cộng sản Nga coi việc xóa bỏ sự đối lập đó là một trong những nhiệm vụ cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, và cho rằng, bên cạnh những biện pháp chung, cần phải lôi cuốn một cách rộng rãi và có kế hoạch các công nhân công nghiệp tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong nông nghiệp, phải mở rộng trên phạm vi toàn quốc hoạt động của "Ủy ban công nhân trợ giúp" được Chính quyền xô-viết lập nên nhằm mục đích đó, v.v..

12. Trong toàn bộ công tác của mình ở nông thôn, Đảng cộng sản Nga vẫn luôn luôn dựa vào các tầng lớp vô sản và nửa vô sản ở nông thôn, trước hết tổ chức họ thành một lực lượng độc lập, thành lập các chi bộ đảng ở nông thôn, các tổ chức nông dân nghèo, các công đoàn đặc biệt của những người vô sản và nửa vô sản ở nông thôn, v.v., đồng thời ra sức làm cho họ gần gũi giai cấp vô sản thành thị, kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản nông thôn và của những lợi ích gắn liền với chế độ sở hữu nhỏ.

Đối với bọn cu-lắc, đối với giai cấp tư sản nông thôn, chính sách của Đảng cộng sản Nga là đấu tranh kiên quyết chống những mưu toan bóc lột của chúng, trấn áp sự kháng cự của chúng chống chính sách xô-viết.

Đối với trung nông, chính sách của Đảng cộng sản Nga là từng bước và có kế hoạch lôi kéo họ tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ của đảng là tách họ khỏi bọn cu-lắc, lôi kéo họ đứng về phía giai cấp công nhân bằng cách quan tâm đến những nhu cầu của họ, bằng cách dùng những biện pháp tác động tư tưởng chứ không được dùng những biện pháp trấn áp để khắc phục tính chất lạc hậu của họ, và mỗi khi lợi ích thiết thân của họ bị đụng chạm thì đều phải cố gắng đi đến những thoả thuận thực tế với họ, bằng cách nhượng bộ họ trong việc lựa chọn những biện pháp tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trong lĩnh vực phân phối

13. Trong lĩnh vực phân phối, nhiệm vụ hiện nay của Chính quyền xô-viết là phải kiên quyết tiếp tục thay thế việc buôn bán bằng chế độ phân phối sản phẩm một cách có kế hoạch và có tổ chức trên quy mô toàn quốc. Mục đích là tổ chức toàn thể nhân dân thành một mạng lưới thống nhất các công xã tiêu dùng có khả năng phân phối tất cả các sản phẩm cần thiết một cách nhanh chóng nhất, có kế hoạch nhất, tiết kiệm nhất, tốn ít nhân công nhất, bằng cách tập trung chặt chẽ toàn bộ bộ máy phân phối.

Hợp tác xã toàn dân và hợp tác xã công nhân hiện có - là một tổ chức có quy mô lớn nhất của những người tiêu dùng và là một bộ

máy phân phối có tính chất quần chúng được huấn luyện tốt hơn cả bởi lịch sử của chủ nghĩa tư bản - phải được lấy làm cơ sở cho các công xã tiêu dùng và cho sự thống nhất chúng lại.

Nhận định rằng việc tiếp tục phát triển bộ máy hợp tác xã theo hướng cộng sản như vậy, chứ không phải việc bãi bỏ bộ máy đó, là một điều duy nhất đúng về nguyên tắc, Đảng cộng sản Nga phải tiếp tục một cách có hệ thống chính sách của mình, nghĩa là buộc tất cả các đảng viên phải làm việc trong các hợp tác xã, lãnh đạo các hợp tác xã đó theo tinh thần cộng sản cùng với sự giúp đỡ của công đoàn, phát huy tính chủ động và tính kỷ luật của nhân dân lao động tập hợp trong các hợp tác xã, làm sao cho toàn thể nhân dân đều tham gia các hợp tác xã và làm sao để các hợp tác xã đó, từ trên xuống dưới, hợp thành một hợp tác xã thống nhất, bao trùm toàn bộ Cộng hòa xô-viết, và cuối cùng, — đây là điều quan trọng nhất, — phải làm sao cho ảnh hưởng của giai cấp vô sản đối với các tầng lớp lao động khác luôn luôn chiếm ưu thế và làm sao cho đâu đâu cũng đem thí nghiệm trong thực tiễn các biện pháp khác nhau nhằm thực hiện dễ dàng việc chuyển các hợp tác xã tiểu tư sản kiểu cũ, kiểu tư bản chủ nghĩa, lên các công xã tiêu dùng do những người vô sản và nửa vô sản lãnh đạo.

Trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

14. Để tránh sai lầm của Công xã Pa-ri, Chính quyền xô-viết ở Nga đã nhanh chóng chiếm giữ ngân hàng nhà nước, sau đó chuyển sang quốc hữu hóa các ngân hàng thương mại tư nhân, tiến hành hợp nhất các ngân hàng, các quỹ tiết kiệm và kho bạc đã được quốc hữu hóa với ngân hàng nhà nước, và bằng cách đó mà xây dựng nên cái khung của ngân hàng nhân dân thống nhất của nước Cộng hòa xô-viết và biến ngân hàng từ chỗ là trung tâm thống trị về kinh tế của tư bản tài chính và công cụ thống trị về chính trị của bọn bóc lột, thành công cụ của chính quyền công nhân và đòn bẩy của cuộc cách mạng kinh tế. Đặt ra cho mình mục đích tiếp tục hoàn thành triệt để công việc mà Chính quyền xô-viết đã bắt đầu, Đảng cộng sản Nga đặt những nguyên tắc sau đây lên hàng đầu:

1) Nhà nước xô-viết giữ độc quyền về toàn bộ hoạt động ngân hàng;

2) thay đổi căn bản và đơn giản hóa các hoạt động ngân hàng bằng cách biến bộ máy ngân hàng thành bộ máy kiểm kê thống nhất và kế toán chung của nước Cộng hòa xô-viết. Cùng với quá trình tổ chức một nền kinh tế xã hội có kế hoạch, điều đó sẽ dẫn đến chỗ thủ tiêu ngân hàng và biến nó thành phòng kế toán trung ương của xã hội cộng sản.

15. Trong giai đoạn đầu của bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, trong khi chưa tổ chức xong hoàn toàn nền sản xuất và chế độ phân phối sản phẩm theo phương thức cộng sản chủ nghĩa, thì việc thủ tiêu tiền tệ chưa thể thực hiện được. Trong tình hình đó, những phần tử tư sản trong dân cư vẫn tiếp tục dùng số tiền vẫn còn là tài sản riêng để đầu cơ, trục lợi và bóc lột những người lao động. Dựa vào công cuộc quốc hữu hóa ngân hàng, Đảng cộng sản Nga cố gắng thi hành một số biện pháp nhằm mở rộng lĩnh vực thanh toán không bằng tiền và chuẩn bị cho việc thủ tiêu tiền: bắt buộc phải gửi tiền trong ngân hàng nhân dân; áp dụng chế độ sổ ngân sách, thay tiền bằng séc, bằng phiếu ngắn hạn có quyền mua các sản phẩm, v.v..

Trong lĩnh vực tài chính

16. Trong thời đại bắt đầu xã hội hóa những tư liệu sản xuất đã được tước đoạt của bọn tư bản, chính quyền nhà nước sẽ không còn là một bộ máy ăn bám đứng trên quá trình sản xuất; chính quyền nhà nước bắt đầu biến thành một tổ chức trực tiếp thực hiện chức năng quản lý kinh tế trong nước, và do đó ngân sách nhà nước sẽ trở thành ngân sách của toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung.

Trong những điều kiện đó, sự thăng bằng thu chi chỉ có thể thực hiện được nếu tổ chức đúng đắn nền sản xuất và chế độ phân phối sản phẩm một cách có kế hoạch, thông qua nhà nước. Về vấn đề bù đắp những chi phí trực tiếp của nhà nước trong giai đoạn quá độ, Đảng cộng sản Nga chủ trương sẽ chuyển từ chế độ bồi thường mà bọn tư bản phải trả, một chế độ cần thiết về mặt lịch sử và hợp lý trong thời gian đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa,

sang chế độ thuế lũy tiến đánh vào thu nhập và vào tài sản. Nhưng vì thứ thuế đó đang mất dần ý nghĩa, do việc tước đoạt các giai cấp hữu sản được tiến hành rộng rãi, nên việc bù đắp các khoản chi phí của nhà nước phải dựa trên cơ sở trực tiếp biến một phần các khoản thu nhập của các tổ chức độc quyền nhà nước thành thu nhập của nhà nước.

Trong lĩnh vực vấn đề nhà ở

17. Cố gắng giải quyết vấn đề nhà ở, một vấn đề trở thành đặc biệt gay gắt trong thời kỳ chiến tranh, Chính quyền xô-viết đã hoàn toàn tịch thu tất cả nhà ở của bọn tư bản chủ nhà và giao cho các Xô-viết thành phố; đã tiến hành đưa hàng loạt công nhân từ những vùng ngoại ô vào ở nhà của bọn tư sản; đã giao những nhà tốt nhất cho các tổ chức công nhân, và nhà nước chịu chi phí về bảo quản những tòa nhà ấy; đã bắt đầu cung cấp đồ đạc bằng gỗ cho các gia đình công nhân, v.v..

Nhiệm vụ của Đảng cộng sản Nga là đi theo con đường đã nói ở trên và không động chạm đến lợi ích của những chủ nhà không phải là tư bản, cố gắng hết sức để cải thiện điều kiện nhà ở cho quần chúng lao động; thủ tiêu nạn chật chội và tình trạng mất vệ sinh tại những khu nhà cũ, phá huỷ những nhà hỏng, sửa chữa lại những nhà cũ, xây dựng nhà mới cho thích hợp với điều kiện sống mới của quần chúng công nhân, bố trí một cách hợp lý nhà ở cho những người lao động.

Trong lĩnh vực bảo hộ lao động
và bảo đảm xã hội

Với việc thiết lập nền chuyên chính vô sản, lần đầu tiên đã có được khả năng thực hiện đầy đủ cương lĩnh tối thiểu của các đảng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực bảo hộ lao động.

Chính quyền xô-viết đã dùng luật pháp để thực hiện — và đã ghi rõ trong "Bộ luật lao động" — những điểm sau đây: thời gian lao động tối đa trong một ngày của tất cả những người lao động là 8 giờ; còn đối với những người dưới 18 tuổi, lao động sản xuất trong những ngành đặc biệt độc hại, cũng như đối với những công

nhân mỏ làm việc dưới đất, thì ngày lao động không được quá 6 giờ; tất cả những người lao động đều được nghỉ liên tục 42 giờ trong một tuần; cấm làm thêm giờ là một quy tắc chung; cấm sử dụng lao động của trẻ em và thiếu niên dưới 16 tuổi; cấm tất cả nữ và nam dưới 18 tuổi lao động ban đêm và lao động trong những ngành đặc biệt độc hại, cũng như lao động thêm giờ; phụ nữ được nghỉ việc 8 tuần trước và 8 tuần sau khi đẻ và trong thời gian nghỉ đó vẫn được lĩnh nguyên lương, được cấp thuốc men và điều trị không mất tiền; để cho các nữ công nhân cứ ba giờ thì được nghỉ ít nhất là nửa giờ cho con bú, còn các bà mẹ có con còn bú thì được trợ cấp thêm; tổ chức ban thanh tra lao động và ban thanh tra vệ sinh do các hội đồng công đoàn bầu ra.

Chính quyền xô-viết đã thực hiện, bằng pháp luật, chế độ bảo đảm xã hội đầy đủ cho tất cả những người lao động nào không bóc lột lao động của người khác, để họ được đảm bảo trong mọi trường hợp bị mất sức lao động và — đây là lần đầu tiên trên thế giới — trong trường hợp bị thất nghiệp, các khoản đảm bảo ấy sẽ do người thuê mướn công nhân và do nhà nước đài thọ; đồng thời thực hiện chế độ tự quản hoàn toàn của những người được hưởng các khoản đảm bảo và có sự tham gia rộng rãi của công đoàn.

Hơn thế nữa, Chính quyền xô-viết, về một số phương diện, còn đi xa hơn cương lĩnh tối thiểu và đã quy định, cũng trong "Bộ luật lao động" đó, việc các tổ chức công nhân tham gia giải quyết các vấn đề về thuê mướn người làm và về buộc thôi việc; tất cả những người lao động đã làm việc liên tục một năm thì được nghỉ phép một tháng và vẫn được hưởng lương; nhà nước điều chỉnh tiền lương trên cơ sở thang lương do công đoàn đề xuất; những cơ quan nhất định, cụ thể là các phòng phân phối và kiểm kê nhân lực trực thuộc các Xô-viết và công đoàn, có nhiệm vụ bố trí công ăn việc làm cho những người chưa có việc.

Nhưng tình trạng quá bần cùng do chiến tranh gây ra, cũng như sự tấn công của chủ nghĩa đế quốc thế giới đã buộc Chính quyền xô-viết phải có một số sự linh động như sau: cho phép, trong

những trường hợp đặc biệt, được lao động thêm giờ, nhưng hạn chế số ngày làm thêm đó không quá 50 ngày trong một năm; cho phép sử dụng lao động của thiếu niên từ 14 đến 16 tuổi, nhưng hạn chế ngày lao động của các em là 4 giờ trong một ngày; tạm thời thay chế độ một tháng nghỉ phép bằng 15 ngày nghỉ phép; tăng số giờ làm ở các ca đêm lên đến 7 giờ.

Đảng cộng sản Nga phải tiến hành tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân lao động để họ tham gia tích cực vào việc hăng hái thực hiện tất cả những biện pháp trong lĩnh vực bảo hộ lao động. Để làm được việc đó, cần phải:

1) tăng cường công tác tổ chức và mở rộng các ban thanh tra lao động bằng cách lựa chọn và bồi dưỡng những người lao động tích cực trong chính hàng ngũ công nhân để thực hiện mục đích đó, và mở rộng chế độ thanh tra đó vào tiểu công nghiệp và công nghiệp gia đình;

2) áp dụng chế độ bảo hộ lao động đối với tất cả các loại lao động (công nhân xây dựng, giao thông đường bộ và đường thủy, những người phục vụ tại các nhà tư và công nhân nông nghiệp);

3) bãi bỏ hoàn toàn việc sử dụng trẻ em ít tuổi vào lao động và tiếp tục giảm số giờ trong ngày lao động của thiếu niên.

Ngoài ra, Đảng cộng sản Nga còn có nhiệm vụ quy định:

1) sau này, khi năng suất lao động chung đã tăng, ngày lao động tối đa là 6 giờ mà không bị giảm thù lao, và đồng thời bắt buộc những người lao động bỏ ra hai giờ thêm vào đó — mà không hưởng một khoản thù lao đặc biệt nào — để nghiên cứu lý luận về nghề nghiệp và về sản xuất, để thực tế học tập kỹ thuật quản lý nhà nước và học nghệ thuật quân sự;

2) thi hành chế độ thưởng khuyến khích cho việc tăng năng suất lao động.

Trong lĩnh vực bảo đảm xã hội, Đảng cộng sản Nga cố gắng tổ chức sự giúp đỡ rộng rãi của nhà nước không những đối với các nạn nhân của chiến tranh và của thiên tai, mà cả đối với các nạn nhân của những quan hệ xã hội không bình thường, đấu tranh

kiên quyết chống mọi hình thức ăn bám và lười biếng và đặt cho mình nhiệm vụ là phải đưa những kẻ đi chệch quỹ đạo lao động trở về với cuộc sống lao động.

Trong lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ của nhân dân

Đảng cộng sản Nga trước hết lấy việc thi hành rộng rãi những biện pháp về tăng cường sức khoẻ và vệ sinh nhằm mục đích ngăn ngừa phát triển bệnh tật, để làm cơ sở cho hoạt động của mình trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Chuyên chính vô sản đã tạo khả năng cho việc thực hiện hàng loạt những biện pháp tăng cường sức khoẻ và chữa bệnh mà trong khuôn khổ xã hội tư sản không thể nào thực hiện được, như: quốc hữu hóa ngành dược, các cơ quan điều trị tư nhân lớn, các khu an dưỡng, thực hiện nghĩa vụ lao động của những người làm việc trong ngành y tế, v.v..

Để đáp ứng yêu cầu đó, Đảng cộng sản Nga đặt ra cho mình nhiệm vụ trước mắt là:

1) kiên quyết thực hiện rộng rãi những biện pháp vệ sinh phục vụ lợi ích của những người lao động, thí dụ như:

a) cải thiện điều kiện tại nơi đông dân (bảo vệ đất, bảo vệ nước và không khí);

b) tổ chức việc ăn uống công cộng theo các nguyên tắc khoa học và vệ sinh;

c) tổ chức các biện pháp ngăn ngừa không để các bệnh truyền nhiễm phát triển và lan tràn;

d) xây dựng các đạo luật về vệ sinh;

2) đấu tranh chống các bệnh xã hội (bệnh lao, bệnh hoa liễu, bệnh nghiện rượu, v.v.);

3) đảm bảo chữa bệnh và phát thuốc không lấy tiền, do các lực lượng có trình độ chuyên môn tiến hành".

Cương lĩnh của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga, tr.499-532.

TẬP 39

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Đấy là thực chất của vấn đề. Đấy là nguồn sức mạnh, là điều bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản.

Tổ chức lao động xã hội của chế độ phong kiến dựa vào kỷ luật roi vọt, vào tình trạng ngu muội và khiếp nhược đến cùng cực của người lao động bị một nhúm địa chủ cướp bóc và khinh khi. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa tư bản dựa vào kỷ luật đói; và mặc dù mọi tiến bộ mà nền văn hóa tư sản và dân chủ tư sản đã thực hiện được, quảng đại quần chúng lao động ở những nước cộng hoà văn minh, dân chủ và tiên tiến nhất vẫn là một đám quần chúng ngu muội và bị uy hiếp gồm những người nô lệ làm thuê hoặc nông dân bị đè nén và bị một nhúm tư bản áp bức cướp bóc và khinh khi. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa cộng sản mà bước đầu là chủ nghĩa xã hội, thì dựa vào và sẽ ngày càng dựa vào một kỷ luật tự giác và tự nguyện của chính ngay những người lao động, những người đã lật đổ ách địa chủ và tư bản.

Kỷ luật mới này không phải từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải do những mong ước thành tâm nào mà sinh ra được; nó xuất hiện từ những điều kiện vật chất của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, và chỉ xuất hiện từ những điều kiện đó thôi. Không có những điều kiện này, kỷ luật đó không thể có được. Mà người đại biểu và tạo ra những điều kiện vật chất đó là một giai cấp lịch sử

nhất định do chủ nghĩa đại tư bản sản sinh, tổ chức, gắn bó, giáo dục, dạy bảo, tôi luyện nên. Giai cấp đó là giai cấp vô sản.

Chuyên chính vô sản, nếu chúng ta diễn đạt thành ngữ la-tinh có tính chất khoa học, lịch sử và triết học đó, bằng cách nói đơn giản hơn thì nó có nghĩa là:

chỉ có một giai cấp nhất định - chính là công nhân thành thị và, nói chung, công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp - mới có khả năng lãnh đạo được toàn thể quần chúng lao động và những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách tư bản, trong chính ngay quá trình lật đổ ách đó, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa, trong toàn bộ cuộc đấu tranh để thủ tiêu hoàn toàn các giai cấp. (Chúng ta hãy ghi chú điểm này: sự khác nhau về mặt khoa học giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản chỉ là ở chỗ: danh từ trên thì chỉ giai đoạn đầu của xã hội mới, lọt lòng từ chủ nghĩa tư bản; còn danh từ dưới thì chỉ giai đoạn sau đó, giai đoạn cao hơn của xã hội đó.)

[...] Và thế nào là "thủ tiêu giai cấp"? Hết thảy những ai tự cho mình là người xã hội chủ nghĩa, đều thừa nhận mục đích cuối cùng đó của chủ nghĩa xã hội, nhưng không phải là tất cả đều suy nghĩ kỹ đến ý nghĩa của nó. Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định.

Rõ ràng là muốn hoàn toàn thủ tiêu giai cấp thì chẳng những phải lật đổ bọn bóc lột, bọn địa chủ và bọn tư bản, chẳng những phải xóa bỏ quyền sở hữu *của chúng* mà còn phải xóa bỏ *hết thảy mọi*

quyền tư hữu về tư liệu sản xuất, phải xóa bỏ cả sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn cũng như sự khác nhau giữa những người lao động chân tay và lao động trí óc. Đấy là công việc rất lâu dài. Muốn hoàn thành công việc đó, phải thực hiện một bước tiến khổng lồ trong sự phát triển lực lượng sản xuất, phải chiến thắng sự phản kháng (thường là tiêu cực, đặc biệt dai dẳng và đặc biệt khó khắc phục) của nhiều tàn dư của sản xuất nhỏ, phải chiến thắng sức mạnh to lớn của tập quán và thói thủ cựu gắn liền với những tàn dư đó.

Cho rằng hết thảy mọi "người lao động" đều có khả năng như nhau để làm việc ấy, nói như thế là hoàn toàn vô nghĩa, hoặc là một ảo tưởng của người xã hội chủ nghĩa cổ hủ của thời đại trước Mác. Vì khả năng ấy không thể bỗng dưng mà có được; nó xuất hiện trong lịch sử và *chỉ* xuất hiện từ những điều kiện vật chất của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa mà thôi. Ở đầu con đường tiến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội thì *chỉ* có giai cấp vô sản mới có khả năng đó thôi. Nó có khả năng hoàn thành nhiệm vụ hết sức lớn lao mà nó phải gánh vác, trước hết vì nó là giai cấp mạnh nhất và tiên tiến nhất trong các xã hội văn minh; hai là vì nó chiếm đa số trong dân cư các nước phát triển nhất; ba là vì trong các nước tư bản lạc hậu, như nước Nga, thì đa số dân cư là những người nửa vô sản, nghĩa là những người luôn luôn phải sống cảnh vô sản trong một phần của năm, những người luôn luôn tìm sinh kế, một phần nào đó, bằng cách đi làm thuê trong các xí nghiệp tư bản".

Sáng kiến vĩ đại, tr.16-19.

"Muốn chiến thắng, muốn thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải hoàn thành hai nhiệm vụ nhưng chỉ là một: một là, dùng tinh thần anh dũng quên mình của bản thân trong cuộc đấu tranh cách mạng chống tư bản để lôi cuốn tất cả quần chúng lao động và bị bóc lột, lôi cuốn, tổ chức, lãnh đạo họ nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và hoàn toàn đè bẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó; hai là, làm cho hết thảy quần chúng lao

động và bị bóc lột, cùng với tất cả mọi tầng lớp tiểu tư sản, đi theo mình vào con đường kiến thiết kinh tế mới, vào con đường tạo ra những quan hệ xã hội mới, một kỷ luật lao động mới, một tổ chức lao động mới có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật tư bản với sự tập hợp đông đảo những người lao động tự giác, những người tạo ra nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ thứ hai này khó hơn nhiệm vụ thứ nhất, vì tuyệt nhiên không thể giải quyết được nhiệm vụ đó bằng một hành động anh hùng nhất thời; nhiệm vụ đó đòi hỏi phải có tinh thần dũng cảm lâu dài nhất, bền bỉ nhất, khó khăn nhất của công tác quần chúng *hàng ngày*. Nhưng nhiệm vụ đó lại quan trọng hơn nhiệm vụ thứ nhất vì, xét cho cùng, thì nguồn lực lượng to lớn nhất để chiến thắng giai cấp tư sản và cái bảo đảm duy nhất cho những thắng lợi đó được bền vững và không gì phá vỡ nổi, chỉ có thể là một phương thức sản xuất xã hội mới, cao hơn, chỉ có thể là việc đem sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thay thế cho sản xuất tư bản chủ nghĩa và tiểu tư sản".

Sáng kiến vĩ đại, tr.20-21.

"Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất cho thắng lợi của chế độ xã hội mới. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một năng suất lao động chưa từng thấy dưới chế độ nông nô. Chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại hẳn, và sẽ bị đánh bại hẳn, vì chủ nghĩa xã hội tạo ra một năng suất lao động mới, cao hơn nhiều. Đó là sự nghiệp rất khó khăn và rất lâu dài, nhưng *sự nghiệp đó đã bắt đầu,* và đấy là điều chủ yếu. [...]

Chủ nghĩa cộng sản có nghĩa là năng suất lao động cao hơn (so với năng suất dưới chế độ tư bản) của những công nhân tự nguyện tự giác, liên hợp với nhau, sử dụng kỹ thuật hiện đại. Những ngày thứ bảy cộng sản quý giá vô cùng, vì đó là bước đầu *thực sự* của *chủ nghĩa cộng sản,* và đấy lại là một việc cực kỳ hiếm có, vì chúng ta đang ở một giai đoạn mà chúng ta "mới chỉ bước *những bước đầu tiên* đến việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản" (như cương lĩnh của đảng ta đã nói rất đúng).

Chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ở nơi nào mà những *công nhân bình thường* tỏ ra quan tâm - với một tinh thần hy sinh quên mình, không ngại công việc nặng nhọc - đến việc nâng cao năng suất lao động, giữ gìn *từng pút lúa mì, than đá, sắt* và các sản phẩm khác là những thứ không vào tay bản thân những người lao động, không vào tay những "bà con thân thuộc" của họ, mà vào tay "bà con xa" của họ, tức là vào tay toàn thể xã hội, vào tay hàng chục và hàng trăm triệu người trước hết liên hợp thành một nước xã hội chủ nghĩa duy nhất, và sau đó thành Liên bang cộng hòa xô-viết".

Sáng kiến vĩ đại, tr.25-26.

"Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu".

Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản, tr.309-310.

"Những hình thức cơ bản ấy của nền kinh tế xã hội là: chủ nghĩa tư bản, tiểu sản xuất hàng hóa, chủ nghĩa cộng sản. Những lực lượng cơ bản ấy là: giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản (nhất là nông dân), giai cấp vô sản.

Nền kinh tế của nước Nga, ở thời đại chuyên chính vô sản, chính là cuộc đấu tranh của những bước đầu của lao động liên hợp theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa - trong phạm vi một quốc gia rộng lớn - chống lại nền tiểu sản xuất hàng hóa và chống lại chủ nghĩa tư bản đang còn được duy trì cũng như đang được phục hồi trên cơ sở nền tiểu sản xuất.

Lao động ở Nga được liên hợp theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa, do chỗ, một là quyền tư hữu tư liệu sản xuất đã bị thủ tiêu,

và hai là chính quyền của nhà nước vô sản tổ chức được, trong phạm vi toàn quốc, nền đại sản xuất trên những ruộng đất của nhà nước và trong những xí nghiệp thuộc về nhà nước phân phối được nhân công cho các ngành kinh tế và cho các xí nghiệp, phân phối được cho những người lao động cái khối lượng rất lớn những sản phẩm tiêu dùng thuộc về nhà nước.

Chúng ta nói đến "những bước đầu" của chủ nghĩa cộng sản ở Nga (như trong cương lĩnh của đảng ta được thông qua hồi tháng Ba 1919 cũng đã nói), vì tất cả những điều kiện ấy, ở nước ta, chỉ mới thực hiện được có một phần, hay nói một cách khác: sự thực hiện những điều kiện ấy chỉ mới ở giai đoạn đầu. Cái gì, nói chung, có thể hoàn thành ngay lập tức thì đã làm ngay lập tức bằng chỉ một hành động cách mạng, thí dụ: ngay ngày đầu tiên của chuyên chính vô sản, ngày 26 tháng Mười 1917 (tức là ngày 8 tháng Mười một 1917 lịch mới), quyền tư hữu ruộng đất đã được thủ tiêu, không bồi thường gì cho bọn chiếm hữu nhiều ruộng đất cả; những tên địa chủ đã bị tịch thu tài sản. Trong vòng mấy tháng, hầu hết bọn tư bản lớn, bọn chủ xưởng, chủ nhà máy, chủ xí nghiệp cổ phần, chủ ngân hàng, chủ đường sắt v.v. đã bị tịch thu, cũng không bồi thường gì cả. Việc nhà nước tổ chức nền đại sản xuất công nghiệp, việc chuyển từ hình thức "công nhân kiểm soát" sang "công nhân quản lý" những công xưởng, những nhà máy, những đường sắt, cả hai việc đó đều đã được thực hiện trên những nét cơ bản và chủ yếu nhất. Nhưng về phần nông nghiệp, thì công việc đó chỉ mới bắt đầu ("nông trường quốc doanh", tức là những nông trường lớn, do nhà nước công nhân tổ chức trên phần ruộng đất thuộc về nhà nước). Việc tổ chức các hình thức hợp tác của tiểu nông, coi như những hình thức quá độ từ tiểu nông nghiệp hàng hóa tiến lên nông nghiệp cộng sản chủ nghĩa thì cũng thế, chỉ vừa mới bắt đầu. Cả đến việc nhà nước tổ chức phân phối sản phẩm để thay cho thương nghiệp tư nhân, nghĩa là việc nhà nước thu mua và cung cấp lúa mì cho thành thị, sản phẩm công nghiệp cho nông thôn, thì cũng phải nói như trên kia, là chỉ mới bắt đầu. [...]

Nền kinh tế nông dân hiện vẫn còn là một nền tiểu sản xuất hàng hóa. Đó là một cơ sở vô cùng rộng lớn của chủ nghĩa tư bản, một cơ sở có những cỗi rễ rất sâu và rất chắc. Chính trên cơ sở ấy mà chủ nghĩa tư bản được duy trì và phục hồi lại trong cuộc đấu tranh ác liệt nhất chống chủ nghĩa cộng sản. Những hình thức của cuộc đấu tranh ấy là: buôn lậu và đầu cơ chống lại việc nhà nước thu mua lúa mì (cũng như những sản phẩm khác), nói chung, chống lại việc nhà nước phân phối sản phẩm".

Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản, tr.310-312.

"Chủ nghĩa xã hội là sự xóa bỏ giai cấp.

Muốn xóa bỏ giai cấp, trước hết cần phải đánh đổ bọn địa chủ và bọn tư bản. Phần nhiệm vụ đó, chúng ta đã hoàn thành rồi, nhưng đấy mới chỉ là một phần, và hơn nữa cũng *không phải* là phần khó nhất. Muốn xóa bỏ giai cấp, hai là, cần phải xóa bỏ sự khác nhau giữa công nhân và nông dân, làm cho *tất cả mọi người* đều trở thành *những người lao động.* Việc đó, không thể làm một lần mà xong ngay được. Đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn hơn và tất nhiên là một nhiệm vụ lâu dài. Người ta không thể giải quyết nhiệm vụ đó bằng cách đánh đổ một giai cấp nào đó. Người ta chỉ có thể giải quyết nhiệm vụ đó bằng cách cải tạo lại toàn bộ nền kinh tế xã hội, bằng cách chuyển từ nền kinh tế hàng hóa nhỏ, cá nhân, riêng lẻ, sang nền kinh tế tập thể lớn. Bước quá độ này tất nhiên là rất dài. Dùng những biện pháp lập pháp hay hành chính hấp tấp và không thận trọng, thì chỉ làm cho bước quá độ đó kéo dài thêm và chỉ thêm khó khăn cho nó mà thôi. Chỉ có giúp đỡ làm cho nông dân có khả năng, trên những quy mô to lớn, cải tiến được toàn bộ kỹ thuật canh tác và cải tạo được triệt để nền kỹ thuật ấy, người ta mới có thể thúc đẩy giai đoạn quá độ này tiến nhanh lên được.

Muốn giải quyết phần thứ hai của nhiệm vụ, phần khó khăn nhất, thì giai cấp vô sản, sau khi đã đánh bại giai cấp tư sản, phải luôn luôn theo đúng đường lối cơ bản sau đây trong chính sách đối với giai cấp nông dân: giai cấp vô sản phải phân biệt và phân định

rõ ranh giới giữa người nông dân lao động với người nông dân tư hữu, - giữa người nông dân lao động với người nông dân con buôn, - giữa người nông dân cần lao với người nông dân đầu cơ.

Tất cả thực chất của chủ nghĩa xã hội nằm trong sự phân định ranh giới đó.

[...] Sự phân định ranh giới nói trên là một việc khó khăn vì trong đời sống thực tế, những đặc tính của "nông dân" dù khác nhau đến đâu, dù trái ngược nhau đến đâu chăng nữa, cũng vẫn hòa lẫn cả vào nhau thành một chỉnh thể. Tuy nhiên, việc phân định ấy vẫn có thể thực hiện được và không những có thể thực hiện được, mà còn là điều mà những điều kiện của nền kinh tế nông dân và của đời sống nông dân tất nhiên sẽ dẫn đến. Hàng bao thế kỷ, người nông dân lao động sống dưới sự áp bức của bọn địa chủ, bọn tư bản, bọn con buôn, bọn đầu cơ và nhà nước *của bọn chúng,* kể cả những nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất. Hàng bao thế kỷ người nông dân lao động đã nuôi dưỡng cho mình chí căm thù và lòng oán ghét đối với những kẻ áp bức bóc lột đó; và "sự nuôi dưỡng" do đời sống thực tế đem lại ấy *buộc* nông dân phải tìm cách liên minh với công nhân chống lại bọn tư bản, bọn đầu cơ, bọn con buôn. Nhưng đồng thời hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh của nền kinh tế hàng hóa, cũng không tránh khỏi làm cho người nông dân trở thành con buôn và kẻ đầu cơ (không phải bao giờ cũng thế, nhưng trong đại đa số trường hợp thì như thế)".

Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản, tr.315-317.

"Chủ nghĩa xã hội là sự xóa bỏ giai cấp. Chuyên chính vô sản đã làm tất cả những điều có thể làm được để thực hiện công cuộc xóa bỏ ấy. Nhưng không thể nào ngay một lúc mà xóa bỏ được giai cấp.

Và các giai cấp *vẫn tồn tại* và *sẽ tồn tại* trong suốt thời đại chuyên chính vô sản. Chuyên chính sẽ trở nên vô ích, khi các giai cấp không còn nữa. Các giai cấp sẽ không biến mất, nếu không có chuyên chính vô sản.

Trong thời đại chuyên chính vô sản, các giai cấp vẫn tồn tại, nhưng bộ mặt của *mỗi một* giai cấp đều có thay đổi; quan hệ qua

lại giữa các giai cấp cũng biến đổi. Cuộc đấu tranh giai cấp chưa chấm dứt dưới thời chuyên chính vô sản, nó chỉ diễn biến ra dưới những hình thức khác mà thôi.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản là một giai cấp bị áp bức, một giai cấp bị tước đoạt mất mọi quyền sở hữu tư liệu sản xuất, là giai cấp duy nhất trực tiếp và hoàn toàn đối lập với giai cấp tư sản và, do đó, là giai cấp duy nhất có khả năng làm cách mạng đến cùng. Sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản và giành được chính quyền, giai cấp vô sản đã trở thành giai cấp *thống trị:* nó nắm chính quyền nhà nước, nó sử dụng những tư liệu sản xuất đã được xã hội hóa, nó lãnh đạo các phần tử và các giai cấp dao động, trung gian, nó trấn áp sức phản kháng ngày càng tăng của bọn bóc lột. Tất cả những cái đó là những nhiệm vụ *đặc biệt* của cuộc đấu tranh giai cấp, những nhiệm vụ mà trước kia giai cấp vô sản không đề ra và không thể nào đề ra được.

Giai cấp của bọn bóc lột, tức là giai cấp của bọn địa chủ và tư bản, đã không biến mất và không thể nào biến mất ngay lập tức dưới thời chuyên chính vô sản. Bọn bóc lột đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt. Chúng vẫn còn có một cơ sở quốc tế, tức là bọn tư bản quốc tế, mà chúng là một chi nhánh. Chúng vẫn còn có một phần tư liệu sản xuất, vẫn còn có tiền, vẫn còn có những mối liên hệ xã hội rất rộng rãi. Chính vì chúng đã thất bại, nên sức phản kháng của chúng càng tăng lên, gấp trăm, gấp nghìn lần. "Nghệ thuật" quản lý nhà nước, quân đội, kinh tế tạo cho chúng một ưu thế rất và rất lớn, khiến cho tác dụng của chúng vô cùng to lớn hơn là số lượng của chúng trong toàn thể dân số. Cuộc đấu tranh giai cấp của bọn bóc lột đã bị lật đổ chống đội tiền phong đã chiến thắng của những người bị bóc lột, nghĩa là chống giai cấp vô sản, đã trở nên vô cùng ác liệt hơn. Và sẽ không thể nào khác thế được, nếu ta nói đến cách mạng, nếu ta không đem những ảo tưởng cải lương ra để thay thế khái niệm cách mạng đó (như tất cả những tay hảo hán trong Quốc tế II vẫn thường làm).

Sau hết, *ngay cả* dưới chế độ chuyên chính vô sản, nông dân, cũng như mọi giai cấp tiểu tư sản nói chung, vẫn giữ một địa vị

đứng giữa, một địa vị trung gian: một mặt, họ là một số quần chúng lao động khá đông đảo (vô cùng đông đảo trong nước Nga chậm tiến) đoàn kết với nhau vì lợi ích chung của những người lao động là giải thoát khỏi bọn địa chủ và tư bản; một mặt khác, họ là những tiểu chủ riêng lẻ, tiểu tư hữu và tiểu thương. Địa vị kinh tế như thế tất nhiên sẽ làm cho họ dao động, ngả nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai giai cấp vô sản và tư sản ấy, trong thời kỳ mà tất cả những quan hệ xã hội đã bị phá hoại một cách cực kỳ nhanh chóng, trong tình trạng mà chính những người nông dân và những người tiểu tư sản, nói chung, vẫn còn có thói quen hết sức sâu sắc đối với những cái gì đã lâu đời, cố cựu, bất di bất dịch, - thì tự nhiên là chúng ta tất phải thấy trong số những người đó, có những kẻ nhảy từ bên này sang bên kia, những kẻ dao động, đổi chiều chuyển hướng, lưỡng lự v.v..

Đối với giai cấp ấy - hay là đối với những thành phần xã hội ấy - nhiệm vụ của giai cấp vô sản là lãnh đạo họ, là đấu tranh để gây ảnh hưởng đối với họ. Lôi cuốn những kẻ do dự, những kẻ bấp bênh, đó là điều giai cấp vô sản phải làm".

Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản, tr.318-320.

TẬP 41

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"7. Chỉ khi nào chính quyền nhà nước vô sản tổ chức lại được toàn bộ nền công nghiệp trên cơ sở nền đại sản xuất tập thể và kỹ thuật hiện đại nhất (dựa trên việc điện khí hóa toàn bộ nền kinh tế), sau khi đã hoàn toàn đập tan mọi sự phản kháng của bọn bóc lột và đảm bảo cho chính quyền nhà nước vô sản được ổn định hoàn toàn, chính quyền nhà nước vô sản hoàn toàn nắm quyền chi phối thì khi đó mới có thể coi là chủ nghĩa xã hội đã chiến thắng được chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đã được củng cố. Chỉ có điều đó mới làm cho thành thị có thể đem lại một sự giúp đỡ quyết định về kỹ thuật và xã hội cho nông thôn lạc hậu và phân tán, nhằm tạo nên cơ sở vật chất cho việc tăng năng suất một cách mạnh mẽ trong canh tác và trong hoạt động nông nghiệp nói chung, và do đó nêu gương cho tiểu nông, khuyến khích họ chuyển sang lề lối canh tác đại quy mô tập thể hóa và cơ khí hóa, vì lợi ích của bản thân mình".

Những luận cương để trình bày tại Đại hội II Quốc tế cộng sản, tr.218-219.

"Chừng nào quyền tư hữu về tư liệu sản xuất (chẳng hạn như nông cụ và gia súc, ngay cả khi chế độ tư hữu ruộng đất đã bị xóa bỏ) và quyền tự do buôn bán còn tồn tại, thì cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại. Và chuyên chính vô sản là biện pháp duy nhất để đấu tranh thắng lợi chống cơ sở đó, là con đường duy nhất tiến tới xóa bỏ các giai cấp (nếu không thì cũng không thể nói đến cả tự do thực sự cho cá nhân con người - *chứ không phải là cho kẻ tư hữu* - lẫn bình đẳng thực sự, về mặt xã hội và chính trị, giữa

người với người, *chứ không phải là một thứ bình đẳng giả dối giữa kẻ tư hữu với người không có của gì cả,* giữa kẻ no với người đói, giữa kẻ đi bóc lột với người bị bóc lột). Chuyên chính vô sản dẫn đến xóa bỏ các giai cấp, chuyên chính vô sản dẫn đến đó, một mặt bằng cách lật đổ bọn bóc lột và đè bẹp sự phản kháng của chúng; mặt khác, bằng cách trung lập hóa người tiểu chủ ngả nghiêng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, bằng cách làm cho họ không thể gây tai hại gì được".

Bàn về cuộc đấu tranh trong Đảng xã hội chủ nghĩa Ý, tr.506-507.

TẬP 42

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Loại tô nhượng thứ hai: chúng ta cho thuê vài triệu đê-xi-a-tin rừng trong tỉnh Ác-khan-ghen-xcơ, một nơi mà mặc dù chúng ta đã hết sức cố gắng nhưng vẫn không thể khai thác được. Chúng ta sắp đặt theo kiểu một bàn cờ, làm sao cho bên cạnh những khu vực cho thuê, có những khu vực của chúng ta là những khu vực mà chúng ta có thể khai thác và ở đó công nhân chúng ta sẽ có thể học tập được kỹ thuật của họ. Tất cả những cái đó rất có lợi cho chúng ta.

Bây giờ tôi bàn đến mặt cuối cùng của vấn đề.

Tô nhượng không phải là hòa bình, mà vẫn là chiến tranh, nhưng dưới một hình thức khác, có lợi hơn cho chúng ta. Trước kia, chiến tranh được tiến hành bằng xe tăng, đại bác, v.v., là những thứ cản trở không cho chúng ta làm việc; ngày nay, chiến tranh sẽ được tiến hành trên mặt trận kinh tế. Có thể, họ sẽ tìm cách khôi phục tự do buôn bán, nhưng họ sẽ không thể bỏ qua chúng ta được. Sau nữa, họ buộc phải phục tùng tất cả mọi luật pháp của chúng ta; công nhân chúng ta sẽ có thể học tập họ, và trong trường hợp xảy ra chiến tranh - mà chúng ta luôn luôn phải đề phòng có chiến tranh với giai cấp tư sản - tất cả tài sản của họ sẽ thuộc về chúng ta theo luật chiến tranh. Tôi nhắc lại: tô nhượng tức là tiếp tục chiến tranh trên lĩnh vực kinh tế, nhưng ở đây chúng ta không làm cho lực lượng sản xuất của chúng ta bị phá hoại, mà lại làm cho lực lượng đó phát triển lên. Không còn nghi ngờ rằng họ sẽ tìm cách lừa gạt chúng ta và trốn tránh luật pháp chúng ta, nhưng để đối phó với điều đó, chúng ta có những cơ quan thích ứng: Ủy ban

đặc biệt toàn Nga, Ủy ban đặc biệt Mát-xcơ-va, những ủy ban đặc biệt tỉnh, v.v., và chúng ta tin chắc rằng chúng ta sẽ thắng".

Diễn văn tại Hội nghị các bí thư chi bộ thuộc Đảng bộ Mát-xcơ-va Đảng Cộng sản (b) Nga ngày 26 tháng Mười một 1920, tr.53-54.

"Và bây giờ, xin nói đến một vài lý do về mặt kinh tế thuần túy. Bây giờ tôi chuyển sang những lý do kinh tế và tôi sẽ đọc để các đồng chí nghe một số điều khoản của đạo luật ngày 23 tháng Mười một, mặc dầu tôi tin là các đồng chí có mặt ở đây đều biết đạo luật đó rồi. Tôi xin nhắc lại vắn tắt đạo luật đó; nó quy định: người nhận tô nhượng sẽ được trả một phần sản phẩm, và trong trường hợp có những cải tiến kỹ thuật đặc biệt, chúng ta sẵn sàng dành cho họ những đặc quyền về buôn bán; kỳ hạn của các tô nhượng dài hay ngắn là do khối lượng và tính chất của các món chi tiêu quyết định. Chúng ta đảm bảo rằng tài sản đầu tư vào xí nghiệp sẽ không bị tịch thu hay trưng thu.

Nếu không thế, tư bản tư nhân và người tư hữu tất nhiên sẽ không thể nào giao dịch với chúng ta được. Ở đây, còn thiếu vấn đề các toà án là vấn đề mà lúc đầu ta có đề cập đến trong dự án hiệp ước đó. Sau đó, chúng ta nhận thấy rằng như thế là bất lợi cho chúng ta. Như vậy, quyền xét trên lãnh thổ của chúng ta vẫn ở trong tay chúng ta. Trong trường hợp có tranh chấp, thì các quan tòa của chúng ta sẽ quyết định. Đó sẽ không phải là trưng thu mà là việc thi hành những quyền chính đáng do cơ quan tư pháp của chúng ta quy định.

Điểm thứ năm nói về luật lao động. Theo dự án đầu tiên của hiệp ước, sau khi đã thỏa thuận với Van-đớc-líp, người ta dự định không áp dụng luật lao động trong những vùng có những bộ lạc chậm tiến, chúng ta không biết là những bộ lạc nào. Ở những vùng đó, không thể thực hiện được luật lao động. Phương pháp bổ cứu là đạo luật lao động sẽ được thay thế bằng một hiệp ước đặc biệt về những khoản bảo đảm cho công nhân.

Điểm cuối cùng là điểm mà chúng ta bảo đảm với người được tô nhượng rằng một sự sửa đổi đơn phương sẽ không được thừa nhận. Thiếu điểm đó, tất nhiên không thể tô nhượng được. Còn hiểu thế nào là sự sửa đổi đơn phương thì đó là vấn đề chưa giải quyết. Điều này còn tùy ở văn bản của hiệp ước liên quan đến từng tô nhượng. Có thể nhờ một số nước trung lập nào đấy đứng làm trọng tài. Đó là điểm có thể gây ra sự bất đồng ý kiến và có thể tạo ra một phạm vi tự do nào đó trong việc quy định chính ngay những điều kiện tô nhượng".

Đại hội VIII các Xô-viết toàn Nga, tr.131-132.

"Sở dĩ chúng ta muốn trao đổi hàng hóa với nước ngoài, và đó chính là điều mong muốn của chúng ta, là vì chúng ta hiểu như thế là cần thiết, vì lợi ích căn bản của chúng ta là làm sao có thể nhận được thật nhanh chóng, của những nước tư bản chủ nghĩa, các tư liệu sản xuất (đầu máy xe lửa, máy móc, máy điện), không có những thứ ấy, chúng ta không thể khôi phục được nền công nghiệp của chúng ta một cách tương đối vững vàng, và thậm chí có khi chúng ta lại hoàn toàn không thể khôi phục được công nghiệp nữa là khác, vì thiếu phương tiện để cung cấp các máy móc cần thiết cho các công xưởng của chúng ta. Cần phải đem những tiền lãi cao để cám dỗ chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản sẽ thu được một món siêu lợi nhuận, — mặc kệ cái món siêu lợi nhuận ấy, — chúng ta sẽ có được cái chủ yếu, nhờ đó mà chúng ta sẽ mạnh lên, chúng ta sẽ hoàn toàn đứng vững và chúng ta sẽ chiến thắng chủ nghĩa tư bản về phương diện kinh tế".

Đại hội VIII các Xô-viết toàn Nga, tr.134.

"Bọn tư bản đến nước chúng ta để tiến hành một cuộc chiến tranh mới; ngay cả sự tồn tại của bọn tư bản cũng đã là một cuộc chiến tranh chống lại thế giới xã hội chủ nghĩa ở xung quanh. Những xí nghiệp kinh tế tư bản chủ nghĩa trong nước xã hội chủ nghĩa, chính là một cuộc chiến tranh vì tự do buôn bán, chống lại

chính sách trưng thu lương thực thừa, một cuộc chiến tranh vì chế độ tư hữu, chống lại cái chế độ cộng hòa đã thủ tiêu chế độ tư hữu đó. Trên cơ sở kinh tế ấy, những quan hệ rất khác nhau được phát triển (chẳng hạn như cuộc đấu tranh giữa "Xu-kha-rép-ca" và các thiết chế của chúng ta). [...] Nhưng, thưa các đồng chí, những tô nhượng đó cùng với các cơ sở tư bản chủ nghĩa, chính là chiến tranh đấy. Chừng nào chúng ta chưa lật đổ được tư bản trong các nước khác, chừng nào tư bản còn rất mạnh hơn chúng ta, thì bất cứ lúc nào nó cũng sẽ có thể tung các lực lượng của nó chống lại chúng ta, nó sẽ có thể gây chiến tranh với chúng ta. Cho nên, chúng ta cần phải mạnh hơn, và muốn vậy, phải phát triển đại công nghiệp, khôi phục ngành vận tải. Trong khi chúng ta thực hiện điều đó, thì có những sự nguy hiểm, lại có chiến tranh, lại có đấu tranh, và nếu chúng cố phá hoại chính sách của chúng ta, chúng ta sẽ chiến đấu chống lại chúng. Cho rằng hòa ước về tô nhượng là một hiệp ước hòa bình ký với bọn tư bản, thì sẽ phạm một điều sai lầm nghiêm trọng. Đó là một hiệp ước chiến tranh, nhưng đối với chúng ta, nó không nguy hiểm mấy; đối với công nhân và nông dân, nó không tai hại mấy; nó không tai hại như trong thời kỳ chúng tung những xe tăng và đại bác tốt nhất để chống chúng ta. Vì thế nên chúng ta phải dùng mọi biện pháp để phát triển các lực lượng kinh tế của chúng ta, bằng cách là nhượng bộ về kinh tế, để xúc tiến việc khôi phục nền kinh tế của chúng ta. Tất nhiên là bọn tư bản sẽ không tôn trọng các hiệp ước, - các đồng chí sợ tô nhượng nói với chúng ta như vậy. Tuyệt đối chúng ta không thể nuôi hy vọng là bọn tư bản sẽ tôn trọng các hiệp ước. Đó sẽ là cuộc chiến tranh, và cái lý do cuối cùng, mà nói chung vẫn là cái lý do có liên quan đến nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa, đó là chiến tranh".

Đại hội VIII các Xô-viết toàn Nga, tr.138-140.

"Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế, tôi đã nhắc lại như vậy trong bài nói chuyện của tôi, tôi vì đã được nghe thấy người ta trách móc tôi là đã đứng "về mặt chính trị" để nhìn vấn

đề, lời trách đó thật là hoàn toàn vô nghĩa, và một người mác-xít mà nói như thế thì không thể tha thứ được. Chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế. Lập luận một cách khác đi, tức là quên mất những điều sơ đẳng của chủ nghĩa Mác".

Lại bàn về công đoàn, về tình hình trước mắt và về những sai lầm của các đồng chí Tơ-rốt-xki và Bu-kha-rin, tr.349.

TẬP 43

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)

"Rồi đến những vấn đề kinh tế. Khẩu hiệu tự do buôn bán do thế lực tự phát tiểu tư sản đề ra chứng minh điều gì? Nó chứng tỏ rằng trong những quan hệ giữa giai cấp vô sản và những người tiểu nông có những vấn đề khó khăn, có những nhiệm vụ mà chúng ta chưa giải quyết được. Tôi đang nói về những quan hệ giữa giai cấp vô sản chiến thắng với tiểu chủ trong trường hợp cách mạng vô sản xảy ra ở một nước mà giai cấp vô sản là thiểu số và đa số là tầng lớp tiểu tư sản. Vai trò của giai cấp vô sản ở nước ấy là lãnh đạo những tiểu chủ đó chuyển sang lao động xã hội, tập thể, cộng đồng. Về mặt lý luận, điều đó là hiển nhiên. Bước quá độ đó, chúng ta cũng có nói tới trong cả một loạt những pháp lệnh, nhưng chúng ta biết rằng vấn đề không phải là ở pháp lệnh mà là ở việc chấp hành thực tế, và chúng ta biết rằng có thể bảo đảm tiến hành bước quá độ ấy, khi chúng ta có nền công nghiệp hùng mạnh, có khả năng mang lại cho người sản xuất nhỏ những lợi ích khiến cho họ có thể thực tế thấy được tính ưu việt của nền kinh tế lớn.

Về mặt lý luận, những người mác-xít và tất cả những người xã hội chủ nghĩa suy nghĩ về cuộc cách mạng xã hội và những nhiệm vụ của nó đều luôn luôn đặt vấn đề như vậy. Mà ở nước ta, đặc điểm đầu tiên — chính là đặc điểm mà tôi vừa nói tới và là đặc điểm hoàn toàn riêng của nước Nga — là ở chỗ giai cấp vô sản của chúng ta không những là thiểu số mà còn là một thiểu số không đáng kể so với một đa số rất lớn là nông dân. Còn những điều kiện trong đó chúng ta đã phải bảo vệ cách mạng thì đã làm cho việc giải quyết các nhiệm vụ của chúng ta trở nên khó khăn chưa từng thấy. Chúng

ta đã không thể chỉ ra trên thực tế cho mọi người thấy tính ưu việt của nền sản xuất lớn, vì nền sản xuất lớn đó đã bị tàn phá, vì bản thân nó phải sống một cách thảm hại nhất, và chỉ có cách là những tiểu nông đó phải hy sinh, thì mới khôi phục được nền sản xuất lớn đó. Cần phải nâng cao nền công nghiệp, và muốn thế thì phải có nhiên liệu; muốn có nhiên liệu thì phải trông vào củi, mà trông vào củi, nghĩa là phải trông vào nông dân và ngựa của họ. Trong điều kiện khủng hoảng, thiếu thức ăn cho gia súc và nạn chết súc vật, nông dân phải cho Chính quyền xô-viết vay, vì lợi ích của nền công nghiệp lớn mà tạm thời chưa cung cấp cho họ được gì cả. Đấy là tình hình kinh tế đang gây ra những khó khăn to lớn, đấy là tình hình kinh tế đang buộc chúng ta phải nghiên cứu theo một quan điểm sâu hơn nữa những điều kiện của bước quá độ từ chiến tranh sang hòa bình. [...] Khi chúng ta tập trung mọi cố gắng vào việc khôi phục kinh tế, chúng ta phải biết rằng trước mặt chúng ta là người tiểu nông, người tiểu chủ, người sản xuất nhỏ đang sản xuất cho sự lưu thông hàng hóa cho tới khi nền sản xuất lớn thắng lợi hoàn toàn và được khôi phục hoàn toàn. Nhưng việc khôi phục này không thể thực hiện được trên cơ sở cũ: đây là công việc phải làm trong nhiều năm, ít ra là trong hàng chục năm, và trong tình trạng bị tàn phá của chúng ta hiện nay, thì có thể lâu hơn. Từ nay đến đó, chúng ta còn phải quan hệ với những người sản xuất nhỏ đó trong nhiều năm nữa, và do đó khẩu hiệu tự do buôn bán vẫn là không thể tránh khỏi".

Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.30-32.

"Bây giờ, khi chuyển từ những vấn đề thời chiến sang những vấn đề thời bình, chúng ta bắt đầu xem xét thuế lương thực một cách khác đi: chúng ta xét vấn đề đó, không những trên quan điểm bảo đảm cho nhà nước, mà còn trên quan điểm bảo đảm cho nền kinh tế tiểu nông. Chúng ta phải hiểu những hình thức biểu hiện về mặt kinh tế sự bất mãn của những thế lực tự phát của tiểu nông đối với giai cấp vô sản, những hình thức đó đang biểu lộ ra và càng ngày càng trở nên sâu sắc hơn trong cuộc khủng hoảng hiện

nay. Về phương diện này, chúng ta phải cố gắng đến mức độ tối đa. Đó là điều quan trọng nhất đối với chúng ta. Cho nông dân được tự do tới một mức nào đó trong lưu thông địa phương, thay chế độ trưng thu bằng thuế lương thực để cho người tiểu chủ có thể tính toán về sự sản xuất của mình tốt hơn, và căn cứ vào chế độ thuế mà định được quy mô sản xuất của mình. Dĩ nhiên là chúng ta biết rằng trong hoàn cảnh hiện nay của chúng ta, đó là một việc rất khó thực hiện. [...] Nhưng, đồng thời, chúng ta đề ra cho mình nhiệm vụ là nhượng bộ đến mức tối đa để cho người sản xuất nhỏ có được những điều kiện tối ưu để có thể phát huy mọi lực lượng của mình. Cho đến nay, chúng ta vẫn thích ứng với những nhiệm vụ thời chiến. Bây giờ chúng ta cần phải thích ứng với điều kiện thời bình. Đó là nhiệm vụ đề ra cho Ban chấp hành trung ương đảng — nhiệm vụ chuyển sang thuế lương thực trong điều kiện có chính quyền vô sản; và nhiệm vụ đó gắn liền chặt chẽ với các tô nhượng".

Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.33-34.

"5
BÁO CÁO VỀ VIỆC THAY CHẾ ĐỘ TRƯNG THU LƯƠNG THỰC THỪA BẰNG THUẾ LƯƠNG THỰC NGÀY 15 THÁNG BA

Các đồng chí, vấn đề thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, trước hết và hơn hết là một vấn đề chính trị, vì thực chất của vấn đề ấy chính là vấn đề thái độ của giai cấp công nhân đối với nông dân. Đặt vấn đề đó ra có nghĩa là chúng ta phải xem xét theo cách mới, tôi có thể nói là phải xem xét thêm một cách thận trọng và đúng đắn hơn, và, trong một chừng mực nào đó, xét lại những quan hệ giữa hai giai cấp chủ yếu ấy, mà sự đấu tranh hay sự liên minh giữa hai giai cấp ấy sẽ quyết định số phận của toàn bộ cuộc cách mạng của chúng ta. Tôi không cần phải trình bày tỉ mỉ những nguyên nhân tại sao chúng ta phải xét lại như thế. Chắc chắn là tất cả các đồng chí đều biết rất rõ là sự

kiện nào (nhất là những sự kiện xảy ra vì nạn cùng khổ đến cùng cực do chiến tranh, sự tàn phá, việc phục viên quân đội và mùa màng cực kỳ xấu gây nên), những tình huống nào đã làm cho hoàn cảnh của nông dân trở nên đặc biệt khó khăn, đặc biệt gay go, và không thể không làm cho nông dân càng thêm xa rời giai cấp vô sản mà ngả về phía giai cấp tư sản.

Bây giờ, tôi xin nói một vài lời về ý nghĩa lý luận của vấn đề ấy hay là cách xem xét vấn đề ấy về mặt lý luận. Không nghi ngờ gì nữa, ở một nước trong đó những người sản xuất - tiểu nông chiếm tuyệt đại đa số dân cư, chỉ có thể thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng một loạt những biện pháp quá độ đặc biệt, hoàn toàn không cần thiết ở những nước tư bản phát triển trong đó công nhân làm thuê trong công nghiệp và nông nghiệp chiếm tuyệt đại đa số dân cư. Ở những nước tư bản phát triển, giai cấp công nhân nông nghiệp làm thuê đã hình thành từ hàng chục năm rồi. Chỉ có một giai cấp như vậy mới có thể là chỗ dựa về mặt xã hội, kinh tế và chính trị, cho sự chuyển trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ trong những nước mà giai cấp ấy đã phát triển đầy đủ, thì mới có thể chuyển trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà không cần đến những biện pháp quá độ đặc biệt có tính chất toàn quốc. Trong nhiều tác phẩm, trong tất cả những bài phát biểu của chúng ta, trên tất cả các báo chí, chúng ta đều nhấn mạnh rằng, tình hình ở Nga lại khác; ở Nga, công nhân công nghiệp là thiểu số, còn tiểu nông lại là tuyệt đại đa số. Trong một nước như vậy, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thắng lợi triệt để với hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là có sự ủng hộ kịp thời của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước hay một số nước tiên tiến. Như các đồng chí đều biết, chúng ta đã làm nhiều hơn trước để có được điều kiện ấy, song vẫn còn chưa đủ để cho điều kiện đó trở thành sự thật được.

Điều kiện nữa là sự thỏa thuận giữa giai cấp vô sản đang thực hiện sự chuyên chính của mình hoặc đang nắm chính quyền nhà nước với đại đa số nông dân. Thỏa thuận là một khái niệm rất

rộng, nó bao hàm cả một loạt biện pháp và bước quá độ. [...] Chúng ta phải căn cứ vào thế giới quan của chúng ta, vào kinh nghiệm cách mạng mấy chục năm nay của chúng ta, vào những bài học của cách mạng chúng ta mà đặt vấn đề thẳng ra rằng: lợi ích của hai giai cấp ấy không giống nhau, người tiểu nông không ưa những cái mà công nhân muốn.

Chúng ta biết rằng chừng nào cách mạng chưa nổ ra ở các nước khác, thì chỉ có thỏa thuận với nông dân mới có thể cứu vãn được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga. Trong mọi cuộc hội nghị, trên tất cả các báo chí, chúng ta đều phải nói thẳng ra như vậy. Chúng ta biết rằng sự thỏa thuận giữa công nhân và nông dân đó không vững chắc, — để diễn đạt một cách nhẹ nhàng mà không ghi cái từ "nhẹ nhàng" đó trong biên bản, — còn nếu nói thẳng ra, thì sự thỏa thuận ấy tệ hơn nhiều. Mặc dù thế nào chúng ta cũng không được kiếm cách che đậy bất cứ cái gì, mà cần nói thẳng ra rằng nông dân không hài lòng với hình thức quan hệ hiện có giữa họ với chúng ta, rằng nông dân không muốn có hình thức quan hệ ấy nữa và họ không muốn tiếp tục sống mãi như thế đâu. Đó là điều không thể chối cãi được. Ý muốn ấy của họ đã biểu lộ rõ ràng. Đó là ý muốn của đông đảo quần chúng lao động. Chúng ta phải chú ý đến ý muốn đó; và chúng ta là những người làm chính trị khá sáng suốt để có thể nói thẳng ra rằng: chúng ta hãy xét lại chính sách của chúng ta đối với nông dân. Không thể cứ tiếp tục duy trì mãi cái tình hình tồn tại từ trước đến nay.

Chúng ta phải nói với nông dân rằng: "Muốn lùi trở lại, muốn hoàn toàn khôi phục lại chế độ tư hữu và buôn bán tự do, thì có nghĩa là nhất định và không tránh khỏi lại bị chính quyền địa chủ và tư bản áp bức. Hàng loạt ví dụ lịch sử và ví dụ về cách mạng đã chứng minh điều đó. Một nghị luận nhỏ từ những điều thường thức về chủ nghĩa cộng sản, từ những điều thường thức về kinh tế chính trị học, cũng đủ chứng thực là điều đó không tránh khỏi. Chúng ta hãy thử phân tích xem. Nông dân mà tách khỏi giai cấp vô sản để lùi lại — và để cho nước nhà lùi lại — về phía chính quyền của địa

chủ và tư bản, như vậy thì đối với nông dân có lợi hay không? Các bạn cứ tính xem, và chúng ta hãy cùng nhau tính xem".

Và chúng tôi nghĩ rằng nếu tính toán cho đúng thì mặc dù giữa lợi ích kinh tế của giai cấp vô sản và lợi ích kinh tế của tiểu nông có sự khác nhau sâu xa mà ai cũng nhận thức được, kết quả của sự tính toán cũng sẽ chứng minh rằng chúng tôi đúng.

Dù chúng ta có gặp khó khăn như thế nào đi nữa về mặt dự trữ, thì nhiệm vụ thỏa mãn trung nông vẫn cần phải được giải quyết. Số nông dân trở thành trung nông đã đông hơn trước nhiều, mâu thuẫn đã dịu đi, ruộng đất đã được phân phối một cách công bằng hơn nhiều cho nông dân sử dụng [...].

Đối với người trung nông đó, người trung nông có những đặc điểm kinh tế và nguồn gốc kinh tế riêng của mình, liệu chúng ta có thể thỏa mãn được họ không? Nếu có người cộng sản mơ tưởng rằng trong vòng ba năm có thể cải tạo được cơ sở kinh tế và nguồn gốc kinh tế của nền tiểu nông, thì dĩ nhiên đó là một người không tưởng. Và trong chúng ta — không cần giấu giếm làm gì — đã có không ít những nhà không tưởng như vậy. Song điều ấy không có gì là xấu. Một nước như vậy mà bắt đầu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì làm sao lại không có những người không tưởng được? Dĩ nhiên, thực tiễn đã chứng tỏ rằng các thí nghiệm và sáng kiến về mặt kinh doanh nông nghiệp tập thể đã có thể có một tác dụng lớn lao như thế nào. Nhưng thực tiễn cũng chứng tỏ rằng, nếu người ta về nông thôn tổ chức công xã và nông trường tập thể với những ý định và nguyện vọng tốt đẹp nhất, mà không biết quản lý vì thiếu kinh nghiệm làm ăn tập thể, thì những cuộc thí nghiệm như thế cũng có tác dụng tiêu cực nữa. Kinh nghiệm của những tổ chức kinh doanh tập thể này chỉ mới nêu lên một thí dụ nói lên rằng không nên tổ chức kinh doanh như thế nào, vì nông dân vùng lân cận đang chế nhạo hoặc có thái độ thù địch với những tổ chức kinh doanh đó.

Các đồng chí thừa biết rằng có biết bao những ví dụ như vậy. Tôi xin nhắc lại rằng điều ấy không có gì là lạ, vì cải tạo người tiểu nông, cải tạo toàn bộ tâm lý và tập quán của họ là một công cuộc

phải làm nhiều thế hệ mới xong. Đối với người tiểu nông thì chỉ có cơ sở vật chất, kỹ thuật, những máy kéo và máy móc với quy mô lớn trong nông nghiệp, điện khí hóa trên quy mô lớn, mới có thể giải quyết được vấn đề đó, mới có thể làm cho toàn bộ tâm lý của họ, có thể nói trở nên lành mạnh được. Chính điều kiện đó có thể cải tạo triệt để và hết sức nhanh chóng người tiểu nông. Tôi nói là phải nhiều thế hệ, như thế không có nghĩa là phải mất nhiều thế kỷ. Các đồng chí đều biết rất rõ rằng muốn có máy kéo, máy móc và điện khí hóa một nước rộng lớn thì ít ra cũng phải mất hàng chục năm. Tình hình khách quan là như thế.

Chúng ta phải ra sức thỏa mãn yêu cầu của những nông dân chưa được thỏa mãn, chưa hài lòng, mà họ chưa hài lòng là đúng, và nhất định là không thể hài lòng được. [...] Nhưng chúng ta cần phải kiểm tra những yêu cầu ấy, chúng ta cần phải đứng trên quan điểm của khoa học kinh tế mà xét lại tất cả mọi điều chúng ta biết được về yêu cầu kinh tế của nông dân. Nghiên cứu kỹ vấn đề ấy, chúng ta sẽ tự trả lời được ngay rằng: về thực chất, có thể thỏa mãn tiểu nông bằng hai việc này: thứ nhất là, phải có sự tự do trao đổi nhất định, tức là tự do cho những người tư hữu nhỏ; thứ hai là, phải kiếm ra hàng hóa và lương thực. Nếu không có gì để mà trao đổi thì tự do trao đổi còn có nghĩa gì nữa! Nếu không có gì để buôn bán thì tự do buôn bán còn có nghĩa gì nữa! Tự do như thế chỉ là mảnh giấy lộn; không thể thỏa mãn các giai cấp bằng giấy lộn được, mà phải bằng những vật cụ thể. Hai điều kiện ấy, cần phải hiểu cho thật kỹ. Về điều kiện thứ hai, tức là về vấn đề chúng ta làm thế nào để kiếm ra hàng hóa và liệu chúng ta có thể kiếm ra hàng hóa được không, sau đây chúng ta sẽ bàn tới. Trước hết chúng ta phải bàn về điều kiện thứ nhất, — về vấn đề tự do trao đổi.

Tự do trao đổi là gì? Là tự do buôn bán, mà tự do buôn bán tức là lùi lại chủ nghĩa tư bản. Tự do trao đổi và tự do buôn bán là việc trao đổi hàng hóa giữa những người sở hữu nhỏ. Tất cả những ai trong số chúng ta đã học qua những điều thường thức về chủ nghĩa Mác, đều biết rằng cái thứ trao đổi ấy và cái thứ tự do buôn bán ấy

không thể không dẫn đến chỗ phân hóa những người sản xuất hàng hóa ra thành kẻ sở hữu tư bản và người sở hữu sức lao động, tức là thành nhà tư bản và người công nhân làm thuê, nghĩa là sự khôi phục lại chế độ nô lệ làm thuê tư bản chủ nghĩa, là chế độ không phải bỗng dưng từ trên trời rơi xuống, mà trên khắp thế giới, chế độ ấy chính là đã ra đời từ trong nền kinh tế hàng hóa nông nghiệp. Điều này, về mặt lý luận thì chúng ta biết rất rõ; hơn nữa ở Nga, ai là người xem xét kỹ đời sống và điều kiện kinh tế của người tiểu nông, đều không thể không nhận thấy như thế.

Một câu hỏi được đặt ra: vậy thì thế nào, liệu đảng cộng sản có thể thừa nhận và áp dụng tự do buôn bán được không? Ở đây, có hay không có những mâu thuẫn không thể điều hòa? Về câu hỏi này cần phải trả lời rằng, dĩ nhiên, giải quyết vấn đề ấy trong thực tiễn là một việc hết sức khó. [...] Về lý luận, thì có thể làm như vậy được không, có thể để cho tiểu nông khôi phục lại tự do buôn bán và tự do phát triển chủ nghĩa tư bản đến một mức nhất định mà nền móng của chính quyền vô sản lại không bị phá hoại được không? Liệu có thể làm như thế được không? Có thể được, vì vấn đề chỉ là vấn đề mức độ. Nếu chúng ta có thể kiếm ra được một số hàng hóa dù không nhiều, và để cho nhà nước, cho giai cấp vô sản chấp chính nắm những hàng hóa đó, và nếu chúng ta có thể đưa những hàng hóa đó vào vòng lưu thông, — thì chúng ta, với tư cách nhà nước, còn có thêm được quyền lực kinh tế, ngoài quyền lực chính trị ra. Tung những hàng hóa đó ra lưu thông thì sẽ làm cho nền kinh tế tiểu nông hoạt động lên, nền kinh tế tiểu nông này hiện đang ở trong cảnh ngừng trệ ghê gớm vì bị đè nặng bởi những điều kiện nặng nề của chiến tranh, bởi cảnh tàn phá và bởi tình trạng không có khả năng phát triển được. Chừng nào mà người tiểu nông còn là tiểu nông thì người đó còn cần được một sự kích thích, một sự thúc đẩy, một sự cổ vũ thích hợp với cơ sở kinh tế của người đó, tức là thích hợp với một nền kinh tế cá thể quy mô nhỏ. Ở đây, không thể bỏ qua được sự tự do trao đổi ở địa phương. Nếu nền thương nghiệp ấy có thể làm cho nhà nước đổi sản phẩm công

nghiệp lấy một số lượng tối thiểu lúa mì, đủ để đáp ứng nhu cầu của thành thị, các công xưởng và công nghiệp thì sự trao đổi kinh tế sẽ được khôi phục theo con đường sao cho chính quyền nhà nước vẫn nằm trong tay giai cấp vô sản và được củng cố. Nông dân đòi hỏi phải thực tế chứng minh cho họ thấy rằng, công nhân nắm giữ các công xưởng, nhà máy, công nghiệp, có thể tổ chức được việc trao đổi với nông dân. Mặt khác, một nước nông nghiệp rộng lớn với đường giao thông kém, đất đai rộng lớn, khí hậu khác nhau, điều kiện nông nghiệp không giống nhau, v.v. thì không thể không đòi hỏi là giữa nông nghiệp và công nghiệp địa phương, phải có sự tự do trao đổi sản phẩm nhất định nào đó trong phạm vi địa phương. Về mặt này, chúng ta đã mắc rất nhiều sai lầm, vì đã đi quá xa: chúng ta đã đi quá xa trong việc quốc hữu hóa thương nghiệp và công nghiệp, trong việc đình chỉ những sự trao đổi địa phương. Điểm này há chẳng sai lầm sao? Chắc chắn là sai lầm rồi.

[...] Nhưng ngoài ra, chúng ta đã phải phục tùng một sự tất yếu cần thiết là: cho đến nay, chúng ta vẫn phải sống trong những điều kiện chiến tranh ác liệt và gay go chưa từng thấy, đến nỗi cả trong lĩnh vực kinh tế, chúng ta không còn cách nào khác ngoài cách hành động theo lối quân sự. Nước ta bị tàn phá, thế mà lại chịu đựng được một cuộc chiến tranh như vậy thì quả là một điều kỳ diệu. Điều kỳ diệu ấy không phải là từ trên trời rơi xuống, mà là sinh ra từ những lợi ích kinh tế của giai cấp công nhân và nông dân, là những người đã sáng tạo ra điều kỳ diệu ấy bằng sự vùng dậy đông đảo của mình; nhờ điều kỳ diệu ấy mà họ đã tấn công lại bọn địa chủ và tư bản. Nhưng đồng thời, về mặt lý luận và chính trị, chúng ta đã đi xa hơn mức cần thiết, đó là một sự thật không còn nghi ngờ nữa, mà trong khi cổ động và tuyên truyền, chúng ta không nên che giấu. Chúng ta có thể cho phép lưu thông tự do ở địa phương trong một phạm vi khá lớn mà không phá hoại chính quyền của giai cấp vô sản, trái lại lại củng cố chính quyền đó. Còn tiến hành việc ấy ra sao thì đó lại là một vấn đề thực tiễn. Nhiệm vụ của tôi là chứng minh cho các đồng chí thấy rằng, về mặt lý luận, đó là một việc có thể làm được. Giai cấp

vô sản nắm chính quyền mà có được những nguồn của cải nào đó, thì hoàn toàn có thể đưa những cái đó vào lưu thông, và do đó mà thỏa mãn trung nông đến một mức nhất định nào đó, trên cơ sở sự lưu thông kinh tế ở địa phương.

Bây giờ, tôi xin nói vài lời về vấn đề lưu thông kinh tế ở địa phương. Nhưng trước hết tôi cần đề cập vấn đề hợp tác xã. Trong trường hợp ta thừa nhận sự lưu thông kinh tế ở địa phương, thì dĩ nhiên là chúng ta cần có hợp tác xã, mà hợp tác xã của chúng ta hiện nay lại đang ở vào tình trạng ngột ngạt. Cương lĩnh của chúng ta nhấn mạnh rằng, bộ máy phân phối tốt nhất là hợp tác xã mà chủ nghĩa tư bản đã để lại cho chúng ta, và chúng ta cần phải giữ lấy bộ máy đó. Cương lĩnh đã nói như thế. Chúng ta đã chấp hành điều đó chưa? Chúng ta chấp hành rất không đầy đủ, và có phần hoàn toàn không chấp hành, một phần vì chúng ta mắc sai lầm, một phần vì nhu cầu quân sự. Hợp tác xã đã sản sinh ra những phần tử thạo kinh doanh và có trình độ cao về mặt kinh tế thì đồng thời về mặt chính trị cũng đã sản sinh ra bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng. [...] Bởi vậy, tôi đề nghị thông qua một nghị quyết rất ngắn về vấn đề hợp tác xã, tôi xin đọc ra đây:

"Xét thấy nghị quyết của Đại hội IX của Đảng cộng sản Nga về hợp tác xã là hoàn toàn xây dựng trên cơ sở thừa nhận nguyên tắc trưng thu lương thực thừa mà hiện nay đã được thay bằng thuế lương thực nên Đại hội X của Đảng cộng sản Nga quyết định:

Bãi bỏ nghị quyết đó.

Đại hội giao trách nhiệm cho Ban chấp hành trung ương định ra và thực hiện qua các tổ chức đảng và các xô-viết các quyết định nhằm cải thiện và phát triển cơ cấu và hoạt động của các hợp tác xã phù hợp với cương lĩnh của Đảng cộng sản Nga và thích ứng với việc thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực".

[...] Khi bãi bỏ nghị quyết ấy, chúng ta nói: các đồng chí phải thích ứng với việc thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực. Nhưng khi nào thì chúng ta sẽ tiến hành việc ấy? Không thể làm được trước mùa gặt hái, nghĩa là sau vài tháng nữa. Ở các vùng khác nhau sẽ đều tiến hành việc ấy giống nhau ư?

Tuyệt nhiên không phải thế. Áp dụng một chế độ chung rập khuôn cho cả miền trung tâm nước Nga, lẫn U-cra-i-na, lẫn Xi-bi-ri, là rất ngu xuẩn. [...]

Người ta muốn biết và sẽ hỏi chúng ta: kiếm ở đâu ra hàng hóa? Tự do buôn bán đòi hỏi phải có hàng hóa mà nông dân lại rất thông minh, họ rất tài chế nhạo. Giờ đây, chúng ta có thể kiếm ra được hàng hóa không? Giờ đây thì kiếm được, vì địa vị kinh tế của chúng ta đã được cải thiện rất nhiều trên trường quốc tế. [...] Anh là một lực lượng mạnh, một lực lượng toàn thế giới, là tư bản toàn thế giới, nếu anh nói: "cá sấu", và anh lại nắm trong tay toàn bộ kỹ thuật, vậy anh cứ thử bắn chết cá sấu đi xem nào! Nhưng khi nó thử hành động như vậy, thì chính nó sẽ vì hành động đó mà bị đau đớn hơn. Lúc đó, tư bản bắt buộc phải tính đến hiện thực chính trị và kinh tế mà tuyên bố: "Cần phải tính chuyện buôn bán". Đó là thắng lợi rất lớn của chúng ta. [...] Lúc này, việc ký kết hợp đồng buôn bán với Mỹ và Anh, có thể nói là thuận lợi; cả về những tô nhượng cũng thế. [...]

Tôi xin nhắc lại rằng, cái kiểu quan hệ kinh tế mà ở bên trên, có vẻ một sự liên minh với chủ nghĩa tư bản nước ngoài, cái kiểu quan hệ kinh tế ấy sẽ tạo cho chính quyền của giai cấp vô sản có khả năng tiến hành ở bên dưới việc trao đổi tự do với nông dân. [...] Chừng nào mà ở các nước khác, cách mạng còn chưa nổ ra thì chúng ta còn phải mất hàng chục năm mới có thể thoát khỏi hoàn cảnh đó được; và trước tình hình đó, chúng ta không được ngần ngại gì hy sinh hàng trăm thậm chí hàng nghìn triệu lấy ở nguồn tài nguyên vô hạn của chúng ta, ở nguồn nguyên liệu phong phú của chúng ta để có được sự viện trợ của chủ nghĩa tư bản lớn, tiên tiến. Tất cả những cái đó, sau này chúng ta sẽ thu lại mà có lãi nhiều. Trong một nước bị tàn phá chưa từng thấy, mà tuyệt đại đa số nhân dân lại là nông dân và cũng bị phá sản, nếu không có sự giúp đỡ của tư bản (tất nhiên là giúp đỡ ta thì chúng sẽ bóp nặn ta lấy những số lời quá mức), thì không thể giữ vững được chính quyền vô sản. Chúng ta cần phải thấy điều đó. Cho nên: hoặc là những quan hệ kinh tế kiểu ấy, hoặc là không có gì hết. Đặt vấn đề

khác đi, là hoàn toàn không hiểu một chút gì về kinh tế thực tiễn, và là trốn tránh trách nhiệm bằng những lời nói rất hay ho. Chúng ta cần phải thừa nhận cái sự thực là quần chúng đã kiệt sức và mệt mỏi quá chừng rồi. Nếu đến nay mà trong các nước tiên tiến, bốn năm chiến tranh vẫn còn để lại hậu quả nặng nề thì chúng ta hãy nghĩ xem đối với chúng ta, hậu quả của bảy năm chiến tranh là phải như thế nào?!

[...] Tôi cũng cần phải nói đến việc trao đổi cá thể. Khi chúng ta nói tự do trao đổi tức là nói trao đổi cá thể, nghĩa là khuyến khích bọn cu-lắc. Thế thì làm thế nào đây? Không nên nhắm mắt trước sự thực là nếu thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, thì dưới chế độ đó, giai cấp cu-lắc sẽ nảy nở nhiều hơn trước. Chúng sẽ nảy nở ở những nơi mà trước đây, chúng không thể nảy nở được. Nhưng đấu tranh chống tình trạng đó không thể bằng cách ngăn cấm mà phải bằng một tổ chức của nhà nước và những biện pháp có tính chất nhà nước từ bên trên. Nếu các đồng chí có thể cung cấp máy móc cho nông dân, thì các đồng chí làm cho họ mạnh lên, và đến khi các đồng chí đã đem lại cho họ máy móc hoặc điện khí hóa thì hàng vạn hoặc hàng chục vạn cu-lắc nhỏ sẽ bị quét sạch. Khi chưa thể làm được như thế thì ít ra hãy đem lại cho họ một số hàng hóa nào đó đã. Nếu hàng hóa trong tay các đồng chí thì các đồng chí sẽ giữ được chính quyền; nhưng ngăn chặn, bóp chết và gạt bỏ khả năng ấy thì có nghĩa là thủ tiêu mọi khả năng trao đổi, có nghĩa là không thỏa mãn được trung nông, do đó không sao mà sống hòa thuận với họ được. Ở Nga, hiện nay trung nông chiếm phần lớn trong nông dân, và không việc gì phải sợ rằng sự trao đổi sẽ trở thành trao đổi cá thể. Bất cứ ai cũng có thể trao đổi một vật gì đó với nhà nước. Người thì trao đổi lúa mì thừa, người thì rau cỏ, người thì làm nghĩa vụ lao động. Về căn bản, tình hình là như thế này: chúng ta phải thỏa mãn trung nông về mặt kinh tế và đồng ý cho tự do trao đổi, nếu không thì trong lúc cách mạng quốc tế còn chưa nổ ra, chúng ta không thể giữ vững được chính quyền vô sản ở Nga, không thể giữ vững được về phương diện kinh tế. Chúng ta cần nhận rõ điểm đó, và không mảy may sợ nói ra như thế. [...]

Tại sao chúng ta cần phải thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực? Chế độ trưng thu lương thực thừa có nghĩa là lấy đi tất cả lương thực thừa và thiết lập chế độ độc quyền nhà nước. Trước đây, chúng ta không thể không làm như thế, vì chúng ta ở vào tình trạng hết sức thiếu thốn. Về mặt lý luận, không nhất định phải coi chế độ độc quyền nhà nước là chế độ tốt nhất theo quan điểm của chủ nghĩa xã hội. Trong một nước nông dân có một nền công nghiệp đang hoạt động, và nếu có sẵn một số hàng hóa nhất định, thì người ta có thể áp dụng chế độ thuế khóa và tự do trao đổi, coi đó là một biện pháp quá độ.

Chính sự trao đổi đó là một sự khuyến khích, kích thích, thúc đẩy đối với nông dân. Người dân cày có thể và phải cố gắng vì lợi ích của chính mình, vì chúng ta sẽ không trưng thu tất cả số lương thực thừa của anh ta mà chỉ thu một số thuế, và phải cố gắng ấn định trước số thuế đó. Điểm chủ yếu là phải đem lại cho người tiểu nông một sự khuyến khích, kích thích, một sự thúc đẩy trong hoạt động kinh doanh của anh ta. Chúng ta phải tổ chức nền kinh tế nhà nước thích ứng với kinh tế của trung nông mà trong ba năm qua, chúng ta chưa thể cải tạo được, và mười năm nữa, chúng ta cũng vẫn chưa thể cải tạo xong.

Nhà nước đã có một nhiệm vụ nhất định về mặt lương thực. Vì vậy, năm ngoái, mức trưng thu lương thực thừa của chúng ta đã tăng thêm. Thuế phải ít hơn. Con số thì chưa xác định sát được, hơn nữa cũng không thể xác định sát được. [...]

Nếu mùa màng xấu thì chúng ta sẽ không thể thu được lương thực thừa, vì lấy đâu ra lương thực thừa mà thu. Trừ phi là giật lương thực từ miệng nông dân ra. Nếu được mùa, khi ấy mọi người chịu đói đi một chút, và thế là sẽ cứu được nhà nước; hoặc nếu chúng ta không biết lấy lương thực ở những người không được ăn thật no ấy, thì nhà nước sẽ diệt vong. Nhiệm vụ tuyên truyền của chúng ta trong nông dân là như vậy. [...] Toàn bộ vấn đề là ở chỗ đem lại cho nông dân một sự khuyến khích, kích thích về mặt kinh

tế. Chúng ta cần nói với người tiểu nông rằng: "Hãy sản xuất đi, nhà nước chỉ thu thuế với mức rất thấp thôi".

[...] Xin các đồng chí hãy chú ý một điều cơ bản là: việc thảo ra những chi tiết và những điều giải thích phải mất vài tháng. Còn bây giờ, điều cơ bản chúng ta phải chú ý đến là ngay từ chiều nay, đài phát thanh phải truyền đi khắp thế giới rằng đại hội của đảng cầm quyền về căn bản thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, do đó đem lại nhiều sự khuyến khích cho người tiểu nông mở rộng kinh doanh và tăng thêm diện tích gieo trồng; rằng đại hội đi vào con đường đó là cải thiện những mối quan hệ giữa giai cấp vô sản và nông dân, và tin chắc rằng với biện pháp đó, thì quan hệ giữa giai cấp vô sản và nông dân sẽ được củng cố".

Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.68-88.

"6
KẾT LUẬN BẢN BÁO CÁO VỀ VIỆC THAY CHẾ ĐỘ TRƯNG THU LƯƠNG THỰC THỪA BẰNG THUẾ LƯƠNG THỰC NGÀY 15 THÁNG BA

[...] Bây giờ, trước hết tôi xin nói một vài lời về vấn đề hợp tác xã [...].

[...] Những quan hệ trao đổi kinh tế tự do ở địa phương sẽ phát triển như thế nào về phương diện vốn của nó — thông qua hợp tác xã hay bằng con đường phục hồi nền tiểu thương tư nhân — vấn đề đó, hiện nay, chúng ta chưa chắc có thể xác định dứt khoát được. Đó là một vấn đề phải nghiên cứu, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa; về mặt đó, chúng ta phải chăm chú nghiên cứu kinh nghiệm địa phương; dĩ nhiên là tất cả chúng ta sẽ đồng ý nên làm như vậy. Nhưng tôi cho rằng hợp tác xã vẫn có một tính ưu việt nhất định. Như tôi đã nói, nếu về mặt chính trị, hợp tác xã là khâu tổ chức, tập trung, tập hợp những phần tử thù địch về chính trị với chúng ta, những phần tử thực chất tiến hành chính sách của Côn-tsắc và Đê-ni-kin, thì như vậy, dĩ nhiên so với những hình thức kinh tế

nhỏ, so với tiểu thương, hợp tác xã chỉ có khác về hình thức mà thôi. Tất nhiên, mọi sự phát sinh ra cu-lắc, mọi sự phát triển của những quan hệ tiểu tư sản đều làm nảy sinh ra những chính đảng tương ứng; những chính đảng này ở Nga đã hình thành trong hàng chục năm, và chúng ta đã biết rất rõ những chính đảng ấy. Sự lựa chọn không phải là ở chỗ để hay không để cho những đảng ấy phát sinh, — vì những quan hệ kinh tế tiểu tư sản nhất định sản sinh ra những đảng như vậy, — mà sự lựa chọn của chúng ta chỉ trong phạm vi những hình thức tập trung, liên hiệp hành động của các đảng đó, và cũng chỉ ở một chừng mực nhất định thôi. Trên ý nghĩa đó mà nói thì không thể nào chứng minh được rằng hợp tác xã là hình thức xấu hơn. Trái lại, dù sao thì những người cộng sản cũng sẽ có thêm ít nhiều phương tiện để thường xuyên tác động và kiểm soát hợp tác xã.

[...] Quyết nghị thì luôn luôn nói đến chế độ trưng thu, thế mà, các đồng chí lại thay chế độ trưng thu bằng thuế lương thực.

Chúng ta không biết là sẽ giữ tự do lưu thông kinh tế trong mức độ nào.

Rõ ràng là chúng ta phải giữ tự do lưu thông kinh tế ở một mức độ nào đó. Chúng ta phải tính toán và kiểm tra những điều kiện kinh tế của việc đó. Vì vậy dĩ nhiên khi bãi bỏ nghị quyết của Đại hội IX, chúng ta lại ở vào một tình hình như sau: cái vấn đề mà tưởng như đã được giải quyết đến một chừng mực nào đó rồi thì nay lại được đặt ra. Nhưng điều đó hoàn toàn không thể tránh khỏi. Bỏ qua điều đó, có nghĩa là làm hỏng cơ sở những quan hệ đã được chúng ta vạch ra trong chính sách kinh tế, và chắc chắn đó là những quan hệ mà nông dân dễ tiếp nhận hơn.

Việc thay chế độ trưng thu bằng thuế lương thực là một chính sách kinh tế mà nông dân dễ tiếp nhận hơn, về điểm này rõ ràng là không có hai ý kiến khác nhau trong đại hội này, và nói chung trong những người cộng sản. Nhiều lời tuyên bố của nông dân ngoài đảng cũng xác nhận điều đó. Điều đó đã rất rõ ràng. Cứ nguyên một lý do đó cũng khiến chúng ta phải tiến hành sự thay đổi ấy. Vì vậy, tôi xin đọc lại một lần nữa nghị quyết về hợp tác xã:

"Xét thấy nghị quyết của Đại hội IX của Đảng cộng sản Nga về hợp tác xã là hoàn toàn xây dựng trên cơ sở thừa nhận nguyên tắc trưng thu lương thực thừa, mà hiện nay đã được thay bằng thuế lương thực, nên Đại hội X của Đảng cộng sản Nga quyết định:

Bãi bỏ nghị quyết đó.

Đại hội giao trách nhiệm cho Ban chấp hành trung ương định ra và thực hiện, qua các tổ chức đảng và các xô-viết, các quyết định nhằm cải thiện và phát triển cơ cấu và hoạt động của các hợp tác xã phù hợp với cương lĩnh của Đảng cộng sản Nga và thích ứng với việc thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực".

Thay mặt Ban chấp hành trung ương, tôi đề nghị đại hội thông qua nghị quyết thứ nhất — bản dự thảo sơ bộ về việc thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, — thông qua nghị quyết đó về cơ bản, trao trách nhiệm cho Ban chấp hành trung ương phải chỉnh lý, thảo ra và trình nghị quyết đó lên Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga, và cũng làm như vậy đối với nghị quyết thứ hai là nghị quyết về hợp tác xã.

[...] Ngay bây giờ thì tôi chỉ có thể phân ra hai xu hướng chủ yếu và nói vài lời về hai loại ý kiến phản đối hay hai loại ý kiến nhận xét chủ yếu, về hai loại hay hai nhóm chủ yếu những câu hỏi đã được nêu ra trong những tờ giấy đó.

[...] Loại thứ hai là ý kiến chung, đi vào những nguyên tắc của chính sách kinh tế. Điều mà nhiều người, thậm chí là phần lớn các diễn giả đã nói đến trong khi tham luận, điều mà những giấy ghi câu hỏi đã đề ra, đó là sự tăng cường không tránh khỏi của giai cấp tiểu tư sản, của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa tư bản. "Như vậy là các đồng chí đã mở rộng cửa — một vài giấy hỏi đã viết như vậy — cho giai cấp tư sản, cho tiểu công nghiệp phát triển, cho những quan hệ tư bản phát triển". Thưa các đồng chí, về vấn đề này, tôi lại phải nhắc lại, trong một chừng mực nào đó, điều mà tôi đã nói trong bản báo cáo thứ nhất của tôi là: hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa rằng bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể có những hình thức khác nhau, tùy thuộc ở chỗ quan hệ

đại tư bản đã chiếm ưu thế hay nền kinh tế nhỏ còn chiếm ưu thế trong nước. [...] Nếu chúng ta có một nước trong đó nền đại công nghiệp chiếm ưu thế, hay thậm chí cứ cho là không chiếm ưu thế nhưng rất phát triển, và có cả nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn rất phát triển, thì có thể quá độ thẳng lên chủ nghĩa cộng sản được. Không có điều kiện đó, thì bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản không thể có được, xét về phương diện kinh tế. [...] Chế độ chặt chẽ trước đây là do những nhu cầu, những lý do và những điều kiện về mặt quân sự, chứ không phải về mặt kinh tế, quyết định. Trong tình trạng bị tàn phá chưa từng có trước đây, khi chúng ta, sau một cuộc chiến tranh lớn, còn phải chịu đựng nhiều cuộc nội chiến, thì chúng ta không có con đường thoát nào khác cả. Có lẽ trong khi thi hành một chính sách nhất định, ta đã mắc phải những sai lầm, đã có cả một loạt những cái quá đáng, — cần phải nói thật rõ ràng như thế. Nhưng trong điều kiện chiến tranh trước đây của chúng ta, thì về căn bản chính sách đó là đúng. Lúc đó, chúng ta không có khả năng nào khác hơn là phải lập tức thi hành đến mức tối đa chế độ độc quyền, đến mức là trưng thu tất cả lương thực thừa, mà thậm chí không bồi thường gì hết. Và chúng ta không thể giải quyết nhiệm vụ ấy khác thế được. Đó không phải là một chế độ kinh tế chặt chẽ. Đó là một biện pháp không phải do những điều kiện kinh tế đề ra, mà phần lớn là do những điều kiện quân sự bắt buộc phải thi hành. Còn về những lý do kinh tế, thì lý do cơ bản hiện nay là tăng số lượng sản phẩm. Lực lượng sản xuất chủ yếu của chúng ta, tức là nông dân và công nhân, đã bần cùng, phá sản, mệt mỏi và kiệt sức đến mức chúng ta phải tạm thời bắt tất cả mọi cái phải phục tùng lý do cơ bản này: vô luận thế nào cũng tăng cho bằng được số lượng sản phẩm lên.

[...] Đứng trên quan điểm của người tiểu chủ, người tiểu nông mà xét thì chế độ thuế — số thuế sẽ được quy định với mức thấp hơn số trưng thu và được tính một cách chính xác hơn — sẽ làm cho họ có khả năng gieo trồng nhiều hơn, sẽ làm cho họ vững tin là số sản phẩm thừa sẽ được dùng để cải thiện nền kinh tế của họ —

là chính sách nhằm ủng hộ đến mức tối đa đối với người chủ cần cù; đó cũng là điểm được đề ra trong cuộc vận động gieo hạt. Tất cả những ý kiến phản đối chung quy lại chỉ là vấn đề này: bên nào được lợi hơn, giai cấp tiểu tư sản thù địch về mặt kinh tế với chủ nghĩa cộng sản, hay nền đại công nghiệp là cơ sở của bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và — xét về mặt tình hình lực lượng sản xuất, tức là xét về tiêu chuẩn cơ bản của toàn bộ sự phát triển xã hội — là cơ sở của tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa, vì nền đại công nghiệp tập hợp những công nhân công nghiệp tiên tiến, thống nhất giai cấp đang thực hành chuyên chính vô sản?

Ở đây một vài người đã tìm cách nói, hoặc xuất phát từ mặt kinh tế mà kết luận rằng chắc chắn là giai cấp tiểu tư sản, nền sản xuất hàng hóa thủ công sẽ được lợi hơn; và họ đặc biệt cố gắng lập luận rằng sở dĩ như vậy là vì do có những tô nhượng mà chính đại công nghiệp sẽ không mang tính chất xã hội chủ nghĩa nữa. Tôi cho rằng trong những lập luận ấy có một sai lầm cơ bản về mặt kinh tế. Dù cho có chứng minh được một cách hoàn toàn chính xác rằng tính theo tỷ lệ, tiểu công nghiệp sẽ được lợi hơn, thậm chí được lợi hơn một cách tuyệt đối đi nữa, — thì điều đó cũng hoàn toàn không thể bác bỏ được tính chất đúng đắn của những biện pháp của chúng ta, cả về mặt lý luận lẫn về mặt thực tiễn. Kết luận phải là: không thể có một chỗ dựa nào khác để củng cố về mặt kinh tế toàn bộ sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Bây giờ chúng ta giả định, chỉ để làm ví dụ, — để giải thích rõ, tôi lấy những con số cụ thể, — rằng tiểu công nghiệp là 100 (dù là 100 triệu đơn vị lao động hay là 100 đơn vị nào khác, cũng được) và đại công nghiệp là 200. Giả định rằng tiểu công nghiệp, trên cơ sở tư bản chủ nghĩa, đã lớn lên thành 175, còn đại công nghiệp vẫn ở mức 200. Giả định rằng đại công nghiệp bị đình đốn, còn tiểu công nghiệp thì phát triển mạnh. Tôi nghĩ rằng ngay cả trường hợp giả định xấu nhất mà tôi nêu ra đó, cũng vẫn dứt khoát có lợi cho chúng ta, vì hiện nay, như tình hình năm nay đã cho chúng ta thấy, như tình hình nhiên liệu và vận tải cũng như tình hình phân

phối lương thực — mà đồng chí Mi-li-u-tin đã nhắc tới rất đúng lúc — đã chứng tỏ, chúng ta đang ở trong tình trạng khó mà chịu đựng nổi.

[...] Bây giờ chúng ta nói về tô nhượng. Đó là một sự liên minh với chủ nghĩa tư bản các nước tiên tiến. Phải hiểu thật rõ bản chất của các tô nhượng. Đó là một sự liên kết, một sự liên minh, một hợp đồng kinh tế với tư bản tài chính tiên tiến ở các nước tiên tiến, một hợp đồng sẽ làm cho chúng ta tăng thêm được một số ít sản phẩm, nhưng đồng thời cũng làm tăng thêm sản phẩm cho phía ký kết với chúng ta. Nếu chúng ta cho người được tô nhượng khai mỏ hoặc khai thác rừng thì hắn ta sẽ lấy một phần rất lớn sản phẩm đó và sẽ chỉ để lại cho chúng ta một phần nhỏ thôi. Nhưng việc tăng số lượng sản phẩm là rất quan trọng đối với chúng ta, quan trọng đến mức ngay cả một phần nhỏ cũng là một điều thuận lợi lớn đối với chúng ta. Sự cải thiện nhỏ cho tình cảnh của công nhân thành thị, — sự cải thiện này sẽ được bảo đảm bằng hợp đồng khi cho tô nhượng, sẽ không gây một chút khó khăn nào cho tư bản nước ngoài — ngay cả sự cải thiện nhỏ đó cũng là điều có lợi, cũng là sự củng cố nền đại công nghiệp của chúng ta. Nhờ có tác dụng kinh tế, điều đó sẽ cải thiện tình cảnh của giai cấp vô sản, cải thiện tình cảnh của giai cấp đang nắm chính quyền nhà nước.

Sợ rằng nền tiểu nông và tiểu công nghiệp sẽ phát triển tới quy mô có thể trở thành nguy hiểm cho nền đại công nghiệp của chúng ta là không có căn cứ. Muốn cho công nghiệp tiến lên, phải có một số dấu hiệu nào đó biểu hiện ra.

Nếu năm nay chúng ta bị mất mùa (tôi đã giới thiệu với các đồng chí cuốn sách nhỏ của Pô-pốp), nếu năm nay chúng ta bị mất mùa và vật tư của chúng ta cũng ít như năm ngoái, thì không thể nói đến vấn đề làm cho cuộc khủng hoảng giảm bớt đi và phát triển tiểu công nghiệp được: những quan hệ tư bản chủ nghĩa chỉ có thể được khôi phục khi nào có những sản phẩm thừa của nông nghiệp. Chúng ta có thể có được số thừa đó, và đó là điều rất quan trọng, vì điều đó mang lại cho chúng ta cái lợi rất căn bản. Vấn đề xem bên nào được lợi nhiều hơn, nền sản xuất nhỏ hay nền sản

xuất lớn, là vấn đề liên hợp và kết hợp việc sử dụng khối lượng vật tư của chúng ta với việc phát triển thị trường, tức là sự phát triển mà ta sẽ có được nhờ một hiệp nghị ký kết với chủ nghĩa tư bản về tô nhượng, và điều đó khiến chúng ta có thể tăng sản lượng nông nghiệp của chúng ta lên. Bên nào sử dụng tốt hơn những phương tiện ấy, điều đó sẽ quyết định kết quả. Tôi thiết tưởng rằng nếu giai cấp công nhân hiện đang nắm được những ngành cực kỳ quan trọng của đại công nghiệp mà tập trung chú ý phát triển những ngành quan trọng nhất, thì nó sẽ được lợi hơn là nền tiểu công nghiệp, tuy rằng theo tỷ lệ thì nền tiểu công nghiệp phát triển nhanh hơn. [...]

Mọi sự cải thiện tình hình của đại công nghiệp và khả năng có thể cho chạy một số công xưởng lớn, sẽ củng cố địa vị của giai cấp vô sản đến mức khiến cho chúng ta không việc gì phải sợ thế lực tự phát của giai cấp tiểu tư sản, ngay cả khi nó phát triển nữa. Điều chúng ta cần phải sợ không phải là việc giai cấp tiểu tư sản và tư bản nhỏ sẽ phát triển lên, mà là sự kéo dài quá lâu tình trạng đói hết sức nghiêm trọng, tình trạng thiếu thốn, tình trạng thiếu sản phẩm, tình trạng này đã làm cho giai cấp vô sản hoàn toàn yếu đi, không thể chống lại nổi những sự dao động và nỗi tuyệt vọng của thế lực tự phát tiểu tư sản. Đó là điều đáng sợ hơn. Một khi chúng ta tăng được số lượng sản phẩm lên, thì không một sự phát triển nào của giai cấp tiểu tư sản có thể trở thành nguy hại lớn được, vì sự phát triển đó làm cho đại công nghiệp phát triển; nên chúng ta phải khuyến khích nền sản xuất tiểu nông. Chúng ta có nhiệm vụ phải làm tất cả những gì có thể làm được cho việc khuyến khích nền sản xuất tiểu nông. Thuế lương thực là một trong những biện pháp nhỏ về mặt này, nhưng đó là một biện pháp tuyệt đối cần thiết, sẽ đem lại một sự khuyến khích đối với nền sản xuất tiểu nông, một biện pháp tuyệt đối phải chấp nhận".

Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.89-101.

"Không thực hiện tô nhượng, chúng ta không thể hy vọng nhận được sự viện trợ của nền kỹ thuật hiện đại, có trình độ trang bị cao

của chủ nghĩa tư bản. Không lợi dụng kỹ thuật đó, chúng ta không thể xây dựng tốt được cơ sở cho nền đại sản xuất của chúng ta trong những ngành như khai thác dầu mỏ, là ngành có ý nghĩa đặc biệt đối với toàn bộ nền kinh tế thế giới".

Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.144.

"BÁO CÁO VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC TẠI HỘI NGHỊ CÁC BÍ THƯ VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ PHỤ TRÁCH CÁC CHI BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN (b) NGA Ở THÀNH PHỐ VÀ TỈNH MÁT-XCƠ-VA NGÀY 9 THÁNG TƯ 1921

Thưa các đồng chí, vấn đề thuế lương thực, vấn đề thay đổi chính sách lương thực cũng như vấn đề chính sách kinh tế của Chính quyền xô-viết đã gây ra nhiều ý kiến hết sức khác nhau khiến cho có nhiều sự hiểu lầm. [...]

Tôi muốn lưu ý các đồng chí đến ý nghĩa chung hoặc ý nghĩa nguyên tắc của tất cả các biện pháp đó. Ta phải giải thích như thế nào việc Chính quyền xô-viết và nền chuyên chính vô sản đang đi vào con đường thừa nhận trong một chừng mực nào đó, quyền tự do buôn bán? Trong chừng mực nào thì ta có thể thừa nhận quyền tự do buôn bán và nền kinh tế cá thể song song với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa? Trong chừng mực nào thì ta có thể để cho chủ nghĩa tư bản sống lại mà sự sống lại đó có thể là điều không tránh khỏi, khi thừa nhận quyền tự do buôn bán nào đấy, dù là hạn chế? Cái gì dẫn đến sự thay đổi đó? Ý nghĩa, tính chất và tác dụng thực sự của nó là gì, và các đảng viên đảng cộng sản phải hiểu sự thay đổi này như thế nào? Phải giải thích nó như thế nào và phải xét những giới hạn của việc áp dụng nó trong đời sống thực tế ra sao? Nhiệm vụ mà tôi tự đặt cho mình đại khái là như vậy.

Vấn đề thứ nhất được đặt ra là: sự thay đổi đó, sự thay đổi mà nhiều người cho là hết sức đột ngột và không có đủ căn cứ, là do nguyên nhân nào?

Nguyên nhân chủ yếu, cơ bản của sự thay đổi đó chính là cuộc khủng hoảng cực kỳ trầm trọng của nền kinh tế nông dân, tình hình rất gay go của nền kinh tế đó, tình hình mà trước mùa xuân 1921 đã biểu lộ ra là hết sức trầm trọng không thể lường trước được; mặt khác, những hậu quả của tình hình đó đã ảnh hưởng đến sự khôi phục ngành vận tải lẫn nền công nghiệp của chúng ta. Tôi muốn vạch ra rằng khi nói đến việc thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, khi thảo luận về ý nghĩa của việc đó, thì người ta mắc nhiều sai lầm nhất là do không đặt vấn đề xem bước quá độ đó thật ra là gì, nó xuất phát từ đâu và nó sẽ dẫn đến đâu? Một cuộc khủng hoảng cực kỳ trầm trọng của nền kinh tế nông dân (nền kinh tế này sau khi bị tàn phá bởi chiến tranh, lại càng tàn tạ thêm bởi nạn mất mùa cực kỳ trầm trọng, và nạn thiếu thức ăn cho gia súc gắn liền với nó, vì năm đó cũng mất mùa cỏ, và bởi một nạn dịch súc vật), lực lượng sản xuất của nền kinh tế nông dân suy yếu đi, nền kinh tế nông dân trong nhiều địa phương cơ hồ như hoàn toàn phá sản, — đó là tình hình của nền kinh tế nông dân trước mùa xuân 1921. Và ở đây, một vấn đề được đặt ra: cuộc khủng hoảng cực kỳ trầm trọng đó của nền kinh tế nông dân có quan hệ gì với việc Chính quyền xô-viết thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa? Tôi xin nói rằng muốn hiểu ý nghĩa của biện pháp đó, thì trước hết phải tự hỏi: chúng ta xuất phát từ đâu và chúng ta sẽ đi đến đâu?

Ở trong một nước mà nông dân chiếm đa số, nếu một cuộc cách mạng công nhân đã nổ ra, và các công xưởng, các nhà máy và đường sắt đã chuyển vào tay giai cấp công nhân, thì thực chất của các mối quan hệ kinh tế giữa giai cấp công nhân và nông dân phải như thế nào? Cố nhiên thực chất đó phải là: trong các công xưởng và các nhà máy từ nay đã thuộc về công nhân, họ sản xuất ra tất cả các sản phẩm cần dùng cho nước nhà, nghĩa là cả cho nông dân là những người chiếm đa số trong dân cư; công nhân vận chuyển các thứ đó bằng các đường sắt của chính họ và bằng tàu bè của chính họ, đưa các sản phẩm đó về cho nông dân và đổi lấy nông

sản thừa. Đó là điều hoàn toàn rõ ràng, và chắc hẳn không cần giải thích nữa. Thế nhưng khi bàn cãi về thuế lương thực, thì ta lại thường quên mất điều đó. Vậy mà không bao giờ lại được quên điều đó, vì muốn nắm được ý nghĩa của thuế lương thực, — chính sách này chỉ là một biện pháp quá độ thôi, — thì cần phải biết rõ rằng chúng ta muốn đi đến đâu. Và do điều tôi vừa nói mà chúng ta thấy rõ ràng rằng chúng ta muốn và phải đi đến chỗ là các nông sản phải đến tay nhà nước công nhân, không phải với danh nghĩa là những sản phẩm thừa trưng thu được và không phải với danh nghĩa là thuế, mà là do đổi tất cả các sản phẩm công nghiệp cần thiết cho nông dân, được chuyển về cho nông dân bằng những phương tiện vận tải của chúng ta. Chính trên cơ sở đó mà có thể xây dựng được nền kinh tế của một nước chuyển lên chủ nghĩa xã hội. Nếu nền kinh tế nông dân có thể phát triển thêm, thì phải kiên quyết bảo đảm cho nó một bước quá độ tiến lên, và bước quá độ tiến lên đó nhất định phải là: nền kinh tế nông dân cá thể, nhỏ, ít có lợi nhất và lạc hậu nhất, dần dần phải liên hợp lại và tổ chức thành nền kinh tế nông nghiệp tập thể lớn. Những người xã hội chủ nghĩa luôn luôn quan niệm như vậy. Đó cũng chính là quan điểm của Đảng cộng sản chúng ta. Tôi xin nhắc lại: nguồn gốc lớn nhất của những sai lầm và hiểu lầm là việc xét thuế lương thực mà không tính đến các đặc điểm của các biện pháp quá độ cần thiết, để cho chúng ta đạt đến mục đích mà chúng ta có thể và phải đạt được.

Vậy thuế lương thực là cái gì? Thuế lương thực là một biện pháp trong đó chúng ta thấy có một cái gì của quá khứ và có một cái gì của tương lai. Thuế là cái nhà nước thu của nhân dân mà không bù lại. Nếu thuế đó ước thu được chừng bằng nửa số lương thực trưng thu năm ngoái thì chỉ với số thuế đó nhà nước công nhân không thể nuôi được Hồng quân, toàn bộ nền công nghiệp và toàn bộ dân số phi nông nghiệp, không thể phát triển được sản xuất và phát triển các quan hệ với nước ngoài, là những nước có thể cung cấp các máy móc và thiết bị cần cho chúng ta. Một mặt,

nhà nước muốn dựa vào số thuế ước thu được chừng bằng nửa số lương thực trưng thu được năm ngoái; mặt khác, muốn dựa vào việc trao đổi sản phẩm công nghiệp lấy các nông sản thừa nào đó của nền sản xuất nông dân. Nghĩa là, trong thuế có một phần của chế độ trưng thu cũ và một phần của chế độ duy nhất đúng đắn, tức là chế độ trao đổi sản phẩm của các nhà máy lớn xã hội chủ nghĩa lấy nông sản, thông qua các cơ quan lương thực của chính quyền nhà nước thuộc giai cấp công nhân, thông qua các hợp tác xã công nhân và nông dân.

Thử hỏi: tại sao chúng ta phải dùng đến một biện pháp mà một phần là thuộc quá khứ và chỉ có một phần khác mới ở trên con đường đúng đắn thôi? Hơn nữa, chúng ta lại hoàn toàn chưa chắc rằng ta có thể đưa được bộ phận đó vào ngay con đường đúng hay không, và bộ phận đó có lớn thật không? Tại sao chúng ta phải dùng đến một biện pháp nửa vời như vậy, tại sao trong chính sách lương thực và kinh tế của ta, chúng ta lại buộc phải dựa vào những biện pháp như vậy? Do đâu mà phải dùng biện pháp đó? Đương nhiên là ai cũng biết rằng sở dĩ dùng biện pháp đó không phải là do Chính quyền xô-viết thích chính sách này hay chính sách nọ. Đó là do cảnh khổ sở cùng cực, do tình thế không lối thoát gây nên. [...] chúng ta, lúc đó ở trong một cái pháo đài bị bao vây, chỉ có thể đứng vững bằng cách áp dụng chế độ trưng thu lương thực thừa, nghĩa là lấy của nông dân tất cả lương thực thừa họ có lúc đó, đôi khi không những chỉ lấy của họ những lương thực thừa, mà còn lấy cả những sản phẩm cần thiết cho bản thân họ, nhằm mục đích duy trì một quân đội có khả năng tác chiến và không để cho nền công nghiệp của chúng ta sụp đổ hoàn toàn. Trong nội chiến, nhiệm vụ đó khó khăn không thể tưởng tượng được, còn theo các đảng khác, thì nhiệm vụ đó hoàn toàn không thể giải quyết được. [...] Thật thế, nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, nó đòi hỏi phải nỗ lực hết sức, và sở dĩ nhiệm vụ đó đã hoàn thành được thành công chính là vì lúc đó giai cấp công nhân và nông dân đã tự nguyện chịu những sự hy sinh có thể nói là vượt quá sức chịu đựng của con người.

Chưa bao giờ giai cấp công nhân đã phải chịu ăn thiếu thốn, phải chịu một nạn đói như trong những năm đầu nó nắm quyền chuyên chính. Rõ ràng là muốn hoàn thành được nhiệm vụ đó, thì ngoài việc thực hiện chế độ trưng thu với ý nghĩa là lấy tất cả lương thực thừa, và ngay cả một phần các vật phẩm cần thiết của nông dân nữa, chúng ta không còn biện pháp nào khác. [...]

Vấn đề không phải là ở chỗ đã có một chế độ kinh tế, một kế hoạch kinh tế về mặt chính sách, không phải là ở chỗ kế hoạch đó đã được thông qua trong điều kiện có thể chọn chế độ này hoặc chế độ kia. Không phải thế. Không thể nghĩ đến chuyện khôi phục công nghiệp, khi chúng ta không bảo đảm cung ứng được mức tối thiểu về lương thực và nhiên liệu. Lúc đó, chỉ việc duy trì phần còn lại của công nghiệp để cho công nhân khỏi bỏ đi hết, và phải có một quân đội, — đó là nhiệm vụ mà chúng ta đặt ra cho mình, nhiệm vụ mà muốn giải quyết được thì chỉ có cách là thực hành chế độ trưng thu lương thực thừa không bù lại, vì giấy bạc, dĩ nhiên, không phải là một thứ để bù lại. Chúng ta không còn lối thoát nào khác. Đó là chỗ chúng ta xuất phát, còn chúng ta sẽ đi đến đâu thì tôi trình bày với các đồng chí rồi. Làm thế nào để tiến hành bước quá độ đó? Để làm được việc đó, chúng ta dùng đến một biện pháp là thuế lương thực. Nếu chúng ta phục hồi được nền công nghiệp của chúng ta một cách nhanh chóng hơn thì có lẽ chúng ta đã có thể — nếu mùa màng tốt hơn — chuyển nhanh chóng hơn sang việc trao đổi sản phẩm công nghiệp lấy nông sản.

[...] Tình hình là như thế. Trong tình hình ấy, liệu có lối thoát nào khác ngoài cách giảm số trưng thu xuống mức thấp nhất, nghĩa là thu 240 triệu pút lúa mì, chứ không phải 423 triệu pút. Đó là số lượng tối thiểu mà chúng ta phải thu được trong một năm được mùa trung bình, một số lượng cho phép chúng ta sống một cách chật vật. Nếu không muốn ở mãi trong tình trạng đó, thì phải làm cho nền kinh tế nông dân có khả năng phát triển. Bây giờ cần phải có biện pháp. Biện pháp có hiệu lực nhất, cố nhiên là phục hồi nền công nghiệp lớn. Cố nhiên biện pháp tốt nhất và duy nhất

đúng về mặt kinh tế là tăng sản lượng của các công xưởng lên và cung cấp nhiều hơn nữa những sản phẩm cần thiết cho nông dân, không những vải cần cho người nông dân và gia đình anh ta, mà cả các máy móc, các công cụ, dù thô sơ đi nữa, mà nông dân rất cần đến. [...] Chỉ có một biện pháp: giảm số trưng thu xuống, biến chế độ trưng thu thành một thứ thuế quy định là 240 triệu cho một năm được mùa trung bình, và sẽ lại có thể giảm xuống nữa nếu mùa màng thất bát, để cho người nông dân biết rõ rằng mình phải đóng một số lượng nhất định, thấp nhất, có thể dồn hết sức cho việc sản xuất và dùng sản phẩm còn lại của mình để thỏa mãn những nhu cầu của mình, khiến cho nền kinh tế nông dân có thể cải thiện được mà không phải hoàn toàn dựa vào công nghiệp, — dựa vào công nghiệp là đúng nhất, hợp lý nhất, nhưng chúng ta lại không đủ sức để làm điều đó. Mức tối thiểu của thuế đã được quy định, và việc thi hành thuế đó ở các địa phương sẽ khiến cho nền tiểu công nghiệp được phục hồi, vì chúng ta không thể khôi phục nền công nghiệp lớn trong thời hạn như chúng ta mong muốn được. [...]

Còn điều nữa, tại sao chúng ta lại chú ý nhiều nhất đến nền kinh tế nông dân? Bởi vì chỉ nhờ có nó chúng ta mới có thể có được lương thực và nhiên liệu cần thiết. Nếu giai cấp công nhân muốn quản lý tốt nền kinh tế của mình, với tư cách là giai cấp thống trị, giai cấp thực hiện nền chuyên chính, thì nó phải tự nhủ rằng: chỗ yếu nhất là cuộc khủng hoảng của nền kinh tế nông dân; phải sửa chỗ yếu đó để lại bắt tay vào việc khôi phục nền công nghiệp lớn, để đi đến chỗ là tất cả bảy mươi xí nghiệp trong miền I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xcơ đều hoạt động được, chứ không phải chỉ có hai mươi hai cái thôi. Lúc đó, các nhà máy dệt lớn đó có thể đáp ứng được nhu cầu của toàn dân, lúc đó sản phẩm của nông dân sẽ không còn phải thu dưới dạng thuế nữa, mà dưới dạng trao đổi với sản phẩm công nghiệp do giai cấp công nhân cung cấp cho nông dân. Chúng ta đang ở chính trong giai đoạn quá độ như thế đấy: phải chia sẻ sự cùng khổ và nạn đói, mọi người đều phải chịu đựng nạn thiếu ăn để cứu lấy những người mà không có họ thì chúng ta

không thể duy trì được những xí nghiệp còn lại, những đường sắt, một quân đội có thể chống lại được bọn bạch vệ.

[...] Hồi đó, chế độ trưng thu là điều tất yếu phải thực hành, nhưng ngày nay, chúng ta phải thay đổi chính sách lương thực, nghĩa là phải thay chế độ trưng thu bằng thuế. Như vậy nhất định sẽ cải thiện tình cảnh của nông dân, nhất định sẽ cho phép nông dân tính toán một cách chính xác hơn, một cách chắc chắn hơn và có căn cứ hơn rằng tất cả số lúa mì thừa của mình sẽ có thể đem ra đổi lấy, ít ra là, những sản phẩm thủ công ở địa phương. Vì vậy, chính sách kinh tế này của Chính quyền xô-viết là cần thiết.

Bây giờ, để kết luận, tôi muốn nói đến vấn đề vì sao chính sách này lại thích hợp với quan điểm của chủ nghĩa cộng sản, và tại sao Chính quyền xô-viết cộng sản lại tạo điều kiện cho tự do buôn bán phát triển. Theo quan điểm cộng sản, làm như vậy có tốt không? Để giải đáp câu hỏi đó, phải nghiên cứu tường tận các biến chuyển trong nền kinh tế nông dân. Lúc đầu, tình hình là như thế này: tất cả các nông dân đều đứng lên chống chính quyền của bọn địa chủ. Bần nông và cu-lắc đều nhất tề chống lại chúng, mặc dù mục tiêu của họ cố nhiên là khác nhau: bọn cu-lắc thì tìm cách đoạt ruộng đất của địa chủ để mở rộng cơ nghiệp của mình. Chính trong lúc này đã lộ rõ sự khác nhau giữa quyền lợi và nguyện vọng của bần nông và của cu-lắc. Ở U-cra-i-na, mâu thuẫn quyền lợi đó hiện nay vẫn biểu hiện rõ rệt nhiều hơn ở ta. Bần nông, vì thiếu tư liệu và công cụ, có rất ít khả năng sử dụng trực tiếp được ngay ruộng đất của địa chủ. Và thế là bần nông tổ chức nhau lại đặng không cho bọn cu-lắc chiếm các ruộng đất ấy. Chính quyền xô-viết đã giúp các ủy ban nông dân nghèo ở nước ta và các ủy ban nông dân nghèo ở U-cra-i-na. Kết quả ra sao? Kết quả là trung nông chiếm đa số trong nông thôn. Các bản thống kê cho chúng ta biết tình hình đó, và tất cả những ai ở nông thôn đều chính mắt thấy điều đó. Hai cực, cu-lắc và bần nông thì ít dần đi, đa số dân cư thì tiến dần đến mức trung nông. Nếu chúng ta muốn nâng cao năng suất của nền kinh tế nông dân nước

ta, thì trước hết phải chú ý đến trung nông. Do đó đảng cộng sản đã phải quy định chính sách của mình căn cứ vào sự kiện đó.

Một khi ở nông thôn trung nông là đa số, chúng ta phải giúp đỡ họ phục hồi nền kinh tế của họ, và ngoài ra, chúng ta cũng phải đòi hỏi ở họ cái chúng ta đòi hỏi ở công nhân. Trong đại hội đảng mới đây, vấn đề chủ yếu bàn đến là vấn đề tuyên truyền cho chính sách lương thực: đưa tất cả các lực lượng vào mặt trận kinh tế, nâng cao năng suất lao động và tăng thêm sản lượng. Không hoàn thành được những nhiệm vụ đó thì không thể tiến lên một chút nào được. Nếu chúng ta nói như vậy với công nhân, thì chúng ta cũng phải nói như vậy với nông dân. Nhà nước sẽ thu của nông dân một số thuế nhất định, nhưng lại yêu cầu nông dân sau khi đóng thuế rồi, phải phát triển kinh tế của mình, vì nông dân đã biết rằng nhà nước sẽ không thu thêm gì nữa, mình sẽ được sử dụng toàn bộ số còn lại để phát triển kinh tế của mình. Như vậy có nghĩa là sự thay đổi chính sách đối với nông dân là do tình hình của chính nông dân đã thay đổi. Hiện nay trung nông đã chiếm đa số ở nông thôn, và muốn nâng cao lực lượng sản xuất chúng ta phải chú ý đến sự thật đó.

[...] Nhân tiện cũng nói thêm rằng trong cuộc tranh luận với các đồng chí ấy, tôi đã nói: ở nước Nga chúng ta, chủ nghĩa tư bản nhà nước không đáng sợ, nó là một bước tiến lên. Điều đó tựa hồ như rất kỳ lạ. Sao lại thế, ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết mà chủ nghĩa tư bản nhà nước lại là một bước tiến lên ư? Trả lời câu hỏi đó, tôi đã nói: các đồng chí hãy đứng về mặt quan hệ kinh tế thực tế mà nhìn kỹ xem chúng ta thấy gì ở nước Nga? Ít nhất là chúng ta thấy có năm chế độ khác nhau, hay là năm kết cấu, năm hệ thống kinh tế khác nhau; nếu tính từ dưới lên trên thì như sau: thứ nhất là kinh tế gia trưởng, đó là nền kinh tế nông dân tự cung tự cấp, hoặc là ở trong trạng thái du cư hoặc nửa du cư, — số này ở nước ta nhiều vô kể; thứ hai là kinh tế hàng hóa nhỏ, nó bán sản phẩm trên thị trường; thứ ba là kinh tế tư bản, đó là sự xuất hiện của các nhà tư bản, của tư bản tư nhân không lớn lắm; thứ tư là chủ nghĩa tư bản nhà nước, và thứ năm là chủ nghĩa

xã hội. Và nếu chúng ta nhìn kỹ thì phải nói rằng ngay cả hiện nay nữa, chúng ta cũng thấy những quan hệ ấy trong chế độ kinh tế, trong cơ cấu kinh tế ở nước Nga. Vô luận thế nào chúng ta cũng không được quên cái mà chúng ta thường nhìn thấy: quan hệ xã hội chủ nghĩa của công nhân trong các công xưởng quốc doanh, nơi mà công nhân tự mình thu thập nhiên liệu, nguyên liệu và thực phẩm, hoặc khi công nhân cố gắng phân phối đúng đắn các sản phẩm công nghiệp cho nông dân, chuyển vận những thứ ấy đến tận nơi bằng các phương tiện giao thông. Đó chính là chủ nghĩa xã hội. Nhưng bên cạnh chủ nghĩa xã hội, còn có kinh tế nhỏ thường thường tồn tại độc lập đối với chủ nghĩa xã hội. Tại sao kinh tế nhỏ có thể tồn tại độc lập đối với chủ nghĩa xã hội? Tại vì công nghiệp lớn chưa được khôi phục, tại vì các công xưởng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể nhận được có lẽ mới một phần mười cái đáng phải nhận; và chính vì những công xưởng ấy không nhận được cái nó đáng phải nhận, nền kinh tế nhỏ mới độc lập đối với các công xưởng xã hội chủ nghĩa. Đất nước bị tàn phá không thể tưởng tượng được, thiếu nhiên liệu, nguyên liệu và phương tiện vận tải khiến cho nền sản xuất nhỏ tồn tại tách rời chủ nghĩa xã hội. Và tôi khẳng định rằng: trong những điều kiện như vậy, chủ nghĩa tư bản nhà nước là gì? Đó sẽ là sự liên hợp nền sản xuất nhỏ lại. Tư bản làm cho sản xuất nhỏ liên hợp lại, tư bản sản sinh ra từ nền sản xuất nhỏ. Không được nhắm mắt không thấy điều đó. Dĩ nhiên, tự do buôn bán có nghĩa là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, không thể nào tránh được sự thật đó, và kẻ nào hòng lẩn tránh hay xua đuổi nó thì chỉ là tự an ủi bằng lời nói suông thôi. Nếu có kinh tế nhỏ, nếu có tự do trao đổi, là chủ nghĩa tư bản xuất hiện. Nhưng chủ nghĩa tư bản ấy có đáng sợ không, nếu chúng ta nắm trong tay các công xưởng, nhà máy, phương tiện vận tải và ngoại thương? Lúc đó, tôi đã nói và bây giờ tôi nhắc lại — và cho đó là điều không thể bác bỏ được — rằng đối với chúng ta chủ nghĩa tư bản ấy không đáng sợ. Tô nhượng chính là chủ nghĩa tư bản như thế.

Chúng ta rất mong muốn ký hợp đồng tô nhượng, nhưng tiếc rằng cho đến nay chưa ký được một cái nào cả. Nhưng dù sao bây

giờ chúng ta cũng đã đi gần đến chỗ ký kết hơn, so với mấy tháng trước đây khi lần cuối cùng chúng ta bàn về vấn đề tô nhượng. Xét về mặt quan hệ kinh tế thì tô nhượng là gì? Đó là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chính quyền xô-viết ký hợp đồng với nhà tư bản. Theo hợp đồng ấy, nhà tư bản được sử dụng một vài thứ: nguyên liệu, hầm mỏ, xí nghiệp, quặng hay thậm chí một công xưởng riêng biệt, như đã quy định trong một bản dự án mới nhất về tô nhượng (dự án về tô nhượng xí nghiệp Thụy-điển làm vòng bi). Chính quyền nhà nước xã hội chủ nghĩa giao cho nhà tư bản tư liệu sản xuất của mình: nhà máy, vật liệu, hầm mỏ; nhà tư bản tiến hành kinh doanh với tư cách là một bên ký kết, là người thuê tư liệu sản xuất xã hội chủ nghĩa, và thu được lợi nhuận do tư bản mà mình bỏ ra, rồi nộp cho nhà nước xã hội chủ nghĩa một phần sản phẩm.

Tại sao ta rất cần phải làm thế? Vì như thế chúng ta có thể tăng ngay lập tức số lượng sản phẩm, điều cần đối với chúng ta, mà chúng ta không đủ sức để tự làm lấy. Cho nên mới có chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chủ nghĩa tư bản nhà nước có đáng sợ đối với chúng ta không? Không đáng sợ, vì chúng ta sẽ quy định là sẽ thực hành tô nhượng đến mức nào. Ví dụ, tô nhượng về dầu mỏ. Làm như thế, chúng ta sẽ có ngay hàng triệu pút dầu lửa, nhiều hơn số dầu lửa do chúng ta tự sản xuất ra được. Làm như thế có lợi cho chúng ta vì nông dân sẽ mang lúa mì thừa đổi cho chúng ta lấy dầu lửa, chứ không phải lấy tiền giấy; như vậy chúng ta sẽ có ngay khả năng cải thiện tình hình của cả nước. Cho nên cái thứ chủ nghĩa tư bản tất nhiên phải sản sinh ra từ tự do buôn bán ấy sẽ không có gì đáng sợ đối với chúng ta cả. Nó sẽ là kết quả của sự phát triển lưu thông, kết quả của sự trao đổi sản phẩm công nghiệp, dù là sản phẩm của tiểu công nghiệp, để lấy nông sản phẩm.

Qua đạo luật công bố ngày hôm nay, các đồng chí sẽ biết được rằng trong một số ngành công nghiệp, công nhân sẽ nhận được — dưới hình thức thưởng bằng hiện vật — một phần sản phẩm làm ra trong các công xưởng của họ để đổi lấy lúa mì. Ví dụ, thỏa mãn xong nhu cầu của nhà nước, thì công nhân dệt có thể được nhận

một phần vải vóc và đem đổi lấy lúa mì. Việc đó là cần để cải thiện nhanh chóng hơn đời sống của công nhân và nông dân. Trong phạm vi toàn quốc, chúng ta không thể làm được như thế, nhưng dù thế nào cũng phải làm cho được. Vì vậy, chúng ta không hề nhắm mắt trước tình hình là tự do buôn bán có nghĩa là để cho chủ nghĩa tư bản phát triển trong một mức nhất định, và chúng ta nói: chủ nghĩa tư bản ấy sẽ chịu sự kiểm soát, sự giám sát của nhà nước. Nếu nhà nước công nhân nắm lấy công xưởng, nhà máy và đường sắt thì chúng ta không sợ gì chủ nghĩa tư bản ấy. Làm như thế chúng ta sẽ cải thiện được sự lưu thông kinh tế giữa sản phẩm của nông dân và sản phẩm thủ công ở bên cạnh họ; những sản phẩm thủ công này, tuy không thỏa mãn được nhiều nhu cầu của nông dân về sản phẩm công nghiệp, nhưng dù sao cũng thỏa mãn được trong một mức nhất định; dù sao thì nền kinh tế nông dân cũng sẽ được cải thiện so với trước, và chúng ta rất cần phải cải thiện nó. Mặc cho tiểu công nghiệp phát triển đến một mức nhất định, mặc cho chủ nghĩa tư bản nhà nước phát triển, điều đó không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền xô-viết; Chính quyền xô-viết phải nhìn thẳng vào sự vật, gọi đích danh nó ra, nhưng phải kiểm soát nó, định mức độ cho nó.

Tô nhượng không đáng sợ, nếu chúng ta chỉ giao cho những người được tô nhượng một vài nhà máy, còn đa số nhà máy thì vẫn giữ lại. Điều ấy không đáng sợ. Dĩ nhiên, nếu Chính quyền xô-viết đem tô nhượng phần lớn tài sản của mình thì như vậy là hoàn toàn khờ dại; như vậy không phải là tô nhượng nữa mà là quay trở lại chủ nghĩa tư bản. Tô nhượng là không đáng sợ, chừng nào mà chúng ta vẫn nắm trong tay tất cả các xí nghiệp quốc doanh và chừng nào mà chúng ta cân nhắc một cách chính xác và nghiêm túc xem chúng ta có thể tiến hành tô nhượng những gì, với điều kiện như thế nào và với mức độ ra sao. Thứ chủ nghĩa tư bản phát triển như vậy sẽ bị kiểm soát, bị kiểm kê, và chính quyền nhà nước vẫn nằm trong tay giai cấp công nhân. Chúng ta không sợ thứ tư bản tồn tại dưới hình thức tô nhượng, cũng như không sợ thứ tư

bản tất nhiên sẽ sinh ra thông qua hợp tác xã, thông qua tự do buôn bán; chúng ta phải nỗ lực làm cho đời sống của nông dân được nâng cao và cải thiện; chúng ta phải dốc hết sức lực để làm cho việc đó phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân. Tất cả những cái có thể làm được để cải thiện kinh tế nông dân, để phát triển sự lưu thông địa phương, đồng thời vẫn tính toán nền kinh tế quốc dân sao cho công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa được khôi phục nhanh chóng hơn từ trước đến nay, — tất cả những cái đó, với chế độ tô nhượng, chúng ta có thể làm nhanh chóng hơn là không có tô nhượng; tất cả những cái đó, với một nền kinh tế nông dân đã được nghỉ ngơi và hồi phục, chúng ta có thể làm nhanh chóng hơn là khi kinh tế nông dân bị cùng cực đến tột độ như từ trước đến nay.

Đó là điều mà tôi muốn nói về vấn đề: theo quan điểm cộng sản thì cần phải đánh giá chính sách ấy như thế nào; tại sao cần có chính sách ấy; tại sao nếu chính sách ấy được áp dụng đúng đắn thì nó sẽ đem lại cho chúng ta một sự cải thiện ngay lập tức hay chí ít cũng là một sự cải thiện nhanh chóng hơn là nếu không áp dụng nó".

Báo cáo về thuế lương thực
tại Hội nghị các Bí thư và các đồng chí phụ trách các chi bộ
Đảng Cộng sản (b) Nga ở thành phố và tỉnh Mát-xcơ-va, tr.174-192.

"BÁO CÁO VỀ TÔ NHƯỢNG

[...] tôi cho rằng nếu chúng ta không thực hành được chính sách tô nhượng và không làm được cho tư bản ngoại quốc tham gia vào các tô nhượng, thì đừng nói gì tới những biện pháp thực tế lớn lao để cải thiện tình hình kinh tế. Không thể nào đề ra một cách nghiêm túc vấn đề cải thiện lập tức tình hình kinh tế, nếu không thực hành chính sách tô nhượng, nếu không từ bỏ những thiên kiến, từ bỏ chủ nghĩa ái quốc địa phương, một phần nào vứt bỏ chủ nghĩa ái quốc kiểu phường hội, và một phần nào từ bỏ cái tư tưởng mà họ nói là chúng tôi tự "nghiên cứu" lấy. Cần phải sẵn sàng chịu đựng cả một loạt hy sinh, thiếu thốn và bất lợi; cần phải đoạn tuyệt với tập quán, thậm chí phải đoạn tuyệt với những tật bệnh

cũ, miễn là có được một sự chuyển biến quan trọng và cải thiện tình trạng kinh tế trong các ngành công nghiệp chủ yếu. Dù sao, chúng ta cũng phải đạt được đến đó.

Trong đại hội đảng, mọi người đều tập trung sự chú ý vào vấn đề chính sách đối với nông dân và vấn đề thuế lương thực là vấn đề chiếm địa vị hàng đầu trong công tác lập pháp nói chung và được đảng chú ý đến, coi đó là vấn đề chính trị trung tâm. Trong vấn đề thuế lương thực và thái độ đối với nông dân, chúng ta đã hiểu được rằng nếu không lấy việc khôi phục tự do buôn bán và tự do doanh nghiệp làm gậy chống, thì chúng ta không thể nâng cao năng suất của công nghiệp lớn được khá nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của nông dân. [...] Điều đó, chúng ta không thể tự mình làm được, nếu không có sự giúp đỡ của tư bản nước ngoài. Người nào không chìm đắm trong ảo tưởng mà nhìn vào thực tế, thì phải hiểu rõ điều đó. Vì thế vấn đề tô nhượng có ý nghĩa khiến đại hội đảng phải bỏ sức giải quyết.

Qua vài lần tranh luận, Hội đồng bộ trưởng dân ủy đã thông qua những nguyên tắc cơ bản của hợp đồng tô nhượng. Bây giờ, tôi xin đọc những nguyên tắc đó lên, đồng thời nêu tất cả những nguyên tắc có ý nghĩa đặc biệt hoặc đang gây nên những ý kiến bất đồng. [...] Điều thứ nhất:

"1. Người nhận tô nhượng có trách nhiệm cải thiện đời sống công nhân trong xí nghiệp tô nhượng (so với những công nhân khác của xí nghiệp cùng loại ở địa phương) sao cho đạt tới mức sống trung bình của nước ngoài".

Chúng ta đưa nguyên tắc chủ yếu này vào trong hợp đồng là nhằm để các đảng viên cộng sản và các đồng chí lãnh đạo các cơ quan kinh tế của chúng ta có thể thấy ngay được trọng tâm của vấn đề. Khi thực hành chế độ tô nhượng thì điều trọng yếu nhất đối với chúng ta là gì? Đương nhiên là nâng cao số lượng sản phẩm lên. Điều đó, không cần nói cũng rõ. Nhưng điều cũng đặc biệt quan trọng, thậm chí có thể càng quan trọng hơn, là cải thiện ngay tức khắc đời sống của công nhân trong các xí nghiệp tô nhượng đó.

[...] Nhiệm vụ đầu tiên của người nhận tô nhượng là cải thiện đời sống cho công nhân. [...] Việc đặt cho người nhận tô nhượng trách nhiệm phải cải thiện đời sống công nhân, không xuất phát từ một nguyện vọng nhân đạo nào, mà xuất phát từ mặt thuần túy thiết thực của vấn đề. Điều thứ hai:

"2. Đồng thời, có tính đến năng suất lao động thấp của công nhân Nga, do đó có thể xét lại mức năng suất lao động của công nhân Nga tùy theo tình hình cải thiện sinh hoạt của họ".

Điều bổ sung này là cần thiết để tránh sự giải thích phiến diện điều thứ nhất. [...] Sở dĩ cần có điều thứ hai, là để cho mọi người đừng có hiểu điều thứ nhất một cách cứng nhắc. Chúng ta cần chú ý rằng chừng nào điều kiện sinh sống của công nhân chưa được cải thiện thì không thể nâng cao năng suất lao động lên được. Không tính đến điều đó, thì tất cả các vấn đề về tô nhượng sẽ lập tức được đặt ra trên một cơ sở không thiết thực, do đó bọn tư bản sẽ không chịu đàm phán với chúng ta. Điều thứ 3:

"3. Người nhận tô nhượng phải nhập từ nước ngoài vào cho công nhân các xí nghiệp tô nhượng những hàng cần thiết cho đời sống của họ; giá bán những hàng này không được cao hơn giá thành cộng thêm một tỷ lệ phần trăm nhất định về tạp phí".

[...] Ở đây, điều quan trọng là ở chỗ chúng ta đặt nguyên tắc phải nhập khẩu hàng tiêu dùng cần thiết cho công nhân. Chúng ta biết rằng, trong những điều kiện của nền kinh tế nông dân hiện nay của nước ta và trong tình hình nhiên liệu hiện nay, thì trong những năm sắp tới, chúng ta không thể cải thiện được một cách căn bản đời sống của công nhân, do đó cũng không thể nâng cao được năng suất lao động lên. Vậy cần phải làm thế nào để cho người nhận tô nhượng đồng ý ghi trong hợp đồng các điều khoản về nhập khẩu các hàng tiêu dùng cần thiết cho công nhân, và đối với người nhận tô nhượng thì điều khoản đó là hoàn toàn có thể thực hiện được. Về mặt đó, chúng ta đã có được sự đồng ý sơ bộ của một số tên cá mập tư bản. Những người nhận tô nhượng sẽ chấp nhận những điều kiện ấy, vì họ tuyệt đối cần đến những nguyên liệu là những thứ rất quý giá đối với họ. [...]

Điều đó không gây cho chúng một khó khăn nào về kinh tế cả. Chúng sẽ coi những xí nghiệp đó là những xí nghiệp được ưu tiên, chúng sẽ thu được 100%, nếu không phải là được 1000% lợi nhuận, và chúng sẽ cung cấp lương thực cho những xí nghiệp đó. Tôi xin nhắc lại là điều đó không gây cho chúng một khó khăn nào về kinh tế cả. Chúng ta phải coi nhiệm vụ cải thiện đời sống công nhân ở các xí nghiệp loại thứ nhất và sau đó ở các xí nghiệp thuộc các loại khác là cơ sở của chính sách tô nhượng của chúng ta. Dưới đây là điều thứ tư:

"4. Đồng thời, nếu Chính phủ nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga yêu cầu, thì ngoài số lượng sản phẩm để cung cấp cho công nhân trong các xí nghiệp tô nhượng, những người nhận tô nhượng phải bán thêm cho Chính phủ nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga từ 50 đến 100% số lượng trên, theo cùng một giá đã nói trên kia (giá thành cộng với tạp phí theo một tỷ lệ nhất định). Chính phủ nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga có quyền thanh toán số hàng đó bằng một phần số sản phẩm do các xí nghiệp tô nhượng đã sản xuất ra (tức là trừ vào phần sản phẩm được chia cho mình)".

Trong cuộc đàm phán sơ bộ với những tên trùm tài chính, điều kiện đó đã được họ cho là cũng có thể chấp nhận được, vì đối với họ thì những xí nghiệp tô nhượng là thuộc những xí nghiệp được ưu tiên.

[...] Ở đây, các đồng chí có thể thấy được thực chất của chính sách tô nhượng áp dụng trong điều kiện hiện nay của tư bản tài chính và trong điều kiện sự đấu tranh kịch liệt giữa những tơ-rớt với nhau. Chính sách tô nhượng là một sự liên minh do một bên này ký kết để chống lại bên kia, và chừng nào mà chúng ta chưa đủ mạnh thì chúng ta phải lợi dụng sự thù địch giữa chúng với nhau, để đứng vững được cho tới thắng lợi của cuộc cách mạng quốc tế. [...]. Điều thứ năm:

"5. Người nhận tô nhượng phải tôn trọng pháp luật của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, chẳng hạn các

đạo luật về điều kiện lao động, về kỳ hạn phát lương, v.v., phải ký hợp đồng với các công đoàn (nếu người nhận tô nhượng yêu cầu, thì chúng ta đồng ý sẽ ghi thêm là trong những hợp đồng đó, định mức của một công nhân trung bình ở Mỹ hoặc Tây Âu, là định mức bắt buộc đối với cả hai bên)".

Nêu ra điều kiện bổ sung đó là nhằm xóa bỏ mối lo ngại của bọn tư bản đối với các công đoàn nước ta. [...] Đứng về phía các nhà tư bản mà nói, thì lo ngại như vậy là hoàn toàn tự nhiên thôi. Vì vậy, chúng ta cần nói rằng chúng ta chủ trương ký một hợp đồng thiết thực, nếu không thì chẳng cần đàm phán làm gì. [...] Tôi nhắc lại là nếu không làm như thế, thì không có thể nói đến một hợp đồng nào thích hợp với quan hệ tư bản chủ nghĩa cả. Điều thứ sáu:

"6. Người nhận tô nhượng phải nghiêm chỉnh tuân theo những quy tắc khoa học và kỹ thuật phù hợp với pháp luật của nước Nga và của nước ngoài (mỗi hợp đồng sẽ quy định cụ thể)".

Điều này sẽ được quy định đặc biệt tỉ mỉ trong từng hợp đồng. Ví dụ, hợp đồng về dầu mỏ có 10 điều khoản trình bày và mô tả những quy tắc khoa học tỉ mỉ. Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là ở chỗ nó không có khả năng chăm lo đến việc sử dụng đất đai và sức lao động một cách khoa học và đúng đắn. Những quy tắc khoa học - kỹ thuật là biện pháp đấu tranh chống hiện tượng đó.

[...] Như thế là những quy tắc khoa học - kỹ thuật phải được tuân theo, và việc khai thác phải hợp lý. Những khái niệm ấy được rút từ đâu ra? Từ trong pháp luật của nước Nga và của nước ngoài. Nhờ đó chúng ta loại trừ được mối lo rằng những quy tắc ấy là do chúng ta bày đặt ra, vì nếu thế thì sẽ không có một nhà tư bản nào chịu đàm phán với chúng ta. Chúng ta lấy những cái đã có sẵn trong pháp luật của nước Nga và của nước ngoài. Nếu chúng ta rút lấy cái hay nhất trong pháp luật của nước Nga và trong bất cứ pháp luật của một nước ngoài nào khác, thì trên cơ sở ấy, chúng ta sẽ có thể đảm bảo định mức mà hiện nay bọn tư bản tiền tiến đã đạt được. Đó là một định mức thực tế mà ai cũng biết; định mức đó

không phải là sản phẩm của óc tưởng tượng của người cộng sản — điều mà bọn tư bản sợ hơn hết — mà là rút ra từ trong thực tiễn tư bản chủ nghĩa. Chúng ta đảm bảo rằng trong bất cứ điều kiện nào, về bất cứ phương diện nào, thì khi ký các hợp đồng ấy, trong tất cả các điều khoản, chúng ta sẽ không vượt quá những cái gì đã có trong luật pháp tư bản chủ nghĩa. Đó là nguyên tắc cơ bản mà chúng ta không được quên trong một giây phút nào. Chúng ta phải căn cứ vào những quan hệ tư bản chủ nghĩa mà chứng minh rằng những điều kiện ấy là có thể tiếp nhận được đối với bọn tư bản, là có lợi cho họ, đồng thời chúng ta cũng phải biết rút ra từ đó cái có lợi cho ta. Nếu không thì bàn đến vấn đề tô nhượng đều là bàn suông. Tóm lại, những điều chúng ta nêu ra đều được luật pháp tư bản chủ nghĩa thừa nhận. [...] Ở đây, chúng ta tuyệt nhiên không có một ảo tưởng nào cả, đồng thời chúng ta tự đặt cho mình một mục tiêu thực tế là cải thiện nền công nghiệp nước ta để đưa nó lên ngang với chủ nghĩa tư bản tiên tiến hiện đại. Ai biết tình hình công nghiệp nước ta, đều hiểu rằng đó là một sự cải thiện hết sức lớn. Nếu chúng ta thực hiện được những điều khoản đó cho một phần nào đó của công nghiệp, dù chỉ là cho một phần mười đi nữa, thì đó cũng là một bước tiến vô cùng lớn có thể có được đối với chúng và hết sức đáng mong đối với chúng ta. Điều thứ bảy:

"7. Về vấn đề người nhận tô nhượng chở thiết bị máy móc từ nước ngoài tới, thì xử lý theo quy tắc giống như quy định ở điều 4".

Điều thứ tư có quy định rằng người nhận tô nhượng, ngoài những hàng cần thiết cho xí nghiệp của họ, còn phải nhập thêm vào cho ta — nếu chúng ta quy định điều đó trong hợp đồng — một số hàng để bán cho chúng ta theo giá đặc biệt. [...]

Hiện nay, hoặc là chúng ta sẽ lợi dụng sự thù địch giữa các tơ-rớt, hoặc là chúng ta sẽ không thích ứng được với những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản và sẽ không sống nổi được trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Điều thứ tám:

"8. Vấn đề trả lương cho công nhân ở các xí nghiệp tô nhượng, trả bằng ngoại tệ, bằng phiếu đặc biệt hay bằng tiền xô-viết, v.v., thì sẽ được quy định theo sự thỏa thuận riêng trong từng hợp đồng".

Như các đồng chí đã thấy, ở đây chúng ta chấp thuận mọi hình thức trả lương: bằng ngoại tệ, bằng tín phiếu, bằng tiền xô-viết, và chúng ta cũng đồng ý trước là xem xét một cách dễ dãi tất cả những đề nghị mà những nhà kinh doanh sẽ đưa ra với chúng ta. [...] Điều này có thể làm được vì nhà tư bản, thông qua xí nghiệp tô nhượng, sẽ thu được những lợi nhuận lớn, còn chúng ta thì sẽ cải thiện được phần nào đời sống của công nhân nước ta, sẽ có thêm được một số sản phẩm nhờ vào cái phần mà chúng ta thu được. [...] Về phương diện hình thức trả lương, ta không hề trói buộc các nhà tư bản. Mỗi một điều khoản trong hợp đồng tô nhượng đều bao hàm một cuộc đấu tranh giữa những nhà tư bản với những người xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không sợ cuộc đấu tranh đó và tin chắc trước rằng chúng ta sẽ biết tranh thủ tất cả những điều lợi từ tô nhượng. Điều thứ chín:

"9. Điều kiện về thuê mướn, về sinh hoạt vật chất, về trả lương cho các công nhân lành nghề và nhân viên người nước ngoài được quy định theo sự thỏa thuận tự do giữa người nhận tô nhượng với những loại công nhân viên nói trên.

Công đoàn không có quyền đòi áp dụng các mức lương của Nga, cũng như các luật lệ của Nga về việc thuê mướn nhân công đối với những công nhân đó".

Chúng ta cho rằng điều thứ chín hoàn toàn cần thiết, vì nếu giả định bọn tư bản tin cậy những người cộng sản thì thật là hết sức ngốc. Đứng về mặt nguyên tắc mà xét, và nhất là đứng trên quan điểm "thực tế chủ nghĩa" mà xét thì điều đó lại càng rõ ràng. [...] Bất tất phải dạy chủ nghĩa cộng sản cho bọn tư bản. Chúng ta là những người cộng sản ưu tú, nhưng chúng ta không thông qua tô nhượng để thực hiện chế độ cộng sản. Tô nhượng là một hợp đồng ký với một quốc gia tư sản. Nếu có một đảng viên cộng sản nào muốn ký hợp đồng với một quốc gia tư sản trên cơ sở các nguyên tắc cộng sản, thì chúng ta sẽ bỏ người đó vào nhà thương điên và sẽ bảo anh ta rằng:

"Anh tuy là một đảng viên cộng sản ưu tú, nhưng không làm được công tác ngoại giao tại một quốc gia tư sản"; cũng như một đảng viên cộng sản nào, trong chính sách tô nhượng mà lại muốn thể hiện chủ nghĩa cộng sản của mình vào trong bản hợp đồng, thì người đó cũng không khác gì người điên lắm. Ở đây cần phải hiểu biết thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, và nếu anh không hiểu biết nó thì anh chẳng làm được gì cả. Hoặc không ký tô nhượng, hoặc phải hiểu rằng cần lợi dụng các điều kiện tư bản chủ nghĩa để làm lợi cho ta và để cho công nhân và nhân viên kỹ thuật nước ngoài được tự do hoàn toàn.

[...] Điều cuối cùng — điều thứ mười:

"10. Theo sự thỏa thuận với các cơ quan chính phủ của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, có thể cho người nhận tô nhượng quyền mời những chuyên gia có trình độ cao trong số công dân Nga; các điều kiện tuyển dụng, trong từng trường hợp, phải được sự đồng ý của các cơ quan chính quyền trung ương".

[...] Đối với những người này, chúng ta không can thiệp gì vào công việc của họ, họ vẫn hoàn toàn lệ thuộc vào các quan hệ tư bản chủ nghĩa. Còn đối với các chuyên gia và nhân viên kỹ thuật của chúng ta, thì chúng ta không hứa cho họ được tự do như vậy. Chúng ta không thể để các chuyên gia ưu tú nhất của chúng ta làm việc ở các xí nghiệp tô nhượng. Chúng ta không muốn hoàn toàn cấm họ làm ở các xí nghiệp tô nhượng, nhưng việc thi hành hợp đồng phải được giám sát từ trên xuống và từ dưới lên.

[...] Không còn nghi ngờ gì nữa rằng mỗi một hợp đồng tô nhượng sẽ là một loại chiến tranh mới, một cuộc chiến tranh kinh tế, một sự chuyển chiến tranh sang một lĩnh vực khác. [...] Mỗi xí nghiệp tô nhượng đều là một món lợi, là một sự cải thiện ngay tức khắc đời sống cho một bộ phận công nhân và nông dân. Sở dĩ cho nông dân, là vì mỗi một xí nghiệp tô nhượng sẽ đòi hỏi một số sản phẩm phụ thêm vào đó mà chúng ta không thể cung cấp được, nhưng những sản phẩm đó chúng ta sẽ lấy bằng cách trao đổi với nông dân, chứ không bằng biện pháp thu thuế.

Đó là một việc không dễ dàng, mà thậm chí còn rất khó khăn đối với các cơ quan Chính quyền xô-viết. Xuất phát từ lập trường cơ bản đó, phải đề ra cho mình nhiệm vụ là thực hiện những tô nhượng, đồng thời vứt bỏ tất cả những thiên kiến hiện đang tồn tại về vấn đề đó, vứt bỏ thái độ không muốn có sự chuyển biến, không muốn hy sinh những lề thói cũ, vứt bỏ sự khó xử do chỗ một bộ phận công nhân này được hưởng nhiều hơn bộ phận công nhân khác".

Hội nghị Đảng đoàn Đảng Cộng sản tại Ban Chấp hành Trung ương các công đoàn toàn Nga, tr.198-217.

"BÀN VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC (Ý NGHĨA CỦA CHÍNH SÁCH MỚI VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CỦA CHÍNH SÁCH ẤY) THAY LỜI TỰA

Hiện nay, vấn đề thuế lương thực được đặc biệt chú ý và gây nên nhiều cuộc bàn cãi và tranh luận. Điều đó cũng dễ hiểu, vì trong những điều kiện hiện nay thì quả thật đó là một trong những vấn đề chính trị chủ yếu.

[...] Để thử làm việc đó, tôi xin phép trích dẫn ra đây một đoạn dài trong cuốn sách nhỏ của tôi nhan đề là: "Nhiệm vụ chủ yếu của thời đại chúng ta. — Về bệnh ấu trĩ "tả khuynh" và tính tiểu tư sản". [...] Tôi chỉ giữ lại phần có liên quan đến những lý luận về "chủ nghĩa tư bản nhà nước" và những thành phần cơ bản của nền kinh tế quá độ hiện nay của chúng ta từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đây là những điều tôi đã viết hồi đó:

VỀ NỀN KINH TẾ HIỆN NAY CỦA NƯỚC NGA (TRÍCH CUỐN SÁCH NHỎ NĂM 1918)

"... Chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ là một bước tiến so với tình hình hiện nay trong nước Cộng hòa xô-viết của chúng ta. Nếu chẳng hạn trong khoảng nửa năm nữa, mà ở nước ta đã thiết lập được chủ nghĩa tư bản nhà nước thì đó sẽ là thắng lợi to lớn và là

điều bảo đảm chắc chắn nhất rằng qua một năm sau, chủ nghĩa xã hội nước ta sẽ được củng cố hoàn toàn và trở nên vô địch.

Tôi hình dung thấy một số người sẽ bác bỏ những câu nói ấy của tôi với sự căm phẫn cao quý như thế nào... Thế là thế nào? Một nước Cộng hòa xô-viết xã hội chủ nghĩa mà chuyển sang *chủ nghĩa tư bản* nhà nước, lại có thể là một bước tiến được ư?... Đó chẳng phải là phản lại chủ nghĩa xã hội hay sao?

Chính vì vậy mà chúng ta phải bàn tỉ mỉ hơn về điểm ấy.

Thứ nhất, cần phân tích xem *bước quá độ* từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội là thế nào mà nó lại khiến chúng ta có quyền và có căn cứ để tự gọi mình là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết.

Thứ hai, cần vạch ra sai lầm của những người không nhìn thấy những điều kiện kinh tế tiểu tư sản và tính tự phát tiểu tư sản là kẻ thù *chính* của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ ba, cần hiểu rõ ý nghĩa của nhà nước *xô-viết* xét trên phương diện sự khác biệt về mặt kinh tế giữa nó và nhà nước tư sản.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét ba điều ấy.

Có lẽ, chưa có một người nào khi nghiên cứu vấn đề kinh tế của nước Nga lại phủ nhận tính chất quá độ của nền kinh tế ấy. Có lẽ cũng không có người cộng sản nào lại phủ nhận điều sau đây: danh từ "nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết" có nghĩa là Chính quyền xô-viết quyết tâm thực hiện bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, chứ hoàn toàn không có nghĩa là đã thừa nhận chế độ kinh tế hiện nay là chế độ xã hội chủ nghĩa.

Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có. Song không phải mỗi người thừa nhận điểm ấy đều suy nghĩ xem các thành phần của kết cấu kinh tế - xã hội khác nhau hiện có ở Nga, chính là như thế nào. Mà tất cả then chốt của vấn đề lại chính là ở chỗ đó.

Chúng ta hãy kể ra những thành phần kinh tế ấy:

1) kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên;

2) sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mì);

3) chủ nghĩa tư bản tư nhân;

4) chủ nghĩa tư bản nhà nước;

5) chủ nghĩa xã hội.

[...] Thử hỏi, thành phần nào chiếm ưu thế? Rất rõ ràng, trong một nước tiểu nông thì tính tự phát tiểu tư sản chiếm ưu thế và không thể không chiếm ưu thế; số đông, thậm chí là đại đa số nông dân đều là những người sản xuất hàng hóa nhỏ. Cho nên ở nước ta, cái vỏ chủ nghĩa tư bản nhà nước (độc quyền lúa mì, sự giám sát của nhà nước đối với chủ xí nghiệp và thương nhân, những người hoạt động trong hợp tác xã tư sản) đang bị *bọn đầu cơ* chọc thủng khi ở chỗ này lúc ở chỗ nọ, và mặt hàng chính để đầu cơ là *lúa mì*.

Cuộc đấu tranh chủ yếu hiện đang mở rộng chính là ở trong lĩnh vực đó. Nếu chúng ta nói đến những danh từ kinh tế như "chủ nghĩa tư bản nhà nước", thì cuộc đấu tranh ấy đang diễn ra giữa ai và ai? Có phải là giữa thành phần thứ tư và thành phần thứ năm theo thứ tự mà tôi kể trên, hay không? Đương nhiên là không. Ở đây không phải là chủ nghĩa tư bản nhà nước đấu tranh với chủ nghĩa xã hội, mà là giai cấp tiểu tư sản cộng với chủ nghĩa tư bản tư nhân cùng nhau đấu tranh chống lại cả chủ nghĩa tư bản nhà nước lẫn chủ nghĩa xã hội. Giai cấp tiểu tư sản chống lại *bất cứ* sự can thiệp, kiểm kê và kiểm soát nào của nhà nước, dù là chủ nghĩa tư bản nhà nước hay chủ nghĩa xã hội nhà nước. Đó là một sự thật không thể tranh cãi vào đâu được, một sự thật mà không hiểu nó thì gây ra nhiều sai lầm về kinh tế. [...]

Người tiểu tư sản tàng trữ một số ít tiền, vài nghìn rúp, tích lũy được một cách "chính đáng" và nhất là một cách không chính đáng trong thời kỳ chiến tranh. Đấy là loại thành phần kinh tế tiêu biểu với tính cách là cơ sở của tệ đầu cơ và của chủ nghĩa tư bản tư nhân. [...] họ không tin chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nào hết, họ chỉ "ngồi chờ" cho qua cơn bão táp vô sản. Hoặc là chúng ta làm cho người tiểu tư sản ấy phục tùng sự kiểm soát và

kiểm kê của chúng ta (chúng ta có thể làm được việc đó, nếu chúng ta tổ chức được quần chúng dân nghèo, nghĩa là phần lớn dân cư, hoặc quần chúng nửa vô sản, xung quanh đội tiền phong vô sản giác ngộ), hoặc là để cho người tiểu tư sản ấy lật đổ chính quyền công nhân của chúng ta một cách không tránh khỏi [...].

Người tiểu tư sản cất giữ vài nghìn rúp là kẻ thù của chủ nghĩa tư bản nhà nước, họ chỉ muốn dùng những khoản tiền ấy cho riêng họ thôi, chống lại dân nghèo, chống lại bất cứ sự kiểm soát chung nào của nhà nước; [...].

Nhưng thế lực tự phát của tiểu tư hữu và chủ nghĩa tư bản tư nhân đang phá hoại địa vị pháp lý ấy bằng nhiều cách, ngấm ngầm đầu cơ, phá hoại việc thực hiện các sắc lệnh của Chính quyền xô-viết. Chủ nghĩa tư bản nhà nước vẫn là một bước tiến to lớn dù cho (tôi cố ý nêu ví dụ về con số để nêu bật lý lẽ đó) chúng ta phải trả một khoản lớn hơn hiện nay, bởi vì trả "học phí" là một việc đáng giá, vì cái đó có ích cho công nhân, vì việc chiến thắng được tình trạng hỗn độn, tình trạng suy sụp về kinh tế và hiện tượng lỏng lẻo là cái quan trọng hơn hết, vì việc để tình trạng vô chính phủ của những kẻ tiểu tư hữu tiếp tục tồn tại là một mối nguy lớn nhất, đáng sợ nhất, nó sẽ làm cho chúng ta bị diệt vong (nếu chúng ta không chiến thắng nó) *một cách dứt khoát,* còn trả một khoản lớn hơn cho chủ nghĩa tư bản nhà nước thì điều ấy không những không làm cho chúng ta bị diệt vong, trái lại, nó sẽ đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất. [...]

Chủ nghĩa tư bản nhà nước *về kinh tế* cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta, đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, chủ nghĩa tư bản nhà nước không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền xô-viết, vì nước Xô-viết là một nước mà trong đó chính quyền của công nhân và nông dân nghèo đã được bảo đảm...

* *
*

[...] Nhưng trong lúc cách mạng Đức còn chậm "ra đời" thì nhiệm vụ của chúng ta là *học tập* chủ nghĩa tư bản nhà nước của

người Đức, *dốc hết sức* ra bắt chước nó và không ngại dùng biện pháp độc tài để đẩy nhanh nước Nga cổ dã man bắt chước con đường phát triển của Tây Âu đó, và không ngần ngại dùng những thủ đoạn dã man để đấu tranh với tình trạng dã man. [...]

Hiện nay ở Nga, chính là chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản chiếm ưu thế, từ chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản đi đến chủ nghĩa tư bản nhà nước với quy mô lớn cũng như đi đến chủ nghĩa xã hội, đều trải qua *cùng một con đường, thông qua cùng một* cái trạm trung gian, đó là "sự kiểm kê và kiểm soát của toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm". Ai không hiểu được điểm ấy thì người đó sẽ mắc phải sai lầm không thể tha thứ được trên vấn đề kinh tế, hoặc là không biết tình hình thực tế, không nhìn thấy sự vật hiện có, không biết nhìn thẳng vào sự thật, hoặc là chỉ tự hạn chế ở chỗ đem "chủ nghĩa tư bản" đối lập một cách trừu tượng với "chủ nghĩa xã hội", chứ không nghiên cứu những hình thức cụ thể và các giai đoạn của sự quá độ ấy trong lúc này ở nước ta.

[...] Chính vì nếu không trải qua một cái gì *chung* cho chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội (sự kiểm kê và kiểm soát của toàn dân) thì không thể vượt khỏi tình trạng kinh tế hiện nay của Nga để tiến lên, cho nên dọa người và dọa mình bằng câu "tiến hóa *về phía* chủ nghĩa tư bản nhà nước" là một điều hoàn toàn phi lý về lý luận. Cái đó chính có nghĩa là suy nghĩ "thoát ly khỏi" con đường thực tế của "tiến hóa", không hiểu con đường ấy; trong thực tiễn, như vậy chẳng khác gì *kéo lùi* về phía chủ nghĩa tư bản tiểu tư hữu.

[...]

VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC, TỰ DO BUÔN BÁN VÀ NHỮNG TÔ NHƯỢNG

Những điều trên đây viết năm 1918, có một loạt sai lầm về mặt thời hạn. Các thời hạn đều dài hơn như đã giả định hồi đó. Điều đó không có gì là lạ. Nhưng những thành phần chủ yếu của nền kinh tế chúng ta vẫn như cũ. Nông dân "nghèo" (vô sản và nửa vô sản), trong

rất nhiều trường hợp, đã trở thành trung nông. Thành thử "thế lực tự phát" tiểu tư hữu, tiểu tư sản đã tăng lên. Mặt khác, cuộc nội chiến 1918-1920 đã làm cho tình trạng kinh tế bị tàn phá của đất nước trở nên trầm trọng ghê gớm, đã kìm hãm việc phục hồi các lực lượng sản xuất, đã làm cho chính giai cấp vô sản hao tổn sức lực nhiều nhất. Thêm vào đó, nạn mất mùa năm 1920, nạn thiếu thức ăn cho gia súc, nạn chết súc vật, càng kìm hãm thêm việc phục hồi ngành vận tải và công nghiệp và đã ảnh hưởng đến, chẳng hạn, việc dùng ngựa của nông dân để vận tải gỗ, nhiên liệu chính của chúng ta.

Kết quả là: tình hình chính trị hồi đầu mùa xuân năm 1921 đã đưa đến chỗ bắt buộc phải dùng những biện pháp cấp tốc, cương quyết nhất, cấp thiết nhất để cải thiện đời sống của nông dân và nâng cao lực lượng sản xuất của họ.

[...] Tóm lại: trước hết phải dùng những biện pháp cấp bách và quan trọng để nâng cao các lực lượng sản xuất của nông dân.

Không thể làm được như vậy, nếu không có những sự sửa đổi lớn trong chính sách lương thực. Một trong những điều sửa đổi đó là thay chế độ trưng thu bằng thuế lương thực, do đó có tự do buôn bán, ít nhất cũng là trong phạm vi địa phương, sau khi đã nộp đủ thuế.

Thực chất của việc thay chế độ trưng thu bằng thuế lương thực là gì?

[...] Thuế lương thực là một trong những hình thức quá độ từ "chế độ cộng sản thời chiến", một chế độ cộng sản đặc biệt do tình trạng cùng khốn cực độ, tình trạng hoang tàn và chiến tranh buộc chúng ta phải thi hành, sang chế độ trao đổi sản phẩm xã hội chủ nghĩa bình thường. Và chế độ này lại là một trong những hình thức quá độ từ chủ nghĩa xã hội, — với những đặc điểm do tình trạng tiểu nông chiếm đại đa số trong dân cư tạo nên, — sang chủ nghĩa cộng sản.

"Chế độ cộng sản thời chiến" có điểm đặc biệt là: trên thực tế, chúng ta lấy của nông dân tất cả những lương thực thừa và thậm chí đôi khi cả những lương thực không phải là thừa mà là một phần những lương thực cần thiết cho sự sinh sống của họ, lấy để cung cấp cho quân đội và để nuôi công nhân. Phần nhiều, chúng ta

mua chịu, trả bằng tiền giấy. Nếu không, chúng ta đã không thể thắng được bọn địa chủ và tư bản trong cái nước tiểu nông bị tàn phá này. [...]

Tuy vậy, cũng cần phải biết đúng mức thành tích ấy. Chiến tranh và tình trạng tàn phá đã buộc chúng ta phải thi hành "chế độ cộng sản thời chiến". Nó không phải và không thể là một chính sách phù hợp với nhiệm vụ kinh tế của giai cấp vô sản. Nó là một biện pháp tạm thời. Đối với giai cấp vô sản đang thực hiện quyền chuyên chính của mình trong một nước tiểu nông thì chính sách đúng đắn là phải tổ chức việc trao đổi những sản phẩm công nghiệp cần thiết cho nông dân, để lấy lúa mì của nông dân. Chỉ có chính sách lương thực ấy mới phù hợp với những nhiệm vụ của giai cấp vô sản, chỉ có chính sách đó mới có thể củng cố được cơ sở của chủ nghĩa xã hội và đưa chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi hoàn toàn.

Thuế lương thực đánh dấu một bước chuyển sang chính sách ấy. Chúng ta đang còn ở vào tình trạng bị tàn phá, bị đè nặng bởi gánh nặng của chiến tranh (chiến tranh đã diễn ra hôm qua đây, và ngày mai, do lòng tham lam và tính hung ác của bọn tư bản, chiến tranh còn có thể nổ ra) đến mức là chúng ta không thể cung cấp được cho nông dân những sản phẩm công nghiệp để đổi lấy *tất cả* lúa mì mà chúng ta cần dùng. Chúng ta biết như vậy, nên chúng ta đặt ra thuế lương thực, nghĩa là chúng ta thu dưới danh nghĩa là thuế, số lúa mì tối thiểu, cần thiết (cho quân đội và công nhân); phần còn lại, chúng ta sẽ đổi bằng các sản phẩm công nghiệp. Đồng thời cũng không nên quên điều này. Cảnh khốn cùng và tàn phá đã lên đến một mức khiến chúng ta không thể phục hồi *ngay lập tức* được nền đại sản xuất công nghiệp xã hội chủ nghĩa nhà nước. Muốn thế chúng ta phải có nhiều dự trữ lúa mì và nhiên liệu ở những trung tâm đại công nghiệp; phải thay những máy cũ bằng những máy mới v.v.. Kinh nghiệm đã cho chúng ta biết rằng không thể làm việc ấy ngay một lúc được; và chúng ta biết rằng sau cuộc chiến tranh đế quốc tàn phá, thì ngay cả những nước giàu nhất và tiên tiến nhất cũng chỉ có thể hoàn thành nhiệm vụ ấy sau

một thời gian nhiều năm. Vậy, trong một chừng mực nào đó, phải giúp đỡ việc phục hồi *tiểu* công nghiệp là công nghiệp không đòi hỏi phải có máy móc, phải có những dự trữ của nhà nước, những dự trữ lớn về nguyên liệu, nhiên liệu, thực phẩm, mà lại có thể giúp đỡ ngay một phần nào cho nền kinh tế nông dân và nâng cao các lực lượng sản xuất của nền kinh tế ấy.

Kết quả thế nào?

Chính là nhờ có tự do buôn bán đến một mức nào đó (dầu chỉ trong phạm vi địa phương) mà giai cấp tiểu tư sản và chủ nghĩa tư bản phục hồi lại. Đó là điều không thể chối cãi được. Nhắm mắt bỏ qua điều đó thì thật là lố bịch.

Vấn đề đặt ra là: có cần thiết phải như vậy không? Có thể cho như thế là đúng không? Có nguy hiểm không?

[...] Vậy, trước hiện thực kinh tế ấy, giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa có thể theo chính sách nào? Đổi cho tiểu nông *tất cả* những sản phẩm mà họ cần dùng, do những công xưởng lớn xã hội chủ nghĩa sản xuất, để lấy lúa mì và nguyên liệu chăng? Đó sẽ là chính sách đáng mong muốn nhất, "đúng" nhất; và đó là chính sách mà chúng ta đã bắt đầu thi hành. Nhưng chúng ta không thể cung cấp *tất cả* sản phẩm, hoàn toàn không thể cung cấp được, và còn lâu chưa thể cung cấp được, ít nhất là chừng nào mà chúng ta chưa hoàn thành được phần đầu của các công trình điện khí hóa cả nước. Vậy làm thế nào bây giờ? Hoặc giả tìm cách ngăn cấm, triệt để chặn đứng mọi sự phát triển của sự trao đổi tư nhân, không phải là quốc doanh, tức là của thương mại, tức là của chủ nghĩa tư bản, một sự phát triển không thể tránh được khi có hàng triệu người sản xuất nhỏ. Chính sách ấy là một sự dại dột và tự sát đối với đảng nào muốn áp dụng nó. Dại dột, vì về phương diện kinh tế, chính sách ấy là không thể nào thực hiện được; tự sát, vì những đảng nào định thi hành một chính sách như thế, nhất định sẽ bị phá sản. [...]

Hoặc giả (chính sách cuối cùng *có thể áp dụng được* và duy nhất hợp lý) không tìm cách ngăn cấm hay chặn đứng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản mà tìm cách hướng nó vào con đường

chủ nghĩa tư bản nhà nước. Về phương diện kinh tế, đó là điều có thể thực hiện được, vì ở chỗ nào có những thành phần tự do buôn bán và những thành phần tư bản chủ nghĩa nói chung, thì ở đó, có chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức này hay hình thức khác, ở trình độ này hay trình độ nọ.

Nhưng liệu có thể kết hợp, liên hợp, phối hợp Nhà nước xô-viết, nền chuyên chính vô sản, với chủ nghĩa tư bản nhà nước được không?

Tất nhiên là được. Đó là điều mà tôi đã cố gắng chứng minh hồi tháng Năm 1918. Và điều đó tôi đã chứng minh được hồi tháng Năm 1918, tôi hy vọng như thế. Hơn nữa, ngay hồi đó tôi đã chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là một bước tiến so với thế lực tự phát tiểu tư hữu (và tiểu gia trưởng, và tiểu tư sản). Người ta sẽ phạm vô số sai lầm nếu chỉ đối chiếu hoặc so sánh chủ nghĩa tư bản nhà nước với chủ nghĩa xã hội thôi, khi mà trong hoàn cảnh chính trị và kinh tế hiện nay, người ta nhất định phải so sánh chủ nghĩa tư bản nhà nước cả với nền sản xuất tiểu tư sản nữa.

Tất cả vấn đề — về lý luận cũng như trên thực tiễn — là tìm ra những phương pháp đúng giúp ta hướng sự phát triển không thể tránh được (đến một trình độ nào đó và trong một thời gian nào đó) của chủ nghĩa tư bản vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước; là đặt ra những điều kiện cần thiết cho công việc ấy và bảo đảm sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản nhà nước sang chủ nghĩa xã hội trong một tương lai gần.

Muốn giải quyết vấn đề này, trước hết, phải hình dung thật hết sức rõ, xem trong thực tiễn, chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ như thế nào và sẽ có thể như thế nào trong lòng chế độ xô-viết của chúng ta, trong khuôn khổ Nhà nước xô-viết của chúng ta.

Trường hợp hoặc ví dụ đơn giản nhất về cách mà Chính quyền xô-viết dùng để hướng bước phát triển của chủ nghĩa tư bản vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước và về cách mà Chính quyền xô-viết "du nhập" chủ nghĩa tư bản nhà nước, là chế độ tô nhượng. Hiện nay, ở nước ta, mọi người đều đồng ý thừa nhận rằng chế độ tô nhượng là cần thiết, nhưng không phải tất cả mọi người đều nghĩ đến ý nghĩa của chế độ đó. Nếu xét về phương diện các kết

cấu kinh tế - xã hội cũng như về mối quan hệ giữa những kết cấu ấy với nhau, thì trong chế độ xô-viết, tô nhượng là gì? Đó là một giao kèo, một sự liên kết, một liên minh giữa chính quyền nhà nước xô-viết, nghĩa là nhà nước vô sản, với chủ nghĩa tư bản nhà nước, chống lại thế lực tự phát tiểu tư hữu (có tính chất gia trưởng và tiểu tư sản). Người nhận tô nhượng là nhà tư bản. Họ kinh doanh theo phương thức tư bản để lấy lợi nhuận; họ đồng ý thỏa thuận với chính quyền vô sản để cốt thu được lợi nhuận bất thường, lợi nhuận siêu ngạch hoặc để có được loại nguyên liệu mà họ không thể tìm được hoặc khó tìm được bằng cách khác. Chính quyền xô-viết cũng có lợi: lực lượng sản xuất phát triển, số lượng sản phẩm tăng lên ngay hoặc trong một thời gian ngắn nhất. Chúng ta có, chẳng hạn, một trăm xí nghiệp, hầm mỏ, khu rừng. Do thiếu máy móc, lương thực và phương tiện vận tải, chúng ta không thể khai thác tất cả được. Cũng vì những lý do ấy mà chúng ta không khai thác được tốt các khu vực khác. Do khai thác kém và không đầy đủ các xí nghiệp lớn, nên kết quả là thành phần tiểu tư hữu tăng lên về mọi mặt: kinh tế nông dân ở vùng xung quanh bị suy yếu (rồi toàn bộ nền kinh tế nông dân cũng thế), các lực lượng sản xuất nông nghiệp bị lung lay, tín nhiệm của nông dân đối với Chính quyền xô-viết giảm sút, tình trạng trộm cắp của công nặng nề và nạn đầu cơ nhỏ lan tràn (nạn này nguy hiểm nhất), v.v.. Khi "du nhập" chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức tô nhượng, Chính quyền xô-viết tăng cường được nền đại sản xuất đối lập với nền tiểu sản xuất, nền sản xuất tiên tiến đối lập với nền sản xuất lạc hậu, nền sản xuất cơ khí hóa đối lập với nền sản xuất thủ công, nó tăng thêm số sản phẩm mà nó thu được của đại công nghiệp (phần chia cho nó), nó củng cố được những quan hệ kinh tế do nhà nước điều chỉnh đối lập với những quan hệ tiểu tư sản vô chính phủ. Áp dụng một cách có chừng mực và thận trọng, chính sách tô nhượng nhất định sẽ giúp chúng ta cải thiện được nhanh chóng (đến một mức độ nào đó không cao lắm) tình trạng sản xuất, đời sống của công nhân và nông dân; dĩ nhiên là phải có một vài hy sinh, là thả cho tư bản hàng chục triệu pút sản

phẩm vô cùng quý báu. Mức độ và những điều kiện trong đó tô nhượng sẽ có lợi và không nguy hại cho chúng ta, là tùy thuộc vào sự so sánh lực lượng; chính cuộc đấu tranh sẽ quyết định điều đó, vì tô nhượng cũng là một hình thức đấu tranh, là sự tiếp tục của đấu tranh giai cấp dưới một hình thức khác, chứ tuyệt nhiên không phải là sự thay thế đấu tranh giai cấp bằng hòa bình giai cấp. Thực tiễn sẽ chỉ rõ những phương thức đấu tranh.

So với những hình thức khác của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong lòng chế độ xô-viết, thì chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức tô nhượng có lẽ là hình thức đơn giản nhất, rành mạch nhất, sáng tỏ nhất, có hình thù rõ rệt nhất. Ở đây chúng ta có một hợp đồng trực tiếp, chính thức viết trên giấy tờ, với chủ nghĩa tư bản Tây Âu, là chủ nghĩa tư bản văn minh nhất, tiên tiến nhất. Chúng ta biết đích xác những cái lợi và cái hại cho chúng ta, những quyền hạn và nghĩa vụ của chúng ta; chúng ta biết đích xác thời hạn chúng ta cho tô nhượng, chúng ta biết những điều kiện để chuộc lại trước kỳ hạn, nếu hợp đồng có nói đến quyền ấy. Chúng ta trả một "cống nạp" cho chủ nghĩa tư bản thế giới, về một số mặt nào đó, chúng ta trả cho họ một món "tiền chuộc", nhưng chúng ta có ngay được một biện pháp nhất định để củng cố Chính quyền xô-viết, để cải thiện những điều kiện làm ăn của chúng ta. Về các tô nhượng, thì tất cả khó khăn của nhiệm vụ là phải suy nghĩ, phải cân nhắc hết mọi điều khi ký hợp đồng tô nhượng và sau đó phải biết theo dõi việc chấp hành nó. Cố nhiên, như vậy có khó khăn, và trong thời gian đầu không thể tránh khỏi sai lầm. Nhưng so với những nhiệm vụ khác của cách mạng xã hội và nói riêng so với những hình thức khác để phát triển, dung nạp và du nhập chủ nghĩa tư bản nhà nước, thì những khó khăn ấy là rất nhỏ.

Với việc ban hành thuế lương thực thì nhiệm vụ quan trọng nhất của tất cả các cán bộ của đảng và của các cơ quan xô-viết là phải biết áp dụng những nguyên tắc, những nguyên lý, những cơ sở của chính sách "tô nhượng" (tức là giống như chủ nghĩa tư bản nhà nước trong lĩnh vực "tô nhượng") vào những hình thái khác của chủ nghĩa tư bản, của tự do buôn bán, của những sự trao đổi địa phương, v.v..

Chúng ta hãy nói về các hợp tác xã. Không phải là không có lý do mà sắc lệnh về thuế lương thực đã làm cho phải duyệt lại ngay bản điều lệ của các hợp tác xã và mở rộng, trong một mức độ nào đó, "tự do" và quyền hạn của các hợp tác xã. Các hợp tác xã cũng là một hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước nhưng ít đơn giản hơn, có hình thù ít rõ rệt hơn, phức tạp hơn và vì thế, trong thực tế, nó đặt Chính quyền xô-viết trước những khó khăn lớn hơn. Các hợp tác xã của những người sản xuất nhỏ (ở đây nói đến những hợp tác xã này là những hợp tác xã chiếm đa số, điển hình trong một nước tiểu nông, chứ không nói đến những hợp tác xã công nhân) nhất định sản sinh ra những quan hệ tư bản, tiểu tư sản, góp phần phát triển những quan hệ ấy, đẩy những nhà tư bản nhỏ lên hàng đầu, mang lại cho họ những lợi ích lớn nhất. Khi những người tiểu chủ chiếm ưu thế và sự trao đổi có thể và cần phải có thì không thể nào khác thế được. Trong những điều kiện hiện nay của nước Nga, tự do và quyền lợi của hợp tác xã có nghĩa là tự do và quyền lợi cho chủ nghĩa tư bản. Nhắm mắt trước sự thật hiển nhiên ấy là dại dột hoặc là có tội.

Nhưng, dưới Chính quyền xô-viết, chủ nghĩa tư bản "hợp tác xã" khác với chủ nghĩa tư bản tư nhân, nó là một hình thái của chủ nghĩa tư bản nhà nước, và như thế thì hiện nay, nó có lợi và có ích cho chúng ta, dĩ nhiên là có lợi và có ích trong một mức độ nào đó. Vì thuế lương thực có nghĩa là tự do bán lương thực thừa (mà nông dân còn lại sau khi đã nộp xong thuế lương thực), nên chúng ta phải cố sức hướng sự phát triển *ấy* của chủ nghĩa tư bản, — vì tự do bán, tự do mậu dịch *chính là* sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, — vào con đường của chủ nghĩa tư bản hợp tác xã. Chủ nghĩa tư bản hợp tác xã giống chủ nghĩa tư bản nhà nước ở chỗ nó tạo điều kiện thuận lợi cho sự kiểm kê, kiểm soát, theo dõi, cho những quan hệ đã ghi trong hợp đồng giữa nhà nước (ở đây là Nhà nước xô-viết) với nhà tư bản. Nếu xét về mặt hình thức thương nghiệp thì hợp tác xã có lợi và có ích hơn thương nghiệp tư nhân, chẳng những vì những lý do đã kể trên, mà còn vì nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên hợp và tổ chức hàng triệu người, sau đó toàn thể

dân chúng; và tình hình ấy lại là một điều lợi rất lớn cho bước quá độ tương lai từ chủ nghĩa tư bản nhà nước lên chủ nghĩa xã hội.

Bây giờ, chúng ta hãy so sánh tô nhượng với chế độ hợp tác, là những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Tô nhượng dựa trên cơ sở đại công nghiệp cơ khí hóa; chế độ hợp tác thì dựa trên cơ sở tiểu công nghiệp, trên nền sản xuất thủ công mà một bộ phận thậm chí còn có tính chất gia trưởng. Trong mỗi hợp đồng tô nhượng, tô nhượng chỉ quan hệ đến độc một nhà tư bản hay độc một hãng, một xanh-đi-ca, các-ten hay tơ-rớt thôi. Hợp tác xã lại bao gồm hàng ngàn, thậm chí hàng triệu tiểu nghiệp chủ. Tô nhượng thì cho phép và thậm chí nhất thiết phải có một hợp đồng chính xác và một thời hạn chính xác. Hợp tác xã thì không có hợp đồng và cũng không có thời hạn thật là chính xác. Thủ tiêu một đạo luật về hợp tác xã dễ hơn nhiều so với việc bãi bỏ một hợp đồng tô nhượng, nhưng bãi bỏ hợp đồng tô nhượng có nghĩa là lập tức và đơn giản cắt đứt ngay những quan hệ thực tế của sự liên minh kinh tế hay của sự "chung sống" về mặt kinh tế với nhà tư bản; trái lại, không có sự thủ tiêu một đạo luật nào về hợp tác xã và không một đạo luật nào nói chung có thể cắt đứt ngay được chẳng những sự "chung sống" thực tế của Chính quyền xô-viết với các nhà tư bản nhỏ, mà nói chung, còn không thể cắt đứt được các mối quan hệ kinh tế hiện có. "Giám sát" một kẻ được tô nhượng là việc dễ, nhưng giám sát các xã viên hợp tác xã là một việc khó. Chuyển từ chế độ tô nhượng lên chủ nghĩa xã hội là chuyển từ một hình thức đại sản xuất này sang một hình thức đại sản xuất khác. Chuyển từ chế độ hợp tác xã của những nhà sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội là chuyển từ tiểu sản xuất sang đại sản xuất, nghĩa là một bước quá độ phức tạp hơn, nhưng nếu thành công, lại có thể bao gồm được những khối quần chúng nhân dân đông đảo hơn, nhổ được những gốc rễ sâu xa hơn và dai dẳng hơn của những quan hệ cũ tiền xã hội chủ nghĩa, thậm chí tiền tư bản, là những quan hệ phản kháng mọi sự "đổi mới" một cách kịch liệt hơn. Chính sách tô nhượng, một khi thắng lợi, sẽ đưa lại cho chúng ta một số ít xí nghiệp lớn kiểu mẫu — kiểu mẫu so với

những xí nghiệp của chúng ta — ngang trình độ của chủ nghĩa tư bản tiên tiến hiện đại; mấy chục năm nữa, những xí nghiệp ấy sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chúng ta. Chính sách hợp tác xã một khi thành công, sẽ giúp cho nền kinh tế nhỏ phát triển và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nhỏ quá độ — trong một thời hạn không nhất định — lên nền đại sản xuất trên cơ sở tự nguyện kết hợp.

Bây giờ chúng ta xét đến hình thức thứ ba của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Nhà nước lôi cuốn nhà tư bản với tư cách một nhà buôn, trả cho họ một số tiền hoa hồng để họ bán sản phẩm của nhà nước và mua sản phẩm của người sản xuất nhỏ. Hình thức thứ tư: nhà nước cho một nhà kinh doanh - tư bản thuê một xí nghiệp hoặc vùng mỏ, hoặc khu rừng, khu đất, v.v.; ở đây, hợp đồng cho thuê giống hợp đồng tô nhượng hơn cả. Hai hình thức này của chủ nghĩa tư bản nhà nước, ở nước ta không ai nói đến cả, không người nào suy nghĩ tới, hoàn toàn không để ý tới. Đó không phải vì chúng ta mạnh và thông minh mà vì chúng ta kém và dốt. Chúng ta không dám nhìn thẳng vào "chân lý tầm thường" và luôn luôn chúng ta thả mình theo cái "ảo tưởng đưa chúng ta lên cao". Chúng ta thường nhắc đi nhắc lại rằng "chúng ta" đang chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà quên không nhận cho đúng, cho rõ xem "chúng ta" là những ai. Muốn có một khái niệm đúng về điều đó và không quên khái niệm đó, cần phải nhớ danh sách tất cả các bộ phận tổ thành, tất cả những chế độ kinh tế khác nhau, không trừ một chế độ nào, đã hợp thành nền kinh tế quốc dân của chúng ta, như tôi đã kể trong bài báo ngày 5 tháng Năm 1918. "Chúng ta", tức là đội tiền phong, là đội tiên tiến của giai cấp vô sản, chúng ta trực tiếp chuyển lên chủ nghĩa xã hội; nhưng đội ngũ tiên tiến chỉ là một bộ phận nhỏ của giai cấp vô sản và giai cấp vô sản lại cũng chỉ là một bộ phận nhỏ trong quần chúng nhân dân. Và để "chúng ta" có thể làm tròn một cách thắng lợi nhiệm vụ của chúng ta, tức là chuyển thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa* lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mấu chốt của vấn đề.

[...] Thử hỏi: có thể chuyển trực tiếp từ một tình trạng đang ngự trị ở nước Nga như thế lên chủ nghĩa xã hội được không? Có thể được, trong một mức độ nào đó, nhưng phải có một điều kiện, điều kiện đó ngày nay chúng ta mới biết được một cách đúng đắn nhờ có công tác khoa học lớn lao vừa hoàn thành. Điều kiện đó là điện khí hóa. Nếu chúng ta xây dựng được hàng chục trung tâm điện lực địa phương (ngày nay chúng ta đã biết rõ có thể và phải xây dựng những nhà máy ấy ở đâu và như thế nào), nếu chúng ta cung cấp được cho tất cả các làng xóm điện lực của những nhà máy ấy, nếu chúng ta có được một số lượng đầy đủ động cơ điện và các máy móc khác, thì lúc đó không cần phải hoặc hầu như không cần phải có những bậc thang quá độ, những mắt xích trung gian để chuyển từ chế độ gia trưởng lên chủ nghĩa xã hội. [...]

Đối với những năm sắp tới, phải biết nghĩ đến những mắt xích trung gian có thể tạo điều kiện thuận lợi cho bước chuyển từ chế độ gia trưởng, từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội. Ngay cả hiện nay nữa, thường thường "chúng ta" vẫn còn lặp lại cái lý luận cho rằng: "chủ nghĩa tư bản là xấu, chủ nghĩa xã hội là tốt". Nhưng cái lý luận ấy là sai, vì nó không đếm xỉa tới toàn thể các kết cấu kinh tế xã hội hiện có, mà chỉ nhìn thấy có hai kết cấu trong số đó thôi.

Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản lại là tốt so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với chủ nghĩa quan liêu do tình trạng phân tán của những người tiểu sản xuất tạo nên. Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong một mức độ nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi, nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi; bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên.

Hãy lấy vấn đề chủ nghĩa quan liêu và xét nó về mặt kinh tế.

[...] Những nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu là gì? Những nguồn gốc ấy chủ yếu có hai loại: một mặt, chính là để chống lại phong trào cách mạng của công nhân (và một phần nào của nông dân nữa) mà giai cấp tư sản phát triển cần có một bộ máy quan liêu, trước hết là bộ máy quân sự, sau nữa là bộ máy pháp lý, v.v.. Điều đó hiện nay ở nước ta không có. Tòa án của chúng ta đều là tòa án giai cấp, chống lại giai cấp tư sản. Quân đội chúng ta là quân đội giai cấp, chống lại giai cấp tư sản. Chủ nghĩa quan liêu không có ở trong quân đội, mà ở trong những cơ quan phục vụ quân đội. Ở nước ta, nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu là thuộc loại khác: ấy là tình trạng riêng rẽ, tình trạng phân tán của những người sản xuất nhỏ, cảnh khốn cùng của họ, tình trạng dốt nát của họ, tình trạng không có đường sá, nạn mù chữ, tình trạng không có *sự trao đổi* giữa nông nghiệp và công nghiệp, tình trạng thiếu sự liên hệ và tác động qua lại giữa công nghiệp và nông nghiệp. [...] Trong một thành trì bị bao vây, người ta có thể và phải "chặn đứng" tất cả mọi sự trao đổi. Nhờ tinh thần dũng cảm phi thường của quần chúng, chúng ta đã chịu đựng được trong ba năm. Sau đó, sự phá sản của người tiểu sản xuất lại càng trầm trọng hơn, việc phục hồi đại công nghiệp lại phải kéo dài, phải hoãn lại. Chủ nghĩa quan liêu, di sản của "tình trạng bị bao vây", thượng tầng kiến trúc dựa trên tình trạng phân tán và nản chí của người tiểu sản xuất, đã hoàn toàn bộc lộ.

Cần phải biết thừa nhận bệnh đó, không sợ sệt, để có thể chống lại nó một cách kiên quyết hơn, để có thể làm đi làm lại từ đầu — trong tất cả mọi lĩnh vực của công cuộc xây dựng, chúng ta còn phải nhiều lần làm lại từ đầu, sửa chữa những cái làm chưa tốt, tìm nhiều cách khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Hiển nhiên là việc phục hồi đại công nghiệp phải hoãn lại, là không thể "chặn đứng" được nữa sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp; vậy chúng ta phải gắng làm một nhiệm vụ dễ hơn: phục hồi công nghiệp nhỏ. Phải giúp đỡ ở phía đó, phải chống đỡ mạn

sườn ấy của cái lâu đài đã bị chiến tranh và sự phong tỏa làm sập mất một nửa. Phát triển sự trao đổi bằng đủ mọi phương tiện và làm cho bằng được, không sợ chủ nghĩa tư bản, vì cái phạm vi đã quy định cho nó ở trong nước ta (về mặt kinh tế, thì do tước quyền sở hữu của địa chủ và tư sản; về mặt chính trị, do có chính quyền công nông) cũng đủ nhỏ hẹp, đủ "vừa phải". Đó là tinh thần cơ bản của thuế lương thực, đó là ý nghĩa kinh tế của nó.

Tất cả các cán bộ đảng và các cơ quan xô-viết đều phải đem hết sức lực, đem hết chú ý để tạo ra, để phát huy một tính chủ động lớn hơn ở cơ sở — trong các tỉnh; nhất là trong các huyện; nhất là trong các tổng và các xã — trong công cuộc xây dựng kinh tế, nhằm mục đích phục hồi lập tức nền kinh tế nông dân, dù bằng những phương tiện "nhỏ", trong phạm vi hẹp, nhằm mục đích giúp đỡ kinh tế nông dân phát triển tiểu công nghiệp địa phương. Kế hoạch kinh tế thống nhất cho cả nước yêu cầu chính nhiệm vụ ấy phải là trung tâm của sự chú ý và sự quan tâm của chúng ta, trung tâm của những công tác "xung kích". Thực hiện được một sự cải thiện ở đây, tức là ở sát "cơ sở" rộng rãi nhất và sâu nhất, thì chúng ta sẽ có thể, trong một thời hạn hết sức ngắn, bắt tay vào việc phục hồi đại công nghiệp, với nhiều nghị lực hơn và thành công hơn.

Từ trước đến nay, người làm công tác lương thực chỉ biết có một chỉ thị chủ yếu: thu đủ 100% mức lương thực trưng thu. Ngày nay, chỉ thị đã khác: phải thu đủ 100% thuế lương thực trong thời hạn ngắn nhất, rồi thu 100% nữa bằng cách đổi các sản phẩm của đại *và tiểu* công nghiệp. Người nào thu được 75% thuế lương thực và 75% (của trăm thứ hai) bằng cách đổi các sản phẩm của đại và tiểu công nghiệp, là đã làm được một công tác có ích cho nhà nước hơn người thu 100% thuế và 55% (của trăm thứ hai) bằng cách trao đổi. Nhiệm vụ của người làm công tác lương thực trở thành phức tạp hơn. Một mặt, đó là một nhiệm vụ về thuế vụ. Thu thuế nhanh chừng nào, hợp lý chừng nào hay chừng nấy. Mặt khác, đó là một nhiệm vụ kinh tế chung. Cần cố gắng hướng dẫn hợp tác xã, giúp đỡ tiểu công nghiệp, phát huy tính chủ động và tính sáng tạo

ở cơ sở để tăng cường và củng cố sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp. Chúng ta làm việc đó còn rất tồi; dẫn chứng là bệnh quan liêu. Chúng ta không nên sợ thú nhận rằng ở đây *chúng ta có thể và phải học tập nhiều nữa ở bọn tư bản.* Hãy so sánh những kết quả thực tế đạt được ở các tỉnh, các huyện, các tổng và các xã: trong một địa phương này, những nhà tư bản tư nhân và những nhà tư bản nhỏ đã đạt được một kết quả nào đó.

[...] Trong lĩnh vực này, người nào thu được nhiều kết quả nhất, dầu là bằng con đường kinh tế tư bản tư nhân, thậm chí không phải bằng con đường hợp tác xã, không trực tiếp biến chủ nghĩa tư bản ấy thành chủ nghĩa tư bản nhà nước, thì người đó sẽ giúp ích cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong toàn bộ nước Nga nhiều hơn những kẻ chỉ ngồi "lo lắng" đến sự thuần túy của chủ nghĩa cộng sản, thảo ra những quy tắc, chỉ thị cho chủ nghĩa tư bản nhà nước và hợp tác xã mà thực tế thì lại không thúc đẩy sự trao đổi tiến lên.

Điều đó hình như là ngược đời: chủ nghĩa tư bản tư nhân mà lại đóng vai trò trợ thủ cho chủ nghĩa xã hội à?

Nhưng điều đó không có gì là ngược đời cả; đó là một sự thật kinh tế hoàn toàn không thể chối cãi được. Vì nước ta là một nước tiểu nông, ngành vận tải đặc biệt bị phá hoại, một nước vừa thoát khỏi nạn chiến tranh và nạn bị bao vây, một nước ở dưới sự lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản đang nắm giữ ngành vận tải và đại công nghiệp, thì nhất định kết quả sẽ là: một là hiện nay sự trao đổi địa phương có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất, và hai là có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân (chứ đừng nói gì chủ nghĩa tư bản nhà nước nữa) để xúc tiến chủ nghĩa xã hội.

Hãy bớt tranh luận về danh từ. Từ trước đến nay, chúng ta vẫn phạm quá nhiều bệnh ấy rồi. Hãy làm cho kinh nghiệm thực tế có muôn mầu muôn vẻ, hãy nghiên cứu kinh nghiệm đó nhiều hơn nữa. Có những trường hợp mà việc tổ chức gương mẫu trong công tác địa phương, ngay cả trong một phạm vi rất nhỏ, lại có ý nghĩa lớn đối với nhà nước hơn là sự hoạt động của nhiều cơ quan

trung ương trong lĩnh vực này lĩnh vực nọ. Hiện nay về phương diện kinh tế nông dân nói chung, và nhất là về phương diện đổi các sản phẩm nông nghiệp thừa lấy các sản phẩm công nghiệp, thì nước ta chính đang ở trong trường hợp ấy. Về mặt này, việc tổ chức gương mẫu trong công tác, dầu chỉ trong phạm vi một tổng, nhưng đối với nhà nước, vẫn có giá trị lớn hơn là việc cải thiện một cách "gương mẫu" bộ máy trung ương của bộ dân ủy này hoặc bộ dân ủy nọ. [...]

Những chiều hướng tốt là đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa quan liêu, chú ý cao độ đến nhu cầu của công nhân và nông dân, vô cùng lo lắng đến việc khôi phục kinh tế, tăng năng suất lao động, phát triển sự trao đổi địa phương giữa nông nghiệp và công nghiệp. [...]

Tiện đây, cần chỉ ra một việc nhỏ, nhưng cũng có ý nghĩa của nó, là cần phải thay đổi lập trường nguyên tắc của chúng ta đối với cuộc đấu tranh chống nạn đầu cơ. Đối với việc buôn bán "chính đáng", tức là buôn bán không tìm cách trốn tránh sự kiểm soát của nhà nước thì chúng ta phải ủng hộ nó, chúng ta có lợi trong việc phát triển nó. Nhưng, *không thể* phân biệt được đầu cơ với buôn bán "chính đáng", nếu chúng ta đứng về phương diện kinh tế chính trị học mà xét nạn đầu cơ. Tự do buôn bán tức là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa tư bản tức là đầu cơ, nhắm mắt trước điều đó thì thật là lố bịch.

Làm thế nào bây giờ? Không trừng phạt bọn đầu cơ hay sao?

Không được. Phải duyệt lại và sửa đổi tất cả các luật lệ về đầu cơ; phải tuyên bố rằng mọi hành vi *ăn cắp*, mọi *mưu toan*, trực tiếp hoặc gián tiếp, công khai hoặc lén lút, *lẩn tránh sự kiểm tra, sự giám sát, sự kiểm kê của nhà nước,* đều bị trừng phạt (và thực tế phải trừng trị một cách nghiêm khắc gấp ba lần so với trước đây). Chính có đặt vấn đề như vậy (ở Hội đồng bộ trưởng dân ủy, công việc ấy đã bắt đầu, nghĩa là đã ra lệnh bắt đầu duyệt lại các luật lệ về đầu cơ) thì chúng ta mới hướng được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, — sự phát triển này là không thể tránh được trong một chừng mực nào đó và là cần thiết, — đi vào con đường chủ nghĩa tư bản *nhà nước.*

TỔNG KẾT VÀ KẾT LUẬN CHÍNH TRỊ

[...] Những người sản xuất nhỏ riêng rẽ, những nông dân, đều được tổ chức về mặt kinh tế *và chính trị*, hoặc bởi giai cấp tư sản (dưới chế độ tư bản, trong tất cả các nước, trong tất cả các cuộc cách mạng của thời kỳ hiện đại, thì luôn luôn là như thế và sau này nữa, dưới chế độ tư bản, bao giờ cũng vẫn như thế), hoặc bởi giai cấp vô sản (điều đó đã xảy ra dưới một hình thức manh nha và trong một thời gian rất ngắn, trong cao trào của một vài cuộc cách mạng trong những cuộc cách mạng lớn nhất hiện nay; điều đó đã xảy ra ở Nga, năm 1917-1921, dưới một hình thức phát triển hơn). Chỉ có những chàng Nác-txít tự cao tự đại mới có thể nói ba hoa và mơ tưởng đến một con đường "thứ ba", một "lực lượng thứ ba".

[...] Cuốn sách nhỏ năm 1918 nói ở trên, có nói thẳng ra rằng: "kẻ thù chính" là "thế lực tự phát tiểu tư sản". "Hoặc là chúng ta bắt người tiểu tư sản ấy phải phục tùng sự kiểm soát và kiểm kê của chúng ta, hoặc là người tiểu tư sản ấy sẽ lật đổ chính quyền công nhân một cách không tránh khỏi và tất nhiên chẳng khác gì những Na-pô-lê-ông và những Ca-vai-nhắc, tức là những kẻ cũng được sản sinh chính trên miếng đất chế độ tiểu tư hữu đó, đã lật đổ cách mạng hồi ấy. Vấn đề là như vậy. Vấn đề chỉ là như vậy thôi" (trích cuốn sách nhỏ xuất bản ngày 5 tháng Năm 1918, xem trên kia).

[...] Sở dĩ thế lực tự phát tiểu tư sản mang cái tên là thế lực tự phát, vì chính nó là cái không định hình nhất, không cố định nhất, không tự giác nhất. Những chàng Nác-txít của giai cấp tiểu tư sản tưởng rằng "đầu phiếu phổ thông" trong chế độ tư bản thủ tiêu bản chất của người tiểu sản xuất; nhưng, thực ra thì nó *giúp* giai cấp tư sản dùng nhà thờ, báo chí, trường học, cảnh sát, quân đội và hàng ngàn hình thức áp bức kinh tế để *chinh phục* các người tiểu sản xuất phân tán. Sự phá sản, cùng khốn, sinh hoạt gian khổ gây ra sự do dự: ngày nay thì theo giai cấp tư sản, ngày mai thì theo giai cấp vô sản. Chỉ có đội tiền phong vô sản dày dạn là có thể đứng vững và chống lại được mọi sự do dự.

[...] Cho đến nay, những người cộng sản ở nước ta chưa hiểu rõ nhiệm vụ lãnh đạo thực sự của mình là như thế nào: không nên "tự mình" làm "tất cả", làm quá sức mà vẫn không kịp, làm một lúc cả hàng hai chục việc mà không được một việc nào ra trò, mà phải kiểm tra công việc của hàng chục, hàng trăm người phụ giúp, tổ chức kiểm tra công việc của họ từ dưới lên, nghĩa là tổ chức sự kiểm tra của quần chúng chân chính; *chỉ đạo* công tác và *học tập* những người có những kiến thức chuyên môn (những chuyên gia) và có kinh nghiệm trong việc tổ chức các xí nghiệp lớn (các nhà tư bản). [...] Một người cộng sản thông minh không sợ phải học một nhà tư bản (dầu là học một nhà đại tư bản được tô nhượng, hay một thương gia kinh tiêu, hay một nhà tư bản nhỏ tham gia hợp tác xã, v.v.), tuy rằng nhà tư bản cũng chẳng khác gì anh chuyên gia quân sự. [...]

Cần phải cải thiện ngay lập tức đời sống của quần chúng công nông. Chúng ta sẽ đạt được mục đích đó bằng cách trao cho những lực lượng mới, kể cả những người không đảng, làm những công việc có ích. Thuế lương thực và một số biện pháp quan hệ đến thuế đó sẽ giúp chúng ta trong việc ấy. Do đó chúng ta sẽ trừ được những gốc rễ kinh tế đang không tránh khỏi gây nên những sự do dự của người sản xuất nhỏ. [...]

KẾT LUẬN

Chúng ta hãy tổng kết lại.

Thuế lương thực là một bước quá độ từ chế độ cộng sản thời chiến đến chế độ trao đổi xã hội chủ nghĩa bình thường về sản phẩm.

Sự tàn phá hết sức nặng nề, lại bị mất mùa năm 1920 làm cho trầm trọng thêm, đã làm cho bước quá độ ấy trở thành cần thiết và cấp bách vì không thể khôi phục được nhanh chóng nền đại công nghiệp.

Do đó trước hết cần phải cải thiện đời sống của nông dân. Biện pháp là: thuế lương thực, phát triển sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp, phát triển tiểu công nghiệp.

Trao đổi, tức là tự do buôn bán, tức là chủ nghĩa tư bản. Nó có lợi cho chúng ta trong chừng mực nó giúp chúng ta chống lại tình

trạng phân tán của những người sản xuất nhỏ và phần nào chống lại cả bệnh quan liêu nữa. Mức độ nào thì kinh nghiệm và thực tiễn sẽ quy định. Ở đây không có gì nguy hiểm đối với chính quyền vô sản cả, chừng nào mà giai cấp vô sản còn nắm chắc chính quyền trong tay, chừng nào mà giai cấp vô sản còn nắm vững ngành vận tải và đại công nghiệp.

Cuộc đấu tranh chống nạn đầu cơ phải được biến thành một cuộc đấu tranh chống các vụ ăn cắp và chống những hành vi trốn tránh sự giám sát, sự kiểm kê, sự kiểm soát của nhà nước. Sự kiểm soát ấy giúp chúng ta hướng chủ nghĩa tư bản — chủ nghĩa tư bản là không tránh khỏi đến một mức nào đó và là cần thiết cho chúng ta — vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Phải phát huy cho bằng được, toàn diện và bằng mọi cách, tính chủ động và tinh thần sáng kiến, tính độc lập của các tổ chức địa phương, nhằm khuyến khích sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp. Phải nghiên cứu kinh nghiệm thực tế về mặt ấy. Làm cho kinh nghiệm ấy trở thành hết sức muôn màu muôn vẻ.

Giúp đỡ tiểu công nghiệp là ngành đang phục vụ nền kinh tế nông dân và giúp cho nền kinh tế đó phục hồi. Nhà nước cũng phải giúp tiểu công nghiệp đến một mức nào đó bằng cách cung cấp nguyên liệu cho nó. Tội ác lớn nhất là để các nguyên liệu không được dùng đến.

Người cộng sản không được sợ "học" các chuyên gia tư sản, kể cả những thương gia, những nhà tư bản nhỏ tham gia hợp tác xã và các nhà tư bản khác. Học tập những người đó dưới một hình thức khác, nhưng căn bản cũng vẫn theo cách các đồng chí ta đã học tập các chuyên gia quân sự. Chỉ cần dùng kinh nghiệm thực tiễn để kiểm tra kết quả của việc "học tập" ấy: hãy làm tốt hơn các chuyên gia tư sản làm việc bên cạnh mình; hãy biết dùng cách này hay cách khác mà đẩy mạnh nông nghiệp, công nghiệp lên, mà phát triển sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp. Chớ nên suy tính về "học phí", chớ có sợ phải trả đắt, miễn là thu được kết quả tốt.

Giúp đỡ quần chúng lao động bằng đủ mọi cách, gần gũi họ, chọn hàng trăm, hàng nghìn người lao động ngoài đảng rồi giao cho họ những chức vụ trong bộ máy kinh tế. [...]".

Bàn về thuế lương thực (ý nghĩa của chính sách mới và những điều kiện của chính sách ấy), tr.244-296.

"Không có công xưởng lớn như những xưởng mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra, không có một nền đại công nghiệp tổ chức cao, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội nói chung được, mà lại càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội đối với một nước nông nghiệp được; và ở nước Nga, bây giờ chúng ta đã hiểu chân lý đó một cách cụ thể hơn trước nhiều, và hiện chúng ta đang nói đến một kế hoạch điện khí hóa rõ ràng, được tính toán chính xác và cụ thể, chứ không nói đến một phương thức mơ hồ hoặc trừu tượng để khôi phục đại công nghiệp. Chúng ta đã có một kế hoạch dựa trên những sự tính toán tuyệt đối chính xác, được vạch ra với sự giúp đỡ của các chuyên gia và bác học ưu tú của nước Nga; kế hoạch đó cho chúng ta — sau khi đã tính đến những đặc điểm thiên nhiên của nước Nga — một khái niệm rõ rệt về vấn đề: với những nguồn tài nguyên nào chúng ta có thể, chúng ta phải và nhất định lấy đại công nghiệp làm cơ sở cho nền kinh tế của chúng ta. Nếu không thì không thể nói đến bất cứ một cơ sở thực sự xã hội chủ nghĩa nào cho đời sống kinh tế của chúng ta cả. Điều đó là hoàn toàn không thể chối cãi được và nếu trong thời gian gần đây, khi đề cập đến vấn đề thuế lương thực, người ta đã bàn đến điều đó bằng những lời lẽ trừu tượng, thì ngày nay phải nói một cách cụ thể rằng trước hết cần phải khôi phục đại công nghiệp".

Hội nghị X toàn Nga của Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.366-367.

"DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI

[...] 2. Việc trao đổi hàng hóa, tức là đòn xeo chủ yếu của chính sách kinh tế mới, được đặt lên hàng đầu. Không thiết lập việc trao

đổi hàng hóa hay sản phẩm một cách có hệ thống giữa công nghiệp và nông nghiệp, thì không thể có được những mối quan hệ đúng đắn giữa giai cấp vô sản và nông dân và không thể tạo ra được một hình thức liên minh kinh tế hoàn toàn vững chắc giữa hai giai cấp đó trong giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt việc thực hành chính sách trao đổi hàng hóa là cần thiết để thúc đẩy nông dân mở rộng diện tích gieo trồng và cải thiện nông nghiệp của mình.

Bằng bất cứ giá nào cũng cần ủng hộ và phát huy tính tháo vát và tính chủ động của địa phương một cách toàn diện.

Những tỉnh thừa nhiều lúa mì nhất phải được coi là những tỉnh trọng điểm để tiến hành trước hết ở đó việc trao đổi hàng hóa.

3. Vì các hợp tác xã là bộ máy chủ yếu có khả năng tiến hành trao đổi hàng hóa, nên thừa nhận rằng chính sách ký hợp đồng giữa các cơ quan của Bộ dân ủy lương thực và các cơ quan hợp tác xã, và việc cơ quan của Bộ dân ủy lương thực giao cho các cơ quan hợp tác xã một dự trữ hàng hóa để tiến hành trao đổi nhằm thực hiện — dưới sự kiểm soát của chính quyền nhà nước — những nhiệm vụ do chính quyền nhà nước quy định, là đúng đắn.

Bảo đảm cho các hợp tác xã những khả năng rộng rãi để tiến hành thu mua, phát triển toàn diện công nghiệp địa phương và nâng cao đời sống kinh tế nói chung.

Giúp đỡ các công tác tín dụng của hợp tác xã.

Đấu tranh chống việc trao đổi hàng hóa một cách vô chính phủ (nghĩa là lẩn tránh mọi sự kiểm soát và giám sát của nhà nước) bằng cách tập trung việc trao đổi đó chủ yếu vào tay các hợp tác xã, nhưng tuyệt nhiên không cản trở việc tự do buôn bán đúng đắn.

Nghiên cứu thị trường.

4. Giúp đỡ các xí nghiệp loại nhỏ và loại trung bình (của tư nhân và của hợp tác xã), trước hết là giúp đỡ các xí nghiệp không cần đến những nguyên liệu, nhiên liệu và lương thực do nhà nước cung cấp.

Cho phép các tư nhân, hợp tác xã, ác-ten và công ty thuê các xí nghiệp của nhà nước. Cho phép các cơ quan kinh tế địa phương có quyền ký kết những hợp đồng cho thuê đó, không cần có sự đồng ý của các cơ quan cấp trên. Bắt buộc phải báo cáo từng trường hợp ký hợp đồng như vậy cho Hội đồng lao động và quốc phòng biết.

5. [...] Phát huy tính độc lập và tính chủ động của mỗi xí nghiệp lớn về mặt sử dụng tiền mặt và vật tư của xí nghiệp đó. Đưa ra một quyết định cụ thể và thích hợp để trình Hội đồng bộ trưởng dân ủy phê chuẩn.

6. Phát triển chế độ thưởng bằng hiện vật và thí nghiệm chế độ cung cấp tập thể.

Quy định chế độ phân phối lương thực một cách hợp lý hơn, nhằm tăng năng suất lao động.

7. Cần phải duy trì và tăng cường bộ máy để tiến hành thu thuế lương thực nhanh chóng và đầy đủ ở khắp nơi. Để đạt mục đích đó, đảm bảo cho các cơ quan lương thực có được sự ủng hộ cần thiết của đảng. Duy trì và tăng cường chế độ tập trung của cơ quan lương thực".

Hội nghị X toàn Nga của Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.400-402.

"Cần tính đến người tiểu nông đem bán số lương thực thừa của họ; cũng cần tính đến tình hình là nhân dân thành thị, công nhân cần cải thiện sinh hoạt của mình. Nếu không, chúng ta sẽ không giành được thắng lợi trong công cuộc xây dựng từ nay về sau, công cuộc đó sẽ củng cố bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội tới mức độ không thể quay lùi trở lại được nữa. Vì thế nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, hiện nay, là vấn đề quan trọng nhất trong toàn bộ chính sách kinh tế của chúng ta. Các đồng chí phải cố gắng trong công tác đó, vừa với tư cách là những cán bộ lương thực, cán bộ kinh tế, vừa với tư cách là cán bộ hợp tác xã.

[...] phải bắt tay ngay lập tức, — vào việc thí nghiệm công tác cung cấp tập thể. Trong công tác phân phối lương thực của chúng ta, đã có những thiếu sót, và không thể cứ để như thế được. Chế độ

phân phối lương thực mà chúng ta xây dựng trên những nguyên tắc bình quân, đã tạo nên một chế độ dàn đều, đôi khi có hại cho việc đẩy mạnh sản xuất. Cần làm thế nào để với số lương thực thừa đã thu được, nước Cộng hòa chỉ cấp lương thực cho những cái gì cần thiết đối với sản xuất thôi. Chúng ta không thể cấp lương thực cho tất cả các xí nghiệp công nghiệp của chúng ta được, vả lại chúng ta cũng không cần làm như thế: như thế có nghĩa là làm ăn một cách lãng phí. Chúng ta không thể khôi phục được toàn bộ nền đại công nghiệp; vậy thì trong đại công nghiệp chúng ta phải chọn ra những xí nghiệp nào được trang bị tốt hơn, có triển vọng đưa lại một năng suất cao, và chúng ta chỉ cấp lương thực cho những xí nghiệp như thế thôi.

Những người làm công tác lương thực không thể chỉ nghĩ như sau: thu được bao nhiêu triệu pút, rồi căn cứ vào những định mức nào đó — hoặc giả theo phiếu lương thực chẳng hạn — mà phân phối, thế là xong; còn những việc khác không phải công việc của mình. Trước mắt chúng ta là nhiệm vụ thống nhất sự hoạt động của tất cả các bộ dân ủy kinh tế. Bất kỳ một cán bộ lương thực nào có ý thức cũng đều phải quan tâm không những đến các vấn đề trực tiếp có liên quan đến những người làm công tác lương thực, mà còn phải quan tâm đến toàn bộ các hoạt động kinh tế. Hiện nay chúng ta đòi hỏi ở họ nhiều hơn.

Không thể chỉ đơn thuần là người làm công tác lương thực. Cần phải là một nhà kinh tế, cần phải biết đánh giá mỗi một bước công tác tương ứng trong mối liên hệ với hoạt động của tất cả các bộ dân ủy kinh tế và tất cả những kết quả của công tác ấy.

Khi nói đến vấn đề phân phối lương thực thì không thể nghĩ rằng chỉ cần phải phân phối một cách công bằng, mà phải quan niệm rằng sự phân phối như vậy là phương pháp, công cụ, thủ đoạn, để đẩy mạnh sản xuất. Nhà nước chỉ nên cung cấp lương thực cho những nhân viên nào thật sự cần thiết trong điều kiện năng suất lao động cao nhất, cho nên nếu việc phân phối lương thực là công cụ của chính sách thì cần phải giảm bớt số người

không tuyệt đối cần thiết và khuyến khích số người thật sự cần thiết. Nếu việc phân phối lương thực là công cụ của chính sách khôi phục công nghiệp của chúng ta, thì cần phải duy trì những xí nghiệp công nghiệp nào hiện nay thật sự cần thiết, và tuyệt đối không cấp lương thực cho những xí nghiệp nào hiện giờ không cần thiết đối với chúng ta, để tiết kiệm nhiên liệu và lương thực. Về mặt này, trong suốt nhiều năm, chúng ta đã phạm những thiếu sót lớn. Bây giờ phải sửa chữa những thiếu sót ấy".

Diễn văn tại Hội nghị lương thực toàn Nga lần thứ III,

tr.428-430.

TẬP 44

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"6. VIỆC CHUYỂN SANG NHỮNG QUAN HỆ KINH TẾ ĐÚNG ĐẮN GIỮA GIAI CẤP VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN

Chỉ khi nào ngành vận tải và nền đại công nghiệp, đã hoàn toàn được khôi phục, khiến giai cấp vô sản có thể cung cấp cho nông dân, nhằm đổi lấy sản phẩm nông nghiệp, tất cả những vật phẩm công nghiệp mà nông dân cần dùng cho bản thân họ và để cải tiến kinh tế của họ, thì khi đó, đứng về quan điểm xã hội chủ nghĩa mà nói, sự liên minh giữa những người tiểu nông và giai cấp vô sản mới trở nên hoàn toàn đúng đắn và vững chắc. Vì đất nước bị tàn phá nặng nề, nên chúng ta không thể nào thực hiện ngay được việc đó. Đối với một nhà nước tổ chức chưa được hoàn bị, thì trưng thu lương thực thừa là một biện pháp thích đáng nhất để có thể đứng vững trong cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ chống bọn địa chủ. Mất mùa và nạn thiếu cỏ cho gia súc năm 1920 đã làm cho sinh hoạt vốn đã quá ư nghèo túng của nông dân, trở nên đặc biệt nghiêm trọng hơn, và làm cho việc chuyển ngay sang chính sách thuế lương thực trở thành tuyệt đối cần thiết.

Thuế lương thực vừa phải thì lập tức làm cho đời sống nông dân được cải thiện trông thấy, đồng thời làm cho nông dân quan tâm đến việc tăng diện tích gieo trồng và cải tiến công việc canh tác.

Thuế lương thực đánh dấu bước chuyển từ chế độ trưng thu tất cả số lúa mì thừa của nông dân sang chế độ trao đổi sản phẩm có

tính chất xã hội chủ nghĩa, tiến hành một cách đúng đắn, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

7. Ý NGHĨA VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA VIỆC CHÍNH QUYỀN XÔ-VIẾT DUNG NẠP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ CHẾ ĐỘ TÔ NHƯỢNG

Cố nhiên, thuế lương thực có nghĩa là nông dân được tự do sử dụng phần lương thực còn thừa sau khi đã nộp đủ thuế. Vì nhà nước không thể cung cấp được cho nông dân những sản phẩm của công xưởng xã hội chủ nghĩa để đổi lấy tất cả những lương thực thừa ấy, cho nên việc tự do bán những lương thực thừa như vậy tất nhiên có nghĩa là sự tự do phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Tuy nhiên, trong những giới hạn đã quy định rõ ở trên thì điều đó hoàn toàn không có gì đáng sợ đối với chủ nghĩa xã hội cả, chừng nào mà ngành vận tải và nền đại công nghiệp vẫn nằm trong tay giai cấp vô sản. Trái lại, trong một nước tiểu nông đã bị cực kỳ tàn phá và quá đỗi lạc hậu, thì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản do nhà nước vô sản kiểm soát và điều tiết (tức là chủ nghĩa tư bản "nhà nước" hiểu theo nghĩa *ấy*) là có lợi và cần thiết (cố nhiên chỉ trong một mức độ nhất định thôi) vì sự phát triển đó có thể đẩy nhanh sự phát triển *ngay tức khắc* của nền nông nghiệp nông dân. Đối với chế độ tô nhượng, lại càng đúng như thế: không hề tiến hành xóa bỏ quốc hữu hóa, nhà nước công nhân cho bọn tư bản nước ngoài thuê những hầm mỏ, những khu rừng, những giếng dầu nào đó, v.v., bọn này sẽ cung cấp thêm cho nhà nước công nhân một số thiết bị và máy móc khiến có thể đẩy mạnh việc khôi phục lại nền đại công nghiệp xô-viết.

Để cho những người được tô nhượng hưởng một phần những tài nguyên quý giá đó, làm như thế là nhà nước công nhân rõ ràng đã phải trả cho giai cấp tư sản thế giới một cống vật. Không cần che giấu sự thật đó, chúng ta cần phải hiểu rõ rằng nạp cống vật như vậy là có lợi cho ta, miễn sao khôi phục nền đại công nghiệp

của chúng ta được nhanh chóng hơn và cải thiện đời sống công nông được nhiều.

[...]

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KẾ HOẠCH ĐIỆN KHÍ HÓA NƯỚC NGA

Cơ sở vật chất duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là nền đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo cả nông nghiệp. Nhưng không thể chỉ đóng khung ở nguyên lý chung đó. Cần phải cụ thể hóa nguyên lý đó. Một nền đại công nghiệp ở vào trình độ kỹ thuật hiện đại và có khả năng cải tạo nông nghiệp, đó là điện khí hóa cả nước".

Đại hội III Quốc tế cộng sản, tr.8-11.

"Vì vậy, chúng ta sẽ cố gắng xác định một cách hết sức chu đáo, chu đáo gấp ba lần, nhiệm vụ của chúng ta trong giai đoạn mới và cao nhất này của cuộc đấu tranh. Chúng ta nên xác định những nhiệm vụ ấy một cách khiêm tốn hơn, chúng ta cứ thực hiện nhiều hơn nữa những sự nhượng bộ, tất nhiên là trong phạm vi những điều mà giai cấp vô sản *có thể* nhân nhượng được, đồng thời vẫn giữ vững địa vị là giai cấp thống trị; thu thuế lương thực theo mức phải chăng, càng nhanh càng tốt; mở rộng cao độ quyền tự do để phát triển, tăng cường và phục hồi nền kinh tế nông dân; chúng ta sẽ giao những xí nghiệp không tuyệt đối cần thiết đối với chúng ta cho những người nào muốn thuê, kể cả những tư bản tư nhân trong nước và những người ngoại quốc lãnh thầu tô nhượng. Chúng ta cần có một sự liên kết, hoặc một sự liên minh giữa nhà nước vô sản và chủ nghĩa tư bản nhà nước, để chống lại thế lực tự phát tiểu tư sản. Cần phải thực hiện sự liên minh đó một cách khéo léo theo câu châm ngôn: "Bảy lần đo, một lần cắt". Chúng ta sẽ giữ lại cho bản thân chúng ta một địa bàn công tác nhỏ bé hơn, nghĩa là chỉ giữ lại cái gì tuyệt đối cần thiết cho chúng ta mà thôi. Chúng ta sẽ tập trung vào *cái địa bàn nhỏ bé* những lực lượng đã suy yếu của giai cấp công nhân, nhưng ngược lại, chúng ta sẽ củng

cố lực lượng vững chắc hơn, sẽ tự kiểm tra mình không phải một, hai lần mà nhiều lần bằng kinh nghiệm thực tế".

Thời đại mới, sai lầm cũ dưới một hình thức mới, tr.132.

"Được cao trào nhiệt tình lôi cuốn, chúng ta, những người đã từng thức tỉnh nhiệt tình của nhân dân, - trước hết là về mặt chính trị, rồi sau về mặt quân sự, - chúng ta đã tính là có thể dựa vào nhiệt tình đó mà trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ kinh tế cũng to tát như những nhiệm vụ chính trị chung, như những nhiệm vụ quân sự. Chúng ta đã tính - hay có lẽ nói như thế này đúng hơn: chúng ta chưa tính toán đầy đủ mà đã tưởng là - có thể trực tiếp dùng pháp lệnh của nhà nước vô sản, để tổ chức theo kiểu cộng sản chủ nghĩa, trong một nước tiểu nông, việc nhà nước sản xuất và phân phối sản phẩm. Đời sống thực tế đã vạch rõ sai lầm của chúng ta. Để *chuẩn bị* - bằng một công tác lâu dài hàng bao nhiêu năm - việc chuyển sang chủ nghĩa cộng sản, thì cần thiết phải có một loạt những bước quá độ như chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội. Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế. Nếu không, các đồng chí sẽ không tiến đến chủ nghĩa cộng sản được; nếu không, các đồng chí sẽ không dẫn được hàng chục và hàng chục triệu người đến chủ nghĩa cộng sản. Đời sống thực tế đã chỉ rõ cho chúng ta như vậy. Bước tiến khách quan của cách mạng đã chỉ rõ cho chúng ta như vậy.

Và chúng ta, những người trong ba, bốn năm nay đã học được chút ít về cách tiến hành những bước ngoặt đột ngột (khi bắt buộc phải tiến hành một bước ngoặt đột ngột), chúng ta đã bắt đầu nghiên cứu một cách hăng say, chăm chú và chuyên cần (tuy còn chưa được hăng say, chăm chú và chuyên cần đúng mức) bước

ngoặt mới, tức là "chính sách kinh tế mới". Nhà nước vô sản phải trở thành một "chủ nhân" thận trọng, chu đáo và khôn khéo, trở thành một *nhà buôn sỉ*? đúng mức - nếu không, nhà nước vô sản không thể khôi phục được nước tiểu nông này về mặt kinh tế. Ngày nay, trong những điều kiện hiện tại, bên cạnh phương Tây tư bản chủ nghĩa (lúc này vẫn còn là tư bản chủ nghĩa), chúng ta không thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản bằng con đường nào khác được. Một nhà buôn sỉ, cái đó có vẻ như một loại điển hình kinh tế, cách xa chủ nghĩa cộng sản chẳng khác nào đất với trời. Nhưng trong thực tế sinh động, chính đó lại là một trong những mối mâu thuẫn sẽ dẫn chúng ta từ nền kinh tế tiểu nông tiến lên chủ nghĩa xã hội, thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước. Sự quan tâm thiết thân của cá nhân có tác dụng nâng cao sản xuất; trước hết chúng ta cần phải đẩy mạnh sản xuất cho bằng được. Thương nghiệp bán buôn có thể liên kết, về mặt kinh tế, hàng triệu tiểu nông lại với nhau, bằng cách lấy lợi ích mà khuyến khích họ, bằng cách làm cho họ có quan hệ gắn bó với nhau, dắt dẫn họ lên giai đoạn cao hơn, tức là: các hình thức hợp tác và liên hợp chính ngay trong sản xuất. Chúng ta đã bắt đầu tiến hành việc cải tổ cần thiết trong chính sách kinh tế của chúng ta. Hiện nay, trong lĩnh vực này, chúng ta cũng đã thu được những thắng lợi nhất định, tuy không lớn lắm, thật thế, và mới chỉ là những thắng lợi bộ phận nhưng vẫn là những thắng lợi không thể chối cãi được. Trong lĩnh vực của "khoa học" mới này, ta đã học xong lớp dự bị rồi. Chính là nhờ kiên quyết và nhẫn nại học tập, nhờ dùng kinh nghiệm đã thu được để kiểm tra lại mỗi bước đi của chúng ta, không sợ phải làm lại nhiều lần những cái chúng ta đã bắt đầu, không sợ phải sửa chữa sai lầm; chính là nhờ hiểu sâu ý nghĩa của những sai lầm đó, - mà chúng ta sẽ lên những lớp cao hơn. Chúng ta nhất định sẽ theo trọn "khóa học" mặc dù những điều kiện của nền kinh tế và chính trị thế giới có làm cho khóa học đó kéo dài thêm nhiều và gay go hơn nhiều, so với sự mong muốn của chúng ta. Bằng bất cứ giá nào, dù cho những khổ cực của thời kỳ quá độ, những tai ương, những cảnh đói khát và những sự tàn phá có nặng nề đến đâu chăng nữa, chúng ta

cũng sẽ không sờn lòng nản chí và chúng ta nhất định sẽ đưa sự nghiệp của chúng ta đến thắng lợi cuối cùng".

Để kỷ niệm lần thứ tư cuộc Cách mạng tháng Mười, tr.189-191.

"MỘT BƯỚC NGOẶT ĐỘT NGỘT CỦA CHÍNH QUYỀN XÔ-VIẾT VÀ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN NGA

[...] Tôi nói những nét sơ lược và đại cương về chính sách kinh tế mới. Các đồng chí, số rất đông trong các đồng chí ở đây là đảng viên cộng sản, và dù trong đó có một số người còn rất trẻ tuổi, nhưng các đồng chí đều là những đảng viên cộng sản đã từng làm được một khối lượng công tác lớn trong công tác chính trị nói chung của chúng ta trong những năm đầu của cách mạng của ta. Là những người đã từng làm một phần lớn công tác đó, các đồng chí không thể không thấy rằng: Chính quyền xô-viết của ta và đảng cộng sản của ta đã thực hiện một bước ngoặt đột ngột như thế nào, khi chuyển sang cái chính sách kinh tế mà người ta gọi là "mới", mới so với chính sách kinh tế của ta trước kia.

Nhưng về thực chất, trong chính sách đó có nhiều cái cũ hơn chính sách kinh tế trước kia của ta.

Vì sao thế? Vì chính sách kinh tế trước kia của ta, nếu như không thể nói là đã dự tính (bởi vì trong tình hình lúc đó, nói chung, chúng ta ít dự tính), thì ít ra, trên một chừng mực nào đó, đã giả định (và có thể nói là đã giả định một cách vô bằng) rằng: nền kinh tế Nga cũ sẽ trực tiếp chuyển sang nền sản xuất quốc doanh và sang việc phân phối theo những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa.

[...]

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG CÁC XÔ-VIẾT TOÀN NGA VỀ VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN HỒI NĂM 1918

Nếu như trong số các đồng chí có những người hồi đó chưa phải là những người hoạt động tích cực của đảng và của Chính

quyền xô-viết, thì dù sao các đồng chí cũng có thể tìm hiểu và cố nhiên là đã tìm hiểu những nghị quyết như nghị quyết của Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga hồi cuối tháng Tư 1918. Nghị quyết đó vạch rõ sự cần thiết phải chú ý đến nền kinh tế nông dân; nghị quyết đó đã dựa vào một bản báo cáo có tính đến vai trò của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước nông dân; dựa vào một bản báo cáo đã nhấn mạnh ý nghĩa của trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm của mỗi người, nhấn mạnh tác dụng của nhân tố này trong việc quản lý nước nhà, khác với những nhiệm vụ chính trị về thiết lập chính quyền và những nhiệm vụ quân sự.

SAI LẦM CỦA CHÚNG TA

[...] Một phần do những nhiệm vụ quân sự dồn dập đè lên vai chúng ta, và do chỗ khi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa kết thúc, nước cộng hòa chúng ta lúc đó đứng trước một tình hình cơ hồ như tuyệt vọng, - do những tình huống ấy và nhiều tình huống khác, nên chúng ta đã phạm một sai lầm đã quyết định chuyển ngay sang việc sản xuất và phân phối cộng sản chủ nghĩa. Lúc đó, chúng ta cho rằng, với chế độ trưng thu lương thực thừa, nông dân sẽ cung cấp cho chúng ta số lương thực cần thiết, còn chúng ta sẽ đem phân phối cho các nhà máy và công xưởng và, như vậy, chúng ta sẽ thực hiện được việc sản xuất và phân phối cộng sản chủ nghĩa.

Tôi không thể nói rằng chúng ta đã vạch được cho mình kế hoạch đó một cách cụ thể và rõ ràng như thế, nhưng đại thể chúng ta đã hành động với tinh thần ấy. Đáng tiếc rằng đấy lại là một sự thật. Tôi nói đáng tiếc vì một cuộc thí nghiệm không lâu lắm đã cho chúng ta thấy rõ rằng cách làm như vậy là sai, là trái với những điều trước kia chúng ta đã viết về bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; hồi đó, chúng ta cho rằng nếu không có một thời kỳ kiểm kê và kiểm soát xã hội chủ nghĩa, thì ngay giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, chúng ta cũng không thể đạt tới được. Kể từ năm 1917, khi nhiệm vụ nắm chính quyền được đề ra và được những người bôn-sê-vích nói rõ cho toàn thể nhân dân

biết, thì các tác phẩm lý luận của ta đã nhấn mạnh một cách rõ ràng rằng: tất yếu phải có một thời kỳ quá độ lâu dài và phức tạp từ xã hội tư bản chủ nghĩa (xã hội đó càng ít phát triển, thì thời kỳ đó càng dài), quá độ thông qua việc thực hiệm kiểm kê và kiểm soát xã hội chủ nghĩa sang dù chỉ là một trong những bước đầu tiên tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa.

RÚT LUI CÓ TÍNH CHẤT CHIẾN LƯỢC

Đó là điều có thể nói là chúng ta đã quên mất, khi mà trong hoàn cảnh nội chiến diễn ra dữ dội, chúng ta bắt buộc phải thi hành những biện pháp cần thiết trong việc kiến thiết. Và thực chất của chính sách kinh tế mới của ta, chính là ở chỗ về điểm đó chúng ta đã bị thất bại nặng nề, nên chúng ta đã bắt đầu thực hiện một bước rút lui có tính chất chiến lược: "Trong khi họ chưa đánh bại hẳn được chúng ta, chúng ta hãy rút lui và xây dựng lại tất cả, nhưng một cách chắc chắn hơn". Nói rằng chúng ta đã bị thất bại rất nặng nề trên mặt trận kinh tế, đó là điều không thể nghi ngờ gì nữa đối với những người cộng sản, một khi họ đã tự giác nêu lên vấn đề chính sách kinh tế mới. [...]

Đương nhiên, những nhiệm vụ trên mặt trận kinh tế còn khó khăn hơn gấp bội những nhiệm vụ trên mặt trận quân sự, nhưng nói chung những nét đại cương cơ bản về chiến lược lại có chỗ giống nhau. Trên mặt trận kinh tế, vì định chuyển lên chủ nghĩa cộng sản, nên mùa xuân 1921, chúng ta đã vấp phải một thất bại nặng nề hơn bất cứ một thất bại nào của ta khi đánh nhau với Côn-tsắc, Đê-ni-kin hay Pin-xút-xki, một thất bại nghiêm trọng hơn nhiều, lớn hơn nhiều và nguy hiểm hơn nhiều. Thất bại đó đã biểu hiện ở chỗ là chính sách kinh tế của ta lâm vào tình trạng, ở phía thượng tầng của nó, bị tách rời cơ sở và không dẫn đến việc phát triển lực lượng sản xuất mà cương lĩnh đảng ta coi là nhiệm vụ cơ bản và bức thiết nhất.

Chế độ trưng thu lương thực thừa ở nông thôn, cách giải quyết những nhiệm vụ xây dựng ở thành thị một cách trực tiếp theo chủ

nghĩa cộng sản như thế, đã làm trở ngại cho việc phát triển lực lượng sản xuất, và đã tỏ ra là nguyên nhân chủ yếu gây nên cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị sâu sắc mà chúng ta vấp phải hồi mùa xuân 1921. Cho nên, đứng về mặt đường lối và chính sách của chúng ta mà xét, cần phải có cái mà người ta không thể gọi một cách nào khác hơn là một sự thất bại rất nặng nề và một sự rút lui rất nghiêm trọng. [...]

Ý NGHĨA CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI

[...] Chính sách kinh tế mới có nghĩa là thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thu thuế, là chuyển sang việc khôi phục chủ nghĩa tư bản trên một mức độ lớn. Khôi phục đến mức độ nào, chúng ta chưa thể biết được. Tô nhượng cho các nhà tư bản ngoại quốc (thật ra, hiện giờ số hợp đồng tô nhượng rất ít, nhất là so với những đề nghị của chúng ta), cho các nhà tư bản tư nhân thuê, việc đó chính là trực tiếp khôi phục lại chủ nghĩa tư bản, và việc đó gắn liền với nguồn gốc của chính sách kinh tế mới. Vì xóa bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa có nghĩa là nông dân được tự do mua bán những nông sản thừa sau khi đã nộp thuế, mà thuế lương thực thì chỉ chiếm một phần rất nhỏ các sản phẩm. Nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận trong tổng số dân cư và trong toàn bộ nền kinh tế, vì vậy chủ nghĩa tư bản không thể không phát triển trên miếng đất tự do mậu dịch đó.

Đấy là điều sơ đẳng cơ bản nhất về kinh tế, vẫn được dạy trong các sách sơ cấp về khoa học kinh tế, và hơn nữa ở ta, lại còn được dạy bởi bọn con buôn đầu cơ nữa, là bọn người đã dạy cho chúng ta hoàn toàn biết làm kinh tế mà không cần đến khoa học kinh tế và chính trị. Xét về mặt chiến lược thì vấn đề căn bản là: ai sẽ lợi dụng được tình hình mới này nhanh hơn hết? Toàn bộ vấn đề là ở chỗ nông dân sẽ đi theo ai? Đi theo giai cấp vô sản đang ra sức xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa hay đi theo bọn tư bản đang nói: "Chúng ta hãy quay lại đi thôi, như thế ít nguy hiểm hơn cái thứ chủ nghĩa xã hội mà người ta đã bịa ra".

AI SẼ THẮNG: NHÀ TƯ BẢN HAY CHÍNH QUYỀN XÔ-VIẾT?

Toàn bộ cuộc chiến tranh hiện nay có thể tóm tắt trong câu hỏi: Ai sẽ thắng? Ai sẽ được lợi trước nhất? - Nhà tư bản - mà chính chúng ta đang mở ra cho nó một cổng hay thậm chí nhiều cổng (cũng như nhiều cổng được mở mà chúng ta cũng không biết, mà chúng ta không đồng ý và ngược cả lại ý muốn của chúng ta nữa) - hay là chính quyền của nhà nước vô sản? Về mặt kinh tế, chính quyền nhà nước vô sản có thể dựa vào cái gì? Một mặt, sẽ dựa vào việc cải thiện tình hình sinh hoạt của nhân dân. Về điểm này, chúng ta nên nhớ đến nông dân. Một điều tuyệt đối không thể chối cãi được và hiển nhiên đối với mọi người, là dù có một tai nạn ghê gớm như là nạn đói, nhưng tình hình sinh hoạt của nhân dân, - trừ tai nạn đó ra không nói, - chính là đã được cải thiện với sự thay đổi chính sách kinh tế của chúng ta.

Mặt khác, nếu chủ nghĩa tư bản được lợi thế, thì sản xuất công nghiệp cũng sẽ tăng lên và giai cấp vô sản cũng theo đó mà lớn mạnh lên. [...] Giai cấp vô sản là một giai cấp sản xuất ra của cải vật chất trong các xí nghiệp của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Vì nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa đã bị tàn phá, các công xưởng và nhà máy bị ngừng hoạt động, nên giai cấp vô sản cũng không còn. Đôi khi về hình thức, nó đã được coi là giai cấp vô sản, nhưng nó không có gốc rễ kinh tế.

Nếu chủ nghĩa tư bản được khôi phục lại, thì cũng có nghĩa là sẽ khôi phục lại giai cấp vô sản là giai cấp sản xuất ra của cải vật chất có ích cho xã hội và làm việc trong các công xưởng cơ khí lớn, chứ không phải làm cái việc đầu cơ, không phải chế tạo ra những chiếc bật lửa để bán, và làm những "việc" khác nữa không có ích lắm, nhưng lại là những việc hoàn toàn không thể tránh khỏi, trong tình hình nền công nghiệp của ta bị tàn phá.

Toàn bộ vấn đề là ở chỗ ai sẽ vượt ai? Hoặc là bọn tư bản sẽ tổ chức nhau được trước, chúng sẽ đuổi những người cộng sản đi, và như thế thì còn nói gì được nữa. Cần nhìn những cái đó một cách

tỉnh táo: ai sẽ thắng ai? Liệu chính quyền nhà nước vô sản, dựa vào nông dân, có sẽ tỏ ra có khả năng khống chế được các ngài tư bản một cách thích đáng, để hướng chủ nghĩa tư bản đi theo đúng phương hướng mà nhà nước đã vạch ra và tạo ra một thứ chủ nghĩa tư bản phục tùng nhà nước và phục vụ nhà nước không? Cần đặt vấn đề này một cách tỉnh táo. [...]

ĐÃ PHẢI LÀ TRẬN CUỐI CÙNG CHƯA?

Chuyên chính vô sản là một cuộc chiến tranh quyết liệt. Giai cấp vô sản đã thắng lợi trong một nước, nhưng trong phạm vi quốc tế thì vẫn yếu hơn. Giai cấp vô sản phải đoàn kết chung quanh mình toàn thể công nhân và toàn thể nông dân, làm cho họ nhận thức sâu sắc rằng trận chiến đấu chưa kết thúc. Khi chúng ta hát: "Đấu tranh này là trận cuối cùng", thì đáng tiếc rằng câu hát ấy có điểm chưa được đúng, - đáng tiếc rằng đây chưa phải là trận chiến đấu cuối cùng của chúng ta. Hoặc là các đồng chí sẽ tập hợp được công nhân và nông dân trong cuộc chiến đấu này, hoặc là các đồng chí sẽ không giành được thắng lợi.

[...] Chúng ta liệu có tổ chức được tầng lớp tiểu nông lại trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất tiểu nông hay không, có dùng chính quyền vô sản mà giúp đỡ cho sự phát triển đó được không, hay là bọn tư bản sẽ chinh phục được tầng lớp tiểu nông? Cuộc đấu tranh sẽ kết thúc như thế nào là do điều đó quyết định. [...]

CHÚNG TA CHỚ TRÔNG MONG CHUYỂN NGAY LÊN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN ĐƯỢC

Chúng ta chớ trông mong chuyển ngay lên chủ nghĩa cộng sản được. Phải lấy sự quan tâm thiết thân của cá nhân người nông dân làm cơ sở. Người ta bảo chúng ta rằng: "Sự quan tâm thiết thân của cá nhân người nông dân, đó có nghĩa là phục hồi chế độ tư hữu". Không, chúng ta chưa hề xóa bỏ quyền sở hữu tư nhân về vật phẩm tiêu dùng và về công cụ đối với nông dân bao giờ. Chúng ta đã xóa bỏ quyền tư hữu về ruộng đất, còn trước đây nông dân không có quyền tư hữu về ruộng đất, mà cũng đã kinh doanh nông

nghiệp, chẳng hạn như trên mảnh ruộng đất đi thuê. Chế độ đó đã tồn tại ở rất nhiều nước. Ở đây, về mặt kinh tế, không có gì là không thể làm được. Cái khó là ở chỗ tạo ra được một sự quan tâm thiết thân của cá nhân. Cũng cần phải làm cho mỗi chuyên gia có hứng thú khiến họ thiết tha với việc phát triển sản xuất.

Chúng ta đã biết làm được điều này chưa? Chưa, chúng ta chưa biết làm! Trước đây, chúng ta nghĩ rằng việc sản xuất và phân phối có thể tiến hành theo mệnh lệnh cộng sản ở một nước mà giai cấp vô sản đã bị mất tính giai cấp. Bây giờ chúng ta cần sửa đổi đi, bởi vì nếu không, thì chúng ta không thể làm cho giai cấp vô sản thấy rõ được bước quá độ đó. Những nhiệm vụ như thế, trong lịch sử, chưa hề được đề ra bao giờ cả. Chúng ta đã thử tìm cách giải quyết nhiệm vụ ấy bằng con đường trực tiếp, có thể nói là bằng một cuộc tấn công chính diện, nhưng chúng ta đã thất bại. Trong tất cả các cuộc chiến tranh đều có những sai lầm như vậy, và người ta không coi đấy là những sự sai lầm. Một khi cuộc tấn công chính diện đã không thành công, thì bây giờ chúng ta hãy đi đường vòng, chúng ta hãy dùng cách đánh bao vây và đánh bằng hầm hào".

Chính sách kinh tế mới
và những nhiệm vụ của các ban giáo dục chính trị, tr.194-207.

"Hồi đó, khi đặt công tác xây dựng kinh tế lên hàng đầu, chúng ta đã chỉ đứng trên một góc độ mà nhìn thôi. Hồi đó, chúng ta định chuyển thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua cái thời kỳ mở đầu để làm cho nền kinh tế cũ thích ứng với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta nghĩ rằng sau khi thiết lập chế độ sản xuất quốc doanh và chế độ nhà nước phân phối, là chúng ta đã bắt đầu một chế độ kinh tế mới về sản xuất và phân phối, khác với chế độ trước. Chúng ta nghĩ rằng cả hai chế độ - chế độ sản xuất và phân phối quốc doanh và chế độ sản xuất và phân phối tư doanh - sẽ đấu tranh với nhau trong những điều kiện khiến chúng ta có thể thiết lập được chế độ sản xuất và phân phối quốc doanh bằng cách lấn dần từng bước chế độ đối địch. Chúng ta nói rằng nhiệm vụ của chúng ta bây giờ là kiểm kê, kiểm soát, nâng cao năng suất lao động, tăng cường kỷ

luật, hơn là tước đoạt bọn đi tước đoạt. Đấy là chúng ta nói vào hồi tháng Ba, tháng Tư 1918, nhưng chúng ta tuyệt nhiên không nêu ra vấn đề: nền kinh tế của ta sẽ có quan hệ như thế nào với thị trường, với mậu dịch. Nếu như nhân cuộc luận chiến với một số đồng chí phản đối việc ký hòa ước Brét, chúng ta đã nêu ra hồi mùa xuân 1918, chẳng hạn vấn đề chủ nghĩa tư bản nhà nước, thì vấn đề được đặt ra không phải là chúng ta thụt lùi về chủ nghĩa tư bản nhà nước, mà là tình hình của chúng ta sẽ dễ dàng hơn, những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa sẽ chóng được giải quyết hơn, nếu chủ nghĩa tư bản nhà nước là một chế độ kinh tế chiếm địa vị thống trị ở Nga. Đó là điểm tôi muốn đặc biệt lưu ý các đồng chí, vì tôi cho rằng điểm đó rất cần thiết để có thể hiểu được nội dung của sự thay đổi trong chính sách kinh tế của ta và hiểu được cách đánh giá sự thay đổi đó".

Hội nghị VII Đảng bộ tỉnh Mát-xcơ-va, tr.248.

"Mùa xuân 1921, chúng ta thấy rõ rằng chúng ta đã thất bại trong cái ý định dùng phương pháp "xung phong", nghĩa là dùng con đường ngắn nhất, nhanh nhất, trực tiếp nhất để thực hiện việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Mùa xuân 1921, tình hình chính trị cho chúng ta thấy rằng trong một số vấn đề kinh tế, chúng ta cần rút lui về những vị trí của chủ nghĩa tư bản nhà nước, cần phải chuyển từ "xung phong" sang "bao vây".

Nếu sự thay đổi chiến thuật ấy có làm cho một số người phàn nàn, than khóc, chán nản, bực dọc, thì cần bảo họ rằng: bị một phen thất bại không nguy hiểm bằng không dám thừa nhận sự thất bại, không dám rút ở đó ra tất cả những kết luận. Cuộc đấu tranh quân sự giản đơn hơn nhiều so với cuộc đấu tranh của chủ nghĩa xã hội chống chủ nghĩa tư bản; chúng ta đã chiến thắng bọn Côn-tsắc và bè lũ, vì chúng ta đã không sợ thừa nhận những thất bại của chúng ta, không sợ rút ra ở đó những bài học, không sợ làm đi làm lại nhiều lần những cái làm dở dang hay làm chưa tốt.

Cũng cần phải hành động như thế trong lĩnh vực đấu tranh phức tạp và khó khăn hơn nhiều của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa

chống nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Không nên sợ thừa nhận những thất bại của mình. Phải rút ra những bài học của mỗi cuộc thất bại. Những việc gì đã làm không tốt thì phải làm lại chu đáo hơn, thận trọng hơn và có hệ thống hơn. Nếu chúng ta cho rằng thừa nhận một thất bại cũng giống như bỏ một vị trí, sẽ gây ra tâm trạng chán nản và làm nhụt chí đấu tranh, thì phải nói rằng những nhà cách mạng như thế không đáng giá một đồng xu.

[...] Sức mạnh của chúng ta đã và luôn luôn sẽ là nhìn nhận những thất bại nặng nề nhất một cách hoàn toàn tỉnh táo, và rút ra từ những thất bại ấy những bài học kinh nghiệm để xem cần sửa đổi những gì trong hoạt động của chúng ta. Vì vậy cần nói thẳng ra không quanh co úp mở. Điều đó là bổ ích và quan trọng không những về mặt chân lý lý luận, mà cả về mặt thực tiễn nữa. Hôm nay chúng ta sẽ không bao giờ học được cách giải quyết những nhiệm vụ của mình bằng những phương pháp mới, nếu như kinh nghiệm ngày hôm qua đã không mở mắt cho chúng ta thấy những sai lầm của những phương pháp cũ.

Việc chuyển sang chính sách kinh tế mới chính là do chỗ: sau cuộc thí nghiệm trực tiếp xây dựng xã hội chủ nghĩa trong những điều kiện khó khăn chưa từng thấy, trong điều kiện nội chiến, trong điều kiện giai cấp tư sản buộc chúng ta phải tiến hành cuộc đấu tranh ác liệt, thì đến mùa xuân 1921, chúng ta đã nhận thấy rõ là chưa nên xây dựng trực tiếp chủ nghĩa xã hội, mà trong nhiều lĩnh vực kinh tế chúng ta cần phải lùi về chủ nghĩa tư bản nhà nước, từ bỏ biện pháp tấn công chính diện và bắt đầu một cuộc bao vây lâu dài, không thích thú, khó khăn và gian khổ, đòi hỏi phải rút lui trên hàng loạt vấn đề. Muốn giải quyết vấn đề kinh tế, nghĩa là muốn đảm bảo bước quá độ về mặt kinh tế lên phương thức xã hội chủ nghĩa, thì cần phải biết làm như thế".

Hội nghị VII Đảng bộ tỉnh Mát-xcơ-va, tr.254-255.

"Bây giờ, tôi trở lại ý kiến chính của tôi. Mùa xuân năm nay, chúng ta chuyển sang chính sách kinh tế mới, chúng ta đã lùi lại,

dùng những biện pháp, phương pháp hoạt động của chủ nghĩa tư bản nhà nước, - như thế liệu đã đủ chưa để sau khi ngừng rút lui, chúng ta có thể bắt đầu chuẩn bị tấn công? Chưa, như thế vẫn chưa đủ. Vì lý do sau đây. Nếu trở lại sự so sánh mà lúc đầu tôi đã nói đến (ví dụ về xung phong và bao vây trong chiến tranh), thì chúng ta vẫn chưa làm xong việc bố trí lại quân đội và điều chỉnh lại vũ khí, v.v., - nói tóm lại, chúng ta vẫn chưa chuẩn bị xong cho các trận đánh mới mà hiện nay, do việc áp dụng một chiến lược và chiến thuật mới, nên cần có một tính chất khác. Một khi, giờ đây chúng ta đang chuyển sang chủ nghĩa tư bản nhà nước, thì thử hỏi chúng ta có phải làm những điều cần thiết sao cho những phương pháp hoạt động phù hợp với chính sách kinh tế cũ, sẽ không trở ngại cho sự hoạt động hiện nay của chúng ta không? Cố nhiên - và kinh nghiệm của chúng ta đã cho thấy rõ - là chúng ta phải làm như vậy. Hồi mùa xuân, chúng ta đã nói rằng chúng ta sẽ không sợ việc lùi lại chủ nghĩa tư bản nhà nước và chúng ta đã nói đến nhiệm vụ của chúng ta chính là điều tiết việc trao đổi hàng hóa. Cả hàng loạt sắc lệnh và quyết định, rất nhiều bài viết, tất cả công tác tuyên truyền, tất cả công tác lập pháp, từ mùa xuân 1921, đều nhằm đẩy mạnh việc trao đổi hàng hóa. Khái niệm đó nghĩa là gì? Khái niệm đó, nếu có thể nói như thế, bao hàm một kế hoạch kiến thiết như thế nào? Hồi ấy, người ta chủ trương tổ chức trong cả nước việc trao đổi các sản phẩm công nghiệp lấy sản phẩm nông nghiệp, ít nhiều theo phương thức xã hội chủ nghĩa, và nhờ việc trao đổi này mà khôi phục nền đại công nghiệp là cơ sở duy nhất của một cơ cấu xã hội chủ nghĩa. Kết quả như thế nào? Kết quả là - như thực tế đã cho các đồng chí hoàn toàn thấy rõ và tất cả báo chí của ta cũng đã nói rõ - việc trao đổi hàng hóa đã bị thất bại: thất bại ở chỗ việc trao đổi hàng hóa đã biến thành việc mua bán. Bây giờ chúng ta bắt buộc phải thừa nhận điều đó, nếu như chúng ta không muốn vùi đầu dưới cánh, nếu như chúng ta không muốn giả vờ không nhìn thấy sự thất bại của mình, nếu như chúng ta không sợ nhìn thẳng vào nguy hiểm. Chúng ta phải thừa nhận rằng rút

lui như vậy là chưa đủ, cần kéo dài cuộc rút lui nữa, rút lui xa hơn nữa, để chuyển từ chủ nghĩa tư bản nhà nước sang chỗ thiết lập chế độ nhà nước điều tiết việc mua bán và lưu thông tiền tệ. Lối trao đổi hàng hóa đã không đi đến một kết quả thiết thực nào, thị trường tư nhân mạnh hơn chúng ta, và việc trao đổi hàng hóa đã biến thành sự mua bán, thành sự mậu dịch thông thường.

Các đồng chí hãy cố gắng thích ứng với công tác thương nghiệp, nếu không, tính tự phát của mậu dịch và lưu thông tiền tệ sẽ đánh bật các đồng chí!

Đó là lý do tại sao chúng ta bắt buộc còn phải rút lui nữa để có thể rồi đây sẽ chuyển sang tấn công. Đó là lý do tại sao lúc này, mọi người cần phải thừa nhận rằng các phương pháp của chính sách kinh tế của chúng ta trước kia là sai lầm. Chúng ta cần hiểu điều đó để có thể thấy rõ hiện nay mấu chốt của tình hình là ở chỗ nào, đặc điểm của bước chuyển biến trước mắt chúng ta là gì. [...] Hiện nay trước mắt chúng ta, chủ yếu là những vấn đề kinh tế, và chúng ta cần nhớ rằng bước chuyển sắp tới của chúng ta không thể là bước chuyển trực tiếp sang công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Trong vòng 3 năm, chúng ta vẫn chưa có thể giải quyết xong được nhiệm vụ của chúng ta (nhiệm vụ kinh tế). Trong hoàn cảnh nghèo khổ, bị tàn phá và văn hóa lạc hậu như ở nước ta, không thể giải quyết nhiệm vụ đó trong một thời gian ngắn như vậy được. Nhưng nói chung, cuộc xung phong trước đây không phải là vô ích, nó có để lại những dấu vết.

Hiện nay, chúng ta ở vào tình thế còn phải rút lui thêm một chút nữa, không những lui về chủ nghĩa tư bản nhà nước mà còn lui về chế độ nhà nước điều tiết thương nghiệp và lưu thông tiền tệ nữa. Chỉ có bằng con đường đó, con đường lâu dài hơn chúng ta tưởng, chúng ta mới có thể khôi phục lại đời sống kinh tế được. Cần khôi phục lại một hệ thống quan hệ kinh tế đúng đắn, khôi phục lại nền kinh tế tiểu nông, khôi phục và tự lực phát triển nền đại công nghiệp. Nếu không, chúng ta sẽ không thể thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng. Không còn lối thoát nào khác cả; nhưng

chúng ta vẫn còn chưa nhận thức đủ rõ rệt sự cần thiết của chính sách kinh tế ấy. Chẳng hạn, khi anh nói: Chúng ta phải làm sao cho nhà nước trở thành một người bán buôn hoặc biết cách bán buôn, đó là một nhiệm vụ buôn bán, - thì người ta thấy điều đó thật là lạ lùng và một số người lại còn thấy khủng khiếp nữa. Họ bảo: "Nếu những người cộng sản đã đi đến chỗ đặt những nhiệm vụ buôn bán, những nhiệm vụ thông thường, hết sức đơn giản, hết sức tầm thường, hết sức nhỏ mọn, lên hàng đầu, - thì như vậy chẳng còn gì mấy là chủ nghĩa cộng sản nữa? Cái đó há chẳng khiến cho người ta đâm ra thất vọng và tự nhủ rằng: thôi, hỏng sạch rồi! đó sao?". Nếu nhìn kỹ chung quanh ta, ta thấy quả thật có tâm trạng này, mà tâm trạng này hết sức nguy hiểm, vì nếu nó lan rộng ra thì có thể làm cho nhiều người mù quáng, ngăn cản không cho hiểu rõ những nhiệm vụ trước mắt của chúng ta. Tự che giấu mình, che giấu giai cấp công nhân, che giấu quần chúng không cho biết rằng suốt từ hồi mùa xuân 1921 cho đến cả hiện nay nữa, tức là thu đông 1921-1922, chúng ta vẫn luôn luôn tiếp tục rút lui, - như thế là tự giam mình vào chỗ hoàn toàn không giác ngộ, là không có can đảm nhìn thẳng vào tình hình. Trong những điều kiện như vậy, làm sao mà tiến hành công tác và đấu tranh được.

[...] Còn trong một cuộc chiến tranh quyết định vận mệnh của cả một giai cấp, quyết định vấn đề: chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản, - thì thử hỏi có căn cứ xác đáng nào để giả định rằng nhân dân, lần đầu tiên giải quyết một nhiệm vụ như vậy, lại có thể lập tức tìm ra được một biện pháp duy nhất đúng đắn, không có sai lầm, hay không? Căn cứ vào đâu để giả định như vậy? Không có căn cứ nào cả! Kinh nghiệm đã chứng minh ngược lại. Trong số những nhiệm vụ mà chúng ta phải giải quyết, chưa có một nhiệm vụ nào mà chúng ta không phải giải quyết hai lần. Sau mỗi lần thất bại chúng ta lại nghiên cứu lại vấn đề một lần nữa, chúng ta lại làm lại tất cả, chúng ta xem có thể giải quyết nhiệm vụ mà chúng ta quan tâm đến bằng cách nào, nếu không giải quyết được một cách hoàn toàn đúng đắn, thì ít ra cũng giải quyết được một

cách tương đối tốt, - chúng ta đã làm như vậy, và sau này cũng phải làm như vậy. [...] Và ngược lại, nếu chúng ta không sợ nói thẳng cái sự thật dù là rất cay đắng và nặng nề, thì chắc chắn và nhất định chúng ta sẽ học được cách chiến thắng tất cả mọi khó khăn.

Chúng ta phải đứng trên miếng đất của những mối quan hệ tư bản chủ nghĩa hiện có. Chúng ta có sợ nhiệm vụ này không? Hay chúng ta sẽ bảo đây không phải là một nhiệm vụ cộng sản? Như vậy có nghĩa là không hiểu cuộc đấu tranh cách mạng, không hiểu tính chất của cuộc đấu tranh đó, một cuộc đấu tranh hết sức ác liệt và gắn liền với những bước ngoặt hết sức đột ngột mà bất cứ trong trường hợp nào chúng ta cũng không thể lẩn tránh được.

Bây giờ tôi xin tổng kết một số vấn đề.

Tôi sẽ nói tới một vấn đề mà nhiều đồng chí quan tâm đến. Nếu hiện nay, thu đông 1921, chúng ta còn rút lui thêm nữa, thế thì đến khi nào những cuộc rút lui đó mới chất dứt? [...]

Cái tình hình do chính sách kinh tế mới của chúng ta tạo ra, tức là sự phát triển của các xí nghiệp thương nghiệp nhỏ, việc cho trưng thầu những xí nghiệp của nhà nước, v.v., - tất cả những cái đó là sự phát triển của các quan hệ tư bản chủ nghĩa, và không nhận thấy điểm này thì có nghĩa là đã hoàn toàn mất trí. Dĩ nhiên, việc tăng cường những quan hệ tư bản chủ nghĩa, tự bản thân nó đã làm tăng thêm mối nguy hiểm lên rồi. Nhưng trong cách mạng, liệu các đồng chí có thể chỉ cho tôi một con đường nào, một giai đoạn nào và một sách lược nào mà lại không có nguy hiểm không? Khi nào không còn nguy hiểm nữa, thì có nghĩa là chiến tranh kết thúc, chuyên chính vô sản chấm dứt; nhưng dĩ nhiên, trong lúc này, không một ai trong chúng ta mơ ước đến điều ấy cả. Mỗi bước tiến lên trong chính sách kinh tế mới này đều mang theo cả một loạt nguy hiểm. Hồi mùa xuân, khi chúng ta tuyên bố rằng chúng ta thay chế độ trưng thu bằng thuế lương thực và ra sắc lệnh tự do buôn bán các nông sản thừa của nông dân sau khi đã nộp thuế lương thực, thì như vậy là chúng ta đã để cho chủ nghĩa tư bản tự do phát triển. Không biết đến sự thật này, tức là sẽ hoàn toàn

không thể hiểu được những mối quan hệ kinh tế cơ bản, là không thể thấy rõ được phương hướng và không thể nào hành động đúng được. Đương nhiên, một khi các phương pháp đấu tranh đã thay đổi, thì tính chất của mối nguy hiểm cũng thay đổi. [...] Sau khi chúng ta thay đổi chính sách kinh tế, thì mối nguy hiểm lại càng lớn hơn nữa, vì công cuộc xây dựng kinh tế bao gồm một khối lượng rất lớn những nhiệm vụ vụn vặt, những nhiệm vụ thường ngày, mà thường thường là người ta đã quen rồi và không chú ý tới, công cuộc đó đòi hỏi chúng ta phải hết sức chú ý và phải dốc toàn lực ra, và nó nêu ra một cách đặc biệt bức thiết là chúng ta cần phải học tập những phương pháp thích hợp để khắc phục mối nguy hiểm đó. Chủ nghĩa tư bản phục hồi lại, giai cấp tư sản phát triển lên, những quan hệ tư sản mở rộng ra trên cơ sở thương nghiệp, v.v., - đấy là mối nguy hiểm vốn có của công cuộc xây dựng kinh tế của chúng ta hiện nay, của cái phương pháp thận trọng của chúng ta để giải quyết một nhiệm vụ còn khó khăn nhiều hơn những nhiệm vụ trước kia. Về vấn đề này, không nên có mảy may lầm lẫn nào cả.

Chúng ta cần hiểu rằng tình hình cụ thể hiện nay đòi hỏi phải thi hành chế độ nhà nước điều tiết thương nghiệp và lưu thông tiền tệ, và chúng ta phải tỏ rõ tài năng của mình ở chính trong lĩnh vực này. Đời sống kinh tế của chúng ta hiện nay có nhiều mâu thuẫn hơn trước khi có chính sách kinh tế mới: đời sống của một số tầng lớp dân cư, không nhiều lắm, đã hơi được cải thiện một phần nào; mặt khác lại có tình trạng hoàn toàn mất cân đối giữa khả năng kinh tế và nhu cầu thiết yếu của các tầng lớp khác chiếm đại đa số trong dân cư. Mâu thuẫn đã trở nên nhiều hơn. Và dĩ nhiên là chừng nào chúng ta còn đang trải qua một thời kỳ có những chuyển biến kịch liệt, thì chúng ta không thể nào gạt bỏ ngay những mâu thuẫn ấy đi được.

Để kết thúc, tôi muốn nhấn mạnh ba điểm chính trong báo cáo của tôi. Điểm thứ nhất, đó là một vấn đề có tính chất chung: theo ý nghĩa nào, chúng ta phải thừa nhận chính sách kinh tế của ta

trong thời kỳ trước khi thi hành chính sách kinh tế mới, là sai lầm? Tôi đã lấy một cuộc chiến tranh làm ví dụ, để giải thích sự cần thiết phải từ bỏ lối đánh xung phong để chuyển sang lối đánh bao vây, sự cần thiết phải xung phong lúc bắt đầu cuộc chiến đấu, nhưng sau khi xung phong bị thất bại, thì cần thiết phải thấy rõ ý nghĩa của những phương pháp chiến đấu mới.

Tiếp đó, bài học thứ nhất và giai đoạn thứ nhất mà chúng ta đã trải qua hồi mùa xuân 1921, đó là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nhà nước trên con đường mới. Đứng về mặt này mà xét, chúng ta đạt được một số thành quả, nhưng cũng đang vấp phải những mâu thuẫn chưa từng thấy. Chúng ta chưa nắm vững được lĩnh vực này.

Thứ ba là: sau khi bắt buộc phải rút lui vào hồi mùa xuân 1921, từ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa chuyển sang chủ nghĩa tư bản nhà nước, chúng ta nhận thấy rằng bây giờ nhà nước cần phải điều tiết thương nghiệp và lưu thông tiền tệ; tuy rằng chúng ta thấy lĩnh vực thương nghiệp có vẻ như rất cách xa chủ nghĩa cộng sản, nhưng chính trong lĩnh vực này, một nhiệm vụ đặc biệt lại đang được đề ra cho chúng ta. Chỉ sau khi giải quyết xong nhiệm vụ đó, chúng ta mới có thể thỏa mãn được những nhu cầu kinh tế tuyệt đối bức thiết, và mới có thể đảm bảo được việc khôi phục lại nền đại công nghiệp bằng một con đường dài hơn, nhưng chắc chắn hơn và, hơn nữa, hiện nay là con đường duy nhất có thể đi theo được đối với chúng ta.

Về vấn đề chính sách kinh tế mới, đây là điều chủ yếu mà chúng ta không nên quên lưu ý tới. Trong khi giải quyết những vấn đề do chính sách đó đề ra, cần nhìn thấy rõ những đường lối phát triển cơ bản, để có thể thấy rõ hướng đi giữa cái tình hình dường như lộn xộn mà hiện nay chúng ta nhận thấy trong các mối quan hệ kinh tế, và trong đó bên cạnh cái cũ đã bị phá hủy, chúng ta nhận thấy những mầm mống hãy còn non yếu của chế độ mới, trong đó chúng ta thường nhận thấy rằng những phương pháp công tác của chúng ta không phù hợp với những điều kiện mới. Một khi đã đề ra cho mình nhiệm vụ nâng cao lực lượng sản xuất

và khôi phục lại nền đại công nghiệp, cơ sở duy nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa, thì chúng ta phải hành động sao cho giải quyết nhiệm vụ đó một cách đúng đắn và dù thế nào cũng phải giải quyết cho bằng được nhiệm vụ đó".

Hội nghị VII Đảng bộ tỉnh Mát-xcơ-va, tr.257-264.

"Từ đầu xuân 1921, chúng ta thay thế giải pháp đó, kế hoạch đó, phương pháp đó, chế độ hoạt động đó (chúng ta chưa "thay thế xong", chúng ta còn đang "thay thế" và chưa hoàn toàn có ý thức về việc này) bằng một phương pháp hoàn toàn khác, theo kiểu cải lương là: không *đập tan* cái cơ cấu kinh tế và xã hội cũ, thương nghiệp, tiểu nông, công nghiệp nhỏ, chủ nghĩa tư bản; mà là *chấn hưng* thương nghiệp, công nghiệp nhỏ, chủ nghĩa tư bản, bằng cách cố gắng nắm vững những cái đó một cách thận trọng và từng bước, hoặc bằng cách nhà nước điều tiết những cái đó, nhưng *chỉ trong chừng mực* làm cho chúng sẽ được phục hồi lại".

Về tác dụng của vàng hiện nay
và sau khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi, tr.275.

"Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động mà ta đang bàn đến, cái mắt xích đó, chính là việc đẩy mạnh nội *thương*, theo sự điều tiết (sự chỉ đạo) đúng đắn của nhà nước. Thương nghiệp đó là cái "mắt xích" trong cái dây xích những sự biến lịch sử, trong những hình thức quá độ của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta vào những năm 1921-1922, đó là "mắt xích" mà chúng ta, chính quyền của nhà nước vô sản, mà chúng ta, đảng cộng sản đang nắm quyền lãnh đạo, - *"chúng ta phải đem toàn lực ra nắm lấy"*. Nếu *ngày nay* chúng ta "nắm" được khá chặt mắt xích đó, thì chắc chắn là trong một ngày rất gần đây, chúng ta sẽ làm chủ được *toàn bộ* cái dây xích. Bằng không, chúng ta sẽ không làm chủ được toàn bộ cái dây xích, chúng ta sẽ không đặt được nền móng của những mối quan hệ kinh tế và xã hội trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Điều này có vẻ kỳ quái. Chủ nghĩa cộng sản và thương nghiệp?! Quả thật chẳng ăn nhập gì với nhau cả, thật là kỳ cục, thật là xa

cách nhau! Nhưng nếu ta đứng *về mặt kinh tế* mà suy xét, thì chủ nghĩa cộng sản với thương nghiệp cũng không xa gì nhau, hơn là chủ nghĩa cộng sản với nền tiểu nông, gia trưởng của nông dân".

Về tác dụng của vàng hiện nay
và sau khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi, tr.279-280.

"Khi đã có nền đại công nghiệp trên phạm vi thế giới, thì chắc chắn có thể chuyển thẳng lên chủ nghĩa xã hội được; và không một ai có thể bác bỏ sự thực đó, cũng như không một ai có thể phủ nhận được rằng nền đại công nghiệp đó hoặc bị nghẹt thở và gây ra nạn thất nghiệp ở những nước chiến thắng phồn vinh và giàu có nhất, hoặc chỉ biết chế tạo ra đạn dược để giết người. Và nếu ở ta, vì chúng ta lạc hậu, vì cách mạng của ta nổ ra trong những điều kiện như vậy, nên hiện nay chúng ta chưa có được mức phát triển công nghiệp cần thiết, thì chúng ta nghĩ sao - thôi chăng? chán nản chăng? Không. Chúng ta sẽ chuyển sang một công việc gian khổ, vì con đường chúng ta đang theo là đúng đắn. Không nghi ngờ gì cả, con đường liên minh quần chúng nhân dân là con đường duy nhất làm cho lao động của nông dân và của công nhân sẽ là lao động cho mình, chứ không phải lao động cho kẻ bóc lột. Và để thực hiện được mục đích đó trong hoàn cảnh nước ta, thì cần phải có những mối quan hệ kinh tế - những mối quan hệ duy nhất có thể có được - tức là những mối quan hệ thông qua các hoạt động kinh tế.

Đó là lý do chúng ta phải lùi bước, đó là lẽ vì sao chúng ta phải lùi về chế độ tư bản nhà nước, lùi về chế độ tô nhượng, lùi về thương mại. Chúng ta ở trong hoàn cảnh kinh tế bị tàn phá, nếu không lùi bước như vậy thì chúng ta không thể nào khôi phục được mối quan hệ thích đáng với nông dân. Nếu không lùi bước như vậy, chúng ta sẽ có nguy cơ là đội tiền phong của cách mạng đi quá xa đến nỗi nó sẽ tách khỏi quần chúng nông dân. Sự liên minh giữa đội tiền phong của cách mạng đó với quần chúng nông dân sẽ không thực hiện được, mà như vậy là cách mạng sẽ tiêu vong. Chúng ta phải nhận định điều này một cách đặc biệt tỉnh táo vì cái

mà chúng ta gọi là chính sách kinh tế mới, trước hết và chủ yếu là xuất phát từ đó mà ra. Đó là lẽ vì sao chúng ta đã nhất trí nói rằng, chúng ta sẽ tiến hành chính sách đó một cách nghiêm túc và lâu dài, nhưng tất nhiên - như chúng ta đã nói một cách đúng đắn - không phải là vĩnh viễn. Chính sách đó do tình trạng nước ta bị nghèo khổ, bị tàn phá, và do nền đại công nghiệp của ta bị hết sức suy yếu, mà ra.

[...] Nếu việc khôi phục đại công nghiệp khó khăn đến thế thì, dù chỉ là trên quy mô kinh tế tiểu nông và lúc này là trên cơ sở nền tiểu công nghiệp, chúng ta cũng có thể và phải phát triển được lực lượng sản xuất. Chúng ta phải đạt được kết quả và chúng ta đang bắt đầu đạt được, nhưng phải nhớ rằng về mặt này, tốc độ và hoàn cảnh công tác có khác, rằng ở đây, khó giành được thắng lợi hơn. Ở đây, chúng ta không thể đạt tới những mục tiêu của chúng ta một cách nhanh chóng như chúng ta đã đạt được về mặt chính trị và quân sự. Ở đây, không thể tính đến những bước tiến nhanh, tiến vọt được, và những thời hạn đều khác: thời hạn đó kéo dài hàng chục năm. Đó là những thời hạn cần thiết để chúng ta giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến tranh kinh tế, trong hoàn cảnh các nước láng giềng không giúp đỡ mà thù địch với chúng ta.

Nhưng con đường của chúng ta là con đường đúng, vì đó là con đường mà sớm hay muộn các nước khác nhất định cũng sẽ đi theo. Chúng ta đã bắt đầu đi theo con đường đúng đắn đó. Chỉ cần phải cân nhắc thận trọng từng bước nhỏ, chú ý tới mỗi sai lầm hết sức nhỏ của mình, và như vậy là chúng ta sẽ thắng trên con đường đó".

Đại hội IX các xô-viết toàn Nga, tr.380-383.

"Và bây giờ về phương diện chính sách kinh tế, tôi còn muốn nhấn mạnh một mặt nữa của vấn đề. Khi đánh giá chính sách kinh tế mới của ta, mà chỉ chú ý tới cái gì chắc chắn là đặc biệt quan trọng thôi, thì chưa đủ. Dĩ nhiên, thực chất của chính sách kinh tế mới của ta là sự liên minh của giai cấp vô sản với nông dân, là sự liên minh giữa đội tiền phong của giai cấp vô sản với

quảng đại quần chúng nông dân. Nhờ có chính sách kinh tế mới nên việc khôi phục lực lượng sản xuất đã bắt đầu, việc này phải làm cho kỳ được và phải cấp tốc làm ngay. Chính sách kinh tế mới còn có một mặt nữa là điều kiện để học tập. Chính sách kinh tế mới là một hình thức hoạt động để chúng ta có thể thật sự bắt đầu học tập quản lý kinh tế quốc dân; mà về mặt này, thì cho đến bây giờ chúng ta vẫn còn làm rất kém. Tất nhiên, người đảng viên cộng sản lãnh đạo hay người đoàn viên công đoàn lãnh đạo quần chúng lao động khó mà hình dung được rằng, ngày nay thương mại là hòn đá thử vàng của sinh hoạt kinh tế của chúng ta, là sự liên kết duy nhất có thể có giữa đội tiền phong của giai cấp vô sản với nông dân, là sự cố kết duy nhất có thể có để có thể bắt đầu thúc đẩy kinh tế phát triển một cách toàn diện. Bất cứ một thương nhân nào đang buôn bán dưới sự kiểm soát của nhà nước và của tòa án (tòa án của chúng ta là tòa án vô sản và tòa án của ta có thể theo dõi từng nhà kinh doanh tư nhân để làm sao pháp luật đối với họ không phải như ở những nước tư sản; cách đây không lâu ở Mát-xcơ-va đã có một thí dụ như thế, và tất cả các đồng chí đều biết rất rõ rằng, chúng ta sẽ tăng số thí dụ như thế lên để nghiêm khắc trừng trị những ý định của những nhà kinh doanh tư nhân muốn vi phạm luật pháp của ta), bất cứ thương nhân nào hay nhà kinh doanh tư nhân nào, với một trăm phần trăm lợi nhuận, sẽ có thể làm được công việc có ích - thí dụ như cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp - mà thường là không một người cộng sản nào và không một cán bộ công đoàn nào có thể làm được. Ý nghĩa của chính sách kinh tế mới chính là ở chỗ ấy. Hãy học tập đi. Việc học tập đó rất nghiêm túc, tất cả chúng ta đều phải trải qua việc học tập đó. Việc học tập đó thật gian khổ. Nó không giống một loạt bài giảng ở nhà trường và không giống bất cứ một kỳ thi nào. Đó là vấn đề của một cuộc đấu tranh kinh tế khó nhọc gian khổ, trong hoàn cảnh nghèo túng, trong hoàn cảnh có những khó khăn, những thử thách chưa từng có - thiếu bánh mì, đói, rét - nhưng đó là việc học tập thật sự mà chúng ta cần phải trải qua. Ở đây, bất

cứ một ý định nào muốn trốn tránh nhiệm vụ đó, bất cứ một ý định nào muốn nhắm mắt bỏ qua, viện cớ rằng cái đó không dính líu gì đến mình, thì cũng đều là tính tự cao tự đại, tội lỗi nhất và nguy hiểm nhất, tính tự cao tự đại của người cộng sản và của người cán bộ công đoàn. Các đồng chí, tất cả chúng ta, những người lãnh đạo nước Nga xô-viết, đều mắc lỗi ấy cả, chúng ta mắc nặng và phải hết sức thẳng thắn công nhận điều này để khắc phục thiếu sót đó.

Chúng ta bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế của chúng ta trên cơ sở kinh nghiệm ngày hôm qua của ta, và chính đó lại là một điều sai lầm căn bản của chúng ta".

Đại hội IX các xô-viết toàn Nga, tr.395-397.

"1. CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ CÁC CÔNG ĐOÀN

Chính sách kinh tế mới đem lại một loạt những thay đổi căn bản trong tình hình giai cấp vô sản, và do đó, cả trong tình hình các công đoàn nữa. Những sự thay đổi ấy là do ở chỗ: trong toàn bộ chính sách về bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đảng cộng sản và Chính quyền xô-viết hiện nay đang áp dụng những biện pháp thuộc một loại đặc biệt để bảo đảm bước quá độ đó; về nhiều mặt, đảng và Chính quyền xô-viết hành động bằng những phương pháp khác những phương pháp xưa kia; đảng và Chính quyền xô-viết đang đánh chiếm một loạt vị trí, có thể nói là bằng một "lối đánh vòng quanh mới"; đảng và Chính quyền xô-viết đang lùi một bước để có thể trở lại tấn công chủ nghĩa tư bản, sau khi đã được chuẩn bị chu đáo hơn. Đặc biệt ngày nay, thương nghiệp tự do và chủ nghĩa tư bản được phép tồn tại và phát triển nhưng phải phục tùng sự điều tiết của nhà nước; và mặt khác, những xí nghiệp nhà nước, thì chuyển sang cái gọi là hạch toán kinh tế, nghĩa là trên thực chất những xí nghiệp đó trên một mức độ lớn phải theo những nguyên tắc buôn bán và những nguyên tắc tư bản chủ nghĩa.

2. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC TRONG NHÀ NƯỚC VÔ SẢN VÀ CÁC CÔNG ĐOÀN

Muốn không thay đổi bản chất của mình, nhà nước vô sản chỉ có thể thừa nhận cho thương nghiệp tự do và cho chủ nghĩa tư bản được phát triển trong một chừng mực nào đó và chỉ với điều kiện là thương nghiệp tư nhân và tư bản tư nhân phải phục tùng sự điều tiết của nhà nước (giám sát, kiểm tra, quy định các hình thức, trật tự, v.v.). Thành công của sự điều tiết ấy không phải chỉ do chính quyền nhà nước quyết định, mà còn do mức độ trưởng thành của giai cấp vô sản và của quần chúng lao động nói chung, sau nữa do trình độ văn hóa, v.v., quyết định nhiều hơn. Nhưng dù sự điều tiết ấy có thành công hoàn toàn chăng nữa, thì sự đối lập về lợi ích giai cấp của lao động và của tư bản nhất định vẫn còn tồn tại. Như vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của công đoàn là từ nay trở đi phải bảo vệ, trong mọi lĩnh vực và bằng mọi cách, những lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh của họ chống tư bản. Nhiệm vụ đó phải được công khai đặt lên hàng đầu, bộ máy công đoàn do đó phải được tổ chức lại, sửa đổi hay bổ sung, những quỹ bãi công, v.v., phải được thành lập, hay nói cho đúng hơn, phải được thành lập dần dần.

3. NHỮNG XÍ NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN SANG CÁI GỌI LÀ HẠCH TOÁN KINH TẾ VÀ CÁC CÔNG ĐOÀN

Việc các xí nghiệp nhà nước áp dụng chế độ gọi là hạch toán kinh tế thì tất nhiên và mật thiết gắn liền với chính sách kinh tế mới; kiểu xí nghiệp đó, trong một tương lai gần đây, nhất định sẽ chiếm ưu thế, nếu không phải là duy nhất. Thật ra, như thế có nghĩa là, khi việc tự do buôn bán được phép tồn tại và phát triển, thì trong một chừng mực khá quan trọng, các xí nghiệp nhà nước được đặt trên cơ sở buôn bán, cơ sở tư bản chủ nghĩa. Tình hình đó - do sự cần thiết phải gấp rút tăng năng suất lao động, phải làm sao cho mỗi xí nghiệp nhà nước không được lỗ mà phải có lãi; do những

lợi ích tất nhiên về mặt quản lý và do sự sốt sắng thái quá về mặt quản lý, - tình hình đó nhất định phải gây ra một sự đối lập nào đó về lợi ích giữa quần chúng công nhân với những người giám đốc, những người quản lý các xí nghiệp nhà nước hay với những cơ quan quản lý mà những xí nghiệp ấy phụ thuộc. Bởi vậy, đối với những xí nghiệp nhà nước, các công đoàn tuyệt đối phải có nghĩa vụ đấu tranh với những người tuyển công nhân vào làm việc để bảo vệ lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản và của quần chúng lao động.

4. SỰ KHÁC NHAU CĂN BẢN GIỮA CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN TRONG MỘT NHÀ NƯỚC MÀ QUYỀN TƯ HỮU VỀ RUỘNG ĐẤT, VỀ CÁC NHÀ MÁY, V.V., ĐƯỢC THỪA NHẬN VÀ CHÍNH QUYỀN NẰM TRONG TAY GIAI CẤP TƯ BẢN, VỚI CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN TRONG MỘT NHÀ NƯỚC MÀ QUYỀN TƯ HỮU VỀ RUỘNG ĐẤT, VỀ PHẦN LỚN NHỮNG XÍ NGHIỆP LỚN, KHÔNG ĐƯỢC THỪA NHẬN VÀ CHÍNH QUYỀN NẰM TRONG TAY GIAI CẤP VÔ SẢN

[...] Mặt khác, dĩ nhiên là mục đích cuối cùng mà đấu tranh bãi công dưới chủ nghĩa tư bản phải nhằm đạt được, là phá hủy bộ máy nhà nước, lật đổ chính quyền của giai cấp cầm quyền. Còn trong nhà nước vô sản kiểu quá độ như nhà nước của ta, thì mục đích cuối cùng của cuộc đấu tranh bãi công chỉ có thể là củng cố nhà nước vô sản và chính quyền nhà nước do giai cấp vô sản nắm, bằng cách đấu tranh chống những lệch lạc quan liêu chủ nghĩa của nhà nước đó, chống những sai lầm và nhược điểm của nó, chống lòng tham lam vô độ có tính chất giai cấp của những tên tư bản mà nó chưa kiểm soát được, v.v.. Bởi vậy đảng cộng sản, cũng như Chính quyền xô-viết, cũng như các công đoàn, đều tuyệt đối không thể quên và không được che giấu không cho công nhân và quần chúng lao động biết rằng việc dùng đến đấu tranh bãi công trong

một nước mà chính quyền thuộc về giai cấp vô sản chỉ có thể giải thích và biện hộ duy nhất bằng, một mặt, những sự lệch lạc quan liêu chủ nghĩa của nhà nước vô sản và mọi thứ tàn dư của quá khứ tư bản chủ nghĩa trong các cơ quan của nhà nước vô sản, và mặt khác, bằng trình độ chính trị của quần chúng lao động còn thấp kém và trình độ văn hóa của họ còn lạc hậu mà thôi. Vì nếu các tòa án và các cơ quan nhà nước khác đều do bản thân những người lao động xây dựng trên cơ sở giai cấp sau khi đã gạt bỏ giai cấp tư sản ra khỏi số cử tri, thì việc quần chúng lao động trực tiếp nhờ đến các cơ quan nhà nước ngày càng phải trở thành một phương pháp bình thường để giải quyết những cuộc xung đột giữa lao động và tư bản, giữa người làm thuê và người thuê. [...]

6. CÔNG ĐOÀN VÀ VIỆC QUẢN LÝ CÁC XÍ NGHIỆP

Một khi chiếm được chính quyền nhà nước, giai cấp vô sản có một lợi ích căn bản nhất, sống còn nhất, là phải tăng số lượng sản phẩm, phải nâng cao theo những quy mô rộng lớn sức sản xuất của xã hội. Nhiệm vụ ấy, được nêu rõ trong cương lĩnh của Đảng cộng sản Nga, hiện đang được đặt ra ở nước ta một cách hết sức bức thiết, sau sự suy đồi, nạn đói và sự tàn phá do chiến tranh gây ra. Bởi vậy không có một thành công thật nhanh và hết sức vững chắc trong việc khôi phục nền đại công nghiệp thì không sao thực hiện được việc giải phóng lao động khỏi ách tư bản, và cũng không thể có sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội được. Thế mà trong tình hình hiện nay của nước Nga, một thành công như thế lại đòi hỏi tuyệt đối phải tập trung toàn quyền vào các cơ quan quản lý xí nghiệp. Những cơ quan quản lý này được xây dựng theo một nguyên tắc chung là chế độ thủ trưởng, phải tự mình quy định mức tiền công, phân phối tiền bạc, khẩu phần, quần áo làm việc và những vật phẩm cấp phát khác; đồng thời phải giữ cho mình được hết sức tự do hoạt động, phải kiểm tra chặt chẽ những thành tích thực tế về mặt tăng sản lượng nhưng không thua lỗ mà có lời, phải lựa chọn

một cách rất thận trọng những người quản lý có tài nhất và có kinh nghiệm nhất, v.v..

Trong những điều kiện như thế, mọi sự can thiệp trực tiếp của công đoàn vào việc quản lý các xí nghiệp phải coi là tuyệt đối không thể chấp nhận được và có hại.

Nhưng từ cái chân lý không thể chối cãi được đó mà lại đi đến kết luận là các công đoàn không được tham gia vào việc tổ chức xã hội chủ nghĩa ngành công nghiệp và vào việc quản lý công nghiệp nhà nước thì hoàn toàn sai. Việc tham gia đó là cần thiết, theo những hình thức đã được quy định rõ ràng...".

Dự thảo Luận cương về vai trò và nhiệm vụ của công đoàn trong điều kiện của chính sách kinh tế mới, tr.417-423.

"Thực chất nhiệm vụ của cuộc rút lui này: *liên kết* với nền kinh tế nông dân, *thỏa mãn* những nhu cầu kinh tế cấp bách nhất của họ, *xây dựng khối liên minh kinh tế vững chắc,* trước hết *nâng cao các lực lượng sản xuất,* **khôi phục công nghiệp lớn.**

Thương nghiệp, doanh số (dưới sự kiểm soát của nhà nước) của công nghiệp và nông nghiệp".

Đề cương Báo cáo về chính sách đối nội và đối ngoại tại Đại hội IX các xô-viết toàn Nga, tr.598.

TẬP 45

(V.I.Lênin: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

"Bài học thứ ba, bài học phụ, là bài học về chủ nghĩa tư bản nhà nước. [...] Về vấn đề chủ nghĩa tư bản nhà nước, thì báo chí của chúng ta nói chung, và đảng ta nói chung, đều phạm sai lầm là rơi vào cái bệnh trí thức và chủ nghĩa tự do; chúng ta quá cầu kỳ về vấn đề tìm hiểu xem chủ nghĩa tư bản nhà nước là gì, và chúng ta tra cứu nhiều sách cũ. Nhưng những sách cũ ấy lại nói đến cái khác hẳn: những sách đó nói về chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới chế độ tư bản chứ không có lấy một quyển nào nói đến chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới chế độ cộng sản cả. Ngay đến Mác cũng không viết một lời nào về vấn đề đó, và Người đã mất đi mà không để lại một lời nào rõ rệt, một chỉ dẫn nào chắc chắn về vấn đề ấy cả. Vì thế ngày nay, chúng ta phải tự mình tìm ra lối thoát. Và nếu dùng trí nhớ để điểm qua báo chí của chúng ta bằng một cái nhìn tổng quát xem nó đã bàn những gì về chủ nghĩa tư bản nhà nước, — điều mà tôi đã thử làm trong khi chuẩn bị bản báo cáo này, — thì có thể tin chắc rằng họ nhầm sai đích, họ nhìn theo một hướng khác hẳn.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước, theo sự giải thích của toàn bộ sách báo về kinh tế, là chủ nghĩa tư bản dưới chế độ tư bản, khi chính quyền nhà nước trực tiếp khống chế những xí nghiệp tư bản chủ nghĩa này hay xí nghiệp tư bản chủ nghĩa khác. Nhưng nhà nước chúng ta là nhà nước vô sản; nhà nước đó dựa vào giai cấp vô sản, giai cấp này được nhà nước trao cho đủ mọi đặc quyền chính trị, và thông qua giai cấp vô sản, nhà nước đó lôi kéo được nông dân lớp dưới về mình (các đồng chí đều nhớ rằng chúng ta đã bắt đầu công

tác ấy bằng cách lập ra những uỷ ban nông dân nghèo). Đó là lẽ vì sao danh từ chủ nghĩa tư bản nhà nước làm cho rất nhiều người sai lạc. Muốn tránh điều đó, thì cần nhớ một điều cơ bản là chủ nghĩa tư bản nhà nước như hiện có ở nước ta, chưa hề được bàn đến trong một lý thuyết nào, một sách báo nào, vì một lý do giản đơn là những khái niệm thông thường gắn liền với những danh từ ấy, đều quan hệ đến chính quyền của giai cấp tư sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Còn riêng xã hội của chúng ta thì đã ra khỏi con đường tư bản chủ nghĩa, mà vẫn chưa đi vào con đường mới, nhưng quản lý nhà nước thì không phải là giai cấp tư sản nữa mà là giai cấp vô sản. Chúng ta không muốn hiểu rằng khi chúng ta nói đến "nhà nước", thì nhà nước đó chính là chúng ta, là giai cấp vô sản, là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa tư bản nhà nước mà chúng ta nói đó là một thứ chủ nghĩa tư bản mà chúng ta có thể hạn chế, có thể quy định giới hạn; chủ nghĩa tư bản nhà nước đó gắn liền với nhà nước, mà nhà nước chính là công nhân, chính là bộ phận tiên tiến của công nhân, là đội tiên phong, là chúng ta.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước, đó là chủ nghĩa tư bản mà chúng ta phải đặt nó trong một giới hạn nhất định, nhưng cho đến nay chúng ta vẫn không biết đặt nó vào giới hạn ấy. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ ấy. Chủ nghĩa tư bản nhà nước ấy sẽ như thế nào — điều đó tuỳ ở chúng ta. Chính quyền thì chúng ta có đầy đủ và hoàn toàn đầy đủ; chúng ta lại cũng có sẵn đầy đủ tài nguyên kinh tế, nhưng đội tiên phong của giai cấp công nhân có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, định rõ giới hạn, phân định ranh giới, bắt người khác phải phục tùng mình, chứ không phải mình đi phục tùng người khác, — thì đội tiên phong ấy lại không đủ thành thạo. Ở đây chỉ cần sự thành thạo, thế mà sự thành thạo thì chúng ta lại chưa có.

Một tình hình chưa từng có trong lịch sử: giai cấp vô sản, đội tiên phong cách mạng, có một chính quyền hoàn toàn đầy đủ; và bên cạnh đó, là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Mấu chốt của vấn đề này là chúng ta phải hiểu được rằng đó là chủ nghĩa tư bản mà chúng ta có thể và cần phải dung nạp, mà chúng ta có thể và phải

đặt nó trong những giới hạn nhất định, vì chủ nghĩa tư bản đó cần cho đông đảo quần chúng nông dân và cho tư bản tư nhân là người phải buôn bán để làm sao thỏa mãn được nhu cầu của nông dân. Chúng ta phải tổ chức công việc thế nào để cho tiến trình bình thường của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và của việc lưu thông tư bản chủ nghĩa có thể có được, vì điều đó cần thiết cho nhân dân, không có cái đó thì không thể sống được. Đối với họ, đối với phe đó, thì tất cả những cái còn lại không phải là tuyệt đối cần thiết, họ có thể đành chịu vậy. Các đồng chí là những người cộng sản, các đồng chí là công nhân, các đồng chí là bộ phận giác ngộ của giai cấp vô sản, các đồng chí là những người đảm nhiệm việc lãnh đạo nhà nước, — các đồng chí hãy làm thế nào cho nhà nước mà các đồng chí nắm trong tay, phải hoạt động như các đồng chí mong muốn. Chúng ta đã trải qua một năm rồi, nhà nước ở trong tay chúng ta; nhưng về mặt chính sách kinh tế mới, thì nhà nước có hoạt động như chúng ta mong muốn không? Không. Chúng ta không muốn thú nhận điều này: nhà nước đã không hoạt động được như chúng ta mong muốn. Thế thì nó đã hoạt động ra sao? Chiếc xe không tuân theo tay lái, tuy rõ ràng là có một người ngồi cầm tay lái thật đấy, có vẻ như đang điều khiển xe, nhưng xe lại không chạy theo hướng đã định mà theo hướng thúc đẩy của một kẻ khác, một kẻ bí mật, bất hợp pháp, một kẻ mà người ta không biết từ đâu đến, của bọn đầu cơ hoặc của bọn tư bản tư nhân, hoặc có thể là của cả hai bọn đó, — nhưng xe lại chạy không hoàn toàn đúng, và rất thường là hoàn toàn không đúng với sự mơ tưởng của người cầm lái. Đó là điểm chủ yếu mà chúng ta cần nhớ khi bàn đến chủ nghĩa tư bản nhà nước. Trong lĩnh vực cơ bản này, chúng ta phải học tập từ đầu trở đi, và chỉ khi nào chúng ta lĩnh hội được hoàn toàn và nhận thức được điều đó, thì lúc đó chúng ta mới có thể bảo đảm là chúng ta sẽ học tập được điều ấy".

Đại hội XI Đảng Cộng sản (b) Nga, tr.101-103.

"Vậy thì làm sao lại có tình hình là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản đối lập nhau, nhưng những trường hợp khác nhau

ấy lại là *hiện tượng tích cực xét theo cả hai quan điểm đối lập nhau?* Điều đó có thể được, vì có thể thông qua ngay cả chủ nghĩa tư bản nhà nước mà chuyển sang chủ nghĩa cộng sản được, nếu chính quyền nhà nước nằm trong tay giai cấp công nhân. Đó chính là "trường hợp của chúng tôi ngày nay".

[...] Chúng ta hãy bàn tiếp. Liệu có thể nào chúng tôi lùi lại một cái gì thuộc loại như một nền "chuyên chính phong kiến" được không? Hoàn toàn không thể được, vì từ từ, có những lúc gián đoạn, thỉnh thoảng có những bước lùi, chúng tôi vẫn đang tiến lên bằng cách đi theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước. Mà chính đó là con đường dẫn chúng tôi tiến lên phía trước, tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản (giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa xã hội), chứ tuyệt nhiên không phải đưa chúng tôi lùi lại chế độ phong kiến".

Trả lời phỏng vấn của A. Ran-xôm,
phóng viên báo "Người bảo vệ Man-se-xtơ", tr.305-306.

"Để nói rõ xem chúng tôi đã đi đến chính sách kinh tế mới như thế nào, tôi cần dẫn lại một bài tôi viết năm 1918. Hồi đầu năm 1918, chính trong một cuộc bút chiến ngắn, tôi đã đề cập đến vấn đề chúng tôi phải có thái độ như thế nào đối với chủ nghĩa tư bản nhà nước. Hồi ấy, tôi đã viết như sau:

"Chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ là *một bước tiến* so với tình hình hiện nay (tức là tình hình lúc đó) trong nước Cộng hoà xô-viết của chúng ta. Nếu chẳng hạn trong khoảng nửa năm nữa, mà ở nước ta đã thiết lập được chủ nghĩa tư bản nhà nước thì đó sẽ là thắng lợi to lớn và là điều bảo đảm chắc chắn nhất rằng qua một năm sau chủ nghĩa xã hội nước ta sẽ được củng cố hoàn toàn và trở nên vô địch".

Cố nhiên, những lời ấy đã được nói ra trong một thời kỳ mà chúng tôi chưa được tinh khôn như bây giờ, nhưng không phải là khờ khạo đến nỗi không biết xem xét những vấn đề như thế.

Như vậy là năm 1918, tôi đã có ý kiến cho rằng, đối với tình hình kinh tế hồi đó của nước Cộng hoà xô-viết, chủ nghĩa tư bản

nhà nước là một bước tiến. Điều đó có vẻ như kỳ lạ lắm, và có lẽ là phi lý nữa, vì ngay từ hồi đó, nước cộng hoà của chúng tôi đã là một nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa; lúc đó, mỗi ngày chúng tôi lại phải áp dụng một cách hết sức gấp rút — có lẽ gấp rút quá đáng nữa là khác — nhiều thứ biện pháp kinh tế mới mà người ta không thể gọi bằng cách nào khác hơn là biện pháp xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ rằng, xét tình hình kinh tế lúc bấy giờ của nước Cộng hoà xô-viết, thì chủ nghĩa tư bản nhà nước là một bước tiến. Và để giải thích ý nghĩ ấy, lúc đó tôi chỉ giản đơn nêu ra những thành phần trong chế độ kinh tế của nước Nga. Theo tôi, những thành phần kinh tế ấy là như sau: "1) hình thức nông nghiệp gia trưởng, tức là hình thức nông nghiệp nguyên thuỷ nhất; 2) nền sản xuất hàng hoá nhỏ (trong đó bao gồm cả đại đa số nông dân bán lúa mì); 3) chủ nghĩa tư bản tư nhân; 4) chủ nghĩa tư bản nhà nước và 5) chủ nghĩa xã hội". Tất cả những thành phần kinh tế ấy đều tồn tại trong nước Nga hồi đó. Tôi đã tự đặt cho mình nhiệm vụ nêu rõ mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế ấy, và tôi tự hỏi xem có nên coi một trong những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, cụ thể là chủ nghĩa tư bản nhà nước, là thành phần kinh tế cao hơn thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa không. Tôi nhắc lại: thật có vẻ rất kỳ lạ đối với tất cả mọi người, khi thấy rằng trong một nước cộng hoà tự xưng là xã hội chủ nghĩa, mà thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa lại được coi là thành phần kinh tế cao hơn, đứng trên thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng điều đó sẽ trở thành dễ hiểu, nếu các đồng chí nhớ lại rằng hồi đó chúng tôi tuyệt nhiên không coi chế độ kinh tế của nước Nga là một hệ thống kinh tế thuần nhất và phát triển cao độ; hồi đó chúng tôi hoàn toàn thấy rõ rằng ở nước Nga, nền nông nghiệp gia trưởng, tức là một hình thức nông nghiệp nguyên thuỷ nhất, vẫn còn tồn tại bên cạnh hình thức xã hội chủ nghĩa. Vậy trong những điều kiện ấy, chủ nghĩa tư bản nhà nước có thể đóng vai trò gì?

Rồi tôi lại tự hỏi: trong những thành phần kinh tế đó, cái nào chiếm ưu thế? Đương nhiên là trong một môi trường tiểu tư sản, thì chính thành phần tiểu tư sản là cái chiếm ưu thế. Lúc đó, tôi

liền nhận ra rằng thành phần tiểu tư sản chiếm ưu thế; không thể nghĩ khác thế được. Câu hỏi mà lúc đó tôi đã đặt ra cho mình, — trong một cuộc bút chiến không ăn nhập gì với vấn đề mà chúng ta đang bàn đến, — là như thế này: thái độ của chúng ta đối với chủ nghĩa tư bản nhà nước phải như thế nào? Và tôi tự trả lời: chủ nghĩa tư bản nhà nước, tuy không phải là một hình thức xã hội chủ nghĩa, nhưng đối với chúng tôi và đối với nước Nga, nó vẫn là một hình thức thuận lợi hơn là cái hình thức hiện nay. Thế nghĩa là gì? Nghĩa là, trong khi đã làm xong cuộc cách mạng xã hội rồi, chúng tôi vẫn không đánh giá quá cao những mầm mống cũng như những cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa; ngược lại, ngay từ hồi đó, chúng tôi cũng đã có ý thức đến một chừng mực nào đó, về cái chân lý sau đây: quả thật, tốt hơn là nên trước hết hãy thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước, để rồi, sau đó, đi đến chủ nghĩa xã hội".

Đại hội IV Quốc tế cộng sản, tr.324-326.

"Tôi nghĩ rằng, nói chung, tôi đã trình bày vắn tắt với các đồng chí — như tôi đã hứa — về những thành phần chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân của chúng tôi. Và tôi nghĩ rằng, từ tất cả những điều đó, ta có thể đi đến kết luận là chính sách kinh tế mới, ngay từ bây giờ đây, đã đem lại một kết quả tốt đẹp. Ngay từ bây giờ đây, chúng tôi đã có đủ chứng cớ nói lên rằng, với tư cách là nhà nước, chúng tôi đã có khả năng làm được công tác thương nghiệp, giữ được những vị trí vững chắc trong nông nghiệp và công nghiệp, và có khả năng tiến lên được. Hoạt động thực tiễn của chúng tôi đã chứng minh điều đó. Tôi thiết tưởng, trong lúc này, bấy nhiêu đó cũng đã đủ đối với chúng tôi. Chúng tôi còn rất nhiều cái cần phải học tập thêm nữa và chúng tôi hiểu là chúng tôi cần phải học tập thêm nữa. Chúng tôi nắm chính quyền đã được năm năm, và suốt trong năm năm ấy, chúng tôi ở vào hoàn cảnh chiến tranh. Như vậy là chúng tôi đã đạt được một thắng lợi.

Điều đó cũng dễ hiểu: vì nông dân đứng về phía chúng tôi. Khó có ai ủng hộ chúng tôi được hơn là nông dân. Họ đã hiểu rằng, sau

lưng những tên bạch vệ, là bọn địa chủ mà trên đời này họ căm thù hơn ai hết. Vì vậy, nông dân ủng hộ chúng tôi một cách hết sức nhiệt tình, hết sức toàn tâm toàn ý. Làm cho nông dân đứng ra bảo vệ chúng tôi chống lại bọn bạch vệ, không có gì là khó cả. Nông dân, vừa mới đây thôi, vốn là những người oán ghét chiến tranh, thế mà họ đã làm tất cả để phục vụ cuộc chiến tranh chống bọn bạch vệ, phục vụ cuộc nội chiến chống bọn địa chủ. Tuy vậy, như thế chưa phải là đã hết, bởi vì, về thực chất, vấn đề ở đấy chỉ là: chính quyền sẽ vẫn ở trong tay bọn địa chủ hay vào tay nông dân? Đối với chúng tôi, lúc đó như thế vẫn chưa đủ. Bây giờ nông dân hiểu rằng, chúng tôi đã cướp chính quyền cho công nhân, và mục đích của chúng tôi là thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa bằng chính quyền ấy. Vì vậy, điều quan trọng nhất đối với chúng tôi là chuẩn bị về mặt kinh tế cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi không thể chuẩn bị điều đó bằng biện pháp trực tiếp được. Chúng tôi đã buộc phải đi đường vòng. Chủ nghĩa tư bản nhà nước, như chúng tôi đã thiết lập trong nước chúng tôi, là một chủ nghĩa tư bản nhà nước đặc biệt. Nó khác hẳn với khái niệm thông thường về chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chúng tôi nắm tất cả các đòn bẩy chỉ huy; chúng tôi nắm ruộng đất; ruộng đất thuộc về nhà nước. Điều đó rất quan trọng, mặc dù những kẻ địch của chúng tôi cố ý xuyên tạc, để làm cho người ta tưởng rằng điều đó không có nghĩa gì cả. Không phải như thế đâu. Ruộng đất là của nhà nước, — việc đó có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, và cũng có một giá trị thực tiễn to lớn về mặt kinh tế. Chúng tôi đã đạt được điều đó và tôi phải nói rằng toàn bộ hoạt động sau này của chúng tôi phải được triển khai chỉ trong khuôn khổ ấy mà thôi. Chúng tôi đã làm cho nông dân nước chúng tôi vừa lòng, công nghiệp cũng như thương nghiệp của chúng tôi đang được hồi sinh. Tôi đã nói rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước của chúng tôi khác với chủ nghĩa tư bản nhà nước hiểu theo nghĩa đen, ở chỗ là nhà nước vô sản của chúng tôi, chẳng những nắm ruộng đất, mà còn nắm tất cả những bộ phận quan trọng nhất của công nghiệp nữa. Trước hết, chúng tôi chỉ cho trưng

thuê một bộ phận nhất định trong công nghiệp hạng nhỏ và hạng vừa, nhưng tất cả số còn lại vẫn ở trong tay chúng tôi. Còn về thương nghiệp, tôi cần nhấn mạnh thêm rằng chúng tôi đang cố gắng lập ra những công ty hợp doanh, và chúng tôi cũng đã bắt đầu thành lập rồi; đó là những công ty mà tiền vốn một phần là của tư bản tư nhân, ngoài ra của tư bản nước ngoài, và một phần là của chúng tôi. Như thế, một là, chúng tôi học tập làm công tác thương nghiệp — điều mà chúng tôi cần đến, — và hai là, chúng tôi vẫn có khả năng, khi thấy cần thiết, thủ tiêu một công ty như vậy được, mà có thể nói là không sợ có gì nguy hiểm cho chúng tôi cả. Ngược lại, chúng tôi học tập được nhà tư bản tư nhân, chúng tôi cố gắng tìm hiểu xem phải làm thế nào cho có thể tiến lên, và xem mình đã phạm những sai lầm gì. Tôi nghĩ có thể chỉ cần nói như thế cũng là đủ".

Đại hội IV Quốc tế cộng sản, tr.334-336.

"Trong điều kiện Chính quyền xô-viết, chủ nghĩa tư bản nhà nước — một trong những yếu tố cấu thành chủ yếu của chính sách kinh tế mới — là một thứ chủ nghĩa tư bản được giai cấp công nhân tự giác cho phép tồn tại và hạn chế. Chủ nghĩa tư bản nhà nước của chúng tôi khác về căn bản so với chủ nghĩa tư bản nhà nước ở những nước có chính phủ tư sản, sự khác biệt chính là ở chỗ nhà nước của chúng tôi không phải đại diện cho giai cấp tư sản mà đại diện cho giai cấp vô sản, một giai cấp đã giành được lòng tin hoàn toàn của nông dân.

Thật đáng tiếc, việc áp dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước ở nước chúng tôi không được tiến hành nhanh như chúng tôi mong muốn. Chẳng hạn, cho đến nay thực tế chưa thực hiện được một khoản tô nhượng quan trọng nào, vậy mà không có sự tham gia của tư bản nước ngoài vào việc phát triển nền kinh tế của chúng tôi thì không thể nhanh chóng khôi phục được nền kinh tế của chúng tôi".

Gửi khu di dân Nga ở Bắc Mỹ, tr.343-344.

"Thật vậy, ở nước ta, vì chính quyền nhà nước đã do giai cấp công nhân nắm, vì mọi tư liệu sản xuất đều do chính quyền nhà

nước nắm, nên trên thực tế, chúng ta chỉ còn có việc đưa nhân dân vào các hợp tác xã. Khi nhân dân đã vào hợp tác xã tới một mức đông nhất, thì chủ nghĩa xã hội — cái chủ nghĩa xã hội mà trước đây những người tin chắc một cách có lý vào tính tất yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh giành chính quyền, v.v., đã chế nhạo rất đúng, đã chê cười, khinh miệt, — tự nó sẽ được thực hiện. Nhưng không phải tất cả các đồng chí đều rõ rằng hiện nay, chế độ hợp tác xã đối với chúng ta ở Nga, có một ý nghĩa to lớn, vô hạn. Qua chính sách kinh tế mới, chúng ta đã nhượng bộ người nông dân được coi là thương nhân, nhượng bộ nguyên tắc thương nghiệp tư nhân; chính do đó mà có (trái với ý nghĩ của một số người) ý nghĩa lớn lao của chế độ hợp tác xã. Thực ra mà nói, tất cả những điều chúng ta phải làm, dưới chế độ chính sách kinh tế mới, là ở chỗ tập hợp những tầng lớp nhân dân Nga thật sâu rộng vào các hợp tác xã, vì hiện nay, chúng ta đã tìm ra được mức độ kết hợp lợi ích tư nhân, lợi ích thương nghiệp tư nhân với việc nhà nước kiểm soát và kiểm tra lợi ích đó, mức độ làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích chung, điều mà trước đây là nan giải đối với rất nhiều người xã hội chủ nghĩa. Thật vậy, chính quyền nhà nước chi phối những tư liệu sản xuất chủ yếu, giai cấp vô sản nắm chính quyền, giai cấp vô sản đó liên minh với hàng triệu tiểu nông và tiểu tiểu nông, giai cấp vô sản nắm vững quyền lãnh đạo nông dân, v.v., — phải chăng đó không phải là tất cả những điều cần thiết để có thể xây dựng từ chế độ hợp tác xã, và chỉ riêng từ chế độ hợp tác xã mà trước đây chúng ta khinh miệt nó vì coi là có tính chất con buôn, và giờ đây, dưới chính sách kinh tế mới, về một vài mặt nào đó, chúng ta vẫn có quyền coi như thế, — phải chăng đó không phải là tất cả những điều cần thiết để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn vẹn hay sao? Đó chưa phải là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng đó là tất cả những cái cần thiết và đầy đủ để tiến hành công việc xây dựng đó.

Đó chính là điều mà nhiều người công tác thực tiễn của chúng ta coi nhẹ. Họ khinh miệt chế độ hợp tác xã, họ không thấy được rằng chế độ ấy có một ý nghĩa đặc biệt trước hết là về phương diện

nguyên tắc (nhà nước nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất), sau nữa là về phương diện bước quá độ sang một chế độ mới bằng con đường *giản đơn nhất, dễ dàng nhất, dễ tiếp thu nhất đối với nông dân*".

Bàn về chế độ hợp tác xã, tr.421-422.

"Các đồng chí cho rằng không thể gọi một chế độ trong đó tư liệu sản xuất đã thuộc về giai cấp công nhân và chính quyền nhà nước cũng đã thuộc về giai cấp công nhân, là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Nhưng các đồng chí đó không thấy rằng tôi dùng danh từ "chủ nghĩa tư bản nhà nước": *thứ nhất* là để vạch rõ mối liên hệ lịch sử giữa lập trường của chúng ta hiện nay với lập trường của tôi trước đây trong lúc tranh luận chống những người cộng sản gọi là phái tả; ngay hồi đó, tôi cũng đã từng chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước cao hơn chế độ kinh tế tồn tại lúc này ở nước ta; hồi đó, điều quan trọng đối với tôi là quy định mối liên hệ kế thừa giữa chủ nghĩa tư bản nhà nước thông thường với chủ nghĩa tư bản nhà nước không thông thường, thậm chí còn khác thường nữa, mà tôi đã giới thiệu với bạn đọc trong khi trình bày chính sách kinh tế mới. *Thứ hai*, điều mà tôi luôn luôn quan tâm tới, là mục đích thực tiễn. Mà mục đích thực tiễn của chính sách kinh tế mới của ta là cấp những tô nhượng; trong điều kiện nước ta, tô nhượng dĩ nhiên phải là một hình thức thuần tuý của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Cần phải hiểu như vậy những lập luận của tôi về vấn đề chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Nhưng còn một phương diện khác của vấn đề, trong đó chúng ta có thể phải viện đến chủ nghĩa tư bản nhà nước, hoặc ít ra cũng cần phải viện đến một cái gần giống như chủ nghĩa tư bản nhà nước. Tôi muốn nói đến chế độ hợp tác xã.

Rõ ràng là, trong một nước tư bản chủ nghĩa, hợp tác xã là những tổ chức tư bản tập thể. Cũng rõ ràng là trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, đương lúc chúng ta kết hợp những xí nghiệp tư bản tư nhân (nhưng chỉ xây dựng trên đất đai thuộc về xã hội, và cũng chỉ dưới sự kiểm soát của chính quyền nhà nước

thuộc về giai cấp công nhân) với những xí nghiệp kiểu xã hội chủ nghĩa chính cống (tư liệu sản xuất thuộc về nhà nước; đất đai xây dựng xí nghiệp và toàn bộ xí nghiệp cũng thuộc về nhà nước) thì phát sinh ra vấn đề một kiểu xí nghiệp thứ ba, tức là xí nghiệp hợp tác xã, là loại xí nghiệp, trước đây, về phương diện nguyên tắc, chưa thành một loại riêng biệt. Dưới chủ nghĩa tư bản tư nhân, xí nghiệp hợp tác xã khác với xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, cũng như xí nghiệp tập thể khác với xí nghiệp tư nhân. Dưới chủ nghĩa tư bản nhà nước, xí nghiệp hợp tác xã khác với xí nghiệp tư bản nhà nước, trước hết ở chỗ nó là xí nghiệp tư nhân, sau nữa ở chỗ nó là xí nghiệp tập thể. Dưới chế độ hiện nay của chúng ta, xí nghiệp hợp tác xã khác với xí nghiệp tư bản tư nhân, ở chỗ nó là xí nghiệp tập thể, nhưng nó không khác xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, nếu miếng đất trên đó nó được xây dựng và những tư liệu sản xuất đều thuộc về nhà nước, nghĩa là về giai cấp công nhân.

Đó là một điểm mà ở nước ta, trong lúc bàn về hợp tác xã, người ta không chú ý đầy đủ. Người ta quên mất rằng do đặc điểm của chế độ chính trị nước ta mà hợp tác xã ở nước ta có một ý nghĩa hết sức đặc biệt. Nếu không kể những tô nhượng, — nhân tiện cũng nói thêm là những tô nhượng đó ở nước ta không phát triển rộng lắm, — thì thường thường trong hoàn cảnh nước ta, chế độ hợp tác xã là hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa xã hội.

[...] Xét về nhiệm vụ cơ bản của thời đại chúng ta, chắc chắn là chúng ta có lý, vì không có đấu tranh giai cấp để giành lấy chính quyền nhà nước thì không thể thực hiện chủ nghĩa xã hội được.

Nhưng các bạn hãy xem, tình hình đã thay đổi biết bao, khi chính quyền nhà nước đã thuộc về giai cấp công nhân, quyền lực chính trị của bọn bóc lột đã bị lật đổ, và mọi tư liệu sản xuất đã nằm trong tay giai cấp công nhân (chỉ trừ những tư liệu sản xuất mà nhà nước công nhân còn tự nguyện giao cho bọn bóc lột, theo chính sách tô nhượng, trong một thời gian và với những điều kiện nào đó).

Ngày nay, chúng ta có quyền nói rằng đối với chúng ta, sự phát triển đơn thuần của chế độ hợp tác là đồng nhất (có tính đến ngoại

lệ "nhỏ" đã nói trên kia) với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội; và đồng thời chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản. Sự thay đổi căn bản đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác của chúng ta vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền, v.v.. Ngày nay, trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hoà bình tổ chức "văn hoá". Tôi dám quả quyết rằng trọng tâm của chúng ta đã chuyển sang hoạt động giáo dục, nếu không có những mối quan hệ quốc tế, không có nghĩa vụ phải bảo vệ vị trí của ta trên phạm vi quốc tế. Nhưng nếu gác tình hình quốc tế ra mà chỉ nói đến quan hệ kinh tế trong nước của chúng ta thì trọng tâm công tác của chúng ta hiện nay quả thật là xoáy vào hoạt động giáo dục".

Bàn về chế độ hợp tác xã, tr.426-428.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Phần thứ nhất: TRÍCH NỘI DUNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN	7
Tập 2	9
Tập 3	12
Tập 4	49
Tập 6	101
Tập 7	116
Tập 9	118
Tập 10	119
Tập 12	120
Tập 13	121
Tập 16	124
Tập 18	126
Tập 19	129
Tập 20	139
Tập 21	160
Tập 22	164
Tập 23	168
Tập 25, phần I	177
Tập 25, phần II	181
Tập 26, phần I	210
Tập 26, phần II	217
Tập 26, phần III	218
Tập 27	223
Tập 31	236
Tập 35	238

Tập 39 239
Tập 42 240
Tập 46, Phần I 246
Tập 46, Phần II 261
Tập 47 280
Tập 48 286
Tập 49 290

Phần thứ hai:
TRÍCH NỘI DUNG VỀ MỐI QUAN HỆ
GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT
TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I. LÊNIN 301

Tập 1 303
Tập 2 331
Tập 3 341
Tập 4 361
Tập 5 363
Tập 6 366
Tập 7 368
Tập 10 370
Tập 12 371
Tập 15 372
Tập 16 374
Tập 17 379
Tập 19 385
Tập 20 387
Tập 23 389
Tập 26 393
Tập 27 395
Tập 29 399
Tập 30 400
Tập 31 401
Tập 32 402
Tập 33 407
Tập 34 412

Tập 35 414
Tập 36 416
Tập 37 442
Tập 38 444
Tập 39 473
Tập 41 483
Tập 42 485
Tập 43 490
Tập 44 556
Tập 45 585

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH
CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GS.TSKH. Lê Du Phong (Chủ biên)

CÁC RÀO CẢN VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

William H. Janeway

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG NỀN KINH TẾ ĐỔI MỚI - THỊ TRƯỜNG, ĐẦU CƠ VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC

Robert D. Atkinson và Stephen J. Ezell

KINH TẾ HỌC ĐỔI MỚI: CUỘC ĐUA GIÀNH LỢI THẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN CẦU

ISBN 978-604-57-5230-2
9 786045 752302
8935279117017
Giá: 230.000đ